KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 1
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 1: TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng các tiếng trong bài; bước đầu biết đọc đúng lời kể chuyện và lời nói trực tiếp của nhân vật.
- Hiểu nội dung bài: cảm xúc háo hức, vui vẻ của bạn nhỏ và các bạn học sinh trong ngày khai giảng lớp 2.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; luyện nói được lời chào tạm biệt, lời chào thầy cô, bạn bè.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, chuẩn bị nội dung chia sẻ về ngày khai giảng.
- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe, trao đổi trong nhóm đôi, nhóm ba và trình bày ý kiến rõ ràng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn tranh phù hợp với đoạn đọc, vận dụng lời chào trong tình huống thực tế.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: yêu quý bạn bè, biết quan tâm, chúc mừng bạn trong năm học mới.
- Chăm chỉ: tích cực đọc bài, luyện đọc từ khó, câu dài.
- Trách nhiệm: có ý thức chuẩn bị đồ dùng, thực hiện nền nếp khi đến trường.

4. Tích hợp:

- KNS: Giáo dục học sinh tình cảm quý mến bạn bè khi đến trường; biết chào hỏi, nói lời thân thiện, chúc bạn vui vẻ trong năm học mới.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Máy tính, ti vi/máy chiếu, tranh minh họa trong SGK, phiếu nhỏ "Tặng lời chúc cho bạn".
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, bảng con/bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 **1. Khởi động (5 phút)** *Mục tiêu: Phỏng đoán được nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa; tạo tâm thế vui vẻ trước khi vào bài.*	
- GV ổn định lớp, yêu cầu HS quan sát tranh minh họa SGK trang 10 và nêu những hình ảnh mình nhìn thấy. - Em đã chuẩn bị những gì để đón ngày khai giảng?	- HS quan sát tranh, nêu: sân trường có cờ Tổ quốc, cô giáo đứng đón học sinh, các bạn mặc đồng phục, đeo cặp và vui vẻ gặp nhau. - HS trả lời: Em chuẩn bị sách vở, bút, cặp, đồng phục; em cảm thấy háo hức, vui và muốn gặp thầy cô, bạn bè.

- GV giới thiệu bài: Bức tranh cho thấy các bạn nhỏ rất vui khi đến trường. Hôm nay, cô và các em sẽ đọc bài Tôi là học sinh lớp 2 để hiểu niềm vui, sự háo hức của bạn nhỏ trong ngày khai giảng và học cách chào hỏi thân thiện.	- HS mở SGK trang 10, chuẩn bị đọc bài và xác định tên bài: Tôi là học sinh lớp 2.
- GV kết luận: Khi đến trường, các em cần chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, giữ tâm thế vui vẻ, biết chào hỏi thầy cô và bạn bè bằng lời nói lễ phép, thân thiện.	- HS nêu lại: Em cần chuẩn bị sách vở, mặc đồng phục gọn gàng, chào thầy cô, chào bạn và vui vẻ vào lớp.
2. Khám phá kiến thức *Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (20 phút) *Mục tiêu: HS đọc đúng tiếng, từ khó; biết ngắt nghỉ ở câu dài và đọc đoạn theo nhóm.*	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị lắng nghe, mở SGK bài Tôi là học sinh lớp 2.
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhanh, vui, thể hiện sự háo hức của bạn nhỏ khi đến trường; nhấn giọng ở các từ: vùng dậy, chuẩn bị xong, rối rít, ríu rít.	- HS nghe GV đọc mẫu, dùng mắt theo dõi bài đọc trong SGK và chú ý giọng đọc vui, háo hức.
b. HS luyện đọc đoạn, kết hợp đọc từ khó, câu khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị đọc đoạn, đọc từ khó và nêu từ ngữ chưa hiểu.
- GV hướng dẫn chia bài thành 3 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến "sớm nhất lớp"; đoạn 2 tiếp theo đến "cùng các bạn"; đoạn 3 phần còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu 3 đoạn trong SGK đúng theo hướng dẫn.
- HDHS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1; GV sửa phát âm các từ khó: loáng, rối rít, ríu rít, rụt rè, níu, lớn bổng.	- HS đọc nối tiếp đoạn; HS đọc lại các từ khó theo mẫu: loáng, rối rít, ríu rít, rụt rè, níu, lớn bổng.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc câu dài: "Nhưng vừa đến cổng trường,/ tôi đã thấy mấy bạn cùng lớp/ đang ríu rít nói cười/ ở trong sân."	- HS đọc câu dài, ngắt nghỉ sau "cổng trường", "cùng lớp", "nói cười" và đọc với giọng tự nhiên.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị luyện đọc trong nhóm ba.
- Tổ chức cho HS luyện đọc nhóm ba; mỗi bạn đọc một đoạn, hai bạn còn lại lắng nghe và góp ý nhẹ nhàng về phát âm, tốc độ, giọng đọc.	- HS luyện đọc nhóm ba; mỗi bạn đọc một đoạn và góp ý cho bạn bằng lời: Bạn đọc rõ hơn. Bạn cần ngắt nghỉ sau dấu phẩy.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- GV gọi 2 - 3 HS đọc toàn bài; GV nhận xét, tuyên dương HS đọc tiến bộ.	- 2 - 3 HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi và nhận xét giọng đọc.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Khắc sâu cách đọc đã học; chuẩn bị tốt cho tiết học tiếp theo.*	

- GV yêu cầu HS nhắc lại giọng đọc của nhân vật trong bài. - Dặn dò: Về nhà luyện đọc lại bài Tôi là học sinh lớp 2 cho người thân nghe.	- HS nêu: Cần đọc giọng vui, háo hức; lời nhân vật đọc tự nhiên, rõ cảm xúc. - HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện đọc ở nhà.
TIẾT 2 **Hoạt động 2: Đọc hiểu (25 phút)** *Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK, hiểu niềm vui của bạn nhỏ trong ngày khai giảng lớp 2. Mục tiêu tích hợp: HS biết chào hỏi, nói lời thân thiện, chúc bạn vui vẻ trong năm học mới.*	
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời: Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai giảng? – Níu: nắm lấy và kéo lại, kéo xuống. – Lớn bổng: lớn nhanh, vượt hẳn lên. 1. Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất háo hức đến trường vào ngày khai trường? a. vùng dậy b. muốn đến sớm nhất lớp c. chuẩn bị rất nhanh d. thấy mình lớn bổng lên 2. Bạn ấy có thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp không? Vì sao? 3. Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2? 4. Tìm tranh thích hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.	- HS trả lời: Các chi tiết là bạn nhỏ vùng dậy, chuẩn bị rất nhanh và muốn đến sớm nhất lớp.
- GV tổ chức cho HS đọc thầm đoạn 2 và trả lời: Bạn ấy có thực hiện được mong muốn đến sớm nhất lớp không? Vì sao?	- HS trả lời: Bạn ấy không đến sớm nhất lớp, vì khi bạn đến cổng trường đã có mấy bạn cùng lớp đang ríu rít nói cười trong sân.
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 3 và trả lời: Bạn ấy nhận ra mình thay đổi như thế nào khi lên lớp 2?	- HS trả lời: Bạn ấy thấy mình lớn bổng lên, đã là học sinh lớp 2 và không còn rụt rè như các em lớp 1.
- GV hướng dẫn HS quan sát 3 tranh nhỏ SGK trang 11, đọc yêu cầu: Tìm tranh thích hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.	- HS quan sát tranh, trao đổi nhóm 2 và nêu: đoạn 1 phù hợp tranh 3, đoạn 2 phù hợp tranh 2, đoạn 3 phù hợp tranh 1.
- Tích hợp KNS: GV hỏi dẫn: Khi gặp bạn trong ngày đầu năm học, em có thể nói lời gì để bạn thấy vui và gần gũi hơn? - GV diễn giải: Khi biết chào hỏi, chúc mừng, động viên và đáp lời cảm ơn, các em đang rèn kĩ năng giao tiếp tích cực; điều đó giúp lớp học thân thiện, các bạn mạnh dạn hơn và tình bạn ngày càng đẹp.	- HS nói lời chúc với bạn: Mình chúc bạn năm học mới chăm ngoan, học tốt. HS đáp lại: Cảm ơn bạn, mình cũng chúc bạn học vui. - HS điều chỉnh lời nói: chào rõ ràng, nhìn vào bạn, nói vừa đủ nghe và biết cảm ơn khi nhận lời chúc.
- GV kết luận: Bài đọc cho thấy niềm vui của bạn nhỏ khi lên lớp 2; các em cần yêu quý bạn bè, biết chào hỏi, động viên nhau để mỗi ngày đến trường là một ngày vui.	- HS nhắc lại: Bạn nhỏ háo hức đến trường; em cần yêu quý bạn bè, chào hỏi thân thiện và học tập chăm chỉ.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại (7 phút) *Mục tiêu: HS đọc lại bài với giọng phù hợp; luyện đọc lời nhân vật rõ cảm xúc.*	
- GV đọc diễn cảm một đoạn, nhắc HS phân biệt giọng người kể chuyện và lời nói trực tiếp của nhân vật: "Con muốn đến lớp sớm nhất."	- HS đọc lại lời nhân vật với giọng vui, nhanh và rõ cảm xúc háo hức.

- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 3 và thi đọc trước lớp.	- HS luyện đọc nhóm 3; đại diện nhóm đọc trước lớp, HS khác nhận xét.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Luyện nói lời chào trong các tình huống quen thuộc.*	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc. *Mục tiêu: HS chọn đúng từ ngữ, nói lời chào phù hợp trong các tình huống.*	
Bài tập 1: Từ nào dưới đây nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường? a. ngạc nhiên; b. háo hức; c. rụt rè.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 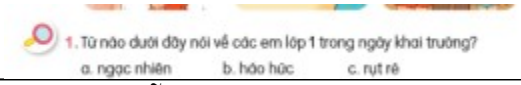 1. Từ nào dưới đây nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường? a. ngạc nhiên b. háo hức c. rụt rè	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định cần chọn từ nói về các em lớp 1 trong ngày khai trường.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, khoanh chọn đáp án trong SGK/VBT.	- HS làm việc cá nhân và chọn đáp án c: rụt rè.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS trình bày: Các em lớp 1 rụt rè vì còn níu chặt tay bố mẹ. - HS đối chiếu, sửa bài.
- GV kết luận: Các em biết dựa vào chi tiết trong bài đọc để chọn từ ngữ phù hợp.	- HS ghi nhớ cách tìm từ dựa vào nội dung bài đọc.
Bài tập 2: Thực hiện các yêu cầu: a. Nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường; b. Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp; c. Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 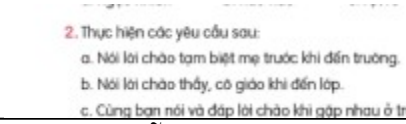 2. Thực hiện các yêu cầu sau: a. Nói lời chào tạm biệt mẹ trước khi đến trường. b. Nói lời chào thầy, cô giáo khi đến lớp. c. Cùng bạn nói và đáp lời chào khi gặp nhau ở trường.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại từng tình huống cần nói lời chào.	- HS lắng nghe, xác định lời chào phù hợp với mẹ, thầy cô và bạn bè.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, đóng vai nói lời chào và đáp lời chào.	- HS làm việc nhóm 2, đóng vai: Con chào mẹ, con vào lớp ạ; Em chào cô ạ; Chào bạn, mình rất vui được gặp bạn.
- GV mời các nhóm trình bày trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt cách nói phù hợp.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét. - HS sửa lời chào cho lễ phép, thân thiện và tự nhiên hơn.
- GV kết luận: Lời chào thể hiện sự lễ phép, thân thiện; các em cần dùng lời chào phù hợp với mẹ, thầy cô và bạn bè mỗi ngày.	- HS nêu lại một lời chào phù hợp và thực hiện chào bạn bên cạnh.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Hệ thống nội dung bài học và giao nhiệm vụ vận dụng.*	
- Hôm nay các em học bài gì? Bài đọc giúp em hiểu điều gì về ngày khai giảng lớp 2? - Dặn dò: Về nhà đọc lại bài cho người thân nghe và thực hiện ít nhất 3 lời chào thân thiện.	- HS trả lời: Hôm nay học bài Tôi là học sinh lớp 2; bài đọc giúp em hiểu ngày khai giảng lớp 2 rất vui, ai cũng háo hức đến trường. - HS ghi nhiệm vụ: đọc bài ở nhà và thực hành 3 lời chào thân thiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

BÀI 1: TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA A

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết đúng chữ hoa A cỡ vừa và cỡ nhỏ theo quy trình.
- Viết đúng câu ứng dụng: "Ánh nắng tràn ngập sân trường."
- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát mẫu chữ, tự điều chỉnh nét viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời góp ý nhẹ nhàng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: kiên trì luyện từng nét chữ.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ vở sạch, chữ đẹp.

4. Tích hợp:

- Giáo dục bảo vệ môi trường: Qua câu ứng dụng "Ánh nắng tràn ngập sân trường", giáo dục HS giữ vệ sinh lớp học, bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây xanh để sân trường luôn xanh - sạch - đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Mẫu chữ hoa A, tranh/cụm câu ứng dụng trong SGK, máy chiếu hoặc ti vi.
- HS: Vở Tập viết, bảng con, phấn/bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối với tiết tập viết.*	
- GV cho cả lớp hát một bài ngắn về trường lớp, sau đó hỏi: Trong tên bài Tôi là học sinh lớp 2, chữ cái nào được viết hoa ở đầu câu hoặc đầu tên bài?	- HS hát và trả lời: Chữ T trong "Tôi" được viết hoa vì đứng đầu tên bài, đầu câu.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, cô và các em sẽ luyện viết chữ hoa A, sau đó viết câu ứng dụng Ánh nắng tràn ngập sân trường thật đúng, đẹp.	- HS chuẩn bị bảng con, vở Tập viết và đọc thầm yêu cầu bài viết.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) *Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ thuật viết chữ hoa A.*	
Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa. *Mục tiêu: HS quan sát mẫu, nêu cấu tạo và luyện viết đúng chữ hoa A.*	
Bài tập 1: Viết chữ hoa A.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại	- HS lắng nghe, xác định cần viết đúng chữ hoa

yêu cầu trọng tâm của đề bài.	A cỡ vừa và cỡ nhỏ.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát mẫu chữ hoa A trong SGK trang 12 và trả lời: Chữ hoa A cao mấy li? Gồm những nét nào?	- HS làm việc cá nhân; trả lời: Chữ hoa A cao 5 li, gồm nét móc ngược trái, nét móc ngược phải và nét lượn ngang.
- GV viết mẫu chữ hoa A trên bảng và nêu quy trình: đặt bút ở đường kẻ ngang 2, hơi lệch về bên trái; đưa bút lượn lên tạo nét móc ngược trái, chạm gần đường kẻ ngang 6; tiếp tục lượn xuống sát đường kẻ ngang 1 rồi đưa bút lên tạo nét móc ngược phải; dừng bút ở đường kẻ ngang 2; sau đó lia bút viết nét lượn ngang ở giữa thân chữ, cân đối hai bên.	- HS quan sát quy trình, dùng ngón tay viết mô phỏng: đặt bút, đưa bút lên - xuống đúng hướng, dừng bút đúng vị trí và viết nét lượn ngang cân đối ở giữa thân chữ.
- GV yêu cầu HS viết chữ hoa A vào bảng con; quan sát và sửa lỗi về điểm đặt bút, hướng đưa bút, độ cao 5 li, độ rộng thân chữ, vị trí nét lượn ngang và điểm dừng bút.	- HS viết chữ hoa A trên bảng con, giơ bảng; HS tự sửa lỗi nếu đặt bút quá thấp, đưa nét chưa mềm, nét lượn ngang lệch hoặc chữ chưa cân đối.
- GV kết luận: Chữ hoa A cần viết đúng độ cao, nét mềm mại và cân đối; khi viết chậm, các em sẽ dễ sửa lỗi hơn.	- HS nhắc lại: Em cần viết chữ A cao đúng, nét đều và cân đối.
3. Thực hành (13 phút) *Mục tiêu: Giúp HS viết đúng câu ứng dụng và biết giữ sân trường xanh - sạch - đẹp.*	
Hoạt động 2: Viết câu ứng dụng. *Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng, đúng khoảng cách, dấu thanh và dấu câu.*	
Bài tập 2: Viết ứng dụng: "Ánh nắng tràn ngập sân trường."	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 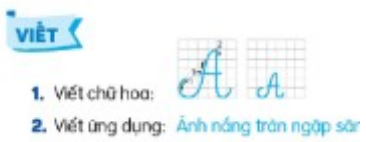 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập; yêu cầu HS nhận xét chữ viết hoa, khoảng cách giữa các tiếng và dấu chấm cuối câu.	- HS đọc câu ứng dụng; nêu: Chữ "Ánh" viết hoa chữ A có dấu sắc; giữa các tiếng cách một con chữ o; cuối câu có dấu chấm.
- Tích hợp bảo vệ môi trường: GV hỏi dẫn: Muốn sân trường luôn đẹp dưới ánh nắng, chúng ta cần làm gì mỗi ngày? - GV diễn giải: Sân trường sạch đẹp không tự có, mà do mỗi học sinh biết bỏ rác đúng nơi quy định, không bẻ cành, không giẫm lên bồn hoa, biết nhặt giấy vụn, tiết kiệm nước khi rửa tay và cùng chăm sóc cây xanh.	- HS nêu việc làm: Em bỏ rác vào thùng, nhặt giấy vụn, không hái hoa, không bẻ cành, tiết kiệm nước và nhắc bạn giữ vệ sinh sân trường.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết vào vở một dòng chữ hoa A cỡ vừa, một dòng chữ hoa A cỡ nhỏ và câu ứng dụng.	- HS ngồi thẳng lưng, cầm bút đúng, viết từng dòng vào vở và tự kiểm tra khoảng cách chữ.
- GV mời HS trình bày vở đẹp; GV nhận xét, sửa bài và chốt cách trình bày.	- HS nghe nhận xét, sửa chữ chưa đúng độ cao hoặc khoảng cách giữa các tiếng.
- GV kết luận: Viết đẹp cần kiên trì; giữ sân trường sạch đẹp cũng cần sự tự giác của từng bạn mỗi ngày.	- HS nêu lại: Em viết cẩn thận và biết giữ sân trường sạch đẹp.

4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố quy trình viết chữ hoa A và câu ứng dụng.*	
- Khi nào em cần viết hoa chữ A? Câu ứng dụng hôm nay nhắc em điều gì về sân trường? - Dặn dò: Về nhà viết thêm 1 dòng chữ hoa A và thực hiện một việc giữ vệ sinh lớp học hoặc sân trường.	- HS trả lời: Em viết hoa chữ A khi đứng đầu câu, đầu tên riêng; câu ứng dụng nhắc em yêu sân trường và giữ vệ sinh trường lớp. - HS ghi nhiệm vụ: luyện viết chữ A và bỏ rác đúng nơi quy định.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

BÀI 1: TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 2

TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: NHỮNG NGÀY HÈ CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được các sự việc trong tranh minh họa về kì nghỉ hè.
- Nói được điều đáng nhớ trong kì nghỉ hè của bản thân; biết diễn đạt cảm xúc khi trở lại trường.
- Viết được 2 - 3 câu ngắn về những ngày hè của em.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị nội dung chia sẻ về kì nghỉ hè của mình.
- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bạn kể, đặt câu hỏi và nhận xét tích cực.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: yêu thương, gắn bó với gia đình, bạn bè.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ an toàn khi vui chơi trong kì nghỉ hè.

4. Tích hợp:

- KNS: Giáo dục HS kĩ năng phòng chống đuối nước khi vui chơi trong kì nghỉ hè: không tự ý tắm sông, ao, hồ; đi bơi phải có người lớn; mặc áo phao khi cần; không nô đùa, xô đẩy dưới nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa hoạt động mùa hè trong SGK, máy chiếu hoặc ti vi, thẻ tình huống an toàn khi vui chơi.
- HS: SGK, vở ô li, nội dung chuẩn bị kể về kì nghỉ hè.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú, gợi nhớ trải nghiệm mùa hè của HS.*	
- GV tổ chức trò chơi "Một kỉ niệm mùa hè": mỗi HS nói nhanh một từ hoặc cụm từ gợi nhớ kì nghỉ hè như biển, quê, đọc sách, đá bóng, thăm ông bà.	- HS lần lượt nêu: đi biển, về quê, thăm ông bà, đá bóng, đọc truyện, chơi cùng anh chị.
- GV giới thiệu bài: Trong tiết Nói và nghe hôm nay, các em sẽ quan sát tranh, kể về điều đáng nhớ nhất trong kì nghỉ hè và nói cảm xúc của mình khi trở lại trường.	- HS mở SGK trang 12, chuẩn bị quan sát tranh và nhớ lại kỉ niệm mùa hè của mình.
2. Khám phá (15 phút) *Mục tiêu: Kể được điều đáng nhớ trong kì nghỉ hè theo gợi ý của SGK.*	
Hoạt động 1: Quan sát tranh và kể theo gợi ý. *Mục tiêu: HS kể được điều đáng nhớ trong kì nghỉ hè theo gợi ý của SGK.*	
Bài tập 1: Kể về điều đáng nhớ nhất trong	

kì nghỉ hè của em.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập; gợi hỏi: Nghỉ hè, em được đi những đâu? Em được tham gia những hoạt động nào? Em nhớ nhất điều gì?	- HS quan sát tranh và nêu: có bạn đi về quê ven sông, có bạn đi biển, có bạn đá bóng; em có thể kể về đi thăm ông bà, đi bơi, đọc sách hoặc chơi thể thao.
- GV làm mẫu ngắn, sau đó yêu cầu HS làm việc nhóm 2, mỗi bạn kể 3 - 4 câu; bạn nghe đặt một câu hỏi lịch sự.	- HS kể trong nhóm 2: Hè em về quê ngoại. Em được câu cá với anh trai. Em nhớ nhất buổi tối cả nhà ăn cơm chung. Em rất vui.
- GV mời HS trình bày trước lớp; GV nhận xét, sửa bài về nội dung, giọng nói và cách đặt câu hỏi.	- HS kể trước lớp; HS khác đặt câu hỏi: Bạn đi cùng ai? Bạn nhớ nhất điều gì? Bạn cảm thấy thế nào?
- Tích hợp KNS: GV hỏi dẫn: Trong tranh có hoạt động vui chơi ở biển, ở gần sông. Khi vui chơi gần nước, điều gì có thể nguy hiểm? - GV diễn giải chi tiết: Nước ở sông, ao, hồ, biển có thể sâu, có dòng chảy mạnh hoặc có chỗ trơn trượt. Học sinh lớp 2 tuyệt đối không tự ý đi tắm sông, ao, hồ; không rủ bạn ra bờ kênh, hồ nước chơi một mình; khi đi bơi phải có người lớn đi cùng, chọn nơi an toàn, mặc áo phao khi cần; không xô đẩy, nô đùa dưới nước; nếu thấy bạn gặp nguy hiểm thì không tự nhảy xuống cứu mà phải kêu to, gọi người lớn, tìm vật nổi hoặc cây dài để hỗ trợ an toàn.	- HS trả lời: Nguy hiểm là nước sâu, trơn trượt, bị đuối nước. HS nêu cách phòng tránh: không tự đi bơi, có người lớn đi cùng, mặc áo phao, không xô đẩy, gọi người lớn khi thấy nguy hiểm.
- GV đưa tình huống: Bạn rủ em ra ao gần nhà chơi một mình. Em sẽ nói gì và làm gì?	- HS đáp: Mình không đi đâu, nguy hiểm lắm. Chúng mình phải xin phép người lớn và chỉ chơi ở nơi an toàn.
- GV kết luận: Vui chơi mùa hè rất đáng nhớ, nhưng an toàn là quan trọng nhất; biết từ chối điều nguy hiểm là một kĩ năng sống cần thiết.	- HS nhắc lại: Em không tự ý chơi gần ao, hồ, sông, biển; em biết gọi người lớn khi cần giúp đỡ.
3. Thực hành (10 phút) *Mục tiêu: Viết được 2 - 3 câu ngắn, đúng nội dung đã nói.*	
Hoạt động 2: Viết 2 - 3 câu về những ngày hè. *Mục tiêu: HS viết được 2 - 3 câu ngắn về kì nghỉ hè của em.*	

Bài tập 2: Em cảm thấy thế nào khi trở lại trường sau kì nghỉ hè? Viết 2 - 3 câu về những ngày hè của em.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 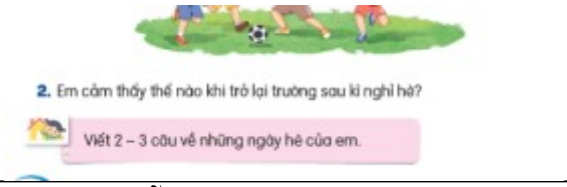 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập; gợi ý: hè em đi đâu hoặc làm gì; em nhớ nhất điều gì; em cảm thấy thế nào.	- HS trả lời: Em cảm thấy vui, háo hức, nhớ bạn bè và thầy cô khi trở lại trường.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết 2 - 3 câu vào vở.	- HS viết: Hè vừa rồi, em về quê thăm ông bà. Em được chơi đá bóng với anh họ. Em rất vui và mong hè sau lại được về quê.
- GV mời HS đọc bài viết, nhận xét việc viết hoa đầu câu, dùng dấu chấm cuối câu và diễn đạt cảm xúc. - GV nhận xét, sửa bài và chốt cách viết.	- HS đọc bài viết, sửa lỗi thiếu dấu chấm hoặc câu chưa rõ ý theo góp ý của GV.
- GV kết luận: Câu viết tốt cần ngắn gọn, đúng trải nghiệm của em và thể hiện được cảm xúc thật.	- HS hoàn thiện bài viết 2 - 3 câu trong vở.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố cách kể, viết về kì nghỉ hè và nhắc lại quy tắc an toàn.*	
- Khi kể về kì nghỉ hè, em cần nói những ý nào? Khi vui chơi gần nước, em cần nhớ điều gì? - Dặn dò: Về nhà kể lại kỉ niệm hè cho người thân nghe và cùng người thân thống nhất một quy tắc an toàn khi đi chơi.	- HS trả lời: Em nói đi đâu, làm gì, nhớ nhất điều gì, cảm xúc ra sao; em không tự ý chơi gần nước và phải có người lớn khi đi bơi. - HS ghi nhiệm vụ: kể lại kỉ niệm hè và nhớ quy tắc không tự ý tắm sông, ao, hồ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

BÀI 2: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng các tiếng, từ ngữ trong bài thơ; biết ngắt nghỉ theo nhịp thơ.
- Hiểu nội dung bài: cần biết quý trọng thời gian, chăm chỉ học tập, lao động; nếu để thời gian trôi qua sẽ không lấy lại được.
- Trả lời được câu hỏi trong bài; phát triển vốn từ chỉ người, chỉ vật và biết đặt câu đơn giản.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: biết chia sẻ suy nghĩ khi luyện đọc và trao đổi nội dung bài.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng bài học để sắp xếp, sử dụng thời gian hợp lí.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc khổ thơ yêu thích.
- Trách nhiệm: biết quý trọng và sử dụng thời gian hợp lí.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: Giúp HS biết quý trọng thời gian; biết sử dụng mỗi ngày để học tập, lao động và làm việc có ích.
- KNS: Rèn kĩ năng sử dụng thời gian hợp lí; biết sắp xếp việc học, việc nhà, nghỉ ngơi, vui chơi phù hợp.
- Quyền trẻ em/quyền con người: HS nhận biết quyền được học tập, được phát triển và trách nhiệm sử dụng thời gian học tập một cách có ích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa bài thơ trong SGK, bảng phụ ghi khổ thơ cần luyện đọc, máy chiếu/ti vi, thẻ "Việc có ích hôm nay".
- HS: SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 **1. Khởi động (5 phút)** *Mục tiêu: Gợi nhớ việc đã làm trong ngày hôm qua và dẫn vào chủ đề quý trọng thời gian.*	
- GV hỏi: Ngày hôm qua, em đã làm những việc gì ở nhà hoặc ở trường? - GV cho HS quan sát tranh SGK trang 13, nêu yêu cầu SGK: Kể lại những việc em đã làm ngày hôm qua. ĐỌC Kể lại những việc em đã làm ngày hôm qua. NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI? Em cầm tờ lịch cũ: – Ngày hôm qua đâu rồi? Ra ngoài sân hỏi bố Xoa đầu em, bố cười. – Ngày hôm qua ở lại Trên cành hoa trong vườn Nụ hồng lớn lên mãi Đợi đến ngày toả hương. – Ngày hôm qua ở lại Trong hạt lúa mẹ trồng Cánh đồng chờ gặt hái Chín vàng màu ước mong. – Ngày hôm qua ở lại Trong vở hồng của con Con học hành chăm chỉ Là ngày qua vẫn còn. (Bế Kiến Quốc)	- HS trao đổi nhóm 2: Em đi học, đọc bài, phụ mẹ xếp quần áo, tưới cây, chơi thể thao và ngủ đúng giờ. - HS quan sát tranh và nêu: bạn nhỏ cầm tờ lịch cũ, hỏi bố; tranh còn có hình cánh đồng, bông hoa, bạn học bài và bạn chăm cây.
- GV giới thiệu bài: Có một bạn nhỏ cầm tờ lịch cũ và hỏi: Ngày hôm qua đâu rồi? Hôm nay, chúng ta sẽ đọc bài thơ để hiểu ngày hôm qua có còn lại không và vì sao chúng ta cần quý trọng thời gian.	- HS mở SGK trang 13, xác định tên bài Ngày hôm qua đâu rồi? và chuẩn bị đọc.
2. Khám phá kiến thức *Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (20 phút) *Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ; biết ngắt nghỉ theo dòng thơ và khổ thơ.*	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị lắng nghe, mở SGK bài Ngày hôm qua đâu rồi?.
- GV đọc mẫu bài thơ với giọng nhẹ nhàng,	- HS nghe GV đọc, theo dõi từng dòng thơ

chậm rãi; nhấn giọng ở các cụm: "ngày hôm qua đâu rồi", "ở lại", "học hành chăm chỉ", "vẫn còn".	trong SGK và chú ý nhịp đọc.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng khổ thơ.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: lịch cũ, xoa đầu, nụ hồng, tỏa hương, gặt hái, ước mong, học hành chăm chỉ.	- HS đọc cá nhân và đồng thanh các từ khó; sửa phát âm ở các tiếng "lịch", "gặt", "chăm chỉ".
- GV hướng dẫn ngắt nhịp một số dòng thơ: "Ngày hôm qua/ đâu rồi?"; "Trong vở hồng/ của con"; "Con học hành/ chăm chỉ".	- HS đọc lại các dòng thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp và không đọc liền mạch quá nhanh.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc theo nhóm 4.
- GV tổ chức đọc nối tiếp từng khổ thơ theo nhóm 4; mỗi HS đọc một khổ, bạn nghe sửa giọng đọc.	- HS đọc nối tiếp khổ thơ; bạn trong nhóm góp ý: đọc rõ hơn, dừng sau dấu hỏi, đọc dịu giọng ở lời bố.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- GV gọi 2 - 3 HS đọc toàn bài; GV nhận xét, tuyên dương.	- 2 - 3 HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi, nhận xét.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Khắc sâu cách đọc đã học; chuẩn bị tốt cho tiết học tiếp theo.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách đọc câu hỏi "Ngày hôm qua đâu rồi?". - Dặn dò: Về nhà luyện đọc bài thơ cho người thân nghe.	- HS nêu: Cần đọc giọng hỏi nhẹ nhàng, rõ dấu hỏi. - HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện đọc ở nhà.
TIẾT 2 **Hoạt động 2: Đọc hiểu (25 phút)** *Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK, hiểu bài học về quý trọng thời gian và biết làm việc có ích. Mục tiêu tích hợp: HS biết quý trọng thời gian; biết sử dụng mỗi ngày để học tập, lao động và làm việc có ích.*	
- GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ đầu và trả lời: Bạn nhỏ đã hỏi bố điều gì? 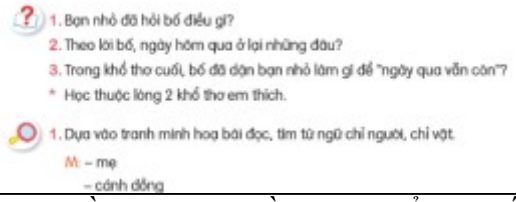 1. Bạn nhỏ đã hỏi bố điều gì? 2. Theo lời bố, ngày hôm qua ở lại những đâu? 3. Trong khổ thơ cuối, bố đã dặn bạn nhỏ làm gì để "ngày qua vẫn còn"? * Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích. 1. Dựa vào tranh minh hoạ bài đọc, tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật. M: – mẹ – cánh đồng	- HS trả lời: Bạn nhỏ hỏi bố: "Ngày hôm qua đâu rồi?"
- GV yêu cầu HS đọc thầm các khổ thơ tiếp theo và trả lời: Theo lời bố, ngày hôm qua ở lại những đâu?	- HS trả lời: Ngày hôm qua ở lại trên cành hoa trong vườn, trong hạt lúa mẹ trồng và trong vở hồng của con.
- GV hỏi: Trong khổ thơ cuối, bố đã dặn bạn nhỏ làm gì để "ngày qua vẫn còn"?	- HS trả lời: Bố dặn bạn nhỏ học hành chăm chỉ để ngày hôm qua vẫn còn trong vở hồng của con.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV hỏi dẫn: Nếu một ngày trôi qua mà em chỉ xem tivi, chơi quá lâu, không học bài, không giúp việc nhà thì ngày hôm qua có còn lại điều tốt đẹp không? - GV diễn giải: Thời gian đã trôi qua không lấy lại được, nhưng việc tốt, bài học, sự chăm chỉ và sự giúp đỡ người khác sẽ còn lại trong kết	- HS trả lời: Nếu chỉ chơi mà không học, ngày hôm qua không có việc tốt; em cần học bài, giúp việc nhà và làm điều có ích.

quả học tập, trong niềm vui của gia đình, trong sự trưởng thành của bản thân.	
- GV kết luận: Bài thơ nhắc chúng ta quý trọng thời gian; ngày hôm qua sẽ "còn lại" khi hôm nay chúng ta chăm chỉ học tập, làm việc tốt và biết sống có trách nhiệm.	- HS nhắc lại: Em cần quý thời gian, học hành chăm chỉ và làm việc có ích mỗi ngày.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại, học thuộc lòng (8 phút) *Mục tiêu: HS đọc diễn cảm bài thơ, học thuộc khổ thơ yêu thích; hiểu quyền được học tập và trách nhiệm học tập chăm chỉ.*	
- GV đọc diễn cảm khổ thơ cuối, hướng dẫn HS đọc lời bố với giọng ân cần, nhẹ nhàng.	- HS đọc khổ thơ cuối với giọng chậm, rõ và nhấn ở "học hành chăm chỉ", "vẫn còn".
- Tích hợp quyền trẻ em/quyền con người: GV hỏi dẫn: Khi đọc câu thơ "Con học hành chăm chỉ", em nhớ đến quyền nào của trẻ em? - GV diễn giải: Trẻ em có quyền được học tập, được phát triển năng lực, được vui chơi và được người lớn chăm sóc, bảo vệ. Để quyền học tập có ý nghĩa, các em cần đi học đúng giờ, chuẩn bị bài, chú ý nghe giảng, luyện đọc hằng ngày và biết nhờ thầy cô, cha mẹ giúp đỡ khi gặp khó khăn.	- HS trả lời: Em nhớ đến quyền được học tập, được thầy cô và gia đình giúp đỡ để học tập, rèn luyện. - HS nêu lại: Em có quyền được học tập và có trách nhiệm đi học đúng giờ, học bài, làm bài, nhờ người lớn giúp đỡ khi cần.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Luyện tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật và đặt câu đơn giản.*	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc. *Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ chỉ người, chỉ vật và đặt câu đúng mẫu.*	
Bài tập 1: Dựa vào tranh minh họa bài đọc, tìm từ ngữ chỉ người, chỉ vật.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 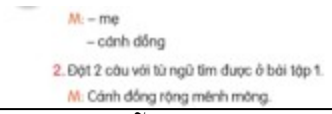 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định cần tìm từ chỉ người và từ chỉ vật trong tranh.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, tìm từ chỉ người: bố, mẹ, con, bạn nhỏ; từ chỉ vật: tờ lịch, cành hoa, hạt lúa, cánh đồng, vở hồng.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung. - HS sửa bài theo đáp án đúng.
- GV kết luận: Các em biết quan sát tranh và bài đọc để tìm từ chỉ người, chỉ vật.	- HS ghi nhớ cách phân loại từ.
Bài tập 2: Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 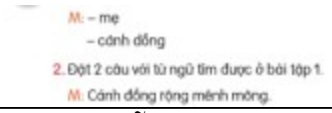 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu đặt câu rõ chủ ngữ, vị ngữ.	- HS lắng nghe, xác định cần đặt 2 câu có từ ngữ vừa tìm.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết 2 câu	- HS viết: Cánh đồng rộng mênh mông. Bạn

vào vở.	nhỏ học bài chăm chỉ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt câu đúng.	- HS đọc câu, sửa lỗi nếu câu thiếu dấu chấm hoặc chưa rõ ý.
- GV kết luận: Khi đặt câu, các em cần dùng từ đúng nghĩa và viết câu trọn ý.	- HS ghi nhớ cách đặt câu với từ ngữ đã tìm.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Vận dụng bài học để lập việc làm có ích trong hôm nay và biết sắp xếp thời gian phù hợp.*	
- Tích hợp KNS: Muốn ngày hôm nay có ích, em sẽ sắp xếp việc học, việc nhà, vui chơi và nghỉ ngơi như thế nào? - GV diễn giải: Sắp xếp thời gian là kĩ năng giúp các em chủ động hơn. Học sinh lớp 2 chưa cần lập thời gian biểu phức tạp, nhưng cần biết việc nào làm trước, việc nào làm sau: hoàn thành bài học, giúp việc nhỏ trong gia đình, vui chơi an toàn, chuẩn bị đồ dùng cho ngày mai và nghỉ ngơi đúng giờ.	- HS trả lời: Em học bài trước, phụ mẹ việc vừa sức, chơi khoảng 30 phút, soạn sách vở và đi ngủ đúng giờ.
- Dặn dò: Về nhà đọc bài thơ cho người thân nghe và thực hiện một việc có ích đã chọn.	- HS ghi nhiệm vụ: đọc bài thơ và làm một việc có ích trong hôm nay.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

BÀI 2: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?; BẢNG CHỮ CÁI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng 2 khổ thơ cuối của bài Ngày hôm qua đâu rồi?.
- Làm đúng bài tập tìm chữ cái còn thiếu trong bảng; bước đầu học thuộc tên các chữ cái.
- Sắp xếp được một số chữ cái theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: biết quan sát, đối chiếu để viết đúng chính tả.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi khi làm bài tập chính tả theo nhóm đôi.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: rèn luyện chữ viết đúng, đẹp.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, trình bày rõ ràng, hoàn thành bài đầy đủ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Bảng phụ đoạn chính tả, tranh/bảng chữ cái trong SGK, máy chiếu hoặc ti vi.
- HS: Vở ô li, bảng con, SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Ổn định lớp, kết nối với bài thơ đã học.*	
- GV cho HS đọc lại một khổ thơ yêu thích trong bài Ngày hôm qua đâu rồi?.	- HS đọc lại khổ thơ đã chuẩn bị, đọc rõ dòng thơ và dấu câu.
- GV giới thiệu bài: Tiết này, các em sẽ nghe - viết 2 khổ thơ cuối của bài và luyện bảng chữ cái để viết đúng, sắp xếp chữ đúng thứ tự.	- HS chuẩn bị vở viết, bút, SGK và đọc thầm nhiệm vụ tiết học.

2. Khám phá và thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Nghe và viết đúng 2 khổ thơ cuối, trình bày đúng thể thơ.*	
Hoạt động 1: Nghe - viết. *Mục tiêu: HS viết đúng đoạn chính tả, trình bày sạch đẹp.*	
Bài tập 1: Nghe - viết: "Ngày hôm qua đâu rồi?" (2 khổ thơ cuối).	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. VIẾT 1. Nghe – viết: *Ngày hôm qua đâu rồi?* (2 khổ thơ cuối). 2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập; đọc đoạn chính tả và hỏi: Đoạn viết có mấy dòng thơ? Chữ đầu mỗi dòng viết thế nào?	- HS trả lời: Đoạn viết có các dòng thơ ngắn; chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa.
- GV hướng dẫn HS viết từ dễ sai: hạt lúa, gặt hái, ước mong, vở hồng, học hành, chăm chỉ.	- HS viết các từ khó vào bảng con và sửa lỗi nếu viết sai dấu thanh hoặc phụ âm.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: nghe - viết vào vở, trình bày mỗi dòng thơ một dòng.	- HS nghe - viết vào vở, trình bày mỗi dòng thơ một dòng và viết hoa chữ đầu dòng.
- GV đọc lại toàn đoạn cho HS soát lỗi; GV chấm nhanh một số vở, nhận xét và sửa bài.	- HS soát bài, tự sửa lỗi chính tả và đổi vở kiểm tra chéo với bạn.
- GV kết luận: Viết chính tả tốt cần nghe kĩ, nhớ đúng tiếng, đặt dấu đúng và trình bày bài thơ sạch đẹp.	- HS nhắc lại: Em cần nghe kĩ, viết đúng dấu và soát lỗi sau khi viết.
3. Thực hành (10 phút) *Mục tiêu: Tìm chữ cái còn thiếu, học thuộc tên chữ cái và sắp xếp chữ đúng thứ tự.*	
Hoạt động 2: Làm bài tập bảng chữ cái. *Mục tiêu: HS hoàn thành bảng chữ cái và sắp xếp chữ theo đúng thứ tự.*	
Bài tập 2: Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái. 3. Sắp xếp các chữ cái dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS quan sát bảng, đọc các chữ đã có và xác định ô còn thiếu.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, điền chữ còn thiếu vào vở/VBT.	- HS điền chữ còn thiếu: số 3 là â, số 5 là c, số 6 là d, số 8 là e; HS đọc tên: a, á, ớ, bê, xê, dê, đê, e, ê.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày; HS khác đối chiếu, sửa bài.

- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	
Bài tập 3: Sắp xếp các chữ cái dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái: đ, c, b, d, a, ê.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái. Số thứ tự / Chữ cái / Tên chữ cái 1 a a 2 ă ă 3 â 4 b bê 5 xê 6 đê 7 d đê 8 e 9 ê ê 3. Sắp xếp các chữ cái dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái. đ c b d a ê	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại thứ tự các chữ cái đã học.	- HS đọc lại thứ tự: a, ă, â, b, c, d, đ, e, ê.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, sắp xếp đúng: a, b, c, d, đ, ê.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét và sửa bài.
- GV kết luận: Thuộc bảng chữ cái giúp các em tra cứu, sắp xếp và viết chính tả thuận lợi hơn.	- HS ghi nhớ: Em cần thuộc thứ tự các chữ cái để làm bài đúng.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố nội dung chính tả và bảng chữ cái.*	
- Khi nghe - viết thơ, em cần trình bày thế nào? Hôm nay em đã học những chữ cái nào? - Dặn dò: Về nhà đọc thuộc tên các chữ cái đã học và sửa lại lỗi chính tả trong vở.	- HS trả lời: Em trình bày mỗi dòng thơ một dòng, viết hoa chữ đầu dòng; em học các chữ a, ă, â, b, c, d, đ, e, ê. - HS ghi nhiệm vụ học thuộc bảng chữ cái và sửa lỗi chính tả.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

BÀI 2: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

TIẾT 4: TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG. CÂU GIỚI THIỆU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động trong tranh.
- Kết hợp được từ ngữ để tạo câu giới thiệu theo mẫu.
- Viết được 2 - 3 câu giới thiệu về bản thân.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp: biết chia sẻ, trao đổi khi tìm từ và đặt câu.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng từ ngữ để tạo câu giới thiệu phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tham gia tìm từ, đặt câu.
- Trung thực: sử dụng từ đúng nghĩa, câu đúng mẫu.

4. Tích hợp:

- Quyền trẻ em/quyền con người: HS biết mỗi trẻ em có quyền được học tập, vui chơi, chăm sóc sức khỏe; biết nói lời giới thiệu phù hợp, tôn trọng bản thân và bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh SGK trang 15, bảng nhóm, thẻ từ.
- HS: SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Kích hoạt vốn từ về người, vật, hoạt động trong trường học.*	
- GV tổ chức trò chơi "Nói nhanh": mỗi HS nêu một từ chỉ người, một từ chỉ vật hoặc một từ chỉ hoạt động ở trường.	- HS nêu: học sinh, cô giáo; cặp sách, bảng; đọc bài, viết bài, chào cờ.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, các em sẽ nhìn tranh để tìm từ chỉ sự vật, hoạt động và dùng các từ đó tạo câu giới thiệu rõ ràng.	- HS lắng nghe, mở SGK trang 15 và chuẩn bị làm bài.
2. Khám phá (10 phút) *Mục tiêu: Quan sát tranh, phân loại được từ chỉ người, chỉ vật, chỉ hoạt động.*	
Hoạt động 1: Tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động. *Mục tiêu: HS quan sát tranh, gọi đúng từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động.*	
Bài tập 1: Nhìn tranh, tìm từ ngữ: a. Chỉ sự vật: chỉ người, chỉ vật; b. Chỉ hoạt động.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu phân loại từ.	- HS lắng nghe, xác định cần tìm từ chỉ người, chỉ vật và chỉ hoạt động.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, trao đổi cách làm và ghi kết quả vào bảng nhóm.	- HS làm việc nhóm 4: từ chỉ người: học sinh, cô giáo, bác sĩ; từ chỉ vật: cặp sách, áo, mũ, khăn; từ chỉ hoạt động: đi học, giảng bài, khám bệnh, đội mũ.
- GV mời các nhóm trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung, sửa bài.
- Tích hợp quyền trẻ em/quyền con người: GV hỏi dẫn: Trong tranh, các bạn nhỏ đang được học tập, vui chơi và chăm sóc sức khỏe. Em	- HS nêu: Trẻ em có quyền được học, được vui chơi, được chăm sóc sức khỏe. Em cần tôn trọng bạn và thực hiện tốt nhiệm vụ học tập.

nhận ra trẻ em có những quyền nào? - GV diễn giải: Mỗi học sinh đều có quyền được học tập, vui chơi, chăm sóc sức khỏe và được tôn trọng. Khi đến trường, các em cần học tập chăm chỉ, giữ gìn sức khỏe, tôn trọng bạn bè và không chê bai khác biệt của bạn.	
- GV kết luận: Quan sát tranh kĩ giúp các em gọi đúng tên sự vật, hoạt động và hiểu thêm quyền học tập, chăm sóc của trẻ em.	- HS ghi nhớ cách phân loại từ và nội dung tích hợp.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Kết hợp từ ngữ để tạo câu giới thiệu theo mẫu.*	
Hoạt động 2: Kết hợp từ ngữ và đặt câu giới thiệu. *Mục tiêu: HS tạo được câu giới thiệu đúng mẫu và đặt được câu mới.*	
Bài tập 2: Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu. A: Bạn Hà; Bố em; Trường em B: là bác sĩ; là Trường Tiểu học Lê Quý Đôn; là học sinh lớp 2A 3. Đặt một câu giới thiệu theo mẫu ở bài tập 2.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu nối cột A với cột B để tạo câu đúng.	- HS lắng nghe, xác định cần đọc cả hai cột rồi nối cho hợp nghĩa.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, nối: Bạn Hà là học sinh lớp 2A. Bố em là bác sĩ. Trường em là Trường Tiểu học Lê Quý Đôn.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, sửa bài.
Bài tập 3: Đặt một câu giới thiệu theo mẫu ở bài tập 2.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu giới thiệu. A: Bạn Hà; Bố em; Trường em B: là bác sĩ; là Trường Tiểu học Lê Quý Đôn; là học sinh lớp 2A 3. Đặt một câu giới thiệu theo mẫu ở bài tập 2.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, gợi ý mẫu: Em là học sinh lớp 2A.	- HS lắng nghe, xác định câu cần có người/vật được giới thiệu và thông tin giới thiệu.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết một câu giới thiệu vào vở.	- HS viết: Em là học sinh lớp 2A. Mẹ em là giáo viên. Lớp em là lớp 2/1.
- GV mời HS đọc câu trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt cách viết câu giới thiệu.	- HS đọc câu; HS khác nhận xét câu đã đúng mẫu, rõ ý chưa.
- GV kết luận: Câu giới thiệu cần rõ đối tượng và thông tin giới thiệu; khi nói về bản thân, các em cần nói thông tin phù hợp.	- HS ghi nhớ cách tạo câu giới thiệu.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Vận dụng câu giới thiệu trong giao tiếp hằng ngày.*	

- GV yêu cầu HS nói một câu giới thiệu về bản thân hoặc trường, lớp của mình. - Dặn dò: Về nhà nói một câu giới thiệu về bản thân với người thân.	- HS nói: Em là học sinh lớp 2. Em học ở Trường Tiểu học Lương Thế Vinh. - HS ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

BÀI 2: NGÀY HÔM QUA ĐÂU RỒI?

TIẾT 5 - 6: VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU VỀ BẢN THÂN; ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát tranh, trả lời được câu hỏi về tình huống chào hỏi, giới thiệu bản thân.
- Viết được 2 - 3 câu tự giới thiệu về bản thân.
- Tìm đọc được bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi; trao đổi được với bạn về bài đã đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động chuẩn bị nội dung giới thiệu và bài đọc mở rộng.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nói, nghe, trao đổi lịch sự trong nhóm đôi.

3. Phẩm chất:

- Trung thực: giới thiệu đúng thông tin về bản thân.
- Chăm chỉ: duy trì thói quen đọc mở rộng.

4. Tích hợp:

- Năng lực số 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số; biết chọn lọc thông tin phù hợp khi tìm bài đọc về thiếu nhi dưới sự hướng dẫn của người lớn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh SGK trang 16, phiếu gợi ý viết đoạn, phiếu đọc mở rộng.
- HS: SGK, vở ô li, một bài thơ hoặc câu chuyện thiếu nhi đã đọc/nghe.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5 **1. Khởi động (5 phút)** *Mục tiêu: Tạo tâm thế tự tin khi giới thiệu bản thân.*	
- GV tổ chức trò chơi "Lời chào thân thiện": HS chào bạn và nói một câu ngắn giới thiệu tên hoặc sở thích.	- HS chào bạn: Chào bạn, mình tên là An. Mình thích đọc truyện.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em sẽ viết 2 - 3 câu tự giới thiệu về bản thân. Bài viết cần rõ ràng, đúng sự thật và không nêu thông tin quá riêng tư.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở ô li và đọc thầm yêu cầu bài viết.
2. Khám phá (10 phút) *Mục tiêu: Nhận biết nội dung cần có khi giới thiệu bản thân.*	
Hoạt động 1: Quan sát tranh, trả lời câu hỏi. *Mục tiêu: HS nhận biết cách chào hỏi, giới thiệu bản thân trong tình huống giao tiếp.*	
Bài tập 1: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: a. Bình và Khang gặp nhau và chào nhau ở đâu? b. Khang đã giới thiệu những gì về mình?	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, yêu cầu đọc lời thoại của hai bạn trong tranh.	- HS đọc lời thoại và xác định nội dung hai bạn giới thiệu.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi câu trả lời.	- HS làm việc nhóm 2: Bình và Khang gặp nhau ở sân bóng; Khang giới thiệu tên, lớp và sở thích đá bóng.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung, sửa bài.
- GV hỏi: Khi giới thiệu bản thân, em nên nói những thông tin nào là phù hợp?	- HS trả lời: Em nên nói họ tên, lớp, trường, sở thích; không nói địa chỉ nhà, số điện thoại riêng nếu không cần thiết.
- GV kết luận: Tự giới thiệu cần ngắn gọn, đúng sự thật, lịch sự và biết bảo vệ thông tin cá nhân.	- HS ghi nhớ cách giới thiệu bản thân an toàn, phù hợp.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Viết được 2 - 3 câu tự giới thiệu về bản thân.*	
Hoạt động 2: Viết 2 - 3 câu tự giới thiệu về bản thân. *Mục tiêu: HS viết được đoạn ngắn rõ ràng, đúng sự thật và phù hợp.*	
Bài tập 2: Viết 2 - 3 câu tự giới thiệu về bản thân. Gợi ý: Họ và tên của em là gì? Em học lớp nào, trường nào? Sở thích của em là gì?	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, đọc gợi ý và nhắc HS không ghi thông tin quá riêng tư.	- HS lắng nghe, xác định cần viết họ tên, lớp, trường và sở thích.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết 2 - 3 câu vào vở ô li.	- HS viết: Em tên là Nguyễn Minh An. Em học lớp 2/1, Trường Tiểu học Lương Thế Vinh. Em thích đọc truyện và đá bóng.
- GV mời HS đọc bài viết trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài về viết hoa, dấu câu, câu đủ ý và thông tin phù hợp.	- HS đọc bài viết; HS khác lắng nghe, góp ý câu rõ ý và lịch sự.
- GV kết luận: Đoạn văn tự giới thiệu cần đúng sự thật, ngắn gọn, đủ ý và thể hiện sự tự tin.	- HS hoàn thiện đoạn văn trong vở.

4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Vận dụng câu giới thiệu trong giao tiếp hằng ngày.*	
- Dặn dò: Về nhà đọc đoạn tự giới thiệu cho người thân nghe và sửa lại câu chưa rõ ý.	- HS ghi nhiệm vụ: đọc đoạn văn cho người thân nghe và sửa bài.
TIẾT 6 **1. Khởi động (5 phút)** *Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc sách, kết nối với nhiệm vụ đọc mở rộng.*	
- GV tổ chức trò chơi "Tên sách em thích": mỗi HS nêu tên một bài thơ hoặc câu chuyện thiếu nhi đã từng đọc/nghe.	- HS nêu: Dế Mèn bênh vực kẻ yếu, Mèo con đi học, Cô bé quàng khăn đỏ, Bạn mới.
- GV giới thiệu bài: Tiết này, các em sẽ chia sẻ một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi, đồng thời học cách tìm bài đọc an toàn khi có sự hướng dẫn của người lớn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài đọc mở rộng đã đọc/nghe.
2. Khám phá (12 phút) *Mục tiêu: Nắm được yêu cầu đọc mở rộng; biết chọn nguồn thông tin an toàn khi tìm thơ, truyện thiếu nhi dưới sự hướng dẫn của người lớn.*	
Hoạt động 1: Tìm đọc bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. *Mục tiêu: HS biết tìm đọc bài viết phù hợp về thiếu nhi.*	
Bài tập 1: Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. Nói với các bạn tên bài thơ, câu chuyện và tên tác giả.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Viết 2 – 3 câu tự giới thiệu về bản thân. G: – Họ và tên của em là gì? – Em học lớp nào, trường nào? – Sở thích của em là gì? ĐỌC MỞ RỘNG 1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. Nói với các bạn tên bài thơ, câu chuyện và tên tác giả. 2. Đọc một số câu thơ hay cho các bạn nghe.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc HS ghi tên bài, tên tác giả và điều em thích.	- HS lắng nghe, chuẩn bị tên bài thơ/câu chuyện và tên tác giả nếu biết.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi nhanh thông tin bài đọc vào phiếu đọc mở rộng.	- HS ghi phiếu: tên bài, tên tác giả, nhân vật hoặc câu thơ em thích, lí do em thích.
- Tích hợp năng lực số 1.1.CB1a: GV hỏi dẫn: Khi tìm bài thơ hoặc câu chuyện về thiếu nhi trên sách, báo hoặc internet, em cần chú ý điều gì để chọn thông tin phù hợp? - GV diễn giải: Khi dùng thiết bị số để tìm bài đọc, các em không nên tin ngay mọi thông tin nhìn thấy. Nguồn phù hợp thường có tên bài, tên tác giả, tên sách hoặc trang của cơ quan, nhà xuất bản, thư viện, trường học. Các em chỉ tìm kiếm khi có người lớn hướng dẫn, không bấm vào quảng cáo lạ, không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ nhà, số điện thoại hoặc hình ảnh cá nhân lên mạng.	- HS trả lời: Em cần chọn bài có tên bài, tên tác giả, nguồn rõ ràng; em không tự bấm vào trang lạ và không nhập thông tin riêng tư.

- GV mời HS trình bày bài đọc đã chọn trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt cách chọn bài đọc phù hợp.	- HS giới thiệu tên bài, tên tác giả và nêu điều em thích; HS khác lắng nghe, nhận xét.
- GV kết luận: Chọn bài đọc phù hợp giúp các em mở rộng hiểu biết và duy trì thói quen đọc.	- HS ghi nhớ cách tìm và chọn bài đọc an toàn, phù hợp.
3. Thực hành (13 phút) *Mục tiêu: Đọc thơ, trao đổi rõ tên bài đọc và điều em thích nhất trong bài.*	
Hoạt động 2: Đọc một số câu thơ hay cho các bạn nghe. *Mục tiêu: HS chia sẻ rõ ràng, biết lắng nghe và trao đổi lịch sự.*	
Bài tập 2: Đọc một số câu thơ hay cho các bạn nghe.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Viết 2 – 3 câu tự giới thiệu về bản thân. G: – Họ và tên của em là gì? – Em học lớp nào, trường nào? – Sở thích của em là gì? ĐỌC MỞ RỘNG 1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về thiếu nhi. Nói với các bạn tên bài thơ, câu chuyện và tên tác giả. 2. Đọc một số câu thơ hay cho các bạn nghe.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc HS đọc rõ tên bài và đọc đoạn/câu thơ em thích.	- HS lắng nghe, chọn câu thơ hoặc đoạn ngắn muốn đọc cho bạn nghe.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi theo gợi ý: Tên bài đọc là gì? Điều em thích nhất trong bài đọc là gì?	- HS trao đổi nhóm 2, nói rõ tên bài đọc và điều em thích nhất.
- GV mời HS trình bày trước lớp. - GV nhận xét, sửa bài và chốt cách chia sẻ bài đọc.	- HS giới thiệu bài đọc trước lớp; HS khác nhận xét: bạn nói rõ tên bài chưa, nêu được điều thích nhất chưa.
- GV kết luận: Khi trao đổi bài đọc, các em cần nói rõ tên bài, nội dung hoặc điều mình thích nhất.	- HS ghi nhớ cách chia sẻ bài đọc mở rộng.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Duy trì thói quen đọc và chuẩn bị bài học sau.*	
- Dặn dò: Về nhà đọc thêm một bài viết hoặc bài thơ về thiếu nhi, ghi lại tên bài và một điều em học được.	- HS ghi nhiệm vụ: đọc thêm một bài phù hợp và ghi lại tên bài, điều em học được.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 3: NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng toàn bài; phát âm đúng các tiếng dễ lẫn: lát nữa, bầu trời, lấy về, bảy hũ vàng.

- Biết ngắt nghỉ theo dấu câu, đọc lời người kể và lời thoại của Bi, Bống với giọng vui tươi, hồn nhiên.

- Hiểu nghĩa từ ngữ trong bài; hiểu nội dung: câu chuyện ca ngợi tình cảm yêu thương, quan tâm giữa hai anh em Bi và Bống.

- Trả lời được câu hỏi trong SGK; biết xếp từ ngữ chỉ người, chỉ vật và tìm câu thể hiện sự ngạc nhiên.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, luyện phát âm và chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi.

- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm ba khi đọc bài, tìm chi tiết và chia sẻ kết quả.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết suy nghĩ, liên hệ cách quan tâm người thân trong gia đình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ với anh chị em và người thân.

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: biết thực hiện việc làm phù hợp để góp phần xây dựng gia đình vui vẻ.

4. Tích hợp:

- Giáo dục quyền con người: HS nhận biết quyền được sống trong gia đình, được yêu thương, chia sẻ tình cảm với người thân.

- Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: bồi dưỡng tình cảm yêu thương anh em, biết quan tâm, sẻ chia; rèn lối sống nhân ái, trách nhiệm trong gia đình và tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Máy tính, ti vi/máy chiếu, tranh minh họa SGK trang 17 - 19, thẻ từ, phiếu học tập.

- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, bảng con, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 **1. Khởi động (5 phút)** *Mục tiêu: Quan sát tranh, dự đoán nội dung bài đọc và tạo tâm thế vui vẻ trước khi vào bài.*	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh SGK trang 17 và trả lời: Bức tranh dưới đây vẽ những gì?	- HS trả lời: Tranh vẽ hai anh em đứng ngoài trời sau cơn mưa, trên bầu trời có cầu vồng, cây cối xanh tươi, hai bạn nhỏ đang nhìn lên cầu

	vồng.
- GV hỏi: Theo em, hai bạn nhỏ có thể đang nói gì với nhau khi nhìn thấy cầu vồng?	- HS trả lời: Hai bạn có thể nói: "Cầu vồng đẹp quá!", "Mình cùng ngắm cầu vồng nhé!", "Dưới chân cầu vồng có gì không nhỉ?".
- GV giới thiệu bài: "Cầu vồng sau mưa thường gợi cho chúng ta nhiều niềm vui và ước mơ. Hôm nay, cô và các em sẽ đọc bài Niềm vui của Bi và Bống để hiểu hai anh em đã nghĩ gì, nói gì và quan tâm nhau ra sao."	- HS mở SGK trang 17, xác định tên bài Niềm vui của Bi và Bống và chuẩn bị đọc bài.
- GV kết luận: Khi quan sát tranh trước bài đọc, các em biết dự đoán nội dung và chuẩn bị tâm thế đọc bài tốt hơn.	- HS nhắc lại tên bài và sẵn sàng bước vào phần đọc văn bản.
2. Khám phá kiến thức *Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (20 phút) *Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng toàn bài; biết đọc lời kể và lời thoại của Bi, Bống với giọng vui tươi, hồn nhiên; ngắt nghỉ hơi đúng ở câu dài.*	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị lắng nghe, mở SGK bài Niềm vui của Bi và Bống.
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui, trong sáng; nhấn giọng ở các câu thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của Bi và Bống.	- HS nghe GV đọc, dùng bút chì dò theo từng câu trong SGK; chú ý giọng người kể và lời thoại của nhân vật.
- GV hướng dẫn cách đọc lời thoại của Bi: vui, ngạc nhiên, thích thú; lời thoại của Bống: hồn nhiên, vui vẻ.	- HS nêu lại: Bi cần đọc giọng vui, ngạc nhiên; Bống đọc giọng hồn nhiên, trong sáng.
b. HS luyện đọc đoạn, kết hợp đọc từ khó, câu khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng đoạn, đọc từ khó và nêu từ ngữ chưa hiểu.

- GV hướng dẫn chia đoạn: đoạn 1 từ đầu đến "quần áo đẹp"; đoạn 2 tiếp theo đến "không có vàng đâu"; đoạn 3 phần còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu 3 đoạn vào SGK và nêu được ranh giới từng đoạn.
- HDHS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1; GV theo dõi, sửa lỗi phát âm cho HS.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn lần 1; HS khác theo dõi, góp ý cách phát âm.
- GV mời HS nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của địa phương.	- HS nêu từ khó: lát nữa, bầu trời, bảy hũ vàng, ngựa hồng, búp bê, quần áo.
- GV viết bảng từ khó và tổ chức cho HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc đúng các từ khó; sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn đọc câu thoại: "Cầu vồng kìa! Em nhìn xem! Đẹp quá!" và hỏi: Câu này cần đọc với giọng như thế nào?	- HS trả lời: Cần đọc với giọng vui, ngạc nhiên, thích thú; nhấn giọng ở các từ cầu vồng, đẹp quá.
- HDHS đọc nối tiếp từng đoạn lần 2, kết hợp giải nghĩa từ ngữ: hũ, cầu vồng, ngựa hồng.	- HS đọc nối tiếp lần 2; HS nêu: hũ là đồ dùng để đựng; cầu vồng là vệt sáng nhiều màu trên bầu trời; ngựa hồng là con ngựa màu hồng trong tưởng tượng.
- GV mở rộng: Em hãy đặt 1 câu có từ cầu vồng hoặc hũ.	- HS đặt câu: Sau cơn mưa, em nhìn thấy cầu vồng. Bà đựng gạo trong chiếc hũ nhỏ.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc theo nhóm, biết nghe bạn đọc và góp ý nhẹ nhàng.
- Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm ba; mỗi bạn đọc một đoạn, các bạn còn lại theo dõi và góp ý.	- HS luyện đọc trong nhóm ba; người đọc sửa lỗi theo góp ý của bạn.
- Tổ chức cho HS thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc nối tiếp; cả lớp lắng nghe, nhận xét nhóm đọc rõ tiếng, đúng giọng nhân vật.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị luyện đọc toàn bài.
- GV cho HS tự luyện đọc toàn bộ bài.	- HS tự luyện đọc toàn bài; chú ý ngắt nghỉ hơi và giọng đọc lời thoại.
- GV gọi 2 - 3 HS đọc toàn bộ bài; GV nhận xét, tuyên dương HS đọc tiến bộ.	- 2 - 3 HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi, nhận xét và rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Khắc sâu cách đọc đã học; chuẩn bị tốt cho tiết học tiếp theo.*	

- GV yêu cầu HS nhắc lại giọng đọc của Bi và Bống.	- HS nêu: Bi đọc giọng vui, ngạc nhiên; Bống đọc giọng hồn nhiên, vui vẻ.
- Dặn dò: Về nhà luyện đọc lại bài Niềm vui của Bi và Bống cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ: Em luyện đọc bài ở nhà và chuẩn bị trả lời câu hỏi ở tiết sau.
TIẾT 2 **Hoạt động 2: Đọc hiểu (25 phút)** *Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK, hiểu tình cảm yêu thương giữa Bi và Bống.* *Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết quyền được sống trong gia đình, được yêu thương, chia sẻ tình cảm với người thân.*	
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1, quan sát tranh gợi ý SGK trang 18 và trả lời: Bài tập 1: Nếu có bảy hũ vàng, Bi và Bống sẽ làm gì? dùng để đựng. 1. Nếu có bảy hũ vàng, Bi và Bống sẽ làm gì? 2. Không có bảy hũ vàng, hai anh em làm gì? 3. Tìm những câu nói cho thấy hai anh em rất quan tâm và yêu quý nhau. 1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp: hũ vàng Bống Bi anh quần áo ô tô búp bê em a. Từ ngữ chỉ người b. Từ ngữ chỉ vật 2. Tìm trong bài những câu cho thấy sự ngạc nhiên của Bi khi nhìn thấy cầu vồng.	- HS trả lời: Bi sẽ mua một con ngựa hồng và một cái ô tô; Bống sẽ mua nhiều búp bê và quần áo đẹp.
- GV tổ chức cho HS đọc thầm đoạn 2 và trả lời: Bài tập 2: Không có bảy hũ vàng, hai anh em làm gì?	- HS trả lời: Bống sẽ lấy bút màu để vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô; Bi sẽ vẽ tặng em nhiều búp bê và quần áo đủ màu sắc.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời: Bài tập 3: Tìm những câu nói cho thấy hai anh em rất quan tâm và yêu quý nhau.	- HS trả lời: "Em sẽ lấy bút màu để vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô."; "Còn anh sẽ vẽ tặng em nhiều búp bê và quần áo đủ các màu sắc."
- Qua những câu nói đó, em thấy Bi và Bống cần được điều gì trong gia đình?	- HS trả lời: Bi và Bống cần được sống trong gia đình yêu thương, được chia sẻ niềm vui, được nói điều mình thích và được người thân quan tâm.
- Tích hợp giáo dục quyền con người: GV diễn giải: Trong gia đình, mỗi trẻ em đều có quyền được sống an toàn, được yêu thương, được lắng	- HS nêu: Em có quyền được yêu thương, được lắng nghe; em cũng cần yêu thương, nói lời lễ phép, quan tâm và chia sẻ với người thân.

nghe và được chia sẻ tình cảm với người thân. Khi Bi và Bống nói lời yêu thương, nghĩ đến niềm vui của nhau, các bạn đang thể hiện một gia đình ấm áp, nơi trẻ em được quan tâm và tôn trọng. Các em cũng cần biết nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em; biết lắng nghe khi người thân chia sẻ để gia đình luôn vui vẻ.	
- GV chốt lại nội dung bài đọc: Câu chuyện cho thấy Bi và Bống tuy không có bảy hũ vàng nhưng vẫn có niềm vui vì hai anh em biết nghĩ đến nhau.	- HS nhắc lại nội dung chính: Bài đọc ca ngợi tình cảm yêu thương, quan tâm giữa hai anh em.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại (7 phút) *Mục tiêu: HS luyện đọc lại bài, biết thể hiện giọng đọc vui, hồn nhiên của nhân vật.*	
- GV đọc diễn cảm một đoạn trong bài, nhấn giọng ở lời thoại của Bi và Bống.	- HS chú ý lắng nghe, nhận biết giọng đọc của từng nhân vật.
- GV tổ chức cho HS đọc phân vai: người kể, Bi, Bống.	- HS đọc phân vai; người kể đọc rõ ràng, Bi đọc giọng ngạc nhiên, Bống đọc giọng hồn nhiên.
- GV nhận xét, biểu dương nhóm đọc rõ lời thoại và biết thể hiện cảm xúc.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm để đọc tốt hơn.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Củng cố từ ngữ chỉ người, chỉ vật và luyện nói câu thể hiện sự ngạc nhiên.*	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc. *Mục tiêu: HS biết xếp từ ngữ vào nhóm phù hợp và nói được câu thể hiện sự ngạc nhiên.*	
Bài tập 1: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp: hũ vàng, Bống, Bi, anh, quần áo, ô tô, búp bê, em.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo

	dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV kết luận: Các em đã biết xếp từ ngữ chỉ người, chỉ vật đúng nhóm.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
Bài tập 2: Tìm trong bài những câu cho thấy sự ngạc nhiên của Bi khi nhìn thấy cầu vồng.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV yêu cầu HS nói 1 câu thể hiện sự ngạc nhiên khi nhìn thấy một cảnh đẹp.	- HS nói: "Ôi, bông hoa này đẹp quá!"; "A, cầu vồng rực rỡ quá!"; "Chao ôi, bầu trời hôm nay xanh quá!"
- GV kết luận: Các em đã biết phân loại từ ngữ chỉ người, chỉ vật và biết dùng câu cảm thán để bày tỏ sự ngạc nhiên.	- HS ghi nhớ cách xếp từ và cách nói câu thể hiện cảm xúc.
- GV kết luận: Các em biết tìm câu thể hiện sự ngạc nhiên và biết nói câu bày tỏ cảm xúc phù hợp.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Liên hệ bài học với cách quan tâm, chia sẻ trong gia đình.*	
- Sau bài học này, em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu thương với anh, chị, em hoặc người thân trong gia đình?	- HS trả lời: Em sẽ nhường đồ chơi cho em nhỏ; em sẽ giúp mẹ xếp quần áo; em sẽ hỏi thăm khi ông bà mệt; em sẽ nói lời cảm ơn khi được người thân giúp đỡ.
- Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Yêu thương người thân không chỉ là lời nói mà còn là việc làm hằng ngày. Các em có thể chia sẻ đồ dùng, giúp	- HS nêu việc làm sẽ thực hiện: Em sẽ nhường em nhỏ; em sẽ giúp bố mẹ dọn bàn học; em sẽ nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ.

việc vừa sức, nói lời cảm ơn, xin lỗi, biết nhường nhịn và không tranh giành. Khi mỗi bạn biết sống nhân ái, có trách nhiệm trong gia đình, các em sẽ hình thành thói quen tốt để sau này biết quan tâm bạn bè, thầy cô và những người xung quanh.	
- Dặn dò: Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe và thực hiện một việc làm quan tâm người thân.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chuẩn bị bài học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 3: NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG

TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA Ă, Â

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết chữ hoa Ă, Â cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đúng quy trình.

- Viết đúng câu ứng dụng: "Ăn quả nhớ người trồng cây."

- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách giữa các chữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát mẫu chữ, luyện viết theo hướng dẫn.

- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời góp ý phù hợp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết tự sửa nét chữ chưa đúng sau khi được góp ý.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: kiên trì luyện chữ, giữ vở sạch.

- Trách nhiệm: thực hiện đúng quy định khi viết bài.

- Nhân ái: biết trân trọng công sức của người lao động qua câu ứng dụng.

4. Tích hợp:

- Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Qua câu ứng dụng "Ăn quả nhớ người trồng cây", giáo dục HS truyền thống uống nước nhớ nguồn, biết ơn người lao động, người đã giúp đỡ mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Mẫu chữ hoa Ă, Â; bảng phụ viết câu ứng dụng; tranh hoặc video quy trình viết chữ.

- HS: Vở Tập viết, bảng con, phấn/bút, SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Vừa ôn lại kiến thức cũ vừa kết nối sang bài học mới.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại các chữ hoa đã học.	- HS nhắc lại các chữ hoa đã học: A.

- GV yêu cầu HS viết nhanh chữ hoa A vào bảng con và nêu điểm cần chú ý khi viết chữ A.	- HS viết chữ hoa A; HS nêu: chữ A cao 5 li, gồm các nét cong, móc, lượn; cần viết liền mạch và đúng độ cao.
- GV dẫn dắt vào bài mới: Từ chữ hoa A đã học, hôm nay các em sẽ học cách viết hai chữ hoa Ă, Â và viết câu ứng dụng Ăn quả nhớ người trồng cây.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) *Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ thuật viết chữ hoa Ă, Â.*	
Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa. *Mục tiêu: HS quan sát mẫu, nêu cấu tạo và luyện viết đúng chữ hoa Ă, Â.*	
Bài tập 1: Viết chữ hoa Ă, Â.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 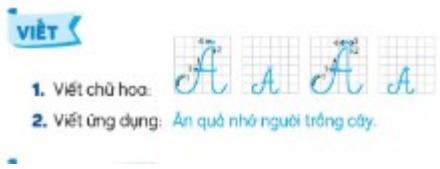	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa Ă, Â và hỏi: Chữ Ă, Â giống chữ A ở điểm nào? Khác chữ A ở điểm nào?	- HS trả lời: Chữ Ă, Â giống chữ A ở thân chữ; chữ Ă có thêm dấu cong nhỏ phía trên, chữ Â có thêm dấu mũ phía trên.
- GV viết mẫu thân chữ hoa A để làm cơ sở viết Ă, Â: đặt bút ở đường kẻ 3, đưa bút viết nét móc ngược trái hơi lượn lên đến đường kẻ 6; từ điểm dừng bút chuyển hướng viết nét móc ngược phải xuống gần đường kẻ 2; lia bút lên giữa thân chữ, viết nét lượn ngang nhỏ tạo	- HS quan sát, dùng ngón tay tô theo đường bút: đặt bút ở đường kẻ 3, đưa lên đường kẻ 6, đưa xuống gần đường kẻ 2, lia bút viết nét ngang giữa thân chữ.

thanh ngang của chữ A.	
- GV viết mẫu chữ Ă: viết thân chữ A trước; lia bút lên phía trên đỉnh chữ, đặt bút hơi lệch trái trục giữa, đưa bút tạo nét cong nhỏ từ trái sang phải; đặt dấu cong cân đối phía trên thân chữ, cách đỉnh chữ một khoảng nhỏ, không chạm thân chữ, không lệch về một bên.	- HS nhắc lại và viết mô phỏng: viết thân chữ A trước; thêm dấu cong phía trên, đặt cân giữa thân chữ, không chạm vào chữ A.
- GV viết mẫu chữ Â: viết thân chữ A trước; lia bút lên phía trên đỉnh chữ, đặt bút ở bên trái dấu mũ, đưa bút xiên lên điểm cao nhất ở giữa, rồi đưa bút xiên xuống bên phải; đặt dấu mũ cân đối trên đầu chữ, đỉnh dấu mũ ở giữa, hai chân dấu không chạm thân chữ.	- HS nhắc lại và viết mô phỏng: viết thân chữ A trước; thêm dấu mũ cân đối phía trên, đỉnh dấu mũ ở giữa, hai chân dấu không chạm chữ.
- GV hướng dẫn HS tập viết chữ hoa Ă, Â trên không, trên bảng con hoặc nháp.	- HS viết chữ Ă, Â trên không, bảng con hoặc nháp theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS viết vở Tập viết; quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	- HS nêu tư thế ngồi viết, viết chữ hoa Ă, Â cỡ vừa và cỡ nhỏ vào vở Tập viết.
- GV kết luận: Khi viết, các em cần quan sát mẫu, viết đúng điểm đặt bút, đưa bút, dừng bút và giữ vở sạch.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
3. Thực hành (13 phút) *Mục tiêu: Giúp HS biết cách viết, trình bày câu ứng dụng và hiểu ý nghĩa giáo dục của câu.*	
Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng. *Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng, đúng khoảng cách, dấu thanh và dấu câu.*	
Bài tập 2: Viết ứng dụng: "Ăn quả nhớ người trồng cây."	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm

	đúng.
- GV hỏi: Câu "Ăn quả nhớ người trồng cây" muốn nhắc chúng ta điều gì?	- HS trả lời: Câu này nhắc chúng ta phải biết ơn những người đã lao động, chăm sóc, giúp đỡ mình; khi được hưởng thành quả cần nhớ công sức của người làm ra.
- Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Truyền thống uống nước nhớ nguồn là nét đẹp của dân tộc ta. Khi ăn một quả ngọt, dùng một quyển sách hay được học trong ngôi trường sạch đẹp, các em cần nhớ đến công sức của người trồng cây, người làm sách, thầy cô, cha mẹ và những người lao động. Biết ơn không chỉ nói bằng lời mà còn thể hiện qua việc chăm học, giữ gìn đồ dùng, kính trọng người lớn và giúp đỡ người khác khi có thể.	- HS nêu việc làm thể hiện lòng biết ơn: Em chăm học để bố mẹ vui; em giữ gìn sách vở; em nói lời cảm ơn khi được giúp; em không lãng phí thức ăn.
- GV hướng dẫn HS viết câu ứng dụng vào vở, chú ý độ cao chữ hoa Ă, khoảng cách chữ và dấu chấm cuối câu.	- HS viết câu ứng dụng vào vở: "Ăn quả nhớ người trồng cây."; HS soát lại khoảng cách và dấu chấm.
- GV kết luận: Viết đúng câu ứng dụng giúp các em rèn chữ đẹp và hiểu ý nghĩa lời nhắc trong câu.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố chữ hoa Ă, Â và liên hệ lời biết ơn trong đời sống.*	
- GV yêu cầu HS nói một câu cảm ơn người thân hoặc người lao động mà em muốn gửi lời biết ơn.	- HS nói: Em cảm ơn mẹ đã nấu cơm cho gia đình; em cảm ơn bác lao công đã giữ sân trường sạch; em cảm ơn thầy cô đã dạy em học.
- Dặn dò: Về nhà luyện viết thêm chữ Ă, Â và thực hiện một lời cảm ơn ở nhà.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 3: NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG

TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN NIỀM VUI CỦA BI VÀ BỐNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Dựa vào tranh, nói tiếp được các câu để hoàn thành nội dung câu chuyện.

- Kể được 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh, lời kể rõ ràng, đúng trình tự.

- Biết lắng nghe bạn kể, nhận xét được lời kể của bạn theo gợi ý.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: biết kể chuyện trong nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị nội dung kể, mạnh dạn trình bày trước lớp.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn lời kể phù hợp với tranh, thêm cảm xúc khi kể.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm anh chị em.

- Chăm chỉ: tích cực luyện kể, rèn nói thành câu.

- Trách nhiệm: biết hoàn thành nhiệm vụ kể chuyện trong nhóm.

4. Tích hợp:

- Giáo dục quyền con người: HS nhận biết quyền được bày tỏ ý kiến, chia sẻ cảm xúc và sáng tạo qua hoạt động kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh SGK trang 19, thẻ gợi ý kể chuyện, máy chiếu.

- HS: SGK, vở, bút chì; chuẩn bị kể lại câu chuyện cho người thân.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Gợi nhớ nội dung bài đọc và chuẩn bị cho hoạt động kể chuyện.*	
- GV hỏi: Bài Niềm vui của Bi và Bống kể về những nhân vật nào? Hai anh em đã nhìn thấy	- HS trả lời: Bài kể về hai anh em Bi và Bống;

gì?	hai bạn nhìn thấy cầu vồng sau cơn mưa.
- GV giới thiệu bài: Ở tiết học này, các em sẽ dựa vào tranh để nói tiếp câu còn thiếu và kể lại câu chuyện Niềm vui của Bi và Bống bằng lời của mình.	- HS mở SGK trang 19, quan sát 4 tranh kể chuyện.
2. Khám phá (15 phút) *Mục tiêu: Nhận biết nội dung từng tranh và nói tiếp câu còn thiếu.*	
Hoạt động 1: Nói tiếp để hoàn thành câu dưới tranh. *Mục tiêu: HS quan sát tranh, nói tiếp câu đúng nội dung, rõ ý.*	
Bài tập 1: Nói tiếp để hoàn thành câu dưới tranh. Khi cầu vồng hiện ra, Bi nói gì?	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. NÓI VÀ NGHE 1. Nói tiếp để hoàn thành câu dưới tranh. Niềm vui của Bi và Bống Khi cầu vồng hiện ra, Bi nói (...). Có bảy hũ vàng, Bống sẽ (...) và Bi sẽ (...). Anh sẽ vẽ tặng em... Em sẽ vẽ tặng anh... Khi cầu vồng biến mất, (...). Không có bảy hũ vàng, hai anh em vẫn (...). 2. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh. Kể cho người thân nghe câu chuyện *Niềm vui của Bi và Bống*.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh 2 và nói tiếp: Có bảy hũ vàng, Bống sẽ (...) và Bi sẽ (...).	- HS trả lời: Có bảy hũ vàng, Bống sẽ mua nhiều búp bê và quần áo đẹp; Bi sẽ mua một

	con ngựa hồng và một cái ô tô.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh 3 và nói tiếp: Khi cầu vồng biến mất, hai anh em nói gì với nhau?	- HS trả lời: Bống nói sẽ vẽ tặng anh ngựa hồng và ô tô; Bi nói sẽ vẽ tặng em nhiều búp bê và quần áo đủ màu sắc.
- Khi kể chuyện, em có thể thêm cảm xúc hoặc lời nói của nhân vật không?	- HS trả lời: Em có thể thêm cảm xúc phù hợp nhưng cần kể đúng sự việc trong tranh.
- Tích hợp giáo dục quyền con người: GV diễn giải: Khi kể chuyện, mỗi em đều có quyền được bày tỏ ý kiến, được chia sẻ cảm xúc và được sáng tạo trong cách kể. Tuy nhiên, khi bạn kể, các em cần lắng nghe, tôn trọng, không chê cười, góp ý nhẹ nhàng để bạn tự tin hơn.	- HS nêu: Em có quyền kể bằng lời của mình; em cần lắng nghe, tôn trọng và góp ý lịch sự cho bạn.
- GV kết luận: Quan sát tranh kĩ giúp các em nói tiếp câu đúng nội dung câu chuyện.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
3. Thực hành (10 phút) *Mục tiêu: Luyện kể chuyện rõ ràng, đúng trình tự.*	
Hoạt động 2: Kể 1 - 2 đoạn câu chuyện theo tranh. *Mục tiêu: HS kể được 1 - 2 đoạn theo tranh, lời kể rõ ràng, đúng trình tự.*	
Bài tập 2: Chọn kể 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.	HS chuẩn bị đọc đề bài và chọn tranh mình thích để kể.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 4, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV mời một số HS kể trước lớp và hỏi: Bạn kể đã đúng trình tự chưa? Giọng kể có phù hợp không?	- HS kể trước lớp; HS khác nhận xét: bạn kể đúng trình tự, nói rõ lời nhân vật, giọng kể tự nhiên.
- GV kết luận: Khi kể chuyện theo tranh, các em cần kể đúng trình tự, nói rõ lời nhân vật và	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.

biết lắng nghe bạn.	
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.*	
- Dặn dò: Về nhà, em hãy kể lại 1 - 2 đoạn trong câu chuyện cho người thân nghe và nói điều em thích nhất ở Bi hoặc Bống.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 4: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng văn bản Làm việc thật là vui; phát âm đúng các từ khó: tích tắc, sắc xuân, tung bừng, rúc, bận rộn.

- Biết ngắt nghỉ ở câu dài, đọc bài với giọng vui tươi, rõ ràng.

- Bước đầu nhận biết mỗi người, mỗi vật trong bài đều có công việc có ích; trả lời được các câu hỏi về nội dung bài.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự sửa lỗi phát âm.

- Giao tiếp và hợp tác: đọc nhóm, góp ý cách đọc cho bạn.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: liên hệ việc sắp xếp thời gian học tập, vui chơi, làm việc nhà; nhận biết vai trò hỗ trợ của thiết bị thông minh và trách nhiệm kiểm soát của con người.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tham gia hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: biết làm những việc vừa sức, đúng thời điểm.

- Nhân ái: biết giúp đỡ người thân bằng việc làm phù hợp.

4. Tích hợp:

- Giáo dục kĩ năng sống: Rèn kĩ năng quản lí thời gian hợp lí; biết lập kế hoạch cho học tập, vui chơi, nghỉ ngơi và làm việc vừa sức.
- Tích hợp AI - YCCĐ 2.A2.1: HS biết mục đích của AI trong gia đình là hỗ trợ con người, giúp tiết kiệm thời gian, giảm một số công việc nhà; con người vẫn cần sử dụng đúng mục đích và kiểm tra kết quả.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh SGK trang 20 - 21, thẻ từ, máy chiếu, bảng phụ ghi câu dài, bài tập SGK và hình ảnh một số thiết bị thông minh.

- HS: SGK, vở, bút chì, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 **1. Khởi động (5 phút)** *Mục tiêu: Quan sát tranh, nêu hoạt động của người và vật, kết nối vào bài đọc.*	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh SGK trang 20 và trả lời: Mỗi người, mỗi vật trong tranh đang làm gì? 	- HS trả lời: Cái đồng hồ tích tắc báo giờ; con gà trống gáy báo trời sáng; chim bắt sâu; cành đào nở hoa; bạn nhỏ làm bài và chuẩn bị đi học.
- GV hỏi: Trong một ngày, em thường làm những việc gì để việc học, việc chơi và việc nhà không bị lộn xộn?	- HS trả lời: Em học bài, đi học đúng giờ, giúp mẹ dọn bàn, chơi xong cất đồ chơi, chuẩn bị sách vở cho hôm sau.
- Tích hợp giáo dục kĩ năng sống: GV diễn giải: Mỗi ngày có nhiều việc cần làm nên các em cần biết sắp xếp thời gian. Buổi sáng chuẩn bị đi học đúng giờ; khi ở lớp tập trung học tập; về nhà làm bài, giúp việc vừa sức rồi vui chơi, nghỉ ngơi hợp lí. Biết sắp xếp việc làm giúp các em tự giác, không vội vàng, không quên nhiệm vụ và sống có trách nhiệm hơn.	- HS nêu: Em cần xem thời khóa biểu, chuẩn bị sách vở, làm việc vừa sức và nghỉ ngơi đúng giờ.
- GV giới thiệu bài: Xung quanh chúng ta, mọi người và mọi vật đều làm việc. Hôm nay, cô và các em sẽ đọc bài Làm việc thật là vui để thấy vì sao làm việc lại đem đến niềm vui.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Làm việc thật là vui.
2. Khám phá kiến thức *Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (20 phút) *Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng toàn bài; hiểu nghĩa một số từ ngữ; đọc với giọng vui tươi, nhịp vừa phải.*	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị lắng nghe, mở SGK bài Làm việc thật là vui.
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, nhịp	- HS chú ý lắng nghe và đọc thầm theo; nhận

vừa phải; nhấn ở các từ mô tả âm thanh, hoạt động: tích tắc, gáy vang, tu hú, rúc.	biết giọng đọc vui tươi, nhịp vừa phải.
b. HS luyện đọc đoạn, kết hợp đọc từ khó, câu khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc đoạn, đọc từ khó và nêu từ ngữ chưa hiểu.
- GV hướng dẫn HS chia bài thành 2 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến "đồng ruộng"; đoạn 2 phần còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu 2 đoạn trong SGK.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn lần 1; GV theo dõi, sửa lỗi phát âm.	- HS đọc nối tiếp đoạn lần 1; HS khác theo dõi và góp ý.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: tích tắc, báo phút, báo giờ, sắc xuân, tung bừng, rúc, bận rộn.	- HS luyện đọc đúng các từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh.
- GV hướng dẫn ngắt câu dài: "Con gà trống gáy vang ò ó o,/ báo cho mọi người biết trời sắp sáng,/ mau mau thức dậy."	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ sau từng cụm ý.
- GV giải nghĩa từ: sắc xuân là cảnh vật, màu sắc của mùa xuân; tung bừng là nhộn nhịp, tươi vui; rúc là kêu lên một hồi dài.	- HS nhắc lại nghĩa từ bằng lời của mình.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc theo nhóm, biết nghe bạn đọc và góp ý.
- Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm đôi; một bạn đọc, một bạn nghe và góp ý phát âm.	- HS luyện đọc nhóm đôi; bạn nghe góp ý cách phát âm, ngắt nghỉ.
- Tổ chức cho HS thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; cả lớp nhận xét nhóm đọc rõ tiếng, đúng giọng vui tươi.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị luyện đọc toàn bài.
- GV mời 1 - 2 HS đọc toàn bài trước lớp.	- 1 - 2 HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi và nhận xét.
- GV kết luận: Đọc bài với giọng vui giúp các em cảm nhận được niềm vui khi mọi người, mọi vật cùng làm việc có ích.	- HS rút kinh nghiệm về cách đọc bài.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Khắc sâu nội dung đọc ở tiết 1; chuẩn bị cho tiết 2.*	
- GV yêu cầu HS kể tên 2 việc làm có ích em có thể làm ở nhà hoặc ở lớp.	- HS nêu: Em quét lớp, nhặt rác, xếp sách vở, tưới cây, giúp mẹ lau bàn.
- Dặn dò: Về nhà luyện đọc lại bài Làm việc	- HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện đọc.

thật là vui.	
TIẾT 2 **Hoạt động 2: Đọc hiểu (25 phút)** *Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK, hiểu mọi người, mọi vật đều làm việc và làm việc có ích thì vui.*	
- GV yêu cầu HS đọc thầm bài và trả lời: Bài tập 1: Những con vật nào được nói đến trong bài? 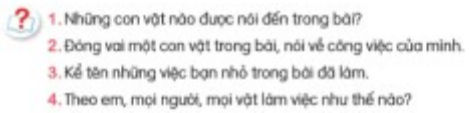 1. Những con vật nào được nói đến trong bài? 2. Đóng vai một con vật trong bài, nói về công việc của mình. 3. Kể tên những việc bạn nhỏ trong bài đã làm. 4. Theo em, mọi người, mọi vật làm việc như thế nào?	- HS trả lời: Những con vật được nói đến là con gà trống, con tu hú, chim bắt sâu.
- GV yêu cầu HS thực hiện: Bài tập 2: Đóng vai một con vật trong bài, nói về công việc của mình.	- HS nói: Tôi là gà trống, tôi gáy vang báo trời sắp sáng. Tôi là chim bắt sâu, tôi bảo vệ mùa màng.
- GV nêu câu hỏi: Bài tập 3: Kể tên những việc bạn nhỏ trong bài đã làm.	- HS trả lời: Bạn nhỏ làm bài, đi học, học xong quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ.
- GV nêu câu hỏi: Bài tập 4: Theo em, mọi người, mọi vật làm việc như thế nào?	- HS trả lời: Mọi người, mọi vật làm việc rất vui, mỗi việc đều có ích cho cuộc sống.
- GV chốt lại nội dung bài đọc: Bài đọc cho thấy quanh ta ai cũng có việc làm; làm việc phù hợp, có ích sẽ đem lại niềm vui.	- HS nhắc lại nội dung chính bằng lời của mình.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại (7 phút) *Mục tiêu: HS luyện đọc lại bài, đọc rõ các câu kể về công việc của từng người, từng vật.*	
- GV đọc diễn cảm một đoạn trong bài, nhấn giọng các từ chỉ âm thanh, hoạt động.	- HS chú ý lắng nghe, nhận biết cách nhấn giọng.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn em thích trong nhóm đôi.	- HS luyện đọc đoạn em thích; bạn nghe góp ý về phát âm và ngắt nghỉ.
- GV mời 1 - 2 HS đọc trước lớp, nhận xét, biểu dương.	- HS đọc trước lớp; HS khác nhận xét và học tập cách đọc của bạn.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Giúp HS biết kết hợp từ ngữ để tạo câu nêu hoạt động và đặt câu nêu hoạt động của bản thân.*	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc.	

Mục tiêu: HS tạo câu nêu hoạt động và liên hệ thiết bị thông minh hỗ trợ việc làm hằng ngày.	
Bài tập 1: Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 1. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu hoạt động. A / B Con gà trống / tích tắc, tích tắc báo phút, báo giờ. Cành đào / gáy vang báo trời sắp sáng. Cái đồng hồ / nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ. 2. Đặt một câu nêu hoạt động của em ở trường.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 4, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV kết luận: Các em đã biết ghép từ ngữ để tạo câu nêu hoạt động có nghĩa.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
Bài tập 2: Đặt một câu nêu hoạt động của em ở trường.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- Nếu gia đình có robot hút bụi, máy giặt thông minh hoặc loa thông minh, những thiết bị đó có thể hỗ trợ con người việc gì?	- HS trả lời: Robot hút bụi giúp quét nhà; máy giặt giúp giặt quần áo; loa thông minh có thể nhắc giờ học, giờ ngủ.
- Tích hợp AI - YCCĐ 2.A2.1: GV diễn giải:	- HS nêu: Thiết bị thông minh có thể giúp con

Một số thiết bị thông minh trong gia đình có dùng AI để hỗ trợ con người, ví dụ robot hút bụi biết di chuyển tránh vật cản, loa thông minh có thể nhắc lịch hoặc trả lời câu hỏi đơn giản. Tuy nhiên, các thiết bị đó chỉ hỗ trợ, con người vẫn cần kiểm tra, sử dụng đúng mục đích, không phụ thuộc hoàn toàn và không nhập thông tin riêng tư khi chưa có người lớn hướng dẫn.	người làm việc nhanh hơn, nhưng em vẫn cần tự làm việc vừa sức và hỏi người lớn khi sử dụng thiết bị.
- GV kết luận: Câu nêu hoạt động cần cho biết rõ ai hoặc vật gì làm gì.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Liên hệ việc làm có ích trong học tập và sinh hoạt.*	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm hôm nay để giúp lớp hoặc giúp gia đình.	- HS nêu: Em sẽ xếp bàn học, giúp mẹ nhặt rau, tưới cây, nhặt rác ở lớp, chuẩn bị sách vở cho ngày mai.
- Dặn dò: Về nhà thực hiện một việc vừa sức và kể lại cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 4: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI; BẢNG CHỮ CÁI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng đoạn chính tả trong bài Làm việc thật là vui.

- Viết đúng các từ khó, trình bày sạch đẹp, đúng dấu câu.

- Tìm được chữ cái còn thiếu trong bảng và học thuộc tên các chữ cái từ g đến ơ.

- Sắp xếp được tên một số cuốn sách theo thứ tự bảng chữ cái dựa vào chữ cái đầu tiên.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự soát lỗi chính tả sau khi viết.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn khi kiểm tra bảng chữ cái.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng bảng chữ cái để sắp xếp tên sách.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, luyện chữ đều nét.

- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch, sách đẹp.

- Nhân ái: biết chia sẻ sách, trân trọng sách và người làm ra sách.

4. Tích hợp:

- Kĩ năng sống: Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo quản sách; rèn thói quen đọc sách thường xuyên để mở rộng tri thức và nuôi dưỡng tâm hồn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Bảng phụ viết đoạn chính tả, bảng chữ cái SGK trang 21 - 22, tranh tên sách.

- HS: Vở chính tả, bảng con, SGK, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Ổn định, kiểm tra sự chuẩn bị và kết nối vào bài viết.*	

- GV hỏi: Trong bài Làm việc thật là vui, bạn nhỏ đã làm những việc gì?	- HS trả lời: Bạn nhỏ làm bài, đi học, quét nhà, nhặt rau, chơi với em đỡ mẹ.
- GV giới thiệu bài: Tiết này, các em sẽ nghe - viết một đoạn trong bài Làm việc thật là vui, sau đó luyện bảng chữ cái và sắp xếp tên sách.	- HS chuẩn bị vở, bút, bảng con để học bài.
2. Khám phá và thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Nghe và viết đúng đoạn chính tả, biết tự soát lỗi.*	
Hoạt động 1: Nghe - viết. *Mục tiêu: HS viết đúng đoạn chính tả, trình bày sạch đẹp.*	
Bài tập 1: Nghe - viết: "Làm việc thật là vui".	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. VIẾT 1. Nghe – viết: Làm việc thật là vui Quanh ta, mọi vật, mọi người đều làm việc. Cái đồng hồ báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang báo trời sắp sáng. Con tu hú gọi mùa vải chín. Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tưng bừng.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV hướng dẫn viết từ khó: tích tắc, báo phút, báo giờ, gà trống, sắc xuân, tung bừng.	- HS luyện viết từ khó vào bảng con, sửa lỗi theo hướng dẫn.
- GV đọc từng cụm từ cho HS viết vào vở, nhắc HS ngồi thẳng lưng, cầm bút đúng cách.	- HS nghe - viết vào vở, viết đúng độ cao chữ, giữ khoảng cách giữa các chữ.
- GV đọc lại toàn đoạn để HS soát lỗi.	- HS soát lỗi, gạch chân chữ viết sai và sửa lại.
- GV kết luận: Nghe kĩ, viết đúng và soát lỗi giúp bài chính tả sạch đẹp hơn.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
3. Thực hành (10 phút) *Mục tiêu: Tìm chữ cái còn thiếu, thuộc tên chữ cái và biết giữ gìn sách.*	

Hoạt động 2: Luyện bảng chữ cái và sắp xếp tên sách.

Mục tiêu: HS hoàn thành bảng chữ cái và sắp xếp tên sách theo thứ tự chữ cái đầu tiên.

Bài tập 2: Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 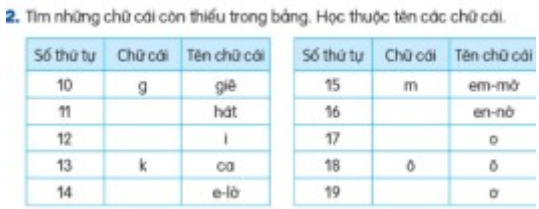 2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái. Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái | Số thứ tự | Chữ cái | Tên chữ cái 10 | g | giê | 15 | m | em-mờ 11 | | hát | 16 | | en-nờ 12 | | i | 17 | | o 13 | k | ca | 18 | ô | ô 14 | | e-lờ | 19 | | ơ	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV kết luận: Thuộc bảng chữ cái giúp các em sắp xếp tên sách, vở và tìm thông tin nhanh hơn.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
Bài tập 3: Dựa vào chữ cái đầu tiên, sắp xếp tên các cuốn sách theo thứ tự bảng chữ cái.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 3. Dựa vào chữ cái đầu tiên, sắp xếp tên các cuốn sách theo thứ tự trong bảng chữ cái.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm

	đúng.
- Khi sử dụng sách ở thư viện hoặc ở nhà, em cần làm gì để giữ sách bền đẹp?	- HS trả lời: Em cần rửa tay sạch, lật trang nhẹ nhàng, không vẽ bậy, không gấp mép sách, cất sách đúng chỗ.
- Tích hợp kĩ năng sống: GV diễn giải: Sách giúp các em học thêm nhiều điều hay nên cần được giữ gìn. Khi đọc sách, các em nên rửa tay sạch, lật trang nhẹ nhàng, không gấp mép, không vẽ bậy, không làm rách sách. Biết giữ gìn sách là biết trân trọng tri thức và tôn trọng người cùng sử dụng sách.	- HS nêu việc làm: Em sẽ bọc sách, cất sách đúng ngăn, không làm rách sách và chia sẻ sách cẩn thận với bạn.
- GV kết luận: Thuộc bảng chữ cái giúp các em sắp xếp tên sách, vở và tìm thông tin nhanh hơn.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Vận dụng bảng chữ cái vào việc sắp xếp sách, vở.*	
- Dặn dò: Về nhà, em hãy xếp 3 - 5 quyển sách hoặc vở của mình theo thứ tự chữ cái đầu tiên của tên sách.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 4: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG; CÂU NÊU HOẠT ĐỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm và gọi tên được các vật trong tranh.

- Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động gắn với các vật trong tranh.

- Đặt được câu nói về việc em làm ở nhà hoặc ở trường theo mẫu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát tranh, tìm từ ngữ phù hợp.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày kết quả rõ ràng.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng từ ngữ để đặt câu trong tình huống quen thuộc.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm từ, đặt câu.

- Trách nhiệm: biết kể việc làm có ích ở nhà, ở trường.

- Nhân ái: biết chia sẻ việc làm tốt với bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh SGK trang 22, thẻ từ, bảng phụ ghi mẫu câu.

- HS: SGK, vở, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Gợi vốn từ chỉ hoạt động gần gũi.*	
- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn": nêu từ chỉ hoạt động em thường làm ở nhà.	- HS nêu: quét nhà, rửa bát, nhặt rau, tưới cây, xếp quần áo, học bài.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay giúp các em tìm từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động và đặt câu	- HS lắng nghe, chuẩn bị học bài.

nêu hoạt động.	
2. Khám phá (10 phút) *Mục tiêu: Nhận biết sự vật trong tranh và gọi tên đúng.*	
Hoạt động 1: Tìm và gọi tên các vật trong tranh. *Mục tiêu: HS quan sát tranh, gọi đúng tên các vật trong tranh.*	
Bài tập 1: Tìm và gọi tên các vật trong tranh.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- Trong các vật vừa tìm, vật nào thường dùng để dọn dẹp nhà cửa?	- HS trả lời: Chổi, khăn, xô, thùng rác thường dùng để dọn dẹp nhà cửa.
- GV kết luận: Quan sát tranh kĩ giúp các em gọi đúng tên sự vật và tìm từ chỉ hoạt động phù hợp.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Tìm từ chỉ hoạt động gắn với sự vật; đặt câu nêu hoạt động.*	
Hoạt động 2: Tìm từ chỉ hoạt động và đặt câu. *Mục tiêu: HS tìm được từ chỉ hoạt động và đặt câu rõ ý.*	

Bài tập 2: Tìm 3 - 5 từ ngữ chỉ hoạt động gắn với các vật trong tranh ở bài tập 1.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 4, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV kết luận: Quan sát tranh kĩ giúp các em gọi đúng tên sự vật và tìm từ chỉ hoạt động phù hợp.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
Bài tập 3: Đặt một câu nói về việc em làm ở nhà. Mẫu: Em quét nhà.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV yêu cầu HS đổi câu về việc làm ở nhà thành câu về việc làm ở trường.	- HS đặt câu: Em quét lớp. Em lau bảng. Em xếp sách lên kệ. Em tưới cây ở góc lớp.
- GV kết luận: Câu nêu hoạt động cần cho biết rõ ai hoặc vật gì làm gì.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Dùng câu nêu hoạt động trong giao tiếp hằng ngày.*	
- GV yêu cầu HS nói 2 câu kể việc em đã làm hôm nay để lớp học sạch đẹp.	- HS nói: Em nhặt rác dưới gầm bàn. Em xếp ghế ngay ngắn. Em lau bảng sau giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 2

CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 4: LÀM VIỆC THẬT LÀ VUI

TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN: KỂ MỘT VIỆC EM ĐÃ LÀM Ở NHÀ; ĐỌC MỞ RỘNG: BÀI VIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾU NHI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát tranh, kể được các việc bạn nhỏ đã làm theo đúng trình tự.

- Viết được 2 - 3 câu kể về một việc em đã làm ở nhà.

- Biết dùng câu rõ ý, có thể nêu cảm nghĩ sau khi làm xong việc.

- Tìm đọc và trao đổi được về bài viết/bài thơ nói về hoạt động của thiếu nhi; biết nêu tên bài đọc và điều em thích nhất.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chọn việc làm để viết đoạn văn.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi ý tưởng với bạn, góp ý bài viết.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sắp xếp ý theo trình tự trước - trong - sau khi làm việc.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực viết bài, sửa bài.

- Trách nhiệm: biết làm việc nhà vừa sức để giúp người thân.

- Nhân ái: biết yêu thương, biết ơn và chia sẻ công việc với gia đình.

4. Tích hợp:

- Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục tình yêu thương, biết ơn, trách nhiệm với gia đình; chăm chỉ, sống nhân ái.

- Tích hợp năng lực số 1.2.CB1a: HS biết phát hiện độ tin cậy, độ chính xác của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số đơn giản khi tìm bài đọc mở rộng; biết chọn bài viết phù hợp với lứa tuổi, có tên bài, tên tác giả/nguồn rõ ràng và không bấm vào đường link lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh SGK trang 23, bảng phụ câu hỏi gợi ý, phiếu lập ý.

- HS: SGK, vở ô li, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Gợi nhớ các việc làm ở nhà và tạo ý tưởng viết đoạn.*	
- GV hỏi: Ở nhà, em đã từng làm việc gì để giúp ông bà, cha mẹ hoặc anh chị em?	- HS trả lời: Em quét nhà, nhặt rau, gấp quần áo, trông em, dọn bàn học.
- GV giới thiệu bài: Tiết này, các em sẽ quan sát tranh, kể lại việc bạn nhỏ đã làm và viết 2 - 3 câu về một việc em đã làm ở nhà.	- HS chuẩn bị quan sát tranh và viết đoạn.
2. Khám phá (12 phút) *Mục tiêu: Hình thành ý tưởng, biết kể theo trình tự.*	
Hoạt động 1: Quan sát tranh và kể việc bạn nhỏ đã làm. *Mục tiêu: HS kể được việc bạn nhỏ đã làm theo tranh.*	
Bài tập 1: Nhìn tranh, kể về các việc bạn nhỏ đã làm.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 1. Nhìn tranh, kể về các việc bạn nhỏ đã làm. 2. Viết 2 – 3 câu kể về một việc em đã làm ở nhà. G: – Em đã làm được việc gì? – Em làm việc đó thế nào? – Nêu suy nghĩ của em khi làm xong việc đó.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 4, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- Khi kể việc làm, em nên kể theo trình tự nào?	- HS trả lời: Em kể theo trình tự: trước tiên làm gì, tiếp theo làm gì, cuối cùng làm gì.

- Vì sao em nên làm những việc nhà vừa sức?	- HS trả lời: Vì làm việc vừa sức giúp em tự lập, giúp đỡ người thân và không bị quá sức.
- Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Làm việc nhà vừa sức là biểu hiện của tình yêu thương và trách nhiệm với gia đình. Các em còn nhỏ nhưng có thể làm nhiều việc phù hợp như xếp đồ chơi, lau bàn, nhặt rau, tưới cây, chuẩn bị sách vở. Khi biết giúp người thân, các em rèn tính chăm chỉ, tự lập, biết yêu lao động và sống có trách nhiệm hơn.	- HS nêu việc làm phù hợp: Em sẽ tự xếp bàn học, phụ mẹ nhặt rau, lau bàn, cất đồ chơi đúng chỗ.
- GV kết luận: Kể theo tranh cần đúng trình tự sự việc và dùng câu rõ ý.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Viết đoạn ngắn đúng nội dung, rõ câu.*	
Hoạt động 2: Viết 2 - 3 câu kể một việc em đã làm ở nhà. *Mục tiêu: HS viết được đoạn ngắn kể việc đã làm ở nhà.*	
Bài tập 2: Viết 2 - 3 câu kể về một việc em đã làm ở nhà.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV gợi ý từng câu: Em đã làm được việc gì? Em làm việc đó như thế nào? Em cảm thấy thế nào sau khi làm xong?	- HS trả lời gợi ý: Em đã nhặt rau giúp mẹ. Em nhặt bỏ lá úa, rửa rau sạch. Em rất vui vì giúp được mẹ.
- GV yêu cầu HS viết đoạn vào vở ô li.	- HS viết đoạn vào vở, chú ý viết hoa đầu câu và dùng dấu chấm cuối câu.

- GV mời HS đọc bài, hướng dẫn cả lớp góp ý về nội dung, dấu câu, chữ viết.	- HS đọc bài; bạn góp ý: câu rõ ý, đủ 2 - 3 câu, có cảm xúc sau khi làm việc.
- GV kết luận: Đoạn văn ngắn cần nêu rõ việc làm, cách làm và cảm nghĩ của em.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Chia sẻ việc làm ở nhà với người thân.*	
- Dặn dò: Về nhà, em hãy đọc đoạn văn cho người thân nghe và thực hiện thêm một việc nhà vừa sức.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.
TIẾT 6	
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng về hoạt động của thiếu nhi.*	
- GV cho HS hát hoặc đọc một câu thơ ngắn về thiếu nhi, sau đó hỏi: Thiếu nhi thường tham gia những hoạt động nào?	- HS trả lời: Thiếu nhi học tập, vui chơi, đọc sách, làm việc tốt, giúp đỡ bạn, tham gia văn nghệ, thể thao.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em sẽ chia sẻ bài viết đã tìm đọc về những hoạt động của thiếu nhi và học cách chọn nguồn đọc an toàn, đáng tin cậy.	- HS lắng nghe, chuẩn bị chia sẻ bài đọc.
2. Khám phá (12 phút) *Mục tiêu: Biết chọn bài đọc phù hợp và nhận biết nguồn thông tin đáng tin cậy.*	
Hoạt động 1: Tìm đọc bài viết về hoạt động của thiếu nhi. *Mục tiêu: HS biết tìm đọc bài viết phù hợp về hoạt động của thiếu nhi.*	
Bài tập 1: Tìm đọc các bài viết về những hoạt động của thiếu nhi.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện bài vào vở/VBT hoặc bảng con theo yêu cầu.	- HS làm bài cá nhân, tự kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- Khi tìm bài đọc trên sách, báo hoặc internet, em cần chú ý điều gì để chọn nguồn đáng tin cậy?	- HS trả lời: Cần xem tên bài, tên tác giả, nguồn đăng; chọn nội dung phù hợp lứa tuổi; không bấm vào trang lạ.
- Tích hợp năng lực số 1.2.CB1a: GV diễn giải: Khi dùng thiết bị số để tìm bài đọc, các em không nên tin ngay mọi thông tin nhìn thấy. Nguồn đáng tin cậy thường có tên bài, tên tác giả, tên sách hoặc trang của cơ quan, nhà xuất bản, thư viện, trường học. Các em cần nhờ người lớn hướng dẫn, chọn bài đọc phù hợp, không nhập họ tên, địa chỉ, số điện thoại lên trang lạ và biết chọn lọc thông tin trước khi chia sẻ với bạn.	- HS nêu: Em chọn bài đọc có tên tác giả, nguồn rõ ràng; em hỏi cô hoặc bố mẹ khi tìm trên internet; em không nhập thông tin riêng tư.
- GV kết luận: Chọn bài đọc phù hợp giúp các em mở rộng hiểu biết và duy trì thói quen đọc.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
3. Thực hành (13 phút) *Mục tiêu: Chia sẻ tên bài đọc và điều em thích nhất trong bài.*	
Hoạt động 2: Trao đổi về bài đã đọc. *Mục tiêu: HS trao đổi rõ tên bài đọc, nội dung chính và điều em thích nhất.*	
Bài tập 2: Trao đổi với các bạn về bài đã đọc. Gợi ý: Tên bài đọc là gì? Điều em thích nhất trong bài đọc là gì?	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài, nêu yêu cầu cần thực hiện.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc lại yêu cầu trọng tâm của đề bài.	- HS lắng nghe, xác định việc cần làm và chuẩn bị thực hiện bài tập.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, trao đổi cách làm và thống nhất kết quả.	- HS làm việc nhóm 2, chia sẻ ý kiến, lắng nghe bạn và hoàn thành nhiệm vụ.

- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả rõ ràng; các bạn theo dõi, nhận xét và bổ sung.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở/VBT, ghi nhớ cách làm đúng.
- GV mời HS giới thiệu bài đọc trước lớp.	- HS giới thiệu trước lớp: Em đọc bài "..." nói về hoạt động... Em thích nhất...
- GV hướng dẫn HS nhận xét: Bạn nói rõ tên bài chưa? Bạn nêu được điều thích nhất chưa?	- HS nhận xét lịch sự: Bạn nói rõ tên bài, nói được điều thích nhất; bạn cần nói to hơn hoặc bổ sung nguồn bài đọc.
- GV kết luận: Khi trao đổi bài đọc, các em cần nói rõ tên bài, nội dung hoặc điều mình thích nhất.	- HS lắng nghe, nhắc lại điều cần ghi nhớ sau bài tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Duy trì thói quen đọc và chuẩn bị bài học sau.*	
- Dặn dò: Về nhà đọc thêm một bài viết hoặc bài thơ về thiếu nhi, ghi lại tên bài và một điều em học được.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 3
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 5: EM CÓ XINH KHÔNG?
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: EM CÓ XINH KHÔNG?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài học; biết ngắt nghỉ hơi phù hợp theo dấu câu, dòng thơ hoặc đoạn văn.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được câu hỏi trong SGK; nêu được nội dung chính của bài.
- Biết luyện đọc lại, trao đổi, nói/viết câu theo nội dung bài học.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc bài Em có xinh không?, tự điều chỉnh giọng đọc lời nhân vật và chuẩn bị câu trả lời về nội dung câu chuyện.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với bạn về nét riêng của mỗi người; lắng nghe, nhận xét bạn đọc, bạn trả lời bằng lời nói tôn trọng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn lời nói phù hợp để động viên bạn tự tin là chính mình, không chê bai hay so sánh ngoại hình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, tôn trọng nét riêng của bản thân và bạn bè; không trêu chọc, không so sánh ngoại hình của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tham gia trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập trong bài đọc.

- Trách nhiệm: có ý thức dùng lời nói tích cực, lịch sự khi nhận xét bạn và khi bày tỏ cảm xúc của bản thân.

4. Tích hợp:

- Quyền con người: Quyền được tôn trọng; HS hiểu mỗi người có nét riêng, có quyền được yêu thương, được nói lên cảm xúc và không bị chê bai, so sánh ngoại hình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 (35 phút) **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Huy động trải nghiệm và tạo hứng thú vào bài mới.**	
- Tổ chức cho HS hát/vận động theo bài Chú voi con.	- HS hát và vận động theo nhịp bài Chú voi con, tạo tâm thế vui vẻ trước khi học.
- Yêu cầu cả lớp quan sát tranh minh họa và làm việc theo cặp: Em thích được khen về điều gì? Bài 5 EM CÓ XINH KHÔNG? ĐỌC Em thích được khen về điều gì? EM CÓ XINH KHÔNG? Voi em thích mặc đẹp và thích được khen xinh. Ở nhà, voi em luôn hỏi anh: "Em có xinh không?". Voi anh bao giờ cũng khen: "Em xinh lắm!". Một hôm, gặp hươu, voi em hỏi: – Em có xinh không? Hươu ngắm voi rồi lắc đầu: – Chưa xinh lắm vì em không có đôi sừng giống anh. Nghe vậy, voi nhặt vài cành cây khô, gài lên đầu rồi đi tiếp.	- HS quan sát tranh, trao đổi với bạn và chia sẻ: Em thích được khen chăm học, biết giúp đỡ bạn, vẽ đẹp, hát hay, đá bóng giỏi.
- GV kết luận: Tranh gợi ý về những vẻ đẹp hay năng lực của con người: bạn gái có mái tóc dài, má lúm đồng tiền; bạn nam đá bóng giỏi hoặc bơi giỏi.	- HS lắng nghe, hiểu rằng mỗi bạn có nét đáng quý riêng.
- GV dẫn dắt giới thiệu bài đọc Em có xinh không?.	- HS mở SGK, ghi tên bài: Em có xinh không?.
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: Giúp HS đọc đúng kĩ thuật văn bản truyện kể và hiểu nội dung bài đọc.**	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (30 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng toàn bài; biết đọc lời nhân vật phù hợp; hiểu nghĩa một số từ khó.**	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị nghe đọc mẫu, mở SGK bài Em có xinh không?.
- Cho HS quan sát tranh minh họa bài đọc, nêu nội dung tranh.	- HS nêu: Tranh minh họa voi em đang đứng cùng hươu với cặp sừng bằng cành cây khô trên đầu.
- GV đọc mẫu toàn bài, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn.	- HS đọc thầm theo, chú ý giọng kể và cách đọc lời nhân vật voi anh, voi em, hươu, dê.

- GV hướng dẫn cách đọc lời của các nhân vật: voi em hồn nhiên, voi anh ân cần, hươu và dê tự nhiên.	- HS lắng nghe, thử đọc lời nhân vật bằng giọng phù hợp.
b. HS luyện đọc đoạn kết hợp đọc từ khó, đọc câu khó và giải nghĩa từ khó.	- HS chuẩn bị chia đoạn, tìm từ khó và luyện đọc.
- GV hướng dẫn HS chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến "vì cậu không có bộ râu giống tôi"; đoạn 2 là phần còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu 2 đoạn trong SGK.
- GV mời 2 HS đọc nối tiếp để HS biết cách luyện đọc theo cặp.	- 2 HS đọc nối tiếp đoạn; cả lớp theo dõi, phát hiện từ khó đọc.
- GV hỏi: Sau khi đọc, em thấy tiếng, từ nào khó đọc?	- HS nêu: xinh lắm, hươu, đôi sừng, đi tiếp, bộ râu, gương.
- GV viết bảng và yêu cầu HS luyện đọc các từ khó.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh và sửa lỗi phát âm.
- GV cho HS đọc nối tiếp đoạn lượt 2, kết hợp hướng dẫn cách đọc lời của từng nhân vật.	- HS đọc nối tiếp lượt 2; biết đọc câu "Em có xinh không?" với giọng hồn nhiên, tự tin.
- GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa các từ ngữ đã chú giải trong mục Từ ngữ.	- HS nêu nghĩa từ đã hiểu, nghe GV giải thích thêm nếu còn lúng túng.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị luyện đọc nối tiếp theo cặp/nhóm.
- GV cho HS luyện đọc nối tiếp theo cặp.	- Từng cặp HS đọc nối tiếp 2 đoạn, góp ý cho nhau về phát âm và giọng đọc.
- GV tổ chức đọc thi đua giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; cả lớp bình chọn nhóm đọc rõ, đúng lời nhân vật.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn văn bản.
- GV gọi 1 - 2 HS đọc toàn văn bản.	- 1 - 2 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo và nhận xét.
TIẾT 2 (35 phút) **Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút)** **Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK, hiểu bài học về sự tự tin và tôn trọng nét riêng. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu mỗi người có nét riêng, có quyền được yêu thương, được nói lên cảm xúc và không bị chê bai, so sánh ngoại hình.**	
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung bài và trả lời các câu hỏi trong SGK. 1. Voi em đã hỏi voi anh, hươu và dê điều gì? 2. Voi em nhận được những câu trả lời như thế nào? a. Voi anh nói: (...). b. Hươu nói: (...). c. Dê nói: (...). 3. Cuối cùng, voi em đã làm theo lời khuyên của ai? Kết quả như thế nào? 4. Em học được điều gì từ câu chuyện của voi em?	- HS đọc thầm lại bài, quan sát phần câu hỏi trong SGK và chuẩn bị trả lời.
- Câu 1. Voi em đã hỏi voi anh, hươu và dê điều gì?	- HS trả lời: Voi em đã hỏi "Em có xinh không?".
- Câu 2. Sau khi nghe hươu và dê nói, voi em đã làm gì?	- HS trả lời: Voi em nhặt vài cành cây khô gài lên đầu để giống hươu; sau đó nhổ một khóm cỏ dại gắn vào cằm để giống dê.
- Câu 3. Trước sự thay đổi của voi em, voi anh đã nói gì?	- HS trả lời: Voi anh nói: "Trời ơi, sao em lại thêm sừng và râu thế này? Xấu lắm!".
- Câu 4. Em học được điều gì từ câu chuyện của voi em?	- HS trả lời: Em học được rằng đẹp nhất là khi được là chính mình, cần tự tin vào vẻ đẹp và nét riêng của bản thân.

- Cuối cùng, voi con nhận ra mình xinh nhất lúc nào?	- HS trả lời: Voi con nhận ra mình xinh nhất khi bỏ sừng, bỏ râu, vui vẻ và tự tin là chính mình.
- Còn các em thì sao? Các em thấy mình xinh nhất khi nào?	- HS trả lời: Em thấy mình xinh nhất khi biết cười, biết giúp đỡ người khác, chăm học và tự tin vào bản thân.
- Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi bạn có ngoại hình, sở thích hoặc khả năng khác mình, chúng ta cần nói và ứng xử như thế nào để bạn được tôn trọng?	- HS trả lời: Chúng em cần tôn trọng bạn, không chê bai, không so sánh ngoại hình, biết khen điểm tốt và động viên bạn tự tin.
- Quyền con người: Mỗi học sinh đều có quyền được tôn trọng, được yêu thương, không bị chê bai hay so sánh với người khác. Các em có quyền thể hiện bản thân, phát triển khả năng, sở thích và nét riêng của mình. Vì vậy, khi học và chơi cùng bạn, các em cần biết tôn trọng sự khác biệt, không trêu chọc ngoại hình hay điểm yếu của bạn, biết khích lệ, động viên để cùng nhau tiến bộ.	- HS lắng nghe và nêu việc làm: không chê bạn thấp, béo, gầy; không cười khi bạn trả lời sai; biết khen bạn khi bạn cố gắng và tôn trọng nét riêng của mỗi người.
- GV chốt nội dung bài đọc: Bài đọc khen ngợi voi em biết đi tìm và tìm thấy sự tự tin ở chính bản thân mình.	- HS nhắc lại: Em cần tự tin là chính mình và tôn trọng nét riêng của bạn.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại (5 phút) **Mục tiêu: HS đọc lại bài theo vai, thể hiện đúng giọng nhân vật.**	
- GV đọc diễn cảm cả bài và hướng dẫn HS đọc lại lời đối thoại.	- HS tập đọc lại lời thoại dựa theo cách đọc của GV.
- GV tổ chức cho HS đọc theo vai.	- HS đọc theo vai voi anh, voi em, hươu, dê; cả lớp góp ý giọng đọc.
3. Thực hành (10 phút) **Mục tiêu: Luyện tập từ ngữ, câu theo văn bản đọc.**	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc **Mục tiêu: HS tìm từ chỉ hành động và nói lời nhân vật phù hợp.**	
Bài tập 1: Những từ ngữ nào chỉ hành động của voi em? - GV yêu cầu HS đọc đề bài. 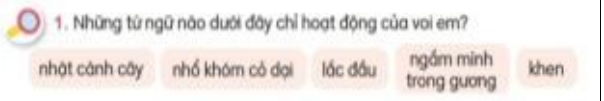	- HS đọc đề bài. - HS quan sát bài tập trong SGK/VBT và chuẩn bị tìm từ ngữ chỉ hành động.
- GV hướng dẫn HS đọc thầm lại văn bản, chú ý các việc làm của voi em.	- HS đọc thầm bài, gạch chân các việc voi em đã làm: nhặt cành cây, nhổ khóm cỏ dại, ngắm mình trong gương.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi và ghi kết quả vào VBT.	- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất đáp án: nhặt cành cây, nhổ khóm cỏ dại, ngắm mình trong gương.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- Đại diện nhóm trình bày: nhặt cành cây, nhổ khóm cỏ dại, ngắm mình trong gương.
- GV sửa bài và kết luận: Những từ ngữ chỉ hành động của voi em là nhặt cành cây, nhổ khóm cỏ dại, ngắm mình trong gương.	- HS sửa bài vào VBT, đọc lại các từ ngữ chỉ hành động.

Bài tập 2: Nếu là voi anh, em sẽ nói gì sau khi voi em bỏ sừng và râu? - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài. - HS suy nghĩ lời nói thể hiện sự động viên, tôn trọng nét riêng của voi em.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập, nhắc HS dùng lời nói nhẹ nhàng, tích cực.	- HS suy nghĩ lời động viên: "Em xinh nhất khi là chính em. Em không cần giống ai khác, em vẫn rất đáng yêu."
- GV cho HS làm việc cặp đôi, đóng vai voi anh - voi em.	- HS thực hành cặp đôi; một bạn đóng vai voi anh nói lời động viên, một bạn đóng vai voi em đáp lại tự tin.
- GV mời một số cặp trình bày trước lớp.	- Một số cặp trình bày: "Em xinh nhất khi là chính em." - "Em cảm ơn anh, em sẽ tự tin hơn."
- GV sửa cách diễn đạt và kết luận: Lời nói cần thể hiện sự yêu thương, động viên để voi em tự tin là chính mình.	- HS lắng nghe, sửa lời nói cho tự nhiên và lịch sự hơn.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS liên hệ bài học với bản thân và chuẩn bị cho tiết sau.**	
- GV hỏi: Sau bài học, em sẽ nói gì để động viên một bạn đang tự ti?	- HS trả lời: Mình thấy bạn có nhiều điểm tốt. Bạn hãy tự tin là chính mình nhé!
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại bài cho người thân nghe và chuẩn bị tiết Viết chữ hoa B.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà và chuẩn bị đồ dùng học tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 3
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 5: EM CÓ XINH KHÔNG?
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA B

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết đúng chữ hoa theo mẫu; nắm được quy trình đặt bút, đưa bút, dừng bút.
- Viết đúng câu ứng dụng; trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách; đặt dấu thanh, dấu phụ đúng vị trí.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, bút; quan sát mẫu chữ hoa B, giữ tư thế ngồi viết đúng và tự soát lỗi bài viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi, nhận xét bài viết của bạn bằng lời lịch sự; góp ý về độ cao, khoảng cách, dấu thanh trong câu ứng dụng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phát hiện lỗi chữ viết, điều chỉnh nét chữ và vận dụng câu Bạn bè chia ngọt sẻ bùi vào cách ứng xử với bạn.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong học tập theo ý nghĩa câu ứng dụng Bạn bè chia ngọt sẻ bùi.
- Chăm chỉ: kiên trì rèn viết chữ hoa B, viết câu ứng dụng đúng mẫu, sạch đẹp.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, chữ rõ ràng, biết tự sửa lỗi và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo tâm thế rèn chữ và kết nối sang bài học mới.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại các chữ hoa đã học.	- HS nhắc lại: A, Ă, Â.
- GV tổ chức cho HS quan sát chữ hoa B trong SGK/Tập viết. 	- HS quan sát mẫu chữ hoa B, chuẩn bị nhận xét độ cao, độ rộng.
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay, các em luyện viết chữ hoa B và câu ứng dụng Bạn bè chia ngọt sẻ bùi.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ thuật viết chữ hoa B.**	
Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa B **Mục tiêu: HS nhận biết cấu tạo, độ cao, độ rộng và quy trình viết chữ hoa B.**	
- GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa B.	- HS quan sát mẫu chữ hoa B.
- GV hướng dẫn HS quan sát chữ viết hoa B, nêu độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết.	- HS nêu: Chữ hoa B cao 5 li, gồm nét móc ngược trái và hai nét cong phải nối liền, tạo thân chữ cân đối.
- GV viết mẫu trên bảng lần 1, cho HS quan sát cách viết trên màn hình nếu có.	- HS theo dõi điểm đặt bút, hướng đưa bút và điểm dừng bút.
- GV viết mẫu lần 2, kết hợp nêu quy trình	- HS nhắc lại: Đặt bút trên đường kẻ 6, viết nét móc

viết.	ngược trái xuống đường kẻ 2, lượn lên; tiếp tục viết hai nét cong phải, cong trên nhỏ hơn cong dưới và dừng bút khoảng đường kẻ 2.
- GV hướng dẫn HS tập viết chữ hoa B trên không, trên bảng con hoặc nháp.	- HS viết chữ B trên không và bảng con, sửa lỗi nét cong, độ cao, độ rộng.
- GV hướng dẫn HS viết vở Tập viết, quan sát và hỗ trợ HS gặp khó khăn.	- HS viết chữ B cỡ vừa và cỡ nhỏ vào vở, giữ tư thế ngồi viết đúng.
- GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.	- HS đổi vở, góp ý về độ cao, nét cong, khoảng cách và độ cân đối.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS biết viết và trình bày câu ứng dụng có chữ hoa B.**	
Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng **Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng, biết nối chữ hoa với chữ thường và đặt dấu thanh đúng vị trí.**	
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: Bạn bè chia ngọt sẻ bùi.	- HS đọc câu ứng dụng: Bạn bè chia ngọt sẻ bùi.
- GV giới thiệu ý nghĩa câu ứng dụng.	- HS hiểu: Bạn bè cần biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau lúc vui cũng như lúc khó khăn.
- GV hỏi: Trong câu ứng dụng, chữ nào viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ B viết hoa vì đứng đầu câu.
- GV hỏi: Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu bằng bao nhiêu?	- HS trả lời: Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng khoảng cách một chữ cái o.
- GV hỏi: Cách đặt dấu thanh trong câu như thế nào?	- HS trả lời: Dấu thanh đặt trên hoặc dưới âm chính: dấu nặng dưới o trong ngọt, dấu hỏi trên e trong sẻ.
- GV chiếu bài viết mẫu câu ứng dụng và viết mẫu nếu cần.	- HS quan sát mẫu câu ứng dụng trên bảng/màn hình.
- GV tổ chức cho HS viết vào vở, quan sát và hướng dẫn HS gặp khó khăn.	- HS viết vào vở Tập viết, chú ý chữ hoa B, khoảng cách, dấu thanh và dấu chấm cuối câu.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS biết soát lỗi, sửa bài viết và vận dụng lời hay vào ứng xử.**	
- GV yêu cầu HS đổi vở theo cặp để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau.	- HS đổi vở, góp ý nhẹ nhàng và tự sửa lỗi nếu có.
- GV hỏi: Em sẽ làm gì để thể hiện tinh thần "chia ngọt sẻ bùi" với bạn?	- HS trả lời: Em sẽ giúp bạn khi bạn gặp khó khăn, chia sẻ đồ dùng học tập và không trêu chọc bạn.
- GV dặn dò: Về nhà luyện viết thêm chữ hoa B và chuẩn bị tiết Nói và nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 3
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 5: EM CÓ XINH KHÔNG?
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN EM CÓ XINH KHÔNG?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Dựa vào tranh, câu hỏi gợi ý để kể hoặc nói được nội dung câu chuyện.
- Biết nghe bạn nói/kể, nhận xét và trao đổi chi tiết phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động quan sát tranh, nhớ trình tự sự việc và tập kể câu chuyện Em có xinh không? bằng lời của mình.
- Giao tiếp và hợp tác: kể chuyện rõ ràng, biết lắng nghe bạn kể, tôn trọng lượt lời và góp ý nhẹ nhàng cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, lời kể, lời thoại phù hợp để thể hiện thông điệp tự tin là chính mình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết động viên bạn khi bạn kể còn lúng túng, không cười chê và tôn trọng cách thể hiện của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện kể theo tranh, ghi nhớ nội dung câu chuyện và mạnh dạn kể trước nhóm, trước lớp.
- Trách nhiệm: thực hiện đúng nhiệm vụ kể chuyện, lắng nghe nhận xét và biết kể lại câu chuyện cho người thân nghe.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và kết nối với bài học mới.**	
- GV hỏi nhanh: Em nhớ điều gì về câu chuyện Em có xinh không?.	- HS nêu: Voi em đi hỏi mọi người xem mình có xinh không và cuối cùng hiểu rằng mình đẹp nhất khi là chính mình.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em sẽ quan sát tranh và kể lại câu chuyện Em có xinh không?.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) **Mục tiêu: HS biết quan sát tranh, xác định nhân vật, sự việc trong từng tranh.**	
Hoạt động 1: Quan sát tranh, nêu tên các nhân vật và sự việc **Mục tiêu: HS nhận diện đúng nhân vật, sự việc trong tranh.**	
Bài tập 1: Quan sát tranh, nói tên các nhân vật và sự việc được thể hiện trong tranh. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài. - HS quan sát tranh, nêu: Tranh có voi em, voi anh, hươu, dê; mỗi tranh thể hiện một sự việc trong câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập theo nhóm đôi.	- HS thảo luận nhóm đôi, nêu nội dung từng tranh: Tranh 1: Voi em hỏi voi anh; Tranh 2: Voi em hỏi hươu và gắn sừng; Tranh 3: Voi em hỏi dê và gắn râu; Tranh 4: Voi em bỏ sừng, bỏ râu và vui vẻ là chính mình.
- GV cho HS trình bày nội dung từng tranh.	- Đại diện nhóm trình bày nội dung 4 tranh; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV sửa bài và kết luận: Tranh 1: Voi em hỏi voi anh; Tranh 2: Voi em hỏi hươu và gắn sừng; Tranh 3: Voi em hỏi dê và gắn râu; Tranh 4: Voi em bỏ sừng, bỏ râu và vui vẻ là chính mình.	- HS sửa lại câu trả lời cho đúng trình tự câu chuyện.
- GV nhận xét, giúp HS sắp xếp tranh theo đúng trình tự câu chuyện.	- HS ghi nhớ trình tự 4 tranh để chuẩn bị kể.
3. Thực hành (17 phút) **Mục tiêu: HS chọn kể 1 - 2 đoạn hoặc kể toàn bộ câu chuyện theo tranh.**	
Hoạt động 2: Chọn kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh **Mục tiêu: HS kể rõ ràng, biết dùng lời kể của mình, không bắt buộc kể đúng nguyên văn.**	
Bài tập 2: Chọn kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS nhìn tranh, nhớ lại nội dung, chọn 1 - 2 đoạn mình nhớ nhất hoặc thích nhất để tập kể.	- HS làm việc cá nhân, chọn đoạn để tập kể; ví dụ: kể tranh 1 voi em hỏi voi anh hoặc tranh 4 voi em bỏ sừng, bỏ râu và vui vẻ là chính mình.
- GV cho HS kể trong nhóm bốn; các bạn lắng nghe và góp ý cho nhau.	- HS kể trong nhóm bốn, đổi vai người kể và người nghe; bạn nghe góp ý về trình tự tranh và lời kể.
- GV mời HS kể nối tiếp trước lớp.	- 2 - 4 HS kể nối tiếp từng đoạn; cả lớp lắng nghe, nhận xét lời kể đã đúng tranh chưa.
- GV sửa lời kể và kết luận: Khi kể chuyện cần kể đúng trình tự, nói rõ ràng, biết dùng lời của mình.	- HS điều chỉnh lời kể cho rõ ý, đúng trình tự và dùng lời kể tự nhiên hơn.
- GV tổ chức cho HS đóng vai kể lại toàn bộ câu chuyện tùy khả năng.	- HS đóng vai voi em, voi anh, hươu, dê hoặc người kể chuyện.
- GV nhấn mạnh ý nghĩa câu chuyện.	- HS nêu: Câu chuyện khuyên chúng em tự tin là chính mình, không bắt chước người khác một cách máy móc.
4. Vận dụng (5 phút)	

Mục tiêu: HS biết kể lại câu chuyện cho người thân và liên hệ với bản thân.	
- GV nêu yêu cầu: Về nhà kể lại câu chuyện Em có xinh không? cho người thân nghe.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nhiệm vụ kể chuyện ở nhà.
- GV hỏi: Khi nghe bạn kể chuyện còn lúng túng, em cần làm gì?	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, không cười chê, góp ý nhẹ nhàng và động viên bạn.
- GV dặn dò: Chuẩn bị bài Một giờ học.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 3
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 6: MỘT GIỜ HỌC
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: MỘT GIỜ HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài học; biết ngắt nghỉ hơi phù hợp theo dấu câu, dòng thơ hoặc đoạn văn.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được câu hỏi trong SGK; nêu được nội dung chính của bài.
- Biết luyện đọc lại, trao đổi, nói/viết câu theo nội dung bài học.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc bài Một giờ học, chuẩn bị câu trả lời và rèn sự mạnh dạn khi phát biểu trước lớp.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi câu hỏi trong nhóm, lắng nghe bạn nói trước lớp và động viên bạn khi bạn còn lúng túng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách nói, lời khen, lời đáp phù hợp để giúp bản thân và bạn bè tự tin hơn trong giờ học.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết cổ vũ, không cười chê khi bạn nói chưa lưu loát; tôn trọng quyền học tập và bày tỏ ý kiến của bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, phát biểu, đọc phân vai và hoàn thành câu hỏi tìm hiểu bài.
- Trách nhiệm: mạnh dạn bày tỏ ý kiến, lắng nghe thầy cô và bạn bè, thực hiện nền nếp học tập trong giờ học.

4. Tích hợp:

- Quyền con người: HS nhận biết quyền được bình đẳng về cơ hội học tập, được tạo điều kiện để phát triển bản thân, được tiếp cận thông tin và bày tỏ ý kiến.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 (35 phút) **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối trải nghiệm của HS với bài học mới.**	
- GV cho HS nghe bài hát Những em bé ngoan hoặc hỏi: Em đã được thầy cô khen khi nào?	- HS chia sẻ: Em được khen khi học bài đầy đủ, phát biểu, giúp bạn hoặc giữ trật tự.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài đọc, nói về việc làm của các bạn trong lớp. 	- HS quan sát tranh và nêu: Thầy giáo đang hướng dẫn học sinh; các bạn ngồi học, lắng nghe và tham gia giờ học.

- GV dẫn dắt vào bài Một giờ học.	- HS lắng nghe, mở SGK và ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc.**	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (30 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng câu chuyện; biết đọc lời thoại của thầy giáo và nhân vật Quang.**	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị nghe đọc mẫu.
- GV đọc mẫu toàn bài; chú ý giọng điệu của thầy giáo và lời nhân vật Quang.	- HS đọc thầm theo, chú ý giọng thầy giáo ân cần, động viên; giọng Quang lúc đầu lúng túng, sau tự tin hơn.
b. HS luyện đọc đoạn kết hợp đọc từ khó, đọc câu khó và giải nghĩa từ khó.	- HS chuẩn bị chia đoạn, luyện đọc từ khó.
- GV hướng dẫn HS chia đoạn câu chuyện.	- HS đánh dấu các đoạn trong SGK theo hướng dẫn.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn lần 1.	- HS đọc nối tiếp đoạn; HS khác theo dõi, góp ý phát âm.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: lúng túng, kiên nhẫn, thầy giáo, trước lớp, tự tin.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh.
- GV hướng dẫn đọc câu dài và lời thoại trong bài.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ và thể hiện lời nhân vật phù hợp.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 và giải nghĩa từ.	- HS đọc lần 2, nêu từ chưa hiểu và nghe bạn/GV giải thích.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS luyện đọc theo nhóm, biết góp ý cho bạn.
- GV cho HS luyện đọc nối tiếp trong nhóm.	- Từng nhóm đọc nối tiếp, sửa lỗi cho nhau.
- GV tổ chức thi đọc giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; nhóm khác nhận xét.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- GV mời 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
TIẾT 2 (35 phút) **Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút)** **Mục tiêu: HS trả lời câu hỏi SGK, hiểu nội dung câu chuyện. Mục tiêu tích hợp: HS biết mỗi bạn đều có quyền học tập, được động viên, được bày tỏ ý kiến và không bị cười chê khi còn lúng túng.**	
- GV hướng dẫn HS đọc thầm bài và trả lời câu hỏi trong SGK. 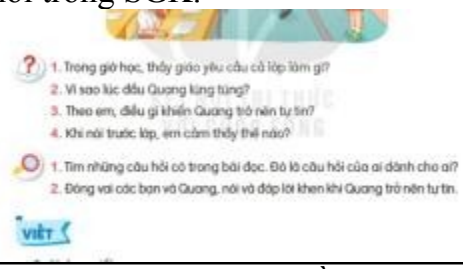 1. Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp làm gì? 2. Vì sao lúc đầu Quang lúng túng? 3. Theo em, điều gì khiến Quang trở nên tự tin? 4. Khi nói trước lớp, em cảm thấy thế nào? 1. Tìm những câu hỏi có trong bài đọc. Đó là câu hỏi của ai dành cho ai? 2. Đóng vai các bạn và Quang, nói và đáp lời khen khi Quang trở nên tự tin. VIẾT	- HS đọc thầm bài, quan sát câu hỏi và tìm chi tiết trả lời.
- Câu 1. Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp làm gì?	- HS trả lời: Thầy giáo yêu cầu cả lớp tập nói trước lớp về bất cứ điều gì mình thích.
- Câu 2. Vì sao lúc đầu Quang lúng túng?	- HS trả lời: Quang lúng túng vì chưa quen nói trước lớp, ngại nói và không biết bắt đầu thế nào.
- Câu 3. Theo em, điều gì khiến Quang trở nên tự tin?	- HS trả lời: Thầy giáo và các bạn động viên, khích lệ nên Quang dần tự tin hơn.
- Câu 4. Khi nói trước lớp, em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Em có thể hồi hộp, lo lắng nhưng nếu được động viên, em sẽ mạnh dạn hơn.
- Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi một bạn nói	- HS trả lời: Chúng em cần lắng nghe, không cười

trước lớp còn ngập ngừng, chúng ta cần làm gì để bạn được tự tin học tập và bày tỏ ý kiến?	chê, cổ vũ bạn, chờ bạn nói hết và góp ý nhẹ nhàng.
- Quyền con người: Mỗi học sinh đều có quyền được học tập bình đẳng, được thầy cô tạo điều kiện để phát triển bản thân, được tiếp cận thông tin và bày tỏ ý kiến của mình. Khi bạn còn rụt rè hoặc lúng túng, lớp cần lắng nghe, động viên, không cười chê để bạn cảm thấy an toàn và tự tin hơn.	- HS lắng nghe, nêu việc làm: chú ý nghe bạn nói, vỗ tay động viên, không ngắt lời, không trêu chọc và giúp bạn luyện nói.
- GV chốt nội dung: Câu chuyện cho thấy sự động viên của thầy cô, bạn bè giúp học sinh tự tin hơn trong học tập.	- HS nhắc lại: Em cần lắng nghe, cổ vũ bạn và mạnh dạn bày tỏ ý kiến.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại (5 phút) **Mục tiêu: HS đọc lại bài, thể hiện lời nhân vật phù hợp.**	
- GV đọc diễn cảm một đoạn và hướng dẫn HS luyện đọc.	- HS lắng nghe, luyện đọc lại đoạn có lời thoại.
- GV tổ chức cho HS đọc phân vai.	- HS đọc phân vai thầy giáo, Quang và người kể chuyện.
3. Thực hành (10 phút) **Mục tiêu: HS luyện tập theo văn bản đọc, biết tìm câu hỏi và câu khen phù hợp.**	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc **Mục tiêu: HS nhận diện câu hỏi và nói đáp lời khen.**	
Bài tập 1: Tìm những câu hỏi có trong bài đọc. Đó là câu hỏi của ai dành cho ai? - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS đọc thầm bài, tìm các câu có dấu chấm hỏi.	- HS đọc thầm bài và tìm được các câu hỏi: "Sáng nay ngủ dậy, em đã làm gì?", "Rồi gì nữa?"
- GV cho HS làm việc nhóm đôi, trình bày kết quả và sửa bài.	- HS thảo luận nhóm đôi, trình bày: Hai câu hỏi trên là câu hỏi của thầy giáo dành cho Quang.
- GV kết luận: Câu hỏi là câu dùng để hỏi điều chưa biết; cuối câu hỏi thường có dấu chấm hỏi.	- HS sửa bài, ghi nhớ cuối câu hỏi thường có dấu chấm hỏi.
Bài tập 2: Đóng vai các bạn và Quang, nói và đáp lời khen khi Quang trở nên tự tin. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS dùng lời khen chân thành và lời đáp lịch sự.	- HS nêu mẫu lời khen và lời đáp: "Bạn giỏi thật đấy!" - "Cảm ơn bạn đã động viên tớ."
- GV cho HS làm việc cặp đôi, đóng vai nói - đáp.	- HS thực hành cặp đôi: một bạn nói lời khen, một bạn đáp lời khen.
- GV mời một số cặp trình bày và kết luận: Khi được khen, em cần biết cảm ơn; khi khen bạn, cần nói lời chân thành, động viên.	- HS trình bày: "Bạn rất tự tin!" - "Cảm ơn bạn, tớ sẽ cố gắng hơn nữa."; HS lắng nghe và sửa lời nói cho lịch sự, tự nhiên.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS liên hệ cách rèn sự tự tin trong học tập.**	
- GV hỏi: Em sẽ làm gì để tự tin hơn khi	- HS trả lời: Em sẽ chuẩn bị trước, nói chậm, nhìn

phát biểu hoặc nói trước lớp?	vào bạn, mạnh dạn giơ tay và tập nói mỗi ngày.
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại bài và kể cho người thân nghe một lần em đã cố gắng tự tin.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chuẩn bị tiết Viết.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 3
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 6: MỘT GIỜ HỌC
TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT MỘT GIỜ HỌC; BẢNG CHỮ CÁI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được yêu cầu học tập trong SGK: đọc, viết, luyện từ/câu hoặc chia sẻ theo nhiệm vụ.
- Vận dụng kiến thức vào giao tiếp, học tập và sinh hoạt hằng ngày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, bút; nghe - viết cẩn thận đoạn bài Một giờ học, tự soát lỗi chính tả và ôn bảng chữ cái.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở, góp ý lỗi chính tả, cách trình bày cho bạn bằng lời nhẹ nhàng, dễ hiểu.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng bảng chữ cái để sắp xếp tên bạn, tìm sách, tra cứu hoặc tìm thông tin đơn giản trong học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: rèn viết đúng đoạn chính tả, luyện đọc và ghi nhớ các chữ cái từ p đến y.
- Trung thực: tự soát lỗi, nhận ra lỗi sai của mình và sửa lỗi đúng theo hướng dẫn.
- Trách nhiệm: trình bày bài viết sạch, rõ ràng, giữ gìn vở viết và hoàn thành nhiệm vụ chính tả.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và kết nối với hoạt động nghe - viết.**	
- GV tổ chức cho HS hát hoặc đọc nhanh một đoạn trong bài Một giờ học.	- HS hát/đọc theo hướng dẫn, chuẩn bị vở viết.
- GV giới thiệu nhiệm vụ tiết học: Nghe - viết đoạn trong bài Một giờ học và ôn bảng chữ cái.	- HS lắng nghe, mở vở, chuẩn bị bút.
2. Khám phá kiến thức (17 phút) **Mục tiêu: HS nghe - viết đúng đoạn văn, trình bày sạch đẹp và soát lỗi.**	
Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe - viết **Mục tiêu: HS nhận biết hiện tượng chính tả và viết đúng đoạn nghe - viết.**	
- GV đọc đoạn chính tả trong bài Một giờ học. VIẾT 1. Nghe – viết: Một giờ học Đúng là nói trước cả lớp thì chẳng dễ chút nào. Lúc đầu, Quang còn ngượng nghịu. Nhưng nhờ thầy giáo và các bạn động viên, Quang đã tự tin hơn và nói một cách lưu loát. 28	- HS lắng nghe, theo dõi đoạn viết trong SGK.
- GV hỏi: Đoạn văn có những chữ nào cần viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ đầu đoạn, đầu câu và tên riêng cần viết hoa.
- GV hướng dẫn HS viết từ dễ sai: lúng túng, kiên nhẫn, thầy giáo, trước lớp.	- HS viết bảng con/nháp các từ khó và sửa lỗi nếu có.
- GV đọc cho HS viết chính tả, đọc rõ từng cụm từ.	- HS nghe - viết vào vở, ngồi đúng tư thế và trình bày sạch đẹp.
- GV đọc lại đoạn viết cho HS soát lỗi.	- HS đổi vở hoặc tự soát lỗi, sửa lỗi bằng bút chì.

3. Thực hành (10 phút) **Mục tiêu: HS ôn tên chữ cái từ p đến y và sắp xếp tên bạn theo thứ tự bảng chữ cái.**	
Hoạt động 2: Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng; học thuộc tên chữ cái **Mục tiêu: HS hoàn thiện bảng chữ cái và đọc đúng tên chữ cái.**	
Bài tập 1: Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng; học thuộc tên chữ cái. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái. Số thứ tự / Chữ cái / Tên chữ cái: 20 p pê; 21 q quy; 22 r e-rờ; 23 s ét-sì; 24 t tê Số thứ tự / Chữ cái / Tên chữ cái: 25 u; 26 ư ư; 27 v vê; 28 x ích-xì; 29 i dài 3. Sắp xếp tên các bạn dưới đây theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái. Viết lại tên các bạn theo thứ tự đã sắp xếp.	- HS đọc đề bài. - HS quan sát bảng chữ cái trong SGK, tìm những chữ cái còn thiếu từ p đến y.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập cá nhân.	- HS làm bài cá nhân, điền các chữ cái còn thiếu: p, q, r, s, t, u, ư, v, x, y.
- GV cho HS đọc tên chữ cái cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS đọc tên chữ cái cá nhân, nhóm, đồng thanh theo thứ tự từ p đến y.
- GV sửa bài và kết luận: Cần nhớ đúng thứ tự chữ cái và tên chữ cái để học chính tả, tra cứu, sắp xếp tên.	- HS sửa bài và ghi nhớ thứ tự, tên chữ cái từ p đến y.
Bài tập 2: Sắp xếp tên các bạn theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS nhìn chữ cái đầu trong tên bạn để sắp xếp.	- HS quan sát tên các bạn, xác định chữ cái đầu của tên: Q, S, T, V, X.
- GV cho HS làm việc nhóm đôi, trình bày kết quả và sửa bài.	- HS làm việc nhóm đôi, trình bày kết quả: Quân, Sơn, Tuấn, Vân, Xuân.
- GV kết luận: Khi sắp xếp tên theo bảng chữ cái, cần so sánh chữ cái đầu của tên; nếu giống nhau thì so sánh chữ tiếp theo.	- HS đối chiếu, sửa bài và ghi nhớ cách sắp xếp tên theo bảng chữ cái.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS biết sử dụng bảng chữ cái trong học tập hằng ngày.**	
- GV hỏi: Bảng chữ cái giúp em làm việc gì trong học tập?	- HS trả lời: Bảng chữ cái giúp em tra từ điển, sắp xếp tên bạn, tìm sách và học chính tả tốt hơn.
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại bảng chữ cái từ p đến y và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 3
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 6: MỘT GIỜ HỌC
TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM; CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được yêu cầu học tập trong SGK: đọc, viết, luyện từ/câu hoặc chia sẻ theo nhiệm vụ.
- Vận dụng kiến thức vào giao tiếp, học tập và sinh hoạt hằng ngày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự nhận diện từ chỉ đặc điểm, hoàn thành bài ghép câu và đặt câu nêu đặc điểm.
- Giao tiếp và hợp tác: biết làm việc nhóm đôi, chia sẻ câu nêu đặc điểm và dùng lời nhận xét tích cực khi nói về bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ phù hợp để đặt câu khen, câu nêu đặc điểm; tránh dùng từ làm bạn buồn.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết dùng lời nói tích cực, tôn trọng đặc điểm của bạn bè, không chê bai ngoại hình.
- Chăm chỉ: tích cực làm bài tập về từ chỉ đặc điểm, câu nêu đặc điểm và sửa bài theo hướng dẫn.
- Trách nhiệm: nói và viết câu đúng, lịch sự; biết sử dụng từ ngữ phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về từ chỉ đặc điểm.**	
- GV yêu cầu HS nói nhanh một từ chỉ đặc điểm của bạn trong lớp bằng lời tích cực.	- HS nêu: chăm chỉ, vui vẻ, nhanh nhẹn, lễ phép, tự tin.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em luyện tập từ chỉ đặc điểm và câu nêu đặc điểm.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: HS nhận biết được từ chỉ đặc điểm.**	
Hoạt động 1: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm **Mục tiêu: HS chọn đúng từ chỉ đặc điểm trong nhóm từ cho trước.**	
Bài tập 1: Những từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm? - GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài. - HS quan sát các từ ngữ trong SGK và chuẩn bị chọn từ chỉ đặc điểm.
- GV hướng dẫn HS hiểu: Từ chỉ đặc điểm cho biết sự vật, con người như thế nào.	- HS nhắc lại: Từ chỉ đặc điểm trả lời cho câu hỏi "như thế nào?".
- GV nêu ví dụ ngắn để HS nhận biết từ chỉ	- HS nêu thêm ví dụ: cao, thấp, chăm chỉ, vui vẻ, đen

màu sắc, hình dáng, tính chất.	nhánh.
- GV cho HS làm việc nhóm đôi, chọn từ chỉ đặc điểm.	- HS thảo luận nhóm đôi, chọn các từ: mượt mà, bầu bĩnh, sáng, cao, đen láy, đen nhánh.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV sửa bài và kết luận: Các từ chỉ đặc điểm là mượt mà, bầu bĩnh, sáng, cao, đen láy, đen nhánh; các từ đôi mắt, khuôn mặt, vầng trán, mái tóc là từ chỉ sự vật.	- HS sửa bài và ghi nhớ cách nhận biết từ chỉ đặc điểm.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS ghép từ để tạo câu nêu đặc điểm và đặt câu nêu đặc điểm.**	
Hoạt động 2: Ghép các từ ngữ ở bài tập 1 để tạo câu nêu đặc điểm **Mục tiêu: HS tạo được câu nêu đặc điểm đúng ngữ nghĩa.**	
Bài tập 2: Ghép các từ ngữ ở bài tập 1 để tạo câu nêu đặc điểm. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS ghép từ ngữ chỉ sự vật với từ ngữ chỉ đặc điểm sao cho phù hợp.	- HS ghép miệng: Đôi mắt sáng; Vầng trán cao; Khuôn mặt bầu bĩnh; Mái tóc đen nhánh.
- GV cho HS làm bài cá nhân vào VBT.	- HS làm bài cá nhân vào VBT, viết các câu đã ghép.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả: Đôi mắt sáng; Vầng trán cao; Khuôn mặt bầu bĩnh; Mái tóc đen nhánh.
- GV sửa bài và kết luận: Câu nêu đặc điểm cần có sự vật và đặc điểm phù hợp của sự vật đó.	- HS sửa bài nếu cần, ghi nhớ cách ghép sự vật với đặc điểm phù hợp.
Bài tập 3: Đặt một câu nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp em. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS đặt câu lịch sự, tích cực, không chê bai ngoại hình của bạn.	- HS đặt câu: Bạn Lan có mái tóc dài. Bạn Nam có nụ cười rất tươi. Bạn Minh cao và nhanh nhẹn.
- GV cho HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm đôi.	- HS làm việc cá nhân, sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh và góp ý cho nhau.
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày câu của mình trước lớp: Bạn Hà có đôi mắt đen láy; bạn An có nụ cười tươi.
- GV sửa câu và kết luận: Khi nói về đặc điểm của bạn, cần dùng lời khen tích cực, tôn trọng bạn.	- HS lắng nghe, biết dùng lời khen tích cực và tránh chê bai ngoại hình của bạn.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS vận dụng câu nêu đặc điểm khi giao tiếp.**	
- GV yêu cầu HS nói một câu khen đặc điểm tích cực của bạn.	- HS nói: Bạn Mai viết chữ đẹp. Bạn An rất chăm chỉ. Bạn Huy đọc bài rõ ràng.
- GV dặn dò: Về nhà đặt thêm 2 câu nêu đặc điểm về người thân hoặc đồ vật.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 3
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 6: MỘT GIỜ HỌC
TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN: VIẾT ĐOẠN VĂN KỂ VIỆC THƯỜNG LÀM; ĐỌC MỞ RỘNG: BÀI THƠ, CÂU CHUYỆN VỀ TRẺ EM LÀM VIỆC NHÀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được yêu cầu học tập trong SGK: đọc, viết, luyện từ/câu hoặc chia sẻ theo nhiệm vụ.
- Vận dụng kiến thức vào giao tiếp, học tập và sinh hoạt hằng ngày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự nhớ việc thường làm hằng ngày, lập ý, viết đoạn văn ngắn và lựa chọn bài đọc mở rộng phù hợp về trẻ em làm việc nhà.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm/cặp để góp ý đoạn văn, chia sẻ tên bài thơ hoặc câu chuyện đã đọc bằng lời rõ ràng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sắp xếp việc làm theo trình tự hợp lí, chọn chi tiết cụ thể để viết đoạn và liên hệ việc giúp đỡ gia đình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương người thân, chia sẻ việc nhà vừa sức và trân trọng công sức của gia đình.
- Chăm chỉ: tích cực viết đoạn văn, luyện đọc, chia sẻ bài đọc mở rộng và sửa bài theo góp ý.
- Trách nhiệm: tự giác thực hiện việc thường làm, hoàn thành nhiệm vụ học tập và có ý thức giúp đỡ gia đình.

4. Tích hợp:

- Tích hợp năng lực số 1.1.CB1a: HS xác định được nhu cầu thông tin và thực hiện tìm kiếm đơn giản trong môi trường số dưới sự hướng dẫn; biết tìm bài thơ/câu chuyện thiếu nhi phù hợp, chọn nguồn đọc an toàn, rõ tên bài, tác giả hoặc địa chỉ nguồn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5 (35 phút)	
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Kết nối với trải nghiệm hằng ngày của HS.**	
- GV hỏi: Ở nhà, em thường làm những việc gì để giúp bản thân hoặc gia đình?	- HS trả lời: Em gấp chăn, quét nhà, rửa cốc, tưới cây, soạn sách vở, phụ mẹ nhặt rau.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, các em viết đoạn văn kể việc thường làm.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết đoạn.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) **Mục tiêu: HS quan sát tranh và nói được việc bạn nhỏ đã làm.**	
Hoạt động 1: Nói về hoạt động của bạn nhỏ trong tranh **Mục tiêu: HS nêu được việc làm, thời gian và cảm xúc của bạn nhỏ.**	
Bài tập 1: Nói về hoạt động của bạn nhỏ trong tranh. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.

- GV hướng dẫn HS quan sát từng tranh, nêu việc làm, thời gian và cảm xúc của bạn nhỏ.	- HS thảo luận nhóm đôi và trả lời: Tranh 1 bạn nhỏ thức dậy, vươn vai trên giường; tranh 2 bạn nhỏ đánh răng; tranh 3 bạn nhỏ ăn sáng; tranh 4 bạn nhỏ đeo cặp đi học. Các việc diễn ra vào buổi sáng, bạn nhỏ cảm thấy vui vẻ, thoải mái.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, trình bày kết quả và sửa bài.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV kết luận: Bạn nhỏ biết tự làm những việc vừa sức như thức dậy đúng giờ, đánh răng, ăn sáng, chuẩn bị đồ dùng đi học; đó là thói quen tự phục vụ tốt.	- HS sửa câu trả lời cho rõ ý và ghi nhớ các việc cần tự làm trước khi đi học.
3. Thực hành (17 phút) **Mục tiêu: HS viết được 3 - 4 câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.**	
Hoạt động 2: Viết 3 - 4 câu kể những việc em thường làm trước khi đi học **Mục tiêu: HS viết đoạn văn đủ ý, câu rõ ràng, dùng dấu câu phù hợp.**	
Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu kể những việc em thường làm trước khi đi học. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài: Viết 3 - 4 câu kể những việc em thường làm trước khi đi học.
- GV gợi ý HS trả lời lần lượt các câu hỏi: Trước khi đi học, em thường làm những việc gì? Em làm việc đó vào lúc nào? Em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Em thức dậy lúc 6 giờ, đánh răng, rửa mặt, ăn sáng, soạn sách vở và chào bố mẹ đi học.
- GV cho HS trao đổi nhóm đôi để nói miệng đoạn văn trước khi viết.	- HS trao đổi nhóm đôi, góp ý cho nhau nói đủ ý.
- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn theo trình tự thời gian.	- HS lắng nghe, nắm cách sắp xếp các việc theo trình tự thời gian.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.	- HS viết đoạn văn vào vở. Ví dụ: "Mỗi buổi sáng, em thức dậy và gấp chăn gọn gàng. Sau đó, em đánh răng, rửa mặt và ăn sáng. Em mặc đồng phục, soạn sách vở rồi chào bố mẹ đi học."
- GV mời HS đọc bài viết trước lớp.	- 2 - 3 HS đọc bài; cả lớp nhận xét về nội dung, câu văn và dấu câu.
- GV nhận xét, sửa lỗi câu và khen bài viết tiến bộ.	- HS sửa bài, bổ sung câu nếu cần.
- GV kết luận: Đoạn văn cần kể đúng việc thường làm, sắp xếp theo trình tự và dùng	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách viết đoạn văn kể việc

câu rõ ràng.	thường làm.
- GV cho HS hoàn thiện đoạn văn vào vở.	- HS hoàn thiện bài viết vào vở.
- GV nhắc HS đọc lại bài để tự soát lỗi chính tả, dấu câu.	- HS tự soát lỗi chính tả, dấu câu và sửa lỗi nếu có.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS hình thành thói quen tự phục vụ trước khi đi học.**	
- GV hỏi: Việc tự chuẩn bị trước khi đi học giúp em điều gì?	- HS trả lời: Giúp em đi học đúng giờ, không quên sách vở và tự lập hơn.
- GV dặn dò: Về nhà đọc đoạn văn cho người thân nghe và thực hiện việc tự chuẩn bị sách vở mỗi tối.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.
TIẾT 6 (35 phút)	
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng và liên hệ với việc làm hằng ngày.**	
- GV hỏi: Em đã đọc hoặc nghe bài thơ, câu chuyện nào nói về trẻ em làm việc nhà?	- HS chia sẻ: Em biết bài thơ Đôi bàn tay bé hoặc câu chuyện về bạn nhỏ giúp mẹ.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em tìm đọc và chia sẻ bài thơ, câu chuyện về trẻ em làm việc nhà.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách/truyện hoặc bài đọc do GV giới thiệu.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: HS tìm được bài thơ, câu chuyện phù hợp và nêu được thông tin chính.**	
Hoạt động 1: Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà **Mục tiêu: HS biết tìm bài đọc phù hợp, nêu được tên bài, tác giả hoặc nguồn; mục tiêu tích hợp: HS biết dùng từ khóa đơn giản để tìm thông tin trong nguồn số an toàn dưới sự hướng dẫn.**	
Bài tập 1: Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập: tìm bài đọc phù hợp với chủ đề trẻ em làm việc nhà, tự phục vụ bản thân, giúp đỡ gia đình.	- HS tìm bài đọc phù hợp với chủ đề trong sách, thư viện lớp hoặc bài đọc do GV chuẩn bị.
- GV cho HS làm việc cá nhân, nêu tên bài, tác giả hoặc nguồn trước nhóm đôi/nhóm bốn; chỉ nêu miệng tên bài, tác giả hoặc nguồn.	- HS làm việc cá nhân, chia sẻ tên bài, tác giả hoặc nguồn với bạn; không ghi vào mẫu riêng.
- Nếu tìm trên môi trường số, GV hỏi: Em sẽ dùng từ khóa nào và cần lưu ý điều gì?	- HS trả lời: Em dùng từ khóa "bài thơ trẻ em làm việc nhà", "câu chuyện bé giúp mẹ"; em cần nhờ người lớn/GV hướng dẫn, chọn nguồn an toàn và

	không nhập thông tin cá nhân.
- Tích hợp năng lực số 1.1.CB1a: Khi cần tìm bài thơ hoặc câu chuyện về trẻ em làm việc nhà, các em cần xác định thông tin cần tìm, dùng từ khóa ngắn, đọc tên bài, tên tác giả hoặc nguồn rõ ràng. Các em chỉ tìm trong nguồn số an toàn do thầy cô hoặc người lớn hướng dẫn, không bấm vào trang lạ, không chia sẻ họ tên, lớp, số điện thoại, địa chỉ nhà hoặc hình ảnh cá nhân.	- HS lắng nghe, nêu lại cách tìm an toàn: dùng từ khóa ngắn, chọn nguồn được cô hướng dẫn, ghi tên bài - tác giả, không chia sẻ thông tin cá nhân.
- GV kết luận: Bài đọc phù hợp là bài có nội dung nói về trẻ em biết tự phục vụ, làm việc nhà vừa sức, chăm chỉ và yêu thương gia đình.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách chọn bài đọc phù hợp và chuẩn bị chia sẻ với bạn.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS đọc cho bạn nghe một đoạn em thích và biết trao đổi nội dung.**	
Hoạt động 2: Đọc cho các bạn nghe một đoạn em thích **Mục tiêu: HS chia sẻ bài đọc rõ ràng, biết lắng nghe và đặt câu hỏi.**	
Bài tập 2: Đọc cho bạn nghe một đoạn thơ hoặc đoạn văn em thích. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài.
- GV hướng dẫn HS chọn đoạn ngắn, đọc rõ ràng, nói được lí do em thích đoạn đó.	- HS chọn đoạn thơ hoặc đoạn văn em thích để đọc cho bạn nghe và chuẩn bị nêu lí do em thích.
- GV cho HS đọc trong nhóm bốn và trao đổi: Bạn nhỏ trong bài đã làm việc gì? Em học được điều gì từ bạn?	- HS đọc đoạn thơ/đoạn văn trong nhóm bốn, lắng nghe bạn đọc và trao đổi: Bạn nhỏ biết giúp mẹ, tự làm việc vừa sức; em học được sự chăm chỉ, tự lập và yêu thương gia đình.
- GV quan sát, hỗ trợ nhóm còn lúng túng.	- HS còn lúng túng được GV gợi ý, nói lại câu trả lời cho rõ ý hơn.
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày tên bài, tác giả/nguồn và đọc đoạn em thích; bạn khác lắng nghe, nhận xét.
- GV sửa cách trình bày và kết luận: Khi chia sẻ bài đọc, cần nói rõ tên bài, tác giả/nguồn, đọc đoạn em thích và nêu điều học được.	- HS sửa cách trình bày cho rõ ràng hơn và ghi nhớ cách chia sẻ bài đọc.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS vận dụng nội dung đọc mở rộng vào việc làm hằng ngày.**	
- GV hỏi: Sau tiết học, em sẽ chọn một việc nhà nào để làm hằng ngày?	- HS trả lời: Em sẽ gấp chăn, quét nhà, rửa cốc, sắp xếp bàn học hoặc tưới cây.
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại bài/đoạn em thích cho người thân nghe và thực hiện một việc nhà vừa sức.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, thực hiện ở nhà và chuẩn bị bài học tuần sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY

BÀI 7: CÂY XẤU HỔ
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: CÂY XẤU HỔ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài học; biết ngắt nghỉ hơi phù hợp theo dấu câu, dòng thơ hoặc đoạn văn.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được câu hỏi trong SGK; nêu được nội dung chính của bài.
- Biết luyện đọc lại, trao đổi, nói/viết câu theo nội dung bài học.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, tự sửa lỗi phát âm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung bài học với việc làm hằng ngày.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm: yêu quý trường lớp, bạn bè, thiên nhiên; tích cực học tập và thực hiện nền nếp.

4. Tích hợp:

- Quyền con người (quyền trẻ em): Mỗi học sinh có quyền được học tập, vui chơi trong môi trường lành mạnh, được tôn trọng và bày tỏ ý kiến của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Giúp HS huy động vốn hiểu biết, trải nghiệm, cảm xúc để tiếp nhận bài đọc.**	
- GV tổ chức trò chơi "Mảnh ghép bí ẩn" để kiểm tra bài cũ.	- HS tham gia trò chơi, nhắc lại nội dung bài đã học và trả lời nhanh câu hỏi của GV.
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh họa SGK và thảo luận nhóm đôi: Em biết gì về loài cây trong tranh? 	- HS thảo luận nhóm đôi, nêu: Đây là cây xấu hổ; cây có những chiếc lá nhỏ, khi chạm vào hoặc có tiếng động lạ thì lá có thể khép lại.
- Dựa vào tên bài đọc và tranh minh họa, thử đoán xem loài cây có gì đặc biệt.	- HS dự đoán: Cây xấu hổ có thể khép lá, co rúm lại; có thể cây nhút nhát nên không dám nhìn cảnh đẹp xung quanh.
- GV gọi đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận theo từng câu.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung: Cây xấu hổ có lá khép lại khi nghe tiếng động hoặc khi bị chạm vào.
- GV giới thiệu: Câu chuyện kể về một tình huống cây xấu hổ vì quá nhút nhát đã khép những mắt lá lại nên không nhìn thấy một con chim xanh tuyệt đẹp và sau đó tiếc	- HS lắng nghe, chuẩn bị đọc bài.

nuối.	
- GV ghi đề bài: Cây xấu hổ.	- HS mở vở, ghi tên bài: Cây xấu hổ.
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc.**	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (20 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng, trôi chảy toàn bài; phát âm đúng từ khó, biết ngắt nghỉ theo dấu câu và ý nghĩa câu dài.**	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị SGK, đọc thầm theo khi nghe GV đọc mẫu.
- GV đọc mẫu toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn; có thể dừng sau đoạn 1 để gợi hỏi nhanh nội dung.	- HS đọc thầm theo, chú ý giọng kể nhẹ nhàng, cách ngắt nghỉ ở câu dài và các từ ngữ miêu tả.
b. HS luyện đọc đoạn kết hợp đọc từ khó, đọc câu khó và giải nghĩa từ khó.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng đoạn, tìm từ khó, câu khó trong bài.
- GV hướng dẫn HS chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến "không có gì lạ thật"; đoạn 2 là phần còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu 2 đoạn trong SGK theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp đoạn lần 1, kết hợp luyện đọc từ khó, giọng đọc từng đoạn.	- HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1; HS khác theo dõi và góp ý phát âm.
- GV viết bảng một số từ khó và tổ chức cho HS luyện đọc: xung quanh, xanh biếc, lóng lánh, xuýt xoa, xôn xao.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh; sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS đọc câu dài: "Không biết bao giờ con chim xanh huyền diệu ấy quay trở lại?"	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ đúng và thể hiện giọng tiếc nuối.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp tìm hiểu nghĩa từ.	- HS đọc nối tiếp lần 2, nêu từ chưa hiểu như xôn xao, xuýt xoa, thanh mai và nghe bạn/GV giải nghĩa.
- GV hỏi: Em hãy nói một câu có từ xôn xao.	- HS đặt câu: Tiếng gió thổi xôn xao trên vòm lá. Sân trường xôn xao khi tiếng trống vang lên.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị luyện đọc nhóm/cặp, biết lắng nghe bạn đọc.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm/cặp.	- Từng cặp hoặc nhóm đọc nối tiếp 2 đoạn, góp ý cho nhau về phát âm và ngắt nghỉ.
- GV tổ chức cho HS thi đọc nối đoạn giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; nhóm khác nhận xét, bình chọn nhóm đọc rõ, đúng, có cảm xúc.
- GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.	- HS đọc chậm được GV hỗ trợ luyện lại từ khó, câu khó; HS tiến bộ được tuyên dương.
d. Đọc toàn văn bản.	- HS chuẩn bị đọc lại toàn bài.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bộ bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo và nhận xét.
- GV đánh giá, biểu dương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm để đọc tốt hơn.
TIẾT 2 **Hoạt động 2: Đọc hiểu (25 phút)** **Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi trong SGK, hiểu đặc điểm của cây xấu hổ và rút ra bài học.** **Mục tiêu tích hợp: HS biết tôn trọng bạn rụt rè, động viên bạn mạnh dạn bày tỏ ý kiến.**	
- GV mời 4 HS nối tiếp nhau đọc 4 câu hỏi trong SGK.	- 4 HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi; cả lớp đọc thầm theo.

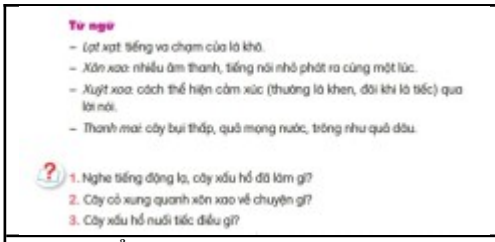	
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ để tìm câu trả lời.	- HS thảo luận nhóm đôi, tìm chi tiết trong bài và chuẩn bị câu trả lời trọn ý.
- Câu 1. Nghe tiếng động lạ, cây xấu hổ đã làm gì?	- HS trả lời: Nghe tiếng động lạ, cây xấu hổ khép những mắt lá lại, co rúm mình lại.
- Câu 2. Cây cỏ xung quanh xôn xao về chuyện gì?	- HS trả lời: Cây cỏ xung quanh xôn xao về chuyện một con chim xanh biếc, toàn thân lóng lánh không biết từ đâu bay tới rồi lại vội bay đi ngay.
- Câu 3. Cây xấu hổ nuối tiếc điều gì?	- HS trả lời: Cây xấu hổ tiếc nuối vì không nhìn thấy con chim xanh rất đẹp.
- GV hỏi thêm: Câu văn nào thể hiện sự nuối tiếc của cây xấu hổ? Vì sao cây xấu hổ tiếc?	- HS trả lời: Câu "Không biết bao giờ con chim xanh huyền diệu ấy quay trở lại?" thể hiện sự nuối tiếc. Cây xấu hổ tiếc vì đã khép lá, không dám nhìn nên bỏ lỡ cảnh đẹp.
- Câu 4. Câu văn nào cho biết cây xấu hổ rất mong con chim xanh quay trở lại?	- HS trả lời: Câu "Không biết bao giờ con chim xanh huyền diệu ấy quay trở lại?" cho biết cây xấu hổ rất mong con chim xanh quay trở lại.
- GV đặt câu hỏi dẫn: Ở lớp, nếu có bạn còn rụt rè, ít phát biểu như cây xấu hổ, chúng ta nên làm gì để bạn mạnh dạn hơn?	- HS trả lời: Chúng em nên lắng nghe, không chê cười, động viên bạn nói, cho bạn thời gian suy nghĩ và khuyến khích bạn tham gia hoạt động.
- Quyền con người (quyền trẻ em): Mỗi học sinh đều có quyền được học tập, vui chơi trong môi trường lành mạnh, an toàn và thân thiện; được thầy cô, bạn bè tôn trọng, yêu thương; được bày tỏ ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc của mình. Vì vậy, khi thấy bạn còn nhút nhát, các em cần động viên, không trêu chọc, biết lắng nghe và giúp bạn tự tin hơn trong học tập, giao tiếp.	- HS lắng nghe, nêu việc làm: động viên bạn phát biểu, không cười chê khi bạn trả lời chưa đúng, cổ vũ bạn tham gia trò chơi và biết tôn trọng ý kiến của bạn.
- GV chốt nội dung bài đọc: Câu chuyện giúp chúng ta hiểu không nên quá nhút nhát, cần mạnh dạn quan sát, học hỏi và biết yêu vẻ đẹp của thiên nhiên.	- HS nhắc lại: Em cần mạnh dạn hơn, biết yêu thiên nhiên và không bỏ lỡ những điều đẹp xung quanh.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại (7 phút) **Mục tiêu: HS đọc lại bài với giọng phù hợp, biết thể hiện cảm xúc của nhân vật.**	
- GV đọc diễn cảm toàn bài, lưu ý giọng của nhân vật và giọng kể.	- HS lắng nghe, chú ý giọng tiếc nuối của cây xấu hổ.
- GV gọi HS đọc toàn bài.	- 2 - 3 HS đọc lại toàn bài; HS khác nhận xét giọng đọc, cách ngắt nghỉ.
3. Thực hành (10 phút) **Mục tiêu: HS hiểu rõ hơn ý nghĩa bài đọc; nhận biết từ chỉ đặc điểm và nói lời nhân vật phù hợp.**	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc **Mục tiêu: HS tìm được từ chỉ đặc điểm và nói tiếp lời cây xấu hổ.**	
- GV mời 1 - 2 HS đọc yêu cầu: Những từ	- HS đọc yêu cầu và nêu các từ cho trước trong

ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm? 	SGK/VBT.
- GV hướng dẫn: Từ chỉ đặc điểm là từ chỉ màu sắc, hình dáng, kích thước, mùi vị, tính chất của sự vật.	- HS lắng nghe, nhắc lại: Từ chỉ đặc điểm cho biết sự vật như thế nào.
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi và làm bài.	- HS trao đổi nhóm đôi, chọn các từ chỉ đặc điểm: đẹp, lóng lánh, xanh biếc.
- GV yêu cầu HS nói tiếp lời cây xấu hổ: "Mình rất tiếc (...)".	- HS nói: Mình rất tiếc vì đã không mở mắt để nhìn thấy con chim xanh. Mình rất tiếc vì đã quá nhút nhát.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS liên hệ bài học với bản thân và chuẩn bị cho bài sau.**	
- GV hỏi: Sau bài học, em sẽ làm gì để mạnh dạn hơn khi học tập và giao tiếp?	- HS trả lời: Em sẽ giơ tay phát biểu, mạnh dạn hỏi khi chưa hiểu, lắng nghe bạn và không chê cười bạn.
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại bài Cây xấu hổ cho người thân nghe và quan sát một loài cây em thích.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, về nhà đọc bài và quan sát cây cối xung quanh.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 7: CÂY XẤU HỔ
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA C

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết đúng chữ hoa C cỡ vừa và cỡ nhỏ; nắm được quy trình đặt bút, đưa bút, dừng bút.
- Viết đúng câu ứng dụng: Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách; đặt dấu thanh đúng vị trí.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: giữ tư thế ngồi viết đúng, biết tự soát lỗi chữ viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời lịch sự.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: kiên trì rèn chữ, giữ vở sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú bước vào bài mới, ôn các chữ hoa đã học.**	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo bài Bảng chữ cái Tiếng Việt.	- HS hát và vận động theo bài hát, chuẩn bị tâm thế học viết.
- GV hỏi: Các em đã học những chữ hoa nào?	- HS trả lời: Em đã học chữ hoa A, Ă, Â, B.
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay, chúng ta luyện viết chữ hoa C và câu ứng dụng "Có công mài sắt, có ngày nên kim".	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) **Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ thuật viết chữ hoa C.**	
Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa **Mục tiêu: HS quan sát mẫu, nêu cấu tạo và luyện viết đúng chữ hoa C.**	
- GV giới thiệu mẫu chữ hoa C trong SGK/Tập viết. 	- HS quan sát mẫu chữ hoa C.
- GV hướng dẫn HS quan sát chữ hoa C, nêu độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết.	- HS nêu: Chữ hoa C cao 5 li, rộng khoảng 4 li, gồm một nét cong trái lớn, thân chữ cân đối.
- GV viết mẫu trên bảng lớp lần 1 và cho HS quan sát cách viết trên màn hình nếu có.	- HS theo dõi cách viết mẫu, nhận biết điểm đặt bút, hướng đưa bút và điểm dừng bút.
- GV viết mẫu lần 2, kết hợp nêu quy trình: Đặt bút trên đường kẻ ngang 6, đưa bút sang trái tạo nét cong, lượn xuống gần đường kẻ ngang 1, tiếp tục đưa bút cong lên và dừng bút ở khoảng giữa đường kẻ ngang 2 và 3.	- HS nhắc lại quy trình: Đặt bút trên đường kẻ 6, đưa bút theo nét cong trái, lượn xuống rồi cong lên, dừng bút đúng vị trí; chữ cao 5 li, nét cong đều.

- GV hướng dẫn HS tập viết chữ hoa C trên không, trên bảng con hoặc nháp.	- HS viết chữ hoa C trên không, bảng con hoặc nháp theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết; quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	- HS viết chữ hoa C cỡ vừa và cỡ nhỏ vào vở, giữ đúng tư thế ngồi viết.
- GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.	- HS đổi vở, góp ý cho bạn về độ cao, nét cong, điểm dừng bút và độ cân đối của chữ.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS biết viết và trình bày câu ứng dụng có chữ hoa C.**	
Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng **Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng, đúng khoảng cách và dấu thanh.**	
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: "Có công mài sắt, có ngày nên kim."	- HS đọc câu ứng dụng: Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- GV hỏi: Câu tục ngữ khuyên chúng ta điều gì?	- HS trả lời: Câu tục ngữ khuyên chúng ta phải kiên trì, chăm chỉ thì sẽ đạt kết quả tốt.
- GV hỏi: Trong câu ứng dụng, chữ nào viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ C viết hoa vì đứng đầu câu.
- GV hỏi: Khoảng cách giữa các tiếng bằng bao nhiêu? Dấu thanh đặt ở đâu?	- HS trả lời: Khoảng cách giữa các tiếng bằng một chữ cái o; dấu thanh đặt đúng trên hoặc dưới âm chính.
- GV chiếu bài viết mẫu/viết mẫu trên bảng.	- HS quan sát câu ứng dụng mẫu và chú ý độ cao các con chữ.
- GV tổ chức cho HS viết vào vở; quan sát, hỗ trợ HS viết chậm.	- HS viết vào vở Tập viết, trình bày sạch, đúng dòng, đúng khoảng cách.
Hoạt động 3: Soát lỗi, chữa bài **Mục tiêu: HS biết phát hiện lỗi và sửa bài viết.**	
- GV yêu cầu HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý theo cặp đôi.	- HS đổi vở, phát hiện lỗi, góp ý cho bạn về chữ hoa C, khoảng cách và dấu thanh.
- GV chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.	- HS chú ý, tự sửa sai nếu có.
- GV mở rộng: Em hãy tìm thêm một câu có tiếng bắt đầu bằng chữ C viết hoa.	- HS nêu: Cường chăm chỉ học bài. Cô giáo khen cả lớp.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS ghi nhớ quy trình viết và vận dụng rèn chữ ở nhà.**	
- GV hỏi: Khi viết chữ hoa C, em cần nhớ điều gì?	- HS trả lời: Em cần đặt bút đúng vị trí, đưa bút theo nét cong đều, dừng bút đúng điểm và giữ chữ cân đối.
- GV dặn dò: Về nhà luyện viết thêm chữ hoa C và đọc lại câu ứng dụng cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 7: CÂY XẤU HỔ
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN CHÚ ĐỖ CON

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe và nhận biết được sự việc trong câu chuyện Chú đỗ con.
- Dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý để kể lại 1 - 2 đoạn câu chuyện.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: kể rõ ràng, biết lắng nghe, góp ý cho bạn.
- Tự chủ và tự học: mạnh dạn tập kể theo lời của mình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trách nhiệm: yêu thiên nhiên, biết chăm sóc cây xanh và tôn trọng bạn khi bạn kể chuyện.

4. Tích hợp:

- Lí tưởng cách mạng - đạo đức - lối sống: HS biết yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp; biết chăm sóc cây xanh bằng việc làm phù hợp, tự tin kể chuyện và lắng nghe bạn kể với thái độ tôn trọng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới và kết nối bài.**	
- GV cho HS vận động nhẹ hoặc hát một bài hát về cây xanh.	- HS vận động/hát theo nhịp, tạo tâm thế vui vẻ.
- GV dẫn dắt: Hôm nay, các em nghe và kể câu chuyện Chú đỗ con.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) **Mục tiêu: HS biết xem tranh, nghe GV kể chuyện để nắm nội dung toàn câu chuyện.**	
Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung và nghe kể câu chuyện **Mục tiêu: HS quan sát tranh, dự đoán và ghi nhớ các sự việc chính.**	
- GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh, đọc câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh và dự đoán nội dung câu chuyện. NÓI VÀ NGHE 1. Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh. Chú đỗ con (Theo *Truyện kể cho bé Mầm non*) Cuộc gặp gỡ của đỗ con và cô mưa xuân diễn ra thế nào? Cuộc gặp gỡ của đỗ con và chị gió xuân diễn ra thế nào? Cuộc gặp gỡ của đỗ con và bác mặt trời diễn ra thế nào? Cuối cùng, đỗ con làm gì? 2. Nghe kể câu chuyện. 3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.	- HS quan sát tranh, dự đoán câu chuyện kể về hạt đỗ gặp mưa xuân, gió xuân, mặt trời và lớn lên thành cây đỗ.
- GV kể câu chuyện lần 1, kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.	- HS chú ý quan sát tranh và lắng nghe GV kể chuyện.

- GV kể câu chuyện lần 2, thỉnh thoảng dừng lại để hỏi sự việc tiếp theo.	- HS lắng nghe, tập kể theo một số câu và ghi nhớ chi tiết câu chuyện.
- GV nêu câu hỏi: Cuộc gặp gỡ của đỗ con và cô mưa xuân diễn ra thế nào?	- HS trả lời: Đỗ con ngủ dưới đất, cô mưa xuân đến đánh thức, làm đất ấm và giúp đỗ con tỉnh dậy.
- GV nêu câu hỏi: Cuộc gặp gỡ của đỗ con và chị gió xuân diễn ra thế nào?	- HS trả lời: Chị gió xuân đến trò chuyện, động viên đỗ con vươn mình lớn lên.
- GV nêu câu hỏi: Cuộc gặp gỡ của đỗ con và bác mặt trời diễn ra thế nào?	- HS trả lời: Bác mặt trời chiếu ánh nắng ấm áp, giúp đỗ con lớn mạnh hơn.
- GV hỏi: Cuối cùng, đỗ con làm gì?	- HS trả lời: Đỗ con xòe hai cánh tay nhỏ, vươn lên khỏi mặt đất và trở thành cây đỗ.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS kể lại được 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.**	
Hoạt động 2: Chọn kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh **Mục tiêu: HS kể theo tranh bằng lời của mình, không cần kể đúng từng câu chữ.**	
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: nhìn tranh, nhớ lại câu chuyện, chọn 1 - 2 đoạn em thích để tập kể.	- HS làm việc cá nhân, chọn đoạn mình nhớ nhất hoặc thích nhất để tập kể.
- GV tổ chức cho HS tập kể chuyện theo nhóm bốn: một bạn kể, các bạn khác lắng nghe, góp ý rồi đổi vai.	- HS tập kể trong nhóm, đổi vai người kể và người nghe để bạn nào cũng được kể.
- GV mời 2 - 3 HS kể trước lớp.	- 2 - 3 HS kể 1 - 2 đoạn trước lớp; cả lớp theo dõi, nhận xét.
- GV tổ chức cho HS kể nối tiếp toàn bộ câu chuyện nếu lớp có khả năng.	- HS kể nối tiếp theo tranh, biết dùng lời kể tự nhiên.
- GV nhận xét, khen HS kể rõ ràng, biết nhìn tranh và nhớ trình tự sự việc.	- HS lắng nghe, tự tin hơn khi kể chuyện.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS liên hệ việc chăm sóc cây xanh và biết lắng nghe, động viên bạn khi kể chuyện.** **Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp, chăm sóc cây xanh bằng việc làm phù hợp.**	
- GV hỏi dẫn: Qua câu chuyện Chú đỗ con, em cần làm gì để thể hiện tình yêu thiên nhiên và chăm sóc cây xanh?	- HS trả lời: Em không bẻ cành, không hái hoa, tưới cây vừa đủ, nhặt rác quanh gốc cây và nhắc bạn cùng giữ gìn cây xanh.
- Lí tưởng cách mạng - đạo đức - lối sống: Thiên nhiên làm cho cuộc sống tươi đẹp hơn. Mỗi học sinh cần biết yêu cây xanh, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, chăm sóc cây bằng việc làm phù hợp như tưới cây, nhặt lá khô, không giẫm lên bồn hoa, không bẻ cành. Khi bạn kể chuyện, các em cũng cần lắng nghe, động viên, không cười chê để bạn tự tin thể hiện.	- HS lắng nghe, nêu lời cam kết: Em sẽ chăm sóc cây xanh, không hái hoa bẻ cành, lắng nghe bạn kể chuyện và cổ vũ bạn khi bạn còn rụt rè.
- GV dặn dò: Về nhà kể lại câu chuyện Chú đỗ con cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, về nhà kể chuyện cho người thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 8: CẦU THỦ DỰ BỊ
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: CẦU THỦ DỰ BỊ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:
- Đọc đúng, rõ ràng bài học; biết ngắt nghỉ hơi phù hợp theo dấu câu, dòng thơ hoặc đoạn văn.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được câu hỏi trong SGK; nêu được nội dung chính của bài.
- Biết luyện đọc lại, trao đổi, nói/viết câu theo nội dung bài học.

2. Năng lực chung:
- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, tự sửa lỗi phát âm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung bài học với việc làm hằng ngày.

3. Phẩm chất:
- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm: yêu quý trường lớp, bạn bè, thiên nhiên; tích cực học tập và thực hiện nền nếp.

4. Tích hợp:
- Quyền con người (quyền trẻ em): HS có quyền được vui chơi, tham gia hoạt động thể thao lành mạnh, được rèn luyện sức khỏe, thể hiện năng khiếu và được tôn trọng trong tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC
- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Huy động trải nghiệm về hoạt động thể thao và tạo hứng thú trước khi đọc bài.**	
- GV đưa tranh minh họa trong SGK, yêu cầu HS quan sát. 	- HS quan sát tranh minh họa bài Cầu thủ dự bị.
- GV hỏi: Các bạn nhỏ đang chơi môn thể thao gì?	- HS trả lời: Các bạn nhỏ đang chơi bóng đá.
- GV hỏi: Em có thích môn thể thao này không? Vì sao?	- HS nêu theo cảm xúc thật: Em thích vì được chạy, đá bóng cùng bạn; hoặc em chưa thích vì em đá bóng chưa giỏi.
- GV hỏi: Theo em, "cầu thủ dự bị" là ai?	- HS trả lời: Cầu thủ dự bị là người chưa vào sân chính thức nhưng có thể thay bạn hoặc bổ sung khi cần.
- GV giới thiệu bài: Bài đọc Cầu thủ dự bị kể về gấu con rất muốn chơi bóng đá và đã kiên trì luyện tập.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Cầu thủ dự bị.
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung câu chuyện.**	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (20 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng câu chuyện; phân biệt lời người kể và lời nhân vật.**	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị đọc thầm theo.
- GV đọc mẫu toàn bài; chú ý giọng người kể,	- HS đọc thầm theo, chú ý cách đọc lời đối thoại

giọng gấu con, khỉ và các bạn.	và từ ngữ thể hiện cảm xúc.
b. HS luyện đọc đoạn kết hợp đọc từ khó, câu khó và giải nghĩa từ khó.	- HS chuẩn bị luyện đọc theo đoạn.
- GV hướng dẫn chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến "vui vẻ nhận gấu con làm cầu thủ dự bị"; đoạn 2 tiếp theo đến "dần vào gôn"; đoạn 3 tiếp theo đến "chẳng giỏi hơn"; đoạn 4 phần còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp đoạn lần 1, kết hợp luyện phát âm từ khó.	- HS đọc nối tiếp đoạn lần 1; luyện từ khó như luyện tập, ngạc nhiên, hiệp, gôn, sút.
- GV hướng dẫn HS đọc câu đối thoại: "Này, vào đội tớ nhé!", "Hoan hô! Cầu thủ dự bị cũng hay nhỉ!".	- HS luyện đọc lời nhân vật với giọng phù hợp: ngạc nhiên, vui mừng, khích lệ.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 và giải nghĩa từ "dự bị".	- HS đọc nối tiếp lần 2; nêu nghĩa từ dự bị: chưa chính thức tham gia nhưng có thể thay thế hoặc bổ sung khi cần.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc nhóm, biết nhận xét bạn bằng lời nhẹ nhàng.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc nhóm bốn.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm bốn, góp ý cho nhau về phát âm, giọng đọc.
- GV tổ chức cho HS thi đọc giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; nhóm khác nhận xét, bình chọn nhóm đọc tốt.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi trong SGK.
TIẾT 2 **Hoạt động 2: Đọc hiểu (25 phút)** **Mục tiêu: HS trả lời câu hỏi trong SGK, hiểu tinh thần kiên trì của gấu con. Mục tiêu tích hợp: HS biết tôn trọng bạn, không chê bai bạn còn chậm và tạo cơ hội để bạn cùng tham gia.**	
- GV hướng dẫn HS đọc thầm từng đoạn để trả lời các câu hỏi trong SGK. 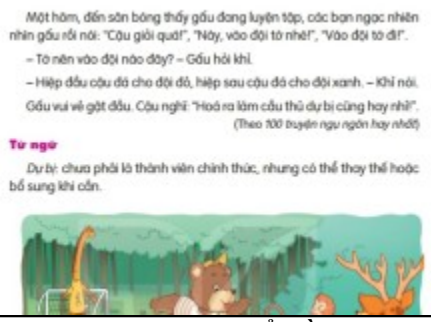 Một hôm, đến sân bóng thấy gấu đang luyện tập, các bạn ngạc nhiên nhìn gấu rồi nói: "Cậu giỏi quá!", "Này, vào đội tớ nhé!", "Vào đội tớ đi!". – Tớ nên vào đội nào đây? – Gấu hỏi khỉ. – Hiệp đầu cậu đá cho đội đỏ, hiệp sau cậu đá cho đội xanh. – Khỉ nói. Gấu vui vẻ gật đầu. Cậu nghĩ: "Hoá ra làm cầu thủ dự bị cũng hay nhỉ!". (Theo 100 truyện ngụ ngôn hay nhất) **Từ ngữ** *Dự bị*: chưa phải là thành viên chính thức, nhưng có thể thay thế hoặc bổ sung khi cần.	- HS đọc thầm, gạch nhẹ chi tiết cần tìm trong bài.
- Câu 1. Câu chuyện kể về ai?	- HS trả lời: Câu chuyện kể về gấu con và các bạn chơi bóng đá.
- Câu 2. Vì sao lúc đầu chưa đội nào muốn nhận gấu con?	- HS trả lời: Vì gấu con chậm chạp, chưa biết đá bóng giỏi, chỉ được làm cầu thủ dự bị.
- Câu 3. Là cầu thủ dự bị, gấu con đã làm gì?	- HS trả lời: Gấu con đi nhặt bóng cho các bạn, cố gắng chạy thật nhanh để các bạn không phải chờ lâu; gấu còn chăm chỉ luyện tập.
- Câu 4. Vì sao cuối cùng cả hai đội đều muốn gấu con về đội của mình?	- HS trả lời: Vì sau khi chăm chỉ luyện tập, gấu con đá bóng rất giỏi và có ích cho đội.
- GV hỏi dẫn: Nếu trong lớp có bạn còn chậm hoặc chưa giỏi một hoạt động nào đó, em nên cư xử như thế nào?	- HS trả lời: Em không chê bai bạn, động viên bạn cố gắng, cho bạn cơ hội luyện tập và cùng tham gia với nhóm.

- Quyền con người (quyền trẻ em): Mỗi học sinh có quyền được vui chơi, rèn luyện sức khỏe, tham gia hoạt động thể thao lành mạnh và được tôn trọng trong tập thể. Khi bạn còn chậm hoặc chưa giỏi, chúng ta không chê cười mà cần tạo cơ hội để bạn luyện tập, khích lệ bạn cố gắng như gấu con. Một tập thể tốt là tập thể biết tôn trọng sự khác biệt và cùng giúp nhau tiến bộ.	- HS lắng nghe, nêu việc làm: cổ vũ bạn khi chơi thể thao, không nói lời chê bai, biết chuyền bóng cho bạn, giúp bạn luyện tập và chơi đúng luật.
- GV chốt nội dung bài: Nhờ chăm chỉ luyện tập, gấu con từ cầu thủ dự bị đã trở thành cầu thủ được các đội yêu quý.	- HS nhắc lại: Câu chuyện khuyên chúng em kiên trì luyện tập và tôn trọng bạn bè.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại (7 phút) **Mục tiêu: HS đọc lại bài, biết thể hiện lời nhân vật.**	
- GV đọc diễn cảm một đoạn trong bài.	- HS lắng nghe, chú ý giọng đối thoại.
- GV tổ chức cho HS đọc phân vai hoặc đọc nối tiếp.	- HS đọc phân vai người kể, gấu con, khỉ; bạn khác nhận xét.
3. Thực hành (10 phút) **Mục tiêu: HS luyện tập theo văn bản đọc, biết nói lời khen/chúc mừng phù hợp.**	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc **Mục tiêu: HS tìm câu hỏi trong bài và nói lời chúc mừng bạn.**	
- GV yêu cầu HS tìm câu hỏi trong bài đọc: Đó là câu hỏi của ai dành cho ai?	- HS trả lời: Các câu hỏi trong bài như "Cậu giỏi quá!"/"Này, vào đội tớ nhé?" là lời các bạn nói với gấu con theo ngữ cảnh câu chuyện.
- GV tổ chức cho HS đóng vai gấu con và các bạn, nói lời chúc mừng khi gấu con trở nên tự tin.	- HS đóng vai và nói: Chúc mừng bạn! Bạn đá bóng giỏi thật đấy! Cảm ơn bạn, tớ sẽ cố gắng hơn nữa.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS liên hệ bản thân khi tham gia trò chơi, thể thao.**	
- GV hỏi: Khi chơi thể thao hoặc trò chơi, em cần làm gì để bạn nào cũng được tham gia vui vẻ?	- HS trả lời: Em cần chơi đúng luật, biết nhường bạn, không chê bạn, cổ vũ bạn và giúp bạn luyện tập.
- GV dặn dò: Về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện Cầu thủ dự bị và chuẩn bị tiết viết.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 8: CẦU THỦ DỰ BỊ
TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT CẦU THỦ DỰ BỊ; VIẾT HOA TÊN NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng đoạn chính tả trong bài Cầu thủ dự bị; biết trình bày sạch, rõ ràng.
- Nhận biết tên riêng và viết hoa đúng tên người.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: biết soát lỗi, sửa lỗi sau khi viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết góp ý bài viết của bạn bằng lời nhẹ nhàng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: viết cẩn thận, kiên trì luyện tập và tôn trọng sự cố gắng của bạn.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: HS rèn tinh thần chăm chỉ, kiên trì luyện tập như gấu con; biết viết cẩn thận, tự soát lỗi, nhận xét bài bạn bằng lời nói nhẹ nhàng và tôn trọng sự cố gắng của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài viết.**	
- GV tổ chức cho HS hát đầu giờ hoặc vận động nhẹ theo bài về thể thao.	- HS hát/vận động, chuẩn bị vở và đồ dùng học viết.
- GV kiểm tra vở, bút và tư thế ngồi viết của HS.	- HS chuẩn bị đồ dùng, ngồi thẳng lưng, mắt cách vở khoảng 25 - 30 cm.
2. Khám phá kiến thức (20 phút) **Mục tiêu: HS biết trình bày đúng, đẹp bài chính tả vào vở ô li. Mục tiêu tích hợp: HS biết viết cẩn thận, tự soát lỗi và góp ý cho bạn bằng lời nói tôn trọng.**	
Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe - viết **Mục tiêu: HS nghe, viết đúng đoạn chính tả và biết tự kiểm tra lỗi.**	
- GV đọc đoạn nghe - viết; yêu cầu HS lắng nghe và quan sát đoạn viết trong SGK. VIẾT 1. Nghe – viết: Cầu thủ dự bị Hằng ngày, gấu đến sân bóng từ sớm để luyện tập. Gấu đá bóng ra xa, chạy đi nhặt rồi đá vào gôn, đá đi đá lại,... Cứ thế, gấu đá bóng ngày càng giỏi. Các bạn đều muốn rủ gấu về đội của mình. 2. Những tên riêng nào dưới đây được viết đúng? Hồng minh Hùng thuỷ Phương Giang 3. Sắp xếp tên của các bạn học sinh dưới đây theo thứ tự trong bảng chữ cái.	- HS nghe và quan sát đoạn viết, nêu nội dung: Gấu con chăm chỉ đến sân tập luyện và đá bóng ngày càng giỏi.
- GV hỏi: Những chữ nào trong đoạn cần viết hoa?	- HS trả lời: Chữ đầu câu, tên riêng nếu có cần viết hoa.
- GV hướng dẫn HS nhận biết từ dễ viết sai: luyện tập, gọn, sút, hí hửng, quả bóng.	- HS luyện viết từ khó vào bảng con hoặc nháp.
- GV đọc cho HS viết chính tả, mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần.	- HS nghe - viết vào vở, giữ đúng tư thế, viết sạch và rõ ràng.
- GV đọc lại toàn đoạn cho HS soát lỗi.	- HS soát lỗi bằng bút chì, sửa lỗi nếu có.
- Khi nhận xét bài của bạn, em cần nói như thế nào để bạn không buồn và biết cách sửa?	- HS trả lời: Em nói nhẹ nhàng, chỉ rõ chỗ cần sửa, khen điểm bạn viết tốt và không chê bai bạn.
- Giáo dục đạo đức, lối sống: Khi viết bài, các em cần chăm chỉ, kiên trì như gấu con luyện tập bóng đá. Khi soát lỗi cho bạn, các em nên góp ý bằng lời nhẹ nhàng, tôn trọng sự cố gắng của bạn, không cười chê khi bạn viết sai. Biết sửa lỗi sau mỗi lần viết cũng là cách giúp bản thân tiến bộ.	- HS lắng nghe, thực hiện: viết cẩn thận, tự soát lỗi, góp ý cho bạn lịch sự và cảm ơn bạn khi được góp ý.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS nhận biết tên riêng và viết hoa tên người đúng quy tắc.**	

Hoạt động 2: Tìm những tên riêng được viết đúng chính tả **Mục tiêu: HS biết tên riêng của người phải viết hoa.**	
- GV yêu cầu HS đọc tên riêng trong SGK và chọn cách viết đúng.	- HS đọc và chọn: Hồng, Hùng, Thùy, Phương, Giang là tên riêng viết hoa đúng.
- GV hỏi: Vì sao các tên này phải viết hoa?	- HS trả lời: Vì đó là tên riêng của người, chữ cái đầu mỗi tiếng trong tên riêng cần viết hoa.
- GV hướng dẫn HS sắp xếp tên các bạn theo thứ tự trong bảng chữ cái.	- HS sắp xếp tên theo chữ cái đầu: Nguyễn Ngọc Anh, Hoàng Văn Cường, Phạm Hồng Đào, Lê Gia Huy, Nguyễn Mạnh Vũ.
- GV yêu cầu HS viết vào vở họ và tên của em và hai bạn trong tổ.	- HS viết họ tên đúng quy tắc viết hoa, soát lại chữ viết.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS vận dụng viết hoa tên người trong đời sống.**	
- GV hỏi: Khi viết họ tên bạn hoặc người thân, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em cần viết hoa chữ cái đầu mỗi tiếng trong họ tên và viết rõ ràng, đúng dấu.
- GV dặn dò: Về nhà luyện viết họ tên 3 người thân trong gia đình và tự kiểm tra chữ viết hoa.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 8: CẦU THỦ DỰ BỊ
TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO, VUI CHƠI; CÂU NÊU HOẠT ĐỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Mở rộng vốn từ về hoạt động thể thao, vui chơi; nhận biết và đặt được câu nêu hoạt động.
- Biết dùng từ ngữ đúng ngữ cảnh khi nói, viết về hoạt động thể thao hoặc trò chơi.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, chia sẻ kết quả.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn từ, đặt câu phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực luyện tập, chơi đúng luật, trung thực khi tham gia hoạt động.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI - YCCĐ 2.D1.1: HS nêu được tình huống đơn giản trong đời sống có thể áp dụng AI để hỗ trợ luyện tập thể thao, đếm lượt tập hoặc gợi ý bài rèn luyện; biết AI chỉ hỗ trợ, con người vẫn cần cố gắng, chơi trung thực và kiểm tra kết quả.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới và kết nối bài.**	
- GV tổ chức HS hát và vận động theo bài "Bé tập đánh răng" hoặc bài hát vận động nhanh.	- HS hát và vận động theo nhịp, tạo không khí vui tươi.
- GV hỏi: Em đã tham gia những trò chơi hoặc môn thể thao nào?	- HS trả lời: Em đã chơi đá bóng, cầu lông, bịt mắt bắt dê, kéo co, bóng bàn.
- GV dẫn dắt vào bài mới và ghi tên bài.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) **Mục tiêu: HS mở rộng vốn từ về dụng cụ thể thao, trò chơi và hoạt động.**	
Hoạt động 1: Nói tên các dụng cụ thể thao **Mục tiêu: HS nhận biết và gọi đúng tên một số dụng cụ thể thao.**	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh, nói tên các dụng cụ thể thao trong hình. Nguyễn Ngọc Anh Nguyễn Mạnh Vũ Phạm Hồng Đào Hoàng Văn Cường Lê Gia Huy 4. Viết vào vở họ và tên của em và 2 bạn trong tổ. LUYỆN TẬP 1. Nói tên các dụng cụ thể thao sau: 1 2 3 36	- HS quan sát và nêu: vợt bóng bàn, quả bóng bàn, vợt cầu lông, quả cầu lông, quả bóng đá.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi: một bạn chỉ tranh, một bạn nói tên dụng cụ.	- HS làm việc nhóm đôi, gọi tên đúng dụng cụ và đổi vai cho nhau.

- GV nhận xét, chốt tên dụng cụ.	- HS lắng nghe, sửa cách gọi tên nếu chưa chính xác.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS tìm từ về trò chơi dân gian và đặt câu nêu hoạt động.**	
Hoạt động 2: Dựa vào tranh và gợi ý, nói tên các trò chơi dân gian **Mục tiêu: HS gọi đúng tên trò chơi và đặt câu nêu hoạt động.**	
- GV hướng dẫn HS quan sát từng tranh và dựa vào gợi ý dưới tranh để nói tên trò chơi dân gian. 	- HS quan sát tranh và nêu: Bịt mắt bắt dê, Chi chi chành chành, Nu na nu nống, Dung dăng dung dẻ.
- GV hỏi: Trò chơi này thường chơi ở đâu, với ai, cần chú ý điều gì để an toàn?	- HS trả lời: Trò chơi thường chơi ở sân trường hoặc sân nhà; cần chơi cùng bạn, không xô đẩy, biết nhường nhịn.
- GV yêu cầu HS đặt câu về hoạt động trong mỗi tranh.	- HS đặt câu: Hai bạn đang chơi bóng bàn. Hai bạn đang chơi cầu lông. Các bạn đang chơi bóng rổ.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS liên hệ vai trò của AI/công cụ số trong luyện tập thể thao nhưng vẫn biết con người phải chủ động và trung thực.**	
- GV hỏi dẫn: Nếu một ứng dụng AI hoặc đồng hồ thông minh đếm số bước chạy, số lần bật nhảy cho em, em cần làm gì để kết quả luyện tập có ích?	- HS trả lời: Em cần luyện tập thật, kiểm tra kết quả, không gian lận, không chỉ dựa vào máy và phải chơi trung thực.
- Tích hợp AI - YCCĐ 2.D1.1: Một số công cụ AI/thiết bị thông minh có thể hỗ trợ luyện tập thể thao như đếm bước chân, nhắc thời gian vận động, gợi ý bài tập đơn giản. Tuy nhiên, AI chỉ là công cụ hỗ trợ; con người vẫn cần chăm chỉ luyện tập, chơi đúng luật, trung thực và kiểm tra kết quả. Các em không nên vì điểm số hay lời khen mà gian lận khi chơi hoặc khi báo cáo kết quả luyện tập.	- HS lắng nghe, nêu việc làm: dùng thiết bị đúng mục đích dưới sự hướng dẫn của người lớn, kiểm tra kết quả, luyện tập thật và chơi trung thực.
- GV dặn dò: Về nhà nói với người thân tên một trò chơi dân gian em biết và đặt một câu nêu hoạt động về trò chơi đó.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 4
CHỦ ĐỀ 1: EM LỚN LÊN TỪNG NGÀY
BÀI 8: CẦU THỦ DỰ BỊ
TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN: KỂ VỀ MỘT HOẠT ĐỘNG THỂ THAO HOẶC TRÒ CHƠI; ĐỌC MỞ RỘNG: BÀI VIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết nói về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi dựa vào tranh và gợi ý; tìm đọc được một bài viết về hoạt động thể thao phù hợp với lứa tuổi.
- Viết được 3 - 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi em đã tham gia ở trường; biết chia sẻ tên bài, tên tác giả/nguồn và điều em thích trong bài đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: biết lập ý, viết đoạn, tự sửa lỗi; biết chuẩn bị bài đọc và ghi nhớ thông tin cần chia sẻ.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn, góp ý cho đoạn viết và chia sẻ nội dung đã đọc.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: biết lựa chọn trò chơi phù hợp, chơi đúng luật, hợp tác, giữ an toàn; có ý thức đọc sách, chọn thông tin phù hợp và tôn trọng nguồn thông tin.

4. Tích hợp:

- Giáo dục kĩ năng sống: HS biết lựa chọn trò chơi, hoạt động thể thao phù hợp, chơi đúng luật, hợp tác, cổ vũ bạn và bảo đảm an toàn khi tham gia.
- Tích hợp năng lực số 1.2.CB1a: HS biết chọn nguồn thông tin số đơn giản, tin cậy và tôn trọng bản quyền khi tìm bài viết/hình ảnh về hoạt động thể thao; không tự ý tải hình ảnh lạ, không sao chép tùy tiện và biết ghi nhớ tên bài, nguồn đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5 (35 phút) **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Biết huy động trải nghiệm vừa có để viết đoạn văn.**	
- GV tổ chức cho HS xem/nghe/hát về tập thể dục buổi sáng hoặc một trò chơi tập thể.	- HS thực hiện, nêu tên một hoạt động thể thao hoặc trò chơi em thích.
- GV kết nối dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe, chuẩn bị nói và viết đoạn.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) **Mục tiêu: HS quan sát tranh, nói về hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.**	
Hoạt động 1: Nói về hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh **Mục tiêu: HS xác định hoạt động, người tham gia, dụng cụ và cảm xúc khi tham gia.**	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh và đọc các câu hỏi gợi ý trong SGK.	- HS quan sát tranh, đọc thầm câu hỏi gợi ý.

<table>
<tr><td>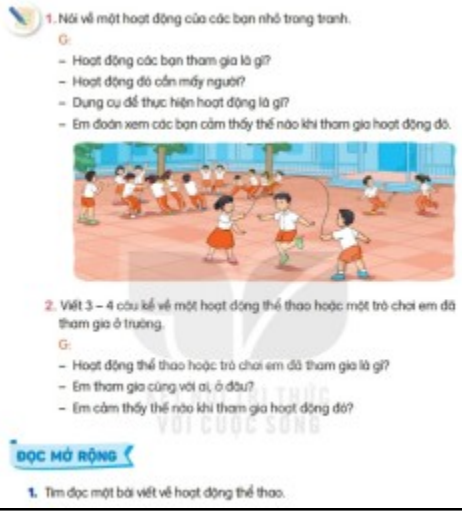
1. Nói về một hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.
G:
– Hoạt động các bạn tham gia là gì?
– Hoạt động đó cần mấy người?
– Dụng cụ để thực hiện hoạt động là gì?
– Em đoán xem các bạn cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó.
2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc một trò chơi em đã tham gia ở trường.
G:
– Hoạt động thể thao hoặc trò chơi em đã tham gia là gì?
– Em tham gia cùng với ai, ở đâu?
– Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?
ĐỌC MỞ RỘNG
1. Tìm đọc một bài viết về hoạt động thể thao.</td><td></td></tr>
<tr><td>- GV hỏi: Hoạt động các bạn tham gia là gì?</td><td>- HS trả lời: Các bạn đang tham gia hoạt động thể thao/chơi trò chơi ở sân trường.</td></tr>
<tr><td>- GV hỏi: Hoạt động đó cần mấy người? Dụng cụ thực hiện hoạt động là gì?</td><td>- HS trả lời: Hoạt động cần nhiều bạn cùng tham gia; có thể dùng bóng, dây, sân chơi hoặc dụng cụ theo trò chơi.</td></tr>
<tr><td>- GV hỏi: Em đoán xem các bạn cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?</td><td>- HS trả lời: Các bạn vui vẻ, hào hứng, khỏe khoắn và đoàn kết khi tham gia hoạt động.</td></tr>
<tr><td colspan="2">3. Thực hành (15 phút)
Mục tiêu: HS viết được 3 - 4 câu kể về một hoạt động thể thao hoặc trò chơi đã tham gia.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Hoạt động 2: Viết 3 - 4 câu kể về hoạt động thể thao hoặc trò chơi em đã tham gia ở trường
Mục tiêu: HS viết đúng nội dung, câu rõ ý và biết liên hệ an toàn khi chơi.</td></tr>
<tr><td>- GV hướng dẫn HS nói miệng trước khi viết: Hoạt động em tham gia là gì? Em tham gia cùng ai, ở đâu? Em cảm thấy thế nào?</td><td>- HS nói miệng: Em tham gia kéo co cùng các bạn ở sân trường. Em thấy rất vui và hồi hộp.</td></tr>
<tr><td>- Khi tham gia trò chơi hoặc hoạt động thể thao, em cần làm gì để an toàn và vui vẻ?</td><td>- HS trả lời: Em cần chơi đúng luật, không xô đẩy, cổ vũ bạn, hợp tác với nhóm và dừng lại khi thấy mệt hoặc nguy hiểm.</td></tr>
<tr><td>- Giáo dục kĩ năng sống: Khi tham gia hoạt động thể thao hoặc trò chơi, các em cần lựa chọn hoạt động phù hợp với sức khỏe, chơi đúng luật, hợp tác với bạn, biết cổ vũ bạn và chú ý an toàn. Không chen lấn, xô đẩy, không trêu chọc bạn thua cuộc; nếu thấy bạn bị đau hoặc gặp nguy hiểm cần báo ngay với thầy cô. Khi kể lại hoạt động, các em cũng nên thể hiện tinh thần vui vẻ, trung thực và tôn trọng bạn.</td><td>- HS lắng nghe, nêu việc làm: chơi đúng luật, không xô đẩy, biết cổ vũ bạn, tôn trọng bạn thắng/thua và báo cô khi có tình huống không an toàn.</td></tr>
<tr><td>- GV yêu cầu HS viết 3 - 4 câu vào vở.</td><td>- HS viết đoạn: Em đã tham gia trò chơi kéo co ở sân trường. Em chơi cùng các bạn trong tổ. Chúng em cùng kéo thật đều và cổ vũ nhau rất vui. Em thấy khỏe hơn và yêu các bạn hơn.</td></tr>
<tr><td>- GV mời 2 - 3 HS đọc bài viết của mình trước lớp.</td><td>- 2 - 3 HS đọc bài; cả lớp lắng nghe, nhận xét câu rõ ý, đúng nội dung.</td></tr>
<tr><td>- GV nhận xét bài làm của HS.</td><td>- HS sửa lỗi dùng từ, dấu câu và hoàn thiện đoạn viết.</td></tr>
<tr><td colspan="2">4. Vận dụng (5 phút)
Mục tiêu: HS vận dụng viết đoạn và chơi an toàn ở trường, ở nhà.</td></tr>
</table>

- GV hỏi: Khi viết đoạn kể về hoạt động đã tham gia, em cần nêu những ý nào?	- HS trả lời: Em cần nêu tên hoạt động, người tham gia, địa điểm, cách tham gia và cảm xúc của em.
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại đoạn viết cho người thân nghe và kể thêm cách em chơi an toàn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, về nhà đọc đoạn viết cho người thân nghe.
Hoạt động của giáo viên	**Hoạt động của học sinh**
TIẾT 6 (35 phút) **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng và kết nối với hoạt động thể thao.**	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thi giới thiệu nhanh tên một môn thể thao hoặc trò chơi em biết.	- HS tham gia trò chơi, nói tên môn thể thao/trò chơi như bóng đá, cầu lông, kéo co, bịt mắt bắt dê.
- GV bình chọn bạn giới thiệu rõ ràng, tự tin.	- HS lắng nghe, cổ vũ bạn.
- GV dẫn dắt vào tiết Đọc mở rộng: Bài viết về hoạt động thể thao.	- HS lắng nghe, lấy bài viết/bài thơ đã chuẩn bị nếu có.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) **Mục tiêu: HS biết cách tìm và chọn bài viết phù hợp về hoạt động thể thao.**	
Hoạt động 1: Tìm đọc một bài viết về hoạt động thể thao **Mục tiêu: HS xác định được bài cần đọc, tên nguồn và thông tin chính. Mục tiêu tích hợp: HS biết chọn nguồn số đơn giản, tin cậy, rõ tên nguồn và tôn trọng bản quyền.**	
- GV yêu cầu HS lấy ra bài viết/bài thơ đã chuẩn bị hoặc quan sát tư liệu GV cung cấp. 	- HS chuẩn bị bài đã tìm đọc hoặc quan sát thêm tư liệu GV cung cấp.
- GV hỏi: Khi tìm bài viết/hình ảnh về hoạt động thể thao trên môi trường số, em cần chọn nguồn như thế nào?	- HS trả lời: Em cần chọn nguồn phù hợp với lứa tuổi, có tên nguồn rõ ràng, nội dung an toàn và không tự ý tải hình ảnh lạ.
- Tích hợp năng lực số 1.2.CB1a: Khi tìm bài viết hoặc hình ảnh về hoạt động thể thao trên thiết bị số, các em cần chọn nguồn thông tin đơn giản, phù hợp với lứa tuổi, có tên trang hoặc tên sách rõ ràng; không chọn nội dung lạ, bạo lực, quảng cáo không phù hợp; không tự nhận bài viết/hình ảnh của người khác là của mình. Nếu dùng hình ảnh hoặc thông tin để chia sẻ, cần nói rõ em đọc ở đâu hoặc nhờ người lớn hướng dẫn.	- HS lắng nghe, nêu việc làm: hỏi người lớn khi tìm trên mạng, chọn bài có nguồn rõ, không sao chép tùy tiện, không dùng hình ảnh không phù hợp và ghi nhớ tên bài, tên nguồn.
- GV hướng dẫn HS ghi nhanh: tên bài đọc, tác giả hoặc nguồn, hoạt động thể thao được nói đến.	- HS ghi vào phiếu/nháp: tên bài, tên tác giả/nguồn, môn thể thao hoặc hoạt động trong bài.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS chia sẻ được nội dung bài đã đọc với bạn.**	

Hoạt động 2: Đọc cho các bạn nghe một đoạn em thích **Mục tiêu: HS biết đọc, nói và trao đổi về bài đã đọc.**	
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm: mỗi bạn đọc hoặc kể ngắn về bài đã tìm được.	- HS làm việc nhóm, lần lượt đọc một đoạn hoặc kể ngắn nội dung bài đã đọc.
- GV gợi ý câu hỏi: Bài viết nói về hoạt động thể thao nào? Em thích điều gì nhất trong bài?	- HS trả lời: Bài viết nói về bóng đá/cầu lông/chạy bộ. Em thích tinh thần luyện tập chăm chỉ, đoàn kết và vui vẻ của các bạn.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp tên bài đọc, nguồn đọc và điều em thích; HS khác lắng nghe, nhận xét.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: HS hình thành thói quen đọc mở rộng và biết chọn nguồn thông tin phù hợp.**	
- GV hỏi: Sau tiết học, em cần ghi nhớ điều gì khi tìm đọc bài viết trên môi trường số?	- HS trả lời: Em cần chọn nguồn phù hợp, rõ tên nguồn, nhờ người lớn hướng dẫn, không sao chép hình ảnh/bài viết của người khác và không xem nội dung không phù hợp.
- GV dặn dò: Về nhà tìm đọc thêm một bài viết ngắn về hoạt động thể thao và ghi lại tên bài, nguồn đọc để chia sẻ ở tiết sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, về nhà tìm đọc và ghi thông tin theo hướng dẫn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 9: CÔ GIÁO LỚP EM
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: CÔ GIÁO LỚP EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài Cô giáo lớp em; biết ngắt nghỉ hơi phù hợp theo dấu câu, dòng thơ hoặc đoạn văn.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được câu hỏi trong SGK; nêu được nội dung chính của bài.
- Biết luyện đọc lại, trao đổi, nói/viết câu theo nội dung bài học.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, tự sửa lỗi phát âm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung bài học với việc làm hằng ngày.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm: yêu quý trường lớp, thầy cô, bạn bè; tích cực học tập và thực hiện nền nếp.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: HS biết yêu quý, kính trọng thầy cô, trường lớp, bạn bè; biết thể hiện tình cảm bằng lời nói, việc làm lịch sự, chăm học và có trách nhiệm trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 (35 phút) **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Giúp HS ôn lại bài cũ, huy động vốn hiểu biết, trải nghiệm, cảm xúc để chuẩn bị tiếp nhận bài đọc mới.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên chủ điểm đã học	- HS nêu: Chủ điểm đã học là Em lớn lên từng

và nói về một số điều thú vị mà em học được từ chủ điểm đó.	ngày. Em học được cách tự tin giới thiệu bản thân, biết quý trọng ngày hôm qua và chăm học hơn.
- GV giới thiệu chủ điểm mới: Đi học vui sao.	- HS lắng nghe, nhắc lại tên chủ điểm: Đi học vui sao.
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, hỏi: Tranh vẽ gì? 	- HS quan sát và nêu: Tranh vẽ cô giáo đang hướng dẫn các bạn học bài; cô giáo tươi cười, dịu dàng; nắng tràn vào lớp qua khung cửa sổ.
- GV cho HS nêu tên một số bài thơ hoặc bài hát về thầy cô.	- HS nêu: Cô giáo em, Bụi phấn, Cô và mẹ, Người thầy, Bàn tay cô giáo.
- GV và HS chọn một bài thơ hoặc một bài hát được nhiều bạn trong lớp biết.	- 1 - 2 HS đọc một đoạn thơ hoặc cả lớp hát ngắn bài đã chọn về thầy cô.
- GV giới thiệu: Bài thơ nói về suy nghĩ, tình cảm của một HS đối với cô giáo của mình - một cô giáo nhiệt huyết, say mê với nghề; dịu dàng, tận tuỵ với các em học sinh thân yêu. Để cảm nhận rõ hơn, chúng ta cùng vào bài đọc "Cô giáo lớp em" nhé.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Cô giáo lớp em và chuẩn bị đọc bài.
- GV ghi bảng tên bài: Cô giáo lớp em.	- HS mở vở, ghi tên bài: Cô giáo lớp em.
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc.**	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (25 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng toàn bài; biết đọc bài thơ với giọng nhẹ nhàng, trìu mến; ngắt nghỉ hơi đúng theo nhịp 2/3 hoặc 3/2 của bài thơ.**	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị lắng nghe, mở SGK bài Cô giáo lớp em.
- GV đọc mẫu toàn bài đọc. Chú ý toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, trìu mến, ngắt nghỉ hơi đúng theo nhịp 2/3 hoặc 3/2 của bài thơ, dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ.	- HS chú ý lắng nghe và đọc thầm theo; nhận biết giọng đọc nhẹ nhàng, trìu mến; chú ý cách ngắt nghỉ theo nhịp 2/3 hoặc 3/2 và dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng khổ thơ, đọc từ khó và nêu từ ngữ chưa hiểu.
- GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ khơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 3 khổ thơ.
- HDHS đọc nối tiếp từng khổ thơ (lần 1).	- Từng tốp 3 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ lần 1; HS khác theo dõi và góp ý cách phát âm.
- GV mời HS nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của địa phương.	- HS nêu một số từ khó: nào, lớp, lời, nắng, viết, vào, vở,...
- GV viết bảng từ khó mà HS nêu và tổ chức cho HS luyện đọc.	- HS luyện phát âm từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh; sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.
- HDHS đọc nối tiếp từng khổ thơ (lần 2).	- 3 HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 2; HS khác

	góp ý về giọng đọc, cách ngắt nghỉ.
- GV hỏi: Trong bài thơ có từ ngữ nào em em chưa hiểu nghĩa? (GV giúp HS hiểu nghĩa nếu HS còn lúng túng).	- HS nêu từ ngữ chưa hiểu như: trìu mến, mỉm cười, yêu thương, trang vở. HS nghe giải nghĩa và nhắc lại nghĩa từ bằng lời của mình.
ϖ GV mở rộng: Em hãy đặt 1 câu có từ yêu thương/mỉm cười.	- HS đặt câu: Em yêu thương thầy cô giáo. Cô giáo mỉm cười khi chúng em chăm học.
- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe, sửa câu nếu cần và ghi nhớ cách dùng từ.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc theo nhóm, biết nghe bạn đọc và góp ý nhẹ nhàng.
- Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm ba.	- HS luyện đọc trong nhóm ba; mỗi bạn đọc một khổ thơ, các bạn còn lại theo dõi, góp ý cách đọc.
- Tổ chức cho HS thi đọc nối tiếp từng khổ thơ giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp; cả lớp lắng nghe để nhận xét.
- GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.	- HS còn đọc chậm luyện lại từ khó, câu khó; HS đọc tiến bộ mạnh dạn đọc lại trước nhóm.
- GV và HS nhận xét phần thi đọc của các nhóm.	- HS nhận xét: nhóm bạn đọc rõ tiếng, ngắt nghỉ đúng, giọng đọc nhẹ nhàng; bình chọn nhóm đọc tốt.
- GV mời 1 HS đọc toàn bộ bài thơ.	- 1 HS đọc toàn bộ bài thơ; cả lớp theo dõi, đọc thầm trong SGK.
- GV đánh giá, biểu dương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm về cách đọc bài thơ.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị luyện đọc toàn bài thơ.
- GV cho HS tự luyện đọc toàn bộ bài thơ.	- HS tự luyện đọc toàn bộ bài thơ; chú ý giọng nhẹ nhàng, trìu mến và dừng hơi sau mỗi khổ thơ.
- GV gọi 2, 3 HS đọc toàn bộ bài.	- 2 - 3 HS đọc toàn bộ bài; HS khác theo dõi, nhận xét giọng đọc và cách ngắt nghỉ.
- GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.	- HS sửa lỗi đọc theo hướng dẫn; HS đọc tiến bộ được cả lớp tuyên dương.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu nội dung đã học trong tiết; chuẩn bị tốt cho tiết học tiếp theo.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại cách đọc bài thơ Cô giáo lớp em và chọn một khổ thơ em thích để luyện đọc thêm ở nhà.	- HS nêu: Em cần đọc với giọng nhẹ nhàng, trìu mến, ngắt nghỉ đúng nhịp; em chọn khổ thơ em thích để luyện đọc thêm.
- Dặn dò: Về nhà luyện đọc lại bài Cô giáo lớp em cho người thân nghe và chuẩn bị tinh thần trả lời câu hỏi ở tiết sau.	- HS ghi nhớ: Em luyện đọc bài ở nhà, nhờ người thân nhận xét và chuẩn bị học tiết 2.
TIẾT 2 (35 phút) **Hoạt động 2: Đọc hiểu (17 phút)** **Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK, hiểu nội dung bài thơ; biết bày tỏ tình cảm yêu quý, kính trọng thầy cô. Mục tiêu tích hợp: HS biết thể hiện lòng biết ơn thầy cô bằng lời nói, việc làm lễ phép, chăm học, giữ nề nếp lớp.**	
- GV tổ chức cho HS đọc thầm khổ thơ thứ nhất và hỏi: Cô giáo đáp lại lời chào của học sinh như thế nào?	- HS trả lời: Cô giáo đáp lại lời chào của các bạn bằng cách mỉm cười thật tươi.

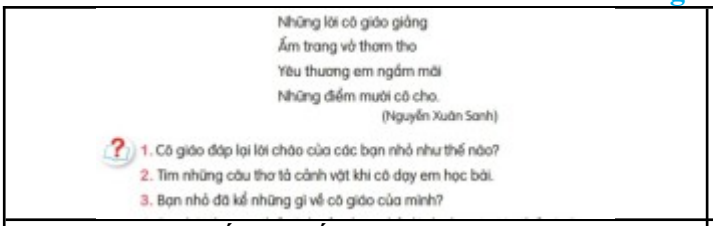 Những lời cô giáo giảng Ấm trang vở thơm tho Yêu thương em ngắm mãi Những điểm mười cô cho. (Nguyễn Xuân Sanh) 1. Cô giáo đáp lại lời chào của các bạn nhỏ như thế nào? 2. Tìm những câu thơ tả cảnh vật khi cô dạy em học bài. 3. Bạn nhỏ đã kể những gì về cô giáo của mình?	
- GV và HS thống nhất câu trả lời.	- HS lắng nghe và sửa câu trả lời cho đầy đủ: Cô giáo mỉm cười thật tươi khi đáp lại lời chào của học sinh.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 2 và 3.	- 2 HS đọc nối tiếp câu hỏi 2 và câu hỏi 3 trong SGK.
- GV yêu cầu cả lớp đọc thầm lại toàn bài đọc.	- Cả lớp đọc thầm lại toàn bài thơ, gạch nhẹ chi tiết cần tìm trong SGK.
- GV tổ chức thảo luận nhóm bốn và hoàn thành các câu trả lời vào phiếu thảo luận nhóm.	- HS làm việc nhóm bốn, trao đổi và ghi kết quả: Câu 2: Gió đưa thoảng hương nhài; Nắng ghé vào cửa lớp; Xem chúng em học bài. Câu 3: Cô đến lớp rất sớm; cô vui vẻ, dịu dàng; cô mỉm cười đáp lời chào; cô dạy các em tập viết, cô giảng bài.
- GV quan sát, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đủ đầy đủ câu.	- HS trong nhóm sửa câu trả lời để nói trọn câu, rõ ý, không trả lời cụt.
- Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả.	- Đại diện một số nhóm báo cáo từng câu; nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.
- GV chốt kết quả phiếu trên màn hình từng câu.	- HS đối chiếu kết quả nhóm với đáp án trên màn hình và sửa phiếu nếu cần.
- GV nêu câu hỏi: Qua bài thơ, em thấy tình cảm bạn nhỏ dành cho cô giáo như thế nào?	- HS trả lời: Bạn nhỏ yêu quý, yêu thương và kính trọng cô giáo.
- GV gợi ý HS chú ý những chi tiết "Lời cô giáo ấm trang vở", "bạn HS yêu thương ngắm điểm mười cô cho" và hướng dẫn HS gọi tên tình cảm của bạn HS dành cho cô giáo.	- HS nêu: Bạn nhỏ biết ơn cô giáo, yêu quý cô giáo và vui khi được cô dạy học.
- GV chốt lại nội dung bài đọc: Bài thơ nói lên suy nghĩ, tình cảm của một HS đối với cô giáo của mình - một cô giáo nhiệt huyết, say mê với nghề; dịu dàng, tận tuỵ với các em học sinh thân yêu.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung chính: Bài thơ thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng cô giáo.
- Điều gì ở thầy/cô giáo chủ nhiệm làm em ấn tượng nhất?	- HS nêu: Em ấn tượng vì cô giảng bài dễ hiểu, cô mỉm cười khi chúng em tiến bộ, cô nhắc nhở em nhẹ nhàng.
- Em có tình cảm như thế nào với các thầy cô trong nhà trường? Em nên làm gì để thể hiện tình cảm đó?	- HS trả lời: Em yêu quý, kính trọng thầy cô. Em cần lễ phép chào hỏi, chăm học, giữ trật tự, biết cảm ơn và giúp đỡ bạn bè.
- Giáo dục đạo đức, lối sống: Qua hoạt động này, các em hiểu rằng thầy cô chính là những người dìu dắt, dạy dỗ, không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn dạy chúng ta cách sống, cách làm người. Mỗi em cần nuôi dưỡng tình cảm yêu quý, kính trọng, biết ơn thầy cô. Tình cảm đó không chỉ thể hiện bằng lời nói mà còn qua những hành động nhỏ hằng ngày: chăm ngoan, học giỏi, biết nghe lời, lễ phép, chào hỏi thầy	- HS lắng nghe, nêu việc làm sẽ thực hiện: chào cô khi vào lớp, học bài đầy đủ, không nói chuyện riêng, biết cảm ơn cô và giúp bạn học tập.

cô, biết giúp đỡ bạn bè, giữ gìn nề nếp lớp học. Đó chính là cách chúng ta bày tỏ lòng biết ơn và tình cảm chân thành đối với thầy cô – những người đã tận tụy vì học sinh.	
Hoạt động 3: Học thuộc lòng (5 phút) **Mục tiêu: HS học thuộc lòng hai khổ thơ em thích, đọc diễn cảm và tự tin trước lớp.**	
- GV nêu yêu cầu: Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.	- HS chọn 2 khổ thơ yêu thích để học thuộc.
- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bằng cách xóa dần, chỉ để lại các chữ đầu dòng thơ.	- HS đọc nhẩm, dựa vào chữ đầu dòng để nhớ nội dung từng khổ thơ.
- GV tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng.	- 2 - 3 HS thi đọc thuộc lòng trước lớp; HS khác lắng nghe và nhận xét.
- GV khuyến khích HS đọc thuộc cả bài thơ và về đọc cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc bài cho người thân nghe ở nhà.
Hoạt động 4: Luyện đọc lại (3 phút). - GV đọc diễn cảm toàn bài thơ.	- HS chú ý lắng nghe, cảm nhận giọng đọc nhẹ nhàng, trìu mến.
- GV gọi 1 - 2 HS đọc to toàn bài đọc trước lớp.	- 1 - 2 HS đọc lại toàn bài; HS khác đọc thầm theo và nhận xét.
- GV yêu cầu từng HS tự luyện đọc toàn bài đọc.	- HS tự luyện đọc lại bài thơ, chú ý ngắt nghỉ hơi đúng.
- GV nhận xét, biểu dương.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm để đọc tốt hơn.
3. Thực hành (7 phút) **Mục tiêu: Giúp HS biết nói những câu thể hiện tình cảm với thầy cô; vận dụng vào thực tế cuộc sống.**	
Hoạt động 5: Luyện tập theo văn bản đọc. **Câu 1. Nói câu thể hiện sự ngạc nhiên của em khi: a. Lần đầu được nghe một bạn hát rất hay.** 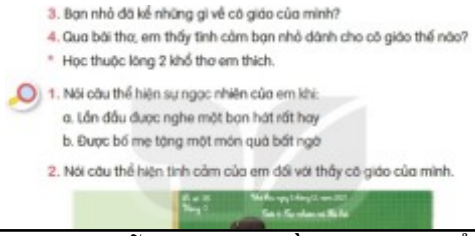 3. Bạn nhỏ đã kể những gì về cô giáo của mình? 4. Qua bài thơ, em thấy tình cảm bạn nhỏ dành cho cô giáo thế nào? * Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích. 1. Nói câu thể hiện sự ngạc nhiên của em khi: a. Lần đầu được nghe một bạn hát rất hay b. Được bố mẹ tặng một món quà bất ngờ 2. Nói câu thể hiện tình cảm của em đối với thầy cô giáo của mình.	- HS nêu: Ôi, bạn hát hay quá! Chao ôi, bạn hát hay như ca sĩ!
- GV hướng dẫn chung về lời nói thể hiện sự ngạc nhiên: Các câu thường bắt đầu bằng A!, Ôi!, Chao ôi!; cần thể hiện được cảm xúc của người nói.	- HS lắng nghe và ghi nhớ cách dùng từ ngữ thể hiện sự ngạc nhiên.
- GV hỏi: Cảm xúc của em khi lần đầu nghe bạn hát rất hay là gì? Em chọn từ ngữ nào để thể hiện cảm xúc đó?	- HS trả lời: Em cảm thấy bất ngờ, ngạc nhiên, thích thú; em dùng từ "Ôi!", "Chao ôi!", "Tuyệt quá!".
- GV hỏi: Em lựa chọn từ ngữ nào để nhận xét việc bạn hát rất hay?	- HS trả lời: Em dùng từ "hay tuyệt", "tuyệt vời", "hát như ca sĩ".
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm bốn: thực hành nói lời ngạc nhiên.	- HS thực hành trong nhóm bốn và nói trước lớp: Ôi, bạn hát hay quá! Chao ôi, giọng hát của bạn thật tuyệt!
- GV hướng dẫn yêu cầu b: Được bố mẹ tặng một món quà bất ngờ.	- HS nêu: A! Con bất ngờ quá, con cảm ơn bố mẹ! Ôi, chiếc ba lô đẹp quá, con thích lắm!
- GV tổ chức cho HS thực hành đóng vai nói câu thể hiện sự ngạc nhiên.	- HS đóng vai: một bạn làm bố/mẹ tặng quà, một bạn nói câu ngạc nhiên và lời cảm ơn.

- GV mở rộng: Được bà tặng một cái khăn bà đan; được bạn tặng một quyển sách.	- HS nói: Ôi, chiếc khăn bà đan ấm quá, cháu cảm ơn bà! A, quyển sách đẹp quá, mình cảm ơn bạn!
Câu 2. Nói câu thể hiện tình cảm của em với thầy cô giáo của mình.	- HS nói: Em rất yêu quý cô giáo của em. Em kính trọng thầy cô vì thầy cô luôn dạy em điều hay.
- GV tổ chức cho HS thực hành cặp đôi: nói câu thể hiện tình cảm với thầy cô.	- HS thực hành cặp đôi; góp ý cho nhau cách nói rõ ràng, lễ phép.
- GV nhận xét, khen ngợi HS có cách nói hay và tự tin khi thể hiện.	- HS lắng nghe, học tập cách nói của bạn.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu nội dung bài học; biết vận dụng vào học tập và sinh hoạt hằng ngày.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại một việc em sẽ làm để thể hiện tình cảm với thầy cô sau bài học.	- HS nêu: Em sẽ chào thầy cô lễ phép, chăm học, giữ trật tự trong lớp, biết cảm ơn thầy cô và giúp bạn cùng tiến bộ.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài Cô giáo lớp em cho người thân nghe; chuẩn bị vở Tập viết để học chữ hoa D.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: Em đọc bài cho người thân nghe, chuẩn bị bảng con, vở Tập viết và bút cho tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 9: CÔ GIÁO LỚP EM
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA D

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết đúng chữ hoa D cỡ vừa và cỡ nhỏ; nắm được quy trình đặt bút, đưa bút, dừng bút.
- Viết đúng câu ứng dụng: Dung dăng dung dẻ - Dắt trẻ đi chơi.
- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách; đặt dấu thanh, dấu phụ đúng vị trí.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị đồ dùng, giữ tư thế ngồi viết đúng, biết soát lỗi chữ viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời lịch sự.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: kiên trì rèn chữ, giữ vở sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Vừa ôn lại kiến thức cũ vừa kết nối sang bài học mới.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại các chữ hoa đã học.	- HS nhắc lại các chữ hoa đã học: A, Ă, Â, B, C.
- GV tổ chức cho HS nghe/hát theo lời bài đồng dao "Dung dăng dung dẻ".	- HS nghe/hát theo lời bài đồng dao "Dung dăng dung dẻ".
- GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết tập viết hôm nay, các em sẽ học cách viết chữ hoa D và viết câu ứng dụng Dung dăng dung dẻ - Dắt trẻ đi chơi.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ thuật viết chữ hoa D.**	
Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa. - GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa D. 	- HS quan sát mẫu chữ hoa D trong SGK/Tập viết.
- GV hướng dẫn HS quan sát chữ viết hoa D nêu độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết chữ viết hoa D.	- HS nêu: Chữ D viết hoa cao 5 li, rộng khoảng 4 li, gồm nét lượn hai đầu và nét cong phải nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ.
- GV giới thiệu cách viết trên chữ mẫu.	- HS quan sát và lắng nghe cách viết trên chữ mẫu.
- GV viết mẫu trên bảng lớp lần 1; sau đó cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa D trên màn hình nếu có.	- HS theo dõi cách viết mẫu, nhận biết điểm đặt bút, hướng đưa bút và điểm dừng bút.
- GV viết mẫu trên bảng lớp lần 2, kết hợp nêu quy trình viết.	- HS nhắc lại quy trình: Nét 1 đặt bút trên đường kẻ ngang 6, viết nét lượn hai đầu theo chiều dọc, kéo xuống gần đường kẻ ngang 1. Nét 2 chuyển hướng viết nét cong phải từ dưới đi lên, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, phần cuối

	nét cong lượn vào trong và dừng bút trên đường kẻ ngang 5.
- GV hướng dẫn HS tập viết chữ hoa D trên không, trên bảng con hoặc nháp.	- HS viết chữ hoa D trên không, bảng con hoặc nháp theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS viết vở Tập viết; quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	- HS nêu tư thế ngồi viết, viết chữ hoa D cỡ vừa và cỡ nhỏ vào vở Tập viết 2, tập một.
- GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.	- HS đổi vở, góp ý cho bạn về độ cao, nét cong, điểm dừng bút và độ cân đối của chữ.
ϖ Liên hệ: Em đã nhìn thấy chữ hoa D ở đâu? Vì sao cần phải viết hoa?	- HS trả lời: Em thấy chữ hoa D ở đầu tên riêng, đầu câu, tên bài. Cần viết hoa để đúng chính tả và thể hiện sự trang trọng.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: Giúp HS biết cách viết, trình bày câu ứng dụng có chữ hoa D.**	
Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng. - GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: "Dung dăng dung dẻ - Dắt trẻ đi chơi."	- HS đọc câu ứng dụng: Dung dăng dung dẻ - Dắt trẻ đi chơi.
- GV giới thiệu: Câu ứng dụng là câu mở đầu trong bài đồng dao "Dung dăng dung dẻ". Đây là bài đồng dao gắn bó với tuổi thơ, thể hiện sự hồn nhiên, ngây ngô của trẻ thơ.	- HS lắng nghe, hiểu ý nghĩa câu ứng dụng.
- GV chiếu mẫu câu ứng dụng.	- HS quan sát mẫu câu ứng dụng trên bảng/màn hình.
- GV hỏi: Trong câu ứng dụng chữ nào viết hoa? Vì sao phải viết hoa chữ đó?	- HS trả lời: Chữ D viết hoa vì đứng đầu câu.
- GV hỏi: Nêu cách nối chữ viết hoa với chữ viết thường.	- HS trả lời: Nét 1 của chữ u cách nét cong phải của chữ hoa D nửa ô li.
- GV hỏi: Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu bằng bao nhiêu?	- HS trả lời: Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng khoảng cách một chữ cái o.
- GV hỏi: Những chữ cái nào cao 2,5 li? Những chữ cái nào cao 2 li? Con chữ t, r cao bao nhiêu?	- HS trả lời: Chữ hoa D, h, g cao 2,5 li; d, đ cao 2 li; t cao 1,5 li; r cao 1,25 li; các chữ còn lại cao 1 li.
- GV hỏi: Cách đặt dấu thanh ở các chữ cái và vị trí đặt dấu chấm cuối câu như thế nào?	- HS trả lời: Dấu hỏi đặt trên chữ e trong tiếng dẻ, trẻ; dấu chấm đặt ngay sau chữ cái i trong tiếng chơi.
- GV chiếu bài viết mẫu câu ứng dụng lên bảng/viết mẫu.	- HS quan sát GV viết mẫu câu ứng dụng trên bảng lớp/bảng phụ.
- GV tổ chức cho HS viết vở; quan sát, hướng dẫn những HS gặp khó khăn.	- HS viết vào vở Tập viết 2 tập một, giữ tư thế đúng và viết cẩn thận.
Hoạt động 3: Soát lỗi, chữa bài. - GV yêu cầu HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý theo cặp đôi.	- HS đổi vở, phát hiện lỗi, góp ý cho bạn về độ cao, khoảng cách và dấu thanh.
- GV chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.	- HS chú ý, tự sửa sai nếu có.
- GV mở rộng: Em hãy tìm thêm một số câu chứa tiếng có chữ hoa D.	- HS nêu: Dũng đi học đúng giờ. Dung giúp mẹ dọn bàn. Đầu câu cần viết hoa chữ D.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: Củng cố quy trình viết chữ hoa D; rèn thói quen soát lỗi khi viết.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại điểm đặt bút, hướng đưa bút và điểm dừng bút khi viết chữ hoa D.	- HS nêu: Đặt bút trên đường kẻ ngang 6, viết nét lượn hai đầu, chuyển sang nét cong phải, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ và dừng bút trên

	đường kẻ ngang 5.
- Dặn dò: Về nhà luyện viết thêm chữ hoa D và câu ứng dụng trong vở nháp; chuẩn bị bài Nói và nghe.	- HS ghi nhớ: Em luyện viết thêm, soát lỗi độ cao, khoảng cách, dấu thanh và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 9: CÔ GIÁO LỚP EM
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN CẬU BÉ HAM HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Dựa vào tranh, câu hỏi gợi ý để kể hoặc nói được nội dung Cô giáo lớp em.
- Biết nghe bạn nói/kể, nhận xét và trao đổi chi tiết phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: kể/nói rõ ràng, biết lắng nghe, tôn trọng lượt lời của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn lời kể, lời nói phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trách nhiệm: biết thể hiện thái độ tôn trọng, thân thiện khi giao tiếp.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: HS biết yêu quý, kính trọng thầy cô, trường lớp, bạn bè; biết thể hiện tình cảm bằng lời nói, việc làm lịch sự, chăm học và có trách nhiệm trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và kết nối với bài học mới.**	
- GV tổ chức cho HS nghe/hát và vận động theo nhịp bài hát "Cô giáo em" của tác giả Trần Kiết Tường.	- HS hát và vận động theo nhịp bài hát.
- GV dẫn dắt, giới thiệu vào bài.	- HS lắng nghe, nhắc lại tên bài.
- GV ghi tên bài.	- HS ghi bài vào vở.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) **Mục tiêu: Biết quan sát tranh, nghe kể để tìm hiểu nội dung và ghi nhớ các chi tiết trong câu chuyện.**	
Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung và nghe kể câu chuyện. - GV yêu cầu HS quan sát các bức tranh, dựa vào nhan đề và câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh để trả lời câu hỏi: Mỗi bức tranh vẽ gì? 	- HS quan sát, suy nghĩ; một số em phát biểu ý kiến trước lớp về nội dung từng tranh.
- GV giới thiệu câu chuyện: Câu chuyện kể về cậu bé có tên là Vũ Duệ. Vì nhà nghèo nên Vũ Duệ không được đến trường, cậu thường cõng	- HS chú ý lắng nghe, hiểu hoàn cảnh của nhân vật Vũ Duệ.

em đứng ngoài lớp học của thầy để nghe thầy giảng.	
- GV kể câu chuyện lần 1, kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.	- HS chú ý quan sát tranh và lắng nghe GV kể chuyện.
- GV kể câu chuyện lần 2, thỉnh thoảng dừng lại để hỏi sự việc tiếp theo là gì để cho HS tập kể theo/kể cùng GV.	- HS lắng nghe, tập kể theo và ghi nhớ chi tiết câu chuyện.
- GV nêu yêu cầu thảo luận nhóm bốn, trả lời các câu hỏi dưới mỗi tranh: Vì sao cậu bé Vũ Duệ không được đi học? Buổi sáng Vũ Duệ thường cõng em đi đâu? Vì sao Vũ Duệ được thầy khen? Vì sao Vũ Duệ được đi học?	- HS làm việc nhóm, quan sát tranh, đọc thầm lời gợi ý dưới tranh và trả lời: Tranh 1: Vì nhà nghèo, Vũ Duệ không được đi học, phải ở nhà trông em. Tranh 2: Buổi sáng, Vũ Duệ cõng em đứng ngoài hiên nghe thầy giảng. Tranh 3: Vũ Duệ được thầy khen vì trả lời được câu hỏi. Tranh 4: Vũ Duệ được thầy nhận vào lớp học.
- GV mời đại diện một số nhóm lên trả lời.	- Đại diện các nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, khuyến khích HS nhớ các chi tiết của câu chuyện.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung chính của từng tranh.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: Biết huy động những gì đã được quan sát và nghe kể để kể lại được 1 - 2 đoạn của chuyện.**	
Hoạt động 2: Chọn kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh. - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: nhìn tranh, đọc thầm lại câu hỏi dưới tranh, nhớ lại nội dung câu chuyện, chọn 1 - 2 đoạn nhớ nhất hoặc thích nhất để tập kể, không phải kể đúng từng câu chữ mà GV đã kể.	- HS làm việc cá nhân, chọn 1 - 2 đoạn em nhớ nhất hoặc thích nhất để tập kể bằng lời của mình.
- GV tổ chức cho HS tập kể chuyện theo nhóm bốn, một bạn kể, các bạn khác lắng nghe để góp ý, sau đó đổi vai người kể và người nghe.	- HS tập kể chuyện trong nhóm, đổi vai để bạn nào cũng được kể và được nghe góp ý.
- GV lưu ý: Với HS chưa thể kể được 2 đoạn, GV chỉ yêu cầu kể một đoạn em thích hoặc em nhớ nhất; khích lệ những em kể được nhiều hơn 2 đoạn.	- HS còn lúng túng kể một đoạn ngắn; HS kể tốt thử kể nhiều đoạn hơn.
- GV mời 2 HS xung phong kể trước lớp, mỗi em kể 2 đoạn, kể nối tiếp đến hết câu chuyện.	- 2 HS xung phong kể trước lớp; cả lớp theo dõi, nhận xét.
- GV tổ chức cho HS đóng vai kể lại toàn bộ câu chuyện tùy vào khả năng của HS trong lớp.	- HS đóng vai thầy đồ, Vũ Duệ, em nhỏ hoặc người kể chuyện để kể lại câu chuyện.
- GV động viên, khen ngợi.	- HS lắng nghe, tự tin hơn khi kể chuyện.
- GV nhấn mạnh ý nghĩa câu chuyện.	- HS nêu: Câu chuyện khuyên chúng em chăm học, ham học và biết trân trọng việc được đến trường.
4. Vận dụng (5 phút) **Hoạt động 3: Kể cho người thân về cậu bé Vũ Duệ trong câu chuyện.** **Mục tiêu: HS biết kể về nhân vật theo lời kể của mình. Mục tiêu tích hợp: HS biết đi học đều, chuẩn bị sách vở, chăm chú nghe giảng và mạnh dạn hỏi khi chưa hiểu.**	
- GV nêu yêu cầu kể cho người thân nghe câu chuyện về cậu bé Vũ Duệ hoặc kể 1, 2 đoạn em thích nhất trong câu chuyện theo lời kể của	- HS lắng nghe và vận dụng về kể lại cho người thân nghe câu chuyện.

mình.	
- Em có cảm nhận gì về bạn HS trong câu chuyện?	- HS chia sẻ: Vũ Duệ là một bạn rất ham học, chăm chỉ và kiên trì.
- Em học tập được điều gì từ bạn?	- HS trả lời: Em học được sự chăm học, không bỏ cuộc, biết quý trọng cơ hội học tập.
- Khi gặp khó khăn trong học tập, em cần làm gì để noi gương bạn Vũ Duệ?	- HS trả lời: Em cần cố gắng học, hỏi thầy cô khi chưa hiểu, nhờ bạn hỗ trợ, không bỏ cuộc và trân trọng cơ hội được đến trường.
- Giáo dục đạo đức, lối sống: Qua câu chuyện Cậu bé ham học, các em hiểu rằng tinh thần ham học, kiên trì vượt khó là phẩm chất đáng quý. Dù hoàn cảnh khó khăn, Vũ Duệ vẫn tìm cách nghe thầy giảng, chăm chú học bài và biết nắm lấy cơ hội được đến lớp. Trong học tập hằng ngày, các em cần đi học đều, chuẩn bị đầy đủ sách vở, chú ý nghe giảng, mạnh dạn hỏi thầy cô khi chưa hiểu, giúp đỡ bạn gặp khó khăn và không bỏ cuộc khi bài học còn khó.	- HS lắng nghe, nêu việc làm phù hợp: đi học đều, soạn sách vở trước khi đi học, chăm chú nghe giảng, hỏi cô khi chưa hiểu và giúp bạn cùng học tiến bộ.
- Dặn dò: Về nhà kể lại câu chuyện Cậu bé ham học cho người thân nghe; chuẩn bị bài Thời khóa biểu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà, tập kể lại câu chuyện theo lời của mình và xem trước bài mới.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 10: THỜI KHÓA BIỂU
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: THỜI KHÓA BIỂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài Thời khóa biểu; biết ngắt nghỉ hơi phù hợp theo dấu câu, dòng thơ hoặc đoạn văn.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được câu hỏi trong SGK; nêu được nội dung chính của bài.
- Biết luyện đọc lại, trao đổi, nói/viết câu theo nội dung bài học.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, tự sửa lỗi phát âm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung bài học với việc làm hằng ngày.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm: yêu quý trường lớp, thầy cô, bạn bè; tích cực học tập và thực hiện nền nếp.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: HS biết yêu quý, kính trọng thầy cô, trường lớp, bạn bè; biết thể hiện tình cảm bằng lời nói, việc làm lịch sự, chăm học và có trách nhiệm trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 (35 phút) **1. Khởi động (5 phút)** **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và kết nối với bài học mới.**	
- GV yêu cầu HS đọc thuộc lòng khổ thơ em thích trong bài Cô giáo lớp em và nói về một số điều thú vị.	- HS đọc thuộc lòng khổ thơ yêu thích và nói: Em thích hình ảnh cô giáo mỉm cười, giảng bài, dạy viết.
- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe nhận xét.
- GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi và trao đổi: Em đã làm thế nào để biết được các môn học trong ngày, trong tuần? 	- HS trao đổi cặp đôi và chia sẻ: Em xem thời khóa biểu, hỏi cô giáo, nhờ mẹ nhắc hoặc tự ghi nhớ.
- GV hỏi: Em cảm thấy như thế nào khi biết trước các môn học trong ngày, trong tuần?	- HS trả lời: Em thấy yên tâm, chuẩn bị sách vở tốt hơn và đi học đúng giờ.
- GV kết nối vào bài mới: Để biết được các môn học trong tuần, các em cần xem thời khoá biểu của lớp. Chúng ta cũng cần biết cách đọc thời khoá biểu cũng như các bài đọc trình bày dưới hình thức biểu bảng. Qua bài đọc Thời khoá	- HS lắng nghe, mở SGK bài Thời khóa biểu.

biểu, chúng ta sẽ có thêm các kĩ năng đó.	
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu nội dung bài đọc. Mục tiêu tích hợp: HS biết có thời khóa biểu là cách rèn nền nếp, sống có kỉ luật, biết sắp xếp thời gian học tập, vui chơi, nghỉ ngơi hợp lí.**	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (25 phút) **Mục tiêu: HS biết đọc văn bản thông tin dạng bảng; đọc đúng theo cột, hàng, buổi, tiết, môn.**	
a. GV đọc mẫu. - GV giới thiệu: Bài đọc Thời khoá biểu là một loại văn bản thông tin gồm có các cột dọc, hàng ngang, chia thành nhiều ô và trong mỗi ô chứa một thông tin cần thiết. THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 2A Tiết | Thứ Hai | Thứ Ba | Thứ Tư | Thứ Năm | Thứ Sáu BUỔI SÁNG 1 | Hoạt động trải nghiệm | Tiếng Việt | Toán | Tiếng Việt | Tiếng Việt 2 | Toán | Tiếng Việt | Mĩ thuật | Tiếng Việt | Tiếng Việt 3 | Tiếng Việt | Toán | Tiếng Việt | Giáo dục thể chất | Toán 4 | Tiếng Việt | Giáo dục thể chất | Tiếng Việt | Toán | Tiếng Anh BUỔI CHIỀU 1 | Tiếng Anh | Đạo đức | Hoạt động trải nghiệm | Tự nhiên và Xã hội | Âm nhạc 2 | Tự học có hướng dẫn | Tự học có hướng dẫn | Tự học có hướng dẫn | Tự học có hướng dẫn | Tự học có hướng dẫn 3 | | Tự nhiên và Xã hội | | | Hoạt động trải nghiệm	- HS chú ý lắng nghe, quan sát văn bản Thời khóa biểu trong SGK.
- GV đọc mẫu toàn bài, đọc chậm, rõ để HS dễ theo dõi: đọc theo cột dọc, hàng ngang theo đúng nội dung bài đọc.	- HS đọc thầm văn bản trong khi nghe GV đọc mẫu.
- GV hướng dẫn kĩ cách đọc thời khoá biểu; vừa đọc vừa lấy thước chỉ vào từng cột, từng hàng.	- HS theo dõi cách GV chỉ cột, hàng; biết đọc thông tin theo thứ - buổi - tiết - môn.
b. HS luyện đọc từng đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. - GV hỏi: Bài đọc gồm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc gồm 3 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến thứ - buổi - tiết - môn; đoạn 2 là nội dung buổi sáng; đoạn 3 là nội dung buổi chiều.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn; HS khác theo dõi và góp ý.
- GV mời HS nêu từ khó phát âm.	- HS nêu: thời khóa biểu, trải nghiệm, trình tự, tự nhiên và xã hội, hoạt động trải nghiệm.
- GV viết bảng từ khó và tổ chức cho HS luyện đọc.	- HS luyện phát âm từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh.
- GV kết hợp hướng dẫn HS cách ngắt khi đọc bảng thời khóa biểu.	- HS luyện đọc: Thứ Hai/ buổi sáng/ tiết 1/ Hoạt động trải nghiệm; tiết 2/ Toán; tiết 3/ Tiếng Việt.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 2.	- 3 HS đọc nối tiếp lần 2, biết ngắt nghỉ rõ hơn khi đọc bảng biểu.
- GV hỏi: Trong bài đọc có từ ngữ nào em chưa hiểu?	- HS nêu từ chưa hiểu: thời khóa biểu, trình tự; nghe giải nghĩa và nhắc lại bằng lời của mình.
c. HS luyện đọc trong nhóm. - GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm ba.	- HS luyện đọc theo nhóm ba; mỗi bạn đọc một đoạn, các bạn góp ý.
- GV tổ chức cho HS thi đọc thời khóa biểu giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; HS khác lắng nghe và nhận xét.
- GV mời 1 HS đọc toàn bộ bài.	- 1 HS đọc toàn bộ bài; cả lớp theo dõi trong SGK.

d. Đọc toàn bài. - GV cho HS tự luyện đọc toàn bộ bài.	- HS tự luyện đọc toàn bộ bài, chú ý đọc đúng cột, hàng, buổi, tiết, môn.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu nội dung đã học trong tiết; chuẩn bị tốt cho tiết học tiếp theo.**	
- GV yêu cầu HS nêu cách đọc thời khóa biểu theo cột, hàng, buổi, tiết, môn.	- HS nêu: Khi đọc thời khóa biểu, em đọc theo thứ, buổi, tiết và môn; cần nhìn đúng cột, đúng hàng để không nhầm thông tin.
- Dặn dò: Về nhà luyện đọc thời khóa biểu trong SGK và chuẩn bị trả lời câu hỏi ở tiết sau.	- HS ghi nhớ: Em luyện đọc bảng thời khóa biểu, chú ý cách đọc theo cột và hàng.
TIẾT 2 (35 phút) **Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút)** **Mục tiêu: HS hiểu được thông tin trong từng cột, từng hàng và toàn bộ văn bản; biết cách dùng thời khóa biểu để chuẩn bị học tập. Mục tiêu tích hợp: HS biết có thời khóa biểu là cách rèn nền nếp, sống có kỉ luật; biết lịch số/ứng dụng nhắc việc chỉ là công cụ hỗ trợ, không tự ý cài đặt hoặc nhập thông tin cá nhân.**	
- GV hướng dẫn HS đọc thầm thời khóa biểu của ngày thứ Hai và hỏi: Đọc thời khóa biểu của ngày thứ Hai.	- HS đọc thầm và nêu các môn/hoạt động trong ngày thứ Hai theo buổi sáng, buổi chiều.
- GV hỏi: Sáng thứ Hai có mấy tiết?	- HS trả lời: Sáng thứ Hai có 4 tiết.
- GV hỏi: Thứ Năm có những môn học nào?	- HS đọc bảng và trả lời các môn/hoạt động của thứ Năm theo thời khóa biểu trong SGK.
- GV hỏi: Nếu không có thời khóa biểu, em sẽ gặp khó khăn gì?	- HS trả lời: Em có thể chuẩn bị nhầm sách vở, quên đồ dùng, không biết học môn nào và không chủ động học tập.
- Thời khóa biểu giúp em chuẩn bị học tập như thế nào? Nếu dùng lịch số hoặc ứng dụng nhắc việc, em cần lưu ý điều gì?	- HS trả lời: Thời khóa biểu giúp em biết hôm sau học môn nào, chuẩn bị sách vở đúng, đi học đúng giờ. Nếu dùng lịch số hoặc ứng dụng nhắc việc, em cần có người lớn hướng dẫn, không tự ý cài đặt và không nhập thông tin riêng tư.
- Giáo dục đạo đức, lối sống và Tích hợp năng lực số 2.3.CB1a: Thời khóa biểu giúp các em rèn nề nếp, sống có kỉ luật, biết sắp xếp thời gian học tập, vui chơi, nghỉ ngơi hợp lí. Một số công cụ số như lịch điện tử, đồng hồ báo thức hoặc ứng dụng nhắc việc có thể hỗ trợ xem lịch, nhắc giờ soạn sách vở dưới sự hướng dẫn của người lớn. Tuy nhiên, các em vẫn cần tự kiểm tra lại bằng thời khóa biểu giấy của lớp, không tự ý cài đặt ứng dụng, không nhập họ tên, lớp, số điện thoại, địa chỉ nhà hoặc hình ảnh cá nhân lên thiết bị.	- HS lắng nghe và nêu việc làm: xem thời khóa biểu mỗi ngày, soạn sách vở trước khi đi học, đi học đúng giờ, dùng lịch số dưới sự hướng dẫn của người lớn và không chia sẻ thông tin cá nhân.
- GV chốt: Thời khóa biểu giúp HS biết trình tự các môn học, chuẩn bị đồ dùng học tập và sắp xếp thời gian hợp lí.	- HS lắng nghe và nhắc lại tác dụng của thời khóa biểu.
3. Luyện tập theo văn bản đọc (15 phút) **Mục tiêu: HS biết dựa vào thời khóa biểu để nói câu giới thiệu môn học hoặc hoạt động ở trường.**	
- GV yêu cầu HS dựa vào thời khóa biểu trên bài đọc để nói - đáp theo mẫu.	- HS nói theo mẫu: Lớp mình có tiết Âm nhạc vào thứ mấy? Lớp mình có tiết Âm nhạc vào thứ Sáu.

- GV yêu cầu HS nói một câu giới thiệu môn học hoặc hoạt động ở trường mà em thích.	- HS nói: Tiếng Việt là môn học em yêu thích nhất. Em thích Hoạt động trải nghiệm vì được tham gia nhiều hoạt động vui.
- GV nhận xét, sửa câu cho HS.	- HS sửa câu, nói trọn ý và rõ ràng hơn.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu nội dung bài học; biết vận dụng vào học tập và sinh hoạt hằng ngày.**	
- GV yêu cầu HS nêu một việc cần làm sau khi xem thời khóa biểu.	- HS trả lời: Em cần soạn đúng sách vở, đồ dùng theo môn học của ngày hôm sau và đi học đúng giờ.
- Dặn dò: Về nhà đọc thời khóa biểu của lớp, soạn sách vở cho ngày học tiếp theo; chuẩn bị tiết nghe - viết.	- HS ghi nhớ: Em xem thời khóa biểu, soạn sách vở dưới sự nhắc nhở của người lớn và chuẩn bị bài viết.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 10: THỜI KHÓA BIỂU
TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT: THỜI KHÓA BIỂU; PHÂN BIỆT C/K, CH/TR, V/D

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được yêu cầu học tập trong SGK: đọc, viết, luyện từ/câu hoặc chia sẻ theo nhiệm vụ.
- Vận dụng kiến thức vào giao tiếp, học tập và sinh hoạt hằng ngày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân; biết kiểm tra, sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn, trình bày ý kiến rõ ràng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực tham gia hoạt động học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI 2.A2.1: Nhận biết một số ứng dụng AI/trợ lí ảo có thể hỗ trợ sinh hoạt, học tập hằng ngày: HS hiểu AI/trợ lí ảo có thể nhắc lịch học, giờ soạn sách vở nhưng HS vẫn cần tự kiểm tra bằng thời khóa biểu và không nhập thông tin riêng tư.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và kết nối với bài học.**	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo bài hát Bảng chữ cái Tiếng Việt.	- Lớp hát và vận động theo lời bài hát.
- GV kết nối, dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe, mở vở viết.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) **Mục tiêu: Giúp HS biết trình bày đúng, đẹp bài chính tả vào vở ô ly. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu AI/trợ lí ảo có thể nhắc lịch học, giờ soạn sách vở, nhưng cần tự kiểm tra lại bằng thời khóa biểu và dùng dưới sự hướng dẫn của người lớn.**	
Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe - viết. - GV đọc đoạn chính tả, lưu ý đọc đúng các tiếng HS dễ viết sai. 1. Nghe – viết: *Thời khoá biểu* (từ đầu đến *buổi – tiết – mận*). 2. Dựa vào tranh, viết tên đồ vật có tiếng chứa *c* hoặc *k*. 3. Chọn a hoặc b. a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.	- HS lắng nghe và quan sát đoạn viết trong SGK.
- Nếu trợ lí ảo hoặc đồng hồ thông minh nhắc em giờ soạn sách vở, em cần làm gì trước khi tin theo?	- HS trả lời: Em cần kiểm tra lại bằng thời khóa biểu của lớp, hỏi người lớn khi cần và không tự ý nhập thông tin cá nhân vào thiết bị.
- Tích hợp AI 2.A2.1: AI/trợ lí ảo trong gia đình có thể hỗ trợ nhắc lịch học, nhắc giờ soạn sách	- HS lắng nghe và nêu cách dùng an toàn: xem lại thời khóa biểu giấy, nhờ bố mẹ/cô giáo

vở, nhắc giờ đi ngủ hoặc giờ chuẩn bị đến lớp. Tuy nhiên, công cụ này chỉ là phương tiện hỗ trợ; học sinh vẫn phải tự xem thời khóa biểu, tự kiểm tra môn học, đồ dùng cần chuẩn bị và sử dụng thiết bị dưới sự hướng dẫn của người lớn. Khi dùng thiết bị thông minh, các em không nhập họ tên, lớp, địa chỉ, số điện thoại hoặc hình ảnh riêng tư.	hướng dẫn, không nhập thông tin riêng tư và tự chịu trách nhiệm chuẩn bị sách vở.
- GV gọi HS đọc lại đoạn viết.	- 2 - 3 HS đọc lại đoạn viết trước lớp.
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh nội dung đoạn viết: Thời khóa biểu cho ta biết điều gì?	- HS trả lời: Thời khóa biểu cho biết thời gian học các môn học từng ngày.
- GV hướng dẫn HS nhận biết hiện tượng chính tả: Đoạn văn có những chữ nào viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa những chữ cái đầu câu và tên riêng nếu có.
- GV hỏi: Đoạn văn có chữ nào dễ viết sai?	- HS nêu: thời khóa biểu, trình tự, tiết, buổi, thứ.
- GV yêu cầu HS viết nháp một số chữ dễ viết sai.	- HS viết nháp/bảng con: thời khóa biểu, trình tự, tiết.
- GV hỏi: Khi viết đoạn văn, cần trình bày như thế nào?	- HS trả lời: Thụt đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng dấu câu và khoảng cách.
- GV đọc to, rõ ràng, tốc độ vừa phải; mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần để HS nghe - viết.	- HS nghe GV đọc và viết bài vào vở.
- GV đọc soát lỗi chính tả.	- HS soát lỗi lần 1, bổ sung dấu thanh/dấu câu nếu thiếu; lần 2 đổi vở soát lỗi cho bạn bằng bút chì.
- GV nhận xét bài viết của HS.	- HS lắng nghe, tự sửa lỗi nếu có.
3. Thực hành (12 phút) **Mục tiêu: HS làm được bài tập chính tả phân biệt c/k, ch/tr, v/d.**	
Hoạt động 2: Tìm những chữ còn thiếu trong bảng. - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập.	- HS đọc yêu cầu: Tìm những chữ còn thiếu trong bảng.
- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, viết vào vở tên các sự vật trong mỗi tranh.	- HS làm việc cá nhân, viết tên sự vật: kéo, cặp sách, thước kẻ hoặc các từ phù hợp theo tranh.
- GV gọi HS đọc kết quả trước lớp/nhóm.	- HS đọc kết quả; HS khác nhận xét, bổ sung.
Hoạt động 3: Chọn c hoặc k, ch hoặc tr, v hoặc d thay vào ô vuông. - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập.	- HS đọc yêu cầu bài tập trong SGK.
- GV tổ chức trò chơi tiếp sức để điền âm/chữ thích hợp.	- Mỗi đội cử 4 HS tham gia trò chơi; HS dưới lớp cổ vũ, theo dõi và nhận xét.
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.	- HS sửa bài vào vở, ghi nhớ cách phân biệt c/k, ch/tr, v/d.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: Củng cố quy tắc chính tả; biết tự soát lỗi và sửa lỗi sau khi viết.**	
- GV yêu cầu HS nêu một lỗi chính tả em cần chú ý sau tiết học.	- HS nêu: Em cần chú ý phân biệt c/k, ch/tr, v/d và đọc lại bài để sửa lỗi.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài viết, sửa những lỗi còn sai; chuẩn bị tiết luyện từ và câu.	- HS ghi nhớ: Em sửa lỗi vào vở, luyện viết đúng các từ dễ lẫn và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 10: THỜI KHÓA BIỂU
TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG; CÂU NÊU HOẠT ĐỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được yêu cầu học tập trong SGK: đọc, viết, luyện từ/câu hoặc chia sẻ theo nhiệm vụ.
- Vận dụng kiến thức vào giao tiếp, học tập và sinh hoạt hằng ngày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân; biết kiểm tra, sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn, trình bày ý kiến rõ ràng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực tham gia hoạt động học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp năng lực số 2.3.CB1a: Nhận biết một số công cụ/dịch vụ số đơn giản hỗ trợ học tập: HS biết công cụ số có thể nhắc lịch, xem thời khóa biểu nhưng chỉ sử dụng dưới sự hướng dẫn của người lớn và không chia sẻ thông tin cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới và kết nối bài.**	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo bài hát: Bé tập thể dục.	- HS hát và vận động theo bài hát.
- GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS chú ý, mở SGK phần Luyện từ và câu.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: Mở rộng vốn từ chỉ sự vật, hoạt động.**	
BT1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ hoạt động. - GV chiếu tranh cho HS quan sát. 	- HS quan sát tranh trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài.	- HS nêu yêu cầu bài: Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, chỉ hoạt động.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm bốn: quan sát tranh, trao đổi và hoàn thành phiếu học tập.	- HS làm việc nhóm bốn, ghi vào phiếu: Từ chỉ sự vật: học sinh, sách, vở, bảng, cây, bóng, dây.

	Từ chỉ hoạt động: đọc sách, vẽ tranh, hát, đánh đàn, tập thể dục, đá cầu, nhảy dây.
- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.	- Đại diện nhóm báo cáo kết quả, kết hợp chỉ trên tranh minh họa; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, thống nhất kết quả.	- HS sửa phiếu, ghi nhớ từ chỉ sự vật và từ chỉ hoạt động.
- GV mở rộng: Em hãy tìm thêm những từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động khác mà em biết.	- HS nêu: bàn, ghế, bút, cặp, sân trường; chạy, nhảy, viết, đọc, quét lớp.
- GV liên hệ: Em hãy chia sẻ trải nghiệm hoặc suy nghĩ về các hoạt động mà em làm trong ngày.	- HS chia sẻ: Em đọc sách, học bài, chơi đá cầu, giúp mẹ quét nhà.
- Em biết công cụ số nào có thể nhắc em học bài, đọc sách hoặc chuẩn bị đồ dùng học tập?	- HS trả lời: Em biết đồng hồ báo thức, lịch trên điện thoại của bố mẹ, bảng thời khóa biểu trên máy tính hoặc lời nhắc do người lớn cài đặt.
- Tích hợp năng lực số 2.3.CB1a: Một số công cụ số đơn giản như lịch điện tử, đồng hồ báo thức, bảng thời khóa biểu trên máy tính hoặc ứng dụng nhắc việc có thể hỗ trợ các em nhớ giờ học, giờ đọc sách, giờ chuẩn bị đồ dùng. Các em chỉ sử dụng khi có người lớn hướng dẫn, không tự ý cài đặt ứng dụng, không nhập thông tin cá nhân và không mải dùng thiết bị số làm ảnh hưởng đến việc học, vui chơi, nghỉ ngơi.	- HS lắng nghe và nêu cách sử dụng phù hợp: nhờ bố mẹ/cô giáo hướng dẫn, dùng công cụ để nhắc việc học, không nhập thông tin cá nhân và không dùng thiết bị quá lâu.
3. Thực hành đặt câu (13 phút) **Mục tiêu: HS biết đặt câu nêu hoạt động với từ ngữ vừa tìm được. Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết một số công cụ số đơn giản có thể hỗ trợ nhắc việc học tập dưới sự hướng dẫn của người lớn.**	
BT2. Đặt một câu nêu hoạt động với từ ngữ vừa tìm được. - GV cho HS đọc yêu cầu của bài tập.	- 2 - 3 HS đọc to yêu cầu; cả lớp đọc thầm.
- GV hướng dẫn HS làm mẫu.	- HS chú ý nghe mẫu: Các bạn đọc sách.
- GV tổ chức cho HS thực hành cặp đôi.	- HS thực hành cặp đôi, đặt câu và góp ý cho nhau.
- GV mời HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ: Các bạn đang vẽ tranh. Thầy giáo đang đánh đàn. Các bạn nhỏ đang tập thể dục. Hai bạn đang đá cầu.
BT3. Đặt một câu nêu hoạt động của em ở trường. - GV yêu cầu HS suy nghĩ và đặt câu.	- HS đặt câu: Em đọc sách ở thư viện. Em tập thể dục giữa giờ. Em chăm sóc cây ở lớp.
- GV nhận xét, sửa câu cho HS.	- HS sửa câu, nói câu trọn ý, dùng đúng từ chỉ hoạt động.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: Củng cố vốn từ chỉ sự vật, hoạt động; biết vận dụng đặt câu trong giao tiếp hằng ngày.**	
- GV yêu cầu HS đặt một câu nêu hoạt động em sẽ thực hiện ở trường hoặc ở nhà hôm nay.	- HS đặt câu: Em đọc sách ở nhà. Em soạn sách vở trước khi đi học. Em giúp mẹ dọn bàn.
- Dặn dò: Về nhà tìm thêm 3 từ chỉ sự vật, 3 từ chỉ hoạt động trong thời khóa biểu hoặc ở	- HS ghi nhớ và thực hiện, ghi từ tìm được vào vở nháp.

trường; chuẩn bị tiết viết đoạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 5
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 10: THỜI KHÓA BIỂU
TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN: VIẾT THỜI GIAN BIỂU; ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được thời gian biểu của bản thân từ 17 giờ đến lúc đi ngủ; biết trình bày rõ thời gian và hoạt động phù hợp.
- Đọc được bảng tin của nhà trường, nắm thông tin chính và chia sẻ được thông tin em quan tâm; vận dụng vào học tập, sinh hoạt hằng ngày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân; biết kiểm tra, sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn, trình bày ý kiến rõ ràng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực tham gia hoạt động học tập.

4. Tích hợp:

- Giáo dục kĩ năng sống: HS biết lập và thực hiện thời gian biểu phù hợp; biết sắp xếp việc học, vui chơi, nghỉ ngơi, giúp việc nhà để hình thành thói quen đúng giờ, tự giác và có trách nhiệm.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số; biết chọn lọc thông tin phù hợp: HS biết xác định đúng thông tin cần tìm khi đọc bản tin nhà trường, dùng từ khóa phù hợp, chọn nguồn an toàn, kiểm tra tên bản tin/nguồn đăng và chỉ chia sẻ nội dung phù hợp với bài học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5 (35 phút)	
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và kết nối vào bài mới.**	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" thi nói những việc em đã làm ở gia đình.	- HS chơi trò chơi, nêu nhanh: ăn cơm, rửa mặt, học bài, dọn bàn, đi ngủ.
- GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe, chuẩn bị học bài Viết thời gian biểu.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: Hình thành ý tưởng bài viết.**	
Hoạt động 1: Quan sát tranh, kể lại các hoạt động của bạn Nam. - GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của bài. 	- HS đọc yêu cầu: Quan sát tranh, kể lại các hoạt động của bạn Nam.

- GV trình chiếu tranh, hướng dẫn HS quan sát tranh, đọc các giờ tương ứng trong mỗi tranh.	- HS quan sát tranh và đọc giờ: 7:00, 8:00, 9:30, 11:30.
- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm bốn: kể về các hoạt động bạn Nam đã làm ở nhà/trường với thời gian tương ứng.	- HS kể trong nhóm: 7 giờ bạn Nam đi học; 8 giờ bạn Nam học ở lớp; 9 giờ 30 phút bạn Nam ra chơi; 11 giờ 30 phút bạn Nam ăn trưa.
- GV tổ chức thi đua giữa các nhóm.	- Các nhóm thi kể tự nhiên; lớp theo dõi và bình chọn nhóm kể tốt.
- GV nhận xét, khen ngợi các nhóm.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cách kể theo thời gian.
- GV liên hệ: Em hãy liên hệ với thực tế về thời gian biểu của bản thân.	- HS chia sẻ: Buổi chiều em học bài, ăn cơm, đọc sách, chuẩn bị sách vở và đi ngủ đúng giờ.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: Giúp HS lập được thời gian biểu và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Mục tiêu tích hợp: HS biết sắp xếp thời gian học tập, vui chơi, đọc sách, giúp việc nhà và nghỉ ngơi hợp lí; hình thành thói quen đúng giờ, tự giác và có trách nhiệm với việc của mình.**	
Hoạt động 2: Viết thời gian biểu của em từ 5 giờ chiều (17:00) đến lúc đi ngủ. - GV cho HS nêu yêu cầu của bài.	- HS nêu yêu cầu: Viết thời gian biểu của em từ 17 giờ đến lúc đi ngủ.
- GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập và hướng dẫn mẫu.	- HS chú ý nghe GV hướng dẫn mẫu: 17:00 - đi học về; 17:30 - tắm rửa; 18:00 - ăn cơm; 19:00 - học bài; 20:30 - chuẩn bị sách vở; 21:00 - đi ngủ.
- GV yêu cầu HS luyện viết, hoàn thành phiếu học tập thời gian biểu.	- HS viết thời gian biểu cá nhân vào phiếu/vở, trình bày rõ thời gian và hoạt động.
- GV mời nhiều HS chia sẻ trước lớp về thời gian biểu cá nhân.	- HS đọc thời gian biểu của mình; HS khác nhận xét, góp ý.
- Khi lập thời gian biểu buổi chiều, em cần sắp xếp việc học, vui chơi, đọc sách, giúp việc nhà và nghỉ ngơi như thế nào?	- HS trả lời: Em cần sắp xếp thời gian cân đối: học bài trước, giúp việc nhà vừa sức, có thời gian đọc sách, vui chơi và đi ngủ đúng giờ.
- Giáo dục kĩ năng sống: Lập thời gian biểu giúp các em biết quản lí thời gian, không để việc học dồn lại quá muộn, không vui chơi hoặc dùng thiết bị điện tử quá lâu. Một thời gian biểu hợp lí cần có thời gian học tập, đọc sách, giúp việc nhà, vệ sinh cá nhân, vui chơi và nghỉ ngơi. Khi biết thực hiện theo thời gian biểu, các em sẽ hình thành thói quen đúng giờ, tự giác chuẩn bị đồ dùng học tập và có trách nhiệm hơn với bản thân.	- HS lắng nghe, điều chỉnh thời gian biểu của mình cho cân đối và nêu việc sẽ thực hiện ở nhà: học bài đúng giờ, đọc sách, giúp bố mẹ việc vừa sức, chuẩn bị sách vở trước khi ngủ.
- GV nhận xét, nhắc HS sắp xếp thời gian học tập, vui chơi, nghỉ ngơi hợp lí.	- HS lắng nghe và điều chỉnh thời gian biểu cho phù hợp.
4. Vận dụng (5 phút) **Mục tiêu: Biết vận dụng thời gian biểu vào sinh hoạt hằng ngày.**	
- GV yêu cầu HS chọn một việc trong thời gian biểu buổi chiều sẽ thực hiện đúng giờ hôm nay.	- HS nêu: Em sẽ học bài lúc 19 giờ, đọc sách lúc 20 giờ, chuẩn bị sách vở trước khi đi ngủ.
- Dặn dò: Về nhà thực hiện thời gian biểu đã viết, nhờ người thân góp ý và chuẩn bị tiết Đọc mở rộng.	- HS ghi nhớ: Em thực hiện thời gian biểu, điều chỉnh cho phù hợp và chuẩn bị bài sau.
TIẾT 6 (35 phút)	
1. Khởi động (5 phút)	

Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS và kết nối vào bài mới.	
- GV tổ chức cho HS sắm vai "Phóng viên nhỏ tuổi" tìm hiểu về các hoạt động của nhà trường.	- 1 HS đóng vai phóng viên phỏng vấn; HS dưới lớp trả lời: Em quan tâm đến hoạt động tham quan, văn nghệ, đọc sách, thể thao.
- GV kết nối dẫn dắt vào bài mới.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Đọc mở rộng.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: Giúp HS biết đọc và nắm được các thông tin trong bảng tin của nhà trường.**	
Hoạt động 1: Đọc bảng tin của nhà trường. - GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của bài tập. 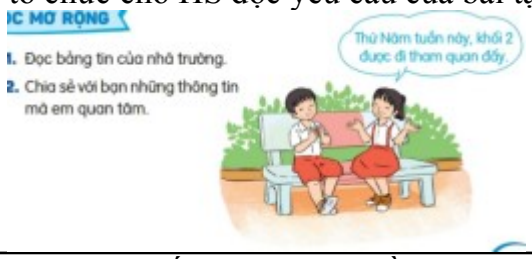 	- HS nêu yêu cầu: Đọc bảng tin của nhà trường.
- GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài tập, chú ý cách đọc bảng tin.	- HS lắng nghe, biết đọc tiêu đề, thời gian, địa điểm, nội dung chính của bảng tin.
- GV trình chiếu tranh, ảnh hoặc video bảng tin của nhà trường cho HS quan sát.	- HS quan sát bảng tin, đọc các thông tin nổi bật.
- GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp, trao đổi về nội dung của bảng tin mà em biết.	- HS thảo luận cặp đôi, nêu tên bản tin, hoạt động, thời gian và điều em quan tâm.
- GV mời HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp; HS dưới lớp nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, động viên HS.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc bảng tin.
- GV lưu ý HS những điểm cần chú ý khi đọc bảng tin.	- HS ghi nhớ: đọc tiêu đề, thời gian, địa điểm, người tham gia, nội dung cần chuẩn bị.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: Giúp HS chia sẻ với bạn những thông tin mà em quan tâm và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Mục tiêu tích hợp: HS xác định được thông tin cần tìm, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số; biết chọn lọc thông tin phù hợp.**	
Hoạt động 2: Chia sẻ với các bạn những thông tin mà em quan tâm. - GV tổ chức cho HS đọc yêu cầu của hoạt động.	- HS nêu yêu cầu: Chia sẻ với các bạn những thông tin mà em quan tâm.
- GV hỏi: Khi muốn tìm một bản tin về hoạt động của nhà trường trên môi trường số, em cần xác định thông tin gì trước?	- HS trả lời: Em cần xác định mình muốn tìm hoạt động nào, thời gian nào, nguồn nào của nhà trường.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Khi tìm thông tin trên môi trường số, các em cần xác định đúng thông tin cần tìm, dùng từ khóa đơn giản, chọn nguồn phù hợp như website, fanpage hoặc thông báo chính thức của nhà trường; không bấm vào đường link lạ, không chia sẻ họ tên, lớp, số điện thoại, địa chỉ nhà. Sau khi tìm được thông tin, các em cần đọc kĩ tên hoạt động, thời gian, địa điểm, người tham gia và chỉ chia sẻ nội dung phù hợp với bài học.	- HS lắng nghe và nêu cách thực hiện: Em tìm bằng từ khóa tên trường và tên hoạt động; em chọn thông báo của trường; em không nhập thông tin riêng tư và nhờ người lớn hướng dẫn khi cần.
- GV tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm về thông tin em quan tâm.	- HS trao đổi trong nhóm: Em quan tâm lịch tham quan, hội thi vẽ tranh, ngày hội đọc sách

	hoặc hoạt động thể thao.
- GV mời HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp, nêu rõ tên thông tin, điều em quan tâm và nguồn thông tin nếu biết.
- GV nhận xét, góp ý cho HS cách chọn lọc thông tin.	- HS lắng nghe, điều chỉnh cách chia sẻ cho rõ ràng và phù hợp.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu nội dung bài và chuẩn bị học bài sau.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung đã học.	- HS nhắc lại: Đọc - hiểu Thời khóa biểu; nghe - viết Thời khóa biểu; luyện từ chỉ sự vật, hoạt động; viết thời gian biểu; đọc bảng tin nhà trường.
- GV gọi HS nêu ý kiến về bài học.	- HS nêu hoạt động em thích, điều em còn cần luyện thêm.
- GV nhận xét, khen ngợi và dặn HS chuẩn bị bài sau.	- HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ về nhà.
- Dặn dò: Về nhà tìm đọc thêm một bản tin, thông báo của nhà trường hoặc một bài viết phù hợp; ghi lại tên nguồn thông tin để chia sẻ ở tiết sau.	- HS ghi nhớ: Em tìm thông tin an toàn, chọn nguồn phù hợp và không chia sẻ thông tin cá nhân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 6
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 11: CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài Cái trống trường em; biết ngắt nghỉ hơi phù hợp theo dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được câu hỏi trong SGK; nêu được tình cảm gắn bó của học sinh với tiếng trống trường.
- Biết luyện đọc lại, nói và đáp lời tạm biệt trong tình huống phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự sửa lỗi phát âm.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ tiếng trống trường với việc thực hiện nề nếp học tập.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: yêu quý trường lớp, thầy cô, bạn bè.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, trả lời câu hỏi.
- Trách nhiệm: thực hiện đúng hiệu lệnh, giữ nề nếp khi nghe tiếng trống trường.

4. Tích hợp:

- Đạo đức, lối sống: Giáo dục HS tình cảm yêu trường, yêu lớp, kính trọng thầy cô, quý mến bạn bè và thực hiện tốt nề nếp học tập qua hình ảnh tiếng trống trường: HS biết vào lớp khi nghe trống, xếp hàng trật tự, vui chơi an toàn, yêu trường lớp và kính trọng thầy cô.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.

- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Huy động trải nghiệm, tạo hứng thú trước khi đọc bài.**	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh khởi động trong SGK và trả lời: Tiếng trống trường báo cho em biết điều gì? 	- HS quan sát tranh và trả lời: Tiếng trống báo giờ vào lớp, giờ ra chơi, giờ chào cờ hoặc bắt đầu năm học mới.
- GV hỏi: Dựa vào tên bài Cái trống trường em, em nghĩ bài học hôm nay nói về điều gì?	- HS trả lời: Em nghĩ bài học nói về cái trống trường và tình cảm của học sinh với trường lớp.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, cô và các em sẽ đọc bài Cái trống trường em để hiểu vì sao tiếng trống lại gần gũi, thân thương với học sinh.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng trang và chuẩn bị đọc bài.
- GV kết luận: Quan sát tranh và đọc tên bài giúp các em dự đoán nội dung trước khi đọc.	- HS chuẩn bị tâm thế đọc bài.
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu bước đầu nội dung bài đọc.**	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng bài thơ; biết ngắt nghỉ theo dòng thơ, khổ thơ; đọc với giọng vui tươi, trìu mến.**	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị lắng nghe, mở SGK bài Cái trống trường em.
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, tha thiết; nhấn ở các từ gợi cảm xúc: nghỉ, ngẫm nghĩ, buồn, mừng vui, Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!.	- HS chú ý lắng nghe và đọc thầm theo; nhận biết giọng đọc vui tươi, tình cảm.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng khổ thơ, đọc từ khó và nêu từ chưa hiểu.
- GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 4 khổ thơ.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1.	- Từng tốp 4 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ; HS khác theo dõi, góp ý cách phát âm.
- GV mời HS nêu một số từ khó phát âm do ảnh hưởng của địa phương.	- HS nêu từ khó: trống trường, ngẫm nghĩ, lặng im, nghiêng đầu, mừng vui, tung bừng.
- GV viết bảng từ khó và tổ chức cho HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc từ khó, sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.
- GV hỏi: Trong bài thơ có từ ngữ nào em chưa hiểu nghĩa?	- HS nêu từ ngữ chưa hiểu; HS nghe giải nghĩa: ngẫm nghĩ là nghĩ đi nghĩ lại kĩ càng.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc theo nhóm, biết nghe bạn đọc và góp ý nhẹ nhàng.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 4; mỗi bạn đọc một khổ thơ.	- HS luyện đọc trong nhóm 4; các bạn góp ý cách ngắt nghỉ, giọng đọc.

- GV tổ chức cho HS thi đọc nối tiếp từng khổ thơ giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc nối tiếp; cả lớp lắng nghe, nhận xét.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị luyện đọc toàn bài thơ.
- GV mời 2 - 3 HS đọc toàn bài; nhận xét, hỗ trợ HS đọc còn chậm.	- 2 - 3 HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi, nhận xét giọng đọc và cách ngắt nghỉ.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu cách đọc bài thơ và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại giọng đọc phù hợp của bài thơ Cái trống trường em.	- HS nêu: Cần đọc với giọng vui tươi, tình cảm, nhấn giọng ở tiếng trống và cảm xúc của bạn học sinh.
- Dặn dò: Về nhà luyện đọc lại bài thơ cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: luyện đọc bài ở nhà và chuẩn bị trả lời câu hỏi ở tiết sau.
TIẾT 2	
Hoạt động 2: Đọc hiểu (17 phút) **Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi trong SGK, hiểu tình cảm của bạn học sinh với trống trường; biết thực hiện đúng hiệu lệnh khi nghe tiếng trống. Mục tiêu tích hợp: HS biết vào lớp đúng giờ, xếp hàng trật tự, vui chơi an toàn và yêu quý mái trường.**	
- GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ 1 và 2, trả lời câu hỏi: Bạn học sinh kể gì về trống trường trong những ngày hè? *Ngẫm nghĩ*: nghĩ đi nghĩ lại kĩ càng. 1. Bạn học sinh kể gì về trống trường trong những ngày hè? 2. Tiếng trống trường trong khổ thơ cuối báo hiệu điều gì? 3. Khổ thơ nào cho thấy bạn học sinh trò chuyện với trống trường như với một người bạn? 4. Em thấy tình cảm của bạn học sinh với trống trường như thế nào? 1. Những từ ngữ nào dưới đây nói về trống trường như nói về con người? ngẫm nghĩ · mừng vui · buồn · đi vắng 2. Nối và đáp: a. Lời tạm biệt của bạn học sinh với trống trường b. Lời tạm biệt bạn bè khi bắt đầu nghỉ hè	- HS trả lời: Trống cũng nghỉ, nằm ngẫm nghĩ, buồn vì trong những ngày hè các bạn học sinh đi vắng.
- GV hỏi: Tiếng trống trường trong khổ thơ cuối báo hiệu điều gì?	- HS trả lời: Tiếng trống báo hiệu vào năm học mới với âm thanh vang lên tung bừng.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2: Khổ thơ nào cho thấy bạn học sinh trò chuyện với trống trường như với một người bạn?	- HS thảo luận nhóm 2 và trả lời: Khổ thơ thứ hai cho thấy bạn học sinh trò chuyện với trống như với một người bạn.
- GV hỏi: Em thấy tình cảm của bạn học sinh với trống trường như thế nào?	- HS trả lời: Bạn học sinh rất yêu quý, gắn bó và coi trống trường như một người bạn thân thiết.
- Khi nghe tiếng trống trường, em cần làm gì để thể hiện nề nếp của học sinh?	- HS trả lời: Em vào lớp đúng giờ, xếp hàng trật tự, không chen lấn, vui chơi an toàn và giữ nề nếp của lớp.
- Đạo đức, lối sống: Tiếng trống trường nhắc học sinh vào lớp, ra chơi, kết thúc giờ học và gợi tình cảm gắn bó với mái trường. Khi nghe trống, các em cần biết thực hiện đúng hiệu lệnh: vào lớp đúng giờ, xếp hàng trật tự, ra chơi an toàn, không chen lấn, không chạy nhảy nguy hiểm và giữ trật tự để lớp học có nề nếp. Yêu quý tiếng trống trường cũng là yêu quý trường lớp, thầy cô, bạn bè và biết giữ gìn những kỉ niệm đẹp trong học tập.	- HS lắng nghe, nêu việc làm phù hợp khi nghe tiếng trống trường.
- GV kết luận: Bài thơ cho thấy tiếng trống trường rất thân thương; mỗi học sinh cần yêu	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.

trường lớp và thực hiện tốt nề nếp học tập.	
Hoạt động 3: Học thuộc lòng (8 phút) **Mục tiêu: HS học thuộc lòng khổ thơ em thích, đọc rõ nhịp và tự tin trước lớp.**	
- GV nêu yêu cầu: Học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.	- HS chọn 2 khổ thơ yêu thích để học thuộc.
- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bằng cách xóa dần, chỉ để lại các chữ đầu dòng thơ.	- HS đọc nhẩm, dựa vào chữ đầu dòng để nhớ nội dung từng khổ thơ.
- GV tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng.	- 2 - 3 HS thi đọc thuộc lòng trước lớp; HS khác lắng nghe và nhận xét.
3. Thực hành (7 phút) **Mục tiêu: Củng cố từ ngữ nói về trống trường như con người; luyện nói và đáp lời tạm biệt.**	
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc. **Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ nhân hóa và thực hành nói - đáp lời tạm biệt phù hợp.**	
Bài tập 1: Những từ ngữ nào dưới đây nói về trống trường như nói về con người? Ngẫm nghĩ: nghĩ đi nghĩ lại kĩ càng. 1. Bạn học sinh kể gì về trống trường trong những ngày hè? 2. Tiếng trống trường trong khổ thơ cuối báo hiệu điều gì? 3. Khổ thơ nào cho thấy bạn học sinh trò chuyện với trống trường như với một người bạn? 4. Em thấy tình cảm của bạn học sinh với trống trường như thế nào? 1. Những từ ngữ nào dưới đây nói về trống trường như nói về con người? ngẫm nghĩ mừng vui buồn đi vắng 2. Nói và đáp: a. Lời tạm biệt của bạn học sinh với trống trường b. Lời tạm biệt bạn bè khi bắt đầu nghỉ hè	- HS đọc đề và xác định yêu cầu: tìm từ ngữ nói về trống trường như nói về con người.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Những từ ngữ nào dưới đây nói về trống trường như nói về con người?
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, gạch dưới các từ ngữ nói về trống trường như nói về con người.	- HS làm việc cá nhân, gạch dưới: ngẫm nghĩ, mừng vui, buồn, đi vắng.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 để thống nhất kết quả.	- HS trao đổi nhóm 2, đối chiếu câu trả lời và bổ sung nếu còn thiếu.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả và giải thích.	- Đại diện nhóm trình bày: Các từ ngữ nói về trống như con người là ngẫm nghĩ, mừng vui, buồn, đi vắng.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án.	- HS sửa bài, ghi nhớ cách nhận biết từ ngữ nhân hóa.
- GV kết luận: Các từ ngữ nhân hóa giúp cái trống trở nên gần gũi, thân thiết như một người bạn của học sinh.	- HS lắng nghe và nhắc lại: Từ ngữ nhân hóa làm hình ảnh cái trống sinh động hơn.
Bài tập 2: Nói và đáp.	- HS đọc tên bài tập và xác định cần luyện nói, đáp lời tạm biệt.
a. Lời tạm biệt của bạn học sinh với trống trường.	- HS đọc yêu cầu câu a.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu a.	- HS đọc: Lời tạm biệt của bạn học sinh với trống trường.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2: một bạn nói lời tạm biệt với trống trường, một bạn đáp lời như trống là người bạn thân.	- HS làm việc nhóm 2, phân vai nói và đáp lời tạm biệt.
- GV mời 2 - 3 cặp trình bày câu a trước lớp.	- HS trình bày: "Tạm biệt trống nhé, hẹn gặp lại vào năm học mới!" - "Tùng! Tùng! Tùng! Mình cũng hẹn gặp lại bạn."

- GV nhận xét, sửa cách dùng từ và giọng nói ở câu a.	- HS sửa lời nói cho tự nhiên, lễ phép và rõ cảm xúc.
- GV kết luận câu a: Khi nói lời tạm biệt với sự vật được nhân hóa, các em có thể dùng lời thân mật, gần gũi như nói với một người bạn.	- HS ghi nhớ cách nói lời tạm biệt với trống trường.
b. Lời tạm biệt bạn bè khi bắt đầu nghỉ hè.	- HS đọc yêu cầu câu b.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu b.	- HS đọc: Lời tạm biệt bạn bè khi bắt đầu nghỉ hè.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2: một bạn nói lời tạm biệt, một bạn đáp lời; chú ý lời nói thân thiện, vui vẻ.	- HS làm việc nhóm 2, thực hành nói và đáp lời tạm biệt bạn bè.
- GV mời 2 - 3 cặp trình bày câu b trước lớp.	- HS trình bày: "Tạm biệt bạn, chúc bạn nghỉ hè vui nhé!" - "Cảm ơn bạn, chúc bạn nghỉ hè an toàn và vui vẻ!"
- GV nhận xét, sửa bài câu b và tuyên dương cặp nói tự nhiên.	- HS lắng nghe, sửa lời nói cho rõ ràng và phù hợp.
- GV kết luận: Khi nói lời tạm biệt, các em cần nói rõ ràng, thân thiện và biết đáp lại lời bạn bằng thái độ lịch sự.	- HS nhắc lại: Nói lời tạm biệt cần thân thiện, lịch sự và chân thành.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu nội dung bài học và giao nhiệm vụ về nhà.**	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm khi nghe tiếng trống trường.	- HS nêu: Em sẽ nhanh chóng vào lớp, xếp hàng trật tự, không chạy nhảy và chuẩn bị học tập.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài và kể cho người thân nghe điều em thích nhất ở tiếng trống trường.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 6
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 11: CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA Đ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết đúng chữ hoa Đ cỡ vừa và cỡ nhỏ; nắm được quy trình đặt bút, đưa bút, dừng bút.
- Viết đúng câu ứng dụng: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.
- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách; đặt dấu thanh, dấu phụ đúng vị trí.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị đồ dùng, giữ tư thế ngồi viết đúng, biết soát lỗi chữ viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời lịch sự.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: kiên trì rèn chữ, giữ vở sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút)	

Mục tiêu: Vừa ôn lại kiến thức cũ vừa kết nối sang bài học mới.	
- GV yêu cầu HS nhắc lại chữ hoa đã học ở tiết trước.	- HS nhắc lại: Em đã học các chữ hoa A, Ă, Â, B, C, D.
- GV giới thiệu bài: Trong tiết tập viết hôm nay, các em sẽ học cách viết chữ hoa Đ và viết câu ứng dụng Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) **Mục tiêu: Giúp HS nắm được kĩ thuật viết chữ hoa Đ.**	
Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa. **Mục tiêu: HS quan sát mẫu, nêu cấu tạo và luyện viết đúng chữ hoa Đ.**	
Bài tập 1: Viết chữ hoa Đ. 	- HS đọc đề và xác định yêu cầu viết chữ hoa Đ.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết chữ hoa Đ.
- GV giới thiệu mẫu chữ viết hoa Đ.	- HS quan sát mẫu chữ hoa Đ trong SGK/Tập viết.
- GV hướng dẫn HS quan sát chữ viết hoa Đ, nêu độ cao, độ rộng, các nét và quy trình viết.	- HS nêu: Chữ Đ viết hoa cao 5 li, gồm nét chính giống chữ D và thêm nét ngang ngắn ở giữa thân chữ.
- GV viết mẫu trên bảng lớp lần 1; sau đó cho HS quan sát cách viết chữ viết hoa Đ trên màn hình nếu có.	- HS theo dõi cách viết mẫu, nhận biết điểm đặt bút, hướng đưa bút và điểm dừng bút.
- GV viết mẫu trên bảng lớp lần 2, kết hợp nêu quy trình: viết thân chữ Đ giống chữ D, đặt bút trên đường kẻ ngang 6, đưa bút xuống gần đường kẻ ngang 1, tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, lượn cong phải và dừng bút ở đường kẻ ngang 5; sau đó lia bút viết nét ngang ngắn ở giữa thân chữ, cân đối, không quá dài, không lệch lên hoặc lệch xuống.	- HS nhắc lại quy trình: viết thân chữ Đ giống chữ D, sau đó thêm nét ngang ngắn cân đối ở giữa thân chữ.
- GV hướng dẫn HS tập viết chữ hoa Đ trên không, trên bảng con hoặc nháp.	- HS viết chữ hoa Đ trên không, bảng con hoặc nháp theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn HS tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.	- HS đổi bảng/vở, góp ý cho bạn về độ cao, nét cong, nét ngang và độ cân đối của chữ.
3. Thực hành (14 phút) **Mục tiêu: Giúp HS biết cách viết, trình bày câu ứng dụng có chữ hoa Đ.**	
Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng. **Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng, biết đặt dấu thanh, dấu phụ đúng vị trí.**	
Bài tập 2: Viết ứng dụng: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.	- HS đọc đề và xác định yêu cầu viết câu ứng dụng.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết ứng dụng: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng và nêu ý nghĩa.	- HS đọc: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn. HS nêu: Đi nhiều nơi, học hỏi nhiều điều sẽ giúp chúng ta hiểu biết hơn.
- GV hỏi: Trong câu, chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Chữ Đi ở đầu câu cần viết hoa chữ Đ.

- GV hướng dẫn cách đặt dấu thanh/dấu phụ trong câu: dấu thanh đặt trên hoặc dưới âm chính, không đặt lệch sang phụ âm; dấu phụ viết cân đối, không chạm vào thân chữ.	- HS nhắc lại cách đặt dấu: dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng đặt đúng âm chính; dấu mũ hoặc dấu ngang đặt cân đối, rõ ràng.
- GV cho HS viết bài vào vở Tập viết; quan sát, hỗ trợ HS viết chậm.	- HS viết bài vào vở, giữ tư thế đúng, viết chậm và sạch.
- GV kết luận: Viết câu ứng dụng giúp các em rèn chữ đẹp và ghi nhớ ý nghĩa câu nói.	- HS tự kiểm tra bài viết.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Biết tự soát lỗi và sửa bài viết.**	
- GV yêu cầu HS đổi vở theo cặp, nhận xét một điểm bạn viết tốt và một điểm cần sửa.	- HS đổi vở, nhận xét nhẹ nhàng, đánh dấu lỗi bằng bút chì nếu có.
- GV kết luận: Mỗi ngày luyện viết một chút, chữ viết sẽ tiến bộ; khi góp ý cho bạn cần nói lịch sự.	- HS lắng nghe và hoàn thiện bài viết.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 6
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 11: CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: NGÔI TRƯỜNG CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói được những điều em thích về trường của em theo gợi ý trong SGK.
- Nêu được mong muốn về sự thay đổi của trường lớp bằng lời nói rõ ràng, phù hợp.
- Biết nghe bạn nói, nhận xét và trao đổi chi tiết phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: nói rõ ràng, biết lắng nghe, tôn trọng lượt lời của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn lời nói phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trách nhiệm: biết thể hiện thái độ tôn trọng, thân thiện khi giao tiếp.

4. Tích hợp:

- Giáo dục quyền con người: HS được bày tỏ mong muốn về ngôi trường an toàn, xanh, sạch, thân thiện; biết lắng nghe và tôn trọng mong muốn của bạn: HS mạnh dạn nói mong muốn về trường lớp, lắng nghe bạn và không chê cười ý kiến của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Gợi nhớ nội dung liên quan, tạo hứng thú nói và nghe.**	
- GV tổ chức hỏi nhanh: Em thích nhất điều gì ở trường mình?	- HS nêu: Em thích sân trường, thư viện, lớp học, cô giáo, bạn bè hoặc hàng cây trong sân trường.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, các em sẽ nói những điều em thích về trường của mình	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.

và nêu mong muốn để trường lớp ngày càng tốt đẹp.	
- GV kết luận: Muốn nói tốt, các em cần quan sát tranh, nói đủ ý và lắng nghe bạn.	- HS chuẩn bị quan sát tranh.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) **Mục tiêu: Nhận diện nội dung tranh, gợi ý điều em thích về trường lớp.**	
Hoạt động 1: Quan sát tranh, xác định nội dung nói. **Mục tiêu: HS quan sát tranh, nêu được điều mình thích về trường lớp.**	
Bài tập 1: Nói những điều em thích về trường của em. 	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ nói về điều mình thích ở trường.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Nói những điều em thích về trường của em.
a. Trường em tên là gì? Ở đâu?	- HS đọc yêu cầu câu a.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu a.	- HS đọc: Trường em tên là gì? Ở đâu?
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, suy nghĩ tên trường và địa chỉ/phường nơi trường đặt trụ sở.	- HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời đầy đủ.
- GV mời HS trình bày câu a.	- HS trả lời: Trường em là Trường Tiểu học Lương Thế Vinh, ở phường An Lạc.
- GV nhận xét, sửa cách nói câu a cho đủ ý.	- HS sửa câu trả lời cho rõ tên trường và nơi trường ở.
b. Điều gì khiến em cảm thấy yêu thích, muốn đến trường hằng ngày?	- HS đọc yêu cầu câu b.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu b.	- HS đọc: Điều gì khiến em cảm thấy yêu thích, muốn đến trường hằng ngày?
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm 2, mỗi bạn nêu một điều em thích ở trường và giải thích lí do.	- HS trao đổi nhóm 2: Em thích lớp học sạch đẹp, cô giáo dịu dàng, bạn bè thân thiện, thư viện nhiều sách.
- GV mời một số HS trình bày câu b trước lớp.	- HS trình bày: Em thích đến trường vì được học điều mới, được gặp cô giáo và chơi cùng bạn.
- GV nhận xét, sửa bài câu b và tuyên dương HS nói rõ ràng.	- HS lắng nghe, bổ sung ý nếu cần.
- GV kết luận: Khi nói về trường, các em cần nói đủ tên trường, nơi trường ở và điều làm mình yêu thích trường lớp.	- HS nhắc lại cách nói về trường của mình.
3. Thực hành (15 phút)	

Mục tiêu: Giúp HS biết nêu mong muốn về trường lớp và tôn trọng ý kiến của bạn.	
Hoạt động 2: Nói mong muốn về trường lớp. **Mục tiêu: HS mạnh dạn bày tỏ mong muốn, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn.**	
Bài tập 2: Em muốn trường mình có những thay đổi gì?	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ nêu mong muốn về trường lớp.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Em muốn trường mình có những thay đổi gì?
- Khi bạn nêu mong muốn về trường lớp, em cần lắng nghe và góp ý như thế nào?	- HS trả lời: Em lắng nghe bạn nói hết ý, không chê cười, không ngắt lời và góp ý nhẹ nhàng.
- Giáo dục quyền con người: Mỗi học sinh có quyền được học tập, vui chơi trong ngôi trường an toàn, xanh, sạch, thân thiện; có quyền nêu mong muốn của mình về trường lớp bằng lời nói phù hợp. Khi bạn chia sẻ ý kiến, các em cần lắng nghe, không chê cười, không ngắt lời, không áp đặt suy nghĩ của mình và biết góp ý lịch sự. Tôn trọng ý kiến của bạn giúp lớp học trở nên thân thiện hơn, giúp mỗi học sinh mạnh dạn nói ra điều mình yêu thích, điều mình mong muốn thay đổi để trường lớp ngày càng tốt đẹp.	- HS lắng nghe, nêu việc làm phù hợp khi bày tỏ ý kiến và lắng nghe bạn.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4, lần lượt nêu mong muốn về trường lớp.	- HS làm việc nhóm 4, lần lượt nói mong muốn của mình.
- GV yêu cầu nhóm chọn 1 - 2 mong muốn phù hợp để trình bày trước lớp.	- Nhóm thống nhất ý kiến: muốn sân trường thêm cây xanh, thư viện có thêm sách, lớp học sạch đẹp hơn.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- Đại diện nhóm trình bày mong muốn của nhóm trước lớp.
- GV nhận xét, sửa cách nói và nhắc HS tôn trọng ý kiến khác nhau.	- HS lắng nghe, biết không chê cười hoặc ngắt lời bạn.
- GV kết luận: Mỗi học sinh có quyền nêu mong muốn về trường lớp bằng lời nói phù hợp và cần tôn trọng mong muốn của bạn.	- HS ghi nhớ: Em mạnh dạn bày tỏ ý kiến và lắng nghe bạn lịch sự.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Vận dụng nói với người thân điều em yêu thích hoặc mong muốn về trường lớp.**	
- GV yêu cầu HS nói một câu về điều em yêu thích nhất ở trường.	- HS nêu: Em yêu trường vì có cô giáo và các bạn thân thiện.
- Dặn dò: Về nhà nói với người thân điều em muốn trường mình thay đổi.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 6

CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO

BÀI 12: DANH SÁCH HỌC SINH

TIẾT 1 - 2: ĐỌC: DANH SÁCH HỌC SINH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài Danh sách học sinh; biết đọc đúng các cột, các hàng trong bảng danh sách.
- Hiểu tác dụng của danh sách học sinh; trả lời được câu hỏi trong SGK.
- Biết học thuộc bảng chữ cái tiếng Việt và đọc thông tin trong bảng theo yêu cầu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, tự sửa lỗi phát âm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng danh sách để tìm thông tin đúng hàng, đúng cột.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc và tìm thông tin trong danh sách.
- Trách nhiệm: dùng danh sách đúng mục đích, không tự ý sửa hoặc chia sẻ thông tin của bạn.
- Nhân ái: tôn trọng thông tin cá nhân của bạn.

4. Tích hợp:

- Tích hợp năng lực số 4.1.CB1b: Phân biệt được rủi ro, biết bảo vệ thông tin cá nhân khi đọc, lập hoặc chia sẻ danh sách: HS biết danh sách có thể chứa họ tên, lớp, tổ; không tự ý chụp, gửi, đăng danh sách hoặc bổ sung thông tin riêng tư khi chưa được phép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Huy động trải nghiệm, tạo hứng thú trước khi đọc bài.**	
- GV yêu cầu HS quan sát phần khởi động và tên bài Danh sách học sinh trong SGK; trả lời: Em đã được đọc bản danh sách học sinh nào dưới đây? ĐỌC 1. Em đã được đọc bản danh sách học sinh nào dưới đây? – Danh sách học sinh đi tham quan – Danh sách học sinh dự thi vẽ tranh – Danh sách Sao Nhi đồng 2. Em biết được thông tin gì khi đọc bản danh sách đó? DANH SÁCH HỌC SINH Hôm nay, chúng tôi được đọc truyện tại lớp. Cô giáo cho chúng tôi đăng kí đọc truyện theo sở thích. Dưới đây là danh sách đăng kí của tổ tôi. Danh sách học sinh tổ 2 lớp 2C đăng kí đọc truyện Dựa vào danh sách đăng kí, cô chia lớp thành ba nhóm, mỗi nhóm	- HS nêu: Danh sách học sinh đi tham quan; danh sách học sinh dự thi vẽ tranh; danh sách Sao Nhi đồng.
- GV hỏi: Em biết được thông tin gì khi đọc bản danh sách đó?	- HS trả lời: Em biết tên các bạn, số thứ tự, nhóm/tổ hoặc hoạt động mà các bạn đăng kí.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, cô và các em sẽ đọc bài Danh sách học sinh để biết cách đọc thông tin trong bảng danh sách.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng trang và chuẩn bị đọc bài.
2. Khám phá kiến thức **Mục tiêu: Giúp HS đọc đúng văn bản thông tin dạng danh sách.**	

Số thứ tự	Họ và tên	Truyện
1	Trần Trường An	Ngày khai trường
2	Nguyễn Hà Anh	Ếch xanh đi học
3	Nguyễn Ngọc Bảo	Ếch xanh đi học
4	Đỗ Duy Bắc	Ngày khai trường
5	Vũ Tiến Bình	Vì sao gà chẳng giỏi bơi?
6	Lê Thị Cúc	Ngày khai trường
7	Lê Gia Hân	Vì sao gà chẳng giỏi bơi?
8	Phùng Minh Khánh	Ếch xanh đi học

Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng lời dẫn và đọc được thông tin trong bảng theo hàng, cột.**	
a. GV đọc mẫu.	- HS chuẩn bị lắng nghe, mở SGK bài Danh sách học sinh.
- GV đọc mẫu phần lời dẫn và đọc chậm phần bảng danh sách; nhấn rõ tên các cột: Số thứ tự, Họ và tên, Truyện.	- HS chú ý lắng nghe và đọc thầm theo; nhận biết cách đọc bảng theo hàng, cột.
b. HS luyện đọc từng phần, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc phần lời dẫn và bảng danh sách.
- GV hướng dẫn HS chia bài thành 2 phần: phần lời dẫn và phần danh sách.	- HS đánh dấu 2 phần trong SGK.
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp phần lời dẫn, luyện đọc các từ: đăng kí, đọc truyện, sở thích, trao đổi.	- HS đọc nối tiếp, luyện phát âm từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh.
- GV hướng dẫn cách đọc bảng: đọc từ trái sang phải trong cùng một hàng, không đọc lẫn hàng của bạn này với hàng của bạn khác.	- HS tập đọc một dòng trong bảng: số thứ tự, họ tên, tên truyện đăng kí.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc theo nhóm, biết nghe bạn đọc và góp ý nhẹ nhàng.
- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 2: một bạn đọc tên cột, một bạn đọc thông tin trong từng hàng.	- HS luyện đọc nhóm 2, đổi vai cho nhau.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- GV mời 1 - 2 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi, nhận xét.	- HS đọc toàn bài; HS khác nhận xét cách đọc bảng.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Khắc sâu cách đọc văn bản danh sách.**	
- GV hỏi: Khi đọc danh sách, em cần đọc như thế nào để không nhầm thông tin?	- HS trả lời: Em cần đọc đúng cột, đúng hàng, đọc từ trái sang phải trong cùng một dòng.
- Dặn dò: Về nhà quan sát một danh sách đơn giản trong lớp hoặc ở nhà và nói cho người thân biết danh sách đó dùng để làm gì.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 2	
Hoạt động 2: Đọc hiểu (17 phút) **Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi SGK, biết đọc thông tin trong danh sách; có ý thức dùng đúng mục đích và bảo vệ thông tin cá nhân của mình, của bạn.**	
- GV yêu cầu HS quan sát danh sách trong SGK và trả lời: Trong bản danh sách, tổ 2 lớp 2C có bao nhiêu bạn? 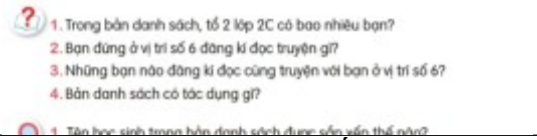 1. Trong bản danh sách, tổ 2 lớp 2C có bao nhiêu bạn? 2. Bạn đứng ở vị trí số 6 đăng kí đọc truyện gì? 3. Những bạn nào đăng kí đọc cùng truyện với bạn ở vị trí số 6? 4. Bản danh sách có tác dụng gì?	- HS trả lời: Trong danh sách, tổ 2 lớp 2C có 8 bạn.
- GV hỏi: Bạn đứng ở vị trí số 6 đăng kí đọc truyện gì?	- HS trả lời: Bạn Lê Thị Cúc ở vị trí số 6 đăng kí đọc truyện Ngày khai trường.
- GV hỏi: Những bạn nào đăng kí đọc cùng truyện với bạn ở vị trí số 6?	- HS trả lời: Bạn Trần Trường An và bạn Đỗ Duy Bắc đăng kí đọc cùng truyện Ngày khai trường với bạn ở vị trí số 6.
- GV hỏi: Bản danh sách có tác dụng gì?	- HS trả lời: Bản danh sách giúp biết các bạn trong tổ đăng kí đọc truyện nào và dễ chia nhóm đọc truyện.

- Khi đọc hoặc sử dụng danh sách học sinh, em cần chú ý điều gì để bảo vệ thông tin của bạn?	- HS trả lời: Em đọc đúng cột, đúng hàng, không tự ý chụp, gửi, đăng hoặc sửa thông tin của bạn.
- Tích hợp năng lực số 4.1.CB1b: Danh sách học sinh có thể chứa họ tên, lớp, tổ, nhóm hoặc thông tin tham gia hoạt động. Đây là thông tin cần dùng đúng mục đích học tập, không dùng để trêu chọc, tự ý sửa, chụp, gửi hoặc đăng lên mạng. Các em không thêm số điện thoại, địa chỉ, ngày sinh, tài khoản hoặc hình ảnh cá nhân của mình và của bạn khi chưa được phép. Khi thấy danh sách có thông tin của bạn, các em cần đọc đúng hàng, đúng cột, tôn trọng và giữ an toàn cho thông tin đó.	- HS lắng nghe, nêu việc làm phù hợp khi dùng danh sách học sinh.
- GV kết luận: Bài Danh sách học sinh giúp các em biết đọc bảng thông tin và có ý thức bảo vệ thông tin cá nhân.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: Củng cố cách sắp xếp tên học sinh và học thuộc bảng chữ cái.**	
Hoạt động 3: Luyện tập theo văn bản đọc. **Mục tiêu: HS nhận biết cách sắp xếp tên học sinh và luyện học thuộc bảng chữ cái.**	
Bài tập 1: Tên học sinh trong bản danh sách được sắp xếp thế nào?	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ tìm cách sắp xếp tên học sinh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tên học sinh trong bản danh sách được sắp xếp thế nào?
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2, quan sát chữ cái đầu trong họ tên học sinh.	- HS làm việc nhóm 2, quan sát chữ cái đầu trong họ tên các bạn.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- Đại diện nhóm nêu: Tên học sinh trong danh sách được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt đáp án.	- HS sửa bài, ghi nhớ cách xem chữ cái đầu để sắp xếp tên.
- GV kết luận: Khi sắp xếp danh sách, cần đọc đúng họ tên và dựa vào thứ tự chữ cái để tìm thông tin nhanh hơn.	- HS nhắc lại cách sắp xếp tên trong danh sách.
Bài tập 2: Học thuộc bảng chữ cái tiếng Việt.	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ học thuộc bảng chữ cái.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Học thuộc bảng chữ cái tiếng Việt.
- GV tổ chức cho HS đọc bảng chữ cái theo nhóm 4.	- HS đọc bảng chữ cái theo nhóm 4, giúp bạn đọc chưa đúng thứ tự.
- GV yêu cầu HS đọc cá nhân, đọc nối tiếp và đọc đồng thanh.	- HS đọc cá nhân, đọc nối tiếp và đọc đồng thanh bảng chữ cái.
- GV mời một số HS đọc trước lớp.	- Một số HS đọc trước lớp; cả lớp theo dõi, nhận xét.
- GV nhận xét, sửa lỗi thứ tự chữ cái cho HS.	- HS sửa lỗi nếu đọc nhầm thứ tự.
- GV kết luận: Học thuộc bảng chữ cái giúp các em tra cứu và sắp xếp danh sách chính xác hơn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ học thuộc bảng chữ cái.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Củng cố nội dung bài và giao nhiệm vụ vận dụng.**	
- GV yêu cầu HS nói một việc cần làm để bảo vệ thông tin trong danh sách.	- HS nêu: Em không tự ý chụp, gửi, đăng hoặc sửa danh sách của bạn.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài cho người thân	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

nghe và học thuộc bảng chữ cái.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 6

CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO

BÀI 12: DANH SÁCH HỌC SINH

TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT: CÁI TRỐNG TRƯỜNG EM; PHÂN BIỆT G/GH, S/X, DẤU HỎI/DẤU NGÃ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng đoạn trong bài Cái trống trường em.
- Làm đúng bài tập phân biệt g/gh, s/x, dấu hỏi/dấu ngã theo yêu cầu SGK.
- Biết trình bày bài viết sạch, rõ ràng và tự soát lỗi.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân; biết kiểm tra, sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn, trình bày kết quả rõ ràng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực tham gia hoạt động học tập, giữ vở sạch chữ đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Kết nối với nội dung bài học, tạo tâm thế học tập.**	
- GV yêu cầu HS đọc lại 1 khổ thơ trong bài Cái trống trường em.	- HS đọc lại khổ thơ đã học, đọc rõ tiếng và đúng nhịp.
- GV giới thiệu bài: Tiết này, các em nghe - viết một đoạn trong bài Cái trống trường em và luyện phân biệt g/gh, s/x, dấu hỏi/dấu ngã.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK, vở, bút.
2. Khám phá và thực hành (15 phút) **Mục tiêu: Hoàn thành yêu cầu chính tả của tiết học.**	
Hoạt động 1: Nghe - viết. **Mục tiêu: HS nghe - viết đúng đoạn thơ, biết soát lỗi sau khi viết.**	
Bài tập 1: Nghe - viết: Cái trống trường em (từ Buồn không hả trống đến Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!).	- HS đọc đề và xác định đoạn cần viết.

 VIẾT 1. Nghe – viết: *Cái trống trường em* (từ *Buồn không hả trống đến Tùng! Tùng! Tùng! Tùng!*). 2. Dựa vào tranh, viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh*. 3. Chọn a hoặc b. a. Chọn *s* hoặc *x* thay cho ô vuông rồi giải câu đố. – Giữa đám lá mượt ■anh Treo từng chùm chuông nhỏ Trắng ■anh và hồng đỏ Bừng ■áng cả vườn quê. (*Là quả gì?*) – Cầu gì không bắc ngang ■ông Không trèo qua ■uối mà chẳng lên mây? (*Là gì?*) 52	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Nghe - viết: Cái trống trường em.
- GV đọc đoạn viết một lần, hỏi: Đoạn viết có những tiếng nào dễ viết sai?	- HS nêu: buồn, trống, ngày hè, Tùng, năm học mới, tung bừng.
- GV hướng dẫn HS viết từ khó vào bảng con.	- HS viết bảng con, sửa lỗi nếu sai âm, vần hoặc dấu thanh.
- GV đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở; nhắc HS trình bày mỗi dòng thơ một dòng.	- HS nghe - viết vào vở, ngồi đúng tư thế và trình bày sạch đẹp.
- GV đọc lại đoạn viết để HS soát lỗi.	- HS soát bài, dùng bút chì gạch chân lỗi sai và sửa lại.
- GV kết luận: Nghe - viết tốt cần nghe kĩ, viết đúng tiếng, đặt dấu đúng và soát lỗi sau khi viết.	- HS ghi nhớ cách viết chính tả.
3. Thực hành (12 phút) **Mục tiêu: HS làm đúng các bài tập phân biệt g/gh, s/x, dấu hỏi/dấu ngã.**	
Hoạt động 2: Làm bài tập chính tả. **Mục tiêu: HS biết lựa chọn chữ/dấu phù hợp theo tranh và câu đố.**	
Bài tập 2: Dựa vào tranh, viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh.	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ viết từ ngữ theo tranh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Dựa vào tranh, viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, quan sát từng tranh và viết từ phù hợp.	- HS làm việc cá nhân, viết các từ: ghế, ghim giấy, gà.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 để kiểm tra kết quả.	- HS trao đổi nhóm 2, đọc lại: ghế, ghim giấy, gà; sửa nếu viết nhầm g/gh.
- GV mời HS trình bày kết quả.	- HS trình bày: Tranh 1 là ghế; tranh 2 là ghim giấy; tranh 3 là gà.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt cách viết g/gh.	- HS sửa bài và ghi nhớ: gh đi với e, ê, i; g đi với a, o, ô, ơ, u, ư.
- GV kết luận: Muốn viết đúng g/gh, các em cần đọc kĩ tiếng và nhớ âm đứng sau g hoặc gh.	- HS nhắc lại quy tắc viết g/gh.
Bài tập 3: Chọn a hoặc b.	- HS đọc tên bài tập và xác định cần làm từng phần theo hướng dẫn.
a. Chọn s hoặc x thay cho ô vuông rồi giải câu đố.	- HS đọc yêu cầu câu a.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu a.	- HS đọc: Chọn s hoặc x thay cho ô vuông rồi giải câu đố.

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc từng dòng câu đố và thử điền s hoặc x vào ô vuông.	- HS làm việc cá nhân, điền: xanh, xanh, sáng; sông, suối.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 để kiểm tra kết quả câu a.	- HS trao đổi nhóm 2, đọc lại: mượt xanh, trắng xanh, bừng sáng; bắc ngang sông, qua suối.
- GV mời HS trình bày và giải thích lựa chọn ở câu a.	- HS trình bày đáp án câu a: xanh, xanh, sáng; sông, suối. Câu đố 1 là quả roi; câu đố 2 là cầu vồng.
- GV nhận xét, sửa bài câu a.	- HS sửa bài câu a vào vở: xanh, xanh, sáng; sông, suối; đáp án: quả roi, cầu vồng.
b. Chọn dấu hỏi hoặc dấu ngã cho chữ in đậm.	- HS đọc yêu cầu câu b.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu b.	- HS đọc: Chọn dấu hỏi hoặc dấu ngã cho chữ in đậm.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc từng từ in đậm và chọn dấu hỏi hoặc dấu ngã phù hợp.	- HS làm việc cá nhân, điền dấu: cửa, mở; Mỗi, ngủ.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 để kiểm tra kết quả câu b.	- HS trao đổi nhóm 2, đọc lại các từ đã điền dấu: cửa, mở, Mỗi, ngủ.
- GV mời HS trình bày kết quả câu b.	- HS trình bày đáp án câu b: cửa, mở, Mỗi, ngủ.
- GV nhận xét, sửa bài câu b.	- HS sửa bài câu b vào vở: cửa, mở; Mỗi, ngủ.
- GV kết luận: Khi làm bài chính tả, các em cần đọc kĩ đề, làm từng phần, soát lại tiếng sau khi điền chữ hoặc dấu.	- HS ghi nhớ cách làm bài chính tả theo từng câu a, b.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Củng cố nội dung và giao nhiệm vụ về nhà.**	
- GV yêu cầu HS nêu một điều cần nhớ khi viết g/gh.	- HS nêu: Viết gh trước e, ê, i; viết g trước các âm còn lại.
- Dặn dò: Về nhà sửa lỗi chính tả trong vở và đọc lại các từ vừa luyện.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 6

CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO

BÀI 12: DANH SÁCH HỌC SINH

TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT, ĐẶC ĐIỂM; CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ đặc điểm trong câu đố.
- Đặt được câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp.
- Biết trình bày kết quả rõ ràng, sửa bài theo góp ý.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân; biết kiểm tra, sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn, trình bày ý kiến rõ ràng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực tham gia hoạt động học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.

- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Kết nối với nội dung bài học, tạo tâm thế học tập.**	
- GV tổ chức trò chơi "Nói nhanh đặc điểm": GV nêu đồ vật, HS nói một từ chỉ đặc điểm.	- HS tham gia: bảng - xanh, trống - to, bút - nhỏ, bàn - chắc chắn.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, các em tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm và đặt câu nêu đặc điểm.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK, vở, bút.
2. Khám phá và thực hành (18 phút) **Mục tiêu: Hoàn thành yêu cầu chính của tiết học.**	
Hoạt động 1: Giải câu đố, tìm từ ngữ chỉ sự vật và đặc điểm. **Mục tiêu: HS đọc câu đố, tìm được sự vật và đặc điểm trong câu đố.**	
Bài tập 1: Giải câu đố để tìm từ ngữ chỉ sự vật. 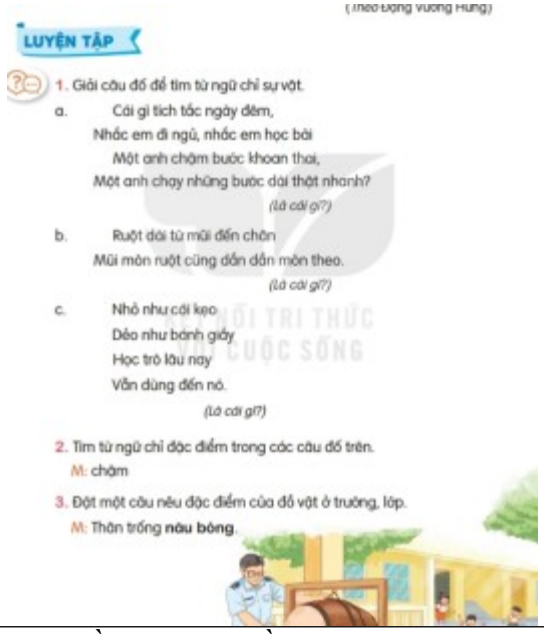 LUYỆN TẬP 1. Giải câu đố để tìm từ ngữ chỉ sự vật. a. Cái gì tích tắc ngày đêm, Nhắc em đi ngủ, nhắc em học bài Một anh chậm bước khoan thai, Một anh chạy những bước dài thật nhanh? (Là cái gì?) b. Ruột dài từ mũi đến chân Mũi mòn ruột cũng dần dần mòn theo. (Là cái gì?) c. Nhỏ như cái kẹo Dẻo như bánh giầy Học trò lâu nay Vẫn dùng đến nó. (Là cái gì?) 2. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong các câu đố trên. M: chậm 3. Đặt một câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp. M: Thân trống **nâu bóng**.	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ giải câu đố để tìm sự vật.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Giải câu đố để tìm từ ngữ chỉ sự vật.
a. Cái gì tích tắc ngày đêm, nhắc em đi ngủ, nhắc em học bài...	- HS đọc câu đố a.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu a.	- HS đọc: Cái gì tích tắc ngày đêm, nhắc em đi ngủ, nhắc em học bài...
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm sự vật trong câu đố a.	- HS suy nghĩ cá nhân và nêu đáp án: đồng hồ.
- GV nhận xét, sửa bài câu a.	- HS sửa đáp án câu a nếu cần.
b. Ruột dài từ mũi đến chân, mũi mòn ruột cũng dần dần mòn theo.	- HS đọc câu đố b.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu b.	- HS đọc: Ruột dài từ mũi đến chân, mũi mòn ruột cũng dần dần mòn theo.
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm 2, tìm sự vật trong câu đố b.	- HS trao đổi nhóm 2 và nêu đáp án: bút chì.
- GV nhận xét, sửa bài câu b.	- HS sửa đáp án câu b nếu cần.
c. Nhỏ như cái kẹo, dẻo như bánh giầy, học trò lâu nay vẫn dùng đến nó.	- HS đọc câu đố c.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu c.	- HS đọc: Nhỏ như cái kẹo, dẻo như bánh giầy, học trò lâu nay vẫn dùng đến nó.

- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm 2, tìm sự vật trong câu đố c.	- HS trao đổi nhóm 2 và nêu đáp án: tẩy/gôm.
- GV nhận xét, sửa bài câu c.	- HS sửa đáp án câu c nếu cần.
- GV kết luận: Khi giải câu đố, các em cần đọc từng câu, tìm đặc điểm nổi bật rồi đoán sự vật phù hợp.	- HS ghi nhớ cách giải câu đố theo từng câu a, b, c.
Bài tập 2: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong các câu đố trên.	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ tìm từ chỉ đặc điểm.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong các câu đố trên.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, gạch dưới từ chỉ đặc điểm trong từng câu đố.	- HS làm việc cá nhân, gạch dưới các từ chỉ đặc điểm.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 để kiểm tra kết quả.	- HS trao đổi nhóm 2, đọc từ đã gạch dưới cho bạn nghe.
- GV mời HS trình bày kết quả.	- HS trình bày: chậm, nhanh, dài, mòn, nhỏ, dẻo.
- GV nhận xét, sửa bài và chốt một số từ chỉ đặc điểm.	- HS sửa bài và ghi nhớ từ chỉ đặc điểm.
- GV kết luận: Từ chỉ đặc điểm giúp câu văn nói rõ sự vật có dáng vẻ, màu sắc, tính chất như thế nào.	- HS nhắc lại tác dụng của từ chỉ đặc điểm.
3. Thực hành (9 phút) **Mục tiêu: HS đặt được câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp.**	
Hoạt động 2: Đặt câu nêu đặc điểm. **Mục tiêu: HS vận dụng từ ngữ chỉ đặc điểm để đặt câu đúng mẫu.**	
Bài tập 3: Đặt một câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp.	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ đặt câu.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Đặt một câu nêu đặc điểm của đồ vật ở trường, lớp.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, chọn một đồ vật ở trường, lớp.	- HS chọn một đồ vật: bảng, trống, bàn, ghế, bút, vở.
- GV yêu cầu HS viết một câu nêu đặc điểm vào vở.	- HS viết câu vào vở: Bảng lớp màu xanh. Thân trống nâu bóng.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2, đọc câu cho bạn nghe và góp ý.	- HS trao đổi nhóm 2, góp ý câu đã đủ ý và có từ chỉ đặc điểm chưa.
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Bảng lớp màu xanh. Thân trống nâu bóng. Cây bút chì dài và nhọn.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và dấu câu.	- HS sửa câu vào vở: Bảng lớp màu xanh. Thân trống nâu bóng. Cây bút chì dài và nhọn.
- GV kết luận: Câu nêu đặc điểm cần nói rõ sự vật và đặc điểm của sự vật đó.	- HS nhắc lại: Câu nêu đặc điểm có sự vật và đặc điểm.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Củng cố nội dung và giao nhiệm vụ về nhà.**	
- GV yêu cầu HS nói một câu nêu đặc điểm của đồ vật trong cặp sách.	- HS nêu: Quyển vở của em sạch đẹp. Cây bút chì của em dài và nhọn.
- Dặn dò: Về nhà tìm thêm 3 từ chỉ đặc điểm và đặt 1 câu với một từ em tìm được.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 6
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 12: DANH SÁCH HỌC SINH

TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN: LẬP DANH SÁCH HỌC SINH (TỔ); ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc danh sách và trả lời được câu hỏi theo nội dung bảng.
- Lập được danh sách tổ em đăng kí tham gia câu lạc bộ theo gợi ý.
- Tìm đọc và chia sẻ được bài thơ, câu chuyện, bài báo viết về thầy cô; chép lại được câu thơ, câu văn em thích.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự hoàn thành nhiệm vụ đọc, viết và đọc mở rộng.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi trong nhóm, trình bày kết quả rõ ràng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sắp xếp thông tin trong danh sách và chọn nội dung đọc phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc, viết, hoàn thành bài.
- Trách nhiệm: biết bảo vệ thông tin cá nhân khi lập danh sách.
- Nhân ái: biết yêu quý, kính trọng thầy cô qua hoạt động đọc mở rộng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp năng lực số 4.2.CB1a: Nhận biết cách bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin của người khác khi tham gia môi trường số: HS biết họ tên, lớp, tổ, thông tin tham gia hoạt động là thông tin cần dùng đúng mục đích; không tự ý đăng, gửi danh sách của bạn lên mạng.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số. Biết chọn lọc thông tin phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (5 phút) **Mục tiêu: Kết nối nội dung danh sách và tạo tâm thế lập danh sách.**	
- GV hỏi: Khi cần biết bạn nào đăng kí tham gia một hoạt động, chúng ta có thể dùng gì?	- HS trả lời: Chúng ta có thể dùng danh sách để ghi họ tên và hoạt động đăng kí.
- GV giới thiệu bài: Tiết học này, các em đọc danh sách, trả lời câu hỏi và tập lập danh sách tổ.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK, vở, bút.
2. Khám phá (14 phút) **Mục tiêu: HS đọc danh sách và trả lời câu hỏi theo bảng.**	
Hoạt động 1: Đọc danh sách và trả lời câu hỏi. **Mục tiêu: HS đọc đúng hàng, cột trong danh sách và trả lời câu hỏi.**	
Bài tập 1: Đọc danh sách dưới đây và trả lời câu hỏi.	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ đọc danh sách, trả lời câu hỏi.

1. Đọc danh sách dưới đây và trả lời câu hỏi.

Danh sách học sinh tổ 1 lớp 2A
đăng kí đi tham quan

Số thứ tự	Họ và tên	Địa điểm tham quan
1	Nguyễn Hải Anh	Bảo tàng Dân tộc học
2	Đỗ Thị Thanh Bình	Lăng Bác
3	Nguyễn Văn Cường	Bảo tàng Dân tộc học
4	Trần Minh Đức	Bảo tàng Dân tộc học
5	Lê Hương Giang	Bảo tàng Dân tộc học
6	Nguyễn Thị Thanh Hương	Lăng Bác
7	Trịnh Cao Khải	Lăng Bác
8	Trần Hải Phong	Lăng Bác

a. Tổ 1 lớp 2A có bao nhiêu học sinh?
b. Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Lăng Bác?
c. Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học?

2. Lập danh sách tổ em đăng kí tham gia các câu lạc bộ của trường như:
câu lạc bộ cờ vua, võ thuật, bơi lội...

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Đọc danh sách dưới đây và trả lời câu hỏi.
a. Tổ 1 lớp 2A có bao nhiêu học sinh?	- HS đọc câu hỏi a.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu a.	- HS đọc: Tổ 1 lớp 2A có bao nhiêu học sinh?
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc cột số thứ tự và đếm số dòng trong danh sách.	- HS làm việc cá nhân, đọc danh sách và đếm số học sinh.
- GV mời HS trình bày kết quả câu a.	- HS trả lời: Tổ 1 lớp 2A có 8 học sinh.
- GV nhận xét, sửa bài câu a.	- HS sửa bài câu a nếu cần.
b. Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Lăng Bác?	- HS đọc câu hỏi b.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu b.	- HS đọc: Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Lăng Bác?
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc cột địa điểm tham quan và đánh dấu các dòng có "Lăng Bác".	- HS đọc danh sách, đánh dấu các bạn đăng kí đi tham quan Lăng Bác.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 để kiểm tra kết quả câu b.	- HS trao đổi nhóm 2, đối chiếu số bạn đã đếm.
- GV mời HS trình bày kết quả câu b.	- HS trả lời: Có 4 bạn đăng kí đi tham quan Lăng Bác.
- GV nhận xét, sửa bài câu b.	- HS sửa bài câu b nếu cần.
c. Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học?	- HS đọc câu hỏi c.
- GV yêu cầu HS đọc đề câu c.	- HS đọc: Có mấy bạn đăng kí đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học?
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc cột địa điểm tham quan và đánh dấu các dòng có "Bảo tàng Dân tộc học".	- HS đọc danh sách, đánh dấu các bạn đăng kí đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2 để kiểm tra kết quả câu c.	- HS trao đổi nhóm 2, đối chiếu kết quả.
- GV mời HS trình bày kết quả câu c.	- HS trả lời: Có 4 bạn đăng kí đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học.
- GV nhận xét, sửa bài câu c.	- HS sửa bài câu c nếu cần.
- GV kết luận: Khi đọc danh sách, các em cần đọc đúng hàng, đúng cột và làm xong từng câu rồi mới chuyển sang câu tiếp theo.	- HS ghi nhớ cách làm bài đọc danh sách theo từng câu a, b, c.
3. Thực hành (13 phút) **Mục tiêu: HS lập được danh sách tổ em đăng kí tham gia câu lạc bộ và biết bảo vệ thông tin cá nhân.**	
Hoạt động 2: Lập danh sách học sinh.	

Mục tiêu: HS lập danh sách đúng cột, đúng hàng; dùng thông tin đúng mục đích.	
Bài tập 2: Lập danh sách tổ em đăng kí tham gia các câu lạc bộ của trường như: câu lạc bộ cờ vua, võ thuật, bơi lội,...	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ lập danh sách tổ.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Lập danh sách tổ em đăng kí tham gia các câu lạc bộ của trường.
- Khi lập danh sách tổ, em cần chú ý điều gì để bảo vệ thông tin của bạn?	- HS trả lời: Em chỉ ghi thông tin cần thiết, không thêm số điện thoại, địa chỉ, hình ảnh; không tự ý đăng hoặc gửi danh sách lên mạng.
- Tích hợp năng lực số 4.2.CB1a: Khi lập danh sách, các em chỉ ghi những thông tin phục vụ đúng mục đích học tập như số thứ tự, họ tên, câu lạc bộ đăng kí. Họ tên, lớp, tổ và thông tin tham gia hoạt động cũng là dữ liệu cá nhân cần được tôn trọng. Các em không tự ý chụp, gửi, đăng danh sách của bạn lên mạng; không bổ sung số điện thoại, địa chỉ nhà, tài khoản hoặc hình ảnh của bạn khi chưa được phép. Nếu cần chia sẻ danh sách, phải hỏi ý kiến giáo viên hoặc người lớn.	- HS lắng nghe và nêu việc làm đúng khi lập, sử dụng danh sách.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ, thống nhất các cột cần có: Số thứ tự, Họ và tên, Câu lạc bộ đăng kí.	- HS làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ, thống nhất mẫu danh sách.
- GV yêu cầu HS ghi danh sách vào phiếu hoặc vở, chỉ ghi thông tin cần thiết.	- HS lập danh sách theo mẫu, không ghi số điện thoại, địa chỉ hoặc thông tin riêng tư.
- GV mời đại diện nhóm trình bày danh sách.	- Đại diện nhóm trình bày danh sách theo mẫu: 1. Nguyễn An - Cờ vua; 2. Trần Bình - Võ thuật; 3. Lê Chi - Bơi lội.
- GV nhận xét, sửa bài và nhắc HS bảo vệ thông tin cá nhân.	- HS sửa bài, ghi nhớ không tự ý đăng hoặc gửi danh sách của bạn lên mạng.
- GV kết luận: Lập danh sách cần đúng cột, đúng hàng, thông tin rõ ràng và được dùng đúng mục đích.	- HS nhắc lại nguyên tắc lập danh sách an toàn.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Củng cố cách lập danh sách và giao nhiệm vụ chuẩn bị đọc mở rộng.**	
- GV yêu cầu HS nêu một điều cần nhớ khi lập danh sách.	- HS nêu: Cần đọc đúng hàng, đúng cột và không tự ý chia sẻ thông tin của bạn.
- Dặn dò: Chuẩn bị một bài thơ, câu chuyện hoặc bài báo viết về thầy cô để chia sẻ ở tiết đọc mở rộng.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 6	
1. Khởi động (3 phút) **Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng về thầy cô.**	
- GV cho HS chia sẻ nhanh tên một bài thơ, bài hát hoặc câu chuyện về thầy cô mà em biết.	- HS nêu: Cô giáo em, Bàn tay cô giáo, Người thầy, Bụi phấn...
- GV giới thiệu: Tiết này, các em sẽ chia sẻ bài đã tìm đọc về thầy cô và chép lại những câu thơ, câu văn em thích.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách/bài đọc đã tìm.
2. Khám phá (14 phút) **Mục tiêu: HS tìm đọc và giới thiệu được bài thơ, câu chuyện, bài báo về thầy cô.**	
Hoạt động 3: Tìm đọc bài viết về thầy cô.	

Mục tiêu: HS biết chọn nội dung đọc phù hợp, an toàn và nêu được tên bài đọc.	
Bài tập 1: Tìm đọc bài thơ, câu chuyện, bài báo viết về thầy cô. 	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ đọc mở rộng.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm đọc bài thơ, câu chuyện, bài báo viết về thầy cô.
- Khi tìm bài đọc về thầy cô trên sách, báo hoặc internet, em cần chọn thông tin như thế nào?	- HS trả lời: Em chọn bài đọc phù hợp lứa tuổi, có tên bài rõ ràng, nội dung tích cực và không bấm vào trang lạ.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Khi tìm bài đọc trong môi trường số, các em cần xác định đúng thông tin mình cần tìm, ví dụ "bài thơ về thầy cô cho học sinh tiểu học". Các em nên chọn nguồn quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi, đọc tiêu đề và nội dung trước khi sử dụng; không bấm vào đường link lạ, không tải tệp không rõ nguồn gốc và không nhập họ tên, lớp, địa chỉ hay thông tin riêng tư. Sau khi tìm được bài đọc, các em cần chọn lọc nội dung phù hợp để chia sẻ với cô và các bạn.	- HS lắng nghe, nêu cách tìm đọc an toàn, phù hợp.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lại bài đã tìm.	- HS đọc lại bài đã chuẩn bị.
- GV cho HS trao đổi nhóm 2, nói tên bài đọc, tác giả nếu có và nội dung chính.	- HS trao đổi: Cô giáo em/Bàn tay cô giáo; nội dung nói về tình cảm biết ơn thầy cô.
- GV mời một số HS giới thiệu trước lớp.	- HS giới thiệu: Em đọc bài Cô giáo em, nói về cô giáo dịu dàng, yêu học sinh.
- GV nhận xét, tuyên dương HS chọn bài đọc phù hợp, an toàn.	- HS lắng nghe, bổ sung tên bài/tác giả nếu còn thiếu.
- GV kết luận: Khi đọc mở rộng, các em cần chọn bài phù hợp, nêu rõ tên bài và chia sẻ điều mình hiểu.	- HS ghi nhớ cách giới thiệu bài đọc mở rộng.
3. Thực hành (15 phút) **Mục tiêu: HS chép lại được câu thơ, câu văn em thích và chia sẻ lí do.**	
Hoạt động 4: Chép lại câu thơ, câu văn em thích. **Mục tiêu: HS chép đúng, trình bày sạch đẹp và nêu được lí do yêu thích.**	
Bài tập 2: Chép lại những câu thơ, câu văn em thích.	- HS đọc đề và xác định nhiệm vụ chép lại câu thơ, câu văn em thích.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Chép lại những câu thơ, câu văn em thích.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, chọn 1 - 2 câu thơ hoặc câu văn em thích.	- HS chọn, ví dụ: "Cô dạy em tập viết."
- GV yêu cầu HS chép vào vở, chú ý viết hoa, dấu câu và trình bày sạch đẹp.	- HS chép vào vở: "Cô dạy em tập viết."

- GV cho HS trao đổi nhóm 2, đọc câu đã chép và nói lí do em thích.	- HS trao đổi nhóm 2: Em thích câu này vì câu nói về tình cảm thầy cô, sự chăm chỉ hoặc kỉ niệm đẹp.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.	- HS đọc: "Cô dạy em tập viết." và nêu lí do: Câu nói về sự tận tình của cô.
- GV nhận xét, sửa lỗi chính tả, dấu câu và cách trình bày.	- HS sửa bài: viết hoa đầu câu, ghi đúng dấu chấm và trình bày sạch đẹp.
- GV kết luận: Chép lại câu hay giúp các em ghi nhớ điều tốt đẹp và rèn chữ viết cẩn thận.	- HS ghi nhớ lợi ích của việc chép câu hay.
4. Vận dụng (3 phút) **Mục tiêu: Duy trì thói quen đọc và chia sẻ điều hay với người thân.**	
- GV yêu cầu HS nói một câu thể hiện tình cảm với thầy cô sau khi đọc mở rộng.	- HS nêu: Em biết ơn thầy cô vì thầy cô dạy em học và dạy em cách sống tốt.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài đã chọn cho người thân nghe và giữ thói quen đọc sách mỗi ngày.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 7
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 13: YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI!
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI!

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Yêu lắm trường ơi!; biết ngắt nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ, nghỉ hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ.
- Hiểu nghĩa từ ngữ; trả lời được các câu hỏi trong SGK; nhận biết tình cảm yêu thương, gắn bó của bạn nhỏ với trường lớp, thầy cô, bạn bè.
- Biết luyện đọc lại, học thuộc lòng khổ thơ yêu thích và nói được câu nêu đặc điểm.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, tự sửa lỗi phát âm và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung bài học với việc làm giữ gìn trường lớp.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: yêu quý mái trường, thầy cô, bạn bè.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng khổ thơ yêu thích.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn bàn ghế, cây xanh, lớp học sạch đẹp.

4. Tích hợp:

- Đạo đức, lối sống: Giáo dục HS yêu quý mái trường, thầy cô, bạn bè và biết trân trọng kỉ niệm đẹp trong học tập; HS biết thể hiện tình yêu trường lớp bằng việc giữ gìn bàn ghế, cây xanh, lớp học sạch đẹp, chào thầy cô, thân thiện và giúp đỡ bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Giúp HS ôn lại bài cũ, huy động hiểu biết và cảm xúc về mái trường trước khi đọc bài mới.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại bài học trước	- HS nêu: Bài trước là Danh sách học sinh; em biết

và nói một điều em nhớ sau bài Danh sách học sinh.	đọc danh sách, đọc đúng hàng, đúng cột và không tự ý chia sẻ thông tin của bạn.
- GV tổ chức cho HS hát một đoạn bài Em yêu trường em và hỏi: Bài hát nhắc đến những gì ở trường?	- HS hát, vận động nhẹ; HS trả lời: Bài hát nhắc đến cô giáo, bạn bè, bàn ghế, sách vở, mái trường.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh SGK và trả lời: Tranh vẽ gì? 	- HS trả lời: Tranh vẽ lớp học, hai bạn đang trao đổi bài; ngoài cửa sổ có cành cây, chim; dưới sân trường có các bạn đang vui chơi.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, cô và các em đọc bài thơ Yêu lắm trường ơi! để cảm nhận tình yêu của bạn nhỏ dành cho mái trường, thầy cô và bạn bè.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Yêu lắm trường ơi! và chuẩn bị đọc bài.
- GV kết luận: Khi quan sát tranh và nghe bài hát, các em đã có tâm thế vui vẻ để bước vào bài thơ về mái trường.	- HS nhắc lại tên bài và sẵn sàng luyện đọc.
2. Khám phá kiến thức ***Mục tiêu:*** *Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu cách đọc bài thơ.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) ***Mục tiêu:*** *HS đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, khổ thơ; biết đọc với giọng nhẹ nhàng, yêu thương.*	
a. GV đọc mẫu. - GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, nhẹ nhàng, thể hiện cảm xúc yêu thương của bạn nhỏ dành cho ngôi trường; dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo, chú ý cách ngắt nghỉ và giọng đọc.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. - GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 5 khổ thơ.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1.	- 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ; HS khác theo dõi và góp ý cách phát âm.
- GV mời HS nêu từ khó; GV viết bảng và tổ chức luyện đọc: trang sách, lời cô, lớp, ngọt ngào, khúc khích, nhộn nhịp.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh các từ: trang sách, lời cô, lớp, ngọt ngào, khúc khích, nhộn nhịp.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 2, chú ý nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ.	- HS đọc nối tiếp lần 2; HS biết ngắt hơi sau mỗi dòng thơ và nghỉ lâu hơn sau mỗi khổ thơ.
- GV hỏi: Trong bài thơ có từ ngữ nào em chưa hiểu nghĩa?	- HS nêu và hiểu nghĩa: nhộn nhịp là đông vui, tấp nập; cười khúc khích là tiếng cười nhỏ, liên tiếp, biểu lộ sự thích thú.
- GV mở rộng: Em hãy đặt một câu có từ nhộn nhịp hoặc khúc khích.	- HS đặt câu: Sân trường giờ ra chơi rất nhộn nhịp. Bạn nhỏ cười khúc khích khi nghe câu chuyện vui.
c. HS luyện đọc trong nhóm. - GV tổ	- HS luyện đọc trong nhóm 5; các bạn góp ý: đọc rõ

chức cho HS luyện đọc theo nhóm 5; mỗi bạn đọc một khổ thơ và góp ý cho nhau.	tiếng, ngắt nghỉ đúng, giọng nhẹ nhàng.
- GV tổ chức cho 2 - 3 nhóm thi đọc nối tiếp từng khổ thơ.	- HS thi đọc nối tiếp; cả lớp nhận xét và bình chọn nhóm đọc rõ ràng, diễn cảm.
d. Đọc toàn bài. - GV mời 1 HS đọc toàn bài thơ; GV nhận xét, hỗ trợ HS còn đọc chậm.	- 1 HS đọc toàn bài; HS khác đọc thầm theo và nhận xét.
3. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Khắc sâu cách đọc bài thơ và chuẩn bị cho tiết học sau.*	
- GV yêu cầu HS nêu một điều cần nhớ khi đọc bài thơ Yêu lắm trường ơi!.	- HS nêu: Em cần đọc giọng nhẹ nhàng, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ và thể hiện tình cảm yêu trường lớp.
- Dặn dò: Về nhà luyện đọc lại bài thơ cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: luyện đọc bài thơ ở nhà và chuẩn bị trả lời câu hỏi ở tiết 2.
TIẾT 2	
Hoạt động 2: Đọc hiểu (20 phút) ***Mục tiêu:*** *HS trả lời được câu hỏi trong SGK, hiểu tình cảm của bạn nhỏ với trường lớp. Mục tiêu tích hợp: HS biết nêu việc làm cụ thể để giữ gìn trường lớp đẹp hơn.*	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh và đọc câu hỏi SGK trang 56. 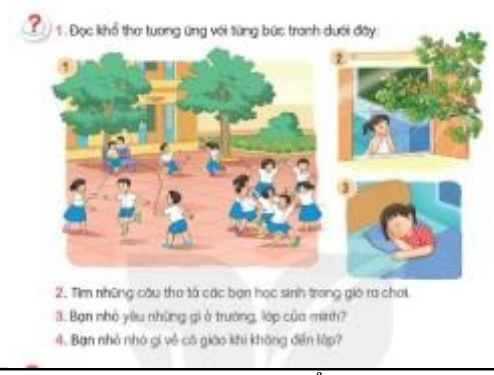 	- HS quan sát câu hỏi và các bức tranh, chuẩn bị tìm chi tiết trong bài thơ.
- GV hỏi câu 1: Đọc khổ thơ tương ứng với từng bức tranh dưới đây.	- HS trả lời: Tranh 1 ứng với khổ thơ thứ hai; tranh 2 ứng với khổ thơ thứ ba; tranh 3 ứng với khổ thơ thứ năm.
- GV hỏi: Vì sao khổ thơ thứ hai tương ứng với tranh 1?	- HS trả lời: Vì tranh 1 vẽ giờ ra chơi, sân trường nhộn nhịp; khổ thơ thứ hai có các câu "Mỗi giờ ra chơi / Sân trường nhộn nhịp".
- GV hỏi câu 2: Tìm những câu thơ tả các bạn học sinh trong giờ ra chơi.	- HS trả lời: Các câu thơ là: "Mỗi giờ ra chơi / Sân trường nhộn nhịp / Hồng hào gương mặt / Bạn nào cũng xinh."
- GV hỏi câu 3: Bạn nhỏ yêu những gì ở trường, lớp của mình?	- HS trả lời: Bạn nhỏ yêu mái trường, hàng cây mát, tiếng chim xôn xao, sân trường nhộn nhịp, lớp học, khung cửa sổ có bàn tay lá quạt gió mát, lời cô ngọt ngào và trang sách.
- GV hỏi câu 4: Bạn nhỏ nhớ gì về cô giáo khi không đến lớp?	- HS trả lời: Bạn nhỏ nhớ lời cô ngọt ngào thấm từng trang sách.
- GV hỏi dẫn: Em yêu điều gì nhất ở trường mình? Em sẽ làm gì để trường lớp luôn đẹp hơn?	- HS nêu: Em yêu lớp học, thầy cô, bạn bè, hàng cây. Em sẽ không vẽ bậy lên bàn, không bẻ cành, bỏ rác đúng nơi và giúp bạn trong học tập.
- Đạo đức, lối sống: Qua bài thơ, các em hiểu rằng mái trường là nơi chúng ta học	- HS lắng nghe, nêu việc làm cụ thể: Em sẽ nhặt giấy vụn, giữ bàn ghế sạch, chào thầy cô, chơi đoàn

tập, vui chơi, được thầy cô yêu thương và bạn bè giúp đỡ. Vì vậy, mỗi học sinh cần biết yêu quý trường lớp bằng việc chào thầy cô lễ phép, thân thiện với bạn, giữ bàn ghế sạch sẽ, chăm sóc cây xanh, không xả rác và trân trọng những kỉ niệm đẹp trong học tập.	kết và giúp bạn khi bạn chưa hiểu bài.
- GV kết luận: Bài thơ thể hiện tình yêu thương, sự gắn bó của bạn nhỏ với ngôi trường, thầy cô và bạn bè.	- HS nhắc lại nội dung chính: Bài thơ nói về tình yêu mái trường, thầy cô, bạn bè.
Hoạt động 3: Học thuộc lòng và luyện tập theo văn bản đọc (12 phút) ***Mục tiêu:*** *HS học thuộc lòng khổ thơ yêu thích; luyện tìm từ, ghép từ tạo câu nêu đặc điểm.*	
- GV hướng dẫn HS chọn 2 khổ thơ em thích để học thuộc; tổ chức đọc cá nhân và đọc theo cặp.	- HS chọn 2 khổ thơ, nhẩm thuộc và đọc cho bạn nghe.
- GV tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ em thích.	- 2 - 3 HS thi đọc thuộc lòng; HS khác nhận xét giọng đọc, cách ngắt nghỉ.
Bài tập 1: Từ nào trong bài thơ thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ dành cho trường lớp? - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài và xác định cần tìm một từ thể hiện tình cảm.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, đọc lại nhan đề và các câu thơ có từ chỉ tình cảm.	- HS làm cá nhân và trả lời: Từ thể hiện rõ nhất tình cảm là "yêu" trong "Yêu lắm trường ơi!".
Bài tập 2: Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát các thẻ từ. 1. Từ nào trong bài thơ thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ dành cho trường lớp? 2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm. A: Gương mặt các bạn / Lời cô / Sân trường B: nhộn nhịp / ngọt ngào / hồng hào VIẾT 1. Viết chữ hoa: 2. Viết ứng dụng: Em yêu mái trường Cô hàng cây mát	- HS đọc đề bài, quan sát thẻ từ ở hai cột và nêu nhiệm vụ: ghép từ để tạo câu nêu đặc điểm.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2, ghép các từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.	- HS thảo luận nhóm 2 và ghép được: Gương mặt các bạn hồng hào; Lời cô ngọt ngào; Sân trường nhộn nhịp.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày kết quả ghép từ và đọc lại 3 câu nêu đặc điểm vừa tạo được.
- GV nhận xét, sửa bài và yêu cầu HS hoàn thiện vào vở bài tập.	- HS sửa bài vào vở và đọc lại: Gương mặt các bạn hồng hào; Lời cô ngọt ngào; Sân trường nhộn nhịp.
- GV kết luận: Câu nêu đặc điểm giúp các em nói rõ hơn vẻ đẹp của sự vật, con người quanh em.	- HS ghi nhớ: Em có thể dùng từ hồng hào, ngọt ngào, nhộn nhịp để nêu đặc điểm.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Liên hệ việc yêu trường, yêu lớp trong sinh hoạt hằng ngày.*	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm	- HS nêu: Em sẽ giữ chỗ ngồi sạch, bỏ rác đúng nơi,

trong tuần này để thể hiện tình yêu trường lớp.	chăm sóc cây xanh, chào thầy cô và chơi thân thiện với bạn.
- Dặn dò: Về nhà đọc thuộc khổ thơ em thích và thực hiện một việc giữ trường lớp sạch đẹp.	- HS ghi nhớ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 7
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 13: YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI!
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA E, Ê

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết chữ hoa E, Ê cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đúng quy trình.
- Viết đúng câu ứng dụng: "Em yêu mái trường. Có hàng cây mát."
- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách; đặt dấu phụ đúng vị trí.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị đồ dùng, giữ tư thế ngồi viết đúng.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời lịch sự.
- Giải quyết vấn đề: biết tự phát hiện và sửa lỗi chữ viết.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: kiên trì rèn chữ, giữ vở sạch đẹp.
- Trách nhiệm: viết bài cẩn thận, hoàn thành nhiệm vụ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế rèn chữ, ôn lại chữ hoa đã học và kết nối bài mới.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại một chữ hoa đã học và viết nhanh vào bảng con.	- HS viết một chữ hoa đã học vào bảng con và giơ bảng theo hiệu lệnh.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, các em luyện viết chữ hoa E, Ê và câu ứng dụng Em yêu mái trường. Có hàng cây mát.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang, chuẩn bị bút và bảng con.
- GV kết luận: Viết đẹp cần ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng và viết chậm, cẩn thận.	- HS chỉnh tư thế ngồi, giữ vở ngay ngắn.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) ***Mục tiêu:*** *HS nhận biết cấu tạo, độ cao và quy trình viết chữ hoa E, Ê.*	
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa E, Ê trong SGK và hỏi: Chữ Ê khác chữ E ở điểm nào? 	- HS quan sát và trả lời: Chữ Ê giống chữ E ở thân chữ, khác ở dấu mũ đặt cân đối phía trên chữ E.
- GV hướng dẫn quy trình viết chữ hoa E: đặt bút gần đường kẻ 6, đưa bút viết nét cong trái lớn xuống dưới, lượn vào trong tạo vòng xoắn nhỏ, tiếp tục đưa bút tạo nét cong trên và nét cong dưới, dừng	- HS quan sát, dùng ngón tay viết mô phỏng: đặt bút, đưa bút theo nét cong trái, tạo vòng xoắn và dừng bút đúng vị trí.

bút gần đường kẻ 2.	
- GV hướng dẫn viết chữ hoa Ê: viết thân chữ E trước; lia bút lên phía trên đầu chữ, đặt bút bên trái dấu mũ, đưa bút xiên lên điểm giữa rồi xiên xuống bên phải; dấu mũ cân đối, không chạm vào thân chữ.	- HS nhắc lại: Viết thân chữ E trước, thêm dấu mũ cân đối phía trên để thành chữ Ê.
- GV yêu cầu HS viết chữ E, Ê trên bảng con; GV sửa lỗi về độ cao, độ rộng, dấu mũ và nét cong.	- HS viết bảng con: E, Ê; HS sửa lỗi nếu chữ chưa cân đối hoặc dấu mũ lệch.
- GV kết luận: Chữ hoa E, Ê cần viết đúng thân chữ, nét cong mềm và dấu mũ đặt đúng vị trí.	- HS ghi nhớ quy trình trước khi viết vào vở.
3. Thực hành (15 phút) ***Mục tiêu:*** *HS viết đúng câu ứng dụng, đúng khoảng cách và trình bày sạch đẹp.*	
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: "Em yêu mái trường. Có hàng cây mát."	- HS đọc rõ câu ứng dụng: "Em yêu mái trường. Có hàng cây mát."
- GV hỏi: Trong câu ứng dụng, chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Chữ Em và chữ Có viết hoa vì đứng đầu câu.
- GV hướng dẫn khoảng cách giữa các tiếng, vị trí dấu thanh và dấu chấm cuối câu.	- HS nêu: Các tiếng cách nhau khoảng một con chữ o; cuối mỗi câu có dấu chấm.
- GV cho HS viết bài vào vở Tập viết; quan sát, hỗ trợ HS viết chậm.	- HS viết chữ hoa E, Ê và câu ứng dụng vào vở, giữ tư thế đúng và viết sạch đẹp.
- GV chấm nhanh một số vở, nhận xét ưu điểm và lỗi cần sửa.	- HS nghe nhận xét, sửa lỗi về nét chữ, khoảng cách, dấu mũ và dấu chấm.
- GV kết luận: Viết đúng, viết đẹp giúp các em rèn sự chăm chỉ và cẩn thận.	- HS tự chọn một dòng viết đẹp để nêu trước lớp.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Biết tự soát lỗi và rèn chữ ở nhà.*	
- GV yêu cầu HS đổi vở theo cặp, nhận xét một điểm bạn viết tốt và một điểm cần sửa.	- HS đổi vở, nhận xét nhẹ nhàng: bạn viết đúng độ cao; bạn cần sửa dấu mũ cho cân đối hơn.
- Dặn dò: Về nhà luyện viết thêm một dòng chữ E, Ê và đọc lại câu ứng dụng.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện viết ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 7
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 13: YÊU LẮM TRƯỜNG ƠI!
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN BỮA ĂN TRƯA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe và nhớ được nội dung câu chuyện Bữa ăn trưa theo tranh.
- Chọn kể được 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh; biết kể rõ ràng, đúng trình tự.
- Biết lắng nghe bạn kể và nhận xét lời kể của bạn theo gợi ý.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: biết kể trong nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Tự chủ và tự học: mạnh dạn trình bày trước lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn lời kể phù hợp với tranh.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết quan tâm đến người phục vụ bữa ăn và bạn bè.
- Trách nhiệm: biết giữ vệ sinh, không lãng phí thức ăn.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: Giáo dục HS nếp sống văn minh trong sinh hoạt bán trú; HS biết rửa tay trước khi ăn, ăn hết phần vừa sức, không nói chuyện quá to, không làm rơi vãi, cảm ơn người phục vụ và dọn vệ sinh đúng nơi quy định.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Gợi nhớ nội dung đã học và tạo hứng thú nói, nghe.*	
- GV hỏi: Ở trường, em thường ăn trưa như thế nào để giữ vệ sinh và lịch sự?	- HS trả lời: Em rửa tay trước khi ăn, ngồi ngay ngắn, ăn hết phần vừa sức, không làm rơi vãi và nói lời cảm ơn.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe và kể lại câu chuyện Bữa ăn trưa theo tranh.	- HS mở SGK phần Nói và nghe, quan sát tranh Bữa ăn trưa.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) ***Mục tiêu:*** *HS quan sát tranh, nghe kể và ghi nhớ sự việc chính của câu chuyện.*	
- GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh trong SGK, nêu nhân vật và sự việc chính trong từng tranh.	- HS quan sát và nêu: Có thầy giáo, cô cấp dưỡng, các bạn học sinh trong giờ ăn trưa ở lớp.

- GV kể chuyện lần 1 với giọng chậm rãi, rõ ràng; yêu cầu HS chú ý lời nhân vật trong tranh.	- HS lắng nghe, nhớ lời thoại và diễn biến câu chuyện.
- GV kể chuyện lần 2, dừng ở từng tranh và hỏi: Tranh 1 có sự việc gì?	- HS trả lời: Thầy giáo hỏi các bạn có đem theo món ăn của biển và của núi không.
- GV hỏi: Tranh 2 có sự việc gì?	- HS trả lời: Cô cấp dưỡng đưa phần ăn cho bạn nhỏ trong giờ ăn trưa.
- GV hỏi: Tranh 3 có sự việc gì?	- HS trả lời: Bạn nhỏ hỏi món ăn là của biển hay của núi; thầy giáo giải thích để bạn hiểu.
- GV hỏi: Tranh 4 có sự việc gì?	- HS trả lời: Các bạn ăn trưa vui vẻ, biết giữ trật tự và cảm ơn người chuẩn bị bữa ăn.
- GV kết luận: Quan sát tranh theo thứ tự giúp các em nhớ đúng sự việc và kể chuyện rõ ràng.	- HS ghi nhớ trình tự 4 tranh để chuẩn bị kể.
3. Thực hành (12 phút) ***Mục tiêu:*** *HS kể được 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh; biết lắng nghe và góp ý cho bạn.*	
Bài tập 1: Nghe kể chuyện. - GV yêu cầu HS nghe lại lời kể ngắn và nhẩm theo từng tranh.	- HS nghe, nhẩm lại lời kể: Tranh 1 thầy hỏi; tranh 2 cô đưa thức ăn; tranh 3 bạn hỏi về món ăn; tranh 4 các bạn ăn vui vẻ.
Bài tập 2: Chọn kể 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và chọn một nội dung trong hai gợi ý để kể.	- HS đọc đề bài, chọn một nội dung kể: kể cho người thân về giờ ăn trưa ở lớp em hoặc kể cho bạn về bữa ăn trưa của em.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2, tập kể theo tranh và nêu rõ sự việc chính trong đoạn đã chọn.	- HS kể trong nhóm 2: Giờ ăn trưa ở lớp em rất vui; trước khi ăn chúng em rửa tay sạch; khi ăn em ngồi ngay ngắn, ăn hết phần vừa sức và cảm ơn cô cấp dưỡng.
- GV gọi HS trình bày trước lớp, nhận xét giọng kể và nội dung kể.	- HS trình bày trước lớp: Bữa trưa của em có cơm, rau và thịt; em ăn gọn gàng, không nói chuyện quá to, không làm rơi vãi và dọn khay đúng nơi quy định.
- GV kết luận: Khi kể chuyện theo tranh, các em cần kể đúng sự việc, nói rõ ràng	- HS ghi nhớ cách kể chuyện theo tranh và sửa lời kể cho đủ ý hơn.

và biết dùng lời kể của mình.	
- Giáo dục đạo đức, lối sống: Bữa ăn trưa ở trường không chỉ giúp các em có sức khỏe để học tập mà còn rèn nếp sống văn minh. Các em cần rửa tay trước khi ăn, lấy phần ăn vừa sức, ăn gọn gàng, không nói chuyện quá to, không bỏ thừa nhiều thức ăn, biết cảm ơn cô cấp dưỡng và giữ vệ sinh bàn ăn. Đó là cách thể hiện sự tôn trọng người lao động và trách nhiệm với tập thể.	- HS nêu việc sẽ làm: Em rửa tay sạch, ăn gọn gàng, không lãng phí, nói lời cảm ơn và dọn khay đúng nơi quy định.
- GV kết luận: Khi kể chuyện, các em cần kể đúng trình tự; khi ăn trưa ở trường, các em cần giữ vệ sinh và lịch sự.	- HS tự đánh giá phần kể của mình và ghi nhớ nếp ăn văn minh.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Vận dụng nếp ăn văn minh trong sinh hoạt hằng ngày.*	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ thực hiện trong bữa ăn trưa hôm nay.	- HS nêu: Em sẽ rửa tay, ăn hết phần vừa sức, không làm rơi vãi và cảm ơn cô cấp dưỡng.
- Dặn dò: Về nhà kể lại câu chuyện Bữa ăn trưa cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ kể chuyện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 7
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 14: EM HỌC VẼ
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: EM HỌC VẼ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Em học vẽ; biết ngắt nghỉ theo dòng thơ, khổ thơ.
- Hiểu nội dung bài: bạn nhỏ vẽ những hình ảnh đẹp của thiên nhiên, trường lớp và thể hiện niềm vui học vẽ.
- Trả lời được câu hỏi trong SGK; biết tìm từ ngữ chỉ sự vật và đặt câu nêu đặc điểm.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, chuẩn bị tranh mình thích để giới thiệu.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung bài học với việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm giấy màu khi vẽ.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: yêu thiên nhiên, yêu trường lớp.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, hoàn thành bài tập.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

4. Tích hợp:

- Giáo dục bảo vệ môi trường: Qua những bức tranh về biển, cây phượng và sân trường, HS biết yêu vẻ đẹp thiên nhiên, giữ gìn cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp; biết bỏ rác đúng nơi, không bẻ cành hái hoa, tiết kiệm giấy màu khi vẽ, chăm sóc cây xanh và giữ vệ sinh lớp học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Tạo hứng thú cho HS và kết nối với bài học mới.*	
- GV yêu cầu HS giới thiệu với bạn một bức tranh mà em thích hoặc một bức tranh em đã vẽ.	- HS giới thiệu trong nhóm 2: Em thích tranh vẽ biển, sân trường, cây phượng hoặc bầu trời sao.
- GV mời 1 - 2 HS giới thiệu tranh trước lớp.	- HS giới thiệu: Tranh của em vẽ sân trường có cây xanh; em thích vì sân trường rất đẹp.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, cô và các em đọc bài thơ Em học vẽ để xem bạn nhỏ đã vẽ những gì.	- HS mở SGK bài Em học vẽ và chuẩn bị đọc.
2. Khám phá kiến thức ***Mục tiêu:*** *Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu cách đọc bài thơ.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) ***Mục tiêu:*** *HS đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ đúng dòng thơ; biết đọc với giọng vui tươi, trong sáng.*	
a. GV đọc mẫu. - GV đọc mẫu toàn bài thơ với giọng vui tươi, trong sáng; nhấn giọng ở các từ gợi hình ảnh đẹp.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý nhịp thơ.

b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. - GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 4 khổ thơ.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1.	- 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ; HS khác theo dõi và góp ý phát âm.
- GV nêu và luyện đọc từ khó: giấy trắng, bút màu, nắn nót, lung linh, trời sao, con thuyền, phượng đỏ, râm ran.	- HS luyện đọc: giấy trắng, bút màu, nắn nót, lung linh, trời sao, con thuyền, phượng đỏ, râm ran.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp lần 2, chú ý nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ và sau mỗi khổ thơ.	- HS đọc nối tiếp lần 2, biết nghỉ hơi đúng nhịp thơ.
- GV hỏi: Em hiểu "lung linh", "vi vu", "râm ran" nghĩa là gì?	- HS trả lời: Lung linh là sáng đẹp, lấp lánh; vi vu là tiếng gió thổi nhẹ; râm ran là âm thanh vang lên liên tục, như tiếng ve.
- GV yêu cầu HS đặt câu với một trong ba từ: lung linh, vi vu, râm ran.	- HS đặt câu: Bầu trời sao lung linh. Gió thổi vi vu. Tiếng ve râm ran trên sân trường.
c. HS luyện đọc trong nhóm. - GV tổ chức HS luyện đọc theo nhóm 4.	- HS luyện đọc trong nhóm 4; mỗi bạn đọc một khổ thơ, góp ý cách ngắt nghỉ cho nhau.
- GV tổ chức cho 2 - 3 nhóm thi đọc nối tiếp.	- HS thi đọc nối tiếp; cả lớp nhận xét nhóm đọc rõ ràng, giọng vui tươi.
d. Đọc toàn bài. - GV mời 2 HS đọc toàn bài thơ; GV nhận xét, hỗ trợ HS còn đọc chậm.	- 2 HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi và nhận xét.
3. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Khắc sâu cách đọc bài và chuẩn bị cho tiết 2.*	
- GV hỏi: Bài thơ Em học vẽ cần đọc với giọng như thế nào?	- HS trả lời: Bài thơ cần đọc với giọng vui tươi, trong sáng, nghỉ hơi sau mỗi dòng thơ.
- Dặn dò: Về nhà luyện đọc bài thơ và quan sát một đồ dùng học tập dùng để vẽ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện đọc và quan sát đồ dùng học tập.
TIẾT 2	
Hoạt động 2: Đọc hiểu (20 phút) ***Mục tiêu:*** *HS trả lời câu hỏi SGK, hiểu nội dung bài thơ; biết nêu việc làm bảo vệ môi trường lớp học.*	

- GV yêu cầu HS quan sát câu hỏi SGK và đọc thầm lại bài thơ. Vẽ cả ông mặt trời Và những chùm phượng đỏ Trên sân trường lộng gió Gọi ve về râm ran. (Phan Thị Diên) 1. Bạn nhỏ vẽ những gì trong bức tranh bầu trời đêm? 2. Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có gì đẹp? 3. Đọc khổ thơ tương ứng với bức tranh dưới đây:	- HS đọc thầm bài thơ, quan sát tranh minh họa và chuẩn bị trả lời.
- GV hỏi câu 1: Bạn nhỏ vẽ những gì trong bức tranh bầu trời đêm?	- HS trả lời: Bạn nhỏ vẽ ông trăng trên cao, ánh vàng đầy ngõ, cánh diều no gió, bầu trời sao.
- GV hỏi câu 2: Bức tranh cảnh biển của bạn nhỏ có gì đẹp?	- HS trả lời: Bức tranh có biển cả trong lành, một con thuyền trắng, cánh buồm đỏ thắm đang rẽ sóng ra khơi.
- GV hỏi câu 3: Đọc khổ thơ tương ứng với bức tranh dưới đây.	- HS trả lời: Khổ thơ tương ứng là khổ thơ thứ tư: "Vẽ cả ông mặt trời / Và những chùm phượng đỏ / Trên sân trường lộng gió / Gọi ve về râm ran."
- GV hỏi câu 4: Tìm tiếng cùng vần ở cuối các dòng thơ.	- HS trả lời: Một số tiếng cùng vần là cao - sao, ngõ - gió, lành - xanh, trắng - thắm, trời - khơi, đỏ - gió.
- GV hỏi dẫn: Những bức tranh trong bài thơ gợi em nhớ đến vẻ đẹp nào của thiên nhiên và trường lớp? Em cần làm gì để giữ vẻ đẹp đó?	- HS nêu: Em nhớ biển, bầu trời sao, cây phượng và sân trường. Em sẽ bỏ rác đúng nơi, không bẻ cành, tiết kiệm giấy màu khi vẽ và chăm sóc cây xanh.
- Giáo dục bảo vệ môi trường: Những hình ảnh biển, cây phượng, sân trường trong bài thơ nhắc chúng ta biết yêu vẻ đẹp thiên nhiên và trường lớp. Khi học vẽ, các em cần dùng giấy, màu tiết kiệm, không vứt giấy vụn bừa bãi, không hái hoa bẻ cành, biết chăm sóc cây xanh và giữ lớp học sạch đẹp. Giữ gìn môi trường chính là giữ cho tranh đẹp ngoài đời luôn xanh, sạch, đáng yêu.	- HS lắng nghe, nêu việc làm cụ thể: Em dùng giấy màu vừa đủ, gom giấy vụn, bỏ rác đúng nơi, không bẻ cành phượng và tưới cây khi được phân công.
- GV kết luận: Bài thơ thể hiện niềm vui học vẽ và tình yêu của bạn nhỏ với thiên nhiên, trường lớp.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài thơ.
Hoạt động 3: Học thuộc lòng và luyện tập theo văn bản đọc (12 phút) ***Mục tiêu:*** *HS học thuộc lòng 2 khổ thơ em thích; tìm từ chỉ sự vật và đặt câu nêu đặc điểm.*	
- GV cho HS chọn 2 khổ thơ em thích để học thuộc; tổ chức đọc theo cặp.	- HS chọn 2 khổ thơ, nhẩm thuộc và đọc cho bạn nghe.
- GV tổ chức HS thi đọc thuộc lòng 2 khổ thơ.	- HS thi đọc thuộc lòng; HS khác nhận xét và cổ vũ bạn.
Bài tập 1: Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ sự vật. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài và xác định cần tìm các từ chỉ sự vật trong bài thơ.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, gạch nhẹ các từ chỉ sự vật trong bài thơ.	- HS nêu: giấy trắng, bút màu, ông trăng, cánh diều, bầu trời, biển, con thuyền, cánh buồm, ông mặt trời,

	chùm phượng, sân trường, ve.
Bài tập 2: Đặt câu nêu đặc điểm với 1 trong 3 từ lung linh, vi vu, râm ran. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài và chọn một trong ba từ để đặt câu.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, chọn từ phù hợp và đặt câu nêu đặc điểm.	- HS làm cá nhân và có thể đặt câu: Bầu trời sao lung linh; Gió thổi vi vu qua tán cây; Tiếng ve râm ran trên sân trường.
- GV gọi HS trình bày câu đã đặt trước lớp.	- HS trình bày câu của mình, lắng nghe bạn nhận xét và sửa câu cho đủ ý.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và cách đặt câu.	- HS sửa bài vào vở, chú ý câu có đủ ý và cuối câu có dấu chấm.
- GV kết luận: Từ ngữ gợi âm thanh, màu sắc giúp câu văn sinh động hơn.	- HS ghi nhớ cách dùng từ để nêu đặc điểm.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Liên hệ việc giữ gìn thiên nhiên và đồ dùng học vẽ.*	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm để tiết kiệm giấy màu hoặc giữ lớp học sạch khi học vẽ.	- HS nêu: Em dùng giấy vừa đủ, không xé giấy bừa bãi, gom giấy vụn và lau bàn sau khi vẽ.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài thơ và chuẩn bị vở chính tả.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 7
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 14: EM HỌC VẼ
TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT: EM HỌC VẼ; PHÂN BIỆT NG/NGH, R/D/GI, AN/ANG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng 2 khổ thơ đầu của bài Em học vẽ.
- Làm đúng bài tập phân biệt ng/ngh, r/d/gi; tìm được từ có tiếng chứa an hoặc ang.
- Trình bày bài chính tả sạch đẹp, biết soát lỗi và sửa lỗi.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: biết nghe kĩ, viết đúng và tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi cặp đôi khi làm bài tập chính tả.
- Giải quyết vấn đề: biết chọn chữ, dấu đúng theo quy tắc chính tả.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: rèn chữ viết cẩn thận.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, hoàn thành bài viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Kết nối với bài thơ đã học, tạo tâm thế viết chính tả.*	
- GV cho HS đọc lại một khổ thơ yêu thích trong bài Em học vẽ.	- HS đọc khổ thơ đã chuẩn bị, đọc rõ dòng thơ và dấu câu.
- GV giới thiệu bài: Tiết này, các em nghe - viết 2 khổ thơ đầu của bài Em học vẽ và làm bài tập chính tả.	- HS chuẩn bị vở viết, bút, SGK và đọc thầm nhiệm vụ tiết học.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) ***Mục tiêu:*** *HS nghe - viết đúng 2 khổ thơ đầu, trình bày đúng thể thơ.*	
- GV đọc đoạn chính tả: 2 khổ thơ đầu của bài Em học vẽ và hỏi: Đoạn viết có mấy dòng thơ?	- HS trả lời: Đoạn viết gồm các dòng thơ ngắn; chữ đầu mỗi dòng thơ cần viết hoa.
- GV hướng dẫn HS viết từ dễ sai: giấy trắng, bút màu, nắn nót, lung linh, ông trăng, cánh diều.	- HS viết bảng con các từ khó và sửa lỗi nếu viết sai phụ âm hoặc dấu thanh.
- GV đọc từng dòng thơ rõ ràng, vừa tốc độ; nhắc HS ngồi đúng tư thế và trình bày mỗi dòng thơ một dòng.	- HS nghe - viết vào vở, trình bày đúng dòng thơ và viết hoa chữ đầu dòng.
- GV đọc lại toàn đoạn cho HS soát lỗi; hướng dẫn HS dùng bút chì gạch chân chữ viết sai để sửa.	- HS soát bài, tự sửa lỗi chính tả và đổi vở kiểm tra chéo với bạn.
- GV kết luận: Viết chính tả tốt cần nghe kĩ, nhớ đúng tiếng, đặt dấu đúng và trình bày bài thơ sạch đẹp.	- HS nhắc lại: Em cần nghe kĩ, viết đúng dấu và soát lỗi sau khi viết.
3. Thực hành (12 phút) ***Mục tiêu:*** *HS làm đúng bài tập chính tả theo từng yêu cầu.*	
Bài tập 2: Chọn ng hoặc ngh thay cho ô vuông. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài và nêu nhiệm vụ: chọn ng hoặc ngh để điền vào ô vuông.

- GV yêu cầu HS làm cá nhân, đọc cả hai câu tục ngữ và chọn ng hoặc ngh phù hợp.	- HS điền và đọc: Trăm nghe không bằng một thấy; Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- GV gọi HS trình bày, nhận xét và sửa bài.	- HS trình bày đáp án, giải thích tiếng "nghe" đứng trước e dùng ngh và các tiếng "ngày", "ngang" đứng trước a dùng ng.
Bài tập 3: Chọn a hoặc b. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và chọn phần cần làm theo hướng dẫn của GV.	- HS đọc đề bài và xác định nhiệm vụ: tìm từ phù hợp với tranh hoặc tìm từ có tiếng chứa an/ang.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân phần tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng r, d hoặc gi thay cho hình.	- HS quan sát tranh và trả lời: chậm như rùa; nhanh như gió; nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân phần tìm từ ngữ có tiếng chứa an hoặc ang gọi tên sự vật trong mỗi hình.	- HS quan sát từng hình và trả lời: bàn, bảng, đàn.
- GV gọi HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS trình bày đáp án rõ ràng, bạn khác nhận xét và bổ sung nếu cần.
- GV nhận xét, sửa bài và nhắc HS đọc lại các từ đã hoàn thành.	- HS sửa bài vào vở và đọc lại các đáp án: nghe, ngày, rùa, gió, dưa, bàn, bảng, đàn.
- GV kết luận: Khi làm bài chính tả, các em cần đọc kĩ tiếng đứng sau ng/ngh và quan sát tranh để chọn từ đúng.	- HS ghi nhớ quy tắc ng/ngh và cách chọn từ theo tranh.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Củng cố quy tắc chính tả và giao nhiệm vụ về nhà.*	
- GV hỏi: Khi nào viết ngh? Khi nào viết ng?	- HS trả lời: Viết ngh trước e, ê, i; viết ng trước các âm còn lại như a, o, u.
- Dặn dò: Về nhà sửa lỗi chính tả và luyện đọc lại các từ vừa học.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ sửa lỗi trong vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 7
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 14: EM HỌC VẼ
TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ NGỮ CHỈ SỰ VẬT; DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được từ ngữ chỉ sự vật là đồ dùng học tập trong tranh.
- Đặt được câu nêu công dụng của đồ dùng học tập.
- Biết chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi phù hợp trong đoạn hội thoại.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động quan sát tranh, làm bài cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày kết quả rõ ràng.
- Giải quyết vấn đề: chọn dấu câu phù hợp với mục đích câu.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm từ và đặt câu.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ dùng học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Tạo hứng thú, kết nối với vốn từ về đồ dùng học tập.*	
- GV tổ chức trò chơi "Kể nhanh đồ dùng học tập": mỗi HS nêu một đồ dùng trong góc học tập.	- HS nêu: bút chì, bút màu, thước kẻ, vở, sách, cặp sách, tẩy, hộp bút, bàn học, đèn bàn.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em luyện từ ngữ chỉ sự vật và dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng phần Luyện tập.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) ***Mục tiêu:*** *HS tìm từ ngữ chỉ sự vật là đồ dùng học tập trong tranh.*	
Bài tập 1: Nói tên các đồ dùng có ở góc học tập. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát tranh. 	- HS đọc đề bài, quan sát tranh và chuẩn bị nêu tên đồ dùng.
- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: nhìn tranh, gọi đúng tên từng đồ dùng.	- HS trả lời: đèn bàn, lọ bút, bút, sách, vở, cặp sách, thước kẻ, hộp màu, kéo, ghế, bàn học.
- GV cho HS thảo luận nhóm 2, bổ sung tên đồ dùng còn thiếu trong tranh.	- HS trao đổi nhóm 2, bổ sung: tranh ảnh, giá sách, hộp bút, bút màu.
- GV kết luận: Đồ dùng học tập là những sự vật gần gũi giúp các em học tập tốt hơn.	- HS ghi nhớ và đọc lại một số từ ngữ vừa tìm được.

3. Thực hành (12 phút) ***Mục tiêu:*** *HS đặt câu nêu công dụng của đồ dùng học tập và chọn dấu câu phù hợp.*	
Bài tập 2: Đặt một câu nêu công dụng của một đồ dùng học tập. - GV yêu cầu HS đọc đề bài. 2. Đặt một câu nêu công dụng của một đồ dùng học tập. M: Số thứ tự | Từ | Câu 1 | bút màu | Bút màu dùng để vẽ tranh. 2 | ... | ...	- HS đọc đề bài và nêu nhiệm vụ: đặt câu nói đồ dùng dùng để làm gì.
- GV hướng dẫn HS làm cá nhân, chọn một đồ dùng và nêu công dụng.	- HS đặt câu: Bút màu dùng để vẽ tranh. Thước kẻ dùng để kẻ đường thẳng. Cặp sách dùng để đựng sách vở. Tẩy dùng để xóa chữ viết sai.
- GV mời HS trình bày, lớp nhận xét câu đủ ý và đúng mẫu.	- HS trình bày câu; HS khác nhận xét: câu có tên đồ dùng và nêu công dụng rõ ràng.
Bài tập 3: Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và đoạn hội thoại. 3. Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông. Bút chì: – Tẩy ơi, cậu giúp tớ một chút được không■ Tẩy: – Cậu muốn tớ giúp gì nào■ Bút chì: – Tớ muốn xoá hình vẽ này■ Tẩy: – Tớ sẽ giúp cậu■ Bút chì: – Cảm ơn cậu■	- HS đọc đề bài, nhận biết câu hỏi cần dấu chấm hỏi, câu kể cần dấu chấm.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, đọc lần lượt đoạn hội thoại và chọn dấu câu cho tất cả các ô.	- HS điền dấu: Tẩy ơi, cậu giúp tớ một chút được không? Cậu muốn tớ giúp gì nào? Tớ muốn xóa hình vẽ này. Tớ sẽ giúp cậu. Cảm ơn cậu.
- GV gọi HS trình bày kết quả trước lớp.	- HS đọc lại đoạn hội thoại đã điền dấu câu đúng.
- GV hướng dẫn HS giải thích lí do chọn dấu câu.	- HS giải thích: Hai câu đầu là câu hỏi nên dùng dấu chấm hỏi; ba câu sau là câu kể hoặc lời cảm ơn nên dùng dấu chấm.
- GV nhận xét, sửa bài và yêu cầu HS đọc lại đoạn hội thoại theo vai.	- HS sửa bài và đọc theo vai bút chì, tẩy cho tự nhiên.
- GV nhắc HS sử dụng dấu câu phù hợp khi viết câu hỏi và câu kể.	- HS ghi nhớ cách dùng dấu chấm và dấu chấm hỏi trong đoạn hội thoại.
- GV kết luận: Dấu chấm dùng cuối câu kể; dấu chấm hỏi dùng cuối câu hỏi.	- HS sửa bài và đọc lại đoạn hội thoại với dấu câu đúng.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Biết dùng câu và dấu câu trong giao tiếp hằng ngày.*	
- GV yêu cầu HS nói một câu hỏi mượn đồ dùng học tập và một câu cảm ơn bạn.	- HS nói: Bạn cho mình mượn thước kẻ được không? Cảm ơn bạn.
- Dặn dò: Về nhà đặt thêm 2 câu nêu công dụng của đồ dùng học tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 7
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 14: EM HỌC VẼ
TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN; ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói được tên đồ vật dùng để vẽ và công dụng của đồ vật.
- Viết được 3 - 4 câu giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ.
- Tìm đọc được một câu chuyện về trường học; chia sẻ được thông tin về câu chuyện đã đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị đồ dùng, tự viết đoạn văn và tự tìm bài đọc phù hợp.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe, góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết để giới thiệu đồ vật; biết chọn nguồn đọc an toàn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: hoàn thành bài viết và nhiệm vụ đọc mở rộng.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ dùng học tập và chọn thông tin phù hợp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số; biết chọn lọc thông tin phù hợp khi tìm câu chuyện về trường học, kiểm tra tên bài, tác giả hoặc nguồn trước khi chia sẻ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Tạo hứng thú, kết nối với hoạt động viết đoạn giới thiệu đồ vật.*	
- GV cho HS kể nhanh tên một đồ vật dùng để vẽ mà em đang có.	- HS nêu: bút chì, bút màu, giấy vẽ, tẩy, thước kẻ, hộp màu, bảng vẽ.
- GV giới thiệu bài: Các em sẽ nói và viết đoạn giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ.	- HS chuẩn bị vở ô ly, bút và quan sát tranh trong SGK.
2. Khám phá kiến thức (20 phút) ***Mục tiêu:*** *HS quan sát tranh, nói tên đồ vật và công dụng của đồ vật.*	
Bài tập 1: Nhìn tranh, nói tên đồ vật và nêu công dụng của chúng. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát tranh. 	- HS đọc đề bài và quan sát tranh bạn nhỏ đang vẽ.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2: một bạn nêu tên đồ vật, một bạn nêu công dụng.	- HS thảo luận nhóm 2: bút chì để vẽ phác và viết; bút màu để tô màu; giấy vẽ để vẽ tranh; tẩy để xóa; thước kẻ để kẻ đường thẳng; hộp bút để đựng bút.

- GV mời đại diện nhóm trình bày, lớp nhận xét và bổ sung.	- HS trình bày: Bút màu dùng để tô màu cho bức tranh. Giấy vẽ dùng để vẽ tranh. Tẩy dùng để xóa nét vẽ chưa đúng.
- GV kết luận: Khi giới thiệu một đồ vật, các em cần nói tên đồ vật, đặc điểm và công dụng của đồ vật đó.	- HS ghi nhớ: Nói tên, đặc điểm, cách dùng và ích lợi của đồ vật.
3. Thực hành (7 phút) ***Mục tiêu:*** *HS viết được 3 - 4 câu giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ.*	
Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu giới thiệu về một đồ vật được dùng để vẽ. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát sơ đồ gợi ý. 	- HS đọc đề bài, quan sát sơ đồ và nêu các ý cần có: giới thiệu đồ vật, đặc điểm, cách dùng, công dụng.
- GV hướng dẫn HS viết cá nhân theo gợi ý: Em muốn giới thiệu đồ vật nào? Đồ vật có đặc điểm gì? Em dùng đồ vật đó như thế nào? Nó giúp ích gì cho em trong việc vẽ tranh?	- HS viết: Em muốn giới thiệu hộp bút màu của em. Hộp bút có nhiều màu rất đẹp. Em dùng bút màu để tô màu cho bức tranh. Hộp bút màu giúp tranh của em rực rỡ hơn.
- GV mời 1 - 2 HS đọc đoạn viết, nhận xét về câu đủ ý, dấu chấm và chữ viết.	- HS đọc đoạn viết, sửa lỗi nếu thiếu dấu chấm hoặc câu chưa rõ ý.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Liên hệ việc giữ gìn đồ dùng học tập.*	
- GV yêu cầu HS nói một việc cần làm để bảo quản đồ dùng vẽ.	- HS nêu: Em đậy nắp bút màu sau khi dùng, cất bút vào hộp, không bẻ bút và không vứt giấy vụn bừa bãi.
- Dặn dò: Về nhà hoàn thiện đoạn văn nếu chưa xong.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ hoàn thiện đoạn văn.
TIẾT 6	
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Gợi hứng thú đọc mở rộng và kết nối với chủ đề trường học.*	
- GV tổ chức cho HS nói tên một câu chuyện hoặc bài thơ về trường học mà em biết.	- HS nêu: Em biết câu chuyện về lớp học, thầy cô, bạn bè hoặc một bài thơ về mái trường.
- GV giới thiệu bài: Tiết này, các em tìm đọc và chia sẻ một câu chuyện về trường học.	- HS chuẩn bị phiếu đọc sách và câu chuyện đã sưu tầm.
2. Khám phá kiến thức (20 phút) ***Mục tiêu:*** *HS tìm đọc một câu chuyện về trường học và ghi lại thông tin cần thiết. Mục tiêu tích hợp: HS biết xác định đúng chủ đề, chọn nguồn an toàn, kiểm tra tên bài/tác giả/nguồn trước khi chia sẻ.*	
Bài tập 1: Tìm đọc một câu chuyện về trường học. Chia sẻ thông tin về câu chuyện dựa trên gợi ý. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát gợi ý trong	- HS đọc đề bài, quan sát gợi ý: tên câu chuyện, mở đầu, điều em tiếp thu, kết thúc ra sao.

SGK. 	
- GV hỏi dẫn: Khi tìm câu chuyện về trường học trên sách hoặc nguồn số, em cần tìm thông tin nào và chọn nguồn như thế nào?	- HS trả lời: Em cần tìm đúng chủ đề trường học, xem tên câu chuyện, tác giả hoặc nguồn; chọn nguồn an toàn, không bấm đường link lạ và không chia sẻ thông tin cá nhân.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Khi tìm câu chuyện về trường học trong môi trường số, các em cần xác định đúng nhu cầu thông tin: tìm câu chuyện về trường, lớp, thầy cô, bạn bè. Các em dùng từ khóa ngắn, rõ như "câu chuyện về trường học cho thiếu nhi", chọn nguồn do giáo viên hoặc người lớn giới thiệu, kiểm tra tên bài, tên tác giả hoặc địa chỉ nguồn. Các em chỉ ghi lại thông tin phù hợp với bài học, không bấm quảng cáo lạ, không nhập họ tên, số điện thoại, địa chỉ nhà và không sao chép nguyên văn khi chưa hiểu nội dung.	- HS nêu lại: Em tìm đúng chủ đề, chọn nguồn an toàn, kiểm tra tên bài và tác giả, không bấm link lạ, không nhập thông tin riêng tư.
- GV hướng dẫn HS ghi phiếu đọc sách: tên câu chuyện, tác giả hoặc nguồn, nhân vật, điều em thích.	- HS ghi phiếu: Tên câu chuyện: Người bạn mới. Tác giả/nguồn: sách/nguồn cô giới thiệu. Nhân vật: bạn học sinh và các bạn trong lớp. Điều em thích: các bạn biết giúp đỡ nhau.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm 4.	- HS chia sẻ theo nhóm 4, nghe bạn nói và đặt câu hỏi lịch sự.
3. Thực hành (7 phút) ***Mục tiêu:*** *HS nói được về một nhân vật em thích trong câu chuyện.*	
Bài tập 2: Nói về một nhân vật em thích trong câu chuyện. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài và chọn một nhân vật trong câu chuyện đã đọc.
- GV hướng dẫn HS nói theo gợi ý: nhân vật là ai, nhân vật làm việc gì, em thích nhân vật vì sao.	- HS nói: Em thích bạn nhỏ trong câu chuyện vì bạn biết giúp đỡ bạn mới, nói chuyện thân thiện và cùng bạn học tập.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp, nhận xét cách nói rõ ràng, đủ ý.	- HS trình bày trước lớp, lắng nghe nhận xét và chỉnh câu nói cho rõ hơn.
4. Vận dụng (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Khuyến khích thói quen đọc an toàn và chia sẻ tích cực.*	
- GV yêu cầu HS nói một điều em học được sau khi đọc câu chuyện về trường học.	- HS nêu: Em học được cách yêu trường lớp, giúp đỡ bạn và lễ phép với thầy cô.
- Dặn dò: Về nhà kể lại câu chuyện đã đọc cho người thân nghe và ghi nhớ tên	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng ở nhà.

bài, tác giả hoặc nguồn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 8
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 15: CUỐN SÁCH CỦA EM
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: CUỐN SÁCH CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài Cuốn sách của em; biết ngắt nghỉ hơi đúng theo dấu câu và cụm từ dài.
- Nhận biết được thông tin trên bìa sách: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, tranh minh hoạ và mục lục.
- Trả lời được câu hỏi trong SGK; biết sắp xếp thông tin, đọc mục lục và nói câu về sách.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động quan sát bìa sách, đọc bài và tự tìm thông tin cần thiết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm 2, nhóm 4 khi tìm thông tin và trình bày kết quả.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dự đoán nội dung sách dựa vào bìa sách và mục lục.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: có thói quen đọc sách và tìm hiểu thông tin trong sách.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn sách, không viết vẽ bậy, cất sách đúng nơi quy định.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: Hình thành văn hóa đọc; HS biết yêu quý, giữ gìn sách, đọc sách thường xuyên để mở rộng hiểu biết.
- Tích hợp năng lực số 1.1.CB1a: Xác định được nhu cầu thông tin, tìm kiếm thông tin thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số; HS biết tìm kiếm tên sách hoặc tác giả trên trang web thư viện/trang sách thiếu nhi dưới sự hướng dẫn của GV.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Giúp HS ôn lại bài cũ, quan sát bìa sách và dự đoán nội dung bài đọc.*	
- GV tổ chức thi đố đáp: chiếu hình ảnh trong bài Khi trang sách mở ra và mời HS đọc câu thơ có chứa hình ảnh đó.	- HS đọc: "Trong trang sách có biển…", "Trang sách còn có lửa…", hoặc câu thơ phù hợp với hình ảnh được chiếu.

- GV yêu cầu HS quan sát bìa sách SGK và trả lời: Em nhìn thấy những gì trên bìa sách? 	- HS trả lời: Em thấy tên sách, tên tác giả, tranh minh hoạ con vật và tên nhà xuất bản trên bìa sách.
- GV hỏi: Qua tên sách và hình ảnh trên bìa, em đoán cuốn sách viết về điều gì?	- HS trả lời: Em đoán sách viết về sự sinh ra và lớn lên của các loài động vật.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, cô và các em đọc bài Cuốn sách của em để biết cách tìm thông tin quan trọng trước khi đọc sách.	- HS mở SGK bài Cuốn sách của em và chuẩn bị đọc bài.
- GV kết luận: Quan sát bìa sách giúp chúng ta đọc sách chủ động, biết dự đoán nội dung và hứng thú hơn khi đọc.	- HS nhắc lại: Em cần quan sát bìa sách, tên sách, tác giả và tranh minh hoạ trước khi đọc.
2. Khám phá kiến thức *Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu cách đọc văn bản thông tin.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) *Mục tiêu: HS đọc đúng từ khó, câu dài; biết ngắt nghỉ theo dấu câu và cụm từ dài.*	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng rõ ràng, chậm rãi; nhấn giọng ở các từ: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, mục lục.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý cách ngắt nghỉ ở câu dài.
- GV hỏi: Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc có thể chia làm 4 đoạn.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.	- 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn; HS khác theo dõi và góp ý phát âm.
- GV mời HS nêu từ khó và luyện đọc: tác giả, nhà xuất bản, mục lục, cuốn sách, chứa đựng.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh các từ: tác giả, nhà xuất bản, mục lục, cuốn sách, chứa đựng.
- GV hướng dẫn giải nghĩa từ: tác giả, nhà xuất bản, mục lục.	- HS nêu: Tác giả là người viết sách; nhà xuất bản là nơi làm ra sách; mục lục cho biết các mục chính và trang của sách.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: "Tên sách là hàng chữ lớn ở khoảng giữa bìa sách, thường chứa đựng rất nhiều ý nghĩa."	- HS đọc câu dài, biết nghỉ hơi sau cụm "Tên sách", "khoảng giữa bìa sách" và đọc rõ nghĩa câu.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm 4; mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc nhóm 4, nghe bạn đọc và góp ý nhẹ nhàng.

- GV mời 2 nhóm thi đọc nối tiếp từng đoạn.	- HS thi đọc; cả lớp nhận xét nhóm đọc rõ tiếng, đúng ngắt nghỉ.
- GV kết luận: Đọc văn bản thông tin cần rõ ràng, ngắt nghỉ đúng để hiểu được các thông tin quan trọng.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị đọc hiểu ở tiết 2.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố cách đọc và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.*	
- GV dặn HS về nhà quan sát bìa một cuốn sách em có và tìm tên sách, tác giả, nhà xuất bản nếu có.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: Em sẽ quan sát bìa sách ở nhà và chuẩn bị chia sẻ ở tiết sau.
TIẾT 2	
Hoạt động 2: Đọc hiểu (20 phút) *Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi SGK, biết xác định thông tin trên bìa sách và mục lục. Mục tiêu tích hợp: HS biết tìm kiếm tên sách hoặc tác giả trên nguồn số an toàn dưới sự hướng dẫn của GV.*	
- GV yêu cầu HS đọc thầm lại toàn bài và quan sát phần câu hỏi trong SGK. 1. Chọn từ ngữ ở cột A với nội dung thích hợp ở cột B. A: tên sách; tác giả; nhà xuất bản; mục lục B: nơi cuốn sách ra đời; thường chứa đựng nhiều ý nghĩa; người viết sách, báo; thể hiện các mục chính và vị trí của chúng trong cuốn sách 2. Qua tên sách, em có thể biết được điều gì? 3. Sắp xếp các thông tin theo đúng trình tự trong bài đọc. a. Tác giả c. Tên sách b. Mục lục d. Nhà xuất bản 4. Đọc mục lục ở tranh bên và cho biết a. Phần 2 có những mục nào? b. Để tìm hiểu về cây xương rồng, em đọc trang nào?	- HS đọc thầm toàn bài, dùng bút chì đánh dấu thông tin cần tìm trong SGK.
- GV hỏi: Tên sách thường cho em biết điều gì?	- HS trả lời: Qua tên sách, em có thể biết sách viết về điều gì.
- GV hỏi: Tác giả là ai?	- HS trả lời: Tác giả là người viết sách, báo hoặc sáng tạo ra tác phẩm.
- GV hỏi: Nhà xuất bản cho biết điều gì?	- HS trả lời: Nhà xuất bản cho biết nơi cuốn sách ra đời.
- GV hỏi: Mục lục dùng để làm gì?	- HS trả lời: Mục lục thể hiện các mục chính và vị trí của chúng trong cuốn sách.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4 để sắp xếp các thông tin theo đúng trình tự trong bài đọc.	- HS thảo luận nhóm 4 và nêu thứ tự: tên sách, tác giả, nhà xuất bản, mục lục.
- GV hướng dẫn HS đọc mục lục trong tranh và hỏi: Phần 2 có những mục nào?	- HS trả lời: Phần 2 có các mục: Xương rồng, Thông, Đước.
- GV hỏi: Để tìm hiểu về cây xương rồng, em đọc trang nào?	- HS trả lời: Em đọc trang 25 để tìm hiểu về cây xương rồng.

- Khi muốn tìm tên một cuốn sách hoặc tên tác giả trên môi trường số, em cần làm gì để chọn thông tin phù hợp?	- HS trả lời: Em nhập từ khóa rõ ràng, chọn trang phù hợp với thiếu nhi, kiểm tra tên sách và tác giả, không bấm vào đường link lạ.
- Tích hợp năng lực số 1.1.CB1a: GV diễn giải: Khi tìm sách trên trang web thư viện hoặc trang sách thiếu nhi, các em cần xác định mình muốn tìm gì, nhập từ khóa ngắn gọn như tên sách, tên tác giả hoặc chủ đề sách. Các em chỉ xem kết quả phù hợp với bài học, không tự ý đăng nhập, không nhập họ tên, số điện thoại, địa chỉ và cần hỏi người lớn khi gặp trang lạ. Tìm kiếm thông tin đúng cách giúp việc đọc sách an toàn, hiệu quả hơn.	- HS nêu lại: Em tìm kiếm bằng từ khóa phù hợp, chọn nguồn an toàn, kiểm tra tên sách/tác giả và không nhập thông tin cá nhân.
- GV kết luận: Khi đọc sách, các em cần chú ý tên sách, tác giả, nhà xuất bản và mục lục để hiểu sách nhanh hơn.	- HS nhắc lại nội dung chính: Bài đọc giúp em biết cách tìm thông tin quan trọng của một cuốn sách.
3. Thực hành (12 phút) *Mục tiêu: HS biết xếp từ ngữ vào nhóm phù hợp và hoàn thành câu theo nội dung bài đọc.*	
- Bài tập 1: Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp: tác giả, cuốn sách, bìa sách, đọc sách, ghi. 	- HS đọc đề bài tập 1 và xác định cần xếp từ vào 2 nhóm: từ ngữ chỉ người, chỉ vật và từ ngữ chỉ hoạt động.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, đọc từng từ và trao đổi để xếp vào nhóm đúng.	- HS làm việc nhóm 2 và ghi kết quả: Từ ngữ chỉ người, chỉ vật: tác giả, cuốn sách, bìa sách; từ ngữ chỉ hoạt động: đọc sách, ghi.
- GV gọi HS trình bày kết quả bài tập 1.	- HS trình bày: "tác giả, cuốn sách, bìa sách" là từ chỉ người, chỉ vật; "đọc sách, ghi" là từ chỉ hoạt động.
- GV kết luận: Các em đã biết phân biệt từ ngữ chỉ người, chỉ vật và từ ngữ chỉ hoạt động.	- HS sửa bài vào vở nếu cần.
- Bài tập 2: Nói tiếp để hoàn thành câu: "Tên sách được đặt ở (...). Tên tác giả thường được đặt ở (...)."	- HS đọc đề bài tập 2 và nêu cần dựa vào bài đọc để điền vị trí của tên sách và tên tác giả.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm 2 để hoàn thành câu.	- HS làm bài: Tên sách được đặt ở khoảng giữa bìa sách. Tên tác giả thường được đặt ở phía trên của bìa sách.
- GV gọi HS trình bày và sửa bài.	- HS trình bày câu hoàn chỉnh, lắng nghe GV sửa nếu thiếu ý.

- GV kết luận: Biết vị trí tên sách, tác giả giúp các em tìm thông tin nhanh khi chọn sách để đọc.	- HS ghi nhớ cách tìm thông tin trên bìa sách.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố văn hóa đọc và ý thức giữ gìn sách.*	
- GV hỏi: Sau bài học, em sẽ làm gì để giữ gìn sách?	- HS trả lời: Em bọc sách, không viết vẽ bậy, không gấp mép trang, cất sách lên kệ sau khi đọc.
- Giáo dục đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Mỗi cuốn sách là công sức của tác giả, hoạ sĩ, người in ấn và nhiều người làm sách. Khi giữ gìn sách, đọc sách thường xuyên, các em thể hiện sự trân trọng tri thức và rèn thói quen sống gọn gàng, có trách nhiệm.	- HS nêu việc làm: Em đọc sách mỗi ngày, giữ sách sạch đẹp và chia sẻ sách đúng cách với bạn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 8
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 15: CUỐN SÁCH CỦA EM
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA G

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết chữ hoa G cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đúng quy trình.
- Viết đúng câu ứng dụng: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng."
- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách; đặt dấu thanh đúng vị trí.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát mẫu chữ, luyện viết và soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời lịch sự.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: kiên trì rèn chữ, giữ vở sạch đẹp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI - YCCĐ 2.C1.2: Giải thích được "dữ liệu" là những ví dụ như hình ảnh, chữ viết, âm thanh mà con người dùng để dạy cho AI; HS hiểu chữ và hình ảnh trên bìa sách là dữ liệu giúp con người và máy tính nhận biết cuốn sách.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Tạo tâm thế rèn chữ và kết nối với chữ hoa G.*	

- GV yêu cầu HS quan sát mẫu chữ hoa G trong SGK và đoán chữ hoa sẽ học. 	- HS trả lời: Hôm nay học chữ hoa G.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay, các em luyện viết chữ hoa G và câu ứng dụng Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.	- HS mở vở Tập viết, chuẩn bị bảng con và bút.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) *Mục tiêu: HS nắm được cấu tạo, độ cao và quy trình viết chữ hoa G.*	
- GV giới thiệu mẫu chữ hoa G và yêu cầu HS so sánh chữ hoa G với chữ hoa C.	- HS trả lời: Chữ G gần giống chữ C nhưng có thêm nét khuyết dưới.
- GV hướng dẫn quy trình viết chữ hoa G: đặt bút gần đường kẻ 6, viết nét cong như chữ C, dừng ở khoảng giữa đường kẻ 3 và đường kẻ dọc 5, sau đó viết tiếp nét khuyết dưới và dừng bút ở đường kẻ 2.	- HS quan sát và dùng ngón tay viết mô phỏng quy trình chữ hoa G.
- GV yêu cầu HS viết chữ hoa G trên bảng con.	- HS viết bảng con chữ G, giơ bảng và sửa lỗi nếu nét khuyết dưới chưa cân đối.
- Muốn máy tính nhận ra một cuốn sách, theo em cần cung cấp dữ liệu gì?	- HS trả lời: Cần cung cấp hình ảnh bìa sách, tên sách, tên tác giả hoặc chữ trên bìa sách.
- Tích hợp AI 2.C1.2: GV diễn giải: Dữ liệu có thể là chữ, hình ảnh, âm thanh. Với một cuốn sách, hình bìa, tên sách, tên tác giả, màu sắc, hình minh hoạ đều là dữ liệu giúp con người và máy tính nhận biết cuốn sách. Tuy vậy, khi dùng công cụ số, chúng ta cần kiểm tra lại thông tin trên sách thật để tránh nhầm lẫn.	- HS nêu lại: Chữ và hình ảnh trên bìa sách là dữ liệu, nhưng em vẫn cần kiểm tra lại bằng sách thật.
- GV kết luận: Khi viết chữ hoa G, các em cần viết đúng độ cao, đưa bút liền mạch và dừng bút đúng vị trí.	- HS nhắc lại quy trình viết chữ hoa G.
3. Thực hành (14 phút) *Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng và hiểu ý nghĩa câu tục ngữ.*	
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng."	- HS đọc rõ câu ứng dụng: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng."
- GV hỏi: Câu tục ngữ muốn khuyên em điều gì?	- HS trả lời: Câu tục ngữ khuyên em gần gũi người tốt, môi trường tốt để học những điều tốt đẹp.
- GV hướng dẫn HS nhận xét: chữ nào viết hoa, dấu phẩy và dấu chấm đặt ở đâu, khoảng cách giữa các tiếng thế nào.	- HS trả lời: Chữ G viết hoa vì đứng đầu câu; có dấu phẩy sau tiếng "đen", dấu chấm cuối câu; các tiếng cách nhau một con chữ o.
- GV cho HS viết câu ứng dụng vào vở Tập viết.	- HS viết vào vở, giữ tư thế đúng, viết chữ đều nét và đặt dấu đúng vị trí.

- GV chấm nhanh một số vở, nhận xét ưu điểm và lỗi cần sửa.	- HS nghe nhận xét, sửa lỗi về độ cao, khoảng cách hoặc dấu thanh nếu có.
- GV kết luận: Viết đẹp cần quan sát kĩ mẫu, viết chậm, đúng quy trình và biết tự soát lỗi.	- HS tự chọn một dòng viết đẹp để rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố chữ hoa G và liên hệ câu ứng dụng.*	
- GV yêu cầu HS nêu một việc làm thể hiện em biết học theo điều tốt.	- HS trả lời: Em chơi với bạn chăm học, nghe lời thầy cô, đọc sách tốt và tránh nói lời chưa hay.
- GV dặn HS về nhà luyện thêm chữ hoa G và tìm một câu có chữ G đứng đầu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện viết chữ hoa G ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 8
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 15: CUỐN SÁCH CỦA EM
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN HỌA MI, VẸT VÀ QUẠ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe kể và nhận biết được các sự việc trong câu chuyện Họa mi, vẹt và quạ.
- Dựa vào tranh, kể lại được 1 - 2 đoạn của câu chuyện bằng lời của mình.
- Biết lắng nghe bạn kể và nhận xét lời kể theo gợi ý.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: biết kể chuyện trong nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Tự chủ và tự học: chuẩn bị nội dung kể, mạnh dạn trình bày trước lớp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: biết kiên trì học tập qua câu chuyện.
- Nhân ái: biết khích lệ bạn và tôn trọng người nói.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS trước khi nghe kể chuyện.*	
- GV tổ chức cho HS nghe hoặc hát một đoạn bài Con chim vành khuyên.	- HS hát, vận động nhẹ và nêu tên một số loài chim em biết.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em nghe và kể lại câu chuyện Họa mi, vẹt và quạ.	- HS mở SGK phần Nói và nghe, quan sát 4 tranh.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) *Mục tiêu: HS quan sát tranh, nghe kể và ghi nhớ sự việc chính của câu chuyện.*	

- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK và đoán tên các loài chim xuất hiện trong tranh. 	- HS trả lời: Có hoạ mi, vẹt, quạ và chim hoàng oanh.
- GV kể chuyện lần 1, kết hợp chỉ từng tranh.	- HS lắng nghe, nhớ nhân vật và sự việc chính trong câu chuyện.
- GV kể chuyện lần 2, dừng ở tranh 1 và hỏi: Họa mi, vẹt và quạ nói chuyện gì với nhau?	- HS trả lời: Các bạn chim nói chuyện về việc học hát để có giọng hót hay.
- GV hỏi tranh 2: Họa mi, vẹt và quạ đến gặp chim hoàng oanh vì chuyện gì?	- HS trả lời: Các bạn đến gặp chim hoàng oanh để nhờ dạy hát.
- GV hỏi tranh 3: Vì sao quạ bỏ các bạn bay đi?	- HS trả lời: Quạ thiếu kiên nhẫn, không chăm chỉ học hát nên bỏ đi.
- GV hỏi tranh 4: Câu chuyện kết thúc thế nào?	- HS trả lời: Họa mi và vẹt chăm học nên hót hay, còn quạ không học đến nơi đến chốn nên không hót hay.
- GV kết luận: Nắm đúng sự việc từng tranh sẽ giúp các em kể chuyện rõ ràng, đúng trình tự.	- HS ghi nhớ trình tự 4 tranh của câu chuyện.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: HS kể lại được 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.*	
- Bài tập 1: Nghe kể chuyện Họa mi, vẹt và quạ.	- HS đọc đề bài tập 1 và chuẩn bị kể lại theo tranh.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, mỗi bạn chọn 1 tranh để tập kể.	- HS luyện kể trong nhóm 4: mỗi bạn kể một tranh, các bạn còn lại góp ý cách kể.
- GV gọi HS trình bày 1 - 2 đoạn trước lớp.	- HS kể trước lớp: Họa mi, vẹt và quạ muốn học hát nên đến gặp chim hoàng oanh; quạ không kiên nhẫn nên bỏ đi.
- GV kết luận: Khi kể chuyện, các em cần nói rõ nhân vật, sự việc, lời nói và kể theo đúng thứ tự tranh.	- HS lắng nghe và tự điều chỉnh lời kể.
- Bài tập 2: Chọn kể 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.	- HS đọc đề bài tập 2 và chọn đoạn em nhớ nhất để kể.

- GV yêu cầu HS luyện kể cặp đôi, bạn nghe đặt một câu hỏi hoặc góp ý một điểm.	- HS luyện kể cặp đôi và góp ý: Bạn kể đúng tranh, nói rõ giọng nhân vật hơn.
- GV mời 2 - 3 HS kể trước lớp và nhận xét.	- HS kể: Hoạ mi chăm chỉ học nên có giọng hót hay; quạ lười học nên không tiến bộ.
- GV kết luận: Câu chuyện nhắc chúng ta muốn làm tốt việc gì cũng cần chăm chỉ, kiên trì học tập.	- HS nêu bài học: Em cần chăm chỉ luyện tập và không bỏ cuộc giữa chừng.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Vận dụng kể chuyện cho người thân nghe.*	
- GV dặn HS về nhà kể lại câu chuyện Họa mi, vẹt và quạ cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ: Em sẽ kể lại câu chuyện và nói bài học về sự chăm chỉ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 8
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 16: KHI TRANG SÁCH MỞ RA
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: KHI TRANG SÁCH MỞ RA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Khi trang sách mở ra; biết đọc với giọng vui vẻ, háo hức.
- Hiểu nội dung bài: sách mang đến cho ta nhiều điều kì diệu, thú vị và hấp dẫn.
- Trả lời được câu hỏi trong SGK; tìm được từ ngữ chỉ sự vật và đặt câu về một cuốn truyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc và chia sẻ trải nghiệm đọc sách.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm khi tìm chi tiết trong bài thơ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung sách với thế giới xung quanh.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: yêu thích đọc sách, có thói quen đọc sách.
- Yêu nước, nhân ái: biết yêu thiên nhiên, quê hương và cuộc sống qua trang sách.

4. Tích hợp:

- Giáo dục đạo đức, lối sống: Khơi gợi niềm yêu thích đọc sách; qua trang sách về biển, rừng và cuộc sống, HS biết yêu thiên nhiên, quê hương và ham khám phá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Gợi nhớ trải nghiệm đọc sách và dẫn vào bài thơ mới.*	
- GV yêu cầu HS nói tên một cuốn sách em đã đọc và giới thiệu ngắn điều em thích nhất trong cuốn sách đó.	- HS giới thiệu trong nhóm 2: Em đã đọc truyện Dế Mèn phiêu lưu kí; em thích nhân vật Dế Mèn vì dũng cảm.

- GV yêu cầu HS quan sát tranh SGK và hỏi: Tranh vẽ gì? 	- HS trả lời: Tranh vẽ một cuốn sách mở ra, trong sách có biển, cánh buồm, chim, mây và các bạn đang xem tranh.
- GV giới thiệu bài: Bài thơ Khi trang sách mở ra sẽ cho chúng ta thấy sách đem đến nhiều điều thú vị.	- HS mở SGK bài Khi trang sách mở ra và chuẩn bị đọc.
2. Khám phá kiến thức *Mục tiêu: Giúp HS đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài và hiểu cách đọc bài thơ.*	
Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) *Mục tiêu: HS đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, khổ thơ; biết đọc với giọng vui vẻ, háo hức.*	
- GV đọc mẫu toàn bài thơ với giọng vui vẻ, háo hức; ngắt hơi sau mỗi dòng thơ và nghỉ lâu hơn sau mỗi khổ thơ.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý nhịp thơ.
- GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 4 khổ thơ.
- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1.	- 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ; HS khác theo dõi và góp ý.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: trang sách, xích lại, cỏ dại, cánh buồm, rừng, ngọn lửa.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh các từ khó.
- GV giải nghĩa từ: cỏ dại, thứ đến.	- HS nêu: Cỏ dại là cỏ mọc tự nhiên; thứ đến là tiếp theo.
- GV yêu cầu HS đặt một câu có từ "xích lại".	- HS đặt câu: Chúng em xích lại gần nhau để cùng xem tranh.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm 4.	- HS luyện đọc nhóm 4; mỗi bạn đọc một khổ thơ, các bạn góp ý cách đọc.
- GV mời 2 nhóm thi đọc nối tiếp từng khổ thơ.	- HS thi đọc; cả lớp bình chọn nhóm đọc rõ ràng, đúng nhịp.
- GV kết luận: Đọc thơ cần ngắt nhịp theo dòng thơ và thể hiện niềm vui khi trang sách mở ra.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị trả lời câu hỏi.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố cách đọc bài thơ.*	

- GV dặn HS về nhà luyện đọc 1 khổ thơ em thích cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện đọc ở nhà.
TIẾT 2	
Hoạt động 2: Đọc hiểu (20 phút) *Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi SGK, hiểu thông điệp của bài thơ và bày tỏ tình yêu sách.*	
- GV yêu cầu HS quan sát phần câu hỏi SGK và đọc thầm lại bài thơ. 1. Sắp xếp các sự vật sau theo thứ tự được nhắc đến trong khổ thơ đầu. a. cánh chim b. cỏ dại c. người lớn d. trẻ con 2. Ở khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ thấy những gì trong trang sách? 3. Theo em, khổ thơ cuối ý nói gì? a. Trong trang sách có tiếng sóng vỗ. b. Trong trang sách có mây trời đang bay. c. Trong trang sách có nhiều điều thú vị về cuộc sống. 4. Tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ. 1. Tìm các từ ngữ chỉ sự vật trong khổ thơ thứ hai hoặc thứ ba.	- HS đọc thầm bài thơ, quan sát tranh minh hoạ và chuẩn bị trả lời.
- GV hỏi: Sắp xếp các sự vật được nhắc đến trong khổ thơ đầu theo thứ tự.	- HS trả lời: Thứ tự đúng là cỏ dại, cánh chim, trẻ con, người lớn.
- GV hỏi: Ở khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ thấy những gì trong trang sách?	- HS trả lời: Bạn nhỏ thấy biển, cánh buồm, rừng, gió, lửa, ao, giấy.
- GV hỏi: Theo em, khổ thơ cuối ý nói gì?	- HS trả lời: Khổ thơ cuối nói rằng trong trang sách có nhiều điều thú vị về cuộc sống.
- GV hỏi: Trong trang sách có nhiều điều thú vị về cuộc sống; theo em, điều thú vị đó là gì?	- HS trả lời: Điều thú vị là sách giúp em biết về biển, rừng, bầu trời, con người, cây cối và nhiều câu chuyện hay.
- Giáo dục đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Sách mở ra cho chúng ta những hiểu biết về thiên nhiên, quê hương, con người và cuộc sống. Khi chăm đọc sách, các em không chỉ học được kiến thức mà còn biết yêu cái đẹp, yêu thiên nhiên, biết sống tốt hơn và ham khám phá hơn. Vì vậy, mỗi ngày các em nên dành thời gian đọc sách phù hợp với lứa tuổi.	- HS nêu lại: Em cần chăm đọc sách, chọn sách phù hợp, giữ gìn sách và chia sẻ điều hay trong sách với bạn.
- GV yêu cầu HS tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ.	- HS trả lời: Các tiếng cùng vần là lại - dại, đâu - sâu, gì - đi.
- GV kết luận: Bài thơ cho thấy sách mang đến nhiều điều kì diệu, thú vị và hấp dẫn.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài thơ.
Hoạt động 3: Luyện đọc lại và học thuộc lòng (7 phút) *Mục tiêu: HS đọc diễn cảm khổ thơ yêu thích và bước đầu học thuộc lòng.*	
- GV đọc diễn cảm toàn bài thơ một lần.	- HS lắng nghe và đọc thầm theo.

- GV mời HS chọn một khổ thơ yêu thích để luyện đọc.	- HS luyện đọc khổ thơ yêu thích và chú ý giọng vui vẻ, háo hức.
- GV khuyến khích HS học thuộc lòng 1 - 2 khổ thơ em thích.	- HS nhẩm thuộc và đọc cho bạn nghe trong nhóm 2.
Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc (5 phút) *Mục tiêu: HS tìm từ ngữ chỉ sự vật và đặt câu về một cuốn truyện.*	
- Bài tập 1: Tìm các từ ngữ chỉ sự vật trong khổ thơ thứ hai hoặc thứ ba.	- HS đọc đề bài tập 1 và xác định cần tìm từ ngữ chỉ sự vật.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, đọc khổ thơ thứ hai và thứ ba, ghi các từ chỉ sự vật vào phiếu.	- HS làm nhóm 4 và ghi: trang sách, biển, cánh buồm, rừng, gió, lửa, giấy, ao.
- GV gọi HS trình bày và sửa bài.	- HS trình bày đáp án cụ thể; HS khác nhận xét, bổ sung nếu thiếu.
- Bài tập 2: Đặt một câu về một cuốn truyện.	- HS đọc đề bài tập 2 và câu mẫu trong SGK.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đặt một câu về cuốn truyện em đã đọc.	- HS đặt câu: Truyện Dế Mèn phiêu lưu kí là một cuốn truyện rất hay.
- GV kết luận: Các em đã biết tìm từ chỉ sự vật và đặt câu giới thiệu về một cuốn truyện.	- HS sửa câu vào vở nếu cần.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố thói quen đọc sách.*	
- GV dặn HS chọn một cuốn sách phù hợp để đọc thêm trong tuần.	- HS ghi nhớ: Em sẽ đọc thêm một cuốn sách và kể điều thú vị cho bạn nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 8
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 16: KHI TRANG SÁCH MỞ RA
TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT: KHI TRANG SÁCH MỞ RA; PHÂN BIỆT L/N, ĂN/ĂNG, ÂN/ÂNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng 2 khổ thơ cuối của bài Khi trang sách mở ra.
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt l/n và các vần ăn/ăng, ân/âng.
- Biết viết hoa tên người, trình bày sạch đẹp và soát lỗi chính tả.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: nghe kĩ, viết đúng, tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở kiểm tra chéo và góp ý cho bạn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: viết cẩn thận, giữ vở sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Kết nối với bài thơ đã học, tạo tâm thế viết chính tả.*	
- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh, ai đúng" để điền từ còn thiếu trong câu thơ của bài Khi trang sách mở ra.	- HS tham gia trò chơi, đọc lại câu thơ đã hoàn chỉnh.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em nghe - viết 2 khổ thơ cuối và làm bài tập chính tả.	- HS chuẩn bị vở, bút và SGK.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) *Mục tiêu: HS nghe - viết đúng 2 khổ thơ cuối, trình bày đúng thể thơ.*	
- GV nêu yêu cầu nghe - viết: Khi trang sách mở ra (2 khổ thơ cuối). 3. Chọn a hoặc b. a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông. – Dao có mài mới sắc, người có học mới ▢ên. – Hay học thì sang, hay ▢àm thì có. – ▢ột lừng trong lừng trong Giấy trắng sờ mát rượi Tham tho mùi giấy mới ▢ần ▢ột bàn tay xinh. (Theo Nguyễn Quang Huy) b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông. – (gần/ gần): ▢ bó, cố ▢, ▢ sức – (nắn/ nắng): ánh ▢, uốn ▢, ▢ nót – (vần/ vần): ▢ thơ, ▢ trăng, ▢ trần – (vần/ vần): ▢ gỗ, ▢ lời, ▢ tay	- HS lắng nghe yêu cầu và mở đúng bài trong SGK.
- GV đọc đoạn chính tả một lượt và hỏi: Bạn nhỏ thấy gì trong trang sách?	- HS trả lời: Bạn nhỏ thấy lửa, giấy, ao, sóng và chân trời trong trang sách.
- GV hướng dẫn HS nhận xét: đoạn thơ có những chữ nào viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa tên bài và chữ đầu mỗi dòng thơ.
- GV hướng dẫn HS viết từ dễ sai: giấy, cháy, dạt dào, chân trời, không hề ướt.	- HS viết bảng con các từ khó và sửa lỗi nếu viết sai.
- GV đọc từng dòng thơ rõ ràng, tốc độ vừa phải.	- HS nghe - viết vào vở, trình bày mỗi dòng thơ một dòng.
- GV đọc lại đoạn thơ để HS soát lỗi.	- HS soát lỗi lần 1, bổ sung dấu thanh hoặc dấu câu nếu thiếu.
- GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo.	- HS đổi vở, dùng bút chì gạch chân chữ bạn viết sai nếu có.
- GV kết luận: Nghe - viết tốt cần nghe kĩ, viết đúng chữ, đúng dấu và soát lỗi sau khi viết.	- HS nhắc lại cách soát lỗi chính tả.
3. Thực hành (14 phút) *Mục tiêu: HS làm đúng các bài tập chính tả.*	
- Bài tập 2: Viết tên 2 tác giả của những cuốn sách em đã đọc.	- HS đọc đề bài tập 2 và xác định cần viết tên 2 tác giả.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm 2 để kiểm tra cách viết hoa tên riêng.	- HS viết: Tô Hoài, Nguyễn Nhật Ánh; HS viết hoa chữ cái đầu mỗi tiếng trong tên tác giả.
- GV gọi HS trình bày và sửa bài.	- HS trình bày đáp án: Tô Hoài; Nguyễn Nhật Ánh; HS khác nhận xét cách viết hoa.

- GV kết luận: Khi viết tên người, các em cần viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng.	- HS ghi nhớ quy tắc viết hoa tên người.
- Bài tập 3: Chọn a hoặc b theo yêu cầu SGK.	- HS đọc đề bài tập 3 và xác định có phần chọn l/n hoặc chọn tiếng trong ngoặc.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân phần chọn l hoặc n thay cho ô vuông.	- HS làm bài: Dao có mài mới sắc, người có học mới nên; Hay học thì sang, hay làm thì có; Lật từng trang từng trang; Nắn nót bàn tay xinh.
- GV gọi HS trình bày phần chọn l hoặc n và sửa bài.	- HS trình bày đáp án, đọc lại các câu đã hoàn chỉnh.
- GV yêu cầu HS làm nhóm 2 phần chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.	- HS làm bài: gắn bó, cố gắng, gắng sức; ánh nắng, uốn nắn, nắn nót; vần thơ, vầng trăng, vầng trán; vân gỗ, vâng lời, vân tay.
- GV kết luận: Các em cần đọc kĩ tiếng, vần và nghĩa của từ để chọn l/n, ăn/ăng, ân/âng đúng.	- HS sửa bài vào vở nếu có lỗi.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố cách viết chính tả và chuẩn bị bài sau.*	
- GV yêu cầu HS nêu một điều cần nhớ khi viết tên tác giả.	- HS trả lời: Em cần viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng trong tên tác giả.
- GV dặn HS về nhà sửa lỗi chính tả và chuẩn bị bài Luyện từ và câu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 8
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 16: KHI TRANG SÁCH MỞ RA
TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TỪ NGỮ CHỈ ĐẶC ĐIỂM; CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM; DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được từ chỉ đặc điểm của đồ dùng học tập trong tranh.
- Kết hợp được từ ngữ để tạo câu nêu đặc điểm.
- Biết chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi phù hợp với câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành bài tập cá nhân và tự kiểm tra.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4 khi làm bài tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tham gia hoạt động học tập.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ dùng học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú trước khi học từ ngữ chỉ đặc điểm.*	
- GV tổ chức cho HS hát và vận động theo bài Sách bút thân yêu.	- HS hát, vận động nhẹ và kể tên một đồ dùng học tập em yêu thích.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em học từ ngữ chỉ đặc điểm, câu nêu đặc điểm và dấu chấm, dấu chấm hỏi.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng bài học.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) *Mục tiêu: HS phát triển vốn từ chỉ đặc điểm của đồ dùng học tập.*	
- Bài tập 1: Chọn từ chỉ đặc điểm của mỗi đồ dùng học tập trong hình: thẳng tắp, trắng tinh, nhọn hoắt, tím ngắt. LUYỆN TẬP 1. Chọn từ chỉ đặc điểm của mỗi đồ dùng học tập trong hình. (thẳng tắp, trắng tinh, nhọn hoắt, tím ngắt) 2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm. A: Bàn học của Bống; Cuốn vở; Cục tẩy B: thơm mùi giấy mới; ngăn nắp, gọn gàng; nhỏ xíu như một viên kẹo	- HS đọc đề bài tập 1 và quan sát tranh đồ dùng học tập.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, quan sát từng đồ dùng và chọn từ chỉ đặc điểm phù hợp.	- HS thảo luận nhóm 4 và thống nhất: thước kẻ - thẳng tắp; quyển vở - trắng tinh; đầu bút chì - nhọn hoắt; lọ mực - tím ngắt.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả bài tập 1.	- HS trình bày đáp án cụ thể; nhóm khác nhận xét và bổ sung nếu cần.
- GV kết luận: Từ chỉ đặc điểm giúp chúng ta nói rõ hình dáng, màu sắc, tính chất của sự vật.	- HS ghi nhớ: thẳng tắp, trắng tinh, nhọn hoắt, tím ngắt là từ chỉ đặc điểm.
- GV hỏi: Em cần làm gì để giữ gìn đồ dùng học tập?	- HS trả lời: Em cất đồ dùng gọn gàng, không làm gãy bút, không xé vở và không vẽ bậy lên sách vở.
3. Thực hành (17 phút) *Mục tiêu: HS biết tạo câu nêu đặc điểm và dùng đúng dấu câu.*	
- Bài tập 2: Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.	- HS đọc đề bài tập 2 và đọc các từ ngữ ở hai cột.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, nối từng cụm từ ở cột A với cụm từ phù hợp ở cột B.	- HS làm nhóm 2 và nêu đáp án: Bàn học của Bống ngăn nắp, gọn gàng; Cuốn vở thơm phức mùi giấy mới; Cục tẩy nhỏ xíu như một viên kẹo.
- GV gọi HS trình bày kết quả bài tập 2 và giải thích cách ghép.	- HS trình bày câu hoàn chỉnh, đọc to từng câu nêu đặc điểm.
- GV kết luận: Câu nêu đặc điểm giúp người nghe biết rõ sự vật có đặc điểm gì.	- HS nêu lại các từ chỉ đặc điểm: ngăn nắp, gọn gàng, thơm phức, nhỏ xíu.

- Bài tập 3: Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông. 	- HS đọc đề bài tập 3 và quan sát bài thơ trong SGK.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, đọc từng dòng thơ và chọn dấu câu phù hợp.	- HS làm nhóm 4 và chọn dấu: "Sách ơi thức dậy."; "Vở ơi học bài."; "Ô kìa thước kẻ / Sao cứ nằm dài?"; "Lại còn anh bút / Trốn tít nơi đâu?"; "Nhanh dậy đi mau / Cùng em đến lớp."
- GV gọi HS trình bày bài tập 3 và nêu lí do chọn dấu hỏi cho câu hỏi.	- HS trả lời: Câu "Sao cứ nằm dài?" và "Trốn tít nơi đâu?" là câu hỏi nên dùng dấu chấm hỏi.
- GV kết luận: Dấu chấm đặt cuối câu kể, dấu chấm hỏi đặt cuối câu hỏi.	- HS đọc lại bài thơ với ngắt nghỉ đúng theo dấu câu.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Vận dụng từ chỉ đặc điểm vào nói, viết hằng ngày.*	
- GV yêu cầu HS đặt một câu nêu đặc điểm về đồ dùng học tập của em.	- HS đặt câu: Cây bút chì của em nhọn hoắt. Hộp bút của em rất gọn gàng.
- GV dặn HS về nhà viết 1 câu nêu đặc điểm về một đồ dùng học tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2- TUẦN 8
CHỦ ĐỀ 2: ĐI HỌC VUI SAO
BÀI 16: KHI TRANG SÁCH MỞ RA
TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN: TẢ ĐỒ DÙNG HỌC TẬP; ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Kể được tên đồ dùng học tập và nêu công dụng của chúng.
- Viết được 3 - 4 câu tả một đồ dùng học tập.
- Đọc mở rộng và chia sẻ được thông tin về một câu chuyện hoặc cuốn sách đã đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị ý tưởng viết đoạn và đọc thêm ở nhà.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, chia sẻ bài viết và nội dung đã đọc.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực viết đoạn và đọc sách.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ dùng học tập, ghi chép phiếu đọc sách trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con/bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Gợi nhớ tên và công dụng của đồ dùng học tập.*	
- GV tổ chức trò chơi "Đồ dùng của em": HS nói nhanh tên một đồ dùng học tập và công dụng của nó.	- HS nêu: Bút chì dùng để viết; thước kẻ dùng để kẻ đường thẳng; màu dùng để tô tranh.
2. Khám phá kiến thức (8 phút) *Mục tiêu: HS biết nhìn tranh, gọi tên đồ vật và nêu công dụng.*	
- Bài tập 1: Kể tên các đồ dùng học tập của em.	- HS đọc đề bài tập 1 và xác định cần kể tên các đồ dùng học tập của mình.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2, chọn 2 đồ vật trong tranh và nói công dụng.	- HS thảo luận nhóm 2 và nêu: Bút màu dùng để vẽ tranh; thước dùng để kẻ; kéo dùng để cắt giấy; hộp bút dùng để đựng bút.
- GV gọi HS trình bày kết quả bài tập 1.	- HS trình bày: Em thấy bút chì, bút màu, thước, kéo, hộp bút; các đồ vật giúp em học tập, vẽ, viết, cắt, kẻ.
- GV kết luận: Mỗi đồ dùng học tập có công dụng riêng; các em cần sử dụng đúng cách và giữ gìn cẩn thận.	- HS ghi nhớ: Em dùng đồ dùng đúng mục đích và cất gọn sau khi học.
3. Thực hành (21 phút) *Mục tiêu: HS viết được 3 - 4 câu tả một đồ dùng học tập.*	
- Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu tả một đồ dùng học tập của em. 	- HS đọc đề bài tập 2 và quan sát sơ đồ gợi ý để xác định cần viết về một đồ dùng học tập.
- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ gợi ý và trả lời: Em muốn giới thiệu đồ vật nào?	- HS trả lời: Em muốn giới thiệu chiếc bút chì, hộp bút, quyển vở hoặc cây thước của em.
- GV hỏi: Đồ vật đó có đặc điểm gì về hình dạng, màu sắc?	- HS trả lời: Chiếc bút chì của em màu vàng, thân dài, đầu bút nhọn.
- GV hỏi: Đồ vật đó giúp ích gì cho em trong học tập?	- HS trả lời: Bút chì giúp em viết bài, làm toán và vẽ tranh.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, viết 3 - 4 câu vào vở.	- HS viết: "Em có một chiếc bút chì màu vàng. Thân bút dài và đầu bút nhọn. Bút chì giúp em viết bài và vẽ tranh. Em luôn cất bút vào hộp sau khi học."

- GV gọi HS đọc bài viết trước lớp.	- HS đọc bài viết; HS khác nhận xét bạn viết đủ câu, đúng nội dung và dùng dấu câu phù hợp.
- GV sửa lỗi dùng từ, dấu câu và cách diễn đạt cho HS.	- HS sửa bài vào vở theo góp ý của GV.
- GV kết luận: Đoạn văn tả đồ dùng học tập cần giới thiệu tên đồ vật, đặc điểm, công dụng và cảm nghĩ của em.	- HS ghi nhớ cách viết đoạn tả đồ dùng học tập.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố ý thức giữ gìn đồ dùng học tập.*	
- GV yêu cầu HS nêu một việc sẽ làm để giữ gìn đồ dùng học tập.	- HS trả lời: Em sẽ cất bút vào hộp, bọc vở, không làm rơi thước và không làm bẩn sách.
TIẾT 6	
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Kết nối với hoạt động đọc mở rộng.*	
- GV hỏi: Tuần qua em đã đọc câu chuyện hoặc cuốn sách nào?	- HS trả lời: Em đã đọc truyện Cái Tết của mèo con, Dế Mèn phiêu lưu kí hoặc một câu chuyện thiếu nhi khác.
2. Khám phá kiến thức (12 phút) *Mục tiêu: HS đọc hiểu mẫu phiếu đọc sách và biết ghi thông tin chính.*	
- Bài tập 1: Cho biết phiếu đọc sách dưới đây của bạn Nam có những nội dung gì. ĐỌC MỞ RỘNG 1. Cho biết phiếu đọc sách dưới đây của bạn Nam có những nội dung gì. PHIẾU ĐỌC SÁCH Ngày: 18/10/2020 Tên sách: Cái Tết của mèo con Tên tác giả: Nguyễn Đình Thi Điều em thích nhất: Mèo con rất dũng cảm. 2. Ghi chép các thông tin về cuốn sách mà em đã đọc vào phiếu đọc sách theo mẫu (làm vào vở). PHIẾU ĐỌC SÁCH Ngày: (...) Tên sách: (...) Tên tác giả: (...) Điều em thích nhất: (...) 3. Nói về điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc.	- HS đọc đề bài tập 1 và quan sát phiếu đọc sách mẫu.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, đọc phiếu mẫu và tìm các thông tin có trong phiếu.	- HS thảo luận nhóm 2 và nêu: Phiếu có ngày đọc, tên sách, tên tác giả và điều em thích nhất.
- GV gọi HS trình bày kết quả bài tập 1.	- HS trình bày: Phiếu của bạn Nam ghi ngày 18/10/2020, tên sách Cái Tết của mèo con, tác giả Nguyễn Đình Thi và điều thích nhất là Mèo con rất dũng cảm.
- GV kết luận: Phiếu đọc sách giúp các em ghi nhớ thông tin quan trọng của cuốn sách đã đọc.	- HS ghi nhớ các mục cần ghi trong phiếu đọc sách.

3. Thực hành (17 phút) *Mục tiêu: HS ghi phiếu đọc sách và chia sẻ điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc.*	
- Bài tập 2: Ghi chép các thông tin về cuốn sách mà em đã đọc vào phiếu đọc sách theo mẫu.	- HS đọc đề bài tập 2 và chuẩn bị thông tin về cuốn sách đã đọc.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, ghi phiếu đọc sách vào vở hoặc phiếu học tập.	- HS ghi: Ngày: 07/6/2026; Tên sách: Dế Mèn phiêu lưu kí; Tác giả: Tô Hoài; Điều em thích nhất: Dế Mèn biết nhận lỗi và giúp bạn.
- GV gọi HS trình bày phiếu đọc sách.	- HS trình bày phiếu; HS khác nhận xét bạn ghi đủ ngày, tên sách, tác giả và điều yêu thích.
- Bài tập 3: Nói về điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc.	- HS đọc đề bài tập 3 và chuẩn bị chia sẻ.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, mỗi bạn nói một điều em thích nhất trong cuốn sách đã đọc.	- HS nói trong nhóm 4: Em thích nhân vật Dế Mèn vì biết sửa lỗi; em thích Mèo con vì rất dũng cảm.
- GV gọi một số HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ rõ tên sách, nhân vật hoặc chi tiết em thích nhất trong sách.
- GV kết luận: Đọc mở rộng giúp các em biết thêm nhiều câu chuyện hay và biết chia sẻ điều bổ ích với bạn bè.	- HS ghi nhớ: Em cần đọc sách thường xuyên và ghi lại điều em thích trong phiếu đọc sách.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Hình thành thói quen đọc sách ở nhà.*	
- GV dặn HS về nhà đọc thêm một câu chuyện và ghi lại tên sách, tác giả, điều em thích nhất.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 9
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT 1 - 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng đọc đúng, đọc rõ ràng, ngắt nghỉ hơi hợp lí khi đọc các văn bản đã học.
- Hiểu và nêu được nội dung, ý nghĩa chính của từng văn bản đọc; xác định được nhân vật, chi tiết, sự việc và cảm xúc của người kể chuyện.
- Ghép được tên bài đọc với nội dung phù hợp; chọn đọc một bài và trả lời được câu hỏi về bài đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động chuẩn bị bài, tự rèn đọc và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe, góp ý cho bạn khi đọc và trả lời câu hỏi.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách đọc phù hợp với nội dung từng văn bản.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc lại các bài đã học và tham gia hoạt động ôn tập.
- Trách nhiệm: biết hợp tác, hỗ trợ bạn và thực hiện nhiệm vụ trong nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ tên bài, phiếu bốc thăm.

- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 ***Mục tiêu:*** *Ôn tên bài đọc và nội dung chính của các văn bản đã học.*	
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Tạo hứng thú, gợi nhớ các bài đọc đã học.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên các bài đọc đã học từ tuần 1 đến tuần 8.	- HS nêu: Tôi là học sinh lớp 2; Niềm vui của Bi và Bống; Một giờ học; Cái trống trường em; Cuốn sách của em.
- GV hỏi: Em nhớ nhất điều gì trong một bài đọc đã học?	- HS trả lời cụ thể: Em nhớ bạn nhỏ trong bài Tôi là học sinh lớp 2 rất háo hức trong ngày khai trường.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em ôn tập giữa học kì I bằng cách ghép tên bài với nội dung và đọc lại một bài em thích.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Ôn tập giữa học kì I.
2. Thực hành (28 phút) ***Mục tiêu:*** *Ghép được tên bài đọc với nội dung phù hợp.*	
- **Bài tập 1:** Tìm tên bài đọc tương ứng với nội dung của bài. **Tiết 1 – 2** **1.** Tìm tên bài đọc tương ứng với nội dung của bài. 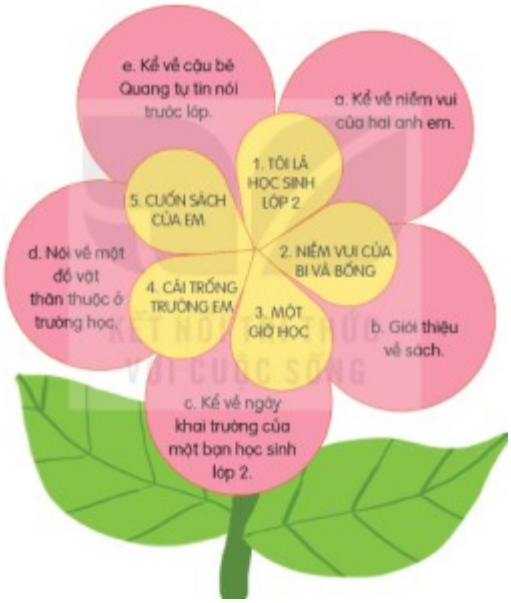 	- HS đọc thầm đề bài và xác định nhiệm vụ là ghép tên bài với nội dung.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm tên bài đọc tương ứng với nội dung của bài.
- GV hướng dẫn HS quan sát hình bông hoa, phân biệt phần nhụy màu vàng là tên bài và cánh hoa màu hồng là nội dung bài.	- HS quan sát và nêu: Phần màu vàng là tên bài; phần màu hồng là nội dung bài.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, ghép từng tên bài đọc với nội dung phù hợp.	- HS thảo luận nhóm 4, đọc từng nội dung và ghép với tên bài đã học.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả.	- HS trình bày: Tôi là học sinh lớp 2 - kể về ngày khai trường của một bạn học sinh lớp 2; Niềm vui của Bi và Bống - kể về niềm vui của hai anh

	em; Một giờ học - kể về cậu bé Quang tự tin nói trước lớp; Cái trống trường em - nói về một đồ vật thân thuộc ở trường học; Cuốn sách của em - giới thiệu về sách.
- GV nhận xét, sửa bài và tuyên dương nhóm ghép đúng, nói rõ ràng.	- HS sửa bài, ghi nhớ nội dung chính của từng bài đọc.
- GV kết luận: Khi nhớ tên bài và nội dung chính, các em sẽ đọc hiểu tốt hơn và ôn tập có hệ thống hơn.	- HS nhắc lại: Em cần nhớ tên bài đọc và nội dung chính của bài.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Củng cố nhanh nội dung đã ôn.*	
- GV yêu cầu HS chọn một bài đọc yêu thích và nói một câu về bài đó.	- HS nêu: Em thích bài Niềm vui của Bi và Bống vì hai anh em biết yêu thương nhau.
TIẾT 2 ***Mục tiêu:*** *Chọn đọc một bài và trả lời câu hỏi về bài đọc.*	
1. Khởi động (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Ổn định lớp, kết nối với tiết ôn đọc.*	
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Ai nhớ tên bài?	- HS nêu nhanh tên một bài đọc đã học khi được gọi.
- GV nhận xét và chuyển vào hoạt động chọn đọc.	- HS chuẩn bị SGK, đọc thầm các phiếu câu hỏi.
2. Thực hành (30 phút) ***Mục tiêu:*** *Đọc được một bài đã học và trả lời câu hỏi cụ thể.*	
- **Bài tập 2:** Chọn đọc một bài và trả lời câu hỏi. 	- HS đọc đề bài và chuẩn bị chọn một bài đọc.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Chọn đọc một bài và trả lời câu hỏi.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 3, mỗi bạn chọn một bài trong phiếu và đọc lại đoạn cần trả lời.	- HS làm việc nhóm 3, đọc lại bài và thống nhất câu trả lời.

- GV gọi từng nhóm bốc thăm, đọc bài và trả lời câu hỏi trong phiếu.	- HS bốc thăm và trả lời: Tôi là học sinh lớp 2: các bạn muốn đến trường sớm vì háo hức gặp thầy cô, bạn bè; Niềm vui của Bi và Bống: hai anh em vẽ cho nhau vì biết yêu thương nhau; Em có xinh không?: voi em thấy mình xinh nhất khi là chính mình; Cầu thủ dự bị: theo gấu, cầu thủ dự bị là người chơi được cho cả hai đội; Cô giáo lớp em: em thích khổ thơ thứ hai vì tả cô giáo rất dịu dàng; Cái trống trường em: trống buồn vì nhớ học sinh.
- GV yêu cầu HS khác nhận xét giọng đọc và nội dung câu trả lời của bạn.	- HS nhận xét: Bạn đọc rõ, trả lời đúng ý; bạn cần đọc chậm hơn ở câu dài.
- GV kết luận: Khi trả lời câu hỏi đọc hiểu, các em cần đọc kĩ bài, tìm chi tiết đúng và nói thành câu đầy đủ.	- HS nhắc lại: Em cần đọc kĩ bài, tìm chi tiết và trả lời đủ ý.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Giao nhiệm vụ luyện đọc ở nhà.*	
- GV dặn HS về nhà đọc lại một bài yêu thích cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chọn bài sẽ đọc ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 9
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT 3 - 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng 2 khổ thơ đầu của bài Cô giáo lớp em; trình bày đúng hình thức thơ.
- Phân biệt được ch/tr, an/ang; viết đúng tên đồ vật trong tranh và hỏi - đáp được về công dụng đồ vật.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: biết nghe kĩ, soát lỗi và tự sửa lỗi chính tả.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm khi đoán từ, hỏi - đáp về đồ vật.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: viết bài cẩn thận, giữ vở sạch và biết sử dụng đồ vật đúng mục đích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng phụ đoạn chính tả, tranh/câu bài tập SGK, phiếu nhóm.
- HS: SGK, vở ô li, bảng con, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 3 ***Mục tiêu:*** *Nghe - viết chính tả và phân biệt ch/tr, an/ang.*	
1. Khởi động (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Tạo hứng thú và kết nối với bài chính tả.*	
- GV cho HS hát một đoạn ngắn về thầy cô hoặc trường lớp.	- HS hát và ổn định tư thế học tập.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em nghe - viết 2 khổ thơ đầu của bài Cô giáo lớp em và chơi trò	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở chính tả.

chơi đoán từ.	
2. Khám phá kiến thức (20 phút) ***Mục tiêu:*** *Nghe - viết đúng đoạn thơ, trình bày sạch đẹp.*	
- **Bài tập 3:** Nghe - viết: Cô giáo lớp em (2 khổ thơ đầu). **Tiết 3 – 4** **3.** Nghe – viết: *Cô giáo lớp em* (2 khổ thơ đầu). **4.** Trò chơi: Đoán từ a. Bắt đầu bằng tr / Đồ vật ở trường / Dùng để báo giờ học b. Bắt đầu bằng ch / Đồ vật trong nhà / Dùng để quét nhà c. Chứa vần ang / Đồ vật trong lớp / Dùng để viết chữ lên đó d. Chứa vần an / Đồ vật ở góc học tập / Dùng để bày sách vở **5.** Viết tên đồ vật trong mỗi hình. **6.** Hỏi – đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5. M: – Kéo dùng để làm gì? – Kéo dùng để cắt giấy, cắt vải...	- HS đọc đề bài và xác định đoạn cần viết.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Nghe - viết: Cô giáo lớp em (2 khổ thơ đầu).
- GV đọc mẫu 2 khổ thơ đầu, hướng dẫn HS nêu nội dung đoạn viết.	- HS nêu: Đoạn thơ thể hiện tình cảm yêu quý của học sinh đối với cô giáo.
- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày bài thơ: viết hoa đầu dòng, lùi vào 3 ô li, cách 1 dòng giữa các khổ thơ.	- HS nêu: Em viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ, lùi vào 3 ô li và cách 1 dòng giữa hai khổ thơ.
- GV cho HS viết bảng con các từ dễ sai: lớp, thoảng, ghé, cô giáo.	- HS viết bảng con: lớp, thoảng, ghé, cô giáo và sửa lỗi nếu có.
- GV đọc từng dòng thơ với tốc độ vừa phải cho HS viết vào vở.	- HS nghe - viết vào vở, ngồi đúng tư thế và trình bày sạch đẹp.
- GV đọc lại đoạn viết để HS soát lỗi.	- HS soát lỗi lần 1, đổi vở soát lỗi lần 2 và gạch chân chữ viết sai bằng bút chì.
- GV nhận xét nhanh một số vở và nêu lỗi cần sửa.	- HS sửa lỗi chính tả trong vở.
3. Thực hành (10 phút) ***Mục tiêu:*** *Luyện phân biệt ch/tr, an/ang qua trò chơi đoán từ.*	
- **Bài tập 4:** Trò chơi: Đoán từ.	- HS đọc đề bài và quan sát các gợi ý trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Trò chơi: Đoán từ.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, đọc lần lượt từng gợi ý và ghi đáp án vào bảng con.	- HS thảo luận nhóm 4, ghi đáp án: trống, chổi, bảng, bàn.
- GV gọi các nhóm giơ bảng và trình bày cách	- HS trình bày: Bắt đầu bằng tr, đồ vật ở trường,

đoán từ.	dùng để báo giờ học là trống; bắt đầu bằng ch, đồ vật trong nhà, dùng để quét nhà là chổi; chứa vần ang, đồ vật trong lớp, dùng để viết chữ lên đó là bảng; chứa vần an, đồ vật ở góc học tập, dùng để bày sách vở là bàn.
- GV kết luận: Muốn làm đúng bài chính tả, các em cần đọc kĩ gợi ý, chú ý âm đầu và vần.	- HS sửa bài và đọc lại các từ đúng.
4. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Củng cố cách soát lỗi chính tả.*	
- GV dặn HS về nhà đọc lại đoạn chính tả và sửa các lỗi đã đánh dấu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ sửa lỗi chính tả ở nhà.
TIẾT 4 ***Mục tiêu:*** *Mở rộng vốn từ về đồ vật và hỏi - đáp về công dụng đồ vật.*	
1. Khởi động (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Tạo hứng thú bằng câu đố đồ vật.*	
- GV đọc câu đố: Vật gì có hai lưỡi, dùng để cắt giấy?	- HS trả lời: Cái kéo.
- GV dẫn vào hoạt động viết tên đồ vật và hỏi - đáp công dụng.	- HS lắng nghe, quan sát tranh SGK.
2. Thực hành (30 phút) ***Mục tiêu:*** *Viết được tên đồ vật trong tranh và hỏi - đáp về công dụng của chúng.*	
- **Bài tập 5:** Viết tên đồ vật trong mỗi hình. Tiết 3 – 4 3. Nghe – viết: *Cô giáo lớp em* (2 khổ thơ đầu). 4. Trò chơi: Đoán từ a. Bắt đầu bằng tr / Đồ vật ở trường / Dùng để báo giờ học b. Bắt đầu bằng ch / Đồ vật trong nhà / Dùng để quét nhà c. Chứa vần ang / Đồ vật trong lớp / Dùng để viết chữ lên đó d. Chứa vần an / Đồ vật ở góc học tập / Dùng để bày sách vở 5. Viết tên đồ vật trong mỗi hình. 6. Hỏi – đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5. M: – Kéo dùng để làm gì? – Kéo dùng để cắt giấy, cắt vải...	- HS đọc đề bài và quan sát tranh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết tên đồ vật trong mỗi hình.
- GV hướng dẫn HS quan sát từng hình từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.	- HS quan sát và gọi tên từng đồ vật.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, viết tên đồ vật vào vở.	- HS viết vào vở: cái kéo, khăn mặt, đồng hồ, cái thìa, hộp bút màu, cái đĩa.

- GV gọi HS trình bày kết quả.	- HS trình bày đúng tên đồ vật và sửa bài theo nhận xét của GV.
- **Bài tập 6:** Hỏi - đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5.	- HS đọc đề bài và chuẩn bị hỏi - đáp theo mẫu.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Hỏi - đáp về công dụng của từng đồ vật ở bài tập 5.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 2, một bạn hỏi và một bạn đáp về công dụng từng đồ vật.	- HS thực hành hỏi - đáp: Kéo dùng để làm gì? Kéo dùng để cắt giấy, cắt vải; Khăn mặt dùng để làm gì? Khăn mặt dùng để lau mặt; Đồng hồ dùng để làm gì? Đồng hồ dùng để xem giờ; Thìa dùng để làm gì? Thìa dùng để xúc thức ăn; Hộp bút màu dùng để làm gì? Hộp bút màu dùng để tô màu; Đĩa dùng để làm gì? Đĩa dùng để đựng thức ăn.
- GV gọi một số cặp trình bày trước lớp.	- HS trình bày theo cặp, nói rõ ràng, đúng công dụng đồ vật.
- GV kết luận: Mỗi đồ vật có tên gọi và công dụng riêng; các em cần dùng đúng cách và giữ gìn cẩn thận.	- HS nhắc lại: Em cần dùng đồ vật đúng công dụng và giữ gìn đồ vật.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Liên hệ giữ gìn đồ dùng học tập, đồ dùng gia đình.*	
- GV hỏi: Em cần làm gì để giữ gìn đồ dùng học tập và đồ dùng trong gia đình?	- HS trả lời: Em cất đồ đúng nơi, không làm rơi vỡ, không vẽ bậy và lau chùi khi đồ bị bẩn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 9
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT 5 - 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói và đáp lời phù hợp trong các tình huống nhờ, khen, chúc mừng, an ủi.
- Nhận biết được câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm; chọn đúng dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: biết đóng vai, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn lời nói phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết nói lời thân thiện, động viên, chia sẻ với bạn.
- Trách nhiệm: hợp tác với bạn khi đóng vai và làm bài tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh/câu bài tập SGK, phiếu nhóm, thẻ tình huống.
- HS: SGK, vở ô li, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5 ***Mục tiêu:*** *Rèn kĩ năng nói và đáp lời trong tình huống giao tiếp.*	
1. Khởi động (5 phút)	

Mục tiêu: *Tạo hứng thú bằng trò chơi vận động ngắn.*	
- GV tổ chức trò chơi "Mưa rơi" và nêu cách chơi.	- HS tham gia trò chơi, thực hiện động tác theo hiệu lệnh mưa nhỏ, mưa vừa, mưa to.
- GV nhận xét và giới thiệu hoạt động đóng vai, nói và đáp lời.	- HS lắng nghe, chuẩn bị làm việc theo cặp.
2. Thực hành (28 phút) ***Mục tiêu:*** *Biết nói và đáp lời nhờ, khen, chúc mừng, an ủi phù hợp tình huống.*	
- **Bài tập 8:** Đóng vai, nói và đáp lời trong các tình huống. 7. Ghép các từ ngữ để tạo 4 câu nêu đặc điểm. đôi mắt của bé / những vì sao / cầu vồng / tóc bà lấp lánh trong đêm / to tròn, đen láy / đã bạc / rực rỡ sau cơn mưa Tiết 5 – 6 8. Đóng vai, nói và đáp lời trong các tình huống sau: a. Nhờ bạn nhặt giúp cái bút bị rơi. b. Khen bạn viết chữ đẹp. c. An ủi bạn khi bạn bị ốm nên phải nghỉ học. d. Chúc mừng sinh nhật bạn. 9. Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B? A / B Bác An là nông dân. / Câu nêu đặc điểm Bác đang gặt lúa. / Câu nêu hoạt động Bác rất chăm chỉ và cẩn thận. / Câu giới thiệu 10. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông. Ăn gì trước? Hai anh em vừa ăn bánh quy vừa trò chuyện: *Anh:* – Nếu cái bánh này hình chiếc ô tô, em sẽ ăn phần nào trước? *Em:* – Em sẽ ăn bốn cái bánh xe ạ!	- HS đọc đề bài và các tình huống trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Đóng vai, nói và đáp lời trong các tình huống.
- GV hướng dẫn một cặp HS làm mẫu tình huống nhờ bạn nhặt giúp cái bút bị rơi.	- HS đóng vai mẫu: Bạn nhặt giúp tớ cái bút được không? - Ừ, tớ nhặt giúp cậu ngay.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2, chọn lời nói và lời đáp phù hợp cho từng tình huống.	- HS thảo luận nhóm 2 và luyện nói đáp theo từng tình huống.
- GV gọi một số cặp trình bày tình huống khen bạn viết chữ đẹp.	- HS trình bày: Chữ của bạn đẹp quá! - Cảm ơn bạn, mình sẽ cố gắng viết đẹp hơn.
- GV gọi một số cặp trình bày tình huống an ủi bạn khi bạn bị ốm phải nghỉ học.	- HS trình bày: Bạn cố gắng nghỉ ngơi cho khỏe nhé! - Cảm ơn bạn, mình sẽ cố gắng mau khỏe để đi học.
- GV gọi một số cặp trình bày tình huống chúc mừng sinh nhật bạn.	- HS trình bày: Chúc mừng sinh nhật bạn, chúc bạn luôn vui vẻ! - Cảm ơn bạn rất nhiều.
- GV kết luận: Khi nói lời nhờ, khen, chúc mừng, an ủi, các em cần nói nhẹ nhàng, lễ phép và đáp lại bằng lời cảm ơn hoặc lời phù hợp.	- HS nhắc lại: Em nói lời lịch sự, thân thiện và biết cảm ơn khi nhận lời tốt đẹp.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Liên hệ lời nói thân thiện trong đời sống.*	
- GV yêu cầu HS nói một lời khen dành cho bạn	- HS nói: Bạn đọc bài rõ ràng; Bạn viết chữ cẩn

bên cạnh.	thận; Bạn rất chăm chỉ.
TIẾT 6 ***Mục tiêu:*** *Ôn kiểu câu và dấu câu.*	
1. Khởi động (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Gợi nhớ các kiểu câu đã học.*	
- GV hỏi: Các em đã học những kiểu câu nào?	- HS trả lời: Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm.
- GV nhận xét và dẫn vào bài tập nhận biết kiểu câu.	- HS chuẩn bị bảng con, vở ô li.
2. Thực hành (30 phút) ***Mục tiêu:*** *Xác định được kiểu câu và chọn đúng dấu câu.*	
- **Bài tập 9:** Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B? 7. Ghép các từ ngữ để tạo 4 câu nêu đặc điểm. đôi mắt của bé / những vì sao / cầu vồng / tóc bà / lấp lánh trong đêm / to tròn, đen láy / đã bạc / rực rỡ sau con mưa Tiết 5 – 6 8. Đóng vai, nói và đáp lời trong các tình huống sau: a. Nhờ bạn nhặt giúp cái bút bị rơi. b. Khen bạn viết chữ đẹp. c. An ủi bạn khi bạn bị ốm nên phải nghỉ học. d. Chúc mừng sinh nhật bạn. 9. Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B? A / B Bác An là nông dân. – Câu nêu đặc điểm Bác đang gặt lúa. – Câu nêu hoạt động Bác rất chăm chỉ và cẩn thận. – Câu giới thiệu 10. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu chấm hỏi* thay cho ô vuông. Ăn gì trước? Hai anh em vừa ăn bánh quy vừa trò chuyện: *Anh:* – Nếu cái bánh này hình chiếc ô tô, em sẽ ăn phần nào trước ■ *Em:* – Em sẽ ăn bốn cái bánh xe ạ ■	- HS đọc đề bài và quan sát hai cột A, B.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Mỗi câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?
- GV hướng dẫn HS đọc từng câu ở cột A và nhớ lại đặc điểm của từng kiểu câu.	- HS nêu: Câu giới thiệu thường có từ là; câu nêu hoạt động có từ chỉ hoạt động; câu nêu đặc điểm có từ chỉ đặc điểm.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, nối từng câu ở cột A với kiểu câu ở cột B.	- HS thảo luận nhóm 4 và nối: Bác An là nông dân - câu giới thiệu; Bác đang gặt lúa - câu nêu hoạt động; Bác rất chăm chỉ và cẩn thận - câu nêu đặc điểm.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày và giải thích.	- HS trình bày: Câu Bác An là nông dân có từ là nên là câu giới thiệu; câu Bác đang gặt lúa có từ đang gặt nên là câu nêu hoạt động; câu Bác rất chăm chỉ và cẩn thận có từ chăm chỉ, cẩn thận nên là câu nêu đặc điểm.
- GV kết luận: Muốn xác định kiểu câu, các em	- HS sửa bài và đọc lại các kiểu câu.

cần đọc kĩ từ ngữ trong câu và xác định câu giới thiệu, hoạt động hay đặc điểm.	
- **Bài tập 10:** Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.	- HS đọc đề bài và đọc thầm câu chuyện Ăn gì trước?
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Chọn dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thay cho ô vuông.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2, đọc từng câu và xác định câu hỏi thì dùng dấu chấm hỏi, câu kể thì dùng dấu chấm.	- HS thảo luận nhóm 2 và điền: Nếu cái bánh này hình chiếc ô tô, em sẽ ăn phần nào trước? Em sẽ ăn bốn cái bánh xe ạ. Tại sao vậy? Em phải ăn bánh xe trước để cái xe không chạy được nữa. Nếu ăn các bộ phận khác, anh nghĩ cái xe chịu đứng yên cho em ăn nó hay sao?
- GV gọi HS đọc lại đoạn đã điền dấu.	- HS đọc lại đoạn văn, ngắt nghỉ đúng sau dấu chấm và dấu chấm hỏi.
- GV kết luận: Dấu chấm dùng để kết thúc câu kể; dấu chấm hỏi dùng để kết thúc câu hỏi.	- HS nhắc lại quy tắc dùng dấu chấm và dấu chấm hỏi.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Củng cố kiểu câu và dấu câu.*	
- GV yêu cầu HS đặt một câu giới thiệu về người thân.	- HS đặt câu: Mẹ em là giáo viên; Bố em là công nhân; Anh em là học sinh.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 9
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT 7 - 8

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhìn tranh, nói đúng tên câu chuyện đã học và chọn kể một câu chuyện em thích.
- Hỏi - đáp được về nhân vật, nội dung, chi tiết và ý nghĩa câu chuyện vừa kể.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: biết kể chuyện, nghe bạn kể và đặt câu hỏi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn cách kể phù hợp, diễn đạt tự nhiên.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết rút ra bài học yêu thương, chăm chỉ, tự tin từ các câu chuyện.
- Trách nhiệm: chuẩn bị câu chuyện và tham gia nhóm tích cực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa các câu chuyện, thẻ câu hỏi, phiếu nhận xét.
- HS: SGK, nội dung câu chuyện đã học.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 7 ***Mục tiêu:*** *Nhìn tranh, nói tên câu chuyện và kể một câu chuyện em thích.*	
1. Khởi động (5 phút) ***Mục tiêu:*** *Gợi nhớ tên các câu chuyện đã học.*	
- GV tổ chức trò chơi Truyền điện: Thi nói tên các câu chuyện đã học.	- HS nối tiếp nêu: Chú đỗ con; Cậu bé ham học; Niềm vui của Bi và Bống; Em có xinh không?

- GV kiểm tra sự chuẩn bị câu chuyện của HS.	- HS báo cáo câu chuyện mình đã chuẩn bị kể.
2. Thực hành (28 phút) ***Mục tiêu:*** *Kể được một câu chuyện theo tranh bằng lời của mình.*	
- **Bài tập 11:** Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích. Tiết 7 – 8 11. Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích. 12. Cùng bạn hỏi – đáp về những câu chuyện em và bạn vừa kể.	- HS đọc đề bài và quan sát bốn tranh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích.
- GV hướng dẫn HS quan sát từng tranh, nhớ lại tên câu chuyện tương ứng.	- HS nêu: Tranh 1 là Chú đỗ con; tranh 2 là Cậu bé ham học; tranh 3 là Niềm vui của Bi và Bống; tranh 4 là Em có xinh không?
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, mỗi bạn chọn một câu chuyện để tập kể.	- HS tập kể trong nhóm 4, kể theo tranh hoặc kể theo diễn biến câu chuyện đã học.
- GV gọi đại diện nhóm kể trước lớp.	- HS kể một câu chuyện em thích, nói rõ nhân vật, sự việc chính và kết thúc câu chuyện.
- GV yêu cầu cả lớp nhận xét theo tiêu chí: kể đúng nội dung, giọng kể rõ, biết nhìn người nghe.	- HS nhận xét: Bạn kể đúng nội dung, giọng rõ; bạn cần kể chậm hơn ở đoạn cuối.
- GV kết luận: Khi kể chuyện, các em cần nhớ sự việc chính, kể theo trình tự và dùng lời kể tự nhiên của mình.	- HS nhắc lại: Em cần kể đúng trình tự, rõ nhân vật và sự việc.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Chọn câu chuyện kể cho người thân.*	
- GV dặn HS chọn một câu chuyện để kể lại cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ và chọn câu chuyện sẽ kể ở nhà.
TIẾT 8 ***Mục tiêu:*** *Hỏi - đáp về câu chuyện em và bạn vừa kể.*	
1. Khởi động (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Kết nối với hoạt động kể chuyện ở tiết trước.*	
- GV mời một HS nhắc lại tên câu chuyện bạn vừa kể ở tiết trước.	- HS nêu tên câu chuyện và nhân vật chính.
- GV giới thiệu hoạt động hỏi - đáp về câu chuyện.	- HS chuẩn bị làm việc theo cặp.

2. Thực hành (30 phút) ***Mục tiêu:*** *Biết đặt câu hỏi và trả lời về nhân vật, nội dung câu chuyện.*	
- **Bài tập 12:** Cùng bạn hỏi - đáp về những câu chuyện em và bạn vừa kể. Tiết 7 – 8 11. Nhìn tranh và nói tên câu chuyện. Chọn kể một câu chuyện em thích. 12. Cùng bạn hỏi – đáp về những câu chuyện em và bạn vừa kể.	- HS đọc đề bài và quan sát gợi ý trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Cùng bạn hỏi - đáp về những câu chuyện em và bạn vừa kể.
- GV hướng dẫn HS hỏi - đáp theo cặp, một bạn hỏi và một bạn trả lời rồi đổi vai.	- HS hỏi - đáp: Câu chuyện Niềm vui của Bi và Bống có mấy nhân vật? - Có hai nhân vật là Bi và Bống; Bạn thích nhân vật nào? - Tớ thích Bi vì Bi biết nghĩ cho em.
- GV gợi ý thêm câu hỏi về ý nghĩa câu chuyện.	- HS trả lời: Câu chuyện nhắc em biết yêu thương anh chị em, bạn bè và biết chia sẻ niềm vui với người khác.
- GV gọi một số cặp trình bày trước lớp.	- HS trình bày cặp đôi, hỏi rõ ràng và trả lời đủ ý.
- GV kết luận: Hỏi - đáp về câu chuyện giúp các em hiểu nội dung sâu hơn và biết rút ra bài học cho bản thân.	- HS nhắc lại bài học từ một câu chuyện đã kể.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Giao nhiệm vụ kể chuyện ở nhà.*	
- GV khuyến khích HS kể lại câu chuyện cho người thân và hỏi người thân thích nhân vật nào.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 9
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT 9 - 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng câu chuyện Câu chuyện bó đũa; trả lời được các câu hỏi về nội dung, nhân vật và ý nghĩa câu chuyện.
- Tìm được từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động; viết được 3 - 4 câu giới thiệu về một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: đọc thầm văn bản, tự làm bài và tự sửa lỗi.

- Giao tiếp và hợp tác: biết thảo luận nhóm, trình bày và góp ý cho bạn.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, đoàn kết với anh chị em, bạn bè.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn đồ chơi, đồ dùng trong gia đình.

4. Tích hợp:

- Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giúp học sinh hiểu được giá trị của sự đoàn kết, yêu thương giữa anh em, bạn bè, từ đó hình thành thói quen biết hợp tác, giúp đỡ và sống chan hòa với mọi người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh/câu bài tập SGK, phiếu đọc hiểu, phiếu viết đoạn.
- HS: SGK, vở ô li, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">TIẾT 9
Mục tiêu: Đọc câu chuyện, trả lời câu hỏi và ôn từ chỉ sự vật, hoạt động.</td></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động (3 phút)
Mục tiêu: Tạo hứng thú và kết nối với chủ đề đoàn kết.</td></tr>
<tr><td>- GV yêu cầu HS quan sát một bó đũa và một chiếc đũa, dự đoán bài học nói về điều gì.</td><td>- HS dự đoán: Bài học nói về bó đũa, sự đoàn kết hoặc tình cảm anh em.</td></tr>
<tr><td>- GV giới thiệu bài: Các em sẽ đọc Câu chuyện bó đũa để hiểu lời khuyên của người cha.</td><td>- HS lắng nghe, mở SGK phần Tiết 9 - 10.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Thực hành (30 phút)
Mục tiêu: Đọc hiểu câu chuyện và rút ra bài học về đoàn kết.</td></tr>
<tr><td>- Bài tập 13: Đọc câu chuyện Câu chuyện bó đũa và trả lời câu hỏi.

Tiết 9 – 10
13. Đọc câu chuyện sau:
CÂU CHUYỆN BÓ ĐŨA
Ngày xưa, ở một gia đình kia, có hai anh em. Lúc nhỏ, anh em rất hoà thuận. Khi lớn lên, anh có vợ, em có chồng. Tuy mỗi người một nhà nhưng vẫn hay va chạm.
Thấy các con không yêu thương nhau, người cha rất buồn phiền. Một hôm, ông đặt một bó đũa và một túi tiền lên một bàn rồi gọi các con lại và bảo:
– Ai bẻ gãy được bó đũa này thì cha thưởng cho túi tiền.
Bốn người con lần lượt bẻ bó đũa. Ai cũng cố hết sức mà không sao bẻ gãy được.
Người cha bèn cởi bó đũa ra, rồi thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng. Thấy vậy, bốn người con cùng nói:
– Thưa cha, lấy từng chiếc mà bẻ thì có khó gì!
Người cha liền bảo:
– Đúng. Như thế là các con đều thấy rằng chia lẻ ra thì yếu, hợp lại thì mạnh. Vậy các con phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Có đoàn kết thì mới có sức mạnh.
(Theo Ngụ ngôn Việt Nam)</td><td>- HS đọc đề bài, quan sát tranh và chuẩn bị đọc thầm câu chuyện.</td></tr>
<tr><td>- GV yêu cầu HS đọc đề bài.</td><td>- HS đọc: Đọc câu chuyện sau: Câu chuyện bó đũa.</td></tr>
<tr><td>- GV hướng dẫn HS đọc thầm câu chuyện, chú ý nhân vật người cha và bốn người con.</td><td>- HS đọc thầm câu chuyện, xác định nhân vật là người cha và bốn người con.</td></tr>
</table>

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em như thế nào?	- HS trả lời: Khi lớn lên, anh em không hòa thuận.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo các con?	- HS trả lời: Người cha đặt bó đũa và túi tiền lên bàn rồi yêu cầu các con bẻ bó đũa.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó đũa?	- HS trả lời: Bốn người con không bẻ gãy được bó đũa vì bó đũa có nhiều chiếc chụm lại nên rất chắc.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách nào?	- HS trả lời: Người cha cởi bó đũa ra, thong thả bẻ gãy từng chiếc một cách dễ dàng.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Người cha muốn khuyên các con điều gì?	- HS trả lời: Người cha muốn khuyên các con phải yêu thương, đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau.
- GV nêu câu hỏi dẫn tích hợp: Theo em, qua Câu chuyện bó đũa, người cha muốn dạy các con điều gì trong cuộc sống?	- HS trả lời: Người cha muốn dạy các con biết đoàn kết, yêu thương và giúp đỡ nhau.
- Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Câu chuyện cho thấy một người đứng riêng lẻ có thể yếu, nhưng nhiều người biết đoàn kết, yêu thương và cùng cố gắng thì sẽ tạo nên sức mạnh. Ở lớp, khi các em biết hợp tác, nhường nhịn, giúp bạn học chậm, chia sẻ đồ dùng và không chê cười bạn, lớp học sẽ vui vẻ, mọi việc sẽ dễ hoàn thành hơn. Trong gia đình, anh chị em biết yêu thương, đùm bọc và nhường nhịn nhau sẽ làm cho gia đình ấm áp, hạnh phúc.	- HS lắng nghe và nêu việc làm: Em giúp bạn khi bạn chưa hiểu bài, không tranh cãi với anh chị em, biết nhường nhịn và cùng làm việc nhóm.
- GV kết luận nội dung tích hợp: Đoàn kết là sức mạnh giúp chúng ta vượt qua khó khăn trong học tập và cuộc sống.	- HS nhắc lại: Em cần đoàn kết, yêu thương và giúp đỡ mọi người.
- GV yêu cầu HS làm phần nối từ ở cột A với nghĩa ở cột B. Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu. a. Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em như thế nào? ☒ hoà thuận ☒ không thay đổi ☒ không hoà thuận b. Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo các con? c. Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó đũa? d. Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách nào? e. Người cha muốn khuyên các con điều gì? g. Tìm từ ngữ ở cột A phù hợp với nghĩa của nó ở cột B. A B hoà thuận — buồn và lo nghĩ, không yên lòng yêu thương — êm ấm, không có xích mích buồn phiền — có tình cảm gắn bó tha thiết, quan tâm, chăm sóc hết lòng h. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp. nhổ đặt bó đũa bẻ nói đứt Từ ngữ chỉ sự vật Từ chỉ hoạt động 14. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình. G: – Đồ vật em muốn giới thiệu là gì? – Đồ vật đó từ đâu mà có? – Em có suy nghĩ gì về ích lợi của đồ vật đó?	- HS nối đúng: hòa thuận - êm ấm, không có xích mích; yêu thương - có tình cảm gắn bó tha thiết, quan tâm, chăm sóc hết lòng; buồn phiền - buồn và lo nghĩ, không yên lòng.

- GV yêu cầu HS xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.	- HS xếp đúng: Từ chỉ sự vật: nhà, bó đũa, túi; Từ chỉ hoạt động: gọi, đặt, bẻ, nói.
- GV kết luận: Câu chuyện bó đũa nhắc chúng ta biết đoàn kết; khi làm bài từ ngữ, các em cần đọc nghĩa và phân biệt từ chỉ sự vật với từ chỉ hoạt động.	- HS sửa bài và ghi nhớ nội dung câu chuyện.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Liên hệ việc đoàn kết trong lớp, ở nhà.*	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để thể hiện tinh thần đoàn kết.	- HS trả lời: Em sẽ giúp bạn khi bạn chưa hiểu bài; em sẽ nhường em nhỏ đồ chơi; em sẽ cùng nhóm hoàn thành nhiệm vụ.
TIẾT 10 ***Mục tiêu:*** *Viết 3 - 4 câu giới thiệu về đồ chơi hoặc đồ dùng gia đình.*	
1. Khởi động (3 phút) ***Mục tiêu:*** *Gợi nhớ cách giới thiệu đồ vật.*	
- GV cho HS kể tên một đồ chơi hoặc đồ dùng gia đình mà em thích.	- HS nêu: gấu bông, ô tô đồ chơi, cái quạt máy, chiếc bàn học, cái đèn học.
- GV giới thiệu bài tập viết 3 - 4 câu giới thiệu đồ vật.	- HS chuẩn bị vở ô li và đọc gợi ý.
2. Thực hành (30 phút) ***Mục tiêu:*** *Viết được 3 - 4 câu giới thiệu một đồ vật rõ ý, đúng câu.*	
- **Bài tập 14:** Viết 3 - 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình. Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu. a. Khi lớn lên, tình cảm giữa anh và em như thế nào? ☒ hoà thuận ☒ không thay đổi ☒ không hoà thuận b. Người cha nghĩ ra cách gì để khuyên bảo các con? c. Vì sao bốn người con không bẻ gãy được bó đũa? d. Người cha bẻ gãy bó đũa bằng cách nào? e. Người cha muốn khuyên các con điều gì? g. Tìm từ ngữ ở cột A phù hợp với nghĩa của nó ở cột B. A B hoà thuận buồn và lo nghĩ, không yên lòng yêu thương êm ấm, không có xích mích buồn phiền có tình cảm gắn bó tha thiết, quan tâm, chăm sóc hết lòng h. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp. nhà gọi đặt bó đũa bẻ nói túi Từ ngữ chỉ sự vật Từ chỉ hoạt động 14. Viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình. G: – Đồ vật em muốn giới thiệu là gì? – Đồ vật đó từ đâu mà có? – Em có suy nghĩ gì về ích lợi của đồ vật đó?	- HS đọc đề bài và các câu gợi ý trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết 3 - 4 câu giới thiệu một đồ chơi hoặc một đồ dùng gia đình.
- GV hướng dẫn HS đọc các câu gợi ý: Em muốn giới thiệu đồ vật nào? Đồ vật đó từ đâu mà có? Em có suy nghĩ gì về ích lợi của đồ vật đó?	- HS nêu ý tưởng: Em muốn giới thiệu cái quạt máy; bố em mua quạt vào mùa hè; quạt giúp nhà em mát hơn.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để nói miệng đoạn văn trước khi viết.	- HS nói trong nhóm 2: Nhà em có một cái quạt máy. Bố em mua quạt vào đầu mùa hè. Quạt có ba cánh và quay rất nhanh. Nhờ có quạt, em học bài thấy mát mẻ hơn.
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn 3 - 4 câu vào vở.	- HS viết vào vở: Nhà em có một cái quạt máy. Bố em mua quạt vào đầu mùa hè. Quạt có ba cánh, màu trắng và quay rất êm. Em rất thích cái quạt vì quạt giúp cả nhà mát mẻ hơn.
- GV gọi một số HS đọc bài viết trước lớp.	- HS đọc bài viết, các bạn lắng nghe và góp ý về câu, dấu chấm, cách dùng từ.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ, thiếu dấu chấm và câu chưa rõ ý.	- HS sửa bài viết theo góp ý của GV.
- GV kết luận: Khi giới thiệu đồ vật, các em cần nói rõ tên đồ vật, đặc điểm, nguồn gốc hoặc ích lợi của đồ vật.	- HS nhắc lại: Em giới thiệu tên đồ vật, đặc điểm và ích lợi của đồ vật.
3. Vận dụng (2 phút) ***Mục tiêu:*** *Củng cố nội dung ôn tập giữa học kì I.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã ôn trong tuần 9.	- HS trả lời: Em ôn đọc, viết chính tả, từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, kiểu câu, dấu câu, kể chuyện và viết đoạn văn.
- GV dặn HS về nhà đọc lại các bài đã học và hoàn thiện đoạn văn nếu còn lỗi.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chuẩn bị bài học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 10
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ
BÀI 17: GỌI BẠN
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: GỌI BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng bài thơ Gọi bạn; biết ngắt nghỉ hơi theo nhịp 2/3 hoặc 3/2, đọc lời gọi "Bê! Bê!" tha thiết.
- Hiểu nghĩa các từ sâu thẳm, hạn hán, lang thang; trả lời được câu hỏi trong SGK và nêu được nội dung bài thơ.
- Cảm nhận được tình bạn thân thiết giữa bê vàng và dê trắng; biết nói lời an ủi phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự sửa lỗi phát âm.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm 2, nhóm 4 và lắng nghe bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ bài học với cách ứng xử trong tình bạn.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương và giúp đỡ bạn bè.
- Trách nhiệm: tích cực hợp tác trong hoạt động nhóm.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục HS biết yêu thương, quan tâm, giúp đỡ bạn bè; biết sống nhân ái, chan hòa trong tình bạn.
- Tích hợp AI 2.A1.1: Nhận biết một số tình huống AI có thể hỗ trợ con người gợi ý lời nói trong giao tiếp đơn giản: HS biết tham khảo gợi ý lời an ủi do AI/trợ lí ảo tạo ra dưới sự hướng dẫn của

GV, nhưng cần tự kiểm tra, chọn câu phù hợp, lịch sự, đúng hoàn cảnh và nói bằng lời chân thành của mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, phiếu thảo luận nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) ***Huy động trải nghiệm về tình bạn, tạo hứng thú trước khi đọc bài.***	
- Nhắc lại chủ điểm đã học và nêu một điều thú vị em nhớ nhất. - Quan sát tranh bài Gọi bạn và nói tranh vẽ gì. 	- HS nêu: Em đã học chủ điểm Em lớn lên từng ngày, Đi học vui sao; em nhớ bài nói về tình bạn, trường lớp, sách vở. - HS trả lời: Tranh vẽ bê vàng và dê trắng chơi với nhau trong rừng; hai bạn có vẻ rất thân thiết.
- Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta đọc bài thơ Gọi bạn để hiểu tình bạn của bê vàng và dê trắng, từ đó biết yêu thương, quan tâm bạn bè hơn.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng bài và chuẩn bị đọc.
- GV kết luận: Quan sát tranh và tên bài giúp các em dự đoán nội dung trước khi đọc.	- HS ghi nhớ cách chuẩn bị trước khi đọc bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) ***Đọc đúng bài thơ, luyện từ khó, hiểu từ ngữ và biết đọc diễn cảm phù hợp.***	
a. GV đọc mẫu.	- HS theo dõi SGK, đọc thầm theo và chú ý cách ngắt nhịp.
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, tha thiết; nhấn ở các từ gọi bạn, chờ mưa, lang thang, Bê! Bê!.	- HS lắng nghe, chú ý giọng đọc thể hiện nỗi nhớ bạn của dê trắng.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị đọc nối tiếp từng khổ thơ.
- Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 3 khổ thơ.
- Đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1.	- HS đọc nối tiếp theo nhóm 3; lớp theo dõi và góp ý.
- Nêu một số từ khó phát âm trong bài.	- HS nêu: thuở, nẻo, sâu thẳm, hạn hán, lang thang, khắp nẻo.
- Luyện đọc từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS đọc đúng: thuở, nẻo, sâu thẳm, hạn hán, lang thang.
- Đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 2, chú ý lời gọi "Bê! Bê!".	- HS đọc rõ ràng, biết lên giọng ở câu hỏi và đọc tha thiết lời gọi bạn.

- Từ sâu thẳm, hạn hán, lang thang có nghĩa là gì?	- HS trả lời: sâu thẳm là rất sâu; hạn hán là thiếu nước do lâu ngày không mưa; lang thang là đi hết chỗ này đến chỗ khác, không dừng lại ở một nơi.
- Đặt một câu có từ lang thang.	- HS đặt câu: Chú chó lang thang ngoài đường vì bị lạc chủ.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuyển sang luyện đọc nhóm.
- Luyện đọc theo nhóm 3, mỗi bạn đọc một khổ thơ.	- HS đọc trong nhóm 3, nghe bạn đọc và góp ý cho nhau.
- Thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- Đại diện 2 - 3 nhóm thi đọc; lớp bình chọn nhóm đọc tốt.
d. Đọc toàn bài.	- HS luyện đọc toàn bài.
- Tự luyện đọc toàn bài thơ, sau đó 2 - 3 HS đọc trước lớp.	- HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi, nhận xét giọng đọc.
- GV kết luận: Đọc đúng và biết thể hiện cảm xúc giúp các em hiểu rõ tình bạn trong bài thơ.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị tìm hiểu bài.
4. Vận dụng (3 phút) ***Củng cố cách đọc và chuẩn bị nhiệm vụ tiết 2.***	
- Nói một từ hoặc một câu thể hiện tình cảm của dê trắng dành cho bê vàng.	- HS nêu: thương bạn; nhớ bạn; Dê trắng rất thương bê vàng.
- Dặn HS về nhà đọc lại bài thơ cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 2	
1. Khởi động (3 phút) ***Ôn lại nội dung đã đọc ở tiết 1.***	
- Đọc lại một khổ thơ em thích và nêu tên hai nhân vật trong bài.	- HS đọc một khổ thơ; trả lời: Nhân vật trong bài là bê vàng và dê trắng.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Tìm hiểu bài và tích hợp (17 phút) ***Trả lời câu hỏi SGK, hiểu nội dung bài; biết yêu thương, quan tâm bạn bè.***	
- Đọc thầm khổ thơ 1 và trả lời: Câu chuyện được kể trong bài thơ diễn ra khi nào, ở đâu? - *Sâu thẳm*: rất sâu. - *Hạn hán*: tình trạng thiếu nước do nắng lâu, không mưa gây ra. - *Lang thang*: đi hết chỗ này đến chỗ khác, không dừng lại ở nơi nào. 1. Câu chuyện được kể trong bài thơ diễn ra khi nào? Ở đâu? 2. Chuyện gì xảy ra khiến bê vàng phải lang thang đi tìm cỏ? 3. Khi bê vàng quên đường về, dê trắng đã làm gì?	- HS trả lời: Câu chuyện diễn ra từ xa xưa, trong rừng xanh sâu thẳm.
- Thảo luận nhóm 2: Chuyện gì xảy ra khiến bê vàng phải lang thang đi tìm cỏ?	- HS trả lời: Một năm trời hạn hán, cỏ cây héo khô, bê vàng không chờ được mưa để có cỏ ăn nên đi tìm cỏ.
- Thảo luận nhóm 2: Khi bê vàng quên đường về, dê trắng đã làm gì?	- HS trả lời: Dê trắng chạy khắp nẻo tìm bê vàng và gọi hoài: "Bê! Bê!".
- Nêu cảm nghĩ của em về bê vàng và dê trắng.	- HS trả lời: Bê vàng đáng thương vì bị lạc; dê trắng rất thương bạn, nhớ bạn và không bỏ rơi bạn.
Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi thấy bạn buồn hoặc gặp khó khăn, em sẽ làm gì?	- HS trả lời: Em sẽ hỏi thăm, an ủi, giúp đỡ bạn và cùng bạn tìm cách giải quyết.
Diễn giải tích hợp: Tình bạn đẹp là biết quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau. Dê trắng không bỏ rơi bê vàng mà chạy khắp nơi tìm bạn. Trong lớp, các em cũng cần biết hỏi thăm khi bạn buồn, giúp bạn khi bạn gặp khó khăn, không trêu chọc hay nói xấu bạn. Biết yêu thương bạn	- HS lắng nghe, liên hệ việc làm của bản thân: giúp bạn nhặt đồ rơi, giảng bài cho bạn chưa hiểu, rủ bạn cùng chơi.

bè là biểu hiện của lối sống nhân ái, chan hòa.	
- GV kết luận: Bài thơ Gọi bạn nói về tình bạn thân thiết, đáng quý giữa bê vàng và dê trắng; các em cần biết yêu thương và quý trọng bạn bè.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.
3. Thực hành (12 phút) ***Luyện đọc lại, học thuộc lòng và làm bài tập theo văn bản đọc.***	
- Luyện đọc lại toàn bài, chú ý giọng tha thiết ở lời gọi "Bê! Bê!".	- HS đọc lại bài, biết đọc rõ lời gọi của dê trắng.
- Học thuộc lòng 2 khổ thơ đầu bằng cách đọc xóa dần.	- HS luyện đọc thuộc lòng và thi đọc trước lớp.
Bài tập 1: Tìm từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng khi không thấy bạn trở về.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 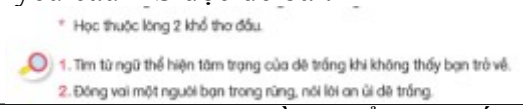 * Học thuộc lòng 2 khổ thơ đầu. 1. Tìm từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng khi không thấy bạn trở về. 2. Đóng vai một người bạn trong rừng, nói lời an ủi dê trắng.	- HS đọc: Tìm từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng khi không thấy bạn trở về.
- HS làm cá nhân, đọc thầm khổ thơ cuối để tìm từ ngữ phù hợp.	- HS trả lời: Từ ngữ thể hiện tâm trạng của dê trắng là thương bạn quá.
- GV gọi HS trình bày và nhận xét.	- HS trình bày: Dê trắng thương bạn quá vì không thấy bê vàng trở về.
- GV kết luận: Từ thương bạn quá cho thấy dê trắng rất nhớ và lo cho bê vàng.	- HS sửa bài và ghi nhớ đáp án.
Bài tập 2: Đóng vai một người bạn trong rừng, nói lời an ủi dê trắng.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Đóng vai một người bạn trong rừng, nói lời an ủi dê trắng.
- GV hướng dẫn HS nói lời an ủi theo 3 bước: thừa nhận cảm xúc, động viên, gợi điều tốt đẹp.	- HS nêu mẫu: Dê trắng ơi, mình biết bạn đang buồn. Bạn đừng lo, chúng ta cùng đi tìm bê vàng nhé.
Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu cô dùng trợ lí AI gợi ý một vài câu an ủi dê trắng, em có nên nói nguyên theo máy không?	HS trả lời: Em không nói máy móc theo AI; em cần đọc lại, chọn câu phù hợp, lịch sự và nói bằng lời của mình.
Diễn giải tích hợp AI 2.A1.1: GV đọc hoặc trình chiếu 2 câu an ủi do AI gợi ý, ví dụ: "Dê trắng ơi, bạn đừng buồn, chúng mình sẽ cùng tìm bê vàng." và "Đừng lo, bạn bè trong rừng sẽ giúp bạn." GV hướng dẫn HS nhận xét câu nào nhẹ nhàng, phù hợp; nếu câu chưa tự nhiên thì sửa lại. HS hiểu AI chỉ hỗ trợ gợi ý, còn con người phải kiểm tra, lựa chọn lời nói đúng hoàn cảnh và thể hiện sự chân thành khi an ủi bạn.	HS lắng nghe, chọn câu an ủi phù hợp, sửa lại theo lời của mình và thực hành nói lời an ủi chân thành.
- GV kết luận: AI có thể gợi ý lời nói, nhưng các em cần tự lựa chọn, điều chỉnh và nói lời an ủi bằng thái độ lịch sự, chân thành.	- HS ghi nhớ: Em có thể tham khảo gợi ý, nhưng phải tự nói lời phù hợp với bạn.
- HS thảo luận nhóm 2, đóng vai dê trắng và một người bạn trong rừng.	- HS thực hành: Dê trắng ơi, bạn đừng buồn. Bê vàng sẽ sớm tìm được đường về thôi.
- GV gọi một số cặp trình bày.	- HS trình bày trước lớp; HS khác nhận xét lời nói có nhẹ nhàng, phù hợp không.
- GV kết luận: Khi bạn buồn, lời an ủi nhẹ nhàng sẽ giúp bạn bớt lo lắng và cảm thấy được quan tâm.	- HS ghi nhớ cách nói lời an ủi bạn bè.

4. Vận dụng (3 phút) ***Liên hệ bài học vào tình bạn hằng ngày.***	
- Chia sẻ một việc em sẽ làm để thể hiện tình cảm với bạn trong lớp.	- HS nêu: Em sẽ giúp bạn khi bạn chưa hiểu bài; em sẽ rủ bạn cùng chơi; em sẽ xin lỗi khi làm bạn buồn.
- Dặn HS về nhà đọc lại bài thơ và thực hiện một việc tốt với bạn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 10
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ
BÀI 17: GỌI BẠN
TIẾT 3: VIẾT: CHỮ HOA H

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết viết chữ hoa H cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đúng quy trình.
- Viết đúng câu ứng dụng: Học thầy không tày học bạn.
- Trình bày bài viết sạch, rõ ràng, đúng khoảng cách; đặt dấu thanh đúng vị trí.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát mẫu chữ, luyện viết và soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời lịch sự.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: kiên trì rèn chữ, giữ vở sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Mẫu chữ hoa H, máy chiếu/tivi, tranh cắt từ SGK, bảng phụ câu ứng dụng.
- HS: Vở Tập viết 2 tập một, bảng con, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) ***Tạo tâm thế rèn chữ, ôn tư thế ngồi viết.***	
- Nhắc lại các chữ hoa đã học và chỉnh tư thế ngồi viết.	- HS nêu một số chữ hoa đã học; ngồi ngay ngắn, lưng thẳng, mắt cách vở 25 - 30 cm.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em luyện viết chữ hoa H và câu ứng dụng Học thầy không tày học bạn.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) ***Nắm cấu tạo, độ cao và quy trình viết chữ hoa H.***	
- Quan sát mẫu chữ hoa H trong SGK và nhận xét độ cao, độ rộng, số nét. 	- HS trả lời: Chữ hoa H cỡ vừa cao 5 li, rộng khoảng 5 li; gồm các nét cong, khuyết và nét sổ thẳng.
- GV viết mẫu chữ hoa H, nêu quy trình đặt bút, đưa bút, dừng bút.	- HS quan sát và nhắc lại: Nét 1 đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét cong trái, dừng ở đường kẻ 6; nét 2 chuyển hướng viết nét khuyết ngược, khuyết xuôi, móc phải và dừng ở đường kẻ 2; nét 3 lia bút lên giữa chữ, viết nét sổ thẳng chia đôi chữ H.
- GV yêu cầu HS viết chữ hoa H trên không và trên bảng con.	- HS luyện viết trên không, viết bảng con, giơ bảng để GV nhận xét.
- GV kết luận: Viết chữ hoa H cần đúng điểm đặt bút, liền mạch các nét và dừng bút đúng vị trí.	- HS ghi nhớ quy trình trước khi viết vào vở.
3. Thực hành (14 phút) ***Viết đúng câu ứng dụng, khoảng cách và dấu thanh.***	
- Đọc câu ứng dụng: Học thầy không tày học bạn.	- HS đọc câu ứng dụng rõ ràng.
- Câu ứng dụng khuyên chúng ta điều gì?	- HS trả lời: Câu này khuyên chúng ta ngoài học thầy cô còn cần học hỏi bạn bè xung quanh.

- Trong câu ứng dụng chữ nào viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ H viết hoa vì đứng đầu câu.
- Khoảng cách giữa các tiếng như thế nào?	- HS trả lời: Khoảng cách giữa các tiếng bằng khoảng một con chữ o.
- Hướng dẫn đặt dấu thanh trong các tiếng: thầy, tày, học, bạn.	- HS nhắc lại: Dấu huyền đặt trên âm â trong thầy và âm a trong tày; dấu nặng đặt dưới âm o trong học và âm a trong bạn.
- HS viết bài vào vở Tập viết; GV quan sát, hỗ trợ HS viết chậm.	- HS viết chữ hoa H và câu ứng dụng vào vở, giữ tư thế đúng.
- GV kết luận: Viết câu ứng dụng giúp các em rèn chữ đẹp và ghi nhớ ý nghĩa câu nói.	- HS tự kiểm tra bài viết.
4. Vận dụng (3 phút) ***Biết tự soát lỗi và sửa bài viết.***	
- Đổi vở theo cặp, nhận xét một điểm bạn viết tốt và một điểm cần sửa.	- HS đổi vở, nhận xét nhẹ nhàng và đánh dấu lỗi bằng bút chì nếu có.
- Dặn HS luyện viết thêm chữ H và tìm một tên riêng bắt đầu bằng chữ H.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 10
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ
BÀI 17: GỌI BẠN
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN GỌI BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được sự việc trong câu chuyện Gọi bạn qua tranh minh họa.
- Dựa vào tranh và gợi ý để kể lại 1 - 2 đoạn câu chuyện; biết kể tiếp đoạn kết theo ý của mình.
- Viết được 2 - 3 câu nêu nhận xét về đôi bạn bê vàng và dê trắng.

2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác: kể rõ ràng, biết nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn lời kể và kết thúc phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, chăm chỉ: yêu quý bạn bè, tích cực tham gia kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh kể chuyện cắt từ SGK, máy tính, máy chiếu/tivi.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) ***Gợi nhớ bài đọc Gọi bạn, tạo hứng thú kể chuyện.***	
- Quan sát lại tranh bài Gọi bạn và nêu tên hai nhân vật.	- HS trả lời: Hai nhân vật là bê vàng và dê trắng.
- GV giới thiệu bài: Tiết học này, các em sẽ dựa vào tranh để kể lại câu chuyện Gọi bạn và nêu nhận xét về tình bạn của hai bạn.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) ***Quan sát tranh, xác định sự việc trong từng tranh.***	
Bài tập 1: Dựa vào tranh minh họa câu chuyện trong bài thơ Gọi bạn và gợi ý, nói về sự việc trong từng tranh.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 1. Dựa vào tranh minh hoạ câu chuyện trong bài thơ *Gọi bạn* và gợi ý, nói v sự việc trong từng tranh. 1 2 Từ xa xưa, trong rừng xanh sâu thẳm, (...). Một năm, trời hạn hán (...). 3 4 Bê! Bê!	- HS đọc: Dựa vào tranh minh họa câu chuyện trong bài thơ Gọi bạn và gợi ý, nói về sự việc trong từng tranh.
- HS thảo luận nhóm 4, quan sát từng tranh và nói sự việc chính.	- HS nêu: Tranh 1: Bê vàng và dê trắng sống bên nhau trong rừng xanh sâu thẳm. Tranh 2: Một năm trời hạn hán, cỏ cây héo khô. Tranh 3: Bê vàng đi tìm cỏ và quên đường về. Tranh 4: Dê trắng chạy khắp nơi tìm bê vàng, gọi "Bê!

	Bê!".
- GV gọi đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày từng tranh; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV kết luận: Quan sát tranh theo thứ tự giúp các em kể đúng diễn biến câu chuyện.	- HS ghi nhớ trình tự sự việc.
3. Thực hành (17 phút) ***Kể lại câu chuyện và kể tiếp đoạn kết theo ý của em.***	
Bài tập 2: Chọn kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Chọn kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.
- HS làm cá nhân, chọn 1 - 2 tranh mình nhớ nhất để tập kể.	- HS chọn tranh và tập kể bằng lời của mình, không cần kể đúng nguyên văn.
- HS luyện kể trong nhóm 4, mỗi bạn kể một đoạn hoặc một tranh.	- HS kể trong nhóm, nghe bạn kể và góp ý nhẹ nhàng.
- GV gọi HS trình bày trước lớp.	- HS kể: Từ xa xưa, trong rừng xanh sâu thẳm, bê vàng và dê trắng sống bên nhau rất thân thiết...
- GV kết luận: Khi kể chuyện, các em cần nói rõ sự việc, kể theo thứ tự và thể hiện tình cảm với nhân vật.	- HS tự đánh giá phần kể của mình.
Bài tập 3: Kể tiếp đoạn kết của câu chuyện theo ý của em.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Kể tiếp đoạn kết của câu chuyện theo ý của em.
- HS thảo luận nhóm 2, nghĩ về một kết thúc tốt đẹp cho câu chuyện.	- HS nêu: Sau nhiều ngày tìm kiếm, dê trắng gặp lại bê vàng. Hai bạn mừng rỡ, hứa sẽ luôn đi cùng nhau và không để lạc nhau nữa.
- GV gọi HS trình bày kết thúc của mình.	- HS trình bày đoạn kết; lớp nhận xét kết thúc có hợp lí, giàu tình cảm không.
- GV kết luận: Một kết thúc tốt đẹp cần phù hợp với nội dung truyện và thể hiện tình bạn đáng quý.	- HS ghi nhớ cách kể sáng tạo.
4. Vận dụng (5 phút) ***Viết nhận xét về nhân vật và rút ra bài học.***	
Bài tập 4: Viết 2 - 3 câu nêu nhận xét của em về đôi bạn bê vàng và dê trắng.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài và làm vở. 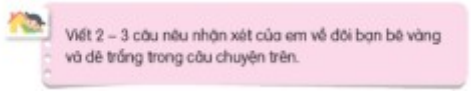	- HS viết: Em rất thích tình bạn của bê vàng và dê trắng. Hai bạn biết yêu thương, lo lắng và tìm kiếm nhau khi bị lạc. Em học được rằng bạn bè cần quan tâm, giúp đỡ nhau.
- GV gọi HS đọc bài viết trước lớp.	- HS đọc bài làm; lớp nhận xét câu đủ ý, đúng nội dung.
- GV kết luận: Câu chuyện giúp các em biết quý trọng tình bạn và sống nhân ái với bạn bè.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 10
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ

BÀI 18: TỚ NHỚ CẬU
TIẾT 1 - 2: ĐỌC: TỚ NHỚ CẬU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, trôi chảy bài Tớ nhớ cậu; biết ngắt nghỉ hơi đúng theo dấu câu và câu dài.
- Hiểu nghĩa từ nắn nót, cặm cụi; trả lời được câu hỏi SGK và nêu được nội dung bài.
- Biết nói và đáp lời chào khi chia tay; hiểu cách giữ gìn tình bạn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, trả lời câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, luyện đọc theo vai.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ với cách duy trì tình bạn trong thực tế.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết trân trọng, giữ gìn tình bạn.
- Trách nhiệm: tích cực hợp tác và giúp đỡ bạn trong học tập.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục HS biết trân trọng, giữ gìn tình bạn, thể hiện sự quan tâm, chia sẻ và cư xử chân thành với bạn bè.
- Tích hợp NLS 4.2.CB1a: Nhận biết cách bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin của người khác khi tham gia môi trường số: HS biết khi viết thư, nhắn tin, gọi điện hoặc gửi lời hỏi thăm cho bạn cần dùng lời lịch sự; không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh riêng tư của mình và của bạn khi chưa được phép; biết nhờ người lớn hỗ trợ khi liên lạc qua thiết bị số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, phiếu thảo luận.
- HS: SGK Tiếng Việt 2 tập một, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) ***Kết nối trải nghiệm về tình bạn trước khi đọc bài.***	
- Trả lời: Khi cùng chơi với bạn, em cảm thấy thế nào? Khi xa bạn, em cảm thấy thế nào? ĐỌC 1. Khi cùng chơi với bạn, em cảm thấy thế nào? 2. Khi xa bạn, em cảm thấy thế nào? TỚ NHỚ CẬU Kiến là bạn thân của sóc. Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học. Thế rồi nhà kiến chuyển đến một khu rừng khác. Lúc chia tay, kiến rất buồn. Kiến nói: "Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy.". Sóc gật đầu nhận lời. Một buổi sáng, sóc lấy một tờ giấy và viết thư cho kiến. Sóc nắn nót ghi: "Tớ nhớ cậu.". Một cơn gió đi ngang qua mang theo lá thư. Chiều hôm đó, kiến đi dạo trong rừng. Một lá thư nhẹ nhẹ bay xuống. Kiến reo lên: "A, thư của sóc!". Hôm sau, kiến ngồi bên thềm và viết thư cho sóc. Kiến không biết làm sao cho sóc biết mình rất nhớ bạn. Cậu viết: "Chào sóc!". Nhưng kiến không định chào sóc. Cậu bèn viết một lá thư khác: "Sóc thân mến!". Như thế vẫn không đúng ý của kiến. Lấy một tờ giấy mới, kiến ghi: "Sóc ơi!". Cứ thế, cậu cặm cụi viết đi viết lại trong nhiều giờ liền. Không lâu sau, sóc nhận được một lá thư do kiến gửi đến. Thư viết: "Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu!".	- HS trả lời: Khi cùng chơi với bạn, em thấy rất vui. Khi xa bạn, em thấy buồn và nhớ bạn.
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Tớ nhớ cậu kể về tình bạn giữa sóc và kiến, dù xa nhau nhưng vẫn nhớ và quan tâm đến nhau.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút)	

Đọc đúng bài văn, luyện đọc từ khó và câu dài.	
a. GV đọc mẫu.	- HS theo dõi SGK, đọc thầm theo.
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng; lời trong thư đọc tình cảm, thể hiện nỗi nhớ bạn.	- HS lắng nghe, chú ý giọng đọc của sóc và kiến.
b. HS luyện đọc từng đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị chia đoạn.
- Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc có thể chia làm 3 đoạn.
- Đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.	- HS đọc nối tiếp đoạn; lớp theo dõi, góp ý.
- Nêu một số từ khó phát âm trong bài.	- HS nêu: nắn nót, cặm cụi, chuyển, nhớ, nhiều giờ liền.
- Luyện đọc từ khó cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc đúng các từ khó.
- Luyện đọc câu dài: Kiến không biết làm sao cho sóc biết mình rất nhớ bạn.	- HS đọc câu dài, biết nghỉ hơi sau cụm từ phù hợp.
- Từ nắn nót và cặm cụi có nghĩa là gì?	- HS trả lời: Nắn nót là viết rất cẩn thận cho đẹp; cặm cụi là chăm chú, tập trung vào việc đang làm.
- Đặt một câu có từ nắn nót.	- HS đặt câu: Em nắn nót viết từng chữ vào vở.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuyển sang luyện đọc nhóm.
- Luyện đọc theo nhóm 3, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS đọc trong nhóm, nghe bạn đọc và góp ý.
- Thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- Đại diện nhóm thi đọc, lớp bình chọn nhóm đọc tốt.
d. Đọc toàn bài.	- HS luyện đọc toàn bài.
- Tự luyện đọc toàn bài, sau đó 2 - 3 HS đọc trước lớp.	- HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi, nhận xét.
- GV kết luận: Khi đọc truyện có lời nhân vật, các em cần đọc đúng giọng để thể hiện cảm xúc.	- HS ghi nhớ cách đọc.
4. Vận dụng (3 phút) ***Củng cố bài đọc tiết 1.***	
- Nêu một việc em thường làm để thể hiện tình cảm với bạn.	- HS nêu: Em rủ bạn đi học cùng, giúp bạn học bài, cho bạn mượn truyện.
TIẾT 2	
1. Khởi động (3 phút) ***Ôn lại nội dung bài đọc.***	
- Đọc lại một đoạn trong bài và nêu tên hai nhân vật.	- HS đọc đoạn; trả lời: Hai nhân vật là sóc và kiến.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Tìm hiểu bài và tích hợp (17 phút) ***Hiểu nội dung bài và biết giữ gìn tình bạn chân thành.***	
- Đọc thầm đoạn 1 và trả lời: Khi chia tay sóc, kiến cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Khi chia tay sóc, kiến rất buồn.

Từ ngữ
- Nắn nót: viết rất cẩn thận cho đẹp.
- Cặm cụi: chăm chú, tập trung vào việc đang làm.

1. Khi chia tay sóc, kiến cảm thấy thế nào?
2. Sóc đồng ý với kiến điều gì?
3. Vì sao kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi sóc?
4. Theo em, hai bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu không nhận được thư của nhau?

1. Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay.
2. Em sẽ nói với bạn thế nào khi:
- Bạn chuyển đến một ngôi trường khác.
- Tan học, em về trước còn bạn ở lại chờ bố mẹ đón.

Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy!

- Sóc đồng ý với kiến điều gì?	- HS trả lời: Sóc đồng ý sẽ thường xuyên nhớ kiến.
- Thảo luận nhóm 2: Vì sao kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi sóc?	- HS trả lời: Kiến phải viết lại nhiều lần vì không biết làm sao cho sóc biết mình rất nhớ bạn.
- Theo em, hai bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu không nhận được thư của nhau?	- HS trả lời: Hai bạn sẽ rất buồn, nhớ nhau và có thể lo lắng vì không biết bạn có còn nhớ mình không.
- Câu chuyện ca ngợi điều gì?	- HS trả lời: Câu chuyện ca ngợi tình bạn thân thiết, gắn bó giữa sóc và kiến.
Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi bạn chuyển trường hoặc xa em, em có thể làm gì để giữ tình bạn?	- HS trả lời: Em có thể hỏi thăm, viết thư, gọi điện, gửi lời chúc và luôn nhớ đến bạn.
Diễn giải tích hợp: Tình bạn đẹp được thể hiện qua sự quan tâm, chia sẻ và giữ liên lạc chân thành. Sóc và kiến tuy xa nhau nhưng vẫn viết thư để nói rằng mình nhớ bạn. Trong cuộc sống, các em có thể giữ gìn tình bạn bằng lời hỏi thăm, lời chúc, sự giúp đỡ, biết xin lỗi và tha thứ khi có hiểu lầm. Trân trọng tình bạn là biểu hiện của lối sống đẹp, biết yêu thương và sống nhân ái.	- HS lắng nghe, nêu ví dụ: Em nhắn lời hỏi thăm bạn cũ, chúc bạn học tốt, không quên bạn khi bạn chuyển trường.
- GV kết luận: Bài Tớ nhớ cậu giúp các em hiểu tình bạn đẹp là biết yêu thương, quan tâm và giữ lời hứa với bạn.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.
3. Thực hành (12 phút) ***Luyện đọc lại và thực hành nói - đáp lời chào lúc chia tay.***	
- Luyện đọc lại toàn bài; chú ý lời chia tay của sóc và kiến.	- HS luyện đọc theo vai, thể hiện cảm xúc buồn khi chia tay và vui khi nhận thư.
Bài tập 1: Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. Từ ngữ – Nắn nót: viết rất cẩn thận cho đẹp. – Cặm cụi: chăm chú, tập trung vào việc đang làm. 1. Khi chia tay sóc, kiến cảm thấy thế nào? 2. Sóc đồng ý với kiến điều gì? 3. Vì sao kiến phải viết lại nhiều lần lá thư gửi sóc? 4. Theo em, hai bạn sẽ cảm thấy thế nào nếu không nhận được thư của nhau? 1. Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay. 2. Em sẽ nói với bạn thế nào khi: – Bạn chuyển đến một ngôi trường khác. – Tan học, em về trước còn bạn ở lại chờ bố mẹ đón. Cậu phải thường xuyên nhớ tớ đấy!	- HS đọc: Đóng vai sóc và kiến để nói và đáp lời chào lúc chia tay.
- HS thảo luận nhóm 2, thay nhau đóng vai sóc và kiến.	- HS thực hành: Sóc nói: Tạm biệt cậu nhé, tớ sẽ nhớ cậu. Kiến đáp: Tạm biệt cậu, cậu nhớ viết thư cho tớ nhé.
- GV gọi một số cặp trình bày.	- HS trình bày trước lớp; HS khác nhận xét lời chào có tự nhiên, lịch sự không.
- GV kết luận: Khi chia tay, cần nói lời chào thân thiện, thể hiện sự quan tâm và hẹn gặp lại.	- HS ghi nhớ cách nói lời chào.
Bài tập 2: Em sẽ nói với bạn thế nào khi bạn chuyển trường hoặc khi tan học em về trước còn bạn ở lại?	- HS xác định yêu cầu bài tập.

Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi muốn giữ liên lạc với bạn bằng điện thoại, tin nhắn hoặc mạng lớp học, em cần chú ý điều gì để an toàn?	HS trả lời: Em dùng lời lịch sự, không gửi địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh riêng tư; em xin phép người lớn khi cần liên lạc qua thiết bị số.
Diễn giải tích hợp NLS 4.2.CB1a: Khi bạn chuyển trường hoặc ở xa, các em có thể hỏi thăm bằng thư, điện thoại, tin nhắn hoặc nhờ người lớn hỗ trợ liên lạc. Tuy nhiên, khi tham gia môi trường số, các em cần bảo vệ thông tin cá nhân của mình và của bạn: không tự ý đăng, gửi, chụp màn hình tin nhắn, chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh riêng tư hoặc thông tin gia đình khi chưa được phép. Giữ liên lạc với bạn cần lịch sự, đúng mục đích và an toàn.	HS lắng nghe, nêu việc nên làm: xin phép người lớn, dùng lời hỏi thăm lịch sự, không chia sẻ thông tin riêng tư của mình và của bạn.
- GV kết luận: Giữ gìn tình bạn trong môi trường số cần đi cùng sự lịch sự, tôn trọng và bảo vệ thông tin cá nhân.	- HS ghi nhớ: Em liên lạc với bạn an toàn, không chia sẻ thông tin riêng tư khi chưa được phép.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc đề bài và nêu hai tình huống.
- HS thảo luận nhóm 4, chọn một tình huống để nói và đáp.	- HS nêu: Bạn chuyển trường: Tớ chúc cậu học tốt ở trường mới, khi nào rảnh hãy viết thư cho tớ nhé. Tan học về trước: Tớ về trước nhé, mai gặp lại cậu.
- GV gọi HS trình bày.	- HS nói trước lớp; lớp nhận xét lời nói lịch sự, phù hợp.
- GV kết luận: Nói lời chào đúng lúc giúp tình bạn thêm gần gũi và lịch sự.	- HS ghi nhớ và vận dụng.
4. Vận dụng (3 phút) ***Vận dụng lời chào lúc chia tay trong cuộc sống.***	
- Chia sẻ một tình huống em đã nói lời tạm biệt với bạn.	- HS nêu: Khi tan học, em nói: Tạm biệt bạn, mai gặp lại nhé.
- Dặn HS thực hành nói lời chào, lời hỏi thăm bạn bè mỗi ngày.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 10
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ
BÀI 18: TỚ NHỚ CẬU
TIẾT 3: VIẾT: NGHE - VIẾT: TỚ NHỚ CẬU; PHÂN BIỆT C/K, IÊU/ƯƠU, EN/ENG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng một đoạn trong bài Tớ nhớ cậu; biết viết hoa chữ cái đầu câu, đầu tên bài.
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt c/k, iêu/ươu, en/eng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: biết nghe kĩ, soát lỗi và sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở, góp ý bài viết cho bạn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, trách nhiệm: viết bài cẩn thận, sạch đẹp; yêu quý tình bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, phiếu học tập.
- HS: Vở ô li, Vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) ***Tạo hứng thú và kết nối với bài chính tả.***	
- Hát ngắn một bài về tình bạn và nêu tên bài đọc trước.	- HS hát, trả lời: Bài đọc trước là Tớ nhớ cậu.
2. Khám phá kiến thức (20 phút) ***Nghe - viết đúng đoạn chính tả, biết soát lỗi.***	
- GV nêu yêu cầu nghe - viết bài Tớ nhớ cậu.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
- GV đọc đoạn viết, yêu cầu HS theo dõi trong SGK. VIẾT 1. Nghe – viết: Tớ nhớ cậu Kiến là bạn thân của sóc. Hằng ngày, hai bạn rủ nhau đi học. Một ngày nọ, nhà kiến chuyển sang cánh rừng khác. Sóc và kiến rất buồn. Hai bạn tìm cách gửi thư cho nhau để bày tỏ nỗi nhớ. 2. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k* gọi tên mỗi con vật trong hình.	- HS lắng nghe, theo dõi đoạn viết.
- Khi chia tay sóc, kiến cảm thấy như thế nào?	- HS trả lời: Kiến cảm thấy rất buồn và nhớ sóc.
- Đoạn văn có những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa chữ đầu tên bài, chữ đầu câu và chữ sau dấu chấm.
- Nêu các chữ dễ viết sai.	- HS nêu: chuyển, rừng, buồn, nhớ, nắn nót, cặm cụi.
- Viết nháp một số chữ dễ viết sai.	- HS viết nháp/bảng con: chuyển, rừng, buồn, nhớ.
- GV đọc cho HS viết bài vào vở.	- HS nghe - viết vào vở, trình bày sạch đẹp.
- GV đọc lại cho HS soát lỗi.	- HS soát lỗi lần 1; đổi vở cho bạn soát lỗi lần 2.
- GV kết luận: Nghe kĩ, viết chậm và soát lỗi giúp bài chính tả chính xác hơn.	- HS ghi nhớ cách viết bài chính tả.
3. Thực hành (9 phút) ***Làm bài tập chính tả, ghi đáp án cụ thể.***	
Bài tập 2: Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng c hoặc k gọi tên mỗi con vật trong hình.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc: Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng c hoặc k gọi tên mỗi con vật trong hình.
- HS làm cá nhân vào vở bài tập, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm bài: con cua, con công, con kì đà, con kiến.
- GV gọi HS trình bày và sửa bài.	- HS đọc đáp án: cua, công, kì đà, kiến.
- GV kết luận: Trước e, ê, i thường viết k; trước a, o, u thường viết c.	- HS ghi nhớ quy tắc c/k.
Bài tập 3: Chọn tiếng chứa iêu hoặc ươu; tìm từ ngữ có tiếng chứa en hoặc eng.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc yêu cầu bài tập 3.

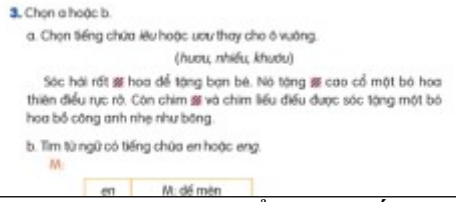	
- HS thảo luận nhóm 2 để chọn tiếng phù hợp.	- HS làm bài: nhiều, hươu, khướu.
- HS làm nhóm 4, tìm thêm từ chứa en hoặc eng.	- HS nêu: dế mèn, bẽn lẽn, xen kẽ, len lỏi; cái xẻng, xà beng, leng keng.
- GV gọi HS trình bày và kết luận đáp án.	- HS sửa bài và ghi nhớ đáp án đúng.
4. Vận dụng (3 phút) ***Củng cố chính tả đã học.***	
- Nêu một từ bắt đầu bằng c và một từ bắt đầu bằng k.	- HS nêu: cua, cá; kiến, kì đà.
- Dặn HS về nhà viết lại các từ đã sai nếu có.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 10
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ
BÀI 18: TỚ NHỚ CẬU
TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ TÌNH CẢM BẠN BÈ; DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI, DẤU CHẤM THAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.
- Biết chọn từ trong ngoặc đơn, ghép câu phù hợp và sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, trình bày rõ ràng.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái, trách nhiệm: biết trân trọng tình bạn, hợp tác cùng bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập.
- HS: SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) ***Tạo hứng thú và kết nối với chủ đề tình bạn.***	
- Hát bài Lớp chúng ta đoàn kết và trả lời: Bài hát nói về tình cảm của ai?	- HS hát; trả lời: Bài hát nói về tình cảm bạn bè trong lớp.
2. Khám phá kiến thức (15 phút) ***Mở rộng vốn từ chỉ tình cảm bạn bè.***	
Bài tập 1: Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. LUYỆN TẬP 1. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè. M: quý mến 2. Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông. (nhớ, tươi vui, thân thiết, vui đùa) Cá nhỏ và nàng nọc là đôi bạn ■. Hằng ngày, chúng cùng nhau bơi lội. Thế rồi nàng nọc trở thành ếch. Nó phải lên bờ để sinh sống. Nhưng nó vẫn ■ cá nhỏ. Thỉnh thoảng, nó nhảy xuống ao ■ cùng cá nhỏ. 3. Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu. A Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học. Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn? Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu! B Hỏi điều chưa biết Kể lại sự việc Bộc lộ cảm xúc	- HS đọc: Tìm từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.
- HS làm việc nhóm 4, tìm các từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.	- HS nêu: quý mến, thân thiết, yêu quý, nhớ nhung, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ.
- GV gọi nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.	- HS trình bày kết quả, nhận xét nhóm bạn.
- GV kết luận: Các từ như quý mến, thân thiết, quan tâm, chia sẻ là từ ngữ chỉ tình cảm bạn bè.	- HS sửa bài và ghi nhớ.
3. Thực hành (12 phút) ***Luyện dùng từ và dấu câu đúng ngữ cảnh.***	
Bài tập 2: Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Chọn từ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

- HS làm cá nhân vào vở, sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm bài: Cá nhỏ và nòng nọc là đôi bạn nhỏ. Hằng ngày, chúng cùng nhau bơi lội. Thế rồi nòng nọc trở thành ếch. Nó phải lên bờ để sinh sống. Nhưng nó vẫn nhớ cá nhỏ. Thỉnh thoảng, nó nhảy xuống ao cùng cá nhỏ.
- GV gọi HS trình bày và sửa bài.	- HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh, lớp nhận xét.
- GV kết luận: Cần chọn từ phù hợp với nội dung câu để đoạn văn rõ nghĩa.	- HS ghi nhớ cách chọn từ.
Bài tập 3: Chọn câu ở cột A phù hợp với ý ở cột B. Nói tên dấu câu đặt cuối mỗi câu.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- HS thảo luận nhóm 4, nối câu với ý phù hợp.	- HS trả lời: Hằng ngày, hai bạn thường rủ nhau đi học. - Kể lại sự việc; Vì sao lúc chia tay sóc, kiến rất buồn? - Hỏi điều chưa biết; Sóc ơi, tớ cũng nhớ cậu! - Bộc lộ cảm xúc.
- GV hỏi: Cuối mỗi câu cần dùng dấu câu nào?	- HS trả lời: Câu kể dùng dấu chấm; câu hỏi dùng dấu chấm hỏi; câu bộc lộ cảm xúc dùng dấu chấm than.
- GV kết luận: Dấu câu giúp người đọc hiểu đúng mục đích của câu.	- HS sửa bài và ghi nhớ.
4. Vận dụng (3 phút) ***Củng cố từ ngữ và dấu câu.***	
- Đặt một câu có từ quý mến hoặc thân thiết.	- HS đặt câu: Em rất quý mến bạn Mai. Em và Nam là đôi bạn thân thiết.
- Dặn HS dùng lời nói thân thiện với bạn hằng ngày.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC - TUẦN 10
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ
BÀI 18: TỚ NHỚ CẬU
TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN; ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát tranh, nói được việc làm của các bạn trong mỗi tranh.
- Viết được 3 - 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.
- Tìm đọc được một bài thơ về tình bạn; biết chia sẻ tên bài thơ, tên tác giả và điều em thích.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, biết chuẩn bị bài đọc mở rộng.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, chia sẻ bài viết và bài đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ phù hợp khi kể về hoạt động.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu quý, trân trọng tình bạn.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực đọc sách, tham gia hoạt động cùng bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, phiếu đọc sách.
- HS: SGK, vở ô li, bài thơ về tình bạn đã tìm đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (3 phút) ***Kết nối với trải nghiệm hoạt động cùng bạn bè.***	
- Kể nhanh một hoạt động em đã tham gia cùng bạn.	- HS nêu: Em đá bóng cùng bạn; em học nhóm; em chơi kéo co; em cùng bạn nhặt rác sân trường.
3. Thực hành (29 phút) ***Nói và viết về một hoạt động em tham gia cùng bạn.***	
Bài tập 1: Nói về việc làm của các bạn trong mỗi tranh.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 1. Nói về việc làm của các bạn trong mỗi tranh. 2. Viết 3 – 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn. G: – Em đã tham gia hoạt động gì cùng các bạn? (học tập, vui chơi,...) – Hoạt động đó diễn ra ở đâu? Có những bạn nào cùng tham gia? – Em và các bạn đã làm những việc gì? – Em cảm thấy thế nào khi tham gia hoạt động đó?	- HS đọc: Nói về việc làm của các bạn trong mỗi tranh.
- HS quan sát tranh và làm việc nhóm 2, nói việc làm trong từng tranh.	- HS trả lời: Tranh 1: Các bạn đi học cùng nhau trên đường. Tranh 2: Các bạn cùng học nhóm, trao đổi bài. Tranh 3: Các bạn cùng chơi ở sân trường.
- GV gọi HS trình bày.	- HS trình bày từng tranh; lớp nhận xét, bổ sung.
- GV kết luận: Khi tham gia hoạt động cùng bạn, các em cần hợp tác, chia sẻ và giữ an toàn.	- HS ghi nhớ cách nói về tranh.
Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu kể về một hoạt động	- HS xác định yêu cầu bài tập.

em tham gia cùng các bạn.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết 3 - 4 câu kể về một hoạt động em tham gia cùng các bạn.
- GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý: Em đã tham gia hoạt động gì? Hoạt động diễn ra ở đâu? Em và các bạn làm gì? Em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời gợi ý: Em tham gia học nhóm ở lớp. Em cùng các bạn đọc bài, trả lời câu hỏi và góp ý cho nhau. Em cảm thấy rất vui.
- HS làm cá nhân vào vở.	- HS viết: Chiều thứ sáu, em tham gia học nhóm cùng các bạn trong lớp. Chúng em cùng đọc bài Tớ nhớ cậu và trả lời câu hỏi. Bạn nào chưa hiểu thì được các bạn khác giải thích. Em rất vui vì được học cùng các bạn.
- GV gọi một số HS đọc bài viết.	- HS đọc bài; lớp nhận xét bài viết đủ 3 - 4 câu, rõ hoạt động và có cảm xúc.
- GV kết luận: Khi viết đoạn văn, các em cần nêu rõ hoạt động, người tham gia, việc đã làm và cảm xúc của mình.	- HS sửa bài theo góp ý.
4. Vận dụng (3 phút) ***Hoàn thiện đoạn viết.***	
- Dặn HS đọc lại đoạn viết, sửa lỗi chính tả và chuẩn bị một bài thơ về tình bạn cho tiết sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 6	
1. Khởi động (3 phút) ***Tạo hứng thú đọc mở rộng.***	
- Nói tên một bài thơ hoặc câu thơ về tình bạn mà em biết.	- HS nêu: Em biết bài thơ Tình bạn; em biết câu thơ nói về bạn bè.
3. Thực hành (29 phút) ***Tìm đọc, trao đổi và chia sẻ về bài thơ tình bạn.***	
Bài tập 1: Tìm đọc một bài thơ về tình bạn. Khi đọc, chú ý tên bài thơ và tên tác giả.	- HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc: Tìm đọc một bài thơ về tình bạn. Khi đọc, chú ý tên bài thơ và tên tác giả.
- HS làm cá nhân, đọc bài thơ đã chuẩn bị hoặc bài thơ GV cung cấp.	- HS đọc bài thơ về tình bạn, ghi nhớ tên bài thơ và tên tác giả.
- HS thảo luận nhóm 4, chia sẻ tên bài thơ và tên tác giả.	- HS nêu: Bài thơ em đọc là Chú bò tìm bạn của nhà thơ Phạm Hổ. Hoặc: Em đọc bài Ngỗng và vịt.
- GV gọi HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày rõ tên bài thơ, tên tác giả.
- GV kết luận: Khi đọc mở rộng, các em cần nhớ tên bài đọc và tác giả để chia sẻ chính xác.	- HS ghi nhớ cách chia sẻ bài đọc.
Bài tập 2: Nói về những điều em thích trong bài thơ đó.	- HS xác định yêu cầu bài tập.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Nói về những điều em thích trong bài thơ đó.
- HS thảo luận nhóm 2, nói điều mình thích trong bài thơ.	- HS nêu: Em thích nhân vật trong bài vì bạn biết quan tâm bạn bè. Em thích hình ảnh các bạn cùng chơi với nhau rất vui.
- GV gọi HS trình bày.	- HS trình bày trước lớp; HS khác lắng nghe và đặt thêm câu hỏi.
- GV kết luận: Đọc thơ về tình bạn giúp các em biết yêu quý bạn bè và sống tốt hơn với mọi người.	- HS ghi nhớ bài học.
4. Vận dụng (3 phút) ***Duy trì thói quen đọc và chia sẻ sách.***	
- Dặn HS về nhà đọc lại bài thơ cho người thân nghe và nói một điều em thích trong bài thơ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 11
CHỦ ĐỀ 3: NIỀM VUI TUỔI THƠ
BÀI 19: CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN
TIẾT 1 - 2: ĐỌC – CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng truyện kể Chữ A và những người bạn; ngắt nghỉ hơi đúng theo dấu câu và theo nghĩa ở câu dài.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ nổi tiếng, vui sướng, sửng sốt, trân trọng; hiểu nội dung câu chuyện: chữ A nhận ra cần có bạn bè để tạo thành những cuốn sách hay.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu, biết nói lời cảm ơn và tìm được từ ngữ chỉ cảm xúc trong văn bản.
- Biết liên hệ việc đọc sách, học chữ với quyền được học tập, giao tiếp, kết bạn và được tôn trọng trong lớp học.

2. Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: chủ động luyện đọc, đọc thầm để tìm thông tin trong bài.
- Giao tiếp, hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dự đoán nội dung qua tranh, nói tiếp lời cảm ơn của chữ A bằng cách diễn đạt riêng.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu quý bạn bè, biết quan tâm, không để bạn bị cô lập.
- Trách nhiệm: tích cực hoàn thành nhiệm vụ đọc, biết chăm đọc sách và giữ gìn sách vở.

4. Tích hợp

- Tích hợp quyền con người: HS hiểu mọi người đều có quyền được học tập, giao tiếp, kết bạn và bày tỏ cảm xúc của mình trong môi trường lớp học an toàn, thân thiện.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số; biết chọn lọc thông tin phù hợp. HS biết dùng bảng chữ cái điện tử/slide học tập để kiểm tra vị trí chữ A, nhưng phải đối chiếu với SGK và không nhập thông tin cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Tranh minh hoạ SGK, bảng chữ cái, phiếu thảo luận nhóm, máy tính, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK Tiếng Việt 2, vở, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) – Kết nối với bài học mới qua tranh minh hoạ và vốn hiểu biết về chữ cái.	
- Quan sát tranh minh họa bài đọc và nói tranh vẽ gì. 	- HS quan sát và trả lời: Tranh vẽ các chữ cái A, B, C, D, E đang đứng trên một trang sách mở.
- Nói tên các chữ cái có trong tranh.	- HS nêu: Em thấy chữ A, chữ B, chữ C, chữ D, chữ E và một số chữ cái khác.
- Đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài Chữ A và những người bạn.	- HS trả lời: Bài đọc có thể kể về chữ A và các chữ cái khác cùng làm bạn với nhau để tạo thành sách.
- GV giới thiệu bài: Mỗi chữ cái đều có vai trò riêng. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu vì sao chữ A cần những người bạn để làm nên một cuốn sách hay.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng bài và ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) – Đọc đúng, rõ ràng văn bản; luyện đọc từ khó, câu dài và hiểu nghĩa từ.	
a. GV đọc mẫu.	- HS theo dõi SGK, đọc thầm theo và chú ý giọng kể chậm rãi của chữ A.
- GV đọc mẫu toàn bài, chú ý nhấn giọng ở các từ vui sướng, ngạc nhiên, sửng sốt, trân trọng.	- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu chỗ cần ngắt nghỉ ở câu dài.
b. Luyện đọc đoạn, từ khó và giải nghĩa từ.	- HS xác định văn bản có 2 đoạn và chuẩn bị đọc nối tiếp.
- Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc có thể chia làm 2 đoạn; đoạn 1 từ đầu đến với tôi trước tiên; đoạn 2 là phần còn lại.
- Đọc nối tiếp từng đoạn lần 1, chú ý phát âm đúng.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn, bạn khác theo dõi và góp ý cách phát âm.
- Nêu những từ em thấy dễ đọc sai.	- HS nêu: nổi tiếng, vui sướng, sửng sốt, trân trọng, cuốn sách.
- Luyện đọc từ khó theo cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc: nổi tiếng, vui sướng, sửng sốt, trân trọng, cuốn sách.
- Đọc nối tiếp đoạn lần 2, kết hợp giải nghĩa từ.	- HS đọc nối tiếp và giải nghĩa: ngạc nhiên là lấy làm lạ; sửng sốt là ngạc nhiên tới mức

	ngẩn người ra; trân trọng là coi trọng, quý mến.
- Đặt 1 câu có từ ngạc nhiên hoặc sửng sốt.	- HS đặt câu: Em rất ngạc nhiên khi bạn kể được một câu chuyện hay.
c. Luyện đọc trong nhóm.	- HS chuyển sang luyện đọc nhóm đôi.
- Luyện đọc theo nhóm đôi; mỗi bạn đọc một đoạn, bạn còn lại góp ý.	- HS luyện đọc trong nhóm đôi, sửa cho nhau lỗi phát âm và cách ngắt nghỉ.
- Thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; HS còn lại nhận xét nhóm đọc đúng, rõ, biết ngắt nghỉ.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- Tự luyện đọc toàn bộ bài trong 2 phút.	- HS đọc thầm hoặc đọc nhỏ toàn bài, chú ý giọng kể của chữ A.
- Gọi 2 - 3 HS đọc toàn bài.	- 2 - 3 HS đọc toàn bài; lớp theo dõi, nhận xét.
- GV kết luận: Các em cần đọc văn bản với giọng kể nhẹ nhàng, biết ngắt nghỉ theo dấu câu và hiểu được các từ ngữ thể hiện cảm xúc của chữ A.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị trả lời câu hỏi ở tiết 2.
4. Vận dụng (3 phút) – Củng cố cách đọc và chuẩn bị nhiệm vụ tiết 2.	
- Về nhà đọc lại bài cho người thân nghe và tìm thêm 2 chữ cái em thích trong bảng chữ cái.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: đọc lại bài và chuẩn bị chia sẻ về chữ cái mình thích.
TIẾT 2	
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Đọc hiểu (20 phút) – Trả lời câu hỏi đọc hiểu; liên hệ quyền được học tập, giao tiếp, kết bạn và tìm thông tin an toàn.	
Bài tập 1: Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí nào? 1. Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí nào? 2. Chữ A mơ ước điều gì? 3. Chữ A nhận ra điều gì? 4. Chữ A muốn nhắn nhủ điều gì với các bạn? a. Chăm viết chữ cái b. Chăm đọc sách c. Chăm xếp các chữ cái 1. Nối tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn chữ: Cảm ơn các bạn. Nhờ có các bạn, chúng ta đã (...). 2. Những từ nào dưới đây chỉ cảm xúc? vui sướng ngạc nhiên nổi tiếng	- HS đọc đề bài, đọc thầm đoạn 1.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí nào?
- Làm việc cá nhân, đọc thầm đoạn 1 và trả lời câu hỏi.	- HS trả lời: Trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ A đứng ở vị trí đầu tiên.
Bài tập 2: Chữ A mơ ước điều gì?	- HS đọc đề bài, xác định từ khóa mơ ước.

- Thảo luận nhóm 2, đọc đoạn 2 để tìm câu trả lời.	- HS trả lời: Chữ A mơ ước một mình nó làm ra một cuốn sách.
Bài tập 3: Chữ A nhận ra điều gì?	- HS đọc đề bài và trao đổi nhóm 2.
- Tìm trong bài câu cho biết chữ A nhận ra điều gì sau khi nghĩ về cuốn sách.	- HS trả lời: Chữ A nhận ra nếu chỉ có một mình, chữ A chẳng thể nói được với ai điều gì.
Bài tập 4: Chữ A muốn nhắn nhủ điều gì với các bạn?	- HS đọc đề bài và các phương án trong SGK.
- Chọn đáp án đúng và giải thích vì sao em chọn.	- HS trả lời: Chữ A muốn nhắn nhủ các bạn chăm đọc sách. Em chọn đáp án b.
Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi cần kiểm tra vị trí chữ A trong bảng chữ cái trên bảng chữ cái điện tử, em cần làm gì để chọn thông tin đúng?	HS trả lời: Em cần quan sát kết quả, đối chiếu với SGK hoặc bảng chữ cái trong lớp, không bấm vào đường link lạ và không nhập tên, lớp của mình.
Diễn giải tích hợp NLS 1.1.CB1a: GV hướng dẫn HS hiểu rằng công cụ số như slide bảng chữ cái, video học chữ hoặc bảng chữ cái điện tử có thể giúp tìm nhanh thông tin về chữ cái. Tuy nhiên, HS cần biết chọn thông tin phù hợp với bài học, so sánh lại với SGK, không tự ý tìm kiếm lan man, không nhập thông tin riêng tư và luôn hỏi GV/người lớn khi chưa chắc chắn.	HS lắng nghe, nêu lại: Khi dùng công cụ số để học chữ cái, em chỉ xem nội dung bài học, kiểm tra lại với SGK và không chia sẻ thông tin cá nhân.
Câu hỏi dẫn tích hợp quyền con người: Khi chữ A buồn vì một mình không làm nên cuốn sách, em nghĩ trong lớp mình có nên để bạn nào bị cô lập không?	HS trả lời: Không nên; em cần chơi cùng, học cùng và tôn trọng các bạn.
Diễn giải tích hợp quyền con người: Qua câu chuyện, HS hiểu mỗi bạn đều có quyền được học tập, giao tiếp, kết bạn và bày tỏ cảm xúc. Trong lớp học, không bạn nào đáng bị bỏ rơi hoặc trêu chọc. Mỗi em cần biết lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt, mời bạn cùng tham gia hoạt động và giúp bạn tự tin hơn.	HS chia sẻ: Em sẽ rủ bạn cùng đọc sách, cùng chơi, không cười chê khi bạn đọc sai và biết động viên bạn cố gắng.
- GV kết luận nội dung bài đọc: Câu chuyện cho thấy chữ A nhận ra cần có bạn bè; mỗi chữ cái kết hợp với nhau mới làm nên những cuốn sách hay.	- HS nhắc lại: Chữ A cần các bạn chữ khác để tạo thành sách; chúng em cũng cần bạn bè để học tập vui hơn.
3. Thực hành - Hoạt động 3: Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc (12 phút) – Nói lời cảm ơn và tìm từ chỉ cảm xúc.	
- Luyện đọc lại đoạn em thích trong bài.	- HS đọc lại đoạn nói về ước mơ của chữ A hoặc đoạn chữ A nhận ra cần có bạn.
Bài tập 1: Nói tiếp lời của chữ A để cảm ơn các bạn chữ.	- HS đọc đề bài và câu mở đầu trong SGK.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Cảm ơn các bạn. Nhờ có các bạn, chúng ta đã (...)
- Thảo luận nhóm 2, thay lời chữ A nói lời cảm ơn các bạn chữ.	- HS nói: Cảm ơn các bạn. Nhờ có các bạn, chúng ta đã làm nên những cuốn sách hay và bổ ích.
Bài tập 2: Những từ nào dưới đây chỉ cảm xúc?	- HS đọc các từ: vui sướng, ngạc nhiên, nổi tiếng.
- Làm việc cá nhân, chọn từ chỉ cảm xúc rồi trình bày.	- HS trả lời: Từ chỉ cảm xúc là vui sướng, ngạc nhiên.
- Đặt một câu với một từ chỉ cảm xúc vừa tìm được.	- HS đặt câu: Em rất vui sướng khi được cô khen.
- GV kết luận: Khi đọc bài, các em cần hiểu nội dung, biết nói lời cảm ơn và nhận ra các từ ngữ thể hiện cảm xúc.	- HS ghi nhớ: Em cần biết cảm ơn khi được bạn giúp đỡ.
4. Vận dụng (3 phút) – Vận dụng bài học vào việc đọc sách và giao tiếp.	
- Chia sẻ với người thân một điều em học được từ chữ A và những người bạn.	- HS thực hiện: Em sẽ nói với người thân rằng muốn học tốt cần chăm đọc sách và biết hợp tác với bạn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....
..
.....
..

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 11
BÀI 19: CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN
TIẾT 3: VIẾT – CHỮ HOA I, K

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết viết chữ hoa I, K cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đều nét, đúng quy trình.
- Viết đúng câu ứng dụng Kiến tha lâu cũng đầy tổ, biết cách nối chữ hoa với chữ thường, đặt dấu thanh đúng vị trí.
- Nêu được cấu tạo, độ cao, độ rộng và quy trình viết chữ hoa I, K.

2. Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: tự luyện viết, biết tự soát lỗi chữ viết của mình.
- Giao tiếp, hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời góp ý phù hợp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết điều chỉnh tư thế ngồi, cách cầm bút, độ nghiêng vở.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: kiên trì luyện chữ, viết cẩn thận.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết đúng mẫu, hoàn thành bài viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Mẫu chữ hoa I, K; mẫu câu ứng dụng; máy tính, máy chiếu.
2. Học sinh: Vở Tập viết, bảng con, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Ôn chữ hoa đã học, tạo hứng thú vào tiết viết.	
- Nhắc lại các chữ hoa đã học và quan sát mẫu chữ hoa I, K. 	- HS nhắc lại một số chữ hoa đã học và quan sát mẫu chữ hoa I, K.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em luyện viết chữ hoa I, K và câu ứng dụng Kiến tha lâu cũng đầy tổ.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa I, K (15 phút) – Nắm cấu tạo, quy trình viết chữ hoa I, K.	
- Quan sát mẫu chữ hoa I, K và nêu độ cao, độ rộng, các nét cơ bản.	- HS nêu: Chữ I cỡ vừa cao 5 li, rộng 2 li; chữ K cỡ vừa cao 5 li, rộng 5 li; chữ K có nét đầu giống chữ I và thêm nét móc.
a. Quy trình viết chữ hoa I.	- HS lắng nghe, quan sát mẫu.
- Đặt bút trên đường kẻ 5, đưa bút viết nét cong trái kết hợp lượn ngang, sau đó viết nét móc ngược trái, cuối nét lượn vào trong và dừng bút đúng điểm.	- HS nhắc lại: Đặt bút trên đường kẻ 5, đưa bút theo nét cong trái - lượn ngang, viết nét móc ngược trái và dừng bút gọn nét.
- GV viết mẫu chữ I lần 1, lần 2; vừa viết vừa nhắc điểm đặt bút, đưa bút, dừng bút.	- HS quan sát hướng đi của nét chữ, dùng tay viết trên không.
- Viết chữ I trên bảng con.	- HS viết chữ I trên bảng con, giơ bảng để GV nhận xét.
b. Quy trình viết chữ hoa K.	- HS lắng nghe, quan sát mẫu.

- Viết nét 1 và nét 2 giống chữ hoa I; từ điểm giữa thân chữ đưa bút viết nét móc xuôi phải, nối liền với nét móc ngược phải, dừng bút đúng đường kẻ.	- HS nhắc lại: Chữ K có phần đầu giống chữ I; thêm nét móc xuôi phải và nét móc ngược phải nối liền.
- GV viết mẫu chữ K, nêu rõ cách lia bút, rê bút và dừng bút để chữ cân đối.	- HS quan sát, viết trên không theo hướng dẫn.
- Viết chữ K trên bảng con.	- HS viết chữ K trên bảng con, nhận xét chữ của mình và của bạn.
3. Thực hành - Hoạt động 2: Viết câu ứng dụng và viết vở (15 phút) – Viết đúng câu ứng dụng, đặt dấu thanh đúng vị trí.	
- Đọc câu ứng dụng: Kiến tha lâu cũng đầy tổ.	- HS đọc: Kiến tha lâu cũng đầy tổ.
- Câu ứng dụng muốn khuyên em điều gì?	- HS trả lời: Câu này khuyên em phải kiên trì, chăm chỉ, làm từng chút một thì sẽ đạt kết quả.
- Trong câu ứng dụng chữ nào viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ Kiến viết hoa vì đứng đầu câu.
- Nêu cách nối chữ K hoa với chữ i trong tiếng Kiến.	- HS trả lời: Từ điểm dừng bút của chữ K, đưa bút sang chữ i sao cho nét nối liền mạch, không bị rời chữ.
- Cách đặt dấu thanh ở các chữ trong câu như thế nào?	- HS trả lời: Dấu sắc đặt trên ê trong tiếng Kiến; dấu huyền đặt trên â trong tiếng đầy; dấu hỏi đặt trên ô trong tiếng tổ.
- Viết câu ứng dụng vào vở, chú ý khoảng cách giữa các chữ bằng một chữ o.	- HS viết vào vở, giữ tư thế ngồi viết đúng, trình bày sạch đẹp.
- Đổi vở cho bạn soát lỗi theo cặp đôi.	- HS đổi vở, góp ý: chữ đúng mẫu, khoảng cách đều, dấu thanh đúng vị trí.
- GV kết luận: Muốn viết đẹp, các em cần đặt bút đúng, đưa bút liền mạch, dừng bút gọn và luôn giữ vở sạch.	- HS ghi nhớ cách rèn chữ hoa I, K và câu ứng dụng.
4. Vận dụng (2 phút) – Tự luyện chữ hằng ngày.	
- Về nhà luyện thêm một dòng chữ hoa I hoặc K và tìm thêm một câu có chữ đầu là I hoặc K.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện viết ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

..

.....

..

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 11
BÀI 19: CHỮ A VÀ NHỮNG NGƯỜI BẠN
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE – NIỀM VUI CỦA EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Quan sát tranh và nói được niềm vui của nhân vật trong mỗi tranh.
- Nói được niềm vui của bản thân và điều làm bản thân không vui; biết chia sẻ với bạn.
- Biết nói chuyện với người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình.

2. Năng lực chung

- Giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe bạn trình bày, biết hỏi thêm để hiểu rõ ý bạn.
- Tự chủ, tự học: chuẩn bị ý nói trước khi chia sẻ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết diễn đạt cảm xúc bằng lời nói riêng.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết chia sẻ niềm vui, quan tâm đến cảm xúc của người khác.
- Trách nhiệm: mạnh dạn nói, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 2.A1.1: Nhận biết và mô tả được một số tình huống AI có thể hỗ trợ con người hiệu quả như gợi ý câu nói, ý tưởng; HS biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, còn lời nói cần xuất phát từ cảm xúc thật và được kiểm tra, chỉnh sửa cho phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Tranh minh hoạ SGK, thẻ gợi ý câu nói về niềm vui, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK, vở, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Tạo hứng thú và kết nối nội dung nói về niềm vui.	
- Hát/vận động theo một bài hát vui và chia sẻ nhanh một điều khiến em vui.	- HS chia sẻ: Em vui khi được chơi với bạn, khi được cô khen, khi giúp bố mẹ.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Quan sát tranh, nói về niềm vui của nhân vật (10 phút) – Quan sát tranh, nói đúng nội dung và cảm xúc.	
Bài tập 1: Quan sát tranh và nói về niềm vui của các nhân vật trong mỗi tranh. 	- HS đọc đề bài, quan sát tranh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Quan sát tranh và nói về niềm vui của các nhân vật trong mỗi tranh.
- Thảo luận nhóm 4, mỗi bạn chọn một nhân vật và nói niềm vui của nhân vật đó.	- HS trình bày: Niềm vui của tớ là được đi dạo trong cánh rừng mùa xuân. Niềm vui

	của tớ là được cây rừng tặng cho nhiều quả chín. Niềm vui của chúng tớ là được cùng học, cùng chơi với nhau.
Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu một trợ lí AI chỉ gợi ý câu "Em rất vui", câu đó đã đủ thể hiện niềm vui của em chưa?	HS trả lời: Chưa đủ, em cần nói rõ em vui vì điều gì và nói bằng cảm xúc thật của mình.
Diễn giải tích hợp AI 2.A1.1: GV giúp HS hiểu AI có thể gợi ý một số câu nói như "Em vui vì được học cùng bạn", "Em vui vì được đi chơi". Tuy nhiên, HS cần đọc lại, chỉnh sửa bằng trải nghiệm thật của mình, dùng lời nói tự nhiên, không sao chép máy móc và không kể thông tin riêng tư của bản thân hoặc gia đình.	HS lắng nghe và sửa câu gợi ý thành câu của bản thân: Em vui vì hôm nay em được chơi đá cầu cùng bạn trong giờ ra chơi.
3. Thực hành (17 phút) – Nói về niềm vui của bản thân và biết lắng nghe bạn.	
Bài tập 2: Niềm vui của em là gì? Điều gì làm em không vui? Hãy chia sẻ cùng các bạn.	- HS đọc đề bài và suy nghĩ câu trả lời.
- Làm việc cá nhân, viết nhanh 1 ý về niềm vui và 1 ý về điều làm em không vui.	- HS viết nháp: Em vui khi được đọc truyện. Em không vui khi bị bạn hiểu lầm.
- Chia sẻ nhóm 2, bạn nghe đặt thêm một câu hỏi.	- HS hỏi đáp: Vì sao bạn vui khi đọc truyện? Bạn làm gì khi bị hiểu lầm?
- Gọi 3 - 4 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Niềm vui của em là được chơi cùng bạn. Em không vui khi bạn không nghe em giải thích.
- GV kết luận: Khi nói về niềm vui hoặc nỗi buồn, các em cần nói chân thật, biết lắng nghe và tôn trọng cảm xúc của bạn.	- HS ghi nhớ cách chia sẻ cảm xúc lịch sự, tự tin.
4. Vận dụng (5 phút) – Chia sẻ niềm vui với người thân.	
- Nói chuyện với người thân về niềm vui của từng thành viên trong gia đình.	- HS ghi nhớ: Về nhà em hỏi bố mẹ, anh chị điều gì làm mọi người vui trong ngày hôm nay.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

..

.....

..

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 11
BÀI 20: NHÍM NÂU KẾT BẠN
TIẾT 1 - 2: ĐỌC – NHÍM NÂU KẾT BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Nhím nâu kết bạn; luyện phát âm các từ nhút nhát, lúng túng, vồn vã, trú ngụ.
- Hiểu nghĩa từ vồn vã, trú ngụ; hiểu nội dung bài: Nhím nâu nhận lời kết bạn cùng nhím trắng, từ đó có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; biết đóng vai nói tiếp lời xin lỗi, lời kết bạn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: đọc thầm, tìm thông tin trong bài để trả lời câu hỏi.
- Giao tiếp, hợp tác: biết thảo luận nhóm, đóng vai và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xử lí tình huống xin lỗi, làm lành, kết bạn.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết thông cảm, yêu thương, giúp đỡ và mở lòng kết bạn.
- Trách nhiệm: biết xin lỗi khi làm bạn buồn, biết hợp tác trong nhóm.

4. Tích hợp

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết tôn trọng tình bạn, mạnh dạn kết bạn, biết xin lỗi và làm lành khi có lỗi; biết sống thân thiện, chan hòa với bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Tranh minh hoạ SGK, phiếu thảo luận nhóm, thẻ tình huống nói lời xin lỗi, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK, vở, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) – Tạo hứng thú, kết nối chủ đề kết bạn.	
- Quan sát tranh và nói những đức tính tốt của bạn trong tranh. 	- HS trả lời: Bạn hiền lành, tốt bụng, lúc nào cũng vui vẻ. Em muốn học tập sự tốt bụng và vui vẻ của bạn.
- GV giới thiệu bài: Nhím nâu kết bạn kể về một bạn nhím còn nhút nhát nhưng biết mở lòng để có bạn.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng bài và ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) – Đọc đúng, hiểu từ khó, luyện đọc lời nhân vật.	
a. GV đọc mẫu.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo.

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng; lời nhím trắng vồn vã, lời nhím nâu ban đầu rụt rè, sau đó vui vẻ.	- HS chú ý giọng đọc của người kể chuyện và lời nhân vật.
b. Luyện đọc đoạn, từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị đọc nối tiếp đoạn.
- Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài có thể chia làm 3 đoạn theo các sự việc chính: nhím nâu gặp nhím trắng; nhím nâu nhận lời kết bạn; hai bạn cùng sống vui vẻ.
- Đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.	- HS đọc nối tiếp, bạn khác theo dõi để góp ý.
- Nêu từ khó đọc trong bài.	- HS nêu: nhút nhát, lúng túng, nấp, vồn vã, trú ngụ, hiền lành.
- Luyện đọc từ khó theo cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc đúng các từ: nhút nhát, lúng túng, nấp, vồn vã, trú ngụ.
- Giải nghĩa từ vồn vã, trú ngụ.	- HS trả lời: Vồn vã là niềm nở, nhiệt tình khi trò chuyện. Trú ngụ là sinh sống tạm ở một nơi nào đó.
- Đặt câu với từ hiền lành hoặc vồn vã.	- HS đặt câu: Bạn Lan rất hiền lành và hay giúp đỡ bạn bè.
c. Luyện đọc trong nhóm.	- HS chuyển sang luyện đọc nhóm ba.
- Luyện đọc nhóm ba; mỗi bạn đọc một đoạn, góp ý giọng đọc cho nhau.	- HS luyện đọc trong nhóm, sửa lỗi phát âm và ngắt nghỉ.
- Thi đọc giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; lớp bình chọn nhóm đọc đúng, rõ, thể hiện được lời nhân vật.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- Gọi 2 - 3 HS đọc toàn bài.	- HS đọc toàn bài; lớp theo dõi và nhận xét.
- GV kết luận: Khi đọc truyện, các em cần chú ý giọng kể và lời nhân vật để hiểu tình cảm của nhím nâu và nhím trắng.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị cho tiết đọc hiểu.
4. Vận dụng (3 phút) – Chuẩn bị nội dung đọc hiểu.	
- Về nhà đọc lại bài và suy nghĩ: Em học được điều gì từ nhím nâu?	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc lại bài.
TIẾT 2	
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Đọc hiểu (20 phút) – Trả lời câu hỏi đọc hiểu; liên hệ cách kết bạn, xin lỗi, làm lành.	
Bài tập 1: Chi tiết nào cho thấy nhím nâu	- HS đọc đề bài, đọc thầm đoạn đầu.

rất nhút nhát? 1. Chi tiết nào cho thấy nhím nâu rất nhút nhát? 2. Kể về những lần nhím trắng và nhím nâu gặp nhau. 3. Theo em, vì sao nhím nâu nhận lời kết bạn cùng nhím trắng? 4. Nhờ đâu nhím trắng và nhím nâu có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp? 1. Đóng vai nhím trắng, nhím nâu trong lần gặp lại để nói tiếp các câu: Xin lỗi... Đồng ngoại... 2. Đóng vai Bình và An để nói và đáp lời xin lỗi trong tình huống: Bình vô	
- Làm việc cá nhân, tìm chi tiết trong bài.	- HS trả lời: Khi thấy nhím trắng chạy tới, nhím nâu vội núp vào bụi cây.
Bài tập 2: Kể về những lần nhím trắng và nhím nâu gặp nhau.	- HS đọc đề bài, đọc thầm toàn bài.
- Thảo luận nhóm 4, nói các lần gặp nhau theo trình tự câu chuyện.	- HS trả lời: Lần đầu nhím trắng vui vẻ chạy tới chào bạn nhưng nhím nâu núp vào bụi cây. Lần sau nhím trắng xin lỗi và mời nhím nâu về nhà cùng trú ngụ.
Bài tập 3: Theo em, vì sao nhím nâu nhận lời kết bạn cùng nhím trắng?	- HS đọc đề bài, nêu ý kiến cá nhân.
- Trao đổi nhóm 2, nêu lí do bằng một câu đầy đủ.	- HS trả lời: Nhím nâu nhận lời vì nhím trắng rất tốt bụng, biết xin lỗi và muốn làm bạn thật lòng.
Bài tập 4: Nhờ đâu nhím trắng và nhím nâu có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp?	- HS đọc đề bài và tìm câu trả lời.
- Gọi HS trình bày, GV sửa cách diễn đạt cho đầy đủ.	- HS trả lời: Nhờ biết xin lỗi, biết mở lòng kết bạn và sống cùng nhau, hai bạn có những ngày mùa đông vui vẻ, ấm áp.
Câu hỏi dẫn tích hợp đạo đức, lối sống: Khi lỡ làm bạn buồn hoặc muốn kết bạn với bạn mới, em nên nói và làm gì?	HS trả lời: Em nên nói lời xin lỗi, nói lời làm quen, rủ bạn cùng chơi và cư xử nhẹ nhàng.
Diễn giải tích hợp đạo đức, lối sống: GV giúp HS hiểu rằng nhím trắng biết xin lỗi, nhím nâu biết mở lòng là biểu hiện của tình bạn đẹp. Trong lớp, các em cần biết nhận lỗi khi làm bạn buồn, biết tha thứ khi bạn xin lỗi, không trêu chọc bạn nhút nhát và chủ động giúp bạn mới hòa nhập.	HS lắng nghe và liên hệ: Em sẽ nói "Mình xin lỗi, mình không cố ý" khi làm bạn buồn; em sẽ rủ bạn mới cùng đọc sách hoặc chơi trò chơi.
- GV kết luận nội dung bài: Câu chuyện giúp chúng ta hiểu muốn có bạn cần biết mở lòng, thân thiện, biết xin lỗi và biết giúp đỡ nhau.	- HS nhắc lại: Em học được cách kết bạn, xin lỗi và làm lành với bạn.
3. Thực hành - Hoạt động 3: Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc (12 phút) – Đóng vai, nói lời xin lỗi, phân loại từ.	

- Luyện đọc lại đoạn có lời nhím trắng và nhím nâu.	- HS đọc lại lời nhân vật với giọng phù hợp: lời xin lỗi nhẹ nhàng, lời nhận lời kết bạn vui vẻ.
Bài tập 1: Đóng vai nhím trắng, nhím nâu trong lần gặp lại để nói tiếp các câu. 	- HS đọc đề bài, quan sát tranh.
- Thảo luận nhóm 2, một bạn đóng vai nhím trắng, một bạn đóng vai nhím nâu.	- HS nói: Nhím trắng: Xin lỗi cậu vì hôm trước làm cậu sợ. Nhím nâu: Đừng ngại, mình cũng muốn làm bạn với cậu.
Bài tập 2: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.	- HS đọc các từ: nhường bạn, hiền lành, giúp đỡ, chia sẻ, chăm chỉ, tươi vui.
- Làm việc nhóm 4, xếp từ vào nhóm từ chỉ hoạt động và từ chỉ đặc điểm.	- HS trả lời: Từ chỉ hoạt động: nhường bạn, giúp đỡ, chia sẻ. Từ chỉ đặc điểm: hiền lành, chăm chỉ, tươi vui.
- GV kết luận: Các từ chỉ hoạt động cho biết việc làm; các từ chỉ đặc điểm cho biết tính chất, phẩm chất của người hoặc sự vật.	- HS ghi nhớ cách phân biệt từ chỉ hoạt động và từ chỉ đặc điểm.
4. Vận dụng (3 phút) – Vận dụng lời xin lỗi, lời kết bạn vào cuộc sống.	
- Chọn một lời nói thân thiện em sẽ dùng khi muốn làm quen với bạn mới.	- HS nói: Chào bạn, mình là An. Mình có thể chơi cùng bạn được không?

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

..

.....

..

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 11
BÀI 20: NHÍM NÂU KẾT BẠN
TIẾT 3: VIẾT – NGHE - VIẾT: NHÍM NÂU KẾT BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nghe - viết đúng đoạn chính tả Nhím nâu kết bạn; trình bày sạch đẹp, đúng chính tả.
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt g/gh, iu/ưu và iên/iêng.
- Biết soát lỗi và sửa lỗi chính tả trong bài viết.

2. Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: nghe viết cẩn thận, tự kiểm tra bài.
- Giao tiếp, hợp tác: đổi vở soát lỗi cùng bạn.
- Giải quyết vấn đề: nhận diện lỗi chính tả và sửa lỗi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: nắn nót khi viết.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, hoàn thành bài đúng thời gian.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Bảng phụ/slide đoạn viết, phiếu bài tập chính tả, tranh SGK.
2. Học sinh: Vở ô li, VBT Tiếng Việt, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Tạo hứng thú và kết nối tiết chính tả.	
- Hát/vận động ngắn và nhắc lại tên bài đọc trước.	- HS hát, trả lời: Bài đọc trước là Nhím nâu kết bạn.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe - viết (20 phút) – Viết đúng đoạn chính tả, biết soát lỗi.	
- GV đọc đoạn chính tả trong bài Nhím nâu kết bạn. 1. Nghe – viết: Nhím nâu kết bạn Thấy nhím trắng tốt bụng, nhím nâu đã nhận lời kết bạn. Cả hai cùng trang trí chỗ ở cho đẹp. Chúng trải qua những ngày vui vẻ, ấm áp vì không phải sống một mình giữa mùa đông lạnh giá. 2. Chọn g hoặc gh thay cho ô vuông. – Suối ▢ộp bạn rồi ▢ộp thành sông lớn. Sông đi ra biển Biển thành mênh mông. (Theo Nguyễn Bảo) – Quả ▢ắc nào mà chín Cũng ▢ộp được mặt trời. (Theo Nguyễn Đức Quang) – Nắng ▢é vào cửa lớp Xem chúng em học bài. (Theo Nguyễn Xuân Sanh) 3. Chọn a hoặc b. a. Tìm từ có tiếng chứa ưu hoặc ưu. M: ưu lưu lo ưu: lưu luyến b. Tìm từ có tiếng chứa iên hoặc iêng. M: iên: hiền lành	- HS lắng nghe, 2 - 3 HS đọc lại đoạn viết.
- Tìm hiểu nhanh: Nhím trắng là người bạn như thế nào?	- HS trả lời: Nhím trắng là người bạn tốt bụng, biết xin lỗi và biết kết bạn.
- Đoạn viết có những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa chữ đầu tên bài, chữ đầu câu và chữ sau dấu chấm.
- Nêu chữ dễ viết sai và luyện viết bảng con.	- HS viết: nhím, nâu, trắng, xin lỗi, kết bạn, trang trí, chỗ ở.
- Nghe GV đọc và viết bài vào vở.	- HS nghe - viết bài vào vở, trình bày sạch đẹp.

- GV đọc lại để HS soát lỗi.	- HS soát lỗi lần 1; đổi vở cho bạn soát lỗi lần 2 bằng bút chì.
- GV nhận xét một số bài viết.	- HS lắng nghe, tự sửa lỗi chính tả nếu có.
3. Thực hành - Hoạt động 2: Làm bài tập chính tả (10 phút) – Phân biệt g/gh, iu/ưu, iên/iêng.	
Bài tập 2: Chọn g hoặc gh thay cho ô vuông.	- HS đọc đề bài và đọc thầm các câu thơ.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Chọn g hoặc gh thay cho ô vuông.
- Làm việc cá nhân, điền g hoặc gh vào VBT.	- HS điền: Suối gặp bạn rồi; góp thành sông lớn; quả gấc nào mà chín; cùng gặp được mặt trời; nắng ghé vào cửa lớp.
Bài tập 3: Chọn a hoặc b.	- HS đọc đề bài.
- Làm việc nhóm 2, tìm từ có tiếng chứa iu hoặc ưu.	- HS trả lời: iu: líu lo; ưu: lưu luyến.
- Làm việc nhóm 2, tìm từ có tiếng chứa iên hoặc iêng.	- HS trả lời: iên: hiền lành; iêng: siêng năng.
- GV kết luận: Trước e, ê, i thường viết gh; khi viết từ có vần gần giống nhau cần đọc kĩ để chọn đúng.	- HS ghi nhớ mẹo chính tả và sửa vào vở.
4. Vận dụng (2 phút) – Củng cố chính tả đã học.	
- Về nhà tìm thêm 2 từ có g/gh và 2 từ có iu/ưu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ luyện chính tả ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

..

.....

..

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 11
BÀI 20: NHÍM NÂU KẾT BẠN
TIẾT 4: LUYỆN TỪ VÀ CÂU – TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG, TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố và mở rộng vốn từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm.
- Biết chọn từ chỉ hoạt động phù hợp với câu.
- Đặt được câu về hoạt động của các bạn trong tranh.

2. Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: chủ động làm bài cá nhân.
- Giao tiếp, hợp tác: trao đổi nhóm để thống nhất đáp án.
- Giải quyết vấn đề: lựa chọn từ đúng theo ngữ cảnh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tham gia hoạt động học tập.
- Trách nhiệm: biết giúp đỡ bạn, giữ gìn tình bạn trong lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Tranh bài tập SGK, phiếu nhóm, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK, VBT, vở ô li.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Tạo hứng thú và kết nối tiết luyện từ và câu.	
- Nói nhanh một việc tốt em đã làm cho bạn.	- HS nêu: Em cho bạn mượn bút. Em giúp bạn nhặt sách. Em hỏi thăm bạn khi bạn ốm.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Ôn từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm (15 phút) – Nhận biết, phân loại từ.	
Bài tập 1: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.	- HS đọc đề bài và các từ trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.
- Thảo luận nhóm 4, xếp từ vào nhóm từ chỉ hoạt động và từ chỉ đặc điểm.	- HS trả lời: Từ chỉ hoạt động: nhường bạn, giúp đỡ, chia sẻ. Từ chỉ đặc điểm: hiền lành, chăm chỉ, tươi vui.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung nếu còn thiếu.
- GV kết luận: Từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi làm gì; từ chỉ đặc điểm cho biết sự vật, con người như thế nào.	- HS ghi nhớ cách nhận biết hai nhóm từ.
3. Thực hành - Hoạt động 2: Chọn từ, đặt câu (14 phút) – Dùng từ chỉ hoạt động trong câu và đặt câu về tranh.	
Bài tập 2: Chọn từ ngữ chỉ hoạt động đã tìm được ở bài tập 1 thay cho ô vuông.	- HS đọc đề bài và các câu trong SGK.

- Làm việc cá nhân, chọn từ phù hợp cho từng câu.	- HS điền: a. Con biết chia sẻ cùng bạn bè rồi đấy. b. Hải xúc động vì bạn đã giúp đỡ khi mình bị ốm. c. Cô khen Xuân đã biết nhường bạn.
- Gọi HS trình bày và giải thích lí do chọn từ.	- HS giải thích: Chia sẻ phù hợp với câu nói về niềm vui cùng bạn; giúp đỡ phù hợp với bạn bị ốm; nhường bạn phù hợp với việc đổi chỗ.
Bài tập 3: Đặt một câu về hoạt động của các bạn trong tranh.	- HS đọc đề bài, quan sát 4 tranh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Đặt một câu về hoạt động của các bạn trong tranh.
- Làm việc nhóm 2, mỗi bạn chọn một tranh và đặt một câu.	- HS đặt câu: Bạn Lan cho bạn Hải mượn bút. Các bạn đến thăm bạn bị ốm. Bạn nhỏ lau bàn. Các bạn múa hát rất vui.
- Gọi HS trình bày, GV sửa câu cho rõ ý.	- HS trình bày câu đã đặt và sửa lại nếu câu chưa đủ ý.
- GV kết luận: Khi đặt câu về hoạt động, câu cần nêu rõ ai làm gì để người nghe hiểu đúng ý.	- HS ghi nhớ: Câu nêu hoạt động cần có người/vật và hoạt động.
4. Vận dụng (3 phút) – Vận dụng đặt câu về việc làm tốt.	
- Đặt một câu về việc tốt em sẽ làm để giúp bạn trong tuần này.	- HS nói: Em sẽ giúp bạn trực nhật lớp. Em sẽ cho bạn mượn bút khi bạn quên.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

..

.....
..

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 11
BÀI 20: NHÍM NÂU KẾT BẠN
TIẾT 5 - 6: LUYỆN VIẾT ĐOẠN – ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Viết được 3 - 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em theo gợi ý.
- Biết đọc mở rộng bài viết về hoạt động của học sinh ở trường và nói với bạn về hoạt động em yêu thích.
- Biết trình bày câu rõ ý, có cảm xúc, đúng chủ đề.

2. Năng lực chung

- Tự chủ, tự học: tự chuẩn bị ý, viết đoạn văn và tự sửa câu.
- Giao tiếp, hợp tác: trao đổi nhóm, chia sẻ bài viết và bài đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn chi tiết tiêu biểu để kể về giờ ra chơi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực viết bài, đọc thêm.
- Trách nhiệm: biết giữ an toàn, vui chơi lành mạnh ở trường và tôn trọng bạn khi tham gia hoạt động.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 2.A1.2: HS biết AI có thể gợi ý câu/đoạn văn, nhưng phải tin tưởng ở mức hợp lí, kiểm tra lại và tự viết bằng trải nghiệm thật của mình.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: HS biết tìm đọc thông tin đơn giản về hoạt động ở trường trong học liệu số/SGK theo hướng dẫn; biết chọn lọc nội dung phù hợp, không mở liên kết lạ và không chia sẻ hình ảnh, thông tin cá nhân của bạn khi chưa được phép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Tranh giờ ra chơi, phiếu gợi ý viết đoạn, một số bài đọc mở rộng phù hợp, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK, vở ô li, bút, sách/bài đọc mở rộng.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (3 phút) – Kết nối với hoạt động vui chơi ở trường.	
- Kể tên một trò chơi hoặc hoạt động em thường tham gia trong giờ ra chơi.	- HS nêu: đá cầu, nhảy dây, đọc sách, chơi cầu lông, trò chuyện với bạn.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Tìm ý cho đoạn viết (12 phút) – Nói được việc làm của các bạn trong tranh và chọn ý viết.	
Bài tập 1: Kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.	- HS đọc đề bài, quan sát tranh.

 1. Kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi. 2. Viết 3 – 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em. G – Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường chơi ở đâu? – Em và các bạn thường chơi trò chơi gì? – Em thích hoạt động nào nhất? – Em cảm thấy thế nào sau mỗi giờ ra chơi?	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Kể tên một số hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi.
- Thảo luận nhóm 4, quan sát tranh và kể tên các hoạt động.	- HS trả lời: Các bạn chơi cầu lông, đá cầu, chạy nhảy, trò chuyện, ngồi nghỉ dưới gốc cây.
- GV hỏi: Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường chơi ở đâu?	- HS trả lời: Em và các bạn thường chơi ở sân trường, dưới gốc cây hoặc ở hành lang theo quy định.
- GV hỏi: Em thích hoạt động nào nhất?	- HS trả lời: Em thích chơi đá cầu vì được vận động và chơi cùng bạn.
Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu AI gợi ý một đoạn văn về giờ ra chơi, em có chép nguyên đoạn đó vào vở không? Vì sao?	HS trả lời: Không nên chép nguyên, vì em cần viết bằng trải nghiệm thật của mình và kiểm tra câu cho đúng.
Diễn giải tích hợp AI 2.A1.2: GV hướng dẫn HS hiểu AI có thể giúp gợi ý từ ngữ hoặc câu mở đầu, nhưng đoạn văn nộp là sản phẩm học tập của chính HS. HS cần đọc lại, chọn ý phù hợp, bỏ ý không đúng với lớp mình, viết bằng lời của mình và không đưa tên riêng, hình ảnh, thông tin cá nhân của bạn khi chưa được phép.	HS lắng nghe và nêu lại: Em có thể tham khảo gợi ý nhưng phải tự viết, tự kiểm tra và không ghi thông tin riêng tư của bạn.
3. Thực hành - Hoạt động 2: Viết 3 - 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em (17 phút) – Viết đoạn đúng chủ đề.	
Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.	- HS đọc đề bài và đọc các câu gợi ý.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết 3 - 4 câu kể về một giờ ra chơi ở trường em.
- Làm việc cá nhân, trả lời các câu gợi ý trước khi viết.	- HS trả lời: Trong giờ ra chơi, em chơi ở sân trường. Em và các bạn chơi đá cầu. Em thích nhất khi chuyền cầu cho bạn. Em cảm thấy rất vui.
- Viết đoạn văn vào vở.	- HS viết: Giờ ra chơi, em và các bạn thường chơi ở sân trường. Chúng em cùng

	chơi đá cầu dưới bóng cây. Bạn nào cũng cười nói rất vui vẻ. Sau giờ ra chơi, em thấy thoải mái và học tập tốt hơn.
- Đổi vở cho bạn đọc và góp ý.	- HS đổi vở, góp ý về số câu, nội dung, chữ viết và dấu câu.
- Gọi 2 - 3 HS đọc đoạn viết trước lớp.	- HS đọc đoạn viết; lớp lắng nghe, nhận xét câu rõ ý và đúng chủ đề.
- GV kết luận: Khi viết đoạn văn, các em cần viết đúng chủ đề, mỗi câu rõ ý, có cảm xúc thật và trình bày sạch đẹp.	- HS ghi nhớ cách viết đoạn văn kể về giờ ra chơi.
4. Vận dụng (3 phút) – Hoàn thiện đoạn viết.	
- Về nhà đọc lại đoạn viết, sửa một câu cho hay hơn và kể với người thân về giờ ra chơi em thích.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ hoàn thiện đoạn văn.
TIẾT 6	
1. Khởi động (5 phút) – Kết nối với hoạt động đọc mở rộng.	
- Chia sẻ tên một hoạt động ở trường em từng đọc hoặc từng tham gia.	- HS nêu: Ngày hội đọc sách, hội thi văn nghệ, giờ ra chơi, hoạt động trồng cây.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Tìm đọc bài viết về hoạt động của học sinh ở trường (10 phút) – Chọn bài đọc phù hợp.	
Bài tập 1: Tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường. ĐỌC MỞ RỘNG 1. Tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường. 2. Nói với bạn về hoạt động em yêu thích.	- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu đọc mở rộng.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm đọc các bài viết về hoạt động của học sinh ở trường.
- Hướng dẫn HS tìm bài đọc trong sách, thư viện lớp hoặc học liệu số do GV giới thiệu.	- HS chọn bài đọc phù hợp, ghi tên bài hoặc tên hoạt động.
Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi tìm bài đọc trên học liệu số, em cần chú ý điều gì để đọc đúng nội dung và an toàn?	HS trả lời: Em chỉ chọn bài do GV giới thiệu, không mở link lạ, không đăng ảnh hoặc tên bạn khi chưa được phép.
Diễn giải tích hợp NLS 1.1.CB1a: GV hướng dẫn HS biết tìm thông tin đơn giản về hoạt động ở trường trong học liệu số theo nhiệm vụ học tập. HS cần xem tên bài, nội dung chính, chọn thông tin phù hợp với lứa tuổi, không bấm quảng cáo, không chia sẻ hình ảnh, họ tên, lớp học của bạn lên mạng khi chưa có sự đồng ý của GV/người lớn.	HS lắng nghe, thực hành chọn bài đọc phù hợp và ghi lại tên bài/tên hoạt động.

3. Thực hành - Hoạt động 2: Nói với bạn về hoạt động em yêu thích (17 phút) – Chia sẻ nội dung bài đọc mở rộng.	
Bài tập 2: Nói với bạn về hoạt động em yêu thích.	- HS đọc đề bài và các gợi ý trong SGK.
- Làm việc nhóm 2, dựa vào gợi ý: Tên hoạt động là gì? Những ai đã tham gia? Điều bạn thích nhất là gì?	- HS nói: Hoạt động em thích là Ngày hội đọc sách. Các bạn học sinh và thầy cô cùng tham gia. Em thích nhất phần giới thiệu sách.
- Gọi 3 - 4 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Em thích hoạt động trồng cây ở trường vì hoạt động này giúp sân trường xanh hơn.
- GV hỏi: Khi tham gia hoạt động ở trường, em cần thực hiện điều gì để đảm bảo an toàn và vui vẻ?	- HS trả lời: Em cần nghe hướng dẫn của thầy cô, không chen lấn, chơi đúng nơi quy định và giúp đỡ bạn.
- GV kết luận: Đọc mở rộng giúp các em biết thêm nhiều hoạt động ở trường; khi chia sẻ thông tin, các em cần nói đúng, rõ và tôn trọng bạn.	- HS ghi nhớ cách đọc và chia sẻ bài đọc mở rộng.
4. Vận dụng (3 phút) – Duy trì thói quen đọc và chia sẻ sách.	
- Về nhà tìm thêm một bài viết hoặc tranh ảnh về hoạt động ở trường và kể lại cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....
..
.....
..

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 12

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 21: THẢ DIỀU

Tiết 1 - 2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Thả diều; phát âm đúng các tiếng dễ đọc sai như no gió, lưỡi liềm, nong trời, nhạc trời; biết ngắt nghỉ hơi theo nhịp thơ và dừng hơi lâu hơn sau mỗi khổ thơ.
- Hiểu nghĩa từ ngữ trong bài như Sông Ngân, nong, lưỡi liềm; biết đặt câu với từ ngữ vừa học.
- Hiểu nội dung bài: cánh diều làm cảnh thôn quê thêm tươi đẹp, gợi niềm vui tuổi thơ và vẻ đẹp làng quê.
- Biết tìm hình ảnh so sánh trong bài thơ; nói được một câu tả cánh diều; học thuộc lòng khổ thơ yêu thích.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, luyện đọc cá nhân, tự chọn khổ thơ yêu thích để học thuộc lòng.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi trả lời câu hỏi và nhận xét phần đọc của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ trải nghiệm trò chơi thả diều, diễn đạt cảm xúc riêng về bài thơ.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu cảnh đẹp làng quê, trân trọng trò chơi dân gian và vẻ đẹp thiên nhiên.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết lắng nghe, tôn trọng cảm nhận khác nhau của bạn khi đọc thơ.

4. Tích hợp

Tích hợp quyền con người: HS hiểu mỗi bạn đều có quyền chia sẻ cảm xúc, được lắng nghe và được tôn trọng khi đọc thơ, cảm thụ văn bản.

Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số; biết chọn lọc hình ảnh/video thả diều phù hợp, an toàn, không xem nội dung nguy hiểm hoặc không rõ nguồn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh SGK bài Thả diều, một số tranh/clip ngắn về trò chơi thả diều, phiếu thảo luận nhóm, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK Tiếng Việt 2, vở ghi, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) – Ôn bài cũ, gợi hứng thú qua tranh và trò chơi thả diều.	
- Đọc lại một đoạn trong bài Nhím nâu kết bạn và nêu một điều em nhớ nhất trong bài.	- HS đọc đoạn đã chuẩn bị và trả lời: Em nhớ chi tiết nhím nâu biết xin lỗi, biết kết bạn với nhím trắng.
- Quan sát tranh minh họa và trả lời: Các bạn trong tranh đang chơi trò chơi gì? 	- HS quan sát tranh và trả lời: Các bạn đang chơi thả diều trên cánh đồng.
- Em biết gì về trò chơi thả diều?	- HS trả lời: Thả diều là trò chơi dân gian; diều bay được nhờ gió; thường chơi ở nơi rộng, tránh đường điện và nơi nguy hiểm.
- GV giới thiệu bài: Bài thơ Thả diều sẽ giúp các em cảm nhận vẻ đẹp của cánh diều và niềm vui tuổi thơ nơi làng quê.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng bài và ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (25 phút) – Đọc đúng, hiểu từ khó và bước đầu cảm nhận bài thơ.	
a. GV đọc mẫu.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý giọng đọc nhẹ nhàng, trong sáng.
- Quan sát tranh và nêu nội dung tranh trước khi nghe đọc mẫu.	- HS nêu: Tranh vẽ các bạn nhỏ đang vui vẻ thả diều ở cánh đồng, cánh diều bay cao trên trời.

b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng khổ thơ.
- Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 5 khổ thơ.
- Đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1; phát hiện từ khó đọc.	- 5 HS đọc nối tiếp; HS nêu từ khó: no gió, lưỡi liềm, nong trời, nhạc trời, Sông Ngân.
- Luyện phát âm các từ khó theo hình thức cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc: no gió, lưỡi liềm, nong trời, nhạc trời, Sông Ngân.
- Luyện ngắt nhịp khổ thơ: Trời như cánh đồng / Xong mùa gặt hái / Diều em - lưỡi liềm / Ai quên bỏ lại.	- HS đọc theo nhịp, biết ngắt hơi sau từng dòng thơ, nhấn nhẹ ở từ lưỡi liềm.
- Trong bài thơ có từ ngữ nào em chưa hiểu nghĩa?	- HS nêu: Sông Ngân, nong, lưỡi liềm; HS giải nghĩa theo hiểu biết cá nhân.
- GV giải nghĩa: Sông Ngân là dải Ngân Hà; nong là vật dụng tròn bằng tre nứa dùng để phơi lúa; lưỡi liềm là dụng cụ cắt lúa.	- HS lắng nghe, nhắc lại nghĩa từ và ghi nhớ.
- Đặt một câu có từ lưỡi liềm.	- HS đặt câu: Trăng đầu tháng cong cong như lưỡi liềm.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị luyện đọc nhóm năm.
- Luyện đọc theo nhóm năm, mỗi bạn đọc một khổ thơ và góp ý cho nhau.	- HS luyện đọc trong nhóm, góp ý cho bạn về phát âm và ngắt nhịp.
- Thi đọc nối tiếp từng khổ thơ giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; cả lớp nhận xét, bình chọn nhóm đọc rõ ràng, đúng nhịp.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- Tự luyện đọc toàn bài thơ và đọc trước lớp.	- HS tự luyện đọc; 2 - 3 HS đọc toàn bài, lớp theo dõi.
TIẾT 2	
1. Khởi động chuyển tiết (2 phút) – Kết nối nội dung đã đọc ở tiết 1.	
- Nhắc lại tên bài và một hình ảnh em nhớ trong bài thơ.	- HS trả lời: Bài Thả diều; em nhớ hình ảnh cánh diều giống trăng vàng/lưỡi liềm.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) – Trả lời câu hỏi, hiểu nội dung bài thơ.	
- Đọc thầm câu hỏi 1 và các dòng thơ có hình ảnh cánh diều.	- HS đọc thầm câu hỏi và tìm chi tiết trong bài.

1. Kể tên những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ. 2. Hai câu thơ "Sao trời trôi qua/ Diều thành trăng vàng" tả cảnh vào lúc nào? a. Vào buổi sáng b. Vào buổi chiều c. Vào ban đêm 3. Khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì? a. Cánh diều làm thôn quê đông vui hơn. b. Cánh diều làm thôn quê giàu có hơn. c. Cánh diều làm cảnh thôn quê tươi đẹp hơn. 4. Em thích nhất khổ thơ nào trong bài? Vì sao? * Học thuộc lòng khổ thơ em thích.	
- Kể tên những sự vật giống cánh diều được nhắc tới trong bài thơ.	- HS trả lời: Những sự vật giống cánh diều là trăng vàng, chiếc thuyền, hạt cau, lưỡi liềm.
- Hai câu thơ "Sao trời trôi qua / Diều thành trăng vàng" tả cánh diều vào lúc nào?	- HS trả lời: Hai câu thơ tả cánh diều vào ban đêm, khi trên trời có sao và trăng.
- Khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì?	- HS chọn đáp án: Cánh diều làm cảnh thôn quê tươi đẹp hơn.
- Em thích nhất khổ thơ nào trong bài? Vì sao?	- HS trả lời theo cảm nhận: Em thích khổ thơ cuối vì có tiếng sáo diều trong ngần, làm quê hương thêm vui và đẹp.
- GV kết luận: Bài thơ vẽ nên hình ảnh cánh diều ở nhiều thời điểm, cho thấy cánh diều làm cảnh thôn quê thêm thanh bình, trong sáng và tươi đẹp.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung chính của bài.
- Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi bạn nêu cảm nhận về khổ thơ mình thích, chúng ta cần lắng nghe bạn như thế nào? - Diễn giải tích hợp quyền con người: Mỗi bạn có quyền nói suy nghĩ, cảm xúc của mình khi đọc thơ. Bạn có thể thích khổ thơ khác với mình, nhưng chúng ta cần lắng nghe, không chê bai, không cười cợt, biết tôn trọng cảm nhận riêng của bạn. Khi biết tôn trọng ý kiến của nhau, lớp học sẽ thân thiện và mỗi bạn sẽ tự tin hơn khi phát biểu.	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, không ngắt lời, không chê cảm nhận của bạn. - HS ghi nhớ: Em có quyền chia sẻ cảm xúc và cũng cần tôn trọng cảm xúc của bạn.
- Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Nếu muốn xem thêm hình ảnh hoặc video thả diều trên máy tính/điện thoại của người lớn, em cần chọn thông tin như thế nào? - Diễn giải tích hợp NLS 1.1.CB1a: GV hướng dẫn HS hiểu rằng khi tìm kiếm hình ảnh/video thả diều trong môi trường số, HS cần nhờ người lớn hỗ trợ, chọn nội dung phù hợp với lứa tuổi, có hình ảnh lành mạnh, không bấm vào quảng cáo lạ, không xem video hướng dẫn chơi ở nơi nguy hiểm như gần đường điện, mái nhà, đường xe chạy. Thông tin đúng sẽ giúp các em hiểu	- HS trả lời: Em cần nhờ người lớn, chọn hình ảnh/video phù hợp, không bấm vào trang lạ. - HS ghi nhớ: Em chỉ xem nội dung an toàn và biết chọn lọc thông tin khi tìm hiểu về trò chơi thả diều.

thêm về trò chơi dân gian; thông tin không phù hợp có thể làm các em bắt chước hành vi nguy hiểm.	
3. Thực hành (15 phút) – Luyện đọc lại, học thuộc lòng và luyện tập theo văn bản đọc.	
- Luyện đọc lại toàn bài với giọng vui tươi, trong sáng.	- HS luyện đọc cá nhân; 1 - 2 HS đọc trước lớp.
- Học thuộc lòng khổ thơ em thích.	- HS tự chọn khổ thơ, luyện đọc thuộc lòng và thi đọc trước lớp.
Bài tập 1: Từ ngữ nào được dùng để nói về âm thanh của sáo diều? 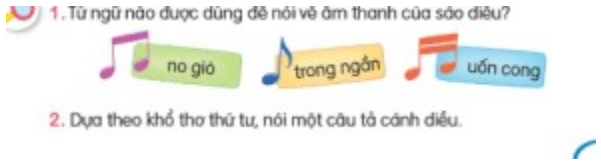 	- HS đọc đề bài và quan sát các thẻ từ trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Từ ngữ nào được dùng để nói về âm thanh của sáo diều?
- Làm cá nhân: đọc khổ thơ thứ hai, chọn từ ngữ đúng và giải thích lí do.	- HS trả lời: Từ ngữ nói về âm thanh của sáo diều là trong ngần, vì no gió và uốn cong không chỉ âm thanh.
Bài tập 2: Dựa theo khổ thơ thứ tư, nói một câu tả cánh diều.	- HS đọc đề bài và chuẩn bị đặt câu.
- Thảo luận nhóm 2: dựa vào khổ thơ thứ tư để nói một câu tả cánh diều.	- HS trao đổi nhóm 2 và nêu câu: Cánh diều cong cong như lưỡi liềm bị bỏ quên sau mùa gặt.
- Gọi HS trình bày; GV sửa câu và kết luận.	- HS trình bày; HS khác nhận xét. HS ghi nhớ cách dùng hình ảnh so sánh để tả cánh diều.
- GV kết luận: Các em đã biết tìm từ ngữ chỉ âm thanh và biết đặt câu tả cánh diều dựa vào hình ảnh trong bài thơ.	- HS lắng nghe và tự sửa câu của mình nếu cần.
4. Vận dụng (3 phút) – Liên hệ trải nghiệm và chuẩn bị bài sau.	
- Chia sẻ cảm xúc của em khi từng thấy hoặc từng tham gia thả diều.	- HS chia sẻ: Em thấy rất vui, thích nhìn diều bay cao và nghe tiếng sáo diều.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài thơ cho người thân nghe và chuẩn bị tiết Viết chữ hoa L.	- HS ghi nhớ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 12

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 21: THẢ DIỀU

Tiết 3: Viết – Chữ hoa L

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết viết chữ hoa L cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đều nét, đúng quy trình.
- Viết đúng câu ứng dụng Làng quê xanh mát bóng tre; biết đặt dấu thanh và giữ khoảng cách giữa các chữ.
- Nêu được cấu tạo, độ cao, độ rộng và quy trình viết chữ hoa L.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự luyện viết, tự kiểm tra tư thế ngồi viết và nét chữ.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết điều chỉnh cách cầm bút, tốc độ viết để chữ đẹp hơn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: kiên trì luyện chữ.
- Trách nhiệm: viết bài cẩn thận, giữ gìn vở sạch đẹp.

4. Tích hợp

Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường và tình yêu quê hương: qua câu ứng dụng Làng quê xanh mát bóng tre, HS biết yêu cảnh đẹp quê hương, có ý thức giữ gìn cây xanh và môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: mẫu chữ hoa L, tranh minh họa cây tre, bảng phụ câu ứng dụng, máy chiếu.
2. Học sinh: Vở Tập viết 2, bảng con, bút, phấn.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Ôn chữ hoa đã học, tạo tâm thế rèn chữ.	
- Nhắc lại các chữ hoa đã học và chỉnh tư thế ngồi viết.	- HS nêu một số chữ hoa đã học; ngồi thẳng lưng, mắt cách vở 25 - 30 cm, tay trái giữ vở, tay phải cầm bút đúng cách.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em luyện viết chữ hoa L và câu ứng dụng Làng quê xanh mát bóng tre.	- HS lắng nghe, mở vở Tập viết đúng trang.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa L (15 phút) – Nắm cấu tạo và quy trình viết chữ hoa L.	
- Quan sát mẫu chữ hoa L và nhận xét độ cao, độ rộng, các nét.	- HS quan sát và trả lời: Chữ L hoa cỡ vừa cao 5 li, rộng khoảng 4 li, gồm các nét cong dưới, lượn dọc, lượn ngang nối liền nhau.
- GV nêu quy trình đặt bút, đưa bút, dừng bút khi viết chữ hoa L.	- HS lắng nghe và nhắc lại: Đặt bút trên đường kẻ 6, đưa bút lượn cong xuống tạo vòng ở đầu chữ, kéo nét lượn dọc xuống, lượn ngang tạo vòng xoắn nhỏ ở chân chữ, dừng bút gần đường kẻ 2.
- Viết mẫu chữ hoa L trên bảng lớp, vừa viết vừa nhắc quy trình.	- HS quan sát đường đi của bút và dùng ngón tay viết theo trên không.
- Luyện viết chữ hoa L trên bảng con.	- HS viết bảng con chữ L cỡ vừa; giơ bảng để GV nhận xét, tự sửa nét chưa đúng.
3. Thực hành - Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng (15 phút) – Viết đúng câu ứng dụng và trình bày sạch đẹp.	
- Đọc câu ứng dụng: Làng quê xanh mát bóng tre.	- HS đọc câu ứng dụng cá nhân và đồng thanh.
- Câu ứng dụng nhắc đến hình ảnh nào của quê hương?	- HS trả lời: Câu ứng dụng nhắc đến làng quê, cây tre, bóng tre xanh mát.
- GV liên hệ: Cây tre gắn bó với làng quê Việt Nam; chúng ta cần yêu quê hương, chăm sóc cây xanh, không bẻ cành, không phá hoại cây.	- HS lắng nghe và nêu việc làm: Em chăm sóc cây, không bẻ cành, không giẫm lên cỏ.

- Nhận xét cách viết câu ứng dụng: chữ nào viết hoa, độ cao các chữ, khoảng cách giữa các tiếng, vị trí dấu thanh.	- HS trả lời: Chữ L viết hoa vì đứng đầu câu; khoảng cách giữa các tiếng bằng một chữ o; dấu huyền đặt trên a trong Làng; dấu sắc đặt trên a trong mát.
- Viết vở Tập viết theo yêu cầu.	- HS viết chữ L cỡ vừa, cỡ nhỏ và câu ứng dụng vào vở; giữ vở sạch, viết đúng dòng kẻ.
- Đổi vở theo nhóm 2 để soát lỗi và nhận xét.	- HS đổi vở, nhận xét bạn: chữ đúng mẫu, đều nét, khoảng cách hợp lí; tự sửa lỗi nếu có.
- GV kết luận: Viết chữ hoa L cần chú ý vòng lượn đầu chữ, nét thắt ở chân chữ và nối chữ L với chữ viết thường thật mềm mại.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách viết chữ hoa L.
4. Vận dụng (2 phút) – Củng cố và chuẩn bị bài sau.	
- Tìm thêm một tên riêng hoặc một câu có chữ hoa L.	- HS nêu: Lan, Long, Lớp em rất vui.
- Dặn dò: Về nhà luyện viết thêm chữ L và chuẩn bị tiết Nói và nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 12

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 21: THẢ DIỀU

Tiết 4: Nói và nghe – Kể chuyện Chúng mình là bạn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nghe kể và nhận biết được các sự việc chính trong câu chuyện Chúng mình là bạn.
- Biết dựa vào tranh để kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện, lời kể rõ ràng, tự nhiên.
- Biết nói được bài học về tình bạn, sự giúp đỡ và quan tâm giữa bạn bè.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị nội dung kể, lựa chọn đoạn mình nhớ để kể.
- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bạn kể, nhận xét, góp ý nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết kể chuyện bằng lời của mình, thêm giọng điệu phù hợp.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu quý bạn bè, biết giúp đỡ và chia sẻ với bạn.
- Trách nhiệm: hợp tác tốt trong hoạt động nhóm.

4. Tích hợp

Tích hợp đạo đức, lối sống: giáo dục HS biết kết bạn, biết quan tâm, hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn, cùng nhau sống vui vẻ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh kể chuyện Chúng mình là bạn, máy chiếu, thẻ gợi ý kể chuyện.
2. Học sinh: SGK, vở ghi, tinh thần chuẩn bị kể chuyện.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Tạo hứng thú và kết nối câu chuyện về tình bạn.	
- Hát hoặc vận động ngắn theo bài hát về tình bạn.	- HS hát/vận động, tạo không khí vui vẻ.
- GV giới thiệu bài: Tiết học này, các em nghe và kể câu chuyện Chúng mình là bạn.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.

2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Nghe kể chuyện (10 phút) – Nhận biết các sự việc trong từng tranh.	
- Quan sát 4 tranh và đọc các câu hỏi dưới tranh. 	- HS quan sát tranh, đọc thầm câu hỏi gợi ý.
- Trong câu chuyện, những bạn nào chơi thân với nhau?	- HS trả lời: Hươu con, ếch ộp, sơn ca và nai vàng chơi thân với nhau.
- Ba bạn thường kể cho nhau nghe những gì?	- HS trả lời: Ba bạn thường kể cho nhau nghe những điều thú vị trong rừng, chuyện ở nơi mình sống.
- Ba bạn nghĩ ra cách gì để tận mắt thấy những điều đã nghe?	- HS trả lời: Các bạn cùng đi đến nơi ở của nhau để tận mắt nhìn thấy điều bạn kể.
- Ếch ộp, sơn ca và nai vàng đã rút ra được bài học gì?	- HS trả lời: Các bạn hiểu rằng mỗi nơi đều có điều hay; phải biết lắng nghe, chia sẻ và tôn trọng bạn.
- GV kể chuyện lần 1, kết hợp chỉ tranh; kể lần 2 và dừng ở từng tranh để HS nhắc lại sự việc.	- HS lắng nghe, ghi nhớ chi tiết chính trong từng tranh.
3. Thực hành (17 phút) – Kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.	
- Chọn 1 - 2 tranh em nhớ nhất để tập kể lại bằng lời của mình.	- HS chọn tranh, tự tập kể thầm trong 1 phút.
- Tập kể theo nhóm 4: một bạn kể, các bạn còn lại lắng nghe, góp ý.	- HS kể trong nhóm; bạn góp ý về nội dung, giọng kể và thứ tự sự việc.
- Mời đại diện nhóm kể trước lớp.	- HS kể trước lớp: Em kể tranh 1, trong rừng các bạn hươu, ếch, sơn ca, nai vàng là bạn thân của nhau...
- GV nhận xét và kết luận: Câu chuyện khuyên chúng ta biết lắng nghe bạn, biết chia sẻ điều mình biết và cùng nhau khám phá những điều tốt đẹp.	- HS lắng nghe, nêu bài học: Em cần yêu quý và tôn trọng bạn bè.
4. Vận dụng (5 phút) – Kể chuyện cho người thân nghe.	
- Chọn kể 1 đoạn câu chuyện cho bạn bên cạnh nghe lần cuối trước khi về nhà kể cho người thân.	- HS kể lại đoạn mình thích cho bạn nghe.

- Dặn dò: Về nhà kể câu chuyện Chúng mình là bạn cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 12

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 22: TỚ LÀ LÊ-GÔ

Tiết 1 - 2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Tớ là lê-gô; phát âm đúng các tiếng dễ đọc sai như lê-gô, lắp ráp, rô-bốt, kiên nhẫn.
- Hiểu nghĩa từ lắp ráp; hiểu nội dung bài: đồ chơi lê-gô giúp trẻ rèn trí tưởng tượng, óc sáng tạo và tính kiên nhẫn.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu, chọn nội dung phù hợp với từng đoạn, tìm từ chỉ đặc điểm và đặt câu với từ vừa tìm được.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, tìm hiểu thông tin trong văn bản.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, chia sẻ sở thích về đồ chơi.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết nói ý tưởng lắp ghép đồ chơi và nêu cách sử dụng đồ chơi an toàn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực đọc bài, tham gia luyện tập.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ chơi, cất đồ chơi gọn gàng, không tranh giành khi chơi chung.

4. Tích hợp

Tích hợp kĩ năng sống: HS biết chơi đồ chơi an toàn, biết chia sẻ, hợp tác, giữ gìn đồ chơi và thu dọn sau khi chơi.

Tích hợp AI 2.C3.1: Biết AI có thể nhận diện/phân loại đồ vật, đồ chơi qua hình ảnh; HS cần quan sát, kiểm tra lại vì công cụ có thể nhận diện chưa chính xác nếu hình ảnh không rõ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh SGK bài Tớ là lê-gô, một số mảnh ghép/đồ chơi lắp ráp, phiếu thảo luận nhóm, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK Tiếng Việt 2, vở ghi, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) – Nói về đồ chơi yêu thích và kết nối bài đọc.	
- Nói tên một số đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất?	- HS trả lời: Em có gấu bông, ô tô, bộ xếp hình. Em thích bộ lê-gô nhất vì có thể lắp thành nhiều đồ vật.
- Quan sát tranh và nói các bạn trong tranh đang làm gì.	- HS quan sát và trả lời: Các bạn đang ngồi chơi đồ chơi lê-gô, lắp ghép các khối nhỏ thành hình.

- GV giới thiệu bài: Bài Tớ là lê-gô sẽ giúp các em biết thêm về đồ chơi lắp ráp và lợi ích của nó.	- HS lắng nghe, mở SGK đúng bài và ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (25 phút) – Đọc đúng, hiểu từ khó, nắm nội dung bài.	
a. GV đọc mẫu.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo.
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, tự hào như lời một bạn lê-gô đang giới thiệu về mình.	- HS chú ý cách ngắt nghỉ và giọng đọc.
b. HS luyện đọc từng đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. 	- HS chuẩn bị luyện đọc từng đoạn.
- Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc có 4 đoạn: giới thiệu tên gọi lê-gô; đặc điểm các khối lê-gô; cách lắp ghép; lợi ích khi chơi lê-gô.
- Đọc nối tiếp từng đoạn lần 1 và nêu từ khó đọc.	- HS đọc nối tiếp; nêu từ khó: lê-gô, lắp ráp, rô-bốt, xe cộ, kiên nhẫn.
- Luyện phát âm từ khó theo cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc đúng các từ: lê-gô, lắp ráp, rô-bốt, kiên nhẫn.
- Trong bài có từ nào em chưa hiểu nghĩa?	- HS nêu: lắp ráp.
- GV giải nghĩa: Lắp ráp là lắp các bộ phận vào với nhau cho đúng vị trí để tạo nên một vật hoàn chỉnh.	- HS lắng nghe và đặt câu: Em lắp ráp các mảnh lê-gô thành chiếc xe.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS chuẩn bị đọc nhóm.
- Luyện đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS đọc trong nhóm, góp ý bạn về phát âm, ngắt nghỉ.
- Thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; lớp nhận xét nhóm đọc tốt.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- Gọi 2 - 3 HS đọc toàn bài.	- HS đọc toàn bài; HS khác theo dõi SGK.
TIẾT 2	

1. Khởi động chuyển tiết (2 phút) – Nhắc lại nội dung đã đọc.	
- Nhắc lại bài đọc Tớ là lê-gô nói về điều gì.	- HS trả lời: Bài đọc giới thiệu đồ chơi lê-gô và lợi ích khi chơi lê-gô.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) – Trả lời câu hỏi và hiểu ý nghĩa bài đọc.	
- Đọc thầm câu hỏi 1 và trả lời: Đồ chơi lê-gô còn được các bạn nhỏ gọi là gì? Từ những mảnh ghép nhỏ bé, chúng tớ kết hợp với nhau để tạo ra cả một thế giới kì diệu. Các bạn có thể lắp ráp nhà cửa, xe cộ, người máy,... theo ý thích. Sau đó, các bạn tháo rời ra để ghép thành những vật khác. Chúng tớ giúp các bạn có trí tưởng tượng phong phú, khả năng sáng tạo và tính kiên nhẫn. Nào, các bạn đã sẵn sàng chơi cùng chúng tớ chưa? (Bảo Châu) **Từ ngữ** *Lắp ráp*: lắp các bộ phận vào với nhau cho đúng vị trí để tạo nên một vật hoàn chỉnh. 1. Đồ chơi lê-gô còn được các bạn nhỏ gọi là gì? 2. Nêu cách chơi lê-gô.	- HS trả lời: Đồ chơi lê-gô còn được các bạn nhỏ gọi là đồ chơi lắp ráp.
- Nếu cách chơi lê-gô.	- HS trả lời: Có thể ghép các mảnh lê-gô thành xe cộ, người máy, nhà cửa, công trình hoặc những hình theo ý thích.
- Trò chơi lê-gô đem lại lợi ích gì?	- HS trả lời: Trò chơi lê-gô giúp phát triển trí tưởng tượng, óc sáng tạo và tính kiên nhẫn.
- Chọn nội dung phù hợp với mỗi đoạn trong bài đọc.	- HS trả lời: Đoạn 1: Giới thiệu tên gọi lê-gô; Đoạn 2: Tả đặc điểm lê-gô; Đoạn 3: Hướng dẫn cách chơi lê-gô; Đoạn 4: Nói về lợi ích của việc chơi lê-gô.
- GV kết luận: Lê-gô là đồ chơi lắp ráp có nhiều màu sắc, giúp các em tưởng tượng, sáng tạo, kiên nhẫn và biết hợp tác khi chơi cùng bạn.	- HS lắng nghe, nhắc lại lợi ích của đồ chơi lê-gô.
- Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu cô đưa ảnh các đồ chơi cho một công cụ thông minh nhận diện, công cụ đó có thể gọi đúng tên đồ chơi không? - Diễn giải tích hợp AI 2.C3.1: GV hướng dẫn HS hiểu rằng AI có thể nhận diện và phân loại đồ vật, đồ chơi qua hình ảnh, ví dụ nhận ra lê-gô, gấu bông, ô tô đồ chơi. Tuy nhiên, nếu ảnh bị mờ, đồ chơi bị che khuất hoặc có nhiều đồ vật chồng lên nhau, AI có thể nhận diện sai. Vì vậy, con người vẫn cần quan sát thật kĩ, kiểm tra lại bằng hiểu biết của mình và không tin hoàn toàn vào kết quả máy gợi ý.	- HS trả lời: Công cụ có thể gọi đúng nhưng cũng có thể nhầm nếu ảnh không rõ. - HS ghi nhớ: Em cần quan sát và kiểm tra lại kết quả do công cụ thông minh gợi ý.
3. Thực hành (15 phút) – Luyện tập theo văn bản đọc.	
Bài tập 1: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của những khối lê-gô.	- HS đọc đề bài và chuẩn bị tìm từ trong bài.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của những

	khối lê-gô.
- Làm cá nhân: đọc đoạn 2, tìm từ chỉ đặc điểm của các khối lê-gô.	- HS trả lời: Từ chỉ đặc điểm là nhỏ bé, đầy màu sắc, hình vuông, hình chữ nhật, hình nhân vật tí hon, xinh xắn.
Bài tập 2: Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.	- HS đọc đề bài và chọn một từ để đặt câu.
- Thảo luận nhóm 2, mỗi bạn đặt một câu với từ chỉ đặc điểm.	- HS đặt câu: Các mảnh lê-gô đầy màu sắc. Bạn nhỏ xếp được ngôi nhà xinh xắn.
- Gọi HS trình bày; GV sửa câu và kết luận.	- HS trình bày câu; HS khác nhận xét, sửa lỗi nếu có.
4. Vận dụng (3 phút) – Liên hệ sử dụng đồ chơi an toàn.	
- Em cần làm gì khi chơi lê-gô cùng bạn?	- HS trả lời: Em cần chia sẻ đồ chơi, không tranh giành, không cho mảnh nhỏ vào miệng, chơi xong cất gọn.
- Dặn dò: Về nhà kể với người thân về một đồ chơi giúp em sáng tạo.	- HS ghi nhớ và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 12

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 22: TỚ LÀ LÊ-GÔ

Tiết 3: Viết – Nghe viết: Đồ chơi yêu thích

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nghe - viết đúng đoạn chính tả Đồ chơi yêu thích; trình bày đúng, sạch đẹp.
- Làm đúng bài tập phân biệt ng/ngh, ch/tr, uôn/uông.
- Biết soát lỗi, sửa lỗi chính tả và viết đúng những tiếng dễ lẫn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, tự soát lỗi bài viết.
- Giao tiếp và hợp tác: đổi vở, góp ý cho bạn theo cặp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách ghi nhớ quy tắc chính tả.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: cẩn thận trong nghe - viết.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết đúng chính tả.

4. Tích hợp

Tích hợp AI 2.D1.2: Thực hành lựa chọn ví dụ phù hợp để "dạy" AI trong một tình huống đơn giản; HS hiểu muốn công cụ thông minh gợi ý đúng từ ngữ thì ví dụ đưa vào phải rõ ràng, đúng chính tả và được con người kiểm tra.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: bảng phụ đoạn viết, tranh/bài tập chính tả SGK, phiếu bài tập.
2. Học sinh: Vở ô li, bảng con, bút chì soát lỗi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Tạo hứng thú và kết nối với bài chính tả.	
- Kể tên một đồ chơi em yêu thích.	- HS nêu: Em thích diều, chong chóng, đèn ông sao, lê-gô, ô tô điều khiển.

- GV giới thiệu bài nghe - viết Đồ chơi yêu thích.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe - viết (20 phút) – Viết đúng đoạn chính tả.	
- GV đọc đoạn chính tả Đồ chơi yêu thích. VIẾT 1. Nghe – viết: Đồ chơi yêu thích Tớ rất thích các đồ chơi truyền thống như diều, chong chóng, đèn ông sao. Tớ cũng thích các đồ chơi hiện đại như lê-gô, ô tô điều khiển từ xa, siêu nhân. Đồ chơi nào tớ cũng giữ gìn cẩn thận. 2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông. a. Dù ai nói ▨à nói ▨iêng Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân. b. ▨ười không học như ▨ọc không mài. c. Mấy cậu bạn đang ▨ó ▨iêng tìm chỗ chơi đá cầu. 3. Chọn a hoặc b. a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông. ▨ung thu ▨ung sức ▨ong ▨óng ▨ong xanh b. Chọn *uôn* hoặc *uông* thay cho ô vuông.	- HS lắng nghe, 2 - 3 HS đọc lại đoạn viết.
- Đoạn viết nói về những đồ chơi nào?	- HS trả lời: Đoạn viết nói về diều, chong chóng, đèn ông sao, lê-gô, ô tô điều khiển từ xa, siêu nhân.
- Đoạn viết có những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa chữ đầu tên bài và chữ đầu câu.
- Tìm những chữ dễ viết sai trong đoạn.	- HS nêu: truyền thống, hiện đại, điều khiển, siêu nhân, thích.
- Viết bảng con một số từ khó.	- HS viết bảng con: truyền thống, điều khiển, siêu nhân.
- Nghe GV đọc từng cụm từ và viết vào vở.	- HS nghe, viết bài vào vở đúng tốc độ, trình bày sạch đẹp.
- Soát lỗi lần 1 bằng bút mực, đổi vở soát lỗi lần 2 bằng bút chì.	- HS soát lỗi, gạch chân chữ viết sai nếu có và tự sửa.
3. Thực hành (10 phút) – Làm bài tập chính tả.	
Bài tập 2: Chọn ng hoặc ngh thay cho ô vuông.	- HS đọc đề bài, quan sát nội dung bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Chọn ng hoặc ngh thay cho ô vuông.
- Làm cá nhân vào vở bài tập; sau đó trao đổi nhóm 2.	- HS làm bài: ngả/ngã? HS chọn đúng theo tiếng trong bài; nêu quy tắc ngh đứng trước e, ê, i; ng đứng trước a, o, ô, u, ư...
Bài tập 3: Chọn a hoặc b.	- HS đọc đề bài và chọn phần theo yêu cầu của GV.
- Thảo luận nhóm 4, tìm tiếng có ch/tr hoặc uôn/uông thay cho ô vuông.	- HS thảo luận, nêu đáp án: chong chóng, chuồn chuồn, cuộn chỉ, chuông gió; HS tự sửa vào vở.
- GV kết luận: Khi làm bài chính tả, các em cần đọc kĩ tiếng, nhớ quy tắc ng/ngh và phân biệt âm, vần dễ lẫn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ quy tắc chính tả.

- Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu muốn công cụ thông minh gợi ý đúng từ có ng hoặc ngh, em cần đưa ví dụ như thế nào? - Diễn giải tích hợp AI 2.D1.2: GV giúp HS hiểu rằng công cụ thông minh học từ ví dụ. Nếu ví dụ đưa vào rõ ràng, đúng chính tả như ngh đứng trước e, ê, i; ng đứng trước a, o, ô, u, ư thì công cụ sẽ dễ gợi ý đúng hơn. Nếu ví dụ sai hoặc không rõ, công cụ có thể gợi ý sai. Vì vậy, khi dùng công cụ số, HS cần kiểm tra lại kết quả bằng kiến thức chính tả đã học, không chép máy móc.	- HS trả lời: Em cần đưa ví dụ đúng, rõ ràng và kiểm tra lại bằng quy tắc chính tả. - HS ghi nhớ: Công cụ chỉ hỗ trợ, em vẫn phải tự đọc và tự kiểm tra.
4. Vận dụng (2 phút) – Củng cố bài viết.	
- Nêu một từ có ng và một từ có ngh.	- HS nêu: ngôi nhà, nghé con/nghỉ ngơi.
- Dặn dò: Về nhà sửa lỗi trong bài viết và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 12

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 22: TỚ LÀ LÊ-GÔ

Tiết 4: Luyện từ và câu – Từ ngữ chỉ sự vật; Câu nêu đặc điểm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Tìm được từ ngữ gọi tên đồ chơi trong tranh.
- Sắp xếp được từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.
- Đặt được câu nêu đặc điểm của một đồ chơi.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự hoàn thành bài tập cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm khi tìm từ và đặt câu.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ để nói, viết câu đúng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập dùng từ, đặt câu.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ chơi chung và đồ chơi cá nhân.

4. Tích hợp

Tích hợp kĩ năng sống: HS biết chơi đồ chơi an toàn, biết cất gọn đồ chơi, không tranh giành và biết chia sẻ khi chơi cùng bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh bài tập SGK, phiếu nhóm, thẻ từ.
2. Học sinh: SGK, vở bài tập, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Gợi vốn từ về đồ chơi.	
- Kể tên nhanh 3 đồ chơi mà em biết.	- HS nêu: gấu bông, ô tô, diều, chong chóng, lê-gô, rô-bốt.
- GV giới thiệu tiết học: Hôm nay, các em luyện tìm từ gọi tên đồ chơi và đặt câu nêu đặc điểm.	- HS lắng nghe, mở SGK.

2. Khám phá kiến thức (10 phút) – Tìm từ ngữ gọi tên đồ chơi.	
Bài tập 1: Tìm từ ngữ gọi tên các đồ chơi có trong bức tranh bên. 3. Trò chơi lê-gô đem lại lợi ích gì? 4. Chọn nội dung phù hợp với mỗi đoạn trong bài đọc. Đoạn 1 a. Hướng dẫn cách chơi lê-gô Đoạn 2 b. Nói về lợi ích của việc chơi lê-gô Đoạn 3 c. Giới thiệu tên gọi lê-gô Đoạn 4 d. Tả đặc điểm lê-gô 1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của những khối lê-gô. 2. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.	- HS đọc đề bài, quan sát tranh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm từ ngữ gọi tên các đồ chơi có trong bức tranh bên.
- Làm nhóm 2: quan sát tranh và gọi tên từng đồ chơi.	- HS trả lời: Trong tranh có gấu bông, máy bay, ô tô, bóng, búp bê, tàu, lê-gô, diều, chong chóng, dây nhảy...
- Gọi HS trình bày; GV sửa tên đồ chơi nếu HS gọi chưa đúng.	- HS trình bày; HS khác bổ sung.
3. Thực hành (19 phút) – Sắp xếp từ thành câu và đặt câu nêu đặc điểm.	
Bài tập 2: Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.	- HS đọc đề bài và các nhóm từ trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.
- Làm cá nhân vào vở; sau đó đổi vở nhóm 2 để kiểm tra.	- HS viết: a. Chú gấu bông rất mềm mại. b. Đồ chơi lê-gô có nhiều màu sắc sặc sỡ. c. Búp bê xinh xắn như em bé.
- Gọi HS đọc câu đã sắp xếp; GV sửa lỗi trật tự từ và dấu câu.	- HS đọc câu; HS khác nhận xét, sửa bài.
Bài tập 3: Đặt một câu nêu đặc điểm của một đồ chơi.	- HS đọc đề bài và chọn một đồ chơi để đặt câu.
- Thảo luận nhóm 4: mỗi bạn nói một câu nêu đặc điểm của đồ chơi mình thích.	- HS nói: Con rô-bốt màu xanh rất ngộ nghĩnh. Chiếc diều nhiều màu sắc. Quả bóng tròn xoe.
- GV kết luận: Câu nêu đặc điểm cho biết đồ vật có màu sắc, hình dáng, kích thước hoặc tính chất như thế nào.	- HS ghi nhớ và tự sửa câu nếu cần.
4. Vận dụng (3 phút) – Nói việc làm giữ gìn đồ chơi.	
- Nêu một việc em làm để giữ gìn đồ chơi của mình.	- HS trả lời: Em cất đồ chơi vào hộp, không ném đồ chơi, không làm hỏng đồ chơi của bạn.
- Dặn dò: Về nhà nói với người thân 2 câu nêu đặc điểm về đồ chơi trong nhà.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 12

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 22: TỚ LÀ LÊ-GÔ

Tiết 5 - 6: Luyện viết đoạn; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nói được việc làm của các bạn trong tranh và viết được 3 - 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.
- Biết tìm đọc bài hướng dẫn tổ chức trò chơi hoặc hoạt động tập thể; ghi lại tên trò chơi/hoạt động và các bước thực hiện.
- Biết trình bày đoạn viết rõ ý, đúng câu, có cảm xúc phù hợp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chọn đồ chơi, lập ý và hoàn thành đoạn viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết chia sẻ ý tưởng trong nhóm, góp ý đoạn viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin phù hợp để giới thiệu đồ chơi và trò chơi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện viết và đọc mở rộng.
- Trách nhiệm: biết sử dụng thông tin an toàn, ghi chép trung thực, giữ gìn đồ chơi.

4. Tích hợp

Tích hợp NLS 1.2.CB1a: Phát hiện được độ tin cậy và độ chính xác của nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số đơn giản; biết chọn nguồn hướng dẫn trò chơi phù hợp lứa tuổi, có người lớn hỗ trợ, không làm theo hướng dẫn nguy hiểm hoặc không rõ nguồn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh bài tập SGK, phiếu lập ý, một số sách/bài hướng dẫn trò chơi phù hợp, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK, vở, bút, bài đọc mở rộng đã chuẩn bị.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (3 phút) – Kết nối với hoạt động giới thiệu đồ chơi.	
- Kể tên một đồ chơi mà trẻ em thường yêu thích.	- HS nêu: búp bê, gấu bông, rô-bốt, diều, siêu nhân, bộ lê-gô.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Nói về đồ chơi và hoạt động trong tranh (10 phút).	
Bài tập 1: Giới thiệu các đồ chơi mà trẻ em yêu thích. 	- HS đọc đề bài và quan sát tranh đồ chơi.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Giới thiệu các đồ chơi mà trẻ em yêu thích.
- Làm nhóm 2: gọi tên đồ chơi trong tranh và nêu một đặc điểm nổi bật.	- HS nêu: búp bê có tóc vàng; gấu bông mềm mại; bộ ấm chén nhỏ xinh; máy bay nhiều màu;

	rô-bốt ngộ nghĩnh; siêu nhân mặc áo choàng đỏ.
Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.	- HS đọc đề bài và đọc các gợi ý trong sơ đồ.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết 3 - 4 câu giới thiệu một đồ chơi mà trẻ em yêu thích.
- Hướng dẫn HS trả lời lần lượt các gợi ý: Em muốn giới thiệu đồ chơi nào? Đồ chơi đó có đặc điểm gì nổi bật? Em có nhận xét gì về đồ chơi đó?	- HS trả lời: Em muốn giới thiệu gấu bông. Gấu bông màu nâu, rất mềm mại. Em rất thích ôm gấu bông khi đọc sách.
3. Thực hành (19 phút) – Viết đoạn văn giới thiệu một đồ chơi.	
- Làm cá nhân: viết 3 - 4 câu giới thiệu một đồ chơi vào vở.	- HS viết đoạn văn. Ví dụ: Em thích nhất là chú gấu bông màu nâu. Chú có đôi mắt tròn đen láy và bộ lông rất mềm. Mỗi tối, em thường đặt gấu bông bên cạnh bàn học. Em rất yêu quý chú gấu bông của mình.
- Đổi vở nhóm 2, đọc đoạn viết của bạn và góp ý.	- HS đổi vở, góp ý: bạn viết đủ câu, câu có dấu chấm, từ ngữ phù hợp.
- Gọi 2 - 3 HS đọc đoạn viết trước lớp; GV sửa bài.	- HS đọc đoạn viết, HS khác nhận xét. HS tự sửa lỗi chính tả, dấu câu nếu có.
- GV kết luận: Đoạn giới thiệu đồ chơi cần nêu tên đồ chơi, đặc điểm nổi bật và cảm nhận của em về đồ chơi đó.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách viết đoạn văn.
4. Vận dụng (3 phút) – Chia sẻ đoạn viết với người thân.	
- Dặn dò: Về nhà đọc đoạn văn cho người thân nghe và chuẩn bị một bài hướng dẫn trò chơi cho tiết sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 6	
1. Khởi động (3 phút) – Chia sẻ bài đọc mở rộng đã chuẩn bị.	
- Kể tên một trò chơi hoặc hoạt động tập thể em biết.	- HS nêu: kéo co, bịt mắt bắt dê, mèo đuổi chuột, nhảy dây, ô ăn quan.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Đọc mở rộng (12 phút) – Tìm đọc và ghi lại thông tin chính.	
Bài tập 1: Tìm đọc các bài hướng dẫn tổ chức trò chơi hoặc hoạt động tập thể.	- HS đọc đề bài, xem phần gợi ý SGK.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm đọc các bài hướng dẫn tổ chức trò chơi hoặc hoạt động tập thể.
- Làm cá nhân: giới thiệu bài đã tìm đọc hoặc đọc bài GV cung cấp.	- HS nêu: Em tìm đọc bài hướng dẫn trò chơi kéo co/ô ăn quan/bịt mắt bắt dê.

Bài tập 2: Ghi lại các bước tổ chức một trò chơi hoặc hoạt động tập thể em yêu thích.	- HS đọc đề bài và mẫu ghi chép.
- Làm cá nhân vào vở: ghi tên trò chơi/hoạt động và các bước thực hiện.	- HS ghi: Tên trò chơi: Kéo co. Các bước thực hiện: Chia hai đội; mỗi đội cầm một đầu dây; khi có hiệu lệnh, hai đội kéo; đội kéo được dây về phía mình là đội thắng.
- Chia sẻ nhóm 4 về trò chơi đã ghi.	- HS chia sẻ trong nhóm; bạn bổ sung bước còn thiếu.
- Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi tìm bài hướng dẫn trò chơi trên mạng, em cần chọn nguồn như thế nào? - Diễn giải tích hợp NLS 1.2.CB1a: GV hướng dẫn HS biết kiểm tra thông tin đơn giản trước khi đọc hoặc làm theo: tên trang có rõ ràng không, nội dung có phù hợp với học sinh tiểu học không, trò chơi có an toàn không, có cần người lớn hướng dẫn không. HS không tự làm theo các hướng dẫn nguy hiểm, không bấm vào đường link lạ, không nhập tên, số điện thoại, địa chỉ nhà khi đọc thông tin trên mạng. Nếu chưa chắc chắn, HS cần hỏi thầy cô hoặc người lớn.	- HS trả lời: Em chọn bài hướng dẫn rõ ràng, phù hợp, an toàn và hỏi người lớn nếu chưa chắc. - HS ghi nhớ: Em không bấm vào trang lạ, không nhập thông tin cá nhân và không làm theo hướng dẫn nguy hiểm.
3. Thực hành (17 phút) – Nói lại các bước tổ chức trò chơi.	
- Từng nhóm chọn một trò chơi và nói lại các bước thực hiện trước lớp.	- HS trình bày: Nhóm em chọn trò chơi kéo co. Bước 1 chia đội, bước 2 cầm dây, bước 3 kéo theo hiệu lệnh, bước 4 xác định đội thắng.
- GV nhận xét, sửa cách trình bày và nhấn mạnh yếu tố an toàn khi tổ chức trò chơi.	- HS lắng nghe, bổ sung: Khi chơi phải đứng đúng vị trí, không xô đẩy, nghe hiệu lệnh của giáo viên.
- GV kết luận: Khi đọc hướng dẫn trò chơi, các em cần ghi đúng tên trò chơi, các bước thực hiện và chú ý điều kiện an toàn.	- HS ghi nhớ cách ghi chép và chia sẻ thông tin đọc mở rộng.
4. Vận dụng (3 phút) – Áp dụng sau bài học.	
- Dặn dò: Về nhà kể lại cho người thân một trò chơi em đã đọc và nói điều cần chú ý để chơi an toàn.	- HS ghi nhớ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 13

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 23: RỒNG RẮN LÊN MÂY

Tiết 1 - 2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng bài đọc Rồng rắn lên mây; phát âm đúng các tiếng dễ lẫn như rồng rắn, vòng vèo, núc nác, khúc đầu, khúc giữa, khúc đuôi; nghỉ hơi đúng theo dấu câu và nghĩa câu dài.
- Hiểu nghĩa từ ngữ: cây núc nác, cản, vòng vèo, khúc đầu, khúc đuôi; biết đặt câu với từ vừa học.

- Hiểu nội dung bài: giới thiệu trò chơi dân gian Rồng rắn lên mây, cách chơi và ý nghĩa của trò chơi tập thể.
- Biết nói tiếp để hoàn thành câu và đặt được một câu nói về trò chơi em thích.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, luyện đọc cá nhân và hoàn thành nhiệm vụ.
- Giao tiếp và hợp tác: biết thảo luận nhóm, lắng nghe, góp ý cho bạn trong hoạt động đọc và trò chơi.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết nêu luật chơi, xử lí tình huống khi chơi theo nhóm.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết quan tâm, hỗ trợ bạn khi tham gia trò chơi tập thể.
- Trách nhiệm: biết tôn trọng luật chơi, giữ an toàn, làm tốt vai trò của mình trong nhóm.

4. Tích hợp

Tích hợp quyền con người: HS hiểu trẻ em có quyền được tham gia hoạt động vui chơi phù hợp, được bày tỏ ý kiến về cách chơi và được lắng nghe trong tập thể.

Tích hợp AI 2.A1.2: HS biết sử dụng AI/trợ lí số ở mức hợp lí để gợi ý luật chơi hoặc cách chơi an toàn, nhưng cần kiểm tra lại với thầy cô/người lớn và không làm theo gợi ý nguy hiểm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh SGK bài Rồng rắn lên mây; tranh/câu hỏi SGK; phiếu thảo luận; máy chiếu; có thể chuẩn bị clip ngắn về trò chơi dân gian.
2. Học sinh: SGK, vở, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) – Ôn bài cũ, huy động trải nghiệm về trò chơi dân gian.	
- Đọc lại một đoạn trong bài Tớ là lê-gô và nêu một điều em nhớ nhất.	- HS đọc đoạn đã chuẩn bị và trả lời: Em nhớ lê-gô có thể lắp thành nhiều đồ chơi khác nhau.
- Quan sát tranh và trả lời: Các bạn trong tranh đang chơi trò chơi gì? 	- HS trả lời: Các bạn đang chơi trò Rồng rắn lên mây.
- Em biết gì về trò chơi Rồng rắn lên mây?	- HS trả lời: Đây là trò chơi dân gian; nhiều bạn nối đuôi nhau thành rồng rắn, một bạn làm thầy thuốc.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta cùng đọc bài Rồng rắn lên mây để hiểu cách chơi và ý nghĩa của trò chơi này.	- HS lắng nghe, mở SGK và ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (30 phút) – Luyện đọc đúng, hiểu từ khó.	
- Quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nêu nội dung tranh.	- HS nêu: Tranh vẽ các bạn nhỏ đang nối đuôi nhau chơi Rồng rắn lên mây rất vui.

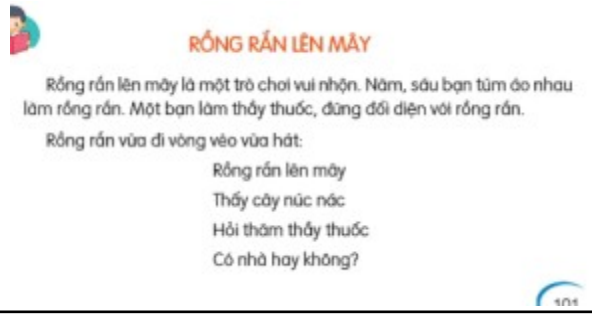	
a. GV đọc mẫu toàn bài Rồng rắn lên mây, chú ý ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý giọng đọc rõ ràng, vui tươi.
b. HS luyện đọc từng đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng đoạn.
- Bài đọc gồm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc gồm 3 đoạn.
- Đọc nối tiếp từng đoạn lần 1 và phát hiện từ khó đọc.	- HS đọc nối tiếp; nêu từ khó: rồng rắn, vòng vèo, núc nác, khúc đầu, khúc giữa, khúc đuôi.
- Luyện phát âm từ khó theo hình thức cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc đúng các từ khó theo hướng dẫn.
- Luyện đọc câu dài: Nếu thầy nói "có" thì rồng rắn hỏi xin thuốc cho con và đồng ý cho thầy bắt khúc đuôi.	- HS luyện ngắt nghỉ đúng: Nếu thầy nói "có"/ thì rồng rắn/ hỏi xin thuốc cho con/ và đồng ý cho thầy bắt khúc đuôi.
- Trong bài có từ ngữ nào em chưa hiểu nghĩa?	- HS nêu: cây núc nác, cản, vòng vèo, khúc đầu, khúc đuôi.
- GV giải nghĩa từ và yêu cầu HS đặt câu với từ vòng vèo.	- HS đặt câu: Con đường vào bản quanh co, vòng vèo.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS luyện đọc theo nhóm 3.
- Luyện đọc theo nhóm 3, mỗi bạn đọc một đoạn và góp ý cho nhau.	- HS luyện đọc nhóm; góp ý cho bạn về phát âm, ngắt nghỉ.
- Thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; lớp nhận xét, bình chọn nhóm đọc tốt.
d. Đọc toàn bài.	- HS chuẩn bị đọc toàn bài.
- Tự luyện đọc toàn bài và đọc trước lớp.	- 2 - 3 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi, nhận xét.
TIẾT 2	
1. Khởi động chuyển tiết (2 phút) – Nhắc lại nội dung đã đọc.	
- Nhắc lại tên trò chơi trong bài và số đoạn của bài đọc.	- HS trả lời: Bài Rồng rắn lên mây; bài đọc gồm 3 đoạn.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) – Trả lời câu hỏi, hiểu cách chơi và ý nghĩa trò chơi.	
- Đọc thầm các câu hỏi trong SGK.	- HS đọc thầm 4 câu hỏi và chuẩn bị thảo luận.

<table>
<tr><td>

Nếu thầy nói "không" thì rồng rắn đi tiếp. Nếu thầy nói "có" thì rồng rắn hỏi xin thuốc cho con và đồng ý cho thầy bắt khúc đuôi.
Thầy thuốc tìm cách bắt khúc đuôi. Bạn làm đầu dang tay cản thầy thuốc, bạn làm đuôi tìm cách tránh thầy. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì đổi vai làm thầy thuốc. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì đổi vai làm đuôi. Trò chơi có thể tiếp tục.
(Vũ Thanh tổng hợp)
Từ ngữ
– Cây nứa nác: một loại cây to, quả dài, vỏ và hạt dùng làm thuốc.
– Cản: ngăn lại, giữ lại.
1. Những người chơi làm thành rồng rắn bằng cách nào?
2. Rồng rắn đến gặp thầy thuốc để làm gì?
3. Chuyện gì xảy ra nếu khúc đuôi bị thầy bắt?
4. Nếu bạn khúc giữa bị đứt thì bạn đó phải làm gì?
1. Nói tiếp để hoàn thành câu.
a. Nếu thầy nói "không" thì (...).
b. Nếu thầy nói "có" thì (...).
c. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì (...).
d. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì (...).
2. Đặt một câu nói về trò chơi em thích.
M: Rồng rắn lên mây là một trò chơi vui nhộn.
</td><td></td></tr>
<tr><td>- Những người chơi làm thành rồng rắn bằng cách nào?</td><td>- HS trả lời: Năm, sáu bạn túm áo nhau làm rồng rắn.</td></tr>
<tr><td>- Rồng rắn đến gặp thầy thuốc để làm gì?</td><td>- HS trả lời: Rồng rắn đến gặp thầy thuốc để xin thuốc cho con.</td></tr>
<tr><td>- Chuyện gì xảy ra nếu khúc đuôi bị thầy bắt?</td><td>- HS trả lời: Nếu khúc đuôi bị thầy bắt thì đổi vai làm thầy thuốc.</td></tr>
<tr><td>- Nếu bạn khúc giữa bị đứt thì bạn đó phải làm gì?</td><td>- HS trả lời: Nếu bạn khúc giữa bị đứt thì bạn đó phải làm đuôi.</td></tr>
<tr><td>- Em thích luật chơi nào nhất? Vì sao?</td><td>- HS trả lời theo ý riêng: Em thích luật chơi bạn bị bắt đổi vai vì trò chơi sẽ vui và công bằng hơn.</td></tr>
<tr><td>- GV kết luận: Trò chơi Rồng rắn lên mây là trò chơi tập thể, mỗi bạn có vai trò riêng; muốn chơi vui và an toàn, cần biết đoàn kết, tôn trọng luật chơi.</td><td>- HS lắng nghe và nhắc lại bài học về tinh thần tập thể.</td></tr>
<tr><td>- Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi tham gia trò chơi tập thể, em có được nêu ý kiến về cách chơi không? Em cần làm gì khi bạn nêu ý kiến khác mình?
- Diễn giải tích hợp quyền con người: GV giúp HS hiểu rằng trẻ em có quyền được tham gia hoạt động vui chơi phù hợp với lứa tuổi, được nói ý kiến về luật chơi, cách chơi và được các bạn lắng nghe. Tuy nhiên, khi nêu ý kiến, các em cần nói lịch sự, không áp đặt, biết tôn trọng quyền tham gia của bạn khác. Trong trò chơi, quyền đi đôi với trách nhiệm: chơi đúng luật, không xô đẩy, không làm bạn đau và biết dừng lại khi có bạn gặp khó khăn.</td><td>- HS trả lời: Em được nêu ý kiến, nhưng phải nói lịch sự và lắng nghe bạn.
- HS ghi nhớ: Em có quyền tham gia trò chơi và cần tôn trọng quyền của bạn.</td></tr>
<tr><td>- Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu cô dùng trợ lí AI để gợi ý cách chơi Rồng rắn lên mây an toàn hơn, chúng ta có nên làm theo ngay không?</td><td>- HS trả lời: Không nên làm theo ngay; cần hỏi cô và chọn cách chơi an toàn.
- HS ghi nhớ: AI chỉ hỗ trợ gợi ý, cô giáo và</td></tr>
</table>

- Diễn giải tích hợp AI 2.A1.2: GV hướng dẫn HS hiểu rằng AI có thể gợi ý luật chơi, cách tổ chức trò chơi hoặc nhắc nhở an toàn như chơi ở sân rộng, không kéo mạnh, không xô đẩy. Tuy nhiên, AI có thể gợi ý chưa phù hợp với lớp học, sân trường hoặc sức khỏe của các bạn. Vì vậy, HS cần kiểm tra lại với GV, chọn cách chơi an toàn, không tự ý làm theo hướng dẫn nguy hiểm, không nhập thông tin cá nhân của mình hay của bạn vào công cụ AI.	học sinh vẫn phải kiểm tra, quyết định cách chơi phù hợp.
3. Thực hành (15 phút) – Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc.	
- Luyện đọc lại toàn bài với giọng vui tươi, rõ ràng.	- HS tự luyện đọc; 1 - 2 HS đọc trước lớp.
Bài tập 1: Nói tiếp để hoàn thành câu.	- HS đọc đề bài và các câu chưa hoàn chỉnh.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Nói tiếp để hoàn thành câu.
- Làm nhóm 4: đọc đoạn 2, đoạn 3, nói tiếp từng câu cho hoàn chỉnh.	- HS trả lời: a. Nếu thầy nói "không" thì rồng rắn đi tiếp. b. Nếu thầy nói "có" thì rồng rắn hỏi xin thuốc cho con. c. Nếu bạn khúc đuôi để thầy bắt được thì đổi vai làm thầy thuốc. d. Nếu bạn khúc giữa để đứt thì đổi vai làm đuôi.
Bài tập 2: Đặt một câu nói về trò chơi em thích.	- HS đọc đề bài và chọn trò chơi mình thích.
- Làm cá nhân, sau đó chia sẻ nhóm 2.	- HS đặt câu: Rồng rắn lên mây là trò chơi vui nhộn. Em thích chơi ô ăn quan với bạn trong giờ ra chơi.
- Gọi HS trình bày; GV sửa câu và kết luận.	- HS trình bày; HS khác nhận xét, sửa câu nếu cần.
4. Vận dụng (3 phút) – Liên hệ chơi trò chơi an toàn.	
- Nêu một điều em cần nhớ khi chơi trò chơi tập thể.	- HS trả lời: Em cần chơi đúng luật, không xô đẩy, không kéo bạn quá mạnh, biết giúp bạn khi bạn bị ngã.
- Dặn dò: Về nhà kể cho người thân nghe cách chơi Rồng rắn lên mây.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 13

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 23: RỒNG RẮN LÊN MÂY

Tiết 3: Viết – Chữ hoa M

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết viết chữ hoa M cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đúng quy trình.
- Viết được câu ứng dụng: Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ; hiểu ý nghĩa câu ứng dụng.
- Biết tự soát, sửa lỗi khi viết chữ hoa và câu ứng dụng.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện viết, tự điều chỉnh tư thế và cách cầm bút.

- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét, góp ý bài viết của bạn theo cặp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sửa lỗi nét chữ, khoảng cách và dấu thanh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: kiên trì luyện viết chữ đúng, đẹp.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết cẩn thận, hoàn thành bài viết.

4. Tích hợp

Tích hợp đạo đức, lối sống: HS hiểu câu ứng dụng nhắc nhở biết yêu thương, lo lắng, quan tâm người thân và bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: mẫu chữ hoa M, câu ứng dụng, tranh chữ trong SGK, bảng phụ.
2. Học sinh: Vở Tập viết 2, bảng con, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Ôn chữ hoa đã học và kết nối bài mới.	
- Nhắc lại các chữ hoa đã học gần đây.	- HS nêu: I, K, L và một số chữ hoa đã học.
- GV giới thiệu: Hôm nay, các em luyện viết chữ hoa M và câu ứng dụng Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.	- HS lắng nghe, mở vở tập viết.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa (15 phút) – Nắm cấu tạo và quy trình viết chữ M.	
- Quan sát mẫu chữ hoa M trong SGK và nêu độ cao, độ rộng, các nét. 	- HS trả lời: Chữ M cỡ vừa cao 5 li, rộng 6 li; gồm 4 nét: móc ngược trái, thẳng đứng hơi lượn, thẳng xiên hơi lượn, móc ngược phải.
a. Quan sát mẫu chữ.	- HS quan sát kĩ chữ hoa M cỡ vừa và cỡ nhỏ.
b. Nêu quy trình đặt bút, đưa bút.	- HS nhắc lại theo GV: Nét 1 đặt bút trên đường kẻ 2, viết nét móc từ dưới lên, hơi lượn sang phải, chạm đường kẻ 6 thì dừng.
- Nét 2: Từ điểm dừng của nét 1, chuyển hướng viết nét thẳng đứng, cuối nét hơi lượn sang trái, dừng ở đường kẻ 1.	- HS dùng ngón tay viết mô phỏng nét 2 trên mặt bàn.
- Nét 3: Từ điểm dừng của nét 2, chuyển hướng viết nét thẳng xiên hơi lượn ở hai đầu từ dưới lên tới đường kẻ 6.	- HS viết mô phỏng nét 3 trên không.
- Nét 4: Từ điểm dừng của nét 3, chuyển hướng viết nét móc ngược phải, dừng bút trên đường kẻ 2.	- HS viết mô phỏng nét 4 và hoàn chỉnh chữ M trên không.
c. Luyện viết bảng con.	- HS chuẩn bị bảng con.
- Viết chữ hoa M trên không, sau đó viết bảng con.	- HS viết bảng con 2 lần; tự sửa lỗi về độ cao, độ rộng, nét móc.
- GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.	- HS quan sát bài mẫu, sửa lỗi nếu có.
3. Thực hành - Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng (14 phút) – Viết đúng câu, hiểu ý nghĩa.	

- Đọc câu ứng dụng: Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.	- HS đọc cá nhân, đồng thanh câu ứng dụng.
- Em hiểu câu ứng dụng khuyên điều gì?	- HS trả lời: Câu khuyên chúng ta biết yêu thương, lo lắng, quan tâm bạn bè, người thân.
- Trong câu ứng dụng chữ nào viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ Một viết hoa vì đứng đầu câu.
- Nêu cách đặt dấu thanh và dấu chấm cuối câu.	- HS trả lời: Dấu nặng đặt dưới ô trong Một, dưới ư trong ngựa; dấu huyền trên a trong tàu; dấu hỏi trên a/o trong cả, bỏ, cỏ; dấu chấm cuối câu đặt sau tiếng cỏ.
- Viết bảng con tiếng Một.	- HS viết tiếng Một trên bảng con, chú ý nối chữ M với chữ ô.
- Viết bài vào vở tập viết.	- HS viết vào vở theo yêu cầu: chữ M cỡ vừa, cỡ nhỏ và câu ứng dụng.
- Đổi vở nhóm 2 để soát lỗi và góp ý.	- HS đổi vở, nhận xét nét chữ, độ cao, khoảng cách và dấu thanh.
4. Vận dụng (3 phút) – Liên hệ câu ứng dụng.	
- Nêu một việc em làm để thể hiện sự quan tâm đến bạn.	- HS trả lời: Em hỏi thăm khi bạn mệt, cho bạn mượn bút, giúp bạn nhặt đồ rơi.
- Dặn dò: Về nhà luyện thêm chữ hoa M và chuẩn bị tiết Nói và nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 13

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 23: RỒNG RẮN LÊN MÂY

Tiết 4: Nói và nghe – Búp bê biết khóc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán được nội dung từng tranh của câu chuyện Búp bê biết khóc.
- Nghe kể chuyện, ghi nhớ sự việc chính và kể lại được 1 - 2 đoạn theo tranh.
- Biết kể cho người thân nghe câu chuyện, nêu nhận xét về nhân vật Hoa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động quan sát tranh, nhớ nội dung câu chuyện.
- Giao tiếp và hợp tác: biết hỏi đáp, kể trong nhóm, lắng nghe bạn kể.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dự đoán nội dung câu chuyện dựa vào tranh.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu quý đồ chơi, không bỏ quên đồ chơi cũ, biết chia sẻ tình cảm.
- Trách nhiệm: giữ gìn đồ chơi và biết quan tâm tới cảm xúc của người khác.

4. Tích hợp

Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng những món quà, không nhanh chán đồ chơi cũ, biết quan tâm, chia sẻ và giữ gìn đồ vật của mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh kể chuyện SGK, phiếu dự đoán nội dung từng tranh, máy chiếu.
2. Học sinh: SGK, vở, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

1. Khởi động (3 phút) – Tạo hứng thú và kết nối với câu chuyện.	
- Hát/vận động theo bài Búp bê bằng bông.	- HS hát, vận động nhẹ theo nhịp bài hát.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay, các em nghe kể câu chuyện Búp bê biết khóc.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung từng tranh (12 phút).	
- Quan sát 4 tranh và đọc câu hỏi gợi ý dưới mỗi tranh. 	- HS quan sát tranh, đọc thầm câu hỏi.
- Tranh 1: Khi tròn 6 tuổi, Hoa được tặng quà gì? Hoa yêu thích món quà đó thế nào?	- HS dự đoán: Hoa được tặng búp bê; Hoa rất thích, mang búp bê theo mình.
- Tranh 2: Khi tròn 7 tuổi, Hoa được tặng quà gì? Hoa đã làm gì với món quà cũ?	- HS dự đoán: Hoa được tặng chó bông; Hoa ít quan tâm đến búp bê cũ.
- Tranh 3: Hoa nằm mơ thấy gì?	- HS dự đoán: Hoa mơ thấy búp bê khóc vì bị bỏ quên.
- Tranh 4: Hoa đã làm gì với hai đồ chơi của mình?	- HS dự đoán: Hoa ôm cả búp bê và chó bông, chơi vui với hai đồ chơi.
- GV kết luận: Các em đã biết dựa vào tranh và câu hỏi để đoán nội dung câu chuyện.	- HS lắng nghe, điều chỉnh dự đoán nếu cần.
3. Thực hành (15 phút) – Nghe kể và kể lại 1 - 2 đoạn câu chuyện.	
- Nghe GV kể chuyện lần 1, chú ý nội dung từng tranh.	- HS lắng nghe, quan sát tranh theo lời kể của GV.
- Nghe GV kể lần 2; khi GV dừng, HS nói tiếp sự việc chính.	- HS tập kể theo GV: Hoa được tặng búp bê; Hoa được tặng chó bông; Hoa mơ thấy búp bê khóc; Hoa chơi với cả hai đồ chơi.
- Tập kể trong nhóm 4, mỗi bạn chọn 1 - 2 tranh để kể.	- HS luyện kể trong nhóm; góp ý cho bạn về nội dung, giọng kể, nét mặt.

- Gọi HS kể trước lớp.	- 2 - 4 HS kể nối tiếp câu chuyện; cả lớp nhận xét, bình chọn bạn kể rõ ràng.
- Em học được bài học gì từ câu chuyện?	- HS trả lời: Em cần yêu quý, giữ gìn đồ chơi; không bỏ quên đồ chơi cũ; biết trân trọng món quà được tặng.
4. Vận dụng (4 phút) – Kể cho người thân nghe.	
- Về nhà kể lại câu chuyện Búp bê biết khóc cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ: Em sẽ kể lại câu chuyện, có thể kể 1 - 2 đoạn em thích.
- GV kết luận tiết học.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 13

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 24: NẶN ĐỒ CHƠI

Tiết 1 - 2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Nặn đồ chơi; biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp; phát âm đúng các tiếng dễ lẫn như vẫy, là, na, nặn, vểnh.
- Hiểu nghĩa từ ngữ: cối giã trầu, thích chí; hiểu nội dung bài thơ nói về trò chơi nặn đồ chơi và tình cảm yêu thương của bạn nhỏ.
- Tìm được từ chỉ cảm xúc vui mừng; biết đặt câu với từ chỉ cảm xúc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, trả lời câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết làm việc nhóm, chia sẻ ý kiến về trò chơi, đồ chơi.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ bản thân, nói về đồ chơi muốn nặn và người muốn tặng.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm người thân, bạn bè bằng những việc làm nhỏ.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tìm từ, đặt câu.
- Trách nhiệm: biết chơi đồ chơi phù hợp, giữ gìn đồ chơi.

4. Tích hợp

Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết yêu thương, chia sẻ và quan tâm đến người thân, bạn bè thông qua việc nặn đồ chơi tặng mọi người.

Tích hợp AI 2.C3.1: HS nhận biết AI có thể phân loại đồ chơi theo đặc điểm quan sát được như màu sắc, hình dạng, chất liệu; HS cần kiểm tra lại vì AI có thể nhầm lẫn nếu hình ảnh không rõ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh SGK bài Nặn đồ chơi, phiếu thảo luận, tranh/bài tập SGK, máy chiếu, một số đồ chơi thật.
2. Học sinh: SGK, vở, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (5 phút) – Huy động vốn hiểu biết về trò chơi, đồ chơi.	
- Quan sát tranh và kể tên các trò chơi em biết.	- HS nêu: rồng rắn lên mây, ô ăn quan, kéo co, đá cầu, nhảy dây, nặn đồ chơi.

- Em còn biết những trò chơi nào khác?	- HS trả lời: Em biết chơi bịt mắt bắt dê, mèo đuổi chuột, chuyền thẻ, đá bóng.
- GV giới thiệu bài: Bài thơ Nặn đồ chơi kể về một trò chơi quen thuộc và tình cảm của bạn nhỏ khi nặn quà tặng mọi người.	- HS lắng nghe, mở SGK và ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Đọc văn bản (30 phút) – Luyện đọc đúng, hiểu từ khó.	
- Quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nêu nội dung tranh. 	- HS nêu: Tranh vẽ bạn nhỏ đang nặn đồ chơi bên thềm nhà, có mèo và bạn nhỏ ngồi cạnh.
a. GV đọc mẫu toàn bài Nặn đồ chơi, chú ý giọng vui tươi, nhẹ nhàng và nhấn giọng ở các từ ngữ liệt kê đồ chơi.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo, chú ý giọng đọc vui tươi, nhẹ nhàng.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	- HS chuẩn bị luyện đọc từng khổ thơ.
- Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 5 khổ thơ.
- Đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1; phát hiện từ khó.	- HS đọc nối tiếp; nêu từ khó: vẫy, là, na, nặn, vểnh, cối giã trầu, thích chí.
- Luyện đọc từ khó theo cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc đúng các từ khó.
- Trong bài có từ nào em chưa hiểu nghĩa?	- HS nêu: cối giã trầu, thích chí, thềm.
- GV giải nghĩa từ; yêu cầu đặt câu với từ thích chí.	- HS đặt câu: Được mẹ khen, em thích chí cười tươi.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	- HS luyện đọc nhóm 5.
- Thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; lớp nhận xét, bình chọn nhóm đọc tốt.
d. Đọc toàn bài.	- HS đọc toàn bài.
- Tự luyện đọc toàn bài và đọc trước lớp.	- 2 - 3 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi, nhận xét.

TIẾT 2	
1. Khởi động chuyển tiết (2 phút) – Nhắc lại bài thơ.	
- Nêu tên bài thơ và một đồ chơi xuất hiện trong bài.	- HS trả lời: Bài Nặn đồ chơi; có quả na, quả thị, con chuột, cối giã trầu.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) – Hiểu nội dung bài thơ.	
- Đọc thầm câu hỏi trong SGK và quan sát tranh, hình minh họa. Từ ngữ – *Cối giã trầu*: đồ để giã trầu, thường làm bằng đồng. – *Thích chí*: tỏ ra bằng lòng, vui thích vì đúng ý muốn. 1. Kể tên những đồ chơi bé đã nặn. 2. Bé nặn đồ chơi để tặng cho những ai? 3. Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện điều gì? 4. Em thích nặn đồ chơi gì? Để tặng cho ai? 1. Tìm từ ngữ cho biết chú mèo rất vui vì được bé tặng quà. 2. Tìm thêm từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng. VIẾT	- HS đọc thầm câu hỏi, quan sát các đồ chơi bé nặn.
- Kể tên những đồ chơi bé đã nặn.	- HS trả lời: Bé nặn quả thị, quả na, con chuột, cối giã trầu.
- Bé nặn đồ chơi để tặng cho những ai?	- HS trả lời: Bé nặn đồ chơi tặng bà, tặng bố, tặng mẹ và tặng chú mèo.
- Việc bé nặn đồ chơi tặng mọi người thể hiện điều gì?	- HS trả lời: Việc đó thể hiện bé yêu thương, quan tâm và muốn làm vui lòng người thân, chú mèo.
- Em thích nặn đồ chơi gì? Để tặng cho ai?	- HS trả lời: Em thích nặn bông hoa để tặng mẹ; em thích nặn ô tô để tặng em trai.
- GV kết luận: Bài thơ giúp các em hiểu rằng tình yêu thương có thể được thể hiện bằng những việc làm nhỏ, giản dị và chân thành.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung chính.
- Câu hỏi dẫn tích hợp: Khi tự tay làm một món quà tặng người thân hoặc bạn bè, em thể hiện tình cảm gì? - Diễn giải tích hợp đạo đức, lối sống: GV hướng dẫn HS hiểu rằng biết làm quà tặng, biết chia sẻ đồ chơi, biết nghĩ đến niềm vui của người khác là biểu hiện của lòng nhân ái. Món quà không cần đắt tiền; điều quan trọng là tình cảm chân thành, sự quan tâm và cách trao tặng lịch sự. Trong lớp, các em cũng có thể thể hiện sự yêu thương bằng cách giúp bạn, nói lời dễ thương, chia sẻ đồ dùng khi cần.	- HS trả lời: Em thể hiện tình yêu thương, sự quan tâm và lòng biết ơn. - HS ghi nhớ: Em cần biết chia sẻ, quan tâm người thân và bạn bè bằng việc làm nhỏ.
- Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu đưa ảnh một số đồ chơi cho công cụ AI phân loại theo hình dạng hoặc màu sắc, kết quả có luôn đúng không? - Diễn giải tích hợp AI 2.C3.1: GV giúp HS	- HS trả lời: Không phải lúc nào cũng đúng; em cần quan sát và kiểm tra lại. - HS ghi nhớ: AI chỉ gợi ý, con người cần kiểm tra bằng hiểu biết của mình.

nhận biết AI có thể quan sát hình ảnh và gợi ý phân loại đồ chơi theo đặc điểm như đồ chơi tròn, đồ chơi màu đỏ, đồ chơi bằng nhựa, đồ chơi bằng vải. Tuy nhiên, nếu ảnh bị mờ, đồ chơi bị che khuất hoặc AI chưa hiểu đúng yêu cầu, kết quả có thể sai. Vì vậy, HS cần dùng mắt quan sát, dùng kiến thức đã học để kiểm tra lại, không tin hoàn toàn vào kết quả AI.	
3. Thực hành (15 phút) – Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc.	
- Luyện đọc lại toàn bài thơ với giọng vui tươi.	- HS luyện đọc cá nhân; 1 - 2 HS đọc trước lớp.
Bài tập 1: Tìm từ ngữ cho biết chú mèo rất vui vì được bé tặng quà.	- HS đọc đề bài và đọc lại khổ thơ 4.
- Làm cá nhân: tìm từ ngữ chỉ cảm xúc của chú mèo.	- HS trả lời: Từ ngữ cho biết chú mèo rất vui là thích chí.
Bài tập 2: Tìm thêm từ ngữ chỉ cảm xúc vui mừng.	- HS đọc đề bài và chuẩn bị thẻ từ.
- Thảo luận nhóm 4, viết các từ chỉ cảm xúc vui mừng vào thẻ.	- HS tìm từ: vui vẻ, mừng rỡ, hớn hở, phấn khởi, sung sướng, thích thú.
- Đặt câu với một từ vừa tìm được.	- HS đặt câu: Em hớn hở khi được cô khen. Bạn Nam rất vui vẻ khi được tặng quà.
4. Vận dụng (3 phút) – Liên hệ sử dụng đồ chơi phù hợp.	
- Nêu một việc em làm để giữ gìn đồ chơi và chia sẻ với người thân, bạn bè.	- HS trả lời: Em cất đồ chơi gọn gàng, không làm hỏng đồ chơi, biết cho em nhỏ chơi cùng.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại bài thơ và chuẩn bị bài nghe - viết.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 13

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 24: NẶN ĐỒ CHƠI

Tiết 3: Viết – Nghe viết: Nặn đồ chơi; Phân biệt da/gia, l/x, ươn/ương

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nghe - viết đúng 3 khổ thơ đầu bài Nặn đồ chơi; trình bày đúng khổ thơ, viết hoa đúng đầu dòng thơ.
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt da/gia, l/x, ươn/ương.
- Biết soát lỗi, sửa lỗi và ghi nhớ một số quy tắc chính tả.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, viết bài và soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở, góp ý cho bạn theo cặp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng mẹo chính tả để chọn tiếng đúng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: cẩn thận khi nghe - viết.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết đúng và sửa lỗi.

4. Tích hợp

Tích hợp NLS 1.1.CB1a: HS biết dùng công cụ số đơn giản dưới sự hướng dẫn của GV để tra cứu/kiểm tra hình ảnh, từ ngữ phù hợp nhưng vẫn phải đối chiếu với quy tắc chính tả đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: đoạn viết mẫu, phiếu bài tập chính tả, tranh bài tập SGK, máy chiếu.
2. Học sinh: Vở ô li, bảng con, bút chì soát lỗi.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) – Kết nối bài chính tả.	
- Tham gia trò chơi Đếm ngược để sắp xếp từ khóa Nặn đồ chơi.	- HS sắp xếp các âm/vần thành từ khóa: Nặn đồ chơi.
- GV giới thiệu tiết nghe - viết.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. Khám phá kiến thức - Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe - viết (20 phút).	
- GV đọc 3 khổ thơ đầu bài Nặn đồ chơi. 	- HS lắng nghe, 2 - 3 HS đọc lại đoạn viết.
- Trong đoạn thơ, bé nặn những đồ chơi nào?	- HS trả lời: Bé nặn quả thị, quả na, chiếc cối.
- Những đồ chơi đó bé dành tặng ai?	- HS trả lời: Bé dành tặng bà, tặng bố, tặng mẹ.
- Đoạn thơ có những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa chữ đầu tên bài thơ và chữ đầu mỗi dòng thơ.
- Tìm chữ dễ viết sai và viết bảng con.	- HS viết bảng con: tròn xoe, giã trầu, thích chí, vẫy đuôi, vểnh râu.
- Nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào vở.	- HS viết bài vào vở, lùi vào đúng ô, cách dòng giữa các khổ thơ.
- Soát lỗi lần 1, đổi vở soát lỗi lần 2.	- HS soát lỗi bằng bút mực, đổi vở cho bạn và gạch chân chữ viết sai bằng bút chì.
3. Thực hành (10 phút) – Làm bài tập chính tả.	
Bài tập 2: Ghép da hoặc gia với các tiếng để tạo thành từ ngữ đúng. Viết 3 từ ngữ vào vở.	- HS đọc đề bài và quan sát phiếu bài tập.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. 	- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu: ghép da hoặc gia để tạo từ đúng.
- Chơi trò Ai nhanh hơn theo 3 đội.	- HS tham gia nối từ; đáp án: cặp da, gia vị, gia đình, gia cầm, da dẻ.
Bài tập 3: Chọn a hoặc b.	- HS đọc đề bài và chọn phần làm theo yêu cầu của GV.

- Làm nhóm 2: chọn từ ngữ thích hợp thay cho ô vuông.	- HS trả lời: Kéo cưa lừa xẻ; Múa sạp; Con đường uốn lượn quanh sườn núi; Hoa hướng dương vươn mình đón ánh nắng mặt trời.
- GV kết luận: Các em cần đọc kĩ tiếng, nhớ nghĩa từ và quy tắc chính tả để chọn đúng.	- HS lắng nghe, sửa bài vào vở.
- Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi chưa chắc một từ viết da hay gia, em có thể nhờ công cụ số hỗ trợ thế nào? - Diễn giải tích hợp NLS 1.1.CB1a: GV hướng dẫn HS biết dưới sự hỗ trợ của người lớn, có thể tra cứu từ trong từ điển số hoặc tài liệu điện tử đáng tin cậy. Tuy nhiên, HS không được tự ý bấm vào trang lạ, không nhập thông tin cá nhân; sau khi thấy kết quả, cần đọc lại nghĩa từ và đối chiếu với bài học. Ví dụ: gia đình, gia vị liên quan đến nghĩa khác với da dẻ, cặp da.	- HS trả lời: Em có thể nhờ cô/người lớn tra từ trong nguồn đáng tin cậy, rồi kiểm tra lại nghĩa từ. - HS ghi nhớ: Công cụ số chỉ hỗ trợ, em phải đọc kĩ và đối chiếu quy tắc chính tả.
4. Vận dụng (2 phút) – Củng cố chính tả.	
- Nêu một từ viết với da và một từ viết với gia.	- HS nêu: da dẻ, cặp da; gia đình, gia vị.
- Dặn dò: Về nhà sửa lỗi trong bài viết và chuẩn bị tiết luyện tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 13

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 24: NẶN ĐỒ CHƠI

Tiết 4: Luyện từ và câu – Từ ngữ về đồ chơi; Dấu phẩy

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm của đồ chơi.
- Biết dùng dấu phẩy để ngăn cách các từ/cụm từ cùng chức năng trong câu.
- Biết giới thiệu một đồ chơi có trong hình theo mẫu.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự hoàn thành bài tập cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm khi tìm từ, đặt dấu phẩy.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn từ phù hợp để tả đồ chơi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập từ và câu.
- Trách nhiệm: biết chơi đồ chơi an toàn, cất gọn sau khi chơi.

4. Tích hợp

Tích hợp AI 2.C3.1: HS nhận biết AI có thể phân loại đồ chơi theo đặc điểm, nhưng cần kiểm tra lại vì AI có thể nhận diện sai khi hình ảnh không rõ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh bài tập SGK, phiếu học tập, thẻ từ, một số đồ chơi thật.
2. Học sinh: SGK, vở bài tập, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) – Gợi vốn từ về đồ chơi.	

- Hát/vận động theo bài hát về đồ chơi; kể tên một đồ chơi em thích.	- HS nêu: búp bê, ô tô, quả bóng, diều, gấu bông, robot.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) – Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ chơi.	
Bài tập 1: Giới thiệu về một đồ chơi có trong hình theo mẫu.	- HS đọc đề bài và quan sát hình.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài. LUYỆN TẬP 1. Giới thiệu về một đồ chơi có trong hình theo mẫu sau: Đồ chơi: quả bóng; Đặc điểm: màu xanh pha trắng 2. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong mỗi câu sau? M: Chú thỏ bông rất mềm mại, dễ thương. a. Em thích đồ chơi ô tô máy bay. b. Bố dạy em làm đèn ông sao diều giấy. c. Các bạn đá bóng đá cầu nhảy dây trên sân trường.	- HS đọc: Giới thiệu về một đồ chơi có trong hình theo mẫu.
- Làm nhóm 4: chọn một đồ chơi trong hình, nêu tên và đặc điểm.	- HS trả lời: Quả bóng màu xanh pha trắng; con gấu bông mềm mại; ô tô đồ chơi màu vàng; chiếc diều nhiều màu sắc.
- Gọi HS trình bày, GV ghi nhanh tên và đặc điểm đồ chơi.	- HS trình bày; HS khác bổ sung từ chỉ đặc điểm.
- Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu dùng công cụ AI để phân loại đồ chơi theo màu sắc/hình dạng, em cần kiểm tra điều gì? - Diễn giải tích hợp AI 2.C3.1: GV hướng dẫn HS hiểu AI có thể gợi ý "đồ chơi tròn", "đồ chơi màu vàng", "đồ chơi mềm", nhưng nếu ảnh mờ hoặc đồ chơi bị che khuất, AI có thể phân loại sai. Vì vậy, các em cần quan sát bằng mắt, đọc lại yêu cầu và kiểm tra kết quả trước khi sử dụng.	- HS trả lời: Em cần kiểm tra lại màu sắc, hình dạng, chất liệu bằng quan sát của mình. - HS ghi nhớ: AI có thể hỗ trợ phân loại, nhưng con người cần kiểm tra.
3. Thực hành (17 phút) – Luyện dùng dấu phẩy.	
Bài tập 2: Cần đặt dấu phẩy vào vị trí nào trong mỗi câu sau?	- HS đọc đề bài và câu mẫu.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Cần đặt dấu phẩy vào vị trí nào trong mỗi câu sau?
- Làm nhóm 4: đọc từng câu, xác định các từ/cụm từ cùng chức năng và đặt dấu phẩy.	- HS làm bài: a. Em thích đồ chơi ô tô, máy bay. b. Bố dạy em làm đèn ông sao, diều giấy. c. Các bạn đá bóng, đá cầu, nhảy dây trên sân trường.
Bài tập 3: Cần đặt dấu phẩy vào vị trí nào trong câu in nghiêng?	- HS đọc câu in nghiêng và xác định vị trí cần đặt dấu phẩy.
- Làm cá nhân vào vở; đổi vở nhóm 2 để kiểm tra.	- HS trả lời: Chi nhận được bao nhiêu là quà: búp bê, hộp đựng bút, đồng hồ báo thức và chiếc nơ hồng.
- GV kết luận: Dấu phẩy dùng để ngăn cách các	- HS lắng nghe, sửa bài vào vở.

từ, cụm từ cùng chức năng trong câu.	
4. Vận dụng (3 phút) – Liên hệ cách dùng dấu phẩy.	
- Nói một câu có từ ngữ liệt kê đồ chơi và dùng dấu phẩy khi viết.	- HS nói: Em có diều, bóng, ô tô và gấu bông.
- Dặn dò: Về nhà đặt thêm một câu có dấu phẩy kể tên đồ chơi.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

……

……

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 13

Chủ đề 3: Niềm vui tuổi thơ

BÀI 24: NẶN ĐỒ CHƠI

Tiết 5 - 6: Luyện viết đoạn; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Kể được tên đồ chơi của em, nêu đồ chơi yêu thích và lí do.
- Viết được 3 - 4 câu tả một đồ chơi của em theo gợi ý.
- Tìm đọc được một bài thơ hoặc bài đồng dao về đồ chơi, trò chơi; nói với bạn về tên và cách chơi.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chọn đồ chơi để giới thiệu và tự hoàn thành đoạn viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, góp ý đoạn viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết tiêu biểu để tả đồ chơi.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện viết, đọc mở rộng.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ chơi, chơi trò chơi phù hợp với lứa tuổi.

4. Tích hợp

Tích hợp NLS 1.2.CB1a: HS bước đầu biết chọn nguồn đọc mở rộng phù hợp, đáng tin cậy; không xem/làm theo hướng dẫn trò chơi nguy hiểm hoặc không rõ nguồn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: tranh SGK phần viết và đọc mở rộng, phiếu lập ý, sách/bài đọc về trò chơi, đồ chơi.
2. Học sinh: SGK, vở, bài đọc mở rộng đã chuẩn bị.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (3 phút) – Gợi ý tưởng viết đoạn.	
- Kể tên một số đồ chơi của em và nêu đồ chơi em thích nhất.	- HS nêu: Em có ô tô, gấu bông, diều; em thích nhất ô tô vì chạy được.
2. Khám phá kiến thức (10 phút) – Tìm ý cho đoạn viết.	
Bài tập 1: Kể tên những đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất? Vì sao?	- HS đọc đề bài, suy nghĩ cá nhân.

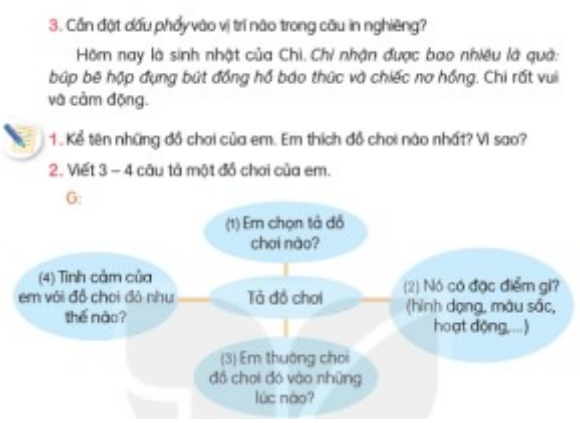	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Kể tên những đồ chơi của em. Em thích đồ chơi nào nhất? Vì sao?
- Thảo luận nhóm 2: kể tên đồ chơi và nêu lí do em thích.	- HS trả lời: Em thích gấu bông vì mềm mại và dễ thương; em thích bóng vì có thể chơi cùng bạn.
3. Thực hành (19 phút) – Viết đoạn tả đồ chơi.	
Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu tả một đồ chơi của em.	- HS đọc đề bài và quan sát sơ đồ gợi ý.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Viết 3 - 4 câu tả một đồ chơi của em.
- Trả lời các câu hỏi gợi ý: Em chọn tả đồ chơi nào? Nó có đặc điểm gì? Em thường chơi lúc nào? Tình cảm của em với đồ chơi ra sao?	- HS trả lời: Em chọn tả gấu bông. Gấu bông màu nâu, mềm mại. Em thường ôm gấu khi ngủ. Em rất yêu quý gấu bông.
- Viết đoạn vào vở.	- HS viết: Em có một chú gấu bông màu nâu. Chú gấu rất mềm mại và có đôi mắt tròn xoe. Em thường ôm gấu bông khi ngủ. Em rất yêu quý món đồ chơi này.
- Đổi vở nhóm 2, góp ý cho bạn về đủ số câu, nội dung và dấu câu.	- HS đổi vở, góp ý: đoạn có đủ 3 - 4 câu, có tả đặc điểm và tình cảm.
- GV gọi HS đọc bài; nhận xét, sửa lỗi.	- HS đọc bài trước lớp; HS khác nhận xét, học cách sửa đoạn viết.
4. Vận dụng (3 phút) – Hoàn thiện đoạn viết.	
- Chọn một câu trong đoạn viết em muốn sửa cho hay hơn.	- HS sửa câu: Chú gấu bông rất mềm mại và dễ thương.
- Dặn dò: Về nhà đọc lại đoạn viết cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 6	
1. Khởi động (3 phút) – Kết nối đọc mở rộng.	
- Kể tên một bài thơ/bài đồng dao về đồ chơi hoặc trò chơi em biết.	- HS nêu: Nu na nu nống, Chi chi chành chành, Kéo cưa lừa xẻ.
2. Thực hành đọc mở rộng (27 phút) – Tìm đọc và chia sẻ bài đọc.	
Bài tập 1: Tìm đọc một bài thơ hoặc bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi.	- HS đọc đề bài và quan sát tranh gợi ý.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Tìm đọc một bài thơ hoặc bài đồng dao về một đồ chơi, trò chơi.
- Làm cá nhân: giới thiệu tên bài đã đọc.	- HS nêu: Em đọc bài Nu na nu nống; Em đọc bài Kéo cưa lừa xẻ.
Bài tập 2: Nói với bạn về tên đồ chơi/trò chơi và cách chơi.	- HS đọc đề bài và chuẩn bị chia sẻ.
- Thảo luận nhóm 4: nói tên trò chơi và cách chơi.	- HS chia sẻ: Trò Nu na nu nống chơi bằng cách ngồi thành hàng, đọc đồng dao và gõ nhịp vào chân từng bạn.
- Gọi đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.	- Đại diện nhóm trình bày; HS khác đặt câu hỏi và bổ sung.
- Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi tìm bài đồng dao hoặc hướng dẫn trò chơi trên mạng, em cần chọn nguồn như thế nào? - Diễn giải tích hợp NLS 1.2.CB1a: GV hướng dẫn HS chọn nội dung đọc mở rộng từ sách, thư viện lớp, trang học tập do GV/cha mẹ giới thiệu. Khi đọc trên mạng cần có người lớn hỗ trợ, không bấm vào liên kết lạ, không xem hướng dẫn trò chơi nguy hiểm, không cung cấp tên lớp, địa chỉ, số điện thoại. HS cần so sánh với lời dặn của GV và chọn trò chơi an toàn, phù hợp lứa tuổi.	- HS trả lời: Em chọn sách hoặc trang do cô/người lớn giới thiệu, không bấm vào link lạ. - HS ghi nhớ: Em cần đọc nguồn an toàn, không làm theo hướng dẫn nguy hiểm.
3. Vận dụng (5 phút) – Ghi nhớ và thực hiện.	
- Nêu một trò chơi an toàn em muốn chơi cùng bạn trong giờ ra chơi.	- HS trả lời: Em muốn chơi đá cầu/ô ăn quan/nhảy dây vì an toàn và có thể chơi cùng nhiều bạn.
- GV kết luận, dặn dò HS chuẩn bị bài sau.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 14

Chủ đề 4: Mái ấm gia đình

Bài 25: SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI

Tiết 1 - 2: Đọc

SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Sự tích hoa tỉ muội; biết đọc lời người kể chuyện, lời chị Nết, lời Na với giọng phù hợp.
- Hiểu nghĩa từ hoa tỉ muội, tỉ muội; trả lời được các câu hỏi về tình cảm chị em Nết và Na, chi tiết chạy lũ và nguồn gốc hoa tỉ muội.
- Biết xếp từ ngữ vào nhóm từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm; đặt được câu nói về việc chị Nết đã làm cho em Na.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, luyện đọc, tìm chi tiết trong văn bản.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, trình bày câu trả lời rõ ràng, lắng nghe bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ tình cảm gia đình với việc làm cụ thể trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thương, nhường nhịn, biết quan tâm, che chở anh chị em và người thân.
- Trách nhiệm: có ý thức giúp đỡ người thân, biết tự bảo vệ bản thân khi gặp nguy hiểm.

4. Tích hợp

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng tình cảm anh chị em, biết yêu thương, nhường nhịn, đùm bọc nhau khi gặp khó khăn.
- Tích hợp AI 2.A1.2: HS hiểu công cụ AI/dự báo thời tiết có thể hỗ trợ cảnh báo mưa lũ, nhưng con người vẫn cần nghe người lớn hướng dẫn và tự bảo vệ an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu; tranh SGK được cắt đúng nội dung bài; tranh hoa tỉ muội; phiếu thảo luận nhóm; thẻ từ hoạt động/đặc điểm.

2. Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (8 phút) *Mục tiêu: Ôn bài cũ, gợi mở chủ điểm Mái ấm gia đình và tạo tâm thế vào bài đọc.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên chủ điểm đã học ở tuần trước và nói một điều em nhớ nhất trong chủ điểm đó.	- HS nêu: Tuần trước em học chủ điểm Niềm vui tuổi thơ; em nhớ các bài về trò chơi, đồ chơi và tình bạn.
- GV giới thiệu chủ điểm mới: Mái ấm gia đình.	- HS lắng nghe và nhắc lại: Chủ điểm Mái ấm gia đình.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh khởi động và đọc câu lệnh: Nói về những việc anh chị thường làm cho em. 	- HS quan sát tranh và đọc thầm câu lệnh.
- GV hỏi: Tranh gợi cho em nghĩ đến tình cảm nào trong gia đình?	- HS trả lời: Tranh gợi đến tình cảm chị em yêu thương, che chở, đùm bọc nhau.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: Anh, chị thường làm gì cho em? Hoặc em thường làm gì cho em của mình?	- HS thảo luận nhóm đôi và nêu: Anh/chị thường chơi với em, nhường đồ chơi, dạy em học, dỗ em khi em khóc; em thường phụ mẹ chăm em, nhường đồ chơi cho em.

- GV mời 2 - 3 nhóm chia sẻ trước lớp.	- Đại diện nhóm chia sẻ; nhóm khác lắng nghe, bổ sung việc làm như đọc sách cho em nghe, lấy nước cho em, giúp em cất đồ chơi.
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Sự tích hoa tỉ muội sẽ giúp các em cảm nhận tình chị em thắm thiết, biết yêu thương và che chở nhau.	- HS lắng nghe, mở vở và ghi tên bài: Sự tích hoa tỉ muội.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút) *Mục tiêu: Đọc đúng, đọc rõ văn bản; hiểu nghĩa từ khó; bước đầu nắm nội dung câu chuyện.*	
- GV hướng dẫn HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc và hỏi: Tranh vẽ ai? Hai chị em đang làm gì?	- HS trả lời: Tranh vẽ hai chị em Nết và Na đang đứng bên nhau cạnh nhà, xung quanh có hoa tỉ muội; hai chị em rất gần gũi, thương yêu nhau.
a. GV đọc mẫu.	HS lắng nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo trong SGK.
- GV đọc mẫu toàn bài, giọng kể chậm rãi, tình cảm; lời chị Nết ân cần, lời Na hồn nhiên.	- HS theo dõi bài trong SGK, chú ý cách ngắt nghỉ và giọng đọc của từng nhân vật.
b. HS luyện đọc từng đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	HS luyện đọc từng đoạn và sửa lỗi phát âm.
- GV hỏi: Bài đọc gồm mấy đoạn? Có thể chia như thế nào?	- HS trả lời: Bài đọc gồm 3 đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến Hai chị em cứ thế ôm nhau ngủ; đoạn 2 từ Năm ấy đến bên nhỏ; đoạn 3 là phần còn lại.
- GV yêu cầu 3 HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn; cả lớp theo dõi và phát hiện tiếng khó đọc.
- GV hỏi: Em thấy từ nào dễ đọc sai?	- HS nêu: sườn núi, ôm choàng, dâng cao, dân làng, đỏ thắm, tỉ muội.
- GV viết bảng từ khó và tổ chức cho HS luyện đọc.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh các từ: sườn núi, ôm choàng, dâng cao, dân làng, đỏ thắm, tỉ muội.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: Ngày xưa, có hai chị em Nết và Na / mồ côi cha mẹ, / sống trong ngôi nhà nhỏ / bên sườn núi.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi sau các cụm từ để đọc rõ nghĩa.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 2.	- 3 HS đọc nối tiếp lần 2; HS khác nhận xét bạn đọc đúng, rõ, biết ngắt nghỉ.
- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ và giải nghĩa hoa tỉ muội, tỉ muội.	- HS trả lời: Hoa tỉ muội là loài hoa hồng mọc thành chùm với rất nhiều nụ; tỉ muội là chị em gái.
- GV hỏi thêm: Em hiểu mồ côi, rúc rích, sườn núi nghĩa là gì?	- HS trả lời: Mồ côi là mất cha hoặc mẹ; rúc rích là tiếng cười nhỏ, vui thích; sườn núi là phần bên cạnh của núi.
- GV yêu cầu HS đặt câu với từ rúc rích.	- HS đặt câu: Giờ ra chơi, các bạn ngồi nói chuyện và cười rúc rích.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	HS luyện đọc theo nhóm và góp ý cho bạn.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 3.	- HS trong nhóm 3 mỗi bạn đọc một đoạn, góp ý cho nhau cách đọc lời kể và lời nhân vật.
- GV tổ chức thi đọc nối tiếp giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc; nhóm khác nhận xét giọng đọc, cách ngắt nghỉ, độ rõ ràng.
d. Đọc toàn bài.	HS luyện đọc toàn bài.
- GV mời 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
GV kết luận: Các em đã đọc rõ câu chuyện, biết giọng kể chậm rãi, tình cảm và hiểu một số từ ngữ quan trọng trong bài.	- HS lắng nghe và ghi nhớ cách đọc để chuẩn bị tìm hiểu bài ở tiết 2.

TIẾT 2	
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) *Mục tiêu: Trả lời được câu hỏi đọc hiểu, nêu nội dung câu chuyện và liên hệ tình cảm anh chị em.*	
Bài tập đọc hiểu: GV yêu cầu HS đọc thầm lại bài và quan sát tranh câu hỏi trong SGK. 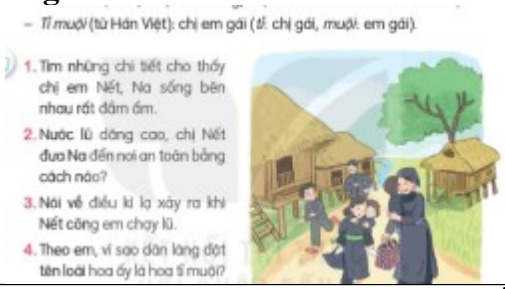 – *Tỉ muội* (từ Hán Việt): chị em gái (*tỉ*: chị gái, *muội*: em gái). 1. Tìm những chi tiết cho thấy chị em Nết, Na sống bên nhau rất đầm ấm. 2. Nước lũ dâng cao, chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách nào? 3. Nói về điều kì lạ xảy ra khi Nết cõng em chạy lũ. 4. Theo em, vì sao dân làng đặt tên loài hoa ấy là hoa tỉ muội?	- HS đọc thầm lại bài, quan sát tranh câu hỏi và chuẩn bị trả lời.
- GV nêu câu hỏi 1: Tìm những chi tiết cho thấy chị em Nết, Na sống bên nhau rất đầm ấm.	- HS trả lời: Chị Nết có gì cũng nhường em; đêm đông, Nết ôm em cho em đỡ rét; Na ôm choàng lấy chị, cười rúc rích; hai chị em ôm nhau ngủ.
- GV nêu câu hỏi 2: Nước lũ dâng cao, chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách nào?	- HS trả lời: Chị Nết đưa Na đến nơi an toàn bằng cách cõng em chạy theo dân làng.
- GV nêu câu hỏi 3: Nói về điều kì lạ xảy ra khi Nết cõng em chạy lũ.	- HS trả lời: Bàn chân Nết rớm máu bỗng lành hẳn; nơi bàn chân Nết đi qua mọc lên những khóm hoa đỏ thắm.
- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, vì sao dân làng đặt tên loài hoa ấy là hoa tỉ muội?	- HS trả lời: Vì hoa mọc thành chùm, bông lớn che chở cho nụ bé như chị Nết che chở cho em Na; loài hoa gợi tình chị em thắm thiết.
- GV hỏi: Em học được điều gì từ câu chuyện Sự tích hoa tỉ muội?	- HS trả lời: Em học được phải yêu thương, nhường nhịn, che chở anh chị em và giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.
- GV hỏi: Em biết câu ca dao, tục ngữ nào nói về tình anh chị em?	- HS trả lời: Anh em như thể tay chân; Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần; Chị ngã em nâng.
Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu có ứng dụng dự báo thời tiết hoặc cảnh báo mưa lũ báo khu vực nguy hiểm, em cần làm gì?	- HS trả lời: Em cần báo ngay cho người lớn, nghe theo hướng dẫn của thầy cô/cha mẹ, không tự ý đi qua vùng ngập nước và chuẩn bị di chuyển đến nơi an toàn.
Diễn giải tích hợp AI: GV giúp HS hiểu AI và công cụ dự báo thời tiết có thể hỗ trợ cảnh báo mưa lũ nhanh hơn, nhưng HS không được chủ quan. Khi có thông tin cảnh báo, các em phải kiểm tra với người lớn, làm theo chỉ dẫn an toàn, không nghịch nước lũ, không tự ý quay lại nhà lấy đồ. Qua đó, HS biết sử dụng thông tin công nghệ đúng mục đích để bảo vệ bản thân và người thân.	- HS lắng nghe, nêu lại việc cần làm: báo người lớn, tránh xa nước lũ, đi theo người lớn đến nơi an toàn, không tự ý dùng điện thoại để tìm kiếm thông tin khi chưa được hướng dẫn.
GV kết luận: Câu chuyện ca ngợi tình chị em thắm thiết của Nết và Na; hoa tỉ muội là hình ảnh đẹp gợi sự yêu thương, che chở trong gia đình.	- HS nhắc lại nội dung: Câu chuyện ca ngợi tình chị em yêu thương, đùm bọc nhau.
3. Thực hành – Hoạt động 3: Luyện đọc lại (5 phút) *Mục tiêu: Rèn đọc diễn cảm một đoạn hoặc cả bài.*	
- GV đọc lại đoạn có lời nhân vật và nhắc HS chú ý giọng đọc.	- HS lắng nghe, nhận ra giọng kể chậm rãi và lời nhân vật tình cảm.
- GV yêu cầu HS luyện đọc theo cặp một	- HS luyện đọc theo cặp; một bạn đọc, một bạn

đoạn em thích.	nghe và góp ý.
- GV mời 2 HS đọc trước lớp.	- HS đọc đoạn trước lớp; cả lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, tình cảm.
3. Thực hành – Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc (12 phút) *Mục tiêu: Xếp đúng từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm; đặt câu nói về việc chị Nết đã làm cho em Na.*	
Bài tập 1: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp. 	- HS đọc đề bài tập 1.
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- HS đọc: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.
- GV hướng dẫn HS làm nhóm 4: đọc từng từ, xác định từ chỉ hoạt động hoặc từ chỉ đặc điểm.	- HS thảo luận nhóm 4: chạy theo, cõng, đi qua, gật đầu là từ chỉ hoạt động; đỏ thắm, bé nhỏ, đẹp, cao là từ chỉ đặc điểm.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày đáp án: Từ chỉ hoạt động: chạy theo, cõng, đi qua, gật đầu. Từ chỉ đặc điểm: đỏ thắm, bé nhỏ, đẹp, cao.
GV kết luận: Từ chỉ hoạt động nêu việc làm, cử động; từ chỉ đặc điểm nêu màu sắc, hình dáng, kích thước hoặc tính chất.	- HS ghi nhớ: hoạt động là việc làm; đặc điểm là màu sắc, hình dáng, tính chất.
Bài tập 2: Đặt một câu nói về việc chị Nết đã làm cho em Na.	- HS đọc đề bài tập 2.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở.	- HS viết câu vào vở: Chị Nết cõng em Na chạy theo dân làng đến nơi an toàn.
- GV mời HS trình bày câu đã đặt.	- HS trình bày thêm: Chị Nết ôm em Na để em đỡ rét. Chị Nết luôn nhường em. Chị Nết che chở cho em Na trong lúc lũ dâng cao.
GV kết luận: Khi đặt câu, các em cần nói rõ ai làm gì cho ai, dùng từ ngữ chính xác và thể hiện được tình cảm yêu thương.	- HS lắng nghe và sửa câu nếu còn thiếu ý.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố nội dung bài và liên hệ việc làm trong gia đình.*	
- GV hỏi: Hôm nay về nhà, em có thể làm việc gì để thể hiện tình yêu thương với anh, chị, em trong gia đình?	- HS trả lời: Em sẽ nhường đồ chơi cho em, giúp em học bài, phụ anh/chị dọn bàn học, nói lời yêu thương với người thân.
GV kết luận: Yêu thương trong gia đình thể hiện bằng những việc làm nhỏ, lời nói nhẹ nhàng và sự giúp đỡ nhau hằng ngày.	- HS lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 14
Chủ đề 4: Mái ấm gia đình
Bài 25: SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI
Tiết 3: Viết
CHỮ HOA N

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Viết đúng chữ hoa N cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết đúng câu ứng dụng: Nói lời hay, làm việc tốt.
- Nêu được cấu tạo, quy trình viết chữ hoa N; biết đặt bút, đưa bút, rê bút và dừng bút đúng vị trí.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện viết, tự soát và sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết nhận xét bài viết của bạn bằng lời góp ý lịch sự.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: kiên trì luyện viết đúng mẫu.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết cẩn thận, trình bày đẹp.

4. Tích hợp

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS hiểu câu ứng dụng nhắc nhở nói lời hay, làm việc tốt trong gia đình và lớp học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Mẫu chữ hoa N, câu ứng dụng, máy chiếu, bảng phụ, hình chữ mẫu SGK được cắt đúng nội dung.

2. Học sinh: Vở Tập viết 2, bảng con, bút chì, bút mực.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Ôn chữ hoa đã học, tạo hứng thú luyện viết chữ hoa N.*	
- GV yêu cầu HS nhắc lại chữ hoa đã học ở tiết trước.	- HS trả lời: Tiết trước em đã học chữ hoa M.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em học chữ hoa N và câu ứng dụng Nói lời hay, làm việc tốt.	- HS lắng nghe, mở vở ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa N (15 phút) *Mục tiêu: Nắm cấu tạo và quy trình viết chữ hoa N.*	
- GV yêu cầu HS quan sát mẫu chữ hoa N trong SGK. 	- HS quan sát mẫu chữ hoa N cỡ vừa và cỡ nhỏ.
- GV hỏi: Chữ hoa N cao mấy li, rộng mấy li, gồm mấy nét?	- HS trả lời: Chữ hoa N cỡ vừa cao 5 li, rộng khoảng 6 li, gồm 3 nét: móc ngược trái, thẳng xiên và móc xuôi phải.
- GV viết mẫu chữ hoa N lần 1.	- HS quan sát chiều đưa bút của GV.
- GV viết mẫu lần 2 và nêu quy trình: Nét 1 đặt bút trên đường kẻ 2, viết móc ngược trái lên đường kẻ 6; nét 2 rê bút viết nét thẳng xiên xuống đường kẻ 1; nét 3 viết móc xuôi phải lên, dừng bút ở đường kẻ 5.	- HS nhắc lại: đặt bút đường kẻ 2, đưa bút lên đường kẻ 6, rê bút viết nét xiên xuống đường kẻ 1, viết móc xuôi phải và dừng bút ở đường kẻ 5.
- GV hướng dẫn HS viết chữ N trên không.	- HS viết chữ N trên không theo nhịp hướng dẫn của GV.
- GV yêu cầu HS viết chữ N vào bảng con.	- HS viết bảng con chữ N, giơ bảng; HS tự sửa nét

	móc, nét xiên nếu chưa đúng.
GV kết luận: Khi viết chữ N, cần liền mạch giữa các nét, nét xiên không đổ quá nhiều, điểm dừng bút đúng đường kẻ.	- HS ghi nhớ: viết liền mạch, đúng độ cao, đúng điểm đặt bút và dừng bút.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng (7 phút) *Mục tiêu: Hiểu nghĩa câu ứng dụng và biết cách trình bày câu viết.*	
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: Nói lời hay, làm việc tốt.	- HS đọc: Nói lời hay, làm việc tốt.
- GV hỏi: Câu ứng dụng khuyên chúng ta điều gì?	- HS trả lời: Câu ứng dụng khuyên chúng ta nói những lời lịch sự, dễ nghe và làm những việc tốt để giúp người khác.
- GV hỏi: Chữ nào cần viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ N viết hoa vì đứng đầu câu.
- GV hỏi: Dấu thanh đặt ở đâu trong các tiếng nói, lời, tốt?	- HS trả lời: Dấu sắc đặt trên chữ o trong nói và tốt; dấu huyền đặt trên chữ ơ trong lời.
- GV viết mẫu tiếng Nói, hướng dẫn nối chữ hoa N với chữ o.	- HS quan sát, nêu: nét cuối chữ N nối sang chữ o nhẹ nhàng, không nhấc bút quá cao.
3. Thực hành (12 phút) *Mục tiêu: Viết vào vở Tập viết đúng mẫu, sạch đẹp.*	
- GV nêu yêu cầu viết trong vở: viết chữ N cỡ vừa, chữ N cỡ nhỏ và câu ứng dụng.	- HS nhắc lại yêu cầu: viết đúng chữ N và câu Nói lời hay, làm việc tốt.
- GV nhắc tư thế ngồi, cách cầm bút, khoảng cách mắt với vở.	- HS ngồi thẳng lưng, cầm bút bằng ba ngón, để vở hơi nghiêng, mắt cách vở khoảng 25 - 30 cm.
- GV yêu cầu HS viết bài vào vở.	- HS viết bài vào vở; chú ý độ cao chữ N, khoảng cách giữa các chữ và dấu chấm cuối câu.
- GV quan sát, hỗ trợ HS viết còn chậm.	- HS sửa tư thế, sửa nét chữ theo góp ý của GV.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Tự soát lỗi và liên hệ câu ứng dụng.*	
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn để soát lỗi.	- HS đổi vở, nhận xét: chữ N có đúng mẫu không, câu viết đủ chữ chưa, dấu thanh đặt đúng chưa.
- GV hỏi: Em sẽ nói lời hay, làm việc tốt nào trong ngày hôm nay?	- HS trả lời: Em sẽ chào ông bà, cảm ơn bố mẹ, giúp bạn nhặt bút, dọn đồ chơi cùng em.
GV kết luận: Viết đẹp cần chăm chỉ; nói lời hay, làm việc tốt giúp gia đình và lớp học vui vẻ hơn.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 14
Chủ đề 4: Mái ấm gia đình
Bài 25: SỰ TÍCH HOA TỈ MUỘI
Tiết 4: Nói và nghe
HAI ANH EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán được nội dung từng tranh trong câu chuyện Hai anh em.
- Nghe kể chuyện, nhớ được sự việc chính, kể lại được 1 - 2 đoạn theo tranh.

2. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe, trao đổi nhóm, kể chuyện theo vai.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dự đoán nội dung câu chuyện theo tranh.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, nhường nhịn anh chị em trong gia đình.
- Trách nhiệm: biết chia sẻ việc nhà, quan tâm đến người thân.

4. Tích hợp

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng tình anh em, biết quan tâm, nhường nhịn và giúp đỡ người thân trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Tranh câu chuyện Hai anh em được cắt đúng nội dung; máy chiếu; phiếu thảo luận nhóm.

2. Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú và kết nối với nội dung câu chuyện.*	
- GV hỏi: Khi anh/chị/em gặp khó khăn, em thường làm gì?	- HS trả lời: Em sẽ hỏi han, giúp đỡ, chia sẻ đồ dùng, nhường nhịn hoặc báo người lớn giúp.
- GV giới thiệu: Tiết nói và nghe hôm nay giúp các em kể câu chuyện Hai anh em.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 1: Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung từng tranh (12 phút) *Mục tiêu: Quan sát tranh, đọc câu hỏi gợi ý và dự đoán sự việc.*	
Bài tập 1: Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh. 	- HS đọc đề bài tập 1.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh 1 và đọc câu hỏi: Lúc đầu, hai anh em đã chia lúa thế nào?	- HS trả lời: Lúc đầu, hai anh em chia lúa thành hai đống bằng nhau.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh 2 và đọc câu	- HS trả lời: Người em nghĩ anh còn phải nuôi gia

hỏi: Người em nghĩ gì và chia lại lúa ra sao?	đình nên đem lúa của mình bỏ thêm vào đống lúa của anh.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh 3 và đọc câu hỏi: Người anh nghĩ gì và đã làm gì để chia lại lúa?	- HS trả lời: Người anh nghĩ em sống một mình vất vả nên đem lúa của mình bỏ thêm vào đống lúa của em.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh 4 và đọc câu hỏi: Vì sao hai anh em đều xúc động?	- HS trả lời: Hai anh em xúc động vì biết người kia luôn nghĩ cho mình và âm thầm nhường phần lúa cho mình.
- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4 để sắp xếp ý và đoán nội dung câu chuyện.	- HS thảo luận nhóm 4, thống nhất: Câu chuyện kể về hai anh em biết yêu thương, nhường nhịn, quan tâm nhau.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 2: Nghe kể chuyện (10 phút) *Mục tiêu: Lắng nghe để ghi nhớ nội dung và chi tiết chính.*	
- GV kể chuyện lần 1, kết hợp chỉ từng tranh.	- HS lắng nghe, quan sát tranh, ghi nhớ thứ tự sự việc.
- GV kể chuyện lần 2, dừng sau từng đoạn và hỏi chi tiết.	- HS trả lời: Hai anh em chia lúa; người em cho thêm lúa vào phần của anh; người anh cho thêm lúa vào phần của em; hai anh em gặp nhau và xúc động.
3. Thực hành (15 phút) *Mục tiêu: Kể lại được 1 - 2 đoạn câu chuyện theo tranh.*	
Bài tập 3: Chọn kể 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh.	- HS đọc đề bài tập 3.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: chọn 1 - 2 tranh mình nhớ nhất để tập kể.	- HS chọn tranh và tập kể thầm nội dung: Ví dụ tranh 2: Người em thương anh nên mang lúa của mình bỏ thêm vào đống lúa của anh.
- GV yêu cầu HS kể trong nhóm đôi.	- HS kể cho bạn nghe; bạn góp ý thêm chi tiết còn thiếu.
- GV mời HS kể trước lớp.	- HS kể trước lớp: Em kể đoạn hai anh em âm thầm chia lại lúa cho nhau vì ai cũng thương người kia.
- GV hỏi: Câu chuyện giúp em học được điều gì?	- HS trả lời: Em học được phải yêu thương, nhường nhịn, biết nghĩ cho anh chị em và người thân.
4. Vận dụng (5 phút) *Mục tiêu: Kể lại câu chuyện cho người thân nghe và liên hệ việc làm trong gia đình.*	
- GV yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện Hai anh em cho người thân nghe.	- HS nhận nhiệm vụ: Về nhà em sẽ kể lại câu chuyện theo 4 tranh cho bố mẹ hoặc anh chị nghe.
GV kết luận: Anh chị em biết yêu thương và nghĩ cho nhau sẽ làm gia đình thêm ấm áp, hạnh phúc.	- HS lắng nghe và nêu việc sẽ làm: Em sẽ nhường em nhỏ, giúp anh/chị việc nhà, nói lời yêu thương với người thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 14
Chủ đề 4: Mái ấm gia đình
Bài 26: EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG
Tiết 1 - 2: Đọc
EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng bài thơ Em mang về yêu thương; biết ngắt nhịp thơ, đọc với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.
- Hiểu nghĩa từ lẫm chẫm; trả lời được câu hỏi về em bé và tình yêu thương em bé mang đến cho gia đình.
- Tìm thêm từ ngữ tả em bé và đặt câu với từ tìm được.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, học thuộc một đoạn thơ yêu thích.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, chia sẻ cảm nhận.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương em nhỏ, quan tâm người thân trong gia đình.
- Trách nhiệm: biết phụ giúp bố mẹ chăm sóc em bằng việc phù hợp lứa tuổi.

4. Tích hợp

- Tích hợp quyền trẻ em: HS hiểu em bé có quyền được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ trong gia đình.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: HS biết tìm kiếm hình ảnh/bài thơ về gia đình từ nguồn phù hợp dưới sự hướng dẫn của người lớn, không tự ý đăng ảnh em bé hoặc người thân lên mạng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Tranh SGK được cắt đúng nội dung; máy chiếu; phiếu thảo luận; thẻ từ ngữ tả em bé.

2. Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1	
1. Khởi động (8 phút) *Mục tiêu: Kết nối trải nghiệm về em bé và gợi mở bài đọc.*	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh khởi động và hỏi: Tranh vẽ ai? Mọi người đang làm gì? 	- HS trả lời: Tranh vẽ mẹ đang chơi với em bé; em bé ngồi bên đồ chơi, nét mặt rất đáng yêu.
- GV hỏi: Em hãy nói về một em bé mà em biết.	- HS trả lời: Em bé nhà em tên Bo, bé khoảng 1 tuổi, bé biết cười, biết bò và rất thích chơi đồ chơi.
- GV yêu cầu HS chia sẻ nhóm đôi: Em bé có điều gì đáng yêu?	- HS thảo luận nhóm đôi và nêu: Em bé có đôi mắt tròn, má bầu bĩnh, tiếng cười trong trẻo, bước đi lẫm chẫm rất đáng yêu.
- GV giới thiệu bài: Bài thơ Em mang về yêu thương nói về niềm vui em bé mang đến cho gia đình.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 1: Đọc văn bản (27 phút)	

Mục tiêu: Đọc đúng bài thơ, hiểu từ khó và cảm nhận giọng thơ.	
a. GV đọc mẫu.	HS lắng nghe GV đọc mẫu và đọc thầm theo.
- GV đọc mẫu bài thơ với giọng nhẹ nhàng, trìu mến; ngắt nghỉ rõ sau từng dòng thơ, từng khổ thơ.	- HS theo dõi bài trong SGK, chú ý giọng đọc trìu mến khi nói về em bé.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ.	HS luyện đọc từng khổ thơ.
- GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 4 khổ thơ.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1.	- 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ; cả lớp theo dõi.
- GV hỏi: Trong bài có từ nào dễ đọc sai?	- HS nêu: lẫm chẫm, cuộn tròn, giọt nước, nụ cười, quả nhãn.
- GV viết bảng từ khó và cho HS luyện đọc.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh: lẫm chẫm, cuộn tròn, giọt nước, nụ cười, quả nhãn.
- GV hướng dẫn ngắt nhịp thơ: Bàn tay / như nụ hoa; Bước chân đi / lẫm chẫm.	- HS luyện đọc ngắt nhịp theo hướng dẫn, đọc rõ hình ảnh so sánh trong thơ.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 2.	- 4 HS đọc nối tiếp lần 2; HS khác nhận xét cách đọc.
- GV hỏi: Em hiểu lẫm chẫm nghĩa là gì?	- HS trả lời: Lẫm chẫm là dáng đi chưa vững của em bé.
- GV yêu cầu HS đặt câu với từ lẫm chẫm.	- HS đặt câu: Em bé nhà em đang lẫm chẫm tập đi.
c. HS luyện đọc trong nhóm.	HS luyện đọc nhóm 4 và góp ý cho bạn.
- GV tổ chức HS luyện đọc theo nhóm 4.	- HS trong nhóm mỗi bạn đọc một khổ thơ, góp ý cách đọc nhẹ nhàng, rõ ràng.
- GV tổ chức thi đọc giữa các nhóm.	- Các nhóm thi đọc; lớp nhận xét nhóm đọc đúng, đều, tình cảm.
d. Đọc toàn bài.	HS đọc toàn bài.
- GV gọi 2 HS đọc toàn bài.	- 2 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
GV kết luận: Bài thơ cần đọc nhẹ nhàng, trìu mến để thể hiện tình yêu thương dành cho em bé.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị tìm hiểu bài ở tiết 2.
TIẾT 2	
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) *Mục tiêu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu, hiểu tình yêu thương em bé mang về cho gia đình.*	
Bài tập đọc hiểu: GV yêu cầu HS quan sát tranh câu hỏi trong SGK và đọc thầm lại bài thơ.	- HS quan sát tranh, đọc thầm lại bài thơ và chuẩn bị trả lời.

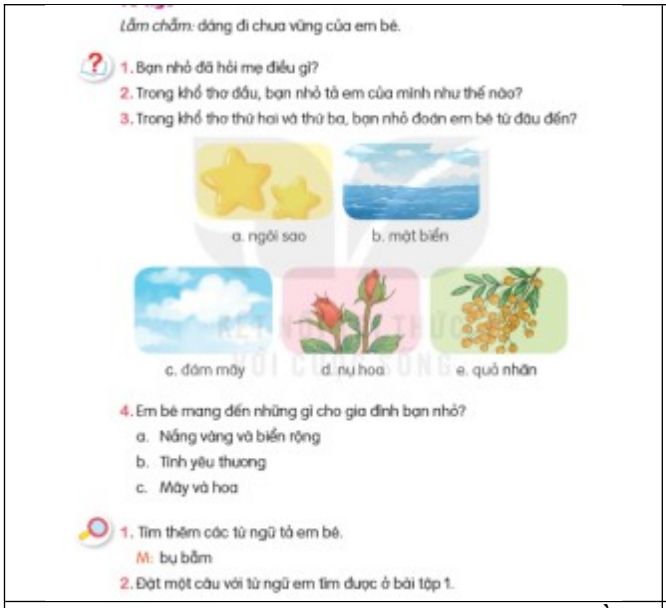 Lẫm chẫm: dáng đi chưa vững của em bé. 1. Bạn nhỏ đã hỏi mẹ điều gì? 2. Trong khổ thơ đầu, bạn nhỏ tả em của mình như thế nào? 3. Trong khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ đoán em bé từ đâu đến? a. ngôi sao b. mặt biển c. đám mây d. nụ hoa e. quả nhãn 4. Em bé mang đến những gì cho gia đình bạn nhỏ? a. Nắng vàng và biển rộng b. Tình yêu thương c. Mây và hoa 1. Tìm thêm các từ ngữ tả em bé. M: bụ bẫm 2. Đặt một câu với từ ngữ em tìm được ở bài tập 1.	
- GV nêu câu hỏi 1: Bạn nhỏ đã hỏi mẹ điều gì?	- HS trả lời: Bạn nhỏ hỏi mẹ: Em bé từ đâu đến nhà ta?
- GV nêu câu hỏi 2: Trong khổ thơ đầu, bạn nhỏ tả em của mình như thế nào?	- HS trả lời: Bạn nhỏ tả em có nụ cười như tia nắng, bàn tay như nụ hoa, bước chân đi lẫm chẫm, tiếng cười vang sân nhà.
- GV nêu câu hỏi 3: Trong khổ thơ thứ hai và thứ ba, bạn nhỏ đoán em bé từ đâu đến?	- HS trả lời: Bạn nhỏ đoán em bé từ ngôi sao, mặt biển, đám mây, nụ hoa hoặc quả nhãn đến.
- GV nêu câu hỏi 4: Em bé mang đến những gì cho gia đình bạn nhỏ?	- HS trả lời: Em bé mang tình yêu thương đến cho gia đình bạn nhỏ.
Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi tìm hình ảnh hoặc bài thơ về em bé, gia đình trên mạng, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em cần nhờ người lớn hướng dẫn, chọn nguồn phù hợp, không tự ý đăng ảnh em bé hoặc người thân lên mạng.
Diễn giải tích hợp NLS: GV hướng dẫn HS hiểu hình ảnh em bé và người thân là thông tin riêng tư. Khi học tập bằng thiết bị số, HS chỉ xem hoặc tìm kiếm nội dung phù hợp dưới sự hướng dẫn của người lớn; không chia sẻ họ tên, ảnh, địa chỉ của em bé hay gia đình lên mạng. Biết bảo vệ thông tin cá nhân cũng là cách thể hiện yêu thương và trách nhiệm với người thân.	- HS nêu lại việc cần làm: hỏi người lớn trước khi tìm kiếm; không đăng ảnh em bé; không ghi tên, địa chỉ gia đình lên mạng; chỉ dùng hình ảnh học tập do GV cung cấp.
GV kết luận: Em bé làm cho gia đình thêm ấm áp, vui vẻ; mỗi em bé đều cần được yêu thương, chăm sóc và bảo vệ.	- HS nhắc lại: Em bé mang tình yêu thương đến cho gia đình.
3. Thực hành – Hoạt động 3: Luyện đọc lại và học thuộc lòng (5 phút) *Mục tiêu: Rèn đọc diễn cảm và học thuộc khổ thơ yêu thích.*	
- GV đọc diễn cảm bài thơ một lần.	- HS lắng nghe và đọc thầm theo.
- GV yêu cầu HS chọn một khổ thơ yêu thích để luyện đọc thuộc.	- HS chọn khổ thơ, tự luyện đọc thuộc trong 2 phút.
- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc trước lớp.	- HS đọc thuộc khổ thơ; lớp nhận xét bạn đọc rõ, tình cảm.
3. Thực hành – Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc (12 phút) *Mục tiêu: Tìm thêm từ ngữ tả em bé và đặt câu đúng.*	
Bài tập 1: Tìm thêm các từ ngữ tả em bé.	- HS đọc đề bài tập 1.
- GV yêu cầu HS làm nhóm 4, tìm từ ngữ tả em bé.	- HS thảo luận nhóm 4, tìm từ: bụ bẫm, đáng yêu, xinh xắn, hồng hào, ngoan ngoãn, lanh lợi, lẫm

	chẫm.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung từ: bé nhỏ, trắng trẻo, mũm mĩm.
GV kết luận: Từ ngữ tả em bé giúp câu văn, câu nói về em bé sinh động và giàu tình cảm hơn.	- HS lắng nghe và chọn 1 từ mình thích.
Bài tập 2: Đặt một câu với từ ngữ em tìm được ở bài tập 1.	- HS đọc đề bài tập 2.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở.	- HS viết câu: Em bé Hà rất bụ bẫm. Bé Bo có đôi má hồng hào. Em gái em đang lẫm chẫm tập đi.
- GV mời HS đọc câu đã viết.	- HS đọc câu; bạn nhận xét câu có dùng đúng từ tả em bé.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Liên hệ việc làm yêu thương em nhỏ.*	
- GV hỏi: Em có thể làm gì để thể hiện tình yêu thương với em bé trong gia đình?	- HS trả lời: Em có thể chơi nhẹ nhàng với em, lấy khăn cho em, giúp mẹ cất đồ chơi, không làm em khóc.
GV kết luận: Yêu thương em nhỏ là biết chăm sóc bằng việc làm vừa sức, nói lời dịu dàng và luôn giữ an toàn cho em.	- HS lắng nghe, ghi nhớ thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 14
Chủ đề 4: Mái ấm gia đình
Bài 26: EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG
Tiết 3: Viết
NGHE – VIẾT: EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nghe - viết đúng 2 khổ thơ đầu bài Em mang về yêu thương; trình bày đúng thể thơ.
- Làm đúng bài tập phân biệt iên/yên/uyên, d/r, gieo/reo, ai/ay.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự soát lỗi bài viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở soát lỗi cho bạn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, đúng chính tả.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, trình bày đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Máy chiếu; đoạn chính tả; tranh/bài tập chính tả SGK cắt đúng nội dung; phiếu bài tập.

2. Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú và kết nối với bài chính tả.*	
- GV tổ chức trò chơi sắp xếp từ khóa: yêu, về, thương, Em, mang.	- HS sắp xếp được từ khóa: Em mang về yêu thương.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em nghe - viết 2 khổ thơ đầu bài Em mang về yêu thương.	- HS lắng nghe, mở vở ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe – viết (20 phút) *Mục tiêu: Hiểu nội dung đoạn viết, nhận biết hiện tượng chính tả và viết đúng đoạn thơ.*	
- GV đọc đoạn chính tả 2 khổ thơ đầu. VIẾT 1. Nghe – viết: *Em mang về yêu thương* (2 khổ thơ đầu). 2. Chọn iên, yên hoặc uyên thay cho ô vuông. – Ngoài hiên, trời lặng gió. – Hàng cây đứng lặng yên giữa trưa hè oi ả. – Chim vành khuyên cất vang tiếng hót. 3. Chọn a hoặc b. a. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông. (dắt/ rắt) – Mẹ dắt em đến trường.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo đoạn thơ trong SGK.
- GV gọi 2 HS đọc lại đoạn viết.	- 2 HS đọc lại; cả lớp theo dõi.
- GV hỏi: Bạn nhỏ đã hỏi mẹ điều gì?	- HS trả lời: Bạn nhỏ hỏi mẹ em bé từ đâu đến nhà ta.
- GV hỏi: Đoạn viết có những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa chữ đầu tên bài thơ và chữ đầu mỗi dòng thơ.
- GV hỏi: Đoạn viết có tiếng nào dễ viết sai?	- HS nêu: nụ cười, lấm chấm, sân nhà, bàn tay, tia nắng.
- GV yêu cầu HS viết bảng con các từ khó.	- HS viết bảng con: nụ cười, lấm chấm, sân nhà, bàn tay, tia nắng.
- GV hỏi: Khi viết thơ, em trình bày như thế nào?	- HS trả lời: Viết tên bài ở giữa dòng; mỗi dòng thơ viết lùi vào; hết khổ thơ cách một dòng.
- GV đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở.	- HS nghe GV đọc và viết bài vào vở.
- GV đọc lại toàn bài cho HS soát lỗi.	- HS soát lỗi lần 1 bằng bút mực; đổi vở soát lỗi lần 2 bằng bút chì.

3. Thực hành – Hoạt động 2: Làm bài tập chính tả (10 phút) *Mục tiêu: Phân biệt đúng các âm/vần dễ lẫn.*	
Bài tập 2: Chọn iên, yên hoặc uyên thay cho ô vuông.	- HS đọc đề bài tập 2.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở bài tập.	- HS làm bài: Ngoài hiên, trời lặng gió. Hàng cây đứng lặng yên giữa trưa hè oi ả. Chim vành khuyên cất vang tiếng hót.
- GV gọi HS đọc kết quả.	- HS đọc kết quả; lớp nhận xét và sửa bài.
Bài tập 3: Chọn a hoặc b.	- HS đọc đề bài tập 3.
- GV hướng dẫn câu a: chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.	- HS làm câu a: Mẹ em đến trường. Tiếng sáo diều réo rắt. Em bé reo lên khi thấy mẹ về. Chị Bống cẩn thận rải hạt vào chậu đất nhỏ.
- GV hướng dẫn câu b: nhìn tranh, tìm từ chứa ai hoặc ay và viết vào vở.	- HS nêu và viết: tay, váy, mây, máy bay, trái cây, bàn chải.
GV kết luận: Khi làm chính tả, cần đọc kĩ câu, hiểu nghĩa từ rồi mới chọn tiếng/vần phù hợp.	- HS ghi nhớ cách làm bài tập chính tả.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Củng cố cách viết đúng và tự sửa lỗi.*	
- GV yêu cầu HS nêu 1 từ khó viết trong bài và cách ghi nhớ.	- HS nêu: lẫm chẫm có âm l, vần âm; khuyên có vần uyên; yên bắt đầu bằng y.
GV kết luận: Viết đúng chính tả cần nghe kĩ, đọc kĩ và soát lỗi cẩn thận.	- HS lắng nghe và hoàn thiện bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 14
Chủ đề 4: Mái ấm gia đình
Bài 26: EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG
Tiết 4: Luyện tập
TỪ NGỮ VỀ NGƯỜI THÂN – TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Mở rộng vốn từ về quan hệ họ hàng, người thân trong gia đình.
- Tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ; đặt được câu nêu đặc điểm.

2. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm, trình bày đáp án.
- Giải quyết vấn đề: biết dựa vào quan hệ gia đình để chọn từ phù hợp.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu quý người thân trong gia đình.
- Trách nhiệm: biết nói lời yêu thương, kính trọng người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Máy chiếu; bài tập SGK cắt đúng nội dung; phiếu học tập.

2. Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Tạo hứng thú và kết nối với vốn từ về gia đình.*	
- GV cho HS hát bài Ba ngọn nến lung linh.	- HS hát và vận động nhẹ theo bài hát.
- GV hỏi: Bài hát nhắc đến những ai trong gia đình?	- HS trả lời: Bài hát nhắc đến ba, mẹ và con.
- GV giới thiệu bài luyện tập về người thân và từ chỉ đặc điểm.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức (17 phút) *Mục tiêu: Làm bài tập về từ ngữ chỉ người thân và từ chỉ đặc điểm.*	
Bài tập 1: Tìm từ phù hợp thay cho ô vuông. (gieo/ reo) – Em bé ▪ lên khi thấy mẹ về. – Chị Bống cẩn thận ▪ hạt vào chậu đất nhỏ. b. Nhìn tranh, tìm từ ngữ chứa ai hoặc ay. Viết các từ tìm được vào vở. LUYỆN TẬP 1. Tìm từ phù hợp thay cho ô vuông. a. Em trai của mẹ gọi là ▪. b. Em trai của bố gọi là ▪. c. Em gái của mẹ gọi là ▪. d. Em gái của bố gọi là ▪. 2. Tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ dưới đây: Bà ơi hãy ngủ / Hương bưởi hương cau Cô cháu ngồi bên / Lẫn vào tay quạt Cơn nhà vắng vẻ / Cho bà nằm mát Khu vườn lặng im. / Giữa vòng gió tham.	- HS đọc đề bài tập 1.
- GV yêu cầu HS đọc các câu a, b, c, d.	- HS đọc: Em trai của mẹ gọi là...; Em trai của bố gọi là...; Em gái của mẹ gọi là...; Em gái của bố gọi là....
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để làm bài.	- HS thảo luận nhóm đôi, thống nhất đáp án: a. cậu; b. chú; c. dì; d. cô.
- GV gọi HS trình bày.	- HS trình bày: Em trai của mẹ gọi là cậu; em trai của bố gọi là chú; em gái của mẹ gọi là dì; em gái của bố gọi là cô.
GV kết luận: Các từ cậu, chú, dì, cô là từ gọi	- HS đọc lại các từ: cậu, chú, dì, cô.

người thân trong quan hệ họ hàng.	
Bài tập 2: Tìm các từ ngữ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ.	- HS đọc đề bài tập 2.
- GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ và gạch chân từ chỉ đặc điểm.	- HS đọc đoạn thơ và tìm: lặng im, thơm, trầm ấm, mượt mà.
- GV gọi HS nêu đáp án.	- HS nêu: Các từ chỉ đặc điểm là lặng im, thơm, trầm ấm, mượt mà.
Bài tập 3: Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm. Chọn viết 2 câu vào vở. 3. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm. Chọn viết 2 câu vào vở. A: Đôi mắt em bé; Mái tóc của mẹ; Giọng nói của bố B: mượt mà; trầm ấm; đen láy 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi. Khi tôi còn bé tí, tôi ở nhà với ông ngoại cả ngày để bố mẹ đi làm. Ông thường kể cho tôi nghe rất nhiều truyện cổ tích. Ông dạy tôi vẽ rất nhiều con vật: voi, hổ, hươu, nai, sóc,... Ông còn dạy tôi vẽ cả ông mặt trời, dòng sông, con thuyền,... Mỗi khi ông có việc đi đâu, tôi rất nhớ ông và mong ông sớm về với tôi. a. Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai? b. Người đó đã làm những gì cho bạn nhỏ? c. Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó? 2. Viết 3 – 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.	- HS đọc đề bài tập 3.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân rồi trao đổi nhóm đôi.	- HS nối: Đôi mắt em bé đen láy. Mái tóc của mẹ mượt mà. Giọng nói của bố trầm ấm.
- GV gọi HS đọc 2 câu đã viết vào vở.	- HS đọc: Đôi mắt em bé đen láy. Mái tóc của mẹ mượt mà. Giọng nói của bố trầm ấm.
GV kết luận: Câu nêu đặc điểm giúp người đọc hình dung rõ hơn về người hoặc sự vật được nói đến.	- HS ghi nhớ cách đặt câu nêu đặc điểm.
3. Vận dụng (10 phút) *Mục tiêu: Viết câu nêu đặc điểm về người thân.*	
- GV yêu cầu HS viết 1 câu nêu đặc điểm về người thân trong gia đình.	- HS viết: Giọng nói của mẹ rất dịu dàng. Bàn tay của bà ấm áp. Đôi mắt em bé tròn xoe.
- GV mời HS đọc câu trước lớp.	- HS đọc câu; lớp nhận xét câu có nêu được đặc điểm rõ không.
4. Củng cố (3 phút) *Mục tiêu: Khắc sâu vốn từ về gia đình và từ chỉ đặc điểm.*	
- GV hỏi: Hôm nay em học được những từ gọi người thân nào?	- HS trả lời: Em học được các từ cậu, chú, dì, cô.
GV kết luận: Khi nói về người thân, các em cần dùng từ xưng hô đúng và lời nói lễ phép, yêu thương.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

KẾ HOẠCH DẠY HỌC – TUẦN 14
Chủ đề 4: Mái ấm gia đình
Bài 26: EM MANG VỀ YÊU THƯƠNG
Tiết 5 - 6: Viết đoạn – Đọc mở rộng
VIẾT VỀ NGƯỜI THÂN – ĐỌC BÀI THƠ VỀ TÌNH CẢM ANH CHỊ EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đoạn văn mẫu và trả lời được câu hỏi; viết được 3 - 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.
- Tìm đọc bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà và đọc cho bạn nghe câu thơ em thích.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị ý tưởng, tự viết đoạn văn ngắn.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ bài viết và bài đọc với bạn.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết trân trọng việc làm yêu thương của người thân.
- Trách nhiệm: biết thể hiện lòng biết ơn bằng lời nói và việc làm cụ thể.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: HS biết tìm đọc bài thơ/bài viết về tình cảm gia đình từ nguồn phù hợp như thư viện số của nhà trường hoặc trang học liệu GV giới thiệu; không tự ý truy cập trang lạ.
- Tích hợp AI 2.A1.1: HS biết công cụ AI có thể gợi ý từ ngữ/câu văn, nhưng HS phải tự viết bằng trải nghiệm thật của mình và không nhập thông tin riêng tư của người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Máy chiếu; đoạn văn mẫu; sơ đồ gợi ý viết đoạn; tranh đọc mở rộng được cắt đúng nội dung; phiếu đọc sách.

2. Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5	
1. Khởi động (5 phút) *Mục tiêu: Kết nối cảm xúc về người thân.*	
- GV hỏi: Em nhớ nhất việc làm nào của người thân dành cho em?	- HS trả lời: Em nhớ mẹ chăm em khi ốm; ông kể chuyện cho em nghe; bố đưa em đi học; chị dạy em làm bài.
- GV dẫn dắt: Hôm nay các em sẽ viết 3 - 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức – Hoạt động 1: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi (15 phút) *Mục tiêu: Nhận biết cách kể về người thân và việc làm của người thân.*	
Bài tập 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.	- HS đọc đề bài tập 1.
- GV gọi 2 HS đọc đoạn văn mẫu.	- 2 HS đọc đoạn văn; cả lớp đọc thầm theo.
- GV hỏi a: Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai?	- HS trả lời: Bạn nhỏ kể về ông ngoại.
- GV hỏi b: Người đó đã làm những gì cho bạn nhỏ?	- HS trả lời: Ông ngoại kể chuyện cổ tích, dạy bạn vẽ ông mặt trời, dòng sông, con thuyền.
- GV hỏi c: Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó?	- HS trả lời: Câu thể hiện tình cảm là: Mỗi khi ông có việc đi đâu, tôi rất nhớ ông và mong ông sớm về với tôi.
GV kết luận: Khi viết về người thân, cần nêu người đó là ai, người đó đã làm gì cho em và	- HS ghi nhớ 3 ý cần có trong đoạn văn.

tình cảm của em với người đó.	
3. Thực hành – Hoạt động 2: Viết 3 - 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em (15 phút) *Mục tiêu: Viết đoạn văn ngắn có đủ ý, câu rõ ràng.*	
Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu kể về một việc người thân đã làm cho em.	- HS đọc đề bài tập 2.
- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ gợi ý trong SGK.	- HS quan sát sơ đồ gợi ý: Người thân muốn kể là ai? Người đó đã làm gì cho em? Em suy nghĩ gì về việc đó?
- GV hỏi: Em muốn kể về ai?	- HS trả lời: Em muốn kể về mẹ/ông ngoại/bố/chị gái.
- GV hỏi: Người đó đã làm việc gì cho em?	- HS trả lời: Mẹ chăm em khi em bị sốt; ông kể chuyện cho em nghe; bố sửa xe đạp cho em; chị dạy em học Toán.
Câu hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu dùng AI để gợi ý câu văn, em có được nhập họ tên, địa chỉ hoặc thông tin riêng của người thân không?	- HS trả lời: Em không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại hoặc thông tin riêng của người thân vào AI.
Diễn giải tích hợp AI: GV giải thích AI có thể gợi ý cách diễn đạt hoặc từ ngữ, nhưng bài viết phải là trải nghiệm thật của HS. HS chỉ dùng gợi ý để tham khảo, không chép nguyên văn, không đưa thông tin riêng tư của gia đình lên công cụ AI. Khi viết, HS dùng lời văn của mình để thể hiện tình cảm chân thành với người thân.	- HS lắng nghe và nhắc lại: Em tự viết bằng trải nghiệm thật, không nhập thông tin riêng, không chép nguyên văn câu AI gợi ý.
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn vào vở.	- HS viết đoạn văn: Mẹ là người em yêu quý nhất. Có lần em bị sốt, mẹ thức cả đêm để lau mát và cho em uống thuốc. Mẹ còn nấu cháo cho em ăn. Em rất thương mẹ và luôn muốn giúp mẹ việc nhà.
- GV mời HS đọc bài viết trước lớp.	- HS đọc bài; bạn nhận xét bài có đủ 3 ý: người thân là ai, việc làm, tình cảm của em.
GV kết luận: Đoạn văn cần viết đúng sự thật, câu rõ ý, thể hiện lòng biết ơn với người thân.	- HS lắng nghe và sửa bài.
TIẾT 6	
1. Khởi động (3 phút) *Mục tiêu: Chuyển tiếp sang đọc mở rộng về tình cảm anh chị em.*	
- GV cho HS xem tranh đọc mở rộng và hỏi: Bức tranh gợi cho em tình cảm gì? – Người thân mà em muốn kể là ai? – Người thân của em đã làm việc gì cho em? – Em có suy nghĩ gì về việc người thân đã làm? ĐỌC MỞ RỘNG 1. Tìm đọc bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà. 2. Đọc cho bạn nghe những câu thơ em thích. võng kêu	- HS trả lời: Bức tranh gợi tình cảm yêu thương giữa anh/chị và em nhỏ.
2. Khám phá – Hoạt động 1: Tìm đọc bài thơ về tình cảm anh chị em trong nhà (15 phút) *Mục tiêu: Biết tìm đọc và giới thiệu bài thơ phù hợp.*	
Bài tập 1: Tìm đọc bài thơ về tình cảm	- HS đọc đề bài tập 1.

anh chị em trong nhà.	
Câu hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi tìm bài thơ trên mạng, em nên chọn nguồn nào?	- HS trả lời: Em nên chọn thư viện số của trường, trang học liệu thầy cô giới thiệu hoặc nhờ người lớn tìm giúp.
Diễn giải tích hợp NLS: GV nhắc HS không tự ý truy cập trang lạ, không bấm quảng cáo, không tải tệp không rõ nguồn. Khi tìm bài thơ, cần kiểm tra tên bài, tác giả và nội dung có phù hợp lứa tuổi không. HS có thể ưu tiên sách in, thư viện lớp, thư viện trường hoặc học liệu GV cung cấp.	- HS nêu việc cần làm: chọn nguồn đáng tin cậy, hỏi người lớn khi cần, không bấm vào trang lạ, ghi tên bài và tác giả nếu có.
- GV yêu cầu HS giới thiệu bài thơ đã tìm được.	- HS giới thiệu: Em tìm đọc bài Tiếng võng kêu của Trần Đăng Khoa; bài thơ nói về tình cảm anh dành cho em bé.
3. Thực hành – Hoạt động 2: Đọc cho bạn nghe câu thơ em thích (14 phút) *Mục tiêu: Chia sẻ bài đọc và cảm nhận cá nhân.*	
Bài tập 2: Đọc cho bạn nghe những câu thơ em thích.	- HS đọc đề bài tập 2.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: đọc câu thơ yêu thích và nói lí do em thích.	- HS đọc cho bạn nghe: Em ơi hãy ngủ/Tay anh đưa đều; em thích vì câu thơ thể hiện anh thương em và ru em ngủ.
- GV mời 3 - 4 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp; bạn khác lắng nghe, nhận xét bạn đọc rõ và nêu lí do phù hợp.
GV kết luận: Đọc mở rộng giúp các em biết thêm nhiều bài thơ đẹp về tình cảm gia đình và biết nói lên cảm nhận của mình.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.
4. Vận dụng (3 phút) *Mục tiêu: Kể lại hoạt động đọc mở rộng cho người thân.*	
- GV dặn HS về nhà đọc lại bài thơ đã chọn cho người thân nghe.	- HS nhận nhiệm vụ: Em sẽ đọc bài thơ Tiếng võng kêu cho bố mẹ hoặc anh/chị nghe.
GV kết luận: Mỗi bài thơ về gia đình giúp chúng ta biết yêu thương, biết ơn và quan tâm người thân nhiều hơn.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 27: MẸ
TIẾT 1 - 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, trôi chảy toàn bài thơ; phát âm đúng các tiếng dễ đọc sai: cũng mệt, ạ ời, kẽo cà, gió về, giấc tròn, nắng oi, võng.
- Biết ngắt nghỉ, nhấn giọng phù hợp khi đọc bài thơ; bước đầu thể hiện tình cảm yêu thương, trân trọng dành cho mẹ.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ: nắng oi, giấc tròn; hiểu nội dung bài: tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc và hi sinh thầm lặng của mẹ dành cho con.
- Biết nói một câu thể hiện lòng biết ơn đối với cha mẹ; tìm được từ ngữ chỉ hoạt động trong bài thơ và đặt câu với từ vừa tìm được.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, học thuộc lòng và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.

- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi cặp đôi, thảo luận nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ phù hợp để nói lời biết ơn và đặt câu.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, kính trọng, biết ơn cha mẹ và người thân trong gia đình.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng, làm bài tập.
- Trách nhiệm: biết thể hiện tình yêu thương bằng việc làm vừa sức trong gia đình.

4. Tích hợp

- Giáo dục lý tưởng cách mạng - đạo đức - lối sống: Học sinh biết trân trọng tình cảm gia đình, biết ơn cha mẹ và thể hiện tình yêu thương bằng những việc làm phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu; tranh ảnh về việc bố mẹ, người thân chăm sóc con; phiếu thảo luận nhóm; thẻ từ chỉ hoạt động.
- Học sinh: SGK, VBT, vở ô li; tranh ảnh hoặc câu chuyện nhỏ về việc người thân chăm sóc mình.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 - A. KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; huy động trải nghiệm của HS về những việc mẹ hoặc người thân đã làm để chăm sóc mình.**	
- GV cho HS quan sát tranh khởi động và nêu yêu cầu: Hãy kể cho bạn nghe một việc mà mẹ hoặc người thân đã làm để chăm sóc em. 	- HS quan sát tranh và kể theo cặp: Mẹ cho em ăn, bà quạt cho em ngủ, bố dạy em học, ông cùng em chơi đồ chơi.
- GV hỏi: Khi được mẹ hoặc người thân chăm sóc, em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời cụ thể: Em cảm thấy vui, ấm áp, được yêu thương và biết ơn mẹ/người thân.
- GV giới thiệu bài: Bài thơ Mẹ giúp chúng ta cảm nhận rõ hơn tình yêu thương, sự quan tâm của mẹ dành cho con trong những đêm hè oi bức.	- HS lắng nghe, mở vở và ghi tên bài: Mẹ.
- GV kết luận: Tình yêu thương của mẹ và người thân được thể hiện qua những việc làm rất gần gũi hằng ngày.	- HS ghi nhớ: Em cần biết yêu thương, kính trọng và cảm ơn mẹ, người thân.
B. KHÁM PHÁ - Hoạt động 1: Đọc văn bản (30 PHÚT) **Mục tiêu: Đọc đúng, rõ ràng bài thơ; hiểu nghĩa từ khó; biết ngắt nghỉ phù hợp khi đọc.**	
a. Quan sát tranh minh họa và tìm hiểu ban đầu - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nêu nội dung tranh.	- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ mẹ đang ngồi bên võng, vừa đưa võng vừa quạt mát cho con ngủ.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
b. GV đọc mẫu - GV đọc mẫu toàn bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm; ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, nhấn giọng ở các từ ngữ: nắng oi, ạ ời, mẹ ru, mẹ quạt, thức vì chúng con, ngọn gió.	- HS nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo, chú ý cách ngắt nghỉ và giọng đọc tình cảm.
c. Luyện đọc từng dòng thơ, kết hợp đọc từ khó - GV hỏi: Bài thơ có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài thơ có thể chia làm 2 đoạn: đoạn 1 gồm 6 dòng thơ đầu; đoạn 2 gồm 4 dòng thơ cuối.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.	- HS đọc nối tiếp từng dòng thơ; các bạn theo dõi, phát hiện lỗi đọc nếu có.
- GV hỏi: Trong bài thơ có từ ngữ nào em thấy khó đọc?	- HS nêu các từ khó: cũng mệt, ạ ời, kẽo cà, gió về, giấc tròn, nắng oi, võng.
- GV ghi từ khó lên bảng và tổ chức cho HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh.	- HS luyện đọc đúng: cũng mệt, ạ ời, kẽo cà, gió về, giấc tròn, nắng oi, võng.
d. Luyện đọc ngắt nhịp và giải nghĩa từ - GV hướng dẫn HS đọc ngắt nhịp một số dòng thơ: Lời ru/ có gió mùa thu Bàn tay mẹ quạt/ mẹ đưa gió về. Những ngôi sao/ thức ngoài kia Chẳng bằng mẹ đã/ thức vì chúng con.	- HS đọc theo hướng dẫn, biết ngắt nghỉ sau cụm từ và đọc với giọng tha thiết.
- GV hỏi: Em hiểu nắng oi là gì?	- HS trả lời: Nắng oi là nắng nóng, không có gió, gây cảm giác khó chịu.
- GV hỏi: Em hiểu giấc tròn là gì?	- HS trả lời: Giấc tròn là giấc ngủ ngon, ngủ say, không thức giấc giữa chừng.
- GV mở rộng: Em hãy đặt một câu có từ nắng oi.	- HS đặt câu: Buổi trưa mùa hè nắng oi khiến em rất muốn ngồi trong bóng mát.
e. Luyện đọc trong nhóm và đọc toàn bài - GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm đôi.	- HS luyện đọc nhóm đôi; một bạn đọc, một bạn theo dõi và góp ý cách đọc.
- GV tổ chức cho các nhóm thi đọc trước lớp.	- Đại diện 2 - 3 nhóm thi đọc; lớp nhận xét nhóm đọc đúng, rõ, tình cảm.
- GV mời 1 - 2 HS đọc toàn bài thơ.	- HS đọc toàn bài thơ; lớp đọc thầm theo và nhận xét.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV kết luận: Khi đọc bài Mẹ, các em cần đọc chậm rãi, tình cảm để thể hiện lòng biết ơn đối với mẹ.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị chuyển sang tiết 2.
TIẾT 2 - Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 PHÚT) **Mục tiêu: Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; nhận biết tình yêu thương, sự chăm sóc của mẹ dành cho con.**	
- GV yêu cầu HS đọc thầm lại bài thơ và quan sát phần câu hỏi trong SGK. Từ ngữ – *Nắng ơi*: nắng nóng và không có gió, gây khó chịu. – *Giấc tròn*: giấc ngủ ngon (ngủ say), không thức giấc. 1. Trong đêm hè oi bức, mẹ đã làm gì để con ngủ ngon? 2. Những dòng thơ nào cho thấy mẹ đã thức rất nhiều vì con? 3. Theo em, câu thơ cuối bài muốn nói điều gì? a. Có mẹ quạt mát, con ngủ ngon lành. b. Tay mẹ quạt mát hơn cả gió trời. c. Mẹ là niềm hạnh phúc của cuộc đời con. 4. Nói một câu thể hiện lòng biết ơn của em đối với cha mẹ. Con cảm ơn mẹ, ngày nào mẹ cũng hướng dẫn con học bài.	- HS đọc thầm lại bài thơ, quan sát phần câu hỏi và chuẩn bị trả lời.
- GV hỏi: Trong đêm hè oi bức, mẹ đã làm gì để con ngủ ngon?	- HS trả lời: Trong đêm hè oi bức, mẹ ngồi đưa võng, hát ru và quạt cho con để con ngủ ngon.
- GV hỏi: Những dòng thơ nào cho thấy mẹ đã thức rất nhiều vì con?	- HS trả lời: Những dòng thơ cho thấy mẹ thức rất nhiều vì con là: "Những ngôi sao thức ngoài kia/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con."
- GV hỏi: Theo em, câu thơ cuối bài muốn nói điều gì?	- HS trả lời: Câu thơ cuối bài muốn nói mẹ là niềm hạnh phúc của cuộc đời con.
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, chọn đáp án đúng cho câu hỏi 3.	- HS thảo luận nhóm 4 và thống nhất chọn đáp án c: Mẹ là niềm hạnh phúc của cuộc đời con.
- GV hỏi: Nói một câu thể hiện lòng biết ơn của em đối với cha mẹ.	- HS nói câu cụ thể: Con cảm ơn mẹ vì mẹ luôn chăm sóc con./ Con cảm ơn bố vì bố đưa con đi học mỗi ngày./ Con cảm ơn mẹ vì mẹ đã thức chăm con khi con ốm.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Qua bài thơ, em thấy mẹ đã yêu thương và hi sinh cho con như thế nào?	- HS trả lời: Mẹ thức vì con, quạt mát cho con, ru con ngủ và luôn chăm sóc để con được bình an.
- Tích hợp Giáo dục lý tưởng cách mạng - đạo đức - lối sống: GV diễn giải: Tình yêu thương của mẹ trong bài thơ nhắc chúng ta	- HS lắng nghe và nêu việc làm cụ thể: Em sẽ tự soạn cặp, phụ mẹ gấp quần áo, chào hỏi lễ phép, nói lời cảm ơn cha mẹ.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
phải biết trân trọng gia đình, biết ơn cha mẹ không chỉ bằng lời nói mà còn bằng việc làm cụ thể. Các em có thể giúp cha mẹ những việc vừa sức như tự soạn sách vở, dọn bàn học, gấp quần áo, chào hỏi lễ phép, nói lời cảm ơn khi được chăm sóc. Những việc nhỏ ấy thể hiện đạo đức, lối sống tốt đẹp trong gia đình.	
- GV kết luận hoạt động: Bài thơ ca ngợi tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc và hi sinh thầm lặng của mẹ dành cho con.	- HS nhắc lại nội dung: Bài thơ nói về tình yêu thương và sự chăm sóc của mẹ dành cho con.
Hoạt động 3: Học thuộc lòng và luyện đọc lại (8 PHÚT) **Mục tiêu: Học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối; đọc lại bài với giọng tình cảm.**	
- GV nêu yêu cầu: Học thuộc lòng 6 dòng thơ cuối.	- HS đọc nhẩm và học thuộc 6 dòng thơ cuối.
- GV tổ chức trò chơi "Biết 1 từ, đọc cả dòng thơ".	- HS bốc thăm từ đầu dòng thơ và đọc đúng cả dòng thơ tương ứng.
- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc lòng trước lớp.	- HS đọc thuộc lòng; lớp nhận xét bạn đọc đúng và diễn cảm.
C. LUYỆN TẬP - Hoạt động 4: Luyện tập theo văn bản đọc (9 PHÚT) **Mục tiêu: Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động trong bài thơ và đặt câu với từ vừa tìm được.**	
- Bài tập 1: Tìm từ ngữ chỉ hoạt động có trong bài thơ. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và đọc lại bài thơ để tìm từ chỉ hoạt động. 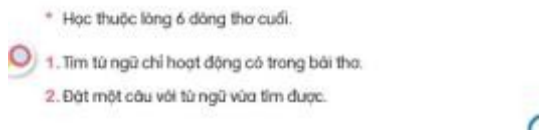 	- HS đọc đề bài và tìm được các từ chỉ hoạt động: ngồi, đưa, quạt, ru, thức, ngủ.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, viết các từ tìm được vào thẻ từ.	- HS thảo luận nhóm 4 và viết vào thẻ từ: ngồi, đưa, quạt, ru, thức, ngủ.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày và sửa bài.	- Đại diện nhóm trình bày; HS khác nhận xét và bổ sung nếu thiếu.
- Bài tập 2: Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được. - GV yêu cầu HS chọn một từ chỉ hoạt động và đặt câu.	- HS đặt câu cụ thể: Mẹ quạt cho em ngủ./ Bà ru em bé ngủ./ Em ngồi học bài ngay ngắn.
- GV kết luận: Từ chỉ hoạt động giúp câu văn rõ hơn về việc nhân vật đang làm.	- HS ghi nhớ và sửa lại câu nếu dùng từ chưa phù hợp.
D. VẬN DỤNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Vận dụng bài học để nói lời biết ơn và làm việc tốt với cha mẹ.**	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm	- HS nêu việc làm cụ thể: Em sẽ tự xếp

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
hôm nay để thể hiện lòng biết ơn cha mẹ.	sách vở, phụ mẹ dọn bàn ăn, rót nước mời bố mẹ, nói lời cảm ơn mẹ.
- GV dặn HS về nhà đọc lại bài thơ cho người thân nghe và thực hiện một việc tốt giúp cha mẹ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và hứa thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 27: MẸ
TIẾT 3: VIẾT – CHỮ HOA O

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết viết chữ hoa O cỡ vừa và cỡ nhỏ đúng mẫu, đúng độ cao, độ rộng.
- Viết đúng câu ứng dụng: Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.
- Chữ viết rõ ràng, tương đối đều nét, thẳng hàng; biết trình bày sạch đẹp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự quan sát mẫu chữ, luyện viết và tự sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết chia sẻ, nhận xét bài viết của bạn lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết điều chỉnh tư thế, cách cầm bút, độ cao chữ khi viết.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: kiên trì luyện chữ.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết bài cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Mẫu chữ hoa O, câu ứng dụng, máy chiếu, bảng phụ.
- Học sinh: Vở Tập viết 2, bảng con, phấn/bút, vở ô li.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Ôn chữ hoa đã học và kết nối với bài viết chữ hoa O.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại các chữ hoa đã học.	- HS nhắc lại: A, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K, L, M, N.
- GV tổ chức cho HS nghe/hát bài Chị ong nâu và em bé, sau đó hỏi: Con vật nào được nhắc đến trong bài hát? Con vật đó làm công việc gì?	- HS trả lời: Con vật được nhắc đến là con ong. Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.
- GV dẫn dắt: Hôm nay các em học viết chữ hoa O và câu ứng dụng Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.	- HS lắng nghe và ghi tên bài vào vở.
B. KHÁM PHÁ - Hoạt động 1: Hướng dẫn viết chữ hoa O (12 PHÚT) **Mục tiêu: Nắm được cấu tạo và quy trình viết chữ hoa O.**	
a. Quan sát mẫu chữ - GV giới thiệu mẫu chữ hoa O và yêu cầu HS nhận xét độ cao, độ rộng, nét chữ. 	- HS quan sát và trả lời: Chữ O hoa cỡ vừa cao 5 li, rộng 4 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng 2 li; gồm một nét cong kín, cuối nét lượn vào trong bụng chữ.
b. Quy trình viết chữ hoa O - GV viết mẫu lần 1 để HS quan sát.	- HS quan sát điểm đặt bút, hướng đưa bút và điểm dừng bút.
- GV viết mẫu lần 2, vừa viết vừa nêu quy trình: Đặt bút ở đường kẻ ngang 6, kéo bút sang trái để viết nét cong kín; khi đến điểm đặt bút thì lượn vào trong bụng chữ, đến đường kẻ 4 thì lượn lên một chút rồi dừng	- HS nhắc lại quy trình: Đặt bút ở đường kẻ 6, viết nét cong kín sang trái, lượn vào bụng chữ và dừng bút ở đường kẻ 4.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
bút.	
- GV yêu cầu HS viết chữ O trên không, sau đó viết bảng con.	- HS viết trên không 1 lần, viết bảng con 2 lần chữ O; tự điều chỉnh độ cao và nét cong.
- GV nhận xét, sửa lỗi thường gặp: chữ quá hẹp, nét cong chưa kín, điểm dừng bút chưa đúng.	- HS quan sát bài mẫu, sửa lại chữ O trên bảng con nếu viết chưa đúng.
Hoạt động 2: Hướng dẫn viết câu ứng dụng (8 PHÚT) **Mục tiêu: Hiểu nghĩa và viết đúng câu ứng dụng.**	
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng: Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.	- HS đọc cá nhân, sau đó cả lớp đọc đồng thanh: Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.
- GV hỏi: Em hiểu câu ứng dụng này như thế nào?	- HS trả lời: Câu nói về con ong chăm chỉ bay đi tìm hoa để làm mật; nhắc chúng em cần chăm chỉ học tập và làm việc.
- GV hỏi: Trong câu ứng dụng, chữ nào viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ Ong viết hoa vì đứng đầu câu.
- GV hỏi: Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng trong câu bằng bao nhiêu?	- HS trả lời: Khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng khoảng 1 chữ cái o.
- GV hỏi: Những chữ cái nào cao 2,5 li? Những chữ nào cao 1,5 li? Dấu thanh đặt ở đâu?	- HS trả lời: Chữ O, h, g, l cao 2,5 li; chữ t cao 1,5 li; các chữ còn lại cao 1 li. Dấu hỏi đặt trên i trong chỉ; dấu huyền đặt trên i trong tìm và a trong làm; dấu nặng đặt dưới â trong mật.
- GV viết mẫu tiếng Ong trên bảng lớp.	- HS quan sát cách nối từ chữ hoa O sang chữ n trong tiếng Ong.
- GV yêu cầu HS luyện viết tiếng Ong vào bảng con.	- HS viết tiếng Ong vào bảng con; tự sửa chữ nếu khoảng cách hoặc độ cao chưa đúng.
C. THỰC HÀNH - Hoạt động 3: Viết vở tập viết (15 PHÚT) **Mục tiêu: Viết đúng chữ hoa O và câu ứng dụng trong vở.**	
- GV nêu yêu cầu bài viết: viết chữ hoa O cỡ vừa, chữ hoa O cỡ nhỏ và câu ứng dụng theo mẫu trong vở Tập viết.	- HS nắm yêu cầu: viết đúng mẫu, đúng dòng kẻ, đúng khoảng cách.
- GV nhắc tư thế ngồi viết: lưng thẳng, mắt cách vở khoảng 25 - 30 cm, tay trái giữ vở, tay phải cầm bút đúng cách.	- HS chỉnh tư thế ngồi, cách đặt vở và cách cầm bút trước khi viết.
- GV cho HS viết bài vào vở, quan sát và hỗ trợ HS gặp khó khăn.	- HS viết vào vở Tập viết: chữ O và câu Ong chăm chỉ tìm hoa làm mật.
- GV yêu cầu HS đổi vở theo cặp để soát lỗi.	- HS đổi vở, nhận xét cho bạn: chữ đúng mẫu, đúng độ cao, khoảng cách đều, trình bày sạch đẹp.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhận xét một số bài viết đẹp và một số lỗi cần sửa.	- HS quan sát bài mẫu đẹp, sửa lỗi chữ trong bài của mình nếu có.
D. VẬN DỤNG (5 PHÚT) **Mục tiêu: Vận dụng chữ hoa O vào viết tên riêng, nhãn vở, câu ngắn.**	
- GV hỏi: Em đã nhìn thấy chữ hoa O ở đâu? Vì sao cần viết hoa?	- HS trả lời: Em thấy chữ hoa O trong tên người, tên bài, đầu câu. Cần viết hoa để đúng quy tắc chính tả và trình bày đẹp.
- GV yêu cầu HS tìm thêm câu chứa tiếng bắt đầu bằng chữ O.	- HS nêu câu: Oanh giúp mẹ dọn bàn học./ Ông kể chuyện cho em nghe.
- GV dặn HS về nhà luyện viết thêm chữ O và xem trước chữ hoa Ô.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 27: MẸ
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE – KỂ CHUYỆN SỰ TÍCH CÂY VÚ SỮA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện Sự tích cây vú sữa qua tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.
- Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại 1 - 2 đoạn của câu chuyện.
- Biết nói lời nhân vật phù hợp với nội dung câu chuyện; bước đầu nêu được bài học về tình yêu thương, lòng biết ơn mẹ.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động quan sát tranh, ghi nhớ diễn biến câu chuyện.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, lắng nghe bạn kể và góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tưởng tượng lời cậu bé nói với mẹ nếu được gặp lại.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thương, biết ơn cha mẹ và người thân.
- Chăm chỉ: tích cực tập kể chuyện.
- Trách nhiệm: biết rút ra bài học và thực hiện việc làm tốt trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Tranh minh họa câu chuyện, quả/cây vú sữa thật hoặc ảnh, máy chiếu.
- Học sinh: SGK, VBT Tiếng Việt, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú và kết nối với câu chuyện.**	
- GV cho HS quan sát quả vú sữa hoặc tranh cây vú sữa và hỏi: Đây là quả gì/cây gì?	- HS trả lời: Đây là quả vú sữa/cây vú sữa.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em sẽ nghe và kể câu chuyện Sự tích cây vú sữa để hiểu ý nghĩa của loài cây này.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.
B. KHÁM PHÁ - Hoạt động 1: Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung tranh (10 PHÚT) **Mục tiêu: Nhận biết sự việc trong từng tranh và đoán nội dung câu chuyện.**	
- Bài tập 1: Dựa vào câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh. - GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh và đọc câu hỏi dưới từng tranh.	- HS quan sát 4 tranh và đọc câu hỏi: Bị mẹ mắng, cậu bé làm gì? Cậu bé làm gì khi quay về nhà? Thấy cậu bé khóc, cây xanh biến đổi thế nào? Nhìn lên tán lá, cậu bé nghĩ đến điều gì?

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, mỗi bạn đoán nội dung một tranh.	- HS thảo luận nhóm 4, thống nhất nội dung từng tranh.
- GV hỏi: Tranh 1 cho em biết sự việc gì?	- HS trả lời: Cậu bé bị mẹ mắng, giận mẹ và bỏ nhà đi.
- GV hỏi: Tranh 2 cho em biết cậu bé làm gì khi quay về nhà?	- HS trả lời: Cậu bé quay về nhà, không thấy mẹ, ôm cây trong vườn khóc.
- GV hỏi: Tranh 3 cho em biết cây xanh đã biến đổi thế nào?	- HS trả lời: Cây xanh ra quả, cậu bé hái quả ăn và cảm nhận vị ngọt thơm như sữa mẹ.
- GV hỏi: Tranh 4 cho em biết cậu bé nghĩ đến điều gì?	- HS trả lời: Cậu bé nhìn lên tán lá và nhớ mẹ, hiểu ra tình yêu thương của mẹ dành cho mình.
- GV kết luận: Các em đã biết dựa vào tranh và câu hỏi để đoán được diễn biến chính của câu chuyện.	- HS ghi nhớ nội dung từng tranh để chuẩn bị nghe kể.
Hoạt động 2: Nghe kể chuyện (8 PHÚT) **Mục tiêu: Nghe, ghi nhớ chi tiết câu chuyện để kể lại.**	
- GV kể chuyện lần 1, kết hợp chỉ tranh.	- HS nghe kể chuyện, quan sát tranh và ghi nhớ diễn biến chính.
- GV kể chuyện lần 2, dừng ở một số đoạn để hỏi: Sự việc tiếp theo là gì?	- HS trả lời theo diễn biến: Cậu bé bỏ đi; cậu quay về; cây ra quả; cậu nhớ mẹ và ân hận.
- GV tổ chức cho HS hỏi - đáp theo cặp dựa vào câu hỏi dưới tranh.	- HS thực hành hỏi - đáp: một bạn hỏi, một bạn trả lời nội dung từng tranh.
C. THỰC HÀNH - Hoạt động 3: Chọn kể 1 - 2 đoạn theo tranh (15 PHÚT) **Mục tiêu: Kể lại được 1 - 2 đoạn câu chuyện bằng lời của mình.**	
- Bài tập 3: Chọn kể 1 - 2 đoạn của câu	- HS chọn 1 - 2 tranh và tập kể trong đầu

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
chuyện theo tranh. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: chọn tranh mình nhớ nhất để tập kể.	theo nội dung đã nghe.
- GV tổ chức cho HS kể chuyện theo nhóm 4, các bạn góp ý về nội dung và giọng kể.	- HS kể trong nhóm: Cậu bé bị mẹ mắng nên bỏ nhà đi. Khi quay về không thấy mẹ, cậu ôm cây khóc. Cây ra quả ngọt như sữa mẹ. Cậu bé nhớ mẹ và rất ân hận.
- GV mời 2 - 3 HS kể trước lớp.	- HS kể trước lớp 1 - 2 đoạn; lớp nhận xét bạn kể đúng tranh, rõ nội dung, giọng kể tự nhiên.
- GV hỏi: Em có cảm nhận gì về nhân vật cậu bé?	- HS trả lời: Cậu bé ham chơi, chưa biết nghe lời mẹ, nhưng sau đó biết ân hận và nhớ mẹ.
- GV hỏi: Em rút ra bài học gì từ câu chuyện?	- HS trả lời: Em cần biết yêu thương, nghe lời và biết ơn mẹ; không nên làm mẹ buồn.
D. VẬN DỤNG (5 PHÚT) **Mục tiêu: Tưởng tượng và nói lời của nhân vật; liên hệ bản thân.**	
- GV nêu yêu cầu: Theo em, nếu được gặp lại mẹ, cậu bé trong câu chuyện sẽ nói gì?	- HS nói câu cụ thể: Mẹ ơi, con xin lỗi mẹ. Con sẽ ngoan hơn và không bỏ nhà đi nữa./ Mẹ ơi, con rất nhớ mẹ và biết mẹ yêu thương con nhiều lắm.
- GV dặn HS về nhà kể lại câu chuyện Sự tích cây vú sữa cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chuẩn bị kể chuyện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 28: TRÒ CHƠI CỦA BỐ
TIẾT 1 - 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, trôi chảy bài Trò chơi của bố; phát âm đúng các từ khó: ngạc nhiên, ăn cỗ, hẳn hoi, bát miến, nết ngoan.
- Biết đọc lời người kể chuyện, lời bố và lời Hường phù hợp; ngắt nghỉ đúng theo dấu câu.
- Hiểu nội dung: qua trò chơi "ăn cỗ", bố dạy Hường cách nói năng, cư xử lễ phép với người lớn tuổi.
- Biết nói và đáp lời yêu cầu, đề nghị bằng thái độ lịch sự.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, đọc thầm tìm chi tiết.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, đóng vai nói - đáp lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn lời nói phù hợp trong tình huống giao tiếp.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết trân trọng tình cảm gia đình, tình yêu thương của bố mẹ.
- Trách nhiệm: biết nói năng lễ phép, cư xử đúng mực với người lớn tuổi.

4. Tích hợp

- Lý tưởng cách mạng - đạo đức - lối sống: Giáo dục HS biết sử dụng lời nói lịch sự, tôn trọng người khác và vận dụng cách giao tiếp đúng mực trong các tình huống hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, tranh minh họa bài đọc, thẻ tình huống nói - đáp lời yêu cầu.
- Học sinh: SGK, VBT, vở ô li.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 - A. KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối trải nghiệm chơi cùng bố mẹ với bài đọc.**	
- GV yêu cầu HS đọc thuộc lòng một đoạn thơ em thích trong bài Mẹ và nói điều thú vị em học được.	- HS đọc thuộc lòng và chia sẻ: Em biết mẹ rất yêu thương, chăm sóc con; em cần biết ơn cha mẹ.
- GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi: Em thích chơi trò chơi gì cùng bố mẹ? Em cảm thấy thế nào?	- HS trao đổi và trả lời: Em thích chơi cờ, đá bóng, đọc sách, nấu ăn giả với bố mẹ. Em cảm thấy vui, gần gũi và được yêu thương.
- GV giới thiệu bài: Chúng ta cùng đọc bài Trò chơi của bố để biết Hường và bố chơi trò gì, bố đã dạy Hường điều gì khi chơi.	- HS lắng nghe và ghi tên bài: Trò chơi của bố.
B. KHÁM PHÁ - Hoạt động 1: Đọc văn bản (30 PHÚT) **Mục tiêu: Đọc đúng toàn bài, hiểu từ khó và bước đầu nhận biết giọng đọc nhân vật.**	
a. Quan sát tranh minh họa và giới thiệu bài đọc - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài đọc và nêu nội dung tranh.	- HS quan sát và trả lời: Tranh vẽ hai bố con đang ngồi chơi trò "ăn cỗ"; mẹ đứng gần đó quan sát hai bố con.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
b. GV đọc mẫu - GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm; phân biệt lời bố, lời Hường và lời người dẫn chuyện.	- HS nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo và chú ý giọng đọc của từng nhân vật.
c. Luyện đọc đoạn và đọc từ khó - GV hỏi: Bài đọc gồm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc gồm 3 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến "đủ rồi"; đoạn 2 tiếp theo đến "Đây, mời bác"; đoạn 3 là phần còn lại.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn; lớp theo dõi, phát hiện lỗi đọc.
- GV hỏi: Trong bài có từ ngữ nào khó đọc?	- HS nêu từ khó: ngạc nhiên, ăn cỗ, hằn hoi, bát miến, nết ngoan, miếng bánh.
- GV viết từ khó lên bảng và cho HS luyện đọc.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh các từ khó.
d. Giải nghĩa từ và luyện đọc câu - GV hỏi: Em hiểu xơi có nghĩa là gì?	- HS trả lời: Xơi là lời mời lịch sự, có nghĩa là ăn hoặc uống.
- GV hướng dẫn thêm: "bát" là cách gọi đồ dùng ăn cơm ở miền Bắc; miền Nam thường gọi là "chén".	- HS hiểu: bát và chén đều là đồ dùng để ăn cơm, cách gọi tùy vùng miền.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 2, chú ý giọng lời thoại.	- HS đọc nối tiếp lần 2; biết đọc lời bố nhẹ nhàng, lời Hường lễ phép.
- GV mở rộng: Em hãy chọn một từ trong bài và đặt câu.	- HS đặt câu: Em mời bà xơi cơm ạ./ Bố dạy em nói lời lễ phép.
e. Luyện đọc nhóm và đọc toàn bài - GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 3.	- HS luyện đọc nhóm 3, mỗi bạn đọc một đoạn và góp ý cho nhau.
- GV tổ chức cho 2 - 3 nhóm thi đọc.	- Đại diện nhóm thi đọc; lớp bình chọn nhóm đọc đúng lời nhân vật nhất.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV kết luận: Khi đọc bài có lời thoại, cần chú ý giọng của từng nhân vật để người nghe hiểu rõ nội dung.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị chuyển sang tiết 2.
TIẾT 2 - Hoạt động 2: Đọc hiểu (12 PHÚT) **Mục tiêu: Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu; hiểu cách bố dạy Hường nói năng lễ phép.**	
- GV yêu cầu HS đọc thầm bài và trả lời câu hỏi SGK. lễ phép đón bát cơm, mẹ lại nhớ đến lúc hai bố con chơi với nhau. Mẹ nghĩ, Hường không biết rằng ngay trong trò chơi ấy, bố đã dạy con một nết ngoan. (Theo Phong Thu) **Từ ngữ** Xơi (lời mời lịch sự) ăn, uống. 1. Hai bố con Hường chơi trò chơi gì cùng nhau? 2. Khi chơi, hai bố con xưng hô với nhau như thế nào? 3. Nhìn hai tay Hường đón bát cơm, mẹ nhớ tới điều gì? 4. Khi chơi cùng bố, Hường đã được bố dạy nết ngoan nào? a. Biết nấu ăn b. Có cử chỉ và lời nói lễ phép c. Chăm làm và biết giúp đỡ bố mẹ 1. Những câu nói nào dưới đây thể hiện thái độ lịch sự? a. Cho tôi xin bát miến. b. Dạ, xin bác bát miến ạ. c. Đưa tôi bát miến! 2. Cùng bạn đóng vai nói và đáp lời yêu cầu, đề nghị. M: – Bác cho tôi một bát phở gà. – Xin lỗi, ở đây không có phở gà.	- HS đọc thầm bài và quan sát câu hỏi SGK.
- GV hỏi: Hai bố con Hường chơi trò chơi gì cùng nhau?	- HS trả lời: Hai bố con Hường chơi trò "ăn cỗ" cùng nhau.
- GV hỏi: Khi chơi, hai bố con xưng hô với nhau như thế nào?	- HS trả lời: Khi chơi, hai bố con xưng hô là "bác" và "tôi".
- GV hỏi: Nhìn hai tay Hường đón bát cơm, mẹ nhớ tới điều gì?	- HS trả lời: Mẹ nhớ đến lúc hai bố con chơi trò "ăn cỗ" với nhau.
- GV hỏi: Khi chơi cùng bố, Hường đã được bố dạy nết ngoan nào?	- HS trả lời: Hường được bố dạy có cử chỉ và lời nói lễ phép.
- GV chốt nội dung bài đọc: Bài đọc nói về tình cảm gia đình và cách bố dạy Hường nói năng, cư xử lễ phép với người lớn.	- HS nhắc lại nội dung: Bố dạy Hường biết lễ phép, nói lời lịch sự khi giao tiếp.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Vì sao khi nói với người khác, chúng ta cần dùng lời lịch sự?	- HS trả lời: Vì lời nói lịch sự thể hiện sự tôn trọng, làm người nghe vui và giúp giao tiếp tốt hơn.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng - đạo đức - lối sống: GV diễn giải: Trong gia đình, trường học và nơi công cộng, lời nói lịch sự giúp chúng ta thể hiện sự tôn trọng người khác. Khi nhờ ai giúp, các em nên dùng các từ "dạ", "xin", "ạ", "làm ơn", "cảm ơn". Khi đáp lại, các em cũng cần nói nhẹ nhàng, không cáu gắt. Đó là biểu hiện của	- HS nêu cách nói lịch sự: Dạ, con cảm ơn mẹ ạ./ Bạn mở giúp tớ cửa sổ nhé./ Vâng ạ, con làm ngay ạ.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
nếp sống văn minh, biết điều và có đạo đức trong giao tiếp hằng ngày.	
C. LUYỆN TẬP - Hoạt động 3: Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc (15 PHÚT) **Mục tiêu: Tìm được câu nói thể hiện thái độ lịch sự; biết nói - đáp lời yêu cầu, đề nghị.**	
- GV yêu cầu HS tự luyện đọc lại toàn bài.	- HS luyện đọc thầm, chú ý lời nhân vật.
- GV mời 1 - 2 HS đọc lại toàn bài.	- HS đọc lại bài; lớp nhận xét cách đọc lời bố và lời Hường.
- Bài tập 1: Những câu nói nào dưới đây thể hiện thái độ lịch sự? - GV yêu cầu HS đọc đề và các phương án.	- HS đọc đề và các phương án: a. Cho tôi xin bát miến. b. Dạ, xin bác bát miến ạ. c. Đưa tôi bát miến!
- GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi để chọn câu thể hiện thái độ lịch sự.	- HS trao đổi và chọn: a. Cho tôi xin bát miến; b. Dạ, xin bác bát miến ạ.
- GV hỏi: Câu nào lịch sự nhất? Vì sao?	- HS trả lời: Câu b lịch sự nhất vì có các từ "Dạ", "xin", "ạ".
D. VẬN DỤNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Vận dụng cách nói - đáp lời yêu cầu, đề nghị lịch sự vào tình huống thực tế.**	
- Bài tập 2: Cùng bạn đóng vai nói và đáp lời yêu cầu, đề nghị. - GV yêu cầu HS đọc mẫu và thực hành theo cặp.	- HS thực hành theo cặp: Bạn mở giúp tớ cửa sổ nhé! – Ừ, đợi tớ một chút nhé./ Bác cho cháu mượn quyển sách ạ! – Ừ, bác đưa cháu ngay.
- GV mời một số cặp đóng vai trước lớp và nhận xét.	- Các cặp đóng vai; lớp nhận xét bạn nói rõ ràng, lễ phép, biết dùng từ lịch sự.
- GV dặn HS thực hành nói lời lịch sự với người thân ở nhà.	- HS ghi nhớ và hứa thực hiện: Em sẽ nói "dạ", "vâng ạ", "con cảm ơn" khi giao tiếp với người lớn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 28: TRÒ CHƠI CỦA BỐ
TIẾT 3: VIẾT – NGHE VIẾT: TRÒ CHƠI CỦA BỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nghe - viết đúng đoạn chính tả Trò chơi của bố; trình bày đúng đoạn văn, viết hoa chữ cái đầu câu.
- Viết đúng địa chỉ nhà theo mẫu.
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt l/n hoặc ao/au.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự soát lỗi, sửa lỗi chính tả.
- Giao tiếp và hợp tác: đổi vở, góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng quy tắc chính tả để chọn tiếng đúng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: cẩn thận khi viết bài.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết đúng và tự sửa lỗi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, phiếu bài tập chính tả, bảng phụ.
- Học sinh: Vở ô li, VBT Tiếng Việt, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú và kết nối với đoạn chính tả.**	
- GV cho HS hát và vận động theo bài Bố là tất cả.	- HS hát, vận động theo nhịp và nêu cảm xúc vui vẻ về tình cảm dành cho bố.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay các em nghe - viết một đoạn trong bài Trò chơi của bố.	- HS lắng nghe và chuẩn bị vở viết.
B. KHÁM PHÁ - Hoạt động 1: Hướng dẫn nghe - viết (20 PHÚT) **Mục tiêu: Viết đúng đoạn chính tả và biết tự soát lỗi.**	
- GV đọc đoạn chính tả từ "Đến bữa ăn..." đến "một nết ngoan".	- HS nghe GV đọc, theo dõi đoạn viết trong SGK.
- GV gọi 2 - 3 HS đọc lại đoạn chính tả.	- HS đọc lại đoạn viết rõ ràng, đúng giọng.
- GV hỏi: Khi chơi cùng bố, Hường đã được bố dạy nết ngoan nào?	- HS trả lời: Hường được bố dạy có cử chỉ và lời nói lễ phép.
- GV hỏi: Đoạn văn có những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng Hường nếu có trong đoạn viết.
- GV hỏi: Đoạn văn có chữ nào dễ viết sai?	- HS nêu chữ dễ viết sai: bữa ăn, bát cơm, miếng, nết ngoan, lễ phép, hẳn hoi.
- GV yêu cầu HS viết bảng con một số chữ dễ sai.	- HS viết bảng con: bát cơm, nết ngoan, lễ phép, hẳn hoi.
- GV hỏi: Khi viết đoạn văn, cần trình bày như thế nào?	- HS trả lời: Viết lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu câu, đặt dấu câu đúng vị trí, chữ viết đều và sạch.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV đọc từng cụm từ cho HS viết vào vở.	- HS nghe - viết đoạn chính tả vào vở ô li.
- GV đọc lại đoạn viết cho HS soát lỗi.	- HS soát lỗi lần 1 bằng bút mực; đổi vở cho bạn soát lỗi lần 2 bằng bút chì.
- GV nhận xét nhanh một số bài viết.	- HS quan sát lỗi cần sửa và tự điều chỉnh bài viết.
C. LUYỆN TẬP - Hoạt động 2: Làm bài tập chính tả (10 PHÚT) **Mục tiêu: Viết đúng địa chỉ nhà; phân biệt l/n và ao/au.**	
- Bài tập 2: Viết vào vở địa chỉ nhà em. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát mẫu địa chỉ. VIẾT 1. Nghe – viết: *Trò chơi của bố* (từ *Đến bữa ăn đến một nết ngoan*). 2. Viết vào vở địa chỉ nhà em. M: Số nhà 56, đường Đầm Vôi, xã Trần Yên, tỉnh Lào Cai.	- HS đọc đề và mẫu: Số nhà 56, đường Đầm Vôi, xã Trần Yên, tỉnh Lào Cai.
- GV hỏi: Khi viết địa chỉ, những từ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Cần viết hoa tên riêng đường, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố.
- GV yêu cầu HS viết địa chỉ nhà mình vào vở.	- HS viết địa chỉ nhà theo mẫu, dùng dấu phẩy để tách từng đơn vị hành chính.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn kiểm tra.	- HS đổi vở, kiểm tra bạn đã viết hoa tên riêng và đặt dấu phẩy đúng chưa.
- Bài tập 3: Chọn a hoặc b. - GV yêu cầu HS đọc đề bài, quan sát tranh và làm bài cá nhân. a. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *l* hoặc *n* gọi tên sự vật trong từng hình b. Chọn *ao* hoặc *au* thay cho ô vuông. – Hàng c□ trước cổng c□ vút. – Cây bưởi s□ nhà sai trĩu quả.	- HS đọc đề bài, quan sát tranh và hoàn thành bài tập.
- GV nêu câu a: Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng l hoặc n gọi tên sự vật trong từng hình.	- HS trả lời: bàn là, nón, lẵng hoa.
- GV nêu câu b: Chọn ao hoặc au thay cho ô vuông.	- HS trả lời: Hàng cau trước cổng cao vút. Cây bưởi sau nhà sai trĩu quả.
- GV kết luận: Khi làm bài chính tả, các em cần đọc kĩ tiếng, quan sát nghĩa của câu để chọn âm/vần đúng.	- HS sửa bài vào vở và đọc lại đáp án đúng.
D. VẬN DỤNG (2 PHÚT) **Mục tiêu: Vận dụng chính tả vào đọc, viết hằng ngày.**	
- GV yêu cầu HS về nhà tìm thêm 3 từ bắt	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: tìm từ và luyện viết

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
đầu bằng l hoặc n và 3 từ có vần ao hoặc au.	đúng chính tả ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 28: TRÒ CHƠI CỦA BỐ
TIẾT 4: LUYỆN TẬP – MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH; DẤU CHẤM, DẤU CHẤM HỎI, DẤU CHẤM THAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Phát triển vốn từ chỉ tình cảm của người thân trong gia đình và từ chỉ tính cách.
- Biết sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than trong câu.
- Đặt được câu có dấu câu phù hợp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự hoàn thành bài tập.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, chia sẻ kết quả.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn dấu câu phù hợp với mục đích nói.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thương, kính trọng người thân.
- Chăm chỉ: tích cực làm bài.
- Trách nhiệm: hợp tác trong nhóm và sửa bài đầy đủ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, thẻ từ, phiếu học tập.
- Học sinh: SGK, VBT, vở ô li, nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, kết nối với chủ điểm gia đình.**	
- GV tổ chức cho HS hát bài Cả nhà thương nhau.	- HS hát, vận động theo nhịp và nêu cảm xúc yêu thương gia đình.
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay giúp các em mở rộng vốn từ về tình cảm gia đình và luyện dùng dấu câu.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
B. LUYỆN TẬP - Hoạt động 1: Mở rộng vốn từ chỉ tình cảm, tính cách (15 PHÚT) **Mục tiêu: Nhận biết từ chỉ tình cảm của người thân và từ chỉ tính cách.**	
- Bài tập 1: Những từ nào dưới đây chỉ tình cảm của người thân trong gia đình? - GV yêu cầu HS đọc đề bài và các từ ngữ cho sẵn. LUYỆN TẬP 1. Những từ nào dưới đây chỉ tình cảm của người thân trong gia đình? chăm sóc chăm chỉ quan tâm yêu thương kính trọng vui chơi 2. Tìm từ ngữ bạn nhỏ nói về tính cách của bố mình trong đoạn văn sau: Khi dạy em học, bố rất kiên nhẫn. Khi chơi cùng em, bố rất vui tính. Mỗi khi em mắc lỗi, bố nghiêm khắc dạy bảo nhưng cũng dễ tha thứ. 3. Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông **Đặt câu** Bố: – Nam ơi Con hãy đặt một câu có từ "đường" nhé Con: – Bố em đang uống cà phê Bố: – Thế từ "đường" đâu Con: – Dạ, đường có ở trong cốc cà phê rồi ạ. (Theo *Truyện cười thông minh dí dỏm*)	- HS đọc đề và các từ: chăm sóc, chăm chỉ, quan tâm, yêu thương, kính trọng, vui chơi.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4, viết các từ chỉ tình cảm vào thẻ.	- HS thảo luận nhóm 4 và viết các từ đúng: chăm sóc, quan tâm, yêu thương, kính trọng.
- GV hỏi: Vì sao em không chọn từ chăm chỉ và vui chơi?	- HS trả lời: Chăm chỉ chỉ tính cách; vui chơi chỉ hoạt động, không phải từ chỉ tình cảm của người thân.
- GV yêu cầu HS đặt câu với một từ vừa tìm được.	- HS đặt câu: Mẹ luôn chăm sóc em chu đáo./ Em kính trọng ông bà./ Bố mẹ rất quan tâm đến em.
- Bài tập 2: Tìm từ ngữ bạn nhỏ nói về tính cách của bố mình trong đoạn văn. - GV yêu cầu HS đọc đoạn văn và tìm từ chỉ tính cách.	- HS đọc đoạn văn và tìm được các từ: kiên nhẫn, vui tính, nghiêm khắc, dễ tha thứ.
- GV yêu cầu HS chia sẻ tính cách của một người thân trong gia đình.	- HS chia sẻ: Mẹ em hiền hậu và chăm chỉ./ Bố em vui tính nhưng nghiêm khắc./ Bà em dịu dàng và kiên nhẫn.
- GV kết luận: Từ ngữ về tình cảm và tính cách giúp chúng ta nói, viết rõ hơn về người thân.	- HS ghi nhớ và sửa bài vào vở.
C. VẬN DỤNG - Hoạt động 2: Luyện dùng dấu câu (12 PHÚT) **Mục tiêu: Chọn đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than trong đoạn đối thoại.**	
- Bài tập 3: Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than thay cho ô vuông. - GV yêu cầu HS đọc đề bài và đoạn đối thoại.	- HS đọc đề bài và đoạn đối thoại "Đặt câu".
- GV hỏi: Câu "Nam ơi" là câu dùng để làm gì? Cần điền dấu gì?	- HS trả lời: Câu "Nam ơi" là câu gọi, cần điền dấu chấm than.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào phiếu.	- HS làm bài cá nhân, chọn dấu câu phù hợp.
- GV mời HS chữa bài.	- HS chữa bài: Bố: Nam ơi! Con hãy đặt một câu có từ "đường" nhé! Con: Bố em đang uống cà phê. Bố: Thế từ "đường" đâu? Con: Dạ, đường có ở trong cốc cà phê rồi ạ.
- GV yêu cầu HS đặt thêm một câu có dùng dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than.	- HS đặt câu: Mẹ ơi, con giúp mẹ được không? Ôi, bông hoa đẹp quá!
- GV kết luận: Dấu câu giúp người đọc hiểu câu dùng để kể, hỏi hay bộc lộ cảm xúc.	- HS đọc lại đoạn đối thoại đã điền dấu câu.
D. CỦNG CỐ (3 PHÚT) **Mục tiêu: Khắc sâu kiến thức về vốn từ và dấu câu.**	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hỏi: Hôm nay em học được điều gì?	- HS trả lời: Em biết thêm từ chỉ tình cảm gia đình, tính cách của người thân và biết dùng dấu chấm, dấu hỏi, dấu chấm than.
- GV dặn HS hoàn thành VBT và chuẩn bị tiết sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 28: TRÒ CHƠI CỦA BỐ
TIẾT 5: LUYỆN TẬP – VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM VỚI NGƯỜI THÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc hiểu đoạn văn mẫu và trả lời được câu hỏi.
- Viết được 3 - 4 câu thể hiện tình cảm của em đối với người thân.
- Biết dùng từ ngữ thể hiện tình cảm yêu thương, biết ơn trong đoạn văn.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự hình thành ý tưởng và viết đoạn văn.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi cặp đôi, góp ý bài viết cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết phù hợp để thể hiện tình cảm.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thương, kính trọng người thân.
- Trách nhiệm: biết thể hiện tình cảm bằng lời nói, việc làm phù hợp.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 2.A1.2: Thể hiện được thái độ đúng đắn khi sử dụng AI; biết tin tưởng ở mức hợp lí, có trách nhiệm và có sự kiểm soát của con người: HS hiểu AI có thể gợi ý dàn ý, từ ngữ cho đoạn văn về người thân nhưng HS phải tự viết bằng cảm xúc thật, kiểm tra lại nội dung, không sao chép máy móc và không nhập thông tin riêng tư của gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, slide nội dung bài tập, phiếu gợi ý viết đoạn.
- Học sinh: SGK, VBT, vở ô li, nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Gợi cảm xúc về người thân trước khi viết đoạn văn.**	
- GV tổ chức trò chơi "Truyền điện": mỗi HS nói nhanh tên một người thân trong gia đình và một từ thể hiện tình cảm với người đó.	- HS tham gia: mẹ - yêu thương; bố - kính trọng; bà - dịu dàng; ông - hiền hậu; anh/chị - quan tâm.
- GV dẫn dắt vào bài: Hôm nay các em sẽ viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.
B. THỰC HÀNH - Hoạt động 1: Đọc đoạn văn mẫu và trả lời câu hỏi (15 PHÚT) **Mục tiêu: Hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân.**	
- Bài tập 1: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS đọc đoạn văn mẫu trong SGK.	- HS đọc đoạn văn: Trong nhà, mẹ là người luôn ở bên tôi... Tôi biết mẹ sẽ rất vui khi tôi làm được việc tốt. Tôi rất yêu mẹ tôi.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
 1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi. Trong nhà, mẹ là người luôn ở bên tôi. Mỗi khi tôi ốm hay mệt, mẹ thức thâu đêm chăm sóc tôi. Mỗi khi gặp bài học khó, mẹ là người động viên, giúp đỡ tôi. Được ai khen, tôi nghĩ ngay đến mẹ. Tôi biết mẹ sẽ rất vui khi tôi làm được việc tốt. Tôi rất yêu mẹ tôi. a. Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai? b. Những câu nào thể hiện rõ tình cảm của bạn nhỏ đối với người đó? c. Vì sao người đó được bạn nhỏ yêu quý? 2. Viết 3 – 4 câu thể hiện tình cảm của em đối với người thân. G: – Em muốn kể về ai trong gia đình? – Em có tình cảm thế nào với người đó? Vì sao?	
- GV hỏi: Trong đoạn văn trên, bạn nhỏ kể về ai?	- HS trả lời: Bạn nhỏ kể về mẹ.
- GV hỏi: Những câu nào thể hiện rõ tình cảm của bạn nhỏ đối với mẹ?	- HS trả lời: Các câu thể hiện tình cảm là: "Tôi biết mẹ sẽ rất vui khi tôi làm được việc tốt." và "Tôi rất yêu mẹ tôi."
- GV hỏi: Vì sao mẹ được bạn nhỏ yêu quý?	- HS trả lời: Vì mẹ luôn ở bên bạn nhỏ, chăm sóc khi bạn ốm, động viên, giúp đỡ bạn và dạy bạn làm việc tốt.
- GV kết luận: Khi viết về người thân, các em cần nêu người mình muốn kể, việc người đó làm cho em và tình cảm của em với người đó.	- HS ghi nhớ cách viết đoạn văn: giới thiệu người thân, nêu việc làm, nêu tình cảm của em.
C. VẬN DỤNG - Hoạt động 2: Viết 3 - 4 câu thể hiện tình cảm với người thân (15 PHÚT) Mục tiêu: Viết được đoạn văn ngắn đúng yêu cầu; biết sử dụng gợi ý AI ở mức tham khảo, tự kiểm tra nội dung và bảo vệ thông tin riêng tư của gia đình.	
- Bài tập 2: Viết 3 - 4 câu thể hiện tình cảm của em đối với người thân. - GV yêu cầu HS đọc hai câu hỏi gợi ý: Em muốn kể về ai trong gia đình? Em có tình cảm thế nào với người đó? Vì sao?	- HS đọc gợi ý và chọn người thân để viết: mẹ, bố, ông, bà, anh, chị hoặc em.
- GV tổ chức cho HS trao đổi cặp đôi về ý tưởng bài viết.	- HS trao đổi: Em muốn kể về mẹ. Mẹ chăm sóc em khi em ốm. Em rất yêu và biết ơn mẹ.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu sử dụng công cụ AI để gợi ý dàn ý đoạn văn về người thân, em cần lưu ý điều gì?	- HS trả lời: Em chỉ dùng AI để tham khảo ý tưởng, không chép y nguyên; em tự viết bằng tình cảm thật của mình, kiểm tra lại câu văn và không nhập họ tên, địa chỉ, số điện thoại hay chuyện riêng của gia đình.
- Tích hợp AI 2.A1.2: GV diễn giải: Công cụ AI có thể hỗ trợ gợi ý dàn ý, từ ngữ hoặc câu mở đầu cho đoạn văn về người thân. Tuy nhiên, đoạn văn thể hiện tình cảm gia đình phải xuất phát từ cảm xúc thật của các em. Khi dùng AI, các em cần đọc lại gợi ý, chọn ý phù hợp, chỉnh sửa bằng lời văn của mình, không sao chép máy móc và tuyệt	- HS ghi nhớ: AI chỉ giúp em tham khảo cách sắp xếp ý; em tự chọn người thân, tự nêu việc làm cụ thể và viết bằng tình cảm thật. Em biết bảo vệ thông tin riêng tư của gia đình khi học tập trong môi trường số.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
đối không nhập thông tin riêng tư của gia đình như họ tên đầy đủ, địa chỉ nhà, số điện thoại hoặc những chuyện riêng tư lên công cụ số.	
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn 3 - 4 câu vào vở.	- HS viết đoạn văn vào vở. Ví dụ: Em rất yêu mẹ của em. Mẹ luôn chăm sóc em từng bữa ăn, giấc ngủ. Khi em ốm, mẹ thức khuya để chăm em. Em sẽ học thật tốt và giúp mẹ những việc vừa sức.
- GV mời một số HS đọc bài viết trước lớp.	- HS đọc bài viết; lớp nhận xét đoạn văn đủ 3 - 4 câu, có nêu người thân, việc làm và tình cảm.
- GV hướng dẫn HS sửa lỗi dùng từ, dấu câu, chữ viết.	- HS sửa bài: viết hoa đầu câu, đặt dấu chấm cuối câu, dùng từ tình cảm phù hợp.
D. CỦNG CỐ (2 PHÚT) **Mục tiêu: Ghi nhớ cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm.**	
- GV hỏi: Đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân cần có những ý nào?	- HS trả lời: Cần nêu người em muốn kể, việc người đó đã làm và tình cảm của em với người đó.
- GV dặn HS về nhà đọc đoạn văn cho người thân nghe và hoàn thiện bài nếu cần.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY – TUẦN 15
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 28: TRÒ CHƠI CỦA BỐ
TIẾT 6: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Tự tìm đọc được một bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm gia đình.
- Biết chia sẻ với bạn về tên bài, tên tác giả hoặc nội dung chính của bài thơ/câu chuyện đã đọc.
- Nói được cảm xúc của bản thân về bài thơ/câu chuyện.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: biết tìm sách, chọn văn bản đọc phù hợp.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ văn bản đã đọc, lắng nghe bạn trình bày.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn thông tin phù hợp từ sách hoặc nguồn số đơn giản.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: bồi dưỡng tình cảm yêu thương người thân trong gia đình.
- Chăm chỉ: hình thành thói quen đọc sách.
- Trách nhiệm: biết chọn nguồn đọc an toàn, phù hợp lứa tuổi.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: Xác định được thông tin, tìm kiếm dữ liệu, thông tin và nội dung thông qua tìm kiếm đơn giản trong môi trường số. Biết chọn lọc thông tin phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, một số sách/báo có bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình; phiếu đọc sách.
- Học sinh: SGK, sách/báo hoặc bài thơ, câu chuyện đã chuẩn bị.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng về chủ đề gia đình.**	
- GV cho HS kể tên một bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình mà em biết.	- HS nêu: Con yêu mẹ, Con yêu bố chừng nào, Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên, Tôi yêu mẹ, Làm anh...
- GV giới thiệu: Tiết học này các em sẽ chia sẻ bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm gia đình mà mình đã tìm đọc.	- HS lắng nghe và chuẩn bị sách/bài đọc đã mang theo.
B. KHÁM PHÁ - Hoạt động 1: Tìm đọc bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình (10 PHÚT) **Mục tiêu: Biết chọn văn bản đọc phù hợp chủ đề.**	
- Bài tập 1: Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm gia đình. - GV yêu cầu HS quan sát gợi ý trong SGK và đọc các lời thoại minh họa.	- HS quan sát tranh Đọc mở rộng và đọc các gợi ý: "Bài thơ Con yêu mẹ của Xuân Quỳnh hay lắm.", "Chị tớ có tập truyện Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên.", "Đó là cuốn Con yêu bố chừng nào."

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hỏi: Bài thơ, câu chuyện em chọn có nội dung về ai trong gia đình?	- HS trả lời: Em chọn bài thơ về mẹ/bố/anh chị em/ông bà trong gia đình.
- GV hướng dẫn HS ghi thông tin vào phiếu đọc sách: tên bài, tên tác giả nếu có, nhân vật hoặc nội dung chính, cảm xúc của em.	- HS ghi phiếu đọc sách: Tên bài: Con yêu mẹ; Nội dung: tình cảm của bạn nhỏ dành cho mẹ; Cảm xúc: em thấy yêu mẹ hơn.
- GV hỏi dẫn tích hợp NLS: Nếu tìm bài đọc trên mạng, em cần làm gì để chọn thông tin phù hợp?	- HS trả lời: Em cần gõ từ khóa đơn giản như "bài thơ về mẹ cho thiếu nhi", chọn trang phù hợp với lứa tuổi, không bấm vào trang lạ, không nhập thông tin cá nhân.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: GV diễn giải: Khi tìm bài thơ hoặc câu chuyện trên môi trường số, các em cần xác định rõ thông tin mình cần tìm, dùng từ khóa ngắn gọn như "truyện về tình cảm gia đình cho học sinh lớp 2". Sau khi có kết quả, các em không chọn ngay kết quả đầu tiên mà cần đọc tên bài, xem nội dung có phù hợp với chủ đề gia đình và lứa tuổi không. Nếu chưa chắc chắn, các em hỏi thầy cô hoặc cha mẹ. Tuyệt đối không nhập họ tên, địa chỉ nhà, số điện thoại vào các trang lạ.	- HS nêu lại cách tìm kiếm an toàn: Em dùng từ khóa rõ ràng, chọn bài phù hợp, hỏi người lớn khi chưa chắc chắn và không nhập thông tin cá nhân.
C. THỰC HÀNH - Hoạt động 2: Chia sẻ với bạn về bài thơ, câu chuyện đã đọc (17 PHÚT) **Mục tiêu: Biết chia sẻ tên bài đọc, nội dung và cảm xúc của bản thân.**	
- Bài tập 2: Chia sẻ với các bạn cảm xúc của em về bài thơ, câu chuyện đó. - GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm 4.	- HS chia sẻ trong nhóm: Em đọc bài Con yêu mẹ. Bài thơ nói về tình yêu của bạn nhỏ với mẹ. Em thấy bài thơ rất hay và làm em nhớ đến mẹ.
- GV gợi ý câu chia sẻ: Em đọc bài gì? Bài đó viết về ai? Em thích chi tiết nào? Vì sao?	- HS nói theo gợi ý: Em đọc truyện Con yêu bố chừng nào. Truyện viết về tình cảm của bạn nhỏ dành cho bố. Em thích đoạn bạn nhỏ ôm bố vì rất ấm áp.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.	- HS trình bày trước lớp; lớp lắng nghe và đặt câu hỏi: Bạn thích nhân vật nào? Bạn học được điều gì?

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhận xét, khen những HS biết chia sẻ rõ tên bài, nội dung và cảm xúc.	- HS lắng nghe và bổ sung vào phiếu đọc sách nếu còn thiếu.
D. VẬN DỤNG (5 PHÚT) **Mục tiêu: Hình thành thói quen đọc sách và chia sẻ với người thân.**	
- GV yêu cầu HS chọn một câu thơ/câu văn hay trong bài đọc để đọc cho người thân nghe.	- HS chọn một câu/cụm từ hay và chuẩn bị đọc cho người thân nghe ở nhà.
- GV hỏi: Sau tiết đọc mở rộng, em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm với gia đình?	- HS trả lời: Em sẽ nói lời yêu thương với bố mẹ, giúp ông bà việc nhỏ, đọc truyện cho em nghe, lễ phép với người lớn.
- GV kết luận: Đọc mở rộng giúp các em biết thêm nhiều bài thơ, câu chuyện hay và nuôi dưỡng tình yêu thương gia đình.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc thêm và chia sẻ bài đọc ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ):

……
……
……
……

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 - TUẦN 16
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 29: CÁNH CỬA NHỚ BÀ (4 TIẾT)
TIẾT 1 - 2: ĐỌC - CÁNH CỬA NHỚ BÀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ; phát âm đúng các tiếng dễ lẫn như lưng, cắm cúi, mỗi lần, khôn nguôi; biết ngắt nhịp thơ và đọc với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.

- Hiểu nghĩa từ then cửa và một số từ ngữ trong bài; trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu trong SGK.

- Nhận biết được tình cảm yêu thương, gắn bó, nhớ thương của người cháu đối với bà qua hình ảnh cánh cửa và chiếc then cửa.

- Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động; tìm được một số từ ngữ chỉ hoạt động kết hợp với từ cửa.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị sách vở, đọc thầm, luyện đọc theo hướng dẫn.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; trình bày kết quả đọc hiểu và bài tập.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ việc quan tâm, yêu thương ông bà trong cuộc sống hằng ngày.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thương, kính trọng, biết ơn ông bà, người thân.

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tham gia hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: biết thực hiện việc làm phù hợp để quan tâm người thân.

4. Tích hợp

- Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục học sinh biết yêu thương, kính trọng và quan tâm đến ông bà trong gia đình.

- Tích hợp năng lực số 2.3.CB1a: Học sinh giao tiếp, hợp tác khi tham gia hoạt động nhóm và sử dụng các công cụ số đơn giản như máy chiếu, bảng điện tử để quan sát tranh, trao đổi, trình bày kết quả học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu hoặc bảng tương tác; tranh minh họa bài đọc; thẻ từ khó và thẻ từ bài tập.

- Hình SGK đã cắt đúng nội dung: tranh bài đọc, tranh câu hỏi 3, bài tập luyện từ.

2. Học sinh:

- SGK Tiếng Việt 2 tập một; vở, bảng con; bút chì để đánh dấu nhịp thơ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
TIẾT 1 **1. KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT)** **Mục tiêu: HS huy động trải nghiệm về tình cảm với ông bà; kết nối vào bài đọc.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên bài đã học ở tiết trước và nêu một điều em nhớ nhất trong bài.	- HS nêu: Bài trước là Trò chơi của bố. Em nhớ tình cảm vui vẻ, gần gũi giữa bố và con.
- GV cho HS quan sát tranh khởi động trong SGK và hỏi: Em hãy nói về tình cảm của em đối với ông bà.	- HS quan sát tranh, chia sẻ: Em yêu quý ông bà; em nhớ ông bà khi xa; em thích được về thăm ông bà và giúp ông bà những việc nhỏ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
- GV nhận xét, dẫn vào bài: Bài thơ Cánh cửa nhớ bà giúp chúng ta cảm nhận tình yêu thương, nỗi nhớ của người cháu dành cho bà.	- HS lắng nghe, mở SGK trang 123 và ghi tên bài: Cánh cửa nhớ bà.
2. ĐỌC VĂN BẢN (28 PHÚT) **Mục tiêu: HS đọc đúng, trôi chảy bài thơ; hiểu nghĩa từ khó; bước đầu nắm nội dung bài.**	
a. GV đọc mẫu. - GV giới thiệu ngắn gọn bài đọc; yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài thơ. 	- HS quan sát tranh và nêu: Tranh vẽ bà và cháu đang cài then cửa; cháu cài then dưới, bà cài then trên.
- GV đọc mẫu toàn bài, giọng chậm rãi, tình cảm; nhấn ở các từ ngữ: thấp bé, lưng còng cắm cúi, nhà mới, nhớ bà khôn nguôi.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý cách ngắt nghỉ sau từng dòng thơ.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. - GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 3 khổ thơ.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1; GV theo dõi và sửa lỗi phát âm.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ; cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.
- GV yêu cầu HS nêu từ khó đọc trong bài.	- HS nêu và luyện đọc: lưng, cắm cúi, mỗi năm, mỗi lần, nhà mới, khôn nguôi.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
- GV hướng dẫn HS luyện đọc ngắt nhịp thơ: Ngày cháu còn thấp bé / Cánh cửa có hai then / Cháu chỉ cài then dưới / Nhờ bà cài then trên	- HS đọc cá nhân, đọc theo nhóm và đọc đồng thanh đoạn thơ theo nhịp GV hướng dẫn.
- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ và giải nghĩa từ then (cửa).	- HS nêu: Then cửa là vật bằng tre, gỗ hoặc sắt, dùng để cài cửa.
- GV giải thích thêm: khôn nguôi là không dứt ra được, nhớ rất nhiều; yêu cầu HS đặt câu với từ khôn nguôi.	- HS đặt câu: Em nhớ bà khôn nguôi khi bà về quê.
c. HS luyện đọc trong nhóm. - GV tổ chức cho HS luyện đọc nhóm 3; mỗi em đọc một khổ thơ, góp ý cho nhau về phát âm, nhịp thơ.	- HS luyện đọc trong nhóm 3; nhóm trưởng điều khiển, các bạn góp ý: đọc rõ tiếng, ngắt đúng dòng thơ.
- GV tổ chức thi đọc giữa các nhóm.	- 2 - 3 nhóm thi đọc nối tiếp; HS nhận xét nhóm đọc đúng, rõ, tình cảm.
d. Đọc toàn bài. - GV gọi HS đọc toàn bài thơ.	- 1 - 2 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi, bình chọn bạn đọc tốt.
3. CỦNG CỐ, CHUYỂN TIẾP (2 PHÚT) **Mục tiêu: HS ghi nhớ nội dung đọc của tiết 1 và chuẩn bị đọc hiểu ở tiết 2.**	
- GV hỏi: Hình ảnh nào trong bài thơ khiến em nhớ nhất?	- HS nêu: Em nhớ hình ảnh bà cài then trên cho cháu/ bà lưng còng cắm cúi/ cháu về nhà mới lại nhớ bà.
- GV nhận xét, dặn HS đọc thầm lại bài để chuẩn bị trả lời câu hỏi.	- HS lắng nghe và chuẩn bị chuyển sang tiết 2.
TIẾT 2 **1. KHỞI ĐỘNG, LUYỆN ĐỌC LẠI (3 PHÚT)** **Mục tiêu: HS đọc lại bài thơ, ổn định tâm thế trước hoạt động đọc hiểu.**	
- GV mời 1 HS đọc lại toàn bài thơ; cả lớp đọc thầm theo.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm, nhớ lại nội dung bài.
2. ĐỌC HIỂU (17 PHÚT) **Mục tiêu: HS trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; hiểu tình cảm của cháu dành cho bà.**	
Câu 1: Ngày cháu còn nhỏ, ai thường cài then trên của cánh cửa? - GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ 1, thảo luận nhóm đôi để trả lời.	- HS đọc thầm khổ thơ 1, trả lời: Ngày cháu còn nhỏ, bà thường cài then trên của cánh cửa.
Câu 2: Vì sao khi cháu lớn, bà lại là người cài then dưới của cánh cửa? - GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ 2 và tìm chi tiết giải thích.	- HS trả lời: Vì cháu lớn lên đã cài được then trên, còn bà lưng còng nên chỉ cài then dưới.
Câu 3: Sắp xếp các bức tranh sau theo thứ tự của 3 khổ thơ trong bài. - GV cho HS quan sát tranh câu hỏi 3, thảo luận nhóm 4 và sắp xếp theo nội dung bài thơ.	- HS thảo luận, thống nhất: Thứ tự đúng là tranh 3 - tranh 1 - tranh 2. Tranh 3 ứng với khổ 1; tranh 1 ứng với khổ 2; tranh 2 ứng với khổ 3.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Câu 4: Câu thơ nào trong bài nói lên tình cảm của cháu đối với bà khi về nhà mới? - GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ 3, gạch nhẹ câu thơ trả lời.	- HS trả lời: Câu thơ Mỗi lần tay đẩy cửa / Lại nhớ bà khôn nguôi nói lên tình cảm của cháu đối với bà khi về nhà mới.
GV kết luận: - Bài thơ cho thấy tình yêu thương, nỗi nhớ sâu nặng của người cháu đối với bà. Hình ảnh cánh cửa và chiếc then cửa gợi lại những kỉ niệm thân thương giữa hai bà cháu.	- HS lắng nghe, nhắc lại: Bài thơ nói về tình cảm yêu thương, nhớ bà của người cháu.
GV hỏi dẫn tích hợp: - Khi làm việc nhóm và trình bày kết quả trên màn hình, em cần hợp tác với bạn như thế nào để học tập hiệu quả? - GV diễn giải tích hợp NLS 2.3.CB1a: Khi quan sát tranh, đọc câu hỏi trên máy chiếu hoặc bảng điện tử, các em cần nhìn đúng nội dung, trao đổi lịch sự với bạn, phân công người đọc - người ghi - người trình bày. Công cụ số giúp cả lớp cùng xem rõ tranh và kết quả, nhưng các em vẫn phải tự đọc bài, tự thảo luận và trình bày bằng lời của mình.	- HS trả lời: Em lắng nghe bạn, góp ý nhẹ nhàng, cùng xem tranh trên màn hình, không chen lấn, không nói leo; nhóm phân công bạn trình bày kết quả.
3. LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN ĐỌC (12 PHÚT) **Mục tiêu: HS nhận biết từ ngữ chỉ hoạt động; tìm được từ ngữ chỉ hoạt động kết hợp với từ cửa.**	
Bài tập 1: Những từ ngữ nào dưới đây chỉ hoạt động? - GV yêu cầu HS đọc đề bài, quan sát các đám mây từ ngữ trong SGK. 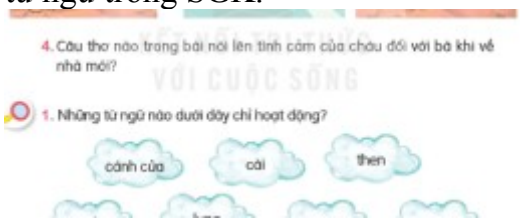 	- HS đọc đề, nêu yêu cầu: Chọn từ ngữ chỉ hoạt động trong các từ: cánh cửa, cài, then, đẩy, lưng, về, nhà.
- GV tổ chức HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi.	- HS làm bài và nêu đáp án: cài, đẩy, về là các từ chỉ hoạt động.
GV kết luận: - Từ chỉ hoạt động là từ cho biết người, vật làm gì. Trong bài này, cài, đẩy, về là từ chỉ hoạt động.	- HS sửa bài vào vở bài tập.
Bài tập 2: Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động có thể kết hợp với từ "cửa". - GV nêu mẫu: đẩy cửa; yêu cầu HS thảo luận	- HS thảo luận, nêu: mở cửa, đóng cửa, cài cửa, khóa cửa, kéo cửa, lau cửa, sơn cửa.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
nhóm 4 và tìm thêm từ.	
GV kết luận: - Nhiều từ chỉ hoạt động có thể kết hợp với từ cửa để tạo cụm từ có nghĩa. Khi dùng từ, cần chọn từ phù hợp với hoàn cảnh.	- HS đọc lại các cụm từ đúng: mở cửa, đóng cửa, cài cửa, khóa cửa, đẩy cửa.
4. VẬN DỤNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS biết liên hệ nội dung bài với hành động quan tâm ông bà.**	
GV hỏi dẫn tích hợp: - Sau khi học bài thơ, em có thể làm việc gì để thể hiện sự yêu thương, kính trọng ông bà? - GV diễn giải tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Yêu thương ông bà không chỉ nói bằng lời mà còn thể hiện qua việc làm hằng ngày như hỏi thăm, lễ phép, phụ giúp việc nhỏ, gọi điện hỏi thăm khi ở xa. Những việc làm giản dị ấy giúp các em biết sống nhân ái, biết nhớ về cội nguồn gia đình và trân trọng tình thân.	- HS trả lời: Em chào hỏi lễ phép, rót nước cho ông bà, gọi điện hỏi thăm, đọc truyện cho ông bà nghe, giúp ông bà việc vừa sức.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị tiết Viết chữ hoa Ô, Ơ.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 - TUẦN 16
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 29: CÁNH CỬA NHỚ BÀ
TIẾT 3: VIẾT - CHỮ HOA Ô, Ơ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Biết viết đúng chữ hoa Ô, Ơ cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết đúng quy trình, đúng độ cao, độ rộng, nét chữ.

- Viết đúng câu ứng dụng: Ông bà sum vầy cùng con cháu.

- Biết nối chữ hoa với chữ thường; đặt dấu thanh, dấu phụ đúng vị trí; trình bày bài viết sạch, đẹp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự quan sát, luyện viết theo mẫu.

- Giao tiếp và hợp tác: nhận xét bài viết của bạn theo hướng dẫn.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tự điều chỉnh nét chữ, khoảng cách chữ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: luyện viết cẩn thận.

- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết đúng mẫu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Mẫu chữ hoa Ô, Ơ và câu ứng dụng trong SGK; máy chiếu hoặc bảng phụ; bảng con.

- Hình SGK phần Viết đã cắt đúng nội dung chữ mẫu.

2. Học sinh:

- Vở Tập viết, bảng con, phấn/bút lông, bút viết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS ôn lại chữ hoa đã học, tạo hứng thú vào bài viết.**	
- GV tổ chức trò chơi sắp xếp các từ: Ông, bà, sum, vầy, cùng, con, cháu thành câu ứng dụng.	- HS sắp xếp và đọc câu: Ông bà sum vầy cùng con cháu.
- GV dẫn vào bài: Hôm nay các em luyện viết chữ hoa Ô, Ơ và câu ứng dụng.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. QUAN SÁT, NHẬN XÉT CHỮ MẪU (8 PHÚT) **Mục tiêu: HS nắm cấu tạo, độ cao, độ rộng và quy trình viết chữ hoa Ô, Ơ.**	
- GV yêu cầu HS quan sát mẫu chữ hoa Ô, Ơ trong SGK. 	- HS quan sát và nêu: Chữ hoa Ô, Ơ cỡ vừa cao 5 li, rộng khoảng 4 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, rộng khoảng 2 li.
- GV hỏi: Chữ hoa Ô, Ơ giống chữ hoa O ở điểm nào và khác ở điểm nào?	- HS trả lời: Giống chữ O ở nét cong kín; khác ở dấu mũ của Ô và dấu râu của Ơ.
- GV hướng dẫn quy trình viết chữ hoa Ô: đặt bút trên đường kẻ 6, viết nét cong kín tạo chữ O, dừng bút gần điểm đặt bút; viết dấu mũ gồm hai nét xiên ngắn trên đầu chữ.	- HS quan sát tay GV viết mẫu, nhắc lại: viết chữ O trước, sau đó viết dấu mũ phía trên.
- GV hướng dẫn quy trình viết chữ hoa Ơ: viết chữ O trước; từ phía trên bên phải chữ O, viết nét cong nhỏ tạo dấu râu; dừng bút gọn, không chạm vào thân chữ.	- HS nhắc lại: Chữ Ơ gồm chữ O và dấu râu ở phía trên bên phải.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
3. LUYỆN VIẾT BẢNG CON (8 PHÚT) **Mục tiêu: HS viết được chữ hoa Ô, Ơ đúng mẫu trên bảng con.**	
- GV viết mẫu chữ Ô, Ơ cỡ vừa; yêu cầu HS viết bảng con 2 lần.	- HS viết bảng con: Ô, Ơ; giơ bảng để GV nhận xét.
- GV nhận xét: chú ý nét cong kín tròn đều, dấu mũ cân đối, dấu râu đặt đúng vị trí.	- HS sửa lỗi: viết lại chữ có nét cong tròn, không méo, dấu mũ/dấu râu không quá cao hoặc quá thấp.
4. VIẾT CÂU ỨNG DỤNG (13 PHÚT) **Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng; biết nối chữ và đặt dấu đúng vị trí.**	
- GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SGK: Ông bà sum vầy cùng con cháu.	- HS đọc: Ông bà sum vầy cùng con cháu.
- GV hỏi: Trong câu ứng dụng, chữ nào viết hoa? Vì sao?	- HS trả lời: Chữ Ông viết hoa vì đứng đầu câu.
- GV hướng dẫn cách nối: Sau chữ Ô, đưa bút viết tiếp vần ông; khoảng cách giữa các chữ bằng một con chữ o; dấu thanh đặt trên âm chính của tiếng: bà, vầy, cùng, cháu.	- HS nêu: Khoảng cách giữa các chữ bằng một con chữ o; dấu huyền đặt trên a/â/u, dấu sắc đặt trên a của cháu.
- GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết; nhắc tư thế ngồi, cách cầm bút, để vở.	- HS viết vở: chữ Ô, Ơ cỡ vừa, cỡ nhỏ và câu ứng dụng theo mẫu; giữ lưng thẳng, mắt cách vở 25 - 30 cm.
- GV quan sát, hỗ trợ HS; chấm nhanh 3 - 5 bài và nhận xét.	- HS tự soát bài: nét chữ, độ cao, khoảng cách, dấu thanh, dấu phụ.
5. VẬN DỤNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS biết giữ gìn chữ viết và luyện viết thêm ở nhà.**	
- GV yêu cầu HS chia sẻ một điểm em viết tốt và một điểm cần sửa trong bài viết hôm nay.	- HS chia sẻ: Em viết đúng chữ Ô; em cần sửa dấu râu của chữ Ơ cho gọn hơn.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS luyện viết thêm chữ Ô, Ơ và chuẩn bị tiết Nói và nghe.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 - TUẦN 16
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 29: CÁNH CỬA NHỚ BÀ
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN BÀ CHÁU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện Bà cháu qua tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

- Nghe kể chuyện, ghi nhớ nội dung chính của từng tranh.

- Kể lại được 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh và lời gợi ý; nói rõ ràng, tự tin.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị nội dung kể chuyện.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, lắng nghe bạn kể, góp ý lịch sự.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dùng lời của mình để kể lại câu chuyện.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, trân trọng tình cảm bà cháu.

- Trách nhiệm: biết giữ trật tự khi nghe bạn kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Tranh kể chuyện Bà cháu trong SGK; máy chiếu; thẻ gợi ý bốn tranh.

2. Học sinh:

- SGK, vở nháp; chuẩn bị tâm thế kể chuyện.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú và kết nối với câu chuyện Bà cháu.**	
- GV cho HS hát hoặc vận động theo một đoạn bài hát Cháu yêu bà.	- HS hát/vận động nhẹ, nêu cảm xúc: vui, nhớ bà, yêu bà.
- GV dẫn vào bài: Tiết học hôm nay các em nghe và kể lại câu chuyện Bà cháu.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. DỰA VÀO TRANH VÀ CÂU HỎI GỢI Ý, ĐOÁN NỘI DUNG TỪNG TRANH (12 PHÚT) **Mục tiêu: HS quan sát tranh, nêu được sự việc chính ở từng tranh.**	
Bài tập 1: Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung của từng tranh. - GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh trong SGK.	- HS quan sát 4 tranh và đọc tên câu chuyện: Bà cháu.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Tranh 1. Cô tiên cho hai anh em cái gì? - GV tổ chức HS thảo luận nhóm đôi.	- HS trả lời: Cô tiên cho hai anh em một hạt đào và dặn khi bà mất thì gieo hạt bên mộ bà.
Tranh 2. Khi bà mất, hai anh em đã làm gì?	- HS trả lời: Khi bà mất, hai anh em gieo hạt đào bên mộ bà.
Tranh 3. Vắng bà, hai anh em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Vắng bà, dù có nhiều vàng bạc, hai anh em vẫn buồn bã, nhớ bà và không thấy vui.
Tranh 4. Câu chuyện kết thúc thế nào?	- HS trả lời: Cô tiên hiện lên, bà sống lại; ba bà cháu ôm nhau, sống vui vẻ bên nhau.
GV kết luận: - Mỗi tranh thể hiện một sự việc quan trọng của câu chuyện; khi kể, cần kể đúng thứ tự các tranh.	- HS nhắc lại thứ tự sự việc: cô tiên cho hạt đào - bà mất - hai anh em buồn nhớ bà - bà sống lại.
3. NGHE KỂ CHUYỆN (8 PHÚT) **Mục tiêu: HS nghe, ghi nhớ diễn biến chính của câu chuyện.**	
Bài tập 2: Nghe kể chuyện. - GV kể chuyện lần 1 với giọng chậm rãi, phân biệt lời người kể và lời nhân vật.	- HS nghe lần 1, quan sát tranh tương ứng.
- GV kể lần 2, dừng sau từng tranh và đặt câu hỏi ngắn để HS nhớ sự việc.	- HS trả lời nhanh: Cô tiên cho hạt đào; hai anh em gieo hạt; hai anh em nhớ bà; bà sống lại.
4. CHỌN KỂ 1 - 2 ĐOẠN CỦA CÂU CHUYỆN THEO TRANH (10 PHÚT) **Mục tiêu: HS kể được một phần câu chuyện bằng lời của mình.**	
Bài tập 3: Chọn kể 1 - 2 đoạn của câu chuyện theo tranh. - GV yêu cầu HS chọn tranh mình thích, luyện kể nhóm 4; bạn nghe góp ý về nội dung và giọng kể.	- HS luyện kể nhóm 4: mỗi bạn chọn 1 tranh hoặc 2 tranh để kể; các bạn góp ý kể đủ ý, đúng thứ tự.
- GV mời HS kể trước lớp, khuyến khích dùng lời kể tự nhiên, không đọc thuộc máy móc.	- HS kể trước lớp. Ví dụ: Ngày xưa, có hai anh em sống cùng bà. Một hôm, cô tiên hiện lên và cho hai anh em một hạt đào...

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
- GV nhận xét: kể đúng nội dung tranh, giọng kể rõ ràng, biết thể hiện tình cảm.	- HS lắng nghe, bình chọn bạn kể rõ ràng và giàu cảm xúc.
5. VẬN DỤNG (2 PHÚT) **Mục tiêu: HS biết kể lại câu chuyện cho người thân nghe.**	
- GV yêu cầu HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện Bà cháu và nói điều em thích trong câu chuyện.	- HS nhận nhiệm vụ: kể lại 1 - 2 đoạn hoặc cả câu chuyện cho người thân nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 - TUẦN 16
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 30: THƯƠNG ÔNG (6 TIẾT)
TIẾT 1 - 2: ĐỌC - THƯƠNG ÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ; phát âm đúng các từ: khập khiễng, khập khà, nhăn nhó, nhanh nhảu, quẳng gậy; biết ngắt nhịp thơ phù hợp.

- Hiểu nghĩa các từ: tấy, khập khiễng, khập khà, lon ton; trả lời đúng câu hỏi trong SGK.

- Hiểu nội dung bài: Việt yêu thương, quan tâm và biết giúp đỡ ông khi ông đau chân; nhận biết lời khen của ông dành cho Việt.

- Tìm được từ ngữ thể hiện dáng vẻ của Việt và đọc được câu thơ thể hiện lời khen của ông.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thầm, luyện đọc theo hướng dẫn.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn để trả lời câu hỏi.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ việc giúp đỡ người thân trong gia đình.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thương, quan tâm, giúp đỡ ông bà, người thân.

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc khổ thơ yêu thích.

- Trách nhiệm: biết làm việc vừa sức để hỗ trợ người thân.

4. Tích hợp

- Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Giáo dục học sinh biết yêu thương, quan tâm và sẵn sàng giúp đỡ ông bà, người thân trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; thẻ từ khó; hình SGK phần Đọc và phần câu hỏi.

2. Học sinh:

- SGK Tiếng Việt 2 tập một; vở, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
TIẾT 1 **1. KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT)** **Mục tiêu: HS chia sẻ việc làm khiến người thân vui; kết nối vào bài đọc.**	
- GV yêu cầu HS nhắc lại tên bài học trước.	- HS nêu: Bài trước là Cánh cửa nhớ bà.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm đôi: Kể những việc em làm khiến người thân vui.	- HS chia sẻ: Em rót nước cho ông bà; em quét nhà giúp mẹ; em đọc truyện cho em nghe; em chúc ông bà mạnh khỏe.
- GV dẫn vào bài: Bài thơ Thương ông kể về một bạn nhỏ biết giúp đỡ ông khi ông bị đau chân.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Thương ông và ghi tên bài.
2. ĐỌC VĂN BẢN (28 PHÚT) **Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ; hiểu nghĩa từ khó; bước đầu nắm nội dung bài.**	
a. GV đọc mẫu. - GV yêu cầu HS quan sát tranh bài đọc và nêu nội dung tranh. ĐỌC Kể những việc em làm khiến người thân vui. THƯƠNG ÔNG (Trích) Ông bị đau chân Nó sưng nó tấy, Đi phải chống gậy Khập khiễng, khập khà, Bước lên thềm nhà Nhác chân quá khó. Thấy ông nhăn nhó, Việt chơi ngoài sân Lon ton lại gần, Âu yếm, nhanh nhẩu: – Ông vịn vai cháu, Cháu đỡ ông lên. Ông bước lên thềm Trong lòng sung sướng, Quẳng gậy, cúi xuống Quên cả đớn đau, Ôm cháu xoa đầu: – Hoan hô thằng bé! Bé thế mà khoẻ Vì nó thương ông. (Tú Mỡ)	- HS quan sát và nêu: Tranh vẽ bạn Việt đang đỡ ông bước lên thềm; ông cầm gậy vì đau chân.
- GV đọc mẫu toàn bài, giọng vui, âu yếm; nhấn ở các từ: đau chân, khập khiễng, lon ton, âu yếm, nhanh nhẩu, hoan hô.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý giọng đọc lời ông.
b. HS luyện đọc từng khổ thơ, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. - GV hỏi: Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời: Bài thơ gồm 3 khổ thơ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp từng khổ thơ lần 1.	- 3 HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ; cả lớp theo dõi.
- GV yêu cầu HS tìm từ khó đọc.	- HS nêu và luyện đọc: tấy, khập khiễng, khập khà, nhăn nhó, lon ton, nhanh nhảu, quẳng gậy.
- GV hướng dẫn ngắt nhịp một số câu thơ: Ông bị đau chân / Nó sưng nó tấy, / Đi phải chống gậy / Khập khiễng, khập khà,	- HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh theo nhịp thơ.
- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ trong SGK.	- HS nêu: Tấy là sưng to, làm cho đau nhức; khập khiễng, khập khà là dáng đi bên cao bên thấp, không đều; lon ton là dáng đi hoặc chạy của trẻ em với bước ngắn, nhanh.
c. HS luyện đọc trong nhóm. - GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 3; mỗi bạn đọc một khổ thơ.	- HS luyện đọc nhóm 3, góp ý cho nhau về phát âm, nhịp thơ, giọng đọc.
- GV tổ chức thi đọc giữa các nhóm.	- Đại diện 2 - 3 nhóm thi đọc; HS nhận xét nhóm đọc đúng, rõ, diễn cảm.
d. Đọc toàn bài. - GV gọi HS đọc toàn bài.	- 1 - 2 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi.
3. CỦNG CỐ, CHUYỂN TIẾP (2 PHÚT) **Mục tiêu: HS ghi nhớ nội dung ban đầu của bài thơ.**	
- GV hỏi: Bạn Việt đã làm gì khiến em thấy cảm động?	- HS trả lời: Việt để ông vịn vào vai mình rồi đỡ ông lên thềm.
- GV nhận xét, chuyển sang tiết 2 để tìm hiểu bài sâu hơn.	- HS lắng nghe.
TIẾT 2 **1. KHỞI ĐỘNG, LUYỆN ĐỌC LẠI (3 PHÚT)** **Mục tiêu: HS đọc lại bài thơ trước khi tìm hiểu bài.**	
- GV mời HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ.	- 3 HS đọc nối tiếp; cả lớp theo dõi và đọc thầm.
2. ĐỌC HIỂU (17 PHÚT) **Mục tiêu: HS trả lời đúng câu hỏi trong SGK; hiểu tình cảm ông cháu.**	
Câu 1: Ông của Việt bị làm sao? - GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ 1 để trả lời.	- HS trả lời: Ông của Việt bị đau chân, chân sưng tấy, đi phải chống gậy, bước lên thềm rất khó.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Câu 2: Khi thấy ông đau, Việt đã làm gì để giúp ông? **a. Mang gậy đến cho ông.** **b. Để ông vịn vào vai mình rồi đỡ ông lên.** **c. Lại gần, hỏi thăm sức khỏe của ông.** - GV yêu cầu HS chọn đáp án đúng và giải thích.	- HS chọn đáp án b. Việt để ông vịn vào vai mình rồi đỡ ông lên. HS có thể nêu thêm: Việt lại gần ông rất nhanh và âu yếm.
Câu 3: Theo ông, vì sao Việt tuy bé mà khoẻ? - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ cuối và trả lời.	- HS trả lời: Theo ông, Việt tuy bé mà khỏe vì Việt thương ông.
- GV yêu cầu HS học thuộc lòng một khổ thơ em thích.	- HS chọn một khổ thơ yêu thích, luyện đọc nhẩm và đọc thuộc trước lớp.
GV kết luận: - Bài thơ cho thấy bạn Việt tuy còn nhỏ nhưng biết yêu thương, quan tâm và giúp đỡ ông. Tình yêu thương làm cho việc làm của bạn trở nên đáng quý.	- HS lắng nghe và nhắc lại: Bài thơ nói về tình yêu thương của Việt dành cho ông.
3. LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN ĐỌC (12 PHÚT) **Mục tiêu: HS tìm đúng từ ngữ thể hiện dáng vẻ của Việt; nhận biết lời khen của ông.**	
Bài tập 1: Từ ngữ nào dưới đây thể hiện dáng vẻ của Việt? - GV yêu cầu HS đọc các từ trong SGK và chọn từ phù hợp.	- HS đọc các từ: lon ton, nhăn nhó, âu yếm, nhanh nhảu, khập khiễng, khập khà. HS chọn: lon ton, nhanh nhảu.
GV kết luận: - Lon ton, nhanh nhảu gợi dáng vẻ nhanh nhẹn, đáng yêu của Việt khi chạy đến giúp ông.	- HS đọc lại hai từ: lon ton, nhanh nhảu.
Bài tập 2: Đọc những câu thơ thể hiện lời khen của ông dành cho Việt. - GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ cuối, tìm lời ông nói.	- HS đọc: Hoan hô thằng bé! / Bé thế mà khoẻ / Vì nó thương ông.
GV kết luận: - Lời khen của ông thể hiện sự vui mừng, tự hào và yêu thương dành cho Việt.	- HS đọc lại lời khen với giọng vui, âu yếm.
4. VẬN DỤNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS biết liên hệ bài học với việc quan tâm người thân.**	
GV hỏi dẫn tích hợp: - Khi ông bà, bố mẹ hoặc người thân bị mệt, em có thể làm gì để thể hiện sự quan tâm?	- HS trả lời: Em hỏi thăm sức khỏe, lấy nước, nhờ người lớn giúp, đỡ ông bà đi chậm, không đùa nghịch làm ông bà mệt

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
- GV diễn giải tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Biết quan tâm, giúp đỡ ông bà, cha mẹ là biểu hiện của lòng hiếu thảo và lối sống nhân ái. Các em có thể làm việc vừa sức như hỏi thăm, lấy nước, gọi người lớn, nhắc ông bà đi chậm, đọc sách hoặc trò chuyện để ông bà vui. Khi làm những việc nhỏ ấy, các em đang góp phần xây dựng gia đình ấm áp, yêu thương.	thêm.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS luyện đọc và chuẩn bị tiết Nghe - viết.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 - TUẦN 16
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 30: THƯƠNG ÔNG
TIẾT 3: VIẾT - NGHE VIẾT THƯƠNG ÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nghe - viết đúng 2 khổ thơ đầu bài Thương ông; trình bày đúng thể thơ, viết hoa đầu dòng thơ.

- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt ch/tr và ac/at theo SGK.

- Biết tự soát lỗi và sửa lỗi chính tả.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, nghe - viết và soát lỗi.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi đáp án bài tập chính tả theo nhóm đôi.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn âm/vần đúng dựa vào nghĩa của từ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, sạch đẹp.

- Trách nhiệm: giữ vở sạch, sửa lỗi sau khi viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu; đoạn chính tả; phiếu bài tập ch/tr, ac/at; hình SGK phần Viết.

2. Học sinh:

- Vở ô li, bút viết, bảng con, SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS ôn tên bài và chuẩn bị tâm thế nghe - viết.**	
- GV tổ chức trò chơi ghép tiếng: thương + ông để tạo tên bài chính tả.	- HS ghép và đọc: Thương ông.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em nghe - viết 2 khổ thơ đầu của bài Thương ông.	- HS lắng nghe, mở vở, ghi tên bài.
2. HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ VIẾT CHÍNH TẢ (10 PHÚT) **Mục tiêu: HS hiểu nội dung đoạn viết, nhận biết chữ dễ viết sai và cách trình bày.**	
Bài tập 1: Nghe - viết: Thương ông (2 khổ thơ đầu). - GV đọc 2 khổ thơ đầu, yêu cầu HS theo dõi trong SGK. VIẾT 1. Nghe – viết: *Thương ông* (2 khổ thơ đầu). 2. Chọn a hoặc b. a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông. Lần đầu tiên học ☐ữ Bé tung tăng khắp nhà: – ☐ữ gì như quả ☐ứng gà? ☐áng ☐oai nhanh nhảu đáp là: "O... o!". (Theo Trương Xương) b. Chọn *ac* hoặc *at* thay cho ô vuông. mùa hè ☐ quét n☐ rửa b☐ c☐ a cô b☐ ca nh☐ ph☐ quả	- HS nghe, theo dõi đoạn viết trong SGK.
- GV hỏi: Ông của Việt bị làm sao? Khi thấy ông đau, Việt đã làm gì?	- HS trả lời: Ông bị đau chân, sưng tấy, đi phải chống gậy. Việt lại gần, âu yếm nói ông vịn vai cháu, cháu đỡ ông lên.
- GV yêu cầu HS nêu những từ dễ viết sai trong đoạn chính tả.	- HS nêu và luyện viết bảng con: sưng, tấy, chống gậy, khập khiễng, khập khà, nhăn nhó, lon ton, nhanh nhảu, vịn.
- GV nhắc cách trình bày: Mỗi dòng thơ viết lùi vào 2 ô; viết hoa chữ cái đầu dòng thơ; sau dấu phẩy, dấu chấm cần viết đúng khoảng cách.	- HS nhắc lại: Mỗi dòng thơ xuống dòng; chữ đầu dòng viết hoa; viết dấu câu đúng vị trí.
3. NGHE - VIẾT VÀ SOÁT LỖI (12 PHÚT) **Mục tiêu: HS viết đúng đoạn chính tả và biết tự soát lỗi.**	
- GV đọc từng dòng thơ, mỗi dòng đọc 2 - 3 lần với tốc độ phù hợp.	- HS nghe và viết vào vở 2 khổ thơ đầu bài Thương ông.
- GV đọc lại toàn đoạn để HS soát lỗi.	- HS soát lỗi bằng bút chì: kiểm tra chữ hoa, dấu câu, tiếng khó.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn cùng bàn để kiểm	- HS đổi vở, dùng bút chì gạch chân lỗi;

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
tra theo hướng dẫn.	trả vở để bạn tự sửa.
4. LÀM BÀI TẬP CHÍNH TẢ (8 PHÚT) **Mục tiêu: HS chọn đúng ch/tr hoặc ac/at trong từ ngữ.**	
Bài tập 2: Chọn a hoặc b. **a. Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.** - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ nhóm đôi.	- HS làm và nêu đáp án: chữ, chữ, trứng gà, Trống choai.
b. Chọn ac hoặc at thay cho ô vuông. - GV yêu cầu HS đọc các thẻ từ và điền vần thích hợp.	- HS nêu đáp án: múa hát, quét rác, rửa bát, cô bác, ca nhạc, phát quà.
GV kết luận: - Khi điền ch/tr, ac/at, các em cần đọc kĩ tiếng và dựa vào nghĩa của từ để chọn đúng.	- HS sửa bài vào vở.
5. VẬN DỤNG (2 PHÚT) **Mục tiêu: HS ghi nhớ cách sửa lỗi chính tả.**	
- GV nhận xét bài viết, dặn HS viết lại các tiếng viết sai mỗi tiếng 1 dòng.	- HS ghi nhớ các lỗi cần sửa và thực hiện ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 - TUẦN 16
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 30: THƯƠNG ÔNG
TIẾT 4: LUYỆN TẬP - TỪ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG; CÂU NÊU HOẠT ĐỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Mở rộng vốn từ chỉ sự vật và từ chỉ hoạt động qua tranh, đoạn thơ trong SGK.

- Trả lời được câu hỏi bằng câu nêu hoạt động: Ai đang làm gì?

- Biết đặt câu ngắn, rõ ý về hoạt động của người trong tranh.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự quan sát tranh, làm bài cá nhân.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, trình bày đáp án.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng từ ngữ để nói câu phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập.

- Nhân ái: biết quan tâm đến công việc của người thân trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu; tranh và đoạn thơ trong SGK; phiếu nhóm.

2. Học sinh:

- SGK, VBT, vở ô li, bút.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS tạo hứng thú trước khi luyện tập từ và câu.**	
- GV cho HS hát/vận động ngắn theo bài Chổi to, chổi nhỏ và hỏi: Bài hát có hoạt động nào?	- HS nêu: quét nhà, quét sân, dọn dẹp.
- GV dẫn vào bài luyện tập về từ chỉ sự vật, hoạt động và câu nêu hoạt động.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. BÀI TẬP 1 (10 PHÚT) **Mục tiêu: HS tìm được từ chỉ sự vật và từ chỉ hoạt động dựa vào tranh.**	
Bài tập 1: Dựa vào tranh, tìm từ ngữ: **a. Chỉ sự vật** **b. Chỉ hoạt động** - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK. 	- HS đọc đề, nêu yêu cầu: Tìm từ chỉ sự vật và từ chỉ hoạt động trong tranh.
- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4, ghi từ vào hai cột: chỉ sự vật và chỉ hoạt động.	- HS thảo luận, ghi: sự vật: ông, bà, bố, mẹ, bạn nhỏ, bếp, quạt, chổi, cây, quả, sân; hoạt động: nấu ăn, hái quả, quét sân, sửa quạt, chơi, nhặt rau.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung từ còn thiếu.
GV kết luận: - Từ chỉ sự vật gọi tên người, đồ vật, con vật, cây cối; từ chỉ hoạt động cho biết người hoặc vật làm gì.	- HS sửa bài vào vở.
3. BÀI TẬP 2 (8 PHÚT) **Mục tiêu: HS tìm được từ chỉ hoạt động trong đoạn thơ.**	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Bài tập 2: Tìm 3 từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ dưới đây. - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn thơ trong SGK. 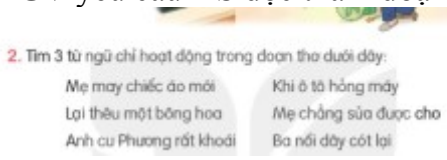 2. Tìm 3 từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ dưới đây: Mẹ may chiếc áo mới — Khi ô tô hỏng máy Lại thêu một bông hoa — Mẹ chẳng sửa được cho Anh cu Phương rất khoái — Ba nối dây cót lại	- HS đọc thầm đoạn thơ, xác định yêu cầu: tìm 3 từ chỉ hoạt động.
- GV tổ chức HS làm cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi.	- HS nêu đáp án: may, thêu, khen, sửa, nói, chạy. HS chỉ cần chọn đúng 3 từ, ví dụ: may, thêu, sửa.
GV kết luận: - Các từ may, thêu, sửa, nói, chạy đều chỉ hoạt động của người hoặc vật trong đoạn thơ.	- HS đọc lại 3 từ đã chọn và đặt một câu với một từ: Mẹ may áo mới cho em.
4. BÀI TẬP 3 (11 PHÚT) **Mục tiêu: HS nói được câu nêu hoạt động dựa vào tranh và câu hỏi.**	
Bài tập 3: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh trong SGK. 3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi. Ông đang làm gì? Bà đang làm gì?	- HS quan sát tranh, đọc câu hỏi dưới từng tranh.
Ông đang làm gì?	- HS trả lời: Ông đang chơi cờ.
Bà đang làm gì?	- HS trả lời: Bà đang xem ti vi.
Bố mẹ đang làm gì?	- HS trả lời: Bố mẹ đang lau dọn nhà cửa.
Bạn nhỏ đang làm gì?	- HS trả lời: Bạn nhỏ đang viết bài.
GV kết luận: - Câu nêu hoạt động thường cho biết ai đang làm gì. Khi trả lời cần nói đủ ý: người/vật + hoạt động.	- HS đọc lại các câu đúng: Ông đang chơi cờ. Bà đang xem ti vi. Bố mẹ đang lau dọn nhà cửa. Bạn nhỏ đang viết bài.
5. VẬN DỤNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS biết vận dụng câu nêu hoạt động để nói về việc trong gia đình.**	
- GV yêu cầu HS nói một câu về hoạt động của người thân trong gia đình em.	- HS nói: Mẹ đang nấu cơm. Bố đang tưới cây. Bà đang đọc sách. Em đang quét nhà.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS quan sát việc làm của người thân để chuẩn bị viết đoạn văn.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 - TUẦN 16
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 30: THƯƠNG ÔNG
TIẾT 5: LUYỆN TẬP - VIẾT ĐOẠN VĂN KỂ VỀ VIỆC ĐÃ LÀM CÙNG NGƯỜI THÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nêu được việc các bạn nhỏ đã làm cùng người thân qua tranh trong SGK.

- Viết được 3 - 5 câu kể về một công việc em đã làm cùng người thân, câu văn rõ ý, đúng nội dung.

- Biết đọc lại, chỉnh sửa đoạn văn về lỗi dùng từ, dấu câu, chính tả.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự nhớ lại trải nghiệm, tự viết đoạn văn.

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi ý tưởng với bạn, nghe góp ý và sửa bài.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn chi tiết phù hợp để kể việc đã làm cùng người thân.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, chia sẻ công việc với người thân.

- Chăm chỉ: tích cực viết và sửa bài.

- Trách nhiệm: biết làm việc nhà vừa sức.

4. Tích hợp

- Tích hợp AI 2.A1.2: HS nhận biết công cụ AI có thể hỗ trợ gợi ý từ ngữ hoặc dàn ý khi viết đoạn văn, nhưng chỉ dùng để tham khảo; HS phải tự viết bằng cảm xúc thật, không sao chép nguyên văn và không nhập thông tin riêng tư của gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu; tranh bài tập trong SGK; bảng gợi ý viết đoạn văn; ví dụ minh họa cách dùng AI an toàn ở mức giáo viên trình chiếu.

- Hình SGK phần viết đoạn văn đã cắt đúng nội dung.

2. Học sinh:

- SGK, vở ô li, bút, nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: HS nhớ lại việc đã làm cùng người thân để chuẩn bị viết đoạn văn.**	
- GV tổ chức trò chơi Truyền điện: Mỗi HS nói nhanh một việc em từng làm cùng người thân.	- HS nêu: rửa bát, quét nhà, tưới cây, gấp quần áo, đọc sách cùng bà, đi bộ cùng ông, trồng cây cùng bố.
- GV dẫn vào bài: Các em sẽ viết 3 - 5 câu kể về một việc đã làm cùng người thân.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. BÀI TẬP 1 (10 PHÚT) **Mục tiêu: HS quan sát tranh, nêu đúng việc các bạn nhỏ đã làm cùng người thân.**	
Bài tập 1: Quan sát tranh, nêu việc các bạn nhỏ đã làm cùng người thân. - GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh trong SGK. 	- HS đọc đề và quan sát tranh.
- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4, mỗi bạn nói nội dung một tranh.	- HS thảo luận, nêu: Tranh 1: Bạn nhỏ cùng ông đi dạo. Tranh 2: Bạn nhỏ cùng bố trồng cây/tưới cây. Tranh 3: Bạn nhỏ cùng bà đọc sách. Tranh 4: Bạn nhỏ cùng mẹ rửa bát.
- GV mời các nhóm trình bày, nhận xét cách nói đủ ý.	- Đại diện nhóm trình bày câu đầy đủ: Bạn nhỏ đang cùng bố chăm sóc cây trong vườn.
GV kết luận: - Khi quan sát tranh, cần nói rõ ai làm việc gì, làm cùng ai.	- HS đọc lại 4 câu đúng về 4 tranh.
3. BÀI TẬP 2 (18 PHÚT) **Mục tiêu: HS viết được 3 - 5 câu kể về một công việc đã làm cùng người thân; biết dùng AI an toàn ở mức tham khảo.**	
Bài tập 2: Viết 3 - 5 câu kể về một công việc em đã làm cùng người thân. - GV yêu cầu HS đọc gợi ý trong SGK. 	- HS đọc gợi ý: Em đã cùng người thân làm việc gì? Khi nào? Em đã cùng người thân làm việc đó như thế nào? Em cảm thấy thế nào khi làm việc cùng người thân?
- GV hướng dẫn HS chọn một việc thật em đã làm, lập miệng dàn ý 3 phần: giới thiệu việc làm; kể	- HS chọn ý tưởng: Em cùng mẹ rửa bát vào tối chủ nhật; em tráng bát, mẹ rửa

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
cách làm; nêu cảm xúc.	bát; em thấy vui vì giúp mẹ bớt mệt.
GV hỏi dẫn tích hợp: - Khi muốn viết đoạn văn về việc đã làm cùng người thân, em có thể dùng công cụ số hoặc AI để hỗ trợ điều gì? - GV diễn giải tích hợp AI 2.A1.2: Công cụ AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý một số từ ngữ hoặc dàn ý đơn giản, ví dụ: giới thiệu người thân, nêu việc đã làm, kể cách làm, nói cảm xúc. Tuy nhiên, AI không viết thay các em. Các em phải tự nhớ việc thật của mình, tự viết bằng cảm xúc thật, không chép nguyên văn câu AI gợi ý và không nhập thông tin riêng tư như họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại của người thân. Nếu GV trình chiếu gợi ý từ AI, HS chỉ dùng để tham khảo rồi viết lại bằng lời của mình.	- HS trả lời: AI có thể gợi ý dàn ý, từ ngữ như vui vẻ, chăm chỉ, giúp đỡ; em không chép nguyên văn và không đưa thông tin riêng tư của gia đình lên mạng.
- GV viết mẫu khung câu trên bảng: Tuần trước, em đã cùng ... Em ... Người thân của em ... Em cảm thấy ...	- HS dựa vào khung câu để nói miệng đoạn văn của mình trước khi viết.
- GV yêu cầu HS viết 3 - 5 câu vào vở; nhắc dùng dấu chấm cuối câu, viết hoa chữ đầu câu.	- HS viết đoạn văn. Ví dụ: Tối chủ nhật, em cùng mẹ rửa bát. Mẹ rửa bát còn em tráng lại bằng nước sạch. Hai mẹ con vừa làm vừa nói chuyện rất vui. Em cảm thấy vui vì đã giúp mẹ bớt mệt. Em sẽ thường xuyên làm việc nhà cùng mẹ.
- GV yêu cầu HS đọc lại đoạn văn và tự sửa lỗi.	- HS tự soát: đủ 3 - 5 câu, viết hoa đầu câu, có dấu chấm cuối câu, nội dung kể đúng việc đã làm.
4. CHIA SẺ, NHẬN XÉT (2 PHÚT) **Mục tiêu: HS mạnh dạn đọc đoạn văn và góp ý cho bạn.**	
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp; nhận xét bằng lời tích cực.	- HS đọc đoạn văn; bạn nhận xét: Đoạn văn đủ ý, câu rõ ràng, cảm xúc chân thật.
5. VẬN DỤNG (2 PHÚT) **Mục tiêu: HS biết chia sẻ đoạn văn với người thân.**	
- GV dặn HS đọc đoạn văn cho người thân nghe và thực hiện một việc nhỏ giúp gia đình.	- HS nhận nhiệm vụ: đọc đoạn văn cho người thân nghe, giúp người thân một việc vừa sức.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 30: THƯƠNG ÔNG
TIẾT 6: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Tìm đọc được một bài thơ hoặc câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu.

- Chia sẻ được với các bạn cảm xúc về bài thơ, câu chuyện hoặc một sự việc trong câu chuyện mà em thấy thú vị.

- Biết kể lại cho người thân nghe nội dung đã đọc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn sách, bài thơ, câu chuyện phù hợp.

- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ trong nhóm đôi, lắng nghe bạn nói.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: nêu cảm xúc của bản thân sau khi đọc.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết trân trọng tình cảm ông bà và cháu.

- Chăm chỉ: hình thành thói quen đọc sách.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Một số sách, truyện, bài thơ về tình cảm ông bà và cháu; tranh gợi ý Đọc mở rộng trong SGK; máy chiếu.

2. Học sinh:

- Sách/bài thơ/câu chuyện đã tìm đọc; SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 PHÚT) **Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc mở rộng.**	
- GV tổ chức trò chơi Phóng viên nhỏ: Hỏi nhanh bạn về một kỉ niệm với ông bà.	- HS trả lời ngắn: Em được bà kể chuyện; em cùng ông tưới cây; em nhớ bà khi về quê.
- GV dẫn vào tiết Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. TÌM ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU BÀI ĐÃ ĐỌC (15 PHÚT) **Mục tiêu: HS giới thiệu được bài thơ/câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu.**	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Bài tập 1: Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu. - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK và quan sát gợi ý. ĐỌC MỞ RỘNG 1. Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện về tình cảm của ông bà và cháu. 2. Chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ em thích, hoặc một sự việc trong câu chuyện mà em thấy thú vị. 	- HS đọc yêu cầu; chuẩn bị tên bài thơ/câu chuyện, tên tác giả nếu có.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm đôi: giới thiệu tên bài đã đọc và nội dung chính.	- HS chia sẻ: Em đọc bài Cháu yêu bà. Bài thơ nói về tình cảm yêu thương của cháu dành cho bà.
- GV mời một số HS giới thiệu trước lớp.	- HS giới thiệu trước lớp: Tên bài em đọc là ..., tác giả là ..., bài nói về ...
3. CHIA SẺ CẢM XÚC VỀ BÀI ĐÃ ĐỌC (12 PHÚT) **Mục tiêu: HS nêu được cảm xúc hoặc sự việc thú vị trong bài đã đọc.**	
Bài tập 2: Chia sẻ với các bạn cảm xúc về một khổ thơ em thích, hoặc một sự việc trong câu chuyện mà em thấy thú vị. - GV gợi ý: Em thích khổ thơ/sự việc nào? Vì sao? Em học được điều gì?	- HS chia sẻ: Em thích đoạn bạn nhỏ giúp bà vì bạn biết quan tâm đến bà. Em thấy ấm áp và muốn giúp bà nhiều hơn.
- GV yêu cầu HS lắng nghe bạn và đặt một câu hỏi lịch sự.	- HS hỏi bạn: Bạn thích nhân vật nào nhất? Vì sao bạn thích bài thơ đó?
GV kết luận: - Đọc thêm sách, thơ, truyện giúp các em hiểu hơn tình cảm gia đình và biết yêu thương ông bà, người thân.	- HS lắng nghe và nhắc lại một điều học được sau tiết đọc mở rộng.
4. VẬN DỤNG (5 PHÚT) **Mục tiêu: HS biết kể lại bài đã đọc cho người thân nghe.**	
- GV yêu cầu HS về nhà kể cho người thân nghe bài thơ/câu chuyện đã đọc và hỏi thêm một kỉ niệm của ông bà.	- HS nhận nhiệm vụ: Kể lại bài đã đọc cho ông bà, bố mẹ nghe; hỏi người thân một kỉ niệm vui trong gia đình.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS tích cực đọc và chia sẻ.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 31: ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG

TIẾT 1 – 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng bài Ánh sáng của yêu thương; phát âm đúng các tiếng dễ đọc sai như Ê-đi-xơn, ruột thừa, mổ gấp, đột nhiên; biết đọc lời người kể, lời Ê-đi-xơn và lời bác sĩ với giọng phù hợp.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ: Ê-đi-xơn, ái ngại, sắt tây; trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; nêu được nội dung bài: tình yêu thương, lòng hiếu thảo và sự nhanh trí của Ê-đi-xơn giúp mẹ được phẫu thuật kịp thời.
- Biết tìm chi tiết trong bài, nêu ý kiến về nhân vật yêu thích và liên hệ việc làm phù hợp khi người thân bị ốm.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị SGK, đọc thầm, luyện đọc theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, lắng nghe bạn đọc và góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề: biết lựa chọn chi tiết trong bài để trả lời câu hỏi.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm, chăm sóc cha mẹ và người thân trong gia đình.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực luyện đọc, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp

- Đạo đức, lối sống: Giáo dục học sinh lòng hiếu thảo, biết yêu thương, quan tâm và chăm sóc cha mẹ, hình thành lối sống nhân ái, trách nhiệm trong gia đình và cuộc sống hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK Tiếng Việt 2, máy tính, máy chiếu; tranh minh họa bài đọc; phiếu thảo luận nhóm.
- Hình ảnh hoặc câu chuyện ngắn về việc chăm sóc người thân khi người thân bị mệt.

2. Học sinh

- SGK, vở ghi, bút, bảng con; chuẩn bị trước bài đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 1	
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) **Mục tiêu: HS chia sẻ được việc làm giúp đỡ, động viên người thân khi bị mệt; tạo tâm thế vào bài đọc.**	
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi: Nếu người thân bị mệt, em có thể làm gì để giúp đỡ, động viên? - GV gợi ý: Người thân đó là ai? Người ấy bị mệt như thế nào? Em đã làm gì hoặc nói gì để động viên?	- HS trao đổi nhóm đôi. - HS nêu việc làm cụ thể: lấy nước cho mẹ, đọc truyện cho bà nghe, báo người lớn, nhắc người thân uống thuốc theo hướng dẫn của người lớn, nói lời động viên.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp; nhận xét và dẫn vào bài: Tình yêu thương có thể giúp chúng ta nghĩ ra những việc làm rất ý nghĩa. Hôm nay, các em cùng đọc bài Ánh sáng của yêu thương.	- HS chia sẻ trước lớp. - HS lắng nghe, mở SGK trang 130 và ghi tên bài.
2. ĐỌC VĂN BẢN (28 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng, trôi chảy bài đọc; biết chia đoạn, đọc từ khó, hiểu nghĩa từ khó và bước đầu nắm nội dung bài.**	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài đọc và nêu nội dung tranh.	- HS quan sát tranh và nêu: Tranh vẽ mẹ Ê-đi-xơn bị ốm, bác sĩ đến khám, Ê-đi-xơn rất lo lắng; trong phòng có đèn nến và gương.

- a. GV đọc mẫu. - GV giới thiệu ngắn gọn bài đọc, đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi, cảm động; nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện sự lo lắng và sáng kiến của Ê-đi-xơn.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý giọng đọc của GV.
- b. HS luyện đọc từng đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. - GV hỏi: Bài đọc được chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc chia làm 4 đoạn. + Đoạn 1: Từ đầu đến mời bác sĩ. + Đoạn 2: Tiếp theo đến mới mổ được cháu ạ! + Đoạn 3: Tiếp theo đến ánh sáng. + Đoạn 4: Phần còn lại.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn lần 1; yêu cầu HS phát hiện từ khó đọc.	- HS đọc nối tiếp từng đoạn. - HS nêu từ khó: Ê-đi-xơn, ruột thừa, mổ gấp, đột nhiên, rạng rỡ, sắt tây.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó và câu dài: "Xin bác sĩ cứu mẹ cháu!"; "Đủ ánh sáng, bác mới mổ được cháu ạ!".	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh các từ khó và câu dài theo hướng dẫn.
- GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn lần 2; hướng dẫn đọc lời Ê-đi-xơn với giọng lo lắng, khẩn khoản; lời bác sĩ ái ngại; lời kể chậm rãi.	- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2, biết điều chỉnh giọng đọc cho phù hợp với nhân vật.
- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ và giải nghĩa các từ trong SGK.	- HS đọc và nêu nghĩa: Ê-đi-xơn là nhà bác học người Mỹ; ái ngại là thương cảm, có phần lo lắng; sắt tây là sắt dát mỏng có tráng lớp chống gỉ, sáng bóng.
- c. HS luyện đọc trong nhóm. - GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 4, mỗi em đọc một đoạn; nhắc HS góp ý cách phát âm, ngắt nghỉ cho nhau.	- HS luyện đọc nhóm 4; từng bạn đọc, các bạn còn lại lắng nghe và góp ý nhẹ nhàng.
- GV tổ chức cho 2 nhóm thi đọc nối tiếp trước lớp; nhận xét, tuyên dương nhóm đọc tiến bộ.	- Hai nhóm thi đọc nối tiếp. - HS nhận xét bạn đọc đúng, rõ, biết ngắt nghỉ.
- d. Đọc toàn bài. - GV gọi 1 – 2 HS đọc toàn bài; nhận xét chung.	- 1 – 2 HS đọc toàn bài. - Cả lớp theo dõi, nhận xét và rút kinh nghiệm.
3. VẬN DỤNG (2 phút) **Mục tiêu: HS củng cố nội dung tiết học và chuẩn bị tốt cho tiết đọc hiểu.**	
- GV dặn HS luyện đọc lại bài ở nhà, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trong SGK.	- HS ghi nhớ: luyện đọc bài Ánh sáng của yêu thương và chuẩn bị phần trả lời câu hỏi.
TIẾT 2	
3. ĐỌC HIỂU (22 phút) **Mục tiêu: HS trả lời đúng câu hỏi SGK; nhận biết tình yêu thương, lòng hiếu thảo của Ê-đi-xơn; biết liên hệ việc quan tâm, chăm sóc cha mẹ và người thân.**	

- Câu 1: Khi thấy mẹ đau bụng dữ dội, Ê-đi-xơn đã làm gì? - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 và trả lời.	- HS đọc thầm đoạn 1. - HS trả lời: Khi thấy mẹ đau bụng dữ dội, Ê-đi-xơn đã chạy đi mời bác sĩ đến khám cho mẹ.
- GV hỏi thêm: Bác sĩ cho biết mẹ Ê-đi-xơn bị làm sao và cần làm gì?	- HS trả lời: Mẹ Ê-đi-xơn bị đau ruột thừa, phải mổ gấp.
- Câu 2: Ê-đi-xơn đã làm cách nào để mẹ được phẫu thuật kịp thời? - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 3, 4 và thảo luận nhóm 4.	- HS thảo luận nhóm 4. - HS trả lời: Ê-đi-xơn thắp tất cả đèn nến trong nhà, đặt trước gương để ánh sáng hắt lại, làm căn phòng sáng trưng, giúp mẹ được phẫu thuật kịp thời.
- Câu 3: Những việc làm của Ê-đi-xơn cho thấy tình cảm của cậu dành cho mẹ như thế nào?	- HS trả lời: Những việc làm ấy cho thấy Ê-đi-xơn rất yêu thương mẹ, hiếu thảo, lo lắng cho mẹ, bình tĩnh và nhanh trí khi mẹ gặp nguy hiểm.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Khi người thân trong gia đình bị ốm hoặc gặp khó khăn, em nên thể hiện tình yêu thương bằng những việc làm nào? - Tích hợp đạo đức, lối sống: GV giúp HS nhận ra lòng hiếu thảo không chỉ thể hiện bằng lời nói mà còn bằng việc làm phù hợp với lứa tuổi: báo ngay cho người lớn khi người thân bị mệt, lấy nước, lấy khăn, nói lời động viên, giữ trật tự để người bệnh nghỉ ngơi, không tự ý cho người bệnh uống thuốc khi chưa có người lớn hướng dẫn. Qua việc làm của Ê-đi-xơn, HS hiểu cần biết yêu thương, quan tâm và có trách nhiệm với cha mẹ, ông bà, anh chị em trong gia đình.	- HS nêu: Em sẽ báo người lớn, lấy nước, lấy khăn, hỏi thăm, nói lời động viên, giúp việc nhỏ trong nhà và không làm ồn khi người thân nghỉ ngơi. - HS lắng nghe, liên hệ bản thân và nêu một việc mình có thể làm để chăm sóc người thân.
- Câu 4: Trong câu chuyện trên, em thích nhân vật nào nhất? Vì sao? - GV khuyến khích HS nêu ý kiến riêng và giải thích rõ lí do.	- HS nêu ý kiến. Ví dụ: Em thích Ê-đi-xơn vì cậu rất thương mẹ, nhanh trí và nghĩ ra cách giúp bác sĩ mổ cho mẹ kịp thời.
- Hoạt động 1: Những chi tiết nào cho thấy Ê-đi-xơn rất lo cho sức khỏe của mẹ? - GV yêu cầu HS tìm chi tiết trong bài.	- HS trả lời: Chi tiết cho thấy Ê-đi-xơn rất lo cho mẹ là cậu chạy đi mời bác sĩ; khẩn khoản nói "Xin bác sĩ cứu mẹ cháu!"; thương mẹ nên ôm đầu suy nghĩ; nét mặt rạng rỡ khi nghĩ ra cách giúp mẹ.
- Hoạt động 2: Tìm câu văn trong bài phù hợp với bức tranh sau. - GV cho HS quan sát tranh và tìm câu văn tương ứng. 	- HS trả lời: Câu văn phù hợp là: "Thương mẹ, Ê-đi-xơn ôm đầu suy nghĩ."
- GV kết luận: Câu chuyện ca ngợi tình yêu thương, lòng hiếu thảo và sự nhanh trí của Ê-	- HS lắng nghe và nhắc lại nội dung chính của bài.

đi-xơn; từ đó nhắc chúng ta biết quan tâm, chăm sóc người thân bằng những việc làm vừa sức.	
4. LUYỆN ĐỌC LẠI (10 phút) **Mục tiêu: HS đọc lại bài với giọng phù hợp, biết thể hiện lời nhân vật.**	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc đoạn có lời Ê-đi-xơn và lời bác sĩ; nhắc HS đọc lời Ê-đi-xơn khẩn khoản, lời bác sĩ ái ngại.	- HS luyện đọc theo nhóm 3: người kể chuyện, Ê-đi-xơn, bác sĩ.
- GV mời một số nhóm đọc phân vai trước lớp; nhận xét, tuyên dương.	- Các nhóm đọc phân vai. - HS nhận xét về giọng đọc, cách ngắt nghỉ, mức độ rõ ràng.
5. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS biết vận dụng bài học vào việc quan tâm người thân.**	
- GV yêu cầu HS nêu một việc sẽ làm khi thấy người thân mệt hoặc cần giúp đỡ; dặn HS chuẩn bị tiết Viết chữ hoa P.	- HS nêu: Em sẽ hỏi thăm, lấy nước, báo người lớn, giúp việc nhà. - HS ghi nhớ chuẩn bị tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 31: ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG
TIẾT 3: VIẾT CHỮ HOA P

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Viết đúng chữ hoa P cỡ vừa và cỡ nhỏ; nắm được quy trình viết chữ hoa P, cách nối chữ P với chữ h trong tiếng Phượng.
- Viết đúng câu ứng dụng: Phượng nở đỏ rực một góc trời; trình bày sạch, đẹp, đúng khoảng cách và dấu câu.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự quan sát mẫu chữ, điều chỉnh tư thế ngồi viết.
- Giao tiếp và hợp tác: nhận xét, góp ý chữ viết của bạn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: luyện viết cẩn thận, kiên trì.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết đúng yêu cầu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Mẫu chữ hoa P; bảng phụ viết câu ứng dụng; máy chiếu hoặc tranh chữ mẫu.

2. Học sinh

- Vở Tập viết, bảng con, phấn/bút, SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS ôn lại tư thế ngồi viết, cách cầm bút và tạo hứng thú luyện viết.**	
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Nêu 3 việc cần nhớ khi viết bài.	- HS nêu: Ngồi thẳng lưng, cầm bút đúng cách, để vở hơi nghiêng, viết nắn nót.
2. VIẾT CHỮ HOA P (15 phút) **Mục tiêu: HS quan sát, nhận xét và viết đúng chữ hoa P.**	
- Hoạt động 1: Viết chữ hoa P. - GV yêu cầu HS quan sát chữ mẫu P trong SGK và nhận xét độ cao, độ rộng, các nét của chữ. 	- HS quan sát chữ mẫu. - HS trả lời: Chữ hoa P cao 5 li, rộng khoảng 4 li; gồm nét móc ngược trái và nét cong trên tạo vòng khép kín ở phần trên.
- GV hướng dẫn quy trình viết: Đặt bút trên đường kẻ 6, viết nét móc ngược trái từ trên xuống, lượn cong ở chân nét; sau đó lia bút lên phần trên để viết nét cong tạo bụng chữ P, dừng bút gần đường kẻ 4.	- HS quan sát GV viết mẫu trên bảng, dùng ngón tay viết mô phỏng quy trình chữ P trên mặt bàn.
- GV cho HS viết chữ P vào bảng con; quan sát, sửa lỗi về độ cao, độ rộng, nét cong.	- HS viết chữ P vào bảng con 2 lần. - HS sửa lỗi theo nhận xét của GV.
3. VIẾT ỨNG DỤNG (12 phút) **Mục tiêu: HS viết đúng câu ứng dụng, biết nối chữ hoa với chữ thường, đặt dấu thanh và dấu câu đúng vị trí.**	
- Hoạt động 2: Viết ứng dụng: Phượng nở đỏ rực một góc trời. - GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng và nêu	- HS đọc: Phượng nở đỏ rực một góc trời. - HS nêu: Chữ Phượng viết hoa chữ P vì đứng đầu câu.

chữ cần viết hoa.	
- GV hướng dẫn: Trong tiếng Phượng, nối chữ P hoa với h sao cho nét nối mềm; chữ g, h cao 2,5 li; chữ t cao 1,5 li; các chữ còn lại cao 1 li; dấu nặng đặt dưới ơ trong Phượng, dấu hỏi đặt trên o trong nở, dấu sắc đặt trên o trong góc; cuối câu có dấu chấm.	- HS lắng nghe, nhắc lại: Viết hoa chữ P, đúng khoảng cách giữa các chữ, đặt dấu thanh đúng vị trí và viết dấu chấm cuối câu.
- GV cho HS viết câu ứng dụng vào vở; theo dõi, uốn nắn tư thế ngồi và cách cầm bút.	- HS viết vào vở Tập viết: Phượng nở đỏ rực một góc trời.
4. VẬN DỤNG (5 phút) **Mục tiêu: HS tự rà soát bài viết và hình thành thói quen viết cẩn thận.**	
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn, cùng kiểm tra 3 tiêu chí: đúng chữ P, đúng khoảng cách, đúng dấu câu.	- HS đổi vở, nhận xét nhẹ nhàng cho bạn và tự sửa lỗi nếu có.
- GV nhận xét, tuyên dương; dặn HS luyện thêm chữ P và chuẩn bị tiết Nói và nghe.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 31: ÁNH SÁNG CỦA YÊU THƯƠNG
TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Quan sát tranh, nói được sự việc trong từng tranh minh họa câu chuyện Ánh sáng của yêu thương.
- Sắp xếp được tranh theo đúng trình tự câu chuyện; kể lại được 1 – 2 đoạn của câu chuyện bằng lời của mình.

2. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: kể chuyện trong nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Tự chủ và tự học: mạnh dạn nói trước lớp, biết điều chỉnh lời kể.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết trân trọng tình yêu thương của con dành cho cha mẹ.
- Trách nhiệm: biết thực hiện việc làm phù hợp để giúp người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Tranh minh họa 4 sự việc của câu chuyện; máy chiếu.

2. Học sinh

- SGK, tranh hoặc câu chuyện chuẩn bị ở nhà.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS nhớ lại nội dung câu chuyện đã đọc.**	
- GV hỏi: Câu chuyện Ánh sáng của yêu thương kể về ai và việc gì?	- HS trả lời: Câu chuyện kể về cậu bé Ê-đi-xơn rất thương mẹ và nghĩ ra cách làm căn phòng sáng để bác sĩ mổ cho mẹ.
2. QUAN SÁT TRANH, NÓI VỀ SỰ VIỆC TRONG TỪNG TRANH (10 phút) **Mục tiêu: HS nói được nội dung chính của từng tranh.**	
- Hoạt động 1: Quan sát các tranh minh họa câu chuyện Ánh sáng của yêu thương, nói về sự việc trong từng tranh. - GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh trong SGK, thảo luận nhóm 4 và nêu nội dung từng tranh. 1. Quan sát các tranh minh hoạ câu chuyện *Ánh sáng của yêu thương*, nói về sự việc trong từng tranh. Ánh sáng của yêu thương 2. Sắp xếp các tranh theo trình tự của câu chuyện. 3. Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh vừa sắp xếp	- HS quan sát tranh, thảo luận nhóm 4. - HS nêu: Tranh 1: Mẹ Ê-đi-xơn bị đau, Ê-đi-xơn lo lắng. Tranh 2: Ê-đi-xơn chạy đi mời bác sĩ. Tranh 3: Bác sĩ đến khám và chuẩn bị phẫu thuật cho mẹ. Tranh 4: Ê-đi-xơn mượn gương để làm căn phòng sáng hơn.
3. SẮP XẾP TRANH THEO TRÌNH TỰ CÂU CHUYỆN (7 phút) **Mục tiêu: HS sắp xếp đúng trình tự các sự việc.**	

- Hoạt động 2: Sắp xếp các tranh theo trình tự của câu chuyện. - GV yêu cầu các nhóm dùng số thứ tự để sắp xếp tranh.	- HS thảo luận và thống nhất: Thứ tự đúng là 1 – 2 – 3 – 4.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày, yêu cầu nhóm giải thích vì sao chọn thứ tự đó.	- HS trình bày: Mẹ đau trước, Ê-đi-xơn đi mời bác sĩ, bác sĩ đến khám, sau đó Ê-đi-xơn mượn gương để giúp căn phòng đủ sáng.
4. KỂ LẠI 1 – 2 ĐOẠN CỦA CÂU CHUYỆN (12 phút) **Mục tiêu: HS kể được một phần câu chuyện bằng lời của mình, lời kể rõ ý, đúng trình tự.**	
- Hoạt động 3: Chọn kể 1 – 2 đoạn của câu chuyện theo tranh vừa sắp xếp. - GV hướng dẫn HS chọn tranh mình thích, tập kể trong nhóm đôi.	- HS chọn 1 – 2 tranh, tập kể trong nhóm đôi. - HS dùng lời kể của mình, có thể mở đầu: Hôm ấy, mẹ Ê-đi-xơn bị đau bụng dữ dội...
- GV mời một số HS kể trước lớp; nhắc HS nhìn tranh, kể đúng trình tự, giọng kể tự nhiên.	- HS kể trước lớp. - HS nhận xét bạn: kể đủ ý, rõ lời, đúng thứ tự tranh.
5. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS biết kể lại câu chuyện cho người thân và chia sẻ bài học về tình yêu thương.**	
- GV yêu cầu HS nêu bài học rút ra từ câu chuyện; dặn HS về nhà kể về cậu bé Ê-đi-xơn trong câu chuyện Ánh sáng của yêu thương cho người thân nghe.	- HS nêu: Cần yêu thương, quan tâm, chăm sóc cha mẹ và người thân. - HS ghi nhớ kể chuyện cho người thân nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 32: CHƠI CHONG CHÓNG
TIẾT 1 – 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng bài Chơi chong chóng; phát âm đúng các tiếng/từ dễ đọc sai như chong chóng, quạt máy, phụng phịu, thoang thoảng, phùng má; biết đọc bài với giọng vui tươi, nhẹ nhàng.
- Hiểu nghĩa từ cười toe; trả lời đúng câu hỏi SGK; nêu được nội dung bài: tình cảm anh em yêu thương, nhường nhịn, biết làm cho nhau vui khi chơi cùng nhau.
- Tìm được từ ngữ trong bài tả chiếc chong chóng và biết nêu cách ứng xử phù hợp nếu là nhân vật Mai.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc thầm, luyện đọc và tự sửa lỗi đọc.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm, chia sẻ câu trả lời và nhận xét bạn.
- Giải quyết vấn đề: dựa vào chi tiết trong bài để trả lời câu hỏi.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, nhường nhịn anh chị em trong gia đình.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: tích cực tham gia đọc và thảo luận.

4. Tích hợp

- Đạo đức, lối sống: Giáo dục học sinh tình cảm anh em yêu thương, đoàn kết, nhường nhịn và ứng xử đúng mực trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, máy chiếu; tranh minh họa trò chơi chong chóng; phiếu câu hỏi đọc hiểu.

2. Học sinh

- SGK, vở ghi; chuẩn bị chia sẻ về trò chơi cùng anh chị em.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 1	
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) **Mục tiêu: HS chia sẻ được trò chơi cùng anh chị em, tạo tâm thế vào bài đọc.**	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời: Em thích chơi trò chơi gì với anh chị em của mình? 	- HS quan sát tranh và trả lời: Em thích chơi kéo xe, đá bóng, chơi búp bê, xếp hình, chơi chong chóng với anh chị em.
- GV dẫn vào bài: Khi chơi cùng nhau, anh chị em cần biết nhường nhịn để ai cũng vui. Hôm nay, các em cùng đọc bài Chơi chong chóng.	- HS lắng nghe, mở SGK trang 133 và ghi tên bài.
2. ĐỌC VĂN BẢN (28 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng, trôi chảy bài đọc; hiểu từ khó và bước đầu nắm nội dung bài.**	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa bài đọc và nêu nội dung tranh.	- HS nêu: Tranh vẽ hai anh em đang cầm chong chóng chạy chơi rất vui trước sân nhà.

- a. GV đọc mẫu. - GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, nhấn giọng ở các từ ngữ tả niềm vui của An và Mai khi chơi chong chóng.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo.
- b. HS luyện đọc từng đoạn, kết hợp đọc từ khó và giải nghĩa từ. - GV hỏi: Bài đọc được chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc có thể chia làm 3 đoạn. + Đoạn 1: Từ đầu đến rất lạ. + Đoạn 2: Tiếp theo đến buồn thiu. + Đoạn 3: Phần còn lại.
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp đoạn lần 1 và nêu từ khó đọc.	- HS đọc nối tiếp đoạn. - HS nêu từ khó: chong chóng, cái cán, cánh giấy, phụng phịu, quạt máy, phùng má, cười toe.
- GV hướng dẫn đọc từ khó; hướng dẫn ngắt câu: "Mỗi chiếc chong chóng/ chỉ có một cái cán nhỏ và dài,/ một đầu gắn bốn cánh giấy mỏng,/ xinh như một bông hoa."	- HS luyện đọc từ khó và câu dài cá nhân, nhóm, đồng thanh.
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp đoạn lần 2; yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ trong SGK.	- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2. - HS nêu nghĩa: Cười toe là cười với khuôn miệng mở rộng sang hai bên, thể hiện sự vui sướng, thích thú.
- c. HS luyện đọc trong nhóm. - GV tổ chức HS đọc nhóm 3, mỗi em đọc một đoạn.	- HS luyện đọc nhóm 3, góp ý cách phát âm và ngắt nghỉ cho bạn.
- GV mời 2 nhóm thi đọc nối tiếp trước lớp; nhận xét.	- Hai nhóm thi đọc. - HS nhận xét nhóm đọc đúng, rõ, giọng vui tươi.
- d. Đọc toàn bài. - GV gọi HS đọc toàn bài.	- 1 – 2 HS đọc toàn bài. - Cả lớp theo dõi và nhận xét.
3. VẬN DỤNG (2 phút) **Mục tiêu: HS củng cố phần đọc và chuẩn bị đọc hiểu.**	
- GV dặn HS luyện đọc lại bài, chú ý các từ khó; chuẩn bị câu hỏi đọc hiểu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 2	
3. ĐỌC HIỂU (22 phút) **Mục tiêu: HS trả lời đúng câu hỏi SGK; nêu được tình cảm anh em An và Mai; biết liên hệ cách nhường nhịn khi chơi với anh chị em.**	
- Câu 1: Tìm chi tiết cho thấy An rất thích	- HS trả lời: An yêu thích những chiếc chong

chơi chong chóng. - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 và tìm chi tiết.	chóng giấy; An thích chạy thật nhanh để chong chóng không ngừng quay trong gió; chong chóng tạo ra tiếng u u rất lạ.
- Câu 2: Vì sao An luôn thắng khi thi chơi chong chóng cùng bé Mai?	- HS trả lời: Vì An chạy nhanh hơn nên chong chóng quay lâu hơn, còn Mai bé hơn nên chong chóng quay được một lúc rồi dừng lại.
- Câu 3: An nghĩ ra cách gì để bé Mai vui?	- HS trả lời: An để Mai đứng cạnh quạt máy cho chong chóng quay, còn An phùng má thổi phù phù cho chong chóng quay. Mai cười toe vì thấy gió cũng giống như anh.
- Câu 4: Qua câu chuyện, em thấy tình cảm của anh em An và Mai thế nào?	- HS trả lời: Anh em An và Mai rất yêu thương nhau; An biết nhường nhịn, nghĩ cách làm em vui; Mai yêu quý anh và vui khi chơi cùng anh.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Khi chơi cùng anh chị em hoặc bạn nhỏ hơn mình, em nên làm gì để mọi người đều vui? - Tích hợp đạo đức, lối sống: GV giáo dục HS biết yêu thương, đoàn kết và nhường nhịn trong gia đình. Khi chơi cùng anh chị em, các em không nên chỉ muốn thắng hoặc giành phần hơn cho mình; cần biết chia sẻ đồ chơi, hướng dẫn em nhỏ, chờ đến lượt, nói lời nhẹ nhàng và biết xin lỗi nếu làm bạn buồn. Cách An nghĩ ra để Mai vui là một biểu hiện đẹp của tình cảm anh em.	- HS nêu: Em sẽ chia sẻ đồ chơi, nhường em nhỏ chơi trước, không trêu chọc khi em thua, giúp em biết cách chơi. - HS liên hệ: Khi chơi với anh chị em, em sẽ biết nhường nhịn và cùng tạo niềm vui cho nhau.
- Hoạt động 1: Tìm từ ngữ trong bài đọc tả chiếc chong chóng.	- HS trả lời: Từ ngữ tả chiếc chong chóng là: cái cán nhỏ và dài, bốn cánh giấy mỏng, xinh như một bông hoa, tiếng u u rất lạ.
- Hoạt động 2: Nếu em là Mai, em sẽ nói gì với anh An sau khi chơi?	- HS trả lời theo ý riêng. Ví dụ: Em cảm ơn anh An vì đã nghĩ cách cho em vui. Em sẽ rủ anh cùng làm thêm chong chóng và chơi vui vẻ với anh.
- GV kết luận: Câu chuyện cho thấy tình cảm anh em thân thiết; người anh biết yêu thương, nhường nhịn và làm cho em vui.	- HS lắng nghe và nhắc lại nội dung bài.
4. LUYỆN ĐỌC LẠI (10 phút) **Mục tiêu: HS đọc diễn cảm đoạn văn, biết thể hiện giọng vui tươi.**	
- GV chọn đoạn cuối, hướng dẫn HS đọc giọng vui, nhấn vào các từ cười toe, thích chí, mê chong chóng.	- HS luyện đọc đoạn cuối theo nhóm đôi.
- GV tổ chức thi đọc đoạn yêu thích; nhận xét, tuyên dương.	- HS thi đọc. - Cả lớp nhận xét bạn đọc rõ, diễn cảm.
5. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS liên hệ cách ứng xử khi chơi với anh chị em.**	
- GV yêu cầu HS nêu một việc sẽ làm để chơi vui vẻ với anh chị em; dặn HS chuẩn bị tiết Nghe – viết.	- HS nêu: Em sẽ nhường em nhỏ, chia sẻ đồ chơi, không giành thắng thua. - HS ghi nhớ chuẩn bị tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 32: CHƠI CHONG CHÓNG
TIẾT 3: VIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Nghe – viết đúng đoạn văn Chơi chong chóng từ đầu đến háo hức; viết đúng chính tả, trình bày sạch đẹp.
- Làm đúng bài tập phân biệt iu/ưu; tìm được từ ngữ chỉ sự vật có tiếng chứa ăt, ăc, ât hoặc âc theo tranh.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: nghe, nhớ và viết đúng đoạn chính tả.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm đôi khi làm bài tập chính tả.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, rèn chữ giữ vở.
- Trách nhiệm: tự kiểm tra và sửa lỗi chính tả.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Bảng phụ/slide đoạn chính tả, tranh Hoạt động 2a, 2b trong SGK.

2. Học sinh

- Vở chính tả, bảng con, SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS ôn từ khó và chuẩn bị viết chính tả.**	
- GV cho HS đọc nhanh các từ: chong chóng, cánh giấy, bông hoa, háo hức.	- HS đọc cá nhân, đồng thanh các từ và chú ý cách viết.
2. NGHE – VIẾT (17 phút) **Mục tiêu: HS nghe và viết đúng đoạn Chơi chong chóng từ đầu đến háo hức.**	
- Hoạt động 1: Nghe – viết: Chơi chong chóng (từ đầu đến háo hức). - GV đọc đoạn chính tả một lần, yêu cầu HS theo dõi trong SGK.	- HS theo dõi đoạn viết trong SGK và lắng nghe GV đọc mẫu.
- GV hỏi: Đoạn viết nói về điều gì? Những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Đoạn viết tả những chiếc chong chóng giấy mà An yêu thích. Chữ đầu câu và tên riêng An phải viết hoa.
- GV hướng dẫn viết từ khó: chong chóng, cánh giấy, bông hoa, háo hức; nhắc HS viết dấu thanh đúng vị trí.	- HS viết từ khó vào bảng con: chong chóng, cánh giấy, bông hoa, háo hức.
- GV đọc từng cụm từ cho HS viết; đọc lại toàn đoạn cho HS soát lỗi.	- HS nghe – viết vào vở, sau đó soát lỗi bằng bút chì.
- GV thu một số vở nhận xét nhanh; tuyên dương HS viết đúng, trình bày sạch.	- HS lắng nghe nhận xét và tự sửa lỗi nếu có.
3. LUYỆN TẬP CHÍNH TẢ (13 phút) **Mục tiêu: HS phân biệt được iu/ưu và tìm từ có tiếng chứa ăt, ăc, ât hoặc âc.**	
- Hoạt động 2: Chọn a hoặc b. **- a. Chọn iu hoặc ưu thay cho ô vuông.** - GV yêu cầu HS đọc đề, làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm đôi.	- HS đọc đề và làm bài. - HS nêu đáp án: sưu tầm, phụng phịu, dịu dàng, tựu trường.

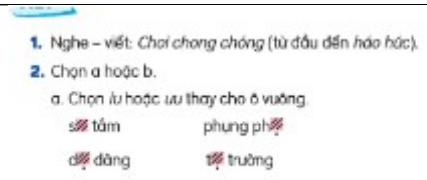	
- GV nhận xét và yêu cầu HS đọc lại các từ đã hoàn thành.	- HS đọc lại: sưu tầm, phụng phịu, dịu dàng, tựu trường.
- b. Tìm từ ngữ chỉ sự vật có tiếng chứa ăt, ăc, ât hoặc âc. - GV yêu cầu HS quan sát tranh và gọi tên sự vật. 	- HS quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi. - HS nêu: lật đật, mắc áo, bậc thang, mặt nạ.
- GV kết luận: Khi viết các tiếng có iu/ưu, ăt/ăc, ât/âc, các em cần nghe kĩ âm và soát lại chữ viết.	- HS lắng nghe và ghi nhớ cách phân biệt.
4. VẬN DỤNG (2 phút) **Mục tiêu: HS củng cố kiến thức chính tả.**	
- GV dặn HS tìm thêm 2 từ có vần ưu và 2 từ có vần iu; chuẩn bị tiết Luyện tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 32: CHƠI CHONG CHÓNG
TIẾT 4: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Tìm được từ ngữ về tình cảm gia đình.
- Nhận biết được những câu nói về tình cảm anh chị em; đặt đúng dấu phẩy trong đoạn văn.

2. Năng lực chung

- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, chia sẻ từ ngữ, câu trả lời.
- Giải quyết vấn đề: chọn đúng câu tục ngữ, đặt dấu phẩy đúng vị trí.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu thương ông bà, cha mẹ, anh chị em; biết giữ gìn tình cảm gia đình.
- Chăm chỉ: tích cực luyện tập dùng từ, đặt dấu phẩy.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, bảng phụ ghi bài tập luyện tập; phiếu nhóm.

2. Học sinh

- SGK, vở bài tập, bút.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS nhớ lại nội dung bài Chơi chong chóng và dẫn vào luyện tập.**	
- GV hỏi: Bài Chơi chong chóng nhắc em nhớ đến tình cảm nào trong gia đình?	- HS trả lời: Bài nhắc đến tình cảm anh em yêu thương, nhường nhịn nhau.
2. MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH (8 phút) **Mục tiêu: HS tìm được các từ ngữ về tình cảm gia đình.**	
- Hoạt động 1: Tìm từ ngữ về tình cảm gia đình. - GV cho HS đọc yêu cầu, nêu mẫu: mẹ cha; sau đó làm việc nhóm 4. 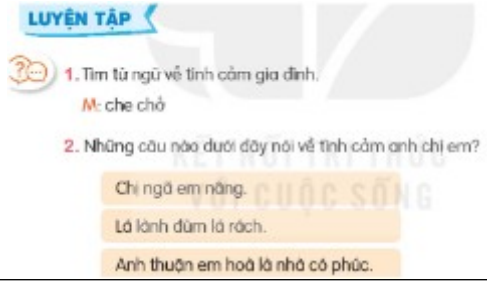 LUYỆN TẬP 1. Tìm từ ngữ về tình cảm gia đình. M: che chở 2. Những câu nào dưới đây nói về tình cảm anh chị em? Chị ngã em nâng. Lá lành đùm lá rách. Anh thuận em hoà là nhà có phúc.	- HS đọc yêu cầu, thảo luận nhóm 4. - HS tìm từ: ông bà, bố mẹ, anh chị em, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, kính trọng, nhường nhịn, giúp đỡ, đùm bọc, hòa thuận.
- GV gọi các nhóm trình bày; nhận xét, bổ sung từ phù hợp.	- Đại diện nhóm trình bày; HS khác bổ sung thêm từ ngữ.
3. NHẬN BIẾT CÂU NÓI VỀ TÌNH CẢM ANH CHỊ EM (9 phút) **Mục tiêu: HS nhận biết các câu tục ngữ, thành ngữ nói về tình cảm anh chị em.**	
- Hoạt động 2: Những câu nào dưới đây nói về tình cảm anh chị em? - GV yêu cầu HS đọc các câu trong SGK và làm việc nhóm đôi.	- HS đọc các câu và trao đổi nhóm đôi. - HS chọn: Chị ngã em nâng; Anh thuận em hòa là nhà có phúc; Anh em như thể chân tay; Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.
- GV hỏi: Vì sao câu "Lá lành đùm lá rách" không phải là câu nói riêng về tình cảm anh chị em?	- HS trả lời: Vì câu này nói chung về sự giúp đỡ người khó khăn, không nói riêng về anh chị em trong gia đình.
4. LUYỆN TẬP DẤU PHẨY (12 phút)	

Mục tiêu: HS biết đặt dấu phẩy đúng vị trí trong đoạn văn.	
- Hoạt động 3: Cần đặt dấu phẩy vào vị trí nào trong các đoạn văn sau? - GV yêu cầu HS đọc đoạn a, làm cá nhân rồi trình bày. 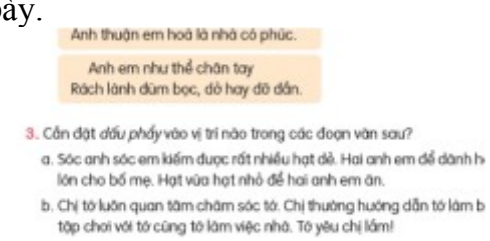 Anh thuận em hoà là nhà có phúc. Anh em như thể chân tay Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần. 3. Cần đặt *dấu phẩy* vào vị trí nào trong các đoạn văn sau? a. Sóc anh sóc em kiếm được rất nhiều hạt dẻ. Hai anh em để dành h lớn cho bố mẹ. Hạt vừa hạt nhỏ để hai anh em ăn. b. Chị tớ luôn quan tâm chăm sóc tớ. Chị thường hướng dẫn tớ làm b tập chơi với tớ cùng tớ làm việc nhà. Tớ yêu chị lắm!	- HS làm bài và trình bày: Sóc anh, sóc em kiếm được rất nhiều hạt dẻ. Hai anh em để dành hạt lớn cho bố mẹ. Hạt vừa, hạt nhỏ để hai anh em ăn.
- GV yêu cầu HS đọc đoạn b, thảo luận nhóm đôi và đặt dấu phẩy.	- HS trình bày: Chị tớ luôn quan tâm, chăm sóc tớ. Chị thường hướng dẫn tớ làm bài tập, chơi với tớ, cùng tớ làm việc nhà. Tớ yêu chị lắm!
- GV kết luận: Dấu phẩy giúp tách các từ ngữ cùng chức năng trong câu, giúp câu văn rõ ý và dễ đọc hơn.	- HS lắng nghe, đọc lại câu đã đặt đúng dấu phẩy.
5. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS vận dụng từ ngữ về tình cảm gia đình vào giao tiếp.**	
- GV yêu cầu HS đặt 1 câu có từ ngữ về tình cảm gia đình; dặn HS chuẩn bị tiết Viết tin nhắn.	- HS đặt câu. Ví dụ: Anh em trong nhà cần yêu thương và giúp đỡ nhau. - HS ghi nhớ chuẩn bị tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 32: CHƠI CHONG CHÓNG
TIẾT 5: VIẾT TIN NHẮN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Đọc hiểu tin nhắn của sóc con và trả lời đúng các câu hỏi trong SGK.
- Viết được tin nhắn ngắn gọn, rõ người nhận, rõ nội dung, lời lẽ lễ phép để bố mẹ yên tâm.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự lập ý và viết tin nhắn phù hợp tình huống.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, nhận xét tin nhắn của bạn.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: biết báo cho người thân khi có việc cần thông báo.
- Nhân ái: biết quan tâm để người thân yên tâm, không lo lắng.

4. Tích hợp

- Tích hợp năng lực số 2.3.CB1a: Giao tiếp, hợp tác trong môi trường số bằng hình thức đơn giản, phù hợp; HS biết tin nhắn là một hình thức giao tiếp số cần viết ngắn gọn, lịch sự, rõ người nhận và nội dung.
- Tích hợp năng lực số 4.2.CB1a: Nhận biết cách bảo vệ thông tin cá nhân khi giao tiếp trong môi trường số; HS biết không gửi địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh riêng tư cho người lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, tranh tin nhắn của sóc con, phiếu viết tin nhắn; bảng tiêu chí nhận xét tin nhắn.

2. Học sinh

- SGK, vở, bút.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS nhận biết tình huống cần viết tin nhắn.**	
- GV hỏi: Khi bố mẹ đi vắng mà em cần báo một việc quan trọng, em có thể làm gì?	- HS trả lời: Em có thể nhờ người lớn gọi điện, viết giấy nhắn hoặc viết tin nhắn cho bố mẹ.
2. ĐỌC TIN NHẮN VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI (12 phút) **Mục tiêu: HS hiểu nội dung tin nhắn, xác định người nhận, nội dung và lí do viết tin nhắn.**	
- Hoạt động 1: Quan sát tranh, đọc tin nhắn của sóc con và trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc thầm tin nhắn. 	- HS quan sát tranh và đọc thầm tin nhắn của sóc con gửi mẹ.
- a. Sóc con nhắn tin cho ai?	- HS trả lời: Sóc con nhắn tin cho mẹ.
- b. Sóc nhắn điều gì cho mẹ?	- HS trả lời: Sóc nhắn rằng chiều nay bà đón sóc sang nhà bà chơi, sóc ăn ở nhà bà và tối sẽ về.
- c. Vì sao sóc phải nhắn tin?	- HS trả lời: Sóc phải nhắn tin để mẹ biết sóc đang ở đâu, làm gì và yên tâm không lo lắng.

- GV kết luận: Tin nhắn cần có người nhận, nội dung chính và lời lẽ lễ phép, rõ ràng.	- HS lắng nghe và nhắc lại đặc điểm của tin nhắn.
3. VIẾT TIN NHẮN (17 phút) **Mục tiêu: HS viết được tin nhắn phù hợp tình huống; biết giao tiếp số lịch sự, an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân.**	
- Hoạt động 2: Viết tin nhắn cho người thân. - GV đọc tình huống: Ông qua nhà đưa em đi mua sách. Lúc đó, bố mẹ đi vắng. Em hãy viết tin nhắn cho bố mẹ yên tâm.	- HS lắng nghe tình huống và xác định: Người nhận là bố mẹ; nội dung là em đi mua sách cùng ông; mục đích là để bố mẹ yên tâm.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Khi viết tin nhắn bằng điện thoại hoặc trên ứng dụng nhắn tin, em cần viết như thế nào để người nhận hiểu đúng? - Tích hợp năng lực số 2.3.CB1a: GV hướng dẫn HS hiểu tin nhắn điện tử là một hình thức giao tiếp số đơn giản. Tin nhắn cần ngắn gọn, rõ người nhận, rõ nội dung, lễ phép và phù hợp với người thân. Khi nhắn cho bố mẹ, HS cần nêu mình đi đâu, đi với ai, khoảng thời gian dự kiến về, lời nhắn để bố mẹ yên tâm; không viết đùa cợt, không dùng từ khó hiểu hoặc gửi tin nhắn khi chưa kiểm tra nội dung.	- HS trả lời: Em cần viết rõ bố mẹ ơi, em đi mua sách cùng ông, em sẽ về sau khi mua xong, bố mẹ đừng lo. - HS nêu tiêu chí tin nhắn: ngắn gọn, rõ ý, lễ phép, đúng người nhận.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Khi nhắn tin, em có nên gửi số điện thoại, địa chỉ nhà hoặc hình ảnh riêng tư cho người lạ không? Vì sao? - Tích hợp năng lực số 4.2.CB1a: GV nhấn mạnh HS chỉ nhắn tin với người thân hoặc người lớn tin cậy theo sự cho phép của gia đình; không trả lời tin nhắn lạ hỏi địa chỉ, số điện thoại, trường lớp, hình ảnh cá nhân; nếu nhận tin nhắn lạ cần báo ngay cho bố mẹ hoặc thầy cô. Trong bài viết hôm nay, HS chỉ ghi thông tin cần thiết để bố mẹ yên tâm, không ghi chi tiết riêng tư không cần thiết.	- HS trả lời: Không nên gửi thông tin riêng tư cho người lạ vì có thể không an toàn. Nếu có tin nhắn lạ, em báo ngay cho bố mẹ hoặc thầy cô. - HS ghi nhớ nguyên tắc an toàn khi giao tiếp bằng tin nhắn.
- GV yêu cầu HS viết tin nhắn vào vở theo gợi ý: lời gọi, nội dung chính, lời nhắn để bố mẹ yên tâm, chữ kí hoặc tên của em.	- HS viết tin nhắn. Ví dụ: "Bố mẹ ơi! Ông sang nhà đón con đi mua sách. Con đi cùng ông và sẽ về nhà sau khi mua xong. Bố mẹ đừng lo nhé! Con của bố mẹ."
- GV mời HS đọc tin nhắn; cả lớp nhận xét theo tiêu chí: đúng tình huống, rõ ý, lễ phép, an toàn.	- HS đọc tin nhắn của mình. - HS nhận xét: Tin nhắn đã rõ người nhận, rõ nội dung, lời lẽ lễ phép và không có thông tin riêng tư không cần thiết.
4. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS vận dụng cách viết tin nhắn vào cuộc sống.**	
- GV dặn HS khi cần nhắn cho người thân phải viết rõ ràng, lễ phép, an toàn; chuẩn bị tiết Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 17
CHỦ ĐỀ 4: MÁI ẤM GIA ĐÌNH
BÀI 32: CHƠI CHONG CHÓNG
TIẾT 6: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Tìm đọc được một bài thơ hoặc câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình như nấu ăn, thăm họ hàng, đi du lịch.
- Kể lại được câu chuyện hoặc đọc một đoạn thơ cho bạn nghe; chia sẻ điều thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động tìm đọc văn bản phù hợp.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ nội dung đọc trong nhóm và trước lớp.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: yêu quý gia đình, trân trọng những sinh hoạt chung của gia đình.
- Chăm chỉ: hình thành thói quen đọc sách.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Một số sách, truyện, bài thơ về gia đình; phiếu chia sẻ đọc mở rộng.

2. Học sinh

- Sách/truyện/bài thơ đã tìm đọc; SGK, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS tạo hứng thú đọc mở rộng về chủ đề gia đình.**	
- GV hỏi: Gia đình em thường có những sinh hoạt chung nào?	- HS trả lời: Gia đình em cùng nấu ăn, ăn cơm, đi thăm ông bà, đi chơi, dọn dẹp nhà cửa, đọc sách.
2. TÌM ĐỌC BÀI THƠ, CÂU CHUYỆN VỀ SINH HOẠT CHUNG CỦA GIA ĐÌNH (12 phút) **Mục tiêu: HS biết chọn văn bản đúng chủ đề và ghi nhớ thông tin chính.**	
- Hoạt động 1: Tìm đọc một bài thơ, câu chuyện kể về sinh hoạt chung của gia đình (nấu ăn, thăm họ hàng, đi du lịch,...). Khi đọc, chú ý những điều sau: Câu chuyện, bài thơ nói về sinh hoạt chung nào của gia đình? Chi tiết nào em thích? 	- HS đọc yêu cầu trong SGK. - HS chọn bài thơ/câu chuyện đã chuẩn bị hoặc đọc sách GV cung cấp; ghi nhớ tên bài, sinh hoạt chung của gia đình và chi tiết mình thích.
- GV hướng dẫn HS ghi phiếu đọc: Tên bài; tác giả nếu có; sinh hoạt chung trong bài; chi tiết em thích.	- HS hoàn thành phiếu đọc ngắn theo gợi ý.
3. CHIA SẺ NỘI DUNG ĐÃ ĐỌC (17 phút) **Mục tiêu: HS kể lại hoặc đọc được một đoạn thơ/câu chuyện; chia sẻ cảm nhận rõ ràng.**	
- Hoạt động 2: Kể lại câu chuyện hoặc đọc	- HS làm việc nhóm 4: lần lượt kể lại câu

một đoạn thơ cho các bạn nghe. Chia sẻ điều em thấy thú vị nhất trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc.	chuyện hoặc đọc đoạn thơ; nêu điều thú vị nhất.
- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp; nhắc HS nói rõ tên bài, nội dung và điều em thích.	- HS chia sẻ trước lớp. Ví dụ: Em đọc câu chuyện về gia đình cùng nấu ăn. Em thích chi tiết cả nhà cùng chuẩn bị bữa tối vì mọi người biết giúp đỡ nhau.
- GV nhận xét, tuyên dương HS đọc rõ, kể mạch lạc, biết chia sẻ cảm xúc.	- HS lắng nghe, học tập cách chia sẻ của bạn.
4. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS duy trì thói quen đọc và chia sẻ với người thân.**	
- GV dặn HS tiếp tục tìm đọc truyện, thơ về gia đình; về nhà kể lại cho người thân nghe điều em thích nhất trong bài đọc.	- HS ghi nhớ: tiếp tục đọc sách và chia sẻ với người thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 18
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1
PHẦN I – ÔN TẬP
TIẾT 1 – 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng, rõ ràng các bài đọc đã học; tốc độ đọc khoảng 60 – 65 tiếng/phút; biết ngắt hơi ở dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ.
- Nhìn tranh, nhớ và nói đúng tên các bài đọc đã học; nêu được chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài đọc em thích.
- Tìm được từ ngữ chỉ sự vật theo mẫu: từ chỉ người, từ chỉ vật dựa vào tranh và vốn từ đã học.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động ôn lại bài đọc, chuẩn bị nội dung chia sẻ.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, lắng nghe và nhận xét bạn đọc, bạn trình bày.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn đúng từ ngữ theo nhóm và trình bày ý kiến rõ ràng.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực ôn tập, luyện đọc, hoàn thành nhiệm vụ.
- Nhân ái: biết yêu quý con người, cảnh vật, con vật trong các bài đọc đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK Tiếng Việt 2 tập một, máy tính, máy chiếu; tranh bài tập 1, bảng mẫu bài tập 2; phiếu bốc thăm tên bài đọc.

2. Học sinh

- SGK, vở bài tập, vở ghi, bút.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 1	
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: Tạo không khí ôn tập vui vẻ; HS nhớ lại các chủ điểm và bài đọc đã học.**	
- GV tổ chức trò chơi "Chuyền bóng": HS vừa chuyền bóng vừa hát; khi nhạc dừng, bạn cầm bóng nêu tên một bài đọc đã học trong học kì I. - GV nhận xét, kết nối: Hôm nay lớp mình ôn	- HS tham gia trò chơi. - HS nêu tên bài đọc đã học như: Gọi bạn, Tớ nhớ cậu, Nhím nâu kết bạn, Thả diều, Thương ông.

tập và đánh giá cuối học kì I.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. LUYỆN ĐỌC VÀ NHẬN DIỆN BÀI ĐỌC (27 phút) **Mục tiêu: HS nhìn tranh, nói đúng tên bài đọc; đọc thành tiếng bài đọc đã bốc thăm với tốc độ phù hợp.**	
- Bài tập 1: Nhìn tranh, nói tên các bài đã học. - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK, thảo luận nhóm đôi và nối tên bài đọc với tranh tương ứng. 	- HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi. - HS nêu đáp án: 1. Cánh cửa nhớ bà; 2. Nhím nâu kết bạn; 3. Gọi bạn; 4. Thả diều; 5. Thương ông; 6. Tớ nhớ cậu; 7. Chữ A và những người bạn; 8. Sự tích hoa tỉ muội.
- GV tổ chức bốc thăm đọc: mỗi HS bốc thăm một bài trong danh sách: a. Gọi bạn; b. Tớ nhớ cậu; c. Chữ A và những người bạn; d. Nhím nâu kết bạn; e. Thả diều; g. Sự tích hoa tỉ muội; h. Cánh cửa nhớ bà; i. Thương ông. - GV cho HS chuẩn bị 2 phút, sau đó đọc một đoạn và trả lời một câu hỏi ngắn về nội dung.	- HS bốc thăm, đọc nhẩm bài trong 2 phút. - HS đọc bài đã bốc thăm, trả lời câu hỏi của GV theo nội dung bài. - HS khác lắng nghe, nhận xét bạn đọc đúng tiếng, ngắt nghỉ phù hợp, giọng đọc rõ ràng.
- GV nhận xét theo các tiêu chí: đọc đúng tiếng, đúng từ; nghỉ hơi đúng; giọng đọc phù hợp; đạt tốc độ khoảng 60 – 65 tiếng/phút.	- HS lắng nghe nhận xét, tự điều chỉnh cách đọc.
3. VẬN DỤNG (5 phút) **Mục tiêu: HS củng cố tên các bài đọc và chuẩn bị tiết ôn tập tiếp theo.**	
- GV yêu cầu HS nói tên một bài đọc em muốn đọc lại ở nhà và lí do. - GV dặn HS chuẩn bị bài tập 2, 3.	- HS nêu: Em muốn đọc lại bài Thương ông vì bài nói về tình yêu thương ông cháu. - HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 2	
4. LUYỆN TẬP TỪ NGỮ (18 phút) **Mục tiêu: HS tìm được từ chỉ sự vật dựa vào tranh ở bài tập 1; phân biệt từ chỉ người và từ chỉ vật.**	
- Bài tập 2: Dựa vào các tranh vẽ ở bài tập 1, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo mẫu dưới đây. - GV yêu cầu HS đọc đề, quan sát bảng mẫu và nêu yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu. - HS nêu: Cần tìm từ chỉ sự vật, gồm từ chỉ người và từ chỉ vật, dựa vào các tranh ở bài tập 1.

 2. Dựa vào các tranh vẽ ở bài tập 1, tìm từ ngữ chỉ sự vật theo mẫu dư 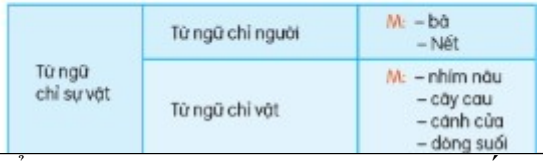 	
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, ghi kết quả vào phiếu học tập: Từ ngữ chỉ người; Từ ngữ chỉ vật.	- HS thảo luận nhóm 4 và ghi kết quả. - Từ ngữ chỉ người: bà, Nết, nhím nâu, bạn nhỏ, cậu bé, ông, anh em. - Từ ngữ chỉ vật: cây cau, cánh cửa, dòng suối, quyển sách, chiếc diều, bông hoa, chữ A.
- GV mời đại diện nhóm trình bày; nhận xét, chốt: Từ chỉ người, con vật, đồ vật, cây cối đều là từ chỉ sự vật.	- Đại diện nhóm trình bày. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS nhắc lại: Từ chỉ người, con vật, đồ vật, cây cối đều là từ chỉ sự vật.
5. CHIA SẺ BÀI ĐỌC YÊU THÍCH (14 phút) **Mục tiêu: HS đọc lại một bài đọc yêu thích, nêu được chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh khiến em nhớ nhất.**	
- Bài tập 3: Đọc lại một bài đọc em thích, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài khiến em nhớ nhất. - GV cho HS quan sát tranh gợi ý, đọc lời thoại trong tranh. 3. Đọc lại một bài đọc em thích, nêu chi tiết, nhân vật hoặc hình ảnh trong bài khiến em nhớ nhất. 	- HS đọc yêu cầu và lời thoại trong tranh. - HS hiểu nhiệm vụ: chọn một bài đọc yêu thích, nêu điều em nhớ nhất.
- GV tổ chức HS chia sẻ nhóm đôi: Em thích bài nào? Em nhớ nhất nhân vật, chi tiết hoặc hình ảnh nào? Vì sao?	- HS chia sẻ theo nhóm đôi. - Ví dụ: Em thích bài Nhím nâu kết bạn. Em nhớ nhất chi tiết nhím nâu và nhím trắng trở thành bạn vì chi tiết đó nói về tình bạn đẹp.
- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp; nhận xét, động viên HS nói rõ ý, tự tin.	- HS trình bày trước lớp. - HS khác nhận xét: bạn nói rõ tên bài, nêu được chi tiết hoặc nhân vật yêu thích.
6. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS tự đặt kế hoạch ôn đọc ở nhà.**	
- GV dặn HS đọc lại một bài em còn đọc chậm; chuẩn bị tiết 3 – 4.	- HS ghi nhớ: về nhà luyện đọc bài còn đọc chậm và chuẩn bị bài tiếp theo.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

- Chưa có điều chỉnh.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 18
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1
PHẦN I – ÔN TẬP
TIẾT 3 – 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Đọc đúng lời nhân vật, hiểu nội dung lời giới thiệu của chim hải âu.
- Biết trao đổi ý kiến về tình huống giao tiếp; biết nói lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp.
- Thực hành luyện nói theo hai tình huống trong SGK, thể hiện thái độ tự tin, thân thiện.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị nội dung nói, chủ động tham gia thực hành.
- Giao tiếp và hợp tác: đóng vai, trao đổi nhóm, biết lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: chọn cách chào hỏi, tự giới thiệu phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: biết sử dụng lời nói phù hợp, lịch sự trong giao tiếp.
- Nhân ái: thể hiện thái độ thân thiện với bạn mới, người xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, máy chiếu; tranh bài tập 4, 5; thẻ tình huống đóng vai.

2. Học sinh

- SGK, vở ghi; chuẩn bị lời tự giới thiệu ngắn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 3	
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS tạo tâm thế vui vẻ, sẵn sàng thực hành giao tiếp.**	
- GV tổ chức HS hát bài "Chim vành khuyên"; yêu cầu HS nhắc lại một lời chào lễ phép trong bài hát.	- HS hát, vận động nhẹ. - HS nêu: Chào cô, chào thầy, chào bạn, chào người lớn tuổi.
2. ĐỌC LỜI CHIM HẢI ÂU VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI (17 phút) **Mục tiêu: HS đọc đúng lời nhân vật; trả lời được chim hải âu nói với ai, trong tình huống nào.**	
- Bài tập 4: Đọc lời của chim hải âu và trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc lời của chim hải âu. 	- HS quan sát tranh và đọc lời chim hải âu: "Xin chào các bạn! Mọi người gọi tớ là hải âu vui tính. Tớ sống ở biển. Tớ thích bay lượn, ca hát, đùa giỡn với sóng biển."
- GV hỏi: Theo em, chim hải âu nói những câu trên với ai, trong tình huống nào?	- HS trả lời: Chim hải âu nói với các loài chim khác hoặc những người bạn mới trong tình huống gặp gỡ, làm quen, tự giới thiệu về mình.
- GV tổ chức HS đọc phân vai theo nhóm 4: một bạn đóng vai chim hải âu, các bạn còn lại đóng vai những người bạn mới.	- HS thảo luận, phân vai và luyện đọc lời giới thiệu của chim hải âu. - 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp.
3. THỰC HÀNH LUYỆN NÓI THEO TÌNH HUỐNG 1 (12 phút) **Mục tiêu: HS biết nói lời chào và tự giới thiệu khi chuyển lớp hoặc chuyển trường.**	
- Bài tập 5: Thực hành luyện nói theo tình huống. **- a. Tình huống 1: Nếu em chuyển lớp hoặc chuyển trường, em sẽ giới thiệu về mình như thế nào với các bạn trong lớp mới?** - GV yêu cầu HS đọc tình huống, thảo luận nhóm 4 và chuẩn bị lời giới thiệu.	- HS đọc tình huống. - HS thảo luận nhóm 4. - Ví dụ: Chào các bạn! Mình tên là Minh. Mình mới chuyển đến lớp mình. Mình thích đọc truyện và đá bóng. Mong các bạn giúp đỡ mình nhé.

 – Theo em, chim hải âu nói những câu trên với ai, trong tình huống nào? – Đóng vai một loài chim khác, đáp lời hải âu. **5.** Thực hành luyện nói theo tình huống. a. Tình huống 1: Nếu em chuyển lớp hoặc chuyển trường, em sẽ giới thiệu về mình như thế nào với các bạn trong lớp mới? b. Tình huống 2: Lớp em có một bạn ở trường khác chuyển đến. Em sẽ nói	
- GV mời HS thực hành nói trước lớp; nhận xét: lời chào, tên, sở thích, mong muốn làm quen, thái độ tự tin.	- HS trình bày lời tự giới thiệu. - HS khác nhận xét: bạn đã chào, nêu tên, nói sở thích và nói lời mong muốn làm quen.
4. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS ghi nhớ cách tự giới thiệu ngắn gọn, lịch sự.**	
- GV chốt: Khi tự giới thiệu, cần chào hỏi, nói tên, nêu thông tin phù hợp và thể hiện thái độ thân thiện.	- HS nhắc lại: chào hỏi, nói tên, nêu thông tin phù hợp, nói lời thân thiện.
TIẾT 4	
1. KHỞI ĐỘNG (2 phút) **Mục tiêu: HS ôn lại cách chào hỏi, tự giới thiệu.**	
- GV yêu cầu 2 HS đứng dậy chào và giới thiệu tên thật ngắn gọn.	- HS thực hiện: Em chào cô và các bạn. Em tên là… Em rất vui được học cùng các bạn.
2. THỰC HÀNH LUYỆN NÓI THEO TÌNH HUỐNG 2 (18 phút) **Mục tiêu: HS biết nói lời chào, lời tự giới thiệu khi đón bạn mới chuyển đến lớp.**	
- b. Tình huống 2: Lớp em có một bạn ở trường khác chuyển đến. Em sẽ nói gì với bạn để thể hiện sự thân thiện? - GV yêu cầu HS đọc tình huống, trao đổi nhóm 4 và chọn cách nói phù hợp.	- HS đọc tình huống, trao đổi nhóm 4. - HS nêu: Chào bạn! Mình là Lan, học cùng lớp với bạn. Rất vui được làm quen với bạn. Nếu bạn cần, mình sẽ chỉ cho bạn chỗ ngồi và giới thiệu các bạn trong lớp.
- GV tổ chức HS đóng vai: một bạn mới chuyển đến, một bạn đón bạn mới, các bạn còn lại nhận xét.	- HS đóng vai theo nhóm. - HS nhận xét: lời nói thân thiện, nét mặt vui vẻ, biết giúp bạn mới hòa nhập.
3. LUYỆN NÓI MỞ RỘNG (12 phút) **Mục tiêu: HS vận dụng lời chào, lời tự giới thiệu trong các tình huống quen thuộc.**	
- GV nêu thêm tình huống: Em gặp một người bạn trong câu lạc bộ đọc sách, em sẽ làm quen như thế nào? - GV nhắc HS không nói thông tin riêng tư như địa chỉ nhà, số điện thoại khi chưa có sự hướng dẫn của người lớn.	- HS nêu lời làm quen. Ví dụ: Chào bạn! Mình tên là An. Mình cũng thích đọc truyện thiếu nhi. Mình rất vui được làm quen với bạn. - HS ghi nhớ không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại tùy tiện.
- GV kết luận: Lời chào và lời tự giới thiệu giúp chúng ta tạo thiện cảm, làm quen với bạn mới và giao tiếp lịch sự.	- HS lắng nghe và nhắc lại nội dung cần ghi nhớ.
4. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS tự rèn lời chào, lời tự giới thiệu ở nhà.**	
- GV dặn HS về nhà tập tự giới thiệu ngắn gọn với người thân; chuẩn bị tiết 5 – 6.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

- Chưa có điều chỉnh.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 18
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

PHẦN I – ÔN TẬP
TIẾT 5 – 6

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Tìm được từ ngữ chỉ người, chỉ vật, chỉ hoạt động dựa vào tranh.
- Nói được 2 – 3 câu về một nhân vật trong tranh theo gợi ý.
- Bước đầu biết sử dụng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than phù hợp trong câu.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động quan sát tranh, tìm từ, viết câu.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi cặp đôi, nhóm 4, trình bày ý kiến rõ ràng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn dấu câu, từ ngữ phù hợp ngữ cảnh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập từ và câu.
- Trách nhiệm: có ý thức nói, viết đúng câu, đúng dấu câu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, máy chiếu; tranh bài tập 6, 7, 8; bảng phụ dấu câu.

2. Học sinh

- SGK, vở bài tập, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 5	
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS nhớ lại các nhóm từ: chỉ người, chỉ vật, chỉ hoạt động.**	
- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn": GV nêu từ, HS giơ thẻ nhóm từ tương ứng: người, vật, hoạt động.	- HS tham gia trò chơi. - Ví dụ: "bác sĩ" là từ chỉ người; "đèn lồng" là từ chỉ vật; "mua" là từ chỉ hoạt động.
2. TÌM TỪ NGỮ THEO TRANH (20 phút) **Mục tiêu: HS tìm được từ chỉ người, chỉ vật, chỉ hoạt động trong tranh.**	
- Bài tập 6: Dựa vào tranh, tìm từ ngữ: a. Chỉ người, chỉ vật; b. Chỉ hoạt động. - GV yêu cầu HS quan sát 2 tranh, nêu nội dung tranh. 6. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ: a. Chỉ người, chỉ vật b. Chỉ hoạt động 	- HS quan sát tranh. - HS nêu: Tranh 1 vẽ cảnh chợ Tết, có người đi chợ, người bán hàng, cây đào, cây quất, đèn lồng. Tranh 2 vẽ các bạn nhỏ xem bác bán tò he nặn đồ chơi.
- a. Chỉ người, chỉ vật. - GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, tìm từ chỉ người và chỉ vật.	- HS thảo luận nhóm 4. - Từ chỉ người: người bán hàng, người đi chợ, bác bán tò he, các bạn nhỏ, em bé. - Từ chỉ vật: đào, quất, đèn lồng, tò he, đồ chơi, bông hoa, cây.
- b. Chỉ hoạt động. - GV yêu cầu HS tiếp tục quan sát tranh và tìm từ chỉ hoạt động.	- HS nêu từ chỉ hoạt động: đi chợ, mua, bán, xem, nặn tò he, cầm, đứng, trò chuyện.
- GV chốt: Từ chỉ người, chỉ vật giúp gọi tên	- HS nhắc lại: Từ chỉ hoạt động trả lời câu hỏi

sự vật; từ chỉ hoạt động cho biết người hoặc vật đang làm gì.	làm gì.
3. NÓI 2 – 3 CÂU VỀ NHÂN VẬT TRONG TRANH (10 phút) **Mục tiêu: HS nói được 2 – 3 câu về nhân vật trong tranh theo gợi ý.**	
- Bài tập 7: Nói 2 – 3 câu về một nhân vật trong tranh ở mục 6. - GV đọc gợi ý: Người đó là ai? Người đó đang làm gì? Em có nhận xét gì về cử chỉ, hành động của người đó?	- HS đọc yêu cầu và gợi ý. - HS chọn một nhân vật trong tranh để nói.
- GV cho HS luyện nói nhóm đôi rồi trình bày trước lớp.	- HS luyện nói. - Ví dụ: Bác bán tò he đang nặn đồ chơi cho các bạn nhỏ xem. Đôi tay bác rất khéo léo. Em thấy bác vui vẻ và yêu nghề.
4. VẬN DỤNG (2 phút) **Mục tiêu: HS biết quan sát người xung quanh và nói câu phù hợp.**	
- GV dặn HS quan sát một người thân trong gia đình và nói 2 câu về việc người đó đang làm.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 6	
1. KHỞI ĐỘNG (2 phút) **Mục tiêu: HS ôn nhanh công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.**	
- GV nêu nhanh: Dấu nào dùng cuối câu hỏi? Dấu nào dùng cuối câu kể? Dấu nào dùng để bộc lộ cảm xúc?	- HS trả lời: Dấu chấm hỏi dùng cuối câu hỏi; dấu chấm dùng cuối câu kể; dấu chấm than dùng cuối câu cảm hoặc câu khiến.
2. LUYỆN TẬP DẤU CÂU (20 phút) **Mục tiêu: HS chọn được dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than thay cho ô vuông.**	
- Bài tập 8: Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than thay cho ô vuông. - GV yêu cầu HS đọc đoạn đối thoại, xác định câu hỏi, câu kể, câu cảm. **7.** Nói 2 – 3 câu về một nhân vật trong tranh ở mục 6. G: – Người đó là ai? – Người đó đang làm gì? – Em có nhận xét gì về cử chỉ, hành động,... của người đó? **8.** Chọn *dấu chấm, dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông. *Chị:* – Em đang viết gì đấy□ *Em:* – Em đang viết thư cho em□ *Chị:* – Hay đấy□ Trong thư nói gì□ *Em:* – Ngày mai, nhận được thư em mới biết□ (Theo *Tiếng cười học trò*)	- HS đọc yêu cầu và đoạn đối thoại. - HS xác định câu hỏi có từ để hỏi "gì", câu kể nêu sự việc, câu cảm/câu khiến có giọng nhấn mạnh.
- GV cho HS làm cá nhân, sau đó đổi vở kiểm tra nhóm đôi.	- HS làm bài. - Đáp án: Chị: Em đang viết gì đấy? Em: Em đang viết thư cho em. Chị: Hay đấy! Trong thư nói gì? Em: Ngày mai, nhận được thư em mới biết.
- GV nhận xét, yêu cầu HS đọc lại đoạn đối thoại với giọng phù hợp từng dấu câu.	- HS đọc lại đoạn đối thoại: câu hỏi lên giọng; câu cảm đọc thể hiện sự thích thú; câu kể đọc bình thường.
3. CỦNG CỐ TỪ VÀ CÂU (10 phút) **Mục tiêu: HS vận dụng từ chỉ hoạt động để đặt câu đúng dấu câu.**	
- GV yêu cầu HS chọn một từ chỉ hoạt động ở bài tập 6 và đặt câu có dấu câu phù hợp.	- HS đặt câu. Ví dụ: Bác bán hàng đang nặn tò he. Bạn nhỏ đang xem bác nặn tò he. Bạn có thích chợ Tết không?

- GV kết luận: Khi viết câu, cần viết hoa đầu câu, dùng dấu câu phù hợp ở cuối câu.	- HS lắng nghe và nhắc lại cách viết câu.
4. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS rèn thói quen kiểm tra dấu câu khi viết.**	
- GV dặn HS khi viết bài ở nhà cần tự kiểm tra đầu câu, cuối câu; chuẩn bị tiết 7 – 8.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

- Chưa có điều chỉnh.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 18
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1
PHẦN I – ÔN TẬP
TIẾT 7 – 8

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Nghe – viết đúng đoạn văn Niềm vui là gì?; trình bày sạch, rõ, đúng chính tả.
- Tìm đúng tiếng chứa iên hoặc yên thay cho ô vuông.
- Nối tiếp nhau kể lại được sự việc trong tranh theo trình tự hợp lí.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động chuẩn bị viết chính tả, tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: kể chuyện theo nhóm, lắng nghe bạn kể và góp ý.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: dựa vào tranh để sắp xếp, kể lại sự việc mạch lạc.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: rèn chữ viết cẩn thận, trình bày sạch đẹp.
- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm đến gia đình, con vật qua nội dung kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, máy chiếu; tranh bài tập 10, 11; bảng phụ đoạn nghe – viết.

2. Học sinh

- Vở ô li, bảng con, SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 7	
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) **Mục tiêu: HS chuẩn bị tâm thế nghe – viết và ôn một số tiếng khó.**	
- GV cho HS đọc nhanh các từ: niềm vui, vòng tay, trong trẻo, trời xanh.	- HS đọc cá nhân, đồng thanh và chú ý tiếng có vần iên/yên.
2. NGHE – VIẾT (20 phút) **Mục tiêu: HS nghe – viết đúng đoạn Niềm vui là gì?, biết soát và sửa lỗi.**	
- Bài tập 9: Nghe – viết: Niềm vui là gì? - GV đọc đoạn văn cho HS nghe một lần, yêu cầu HS theo dõi. 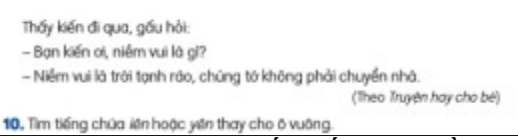 Thấy kiến đi qua, gấu hỏi: – Bạn kiến ơi, niềm vui là gì? – Niềm vui là trời tạnh ráo, chúng tớ không phải chuyển nhà. (Theo *Truyện hay cho bé*) 10. Tìm tiếng chứa iên hoặc yên thay cho ô vuông.	- HS lắng nghe và đọc thầm theo đoạn nghe – viết.
- GV hỏi: Trong đoạn viết, gấu hỏi điều gì? Sóc trả lời thế nào?	- HS trả lời: Gấu hỏi "Sóc ơi, niềm vui là gì?". Sóc trả lời niềm vui là được nằm trong vòng tay mẹ đến sao trời.
- GV hướng dẫn HS viết từ khó: niềm vui,	- HS viết từ khó vào bảng con: niềm vui, vòng

vòng tay, mẹ, sao trời, trời xanh.	tay, sao trời, trời xanh.
- GV đọc từng cụm từ cho HS viết; đọc lại toàn đoạn cho HS soát lỗi.	- HS nghe – viết vào vở. - HS đổi vở, soát lỗi bằng bút chì.
- GV nhận xét một số vở; nhắc HS sửa lỗi chính tả.	- HS lắng nghe và tự sửa lỗi nếu có.
3. LUYỆN TẬP CHÍNH TẢ (10 phút) **Mục tiêu: HS tìm đúng tiếng chứa iên hoặc yên theo tranh.**	
- Bài tập 10: Tìm tiếng chứa iên hoặc yên thay cho ô vuông. - GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc các cụm từ và làm bài cá nhân. 	- HS quan sát tranh và làm bài. - Đáp án: rộng mênh mông; xóm làng bình yên; núi có ruộng bậc thang.
- GV gọi HS đọc lại các cụm từ đã hoàn thành; nhận xét cách viết iên/yên.	- HS đọc: rộng mênh mông; xóm làng bình yên; núi có ruộng bậc thang.
4. VẬN DỤNG (2 phút) **Mục tiêu: HS ghi nhớ tiếng chứa iên/yên.**	
- GV yêu cầu HS tìm thêm một tiếng có iên hoặc yên ở nhà.	- HS nêu nhanh: biển, hiền, yên, chuyện và ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 8	
1. KHỞI ĐỘNG (2 phút) **Mục tiêu: HS nhớ lại cách kể chuyện theo tranh.**	
- GV hỏi: Khi kể chuyện theo tranh, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Cần kể đúng thứ tự tranh, nói rõ nhân vật, việc làm, thời gian, địa điểm và dùng câu rõ ý.
2. KỂ LẠI SỰ VIỆC THEO TRANH (25 phút) **Mục tiêu: HS nối tiếp nhau kể được sự việc trong từng tranh theo trình tự hợp lí.**	
- Bài tập 11: Nối tiếp câu kể lại sự việc trong tranh. - GV yêu cầu HS quan sát 4 tranh, đọc gợi ý dưới mỗi tranh. 	- HS quan sát tranh và đọc gợi ý: Sáng tinh mơ, gà mẹ…; Gà mẹ cho đàn con…; Gà mẹ dẫn con đi…; Buổi trưa, gà mẹ và đàn con…
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, mỗi bạn kể một tranh; nhóm thống nhất lời kể nối tiếp.	- HS kể trong nhóm 4. - Tranh 1: Sáng tinh mơ, gà mẹ gọi đàn con dậy. - Tranh 2: Gà mẹ cho đàn con ăn. - Tranh 3: Gà mẹ dẫn con đi kiếm mồi.

	- Tranh 4: Buổi trưa, gà mẹ và đàn con nghỉ dưới tán lá.
- GV mời 1 – 2 nhóm kể trước lớp; yêu cầu HS khác nhận xét đúng thứ tự, câu kể rõ ý.	- Các nhóm kể trước lớp. - HS nhận xét: nhóm kể đúng trình tự, câu kể rõ, giọng kể tự nhiên.
3. KỂ TOÀN BỘ CÂU CHUYỆN (6 phút) **Mục tiêu: HS kể được liền mạch câu chuyện ngắn theo tranh.**	
- GV mời một HS khá kể toàn bộ câu chuyện; hỗ trợ HS mở rộng bằng từ nối: sau đó, tiếp theo, buổi trưa.	- HS kể toàn bộ câu chuyện: Sáng tinh mơ, gà mẹ gọi đàn con dậy. Gà mẹ cho đàn con ăn. Sau đó, gà mẹ dẫn các con đi kiếm mồi. Buổi trưa, gà mẹ và đàn con nghỉ dưới tán lá.
4. VẬN DỤNG (2 phút) **Mục tiêu: HS biết kể lại một việc quen thuộc ở nhà theo trình tự.**	
- GV dặn HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện về gà mẹ và đàn con; chuẩn bị phần Đánh giá cuối học kì I.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

- Chưa có điều chỉnh.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 2 – TUẦN 18
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1
PHẦN II – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1
TIẾT 9 – 10

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS sẽ:

1. Năng lực đặc thù

- Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi theo yêu cầu; đọc hiểu văn bản thơ, văn bản truyện ngắn, trả lời đúng câu hỏi.
- Nghe – viết đúng đoạn theo yêu cầu; viết được 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường.
- Biết lựa chọn đáp án, viết câu hoàn chỉnh, dùng dấu câu phù hợp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ đánh giá.
- Giao tiếp và hợp tác: lắng nghe hướng dẫn, trình bày kết quả rõ ràng khi được yêu cầu.
- Giải quyết vấn đề: đọc kĩ đề, xác định đúng yêu cầu và hoàn thành bài làm.

3. Phẩm chất

- Trung thực: làm bài bằng năng lực của bản thân.
- Chăm chỉ, trách nhiệm: trình bày bài sạch đẹp, hoàn thành đúng thời gian.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu đánh giá/đề tham khảo, SGK, máy chiếu; đồng hồ bấm giờ.

2. Học sinh

- Bút, vở ô li/phiếu làm bài, SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
TIẾT 9	
1. ỔN ĐỊNH – HƯỚNG DẪN LÀM BÀI (3 phút) **Mục tiêu: HS nắm yêu cầu đánh giá đọc và thực hiện nghiêm túc.**	
- GV ổn định lớp, nhắc HS chuẩn bị bút, vở/phiếu.	- HS chuẩn bị đồ dùng học tập. - HS lắng nghe, thực hiện đúng yêu cầu.

- GV phổ biến yêu cầu: đọc kĩ đề, làm bài độc lập, không trao đổi trong khi làm bài.	
2. A. ĐỌC THÀNH TIẾNG VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI (12 phút) **Mục tiêu: HS đọc thành tiếng rõ ràng và trả lời được câu hỏi về nội dung đọc.**	
- A. Đọc. **- Bài tập 1: Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.** - GV gọi từng HS đọc một đoạn/bài theo phiếu; nhận xét theo tiêu chí: đọc đúng, rõ, ngắt nghỉ hợp lí, trả lời đúng câu hỏi.	- HS lần lượt đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi. - HS còn lại đọc thầm, chuẩn bị đến lượt.
3. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ, VĂN BẢN TRUYỆN (17 phút) **Mục tiêu: HS đọc hiểu Đàn mưa con và Cỏ và lúa; trả lời câu hỏi, chọn đáp án, điền dấu câu phù hợp.**	
- GV yêu cầu HS đọc thầm bài thơ Đàn mưa con và trả lời câu hỏi: a. Trong bài thơ, những giọt mưa được gọi là gì? b. Giọt mưa rơi xuống những đâu? (Đề tham khảo) **A. ĐỌC** **1.** Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi. ĐÀN MƯA CON Đám mây đen trĩu nặng / Giọt đậu vào cành khế Cúi mình xuống thấp dần / Giọt thấm xuống cánh đồng Cho đến khi rạn vỡ / Giọt bay trên mái phố Sinh ra triệu đứa con. / Nhảy dù xuống dòng sông. Đàn mưa con bé tí / Sau nhiều ngày trôi nổi Trong trẻo như giọt sương / Đi du lịch khắp nơi Vừa mới rời xa mẹ / Chúng gặp nhau ở biển Đã cần đàm xuống đường. / Làm sóng trắng trùng khơi. (Phi Tuyết Bạ a. Trong bài thơ, những giọt mưa được gọi là gì? b. Giọt mưa rơi xuống những đâu? **2.** Đọc hiểu CỎ VÀ LÚA Ngày xưa, cỏ và lúa là hai chị em ruột, dáng dấp giống hệt nhau. Khi lớn lên, mẹ cho cỏ và lúa ở riêng, mỗi người một cánh đồng. Lúa chăm chỉ hứng nắng, đón gió, tích luỹ chất màu từ đất, làm r những hạt thóc vàng. Còn cỏ, chỉ mải đùa nghịch với những giọt sươn long lanh đọng trên lá. Dần dần, cỏ ốm o gầy còm, chẳng làm ra sả phẩm gì có ích.	- HS đọc thầm bài thơ và trả lời: a. Những giọt mưa được gọi là đàn mưa con. b. Giọt mưa rơi xuống cánh khế, cánh đồng, mái phố, dòng sông, biển.
- Bài tập 2: Đọc hiểu Cỏ và lúa. - GV yêu cầu HS đọc thầm văn bản Cỏ và lúa, sau đó trả lời câu hỏi a, b, c, d, e.	- HS đọc thầm văn bản Cỏ và lúa. - HS làm bài cá nhân vào phiếu.
- GV hướng dẫn HS đối chiếu đáp án: a. Lúa và cỏ là hai chị em ruột. b. Cỏ làm ra những hạt thóc vàng; lúa ôm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì. c. Lúa làm ra sản phẩm có ích vì lúa chăm chỉ. d. Cỏ không được ưa thích vì cỏ sống dựa dẫm vào ngô, khoai, sắn,... e. Điền dấu phù hợp vào đoạn đối thoại.	- HS kiểm tra bài làm. - HS sửa lỗi nếu có, đọc lại câu đã điền dấu: "Cỏ: Chị lúa ơi, chị cho em ở lại nhà chị được không? Lúa: Ừ, em ở lại đây, chị em mình sẽ cùng nhau làm việc. Cỏ: Cảm ơn chị nhé!"

 Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu. a. Trong câu chuyện, lúa và cỏ có mối quan hệ như thế nào? Là bạn của nhau Là hai chị em ruột Là láng giềng của nhau b. Sau một thời gian ra ở riêng, cỏ và lúa khác nhau như thế nào? cỏ – ốm o gầy còm, chẳng làm ra sản phẩm gì lúa – làm ra những hạt thóc vàng; sống dựa dẫm vào ngô, khoai, sắn,... c. Vì sao lúa làm ra được sản phẩm có ích? Vì lúa chăm chỉ Vì lúa hiền lành Vì lúa ở nơi sáng sủa d. Vì sao cỏ không được ai ưa thích? e. Chọn *dấu chấm*, *dấu chấm hỏi* hoặc *dấu chấm than* thay cho ô vuông. *Cỏ:* – Chị lúa ơi, chị cho em ở lại nhà chị được không	
4. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS tự đánh giá phần đọc hiểu.**	
- GV yêu cầu HS tự rà soát: đã trả lời đủ câu chưa, đã dùng dấu câu chưa. - GV thu phiếu hoặc nhận xét nhanh.	- HS rà soát bài làm, nộp phiếu theo yêu cầu.
TIẾT 10	
1. ỔN ĐỊNH – CHUẨN BỊ VIẾT (2 phút) **Mục tiêu: HS chuẩn bị tư thế, đồ dùng để nghe – viết và viết đoạn.**	
- GV nhắc HS ngồi đúng tư thế, chuẩn bị vở, bút; giữ trật tự khi nghe viết.	- HS chuẩn bị vở, bút; ngồi ngay ngắn, giữ trật tự.
2. B. VIẾT – NGHE VIẾT (15 phút) **Mục tiêu: HS nghe – viết đúng đoạn Cỏ và lúa; trình bày sạch, rõ.**	
- B. Viết. **- Bài tập 1: Nghe – viết: Cỏ và lúa (từ Lúa chăm chỉ đến có ích).** - GV đọc đoạn viết, hướng dẫn HS viết từ khó: chăm chỉ, hạt thóc, gầy còm, sản phẩm, có ích. *Lúa:* – Ừ, em ở lại đây, chị em mình sẽ cùng nhau làm việc *Cỏ:* – Cảm ơn chị nhé B. VIẾT 1. Nghe – viết: *Cỏ và lúa* (từ *Lúa chăm chỉ* đến *có ích*). 2. Viết 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường. Gợi ý: – Việc tốt em đã làm là việc gì? – Em làm việc đó ở đâu, khi nào? – Em có suy nghĩ, cảm xúc gì sau khi làm việc đó?	- HS lắng nghe đoạn viết. - HS viết từ khó vào bảng con: chăm chỉ, hạt thóc, gầy còm, sản phẩm, có ích.
- GV đọc từng cụm từ cho HS viết; đọc lại để HS soát lỗi.	- HS nghe – viết vào vở. - HS soát lỗi, sửa lỗi bằng bút chì.
3. VIẾT 3 – 4 CÂU VỀ MỘT VIỆC LÀM TỐT (15 phút) **Mục tiêu: HS viết được 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt ở nhà hoặc ở trường theo gợi ý.**	
- Bài tập 2: Viết 3 – 4 câu kể về một việc làm tốt của em ở nhà hoặc ở trường. - GV đọc gợi ý: Việc tốt em đã làm là việc gì? Em làm việc đó ở đâu, khi nào? Em có suy nghĩ, cảm xúc gì sau khi làm việc đó?	- HS đọc yêu cầu và gợi ý. - HS xác định việc làm tốt sẽ viết: nhặt rác bỏ vào thùng, giúp mẹ quét nhà, nhường đồ chơi cho em, giúp bạn nhặt bút.
- GV yêu cầu HS viết bài vào vở; nhắc HS viết đủ 3 – 4 câu, đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm.	- HS viết bài. - Ví dụ: Hôm qua, em giúp mẹ quét nhà. Em quét từ phòng khách đến trước cửa nhà. Mẹ khen em ngoan và biết giúp đỡ gia đình. Em cảm thấy rất vui.

- GV thu bài/đọc nhanh một số bài, nhận xét ưu điểm: đúng yêu cầu, câu rõ ý, chữ viết sạch đẹp.	- HS nộp bài hoặc đọc bài theo yêu cầu. - HS lắng nghe nhận xét.
4. VẬN DỤNG (3 phút) **Mục tiêu: HS tự đánh giá kết quả ôn tập cuối học kì I.**	
- GV nhận xét tinh thần làm bài; dặn HS tiếp tục đọc sách, rèn chữ và chuẩn bị bài học sau học kì II.	- HS lắng nghe, tự đánh giá việc ôn tập của bản thân và ghi nhớ lời dặn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC (NẾU CÓ)

- Chưa có điều chỉnh.